

THÀNH ỦY, HDND, UBND THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

THÀNH NAM ĐỊA DANH VÀ GIAI THOẠI

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI - NĂM 2012**

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Trần Văn Chung - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Nam Định

Trần Đăng Hùng - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố

Phạm Đình Nghị - Tỉnh ủy viên Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

NHÓM BIÊN SOẠN

Ngô Tiến Vạnh - Cử nhân lịch sử, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Nam Định, Chủ biên:

Biên soạn:

Hoàng Dương Chương - Thạc sĩ, hội viên Hội Khoa học Lịch sử, Hội VHNT tỉnh Nam Định.

Đông Quốc Doanh - Cử nhân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Nam Định.

Đinh Đăng Định - Cử nhân lịch sử.

Phạm Đức Hoàn - Cử nhân lịch sử.

Nguyễn Hồng Mao - Cử nhân lịch sử, hội viên Hội Khoa học Lịch sử, Hội VHNT tỉnh Nam Định.

Thư ký biên soạn:

Nguyễn Thị Kiệm - Cử nhân lịch sử, hội viên Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Nam Định.

LỜI GIỚI THIỆU

Trần Văn Chung

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

Bí thư Thành uỷ Nam Định

Thành Nam, tên gọi triu mến của những người gắn bó, yêu quý thành phố Nam Định.

Nằm ở vùng châu thổ sông Hồng, thuộc tỉnh Nam Định, thành phố Nam Định đã trải qua tiến trình lịch sử lâu dài từ khởi nguồn, hình thành đến xây dựng, đấu tranh bảo vệ và phát triển cùng với Tổ quốc, dân tộc Việt Nam.

Trải hàng vạn năm hình thành, kiến tạo vùng châu thổ sông Hồng; mấy nghìn năm trước, cư dân Lạc Việt đã đến tụ hội sinh cơ lập nghiệp ở vùng cửa sông, ven biển thuộc địa bàn thành phố Nam Định ngày nay. Từ thế kỷ XIII, Vương triều Trần đã về vùng đất này xây dựng nên hành cung Thiên Trường, coi như kinh đô thứ hai và xác lập địa danh hành chính phủ Thiên Trường. Những thế kỷ tiếp theo, dưới thời Lê - Mạc, Trịnh - Nguyễn, địa danh hành chính nơi đây có những tên gọi khác nhau là lộ Thiên Trường, Sơn Nam thừa tuyên, trấn Sơn Nam... Đồng thời, vị thế của hành cung Thiên Trường tuy có phần mờ nhạt, nhưng với vị thế về kinh tế và quốc phòng của vùng Nam châu thổ Bắc Bộ, tại vùng đất cửa sông Vị Hoàng luôn có kho lương thảo, rồi có quân doanh lớn của Triều đình phong kiến Đại Việt, nên tính đô hội liên tục được duy trì, dân cư ngày một đông đúc, thương nhân hiệp thợ, phổ nghề tăng nhanh và kinh tế không ngừng phát triển.

Đặc biệt, đầu thế kỷ XIX, khi nhà Nguyễn giành quyền thống trị và thống nhất đất nước, địa danh hành chính tỉnh Nam Định được xác lập, thành cổ Vị Hoàng được xây

dựng, đổi tên là thành phố Nam Định, với kiến trúc đô thị theo hướng hiện đại, và cơ cấu kinh tế, dân cư khá đồng bộ. Đầu thế kỷ XX, Nam Định đã trở thành một trong 3 thành phố lớn của miền Bắc, được chính quyền thực dân Pháp xác nhận là đô thị loại III, cùng với 8 thành phố khác trong cả nước.

Cư dân Thiên Trường xưa và Nam Định sau này luôn có truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động, học tập, xây dựng cuộc sống và tinh thần yêu nước, đoàn kết, kiên cường, anh dũng chống ngoại xâm, bảo vệ quê hương, đất nước. Trong lịch sử chống lại ách đô hộ của các thế lực phong kiến phương Bắc, ngay những năm đầu công nguyên, nhân dân vùng Khang Kiện - Tức Mặc đã tham gia khởi nghĩa của Hai Bà Trưng chống lại quân nhà Hán xâm lược, với những võ tướng can đảm, tài ba. Rồi sau này, các cuộc kháng chiến chống quân Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh; nhân dân vùng Vị Hoàng, Thiên Trường - Sơn Nam đã liên tiếp sát cánh cùng nhân dân các dân tộc trong nước kiên cường bất khuất, dũng cảm tranh đấu tiêu diệt quân thù, giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Nổi trội nhất là thế kỷ XIII, Vương triều Trần phát tích từ quê hương Tức Mặc - Thiên Trường (nay thuộc thành phố Nam Định) đã lãnh đạo quân dân Đại Việt 3 lần đại thắng quân xâm lược Nguyên - Mông, xây dựng đất nước cường thịnh trong gần 2 thế kỷ.

Ở thế kỷ XX, thành phố Nam Định có nhiều biến đổi và phát triển toàn diện. Thời thuộc Pháp, kinh tế công - thương nghiệp ở thành phố có bước phát triển, thay đổi nhanh chóng với cơ sở kỹ nghệ dệt - sợi và nhiều ngành công nghiệp khác khá mạnh, trở thành nơi đô hội, sầm uất, là trung tâm công nghiệp dệt lớn nhất Đông Dương. Đồng

thời với sự phát triển về kinh tế công nghiệp, đội ngũ công nhân ở thành phố Nam Định, sớm hình thành và phát triển thành lực lượng nòng cốt của cách mạng. Từ phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, không cam chịu ách đô hộ của thực dân phong kiến và sự bóc lột tàn bạo của giới chủ tư bản Pháp ở các nhà máy, xí nghiệp; công nhân Thành Nam, mà trung tâm là công nhân Nhà máy Sợi Nam Định đã cùng các tầng lớp nhân dân liên tiếp đấu tranh cách mạng. Tại đây, tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Nam Định đã sớm ra đời và đảm đương vai trò lãnh đạo cuộc khởi nghĩa thành công vào tháng Tám năm 1945 ở địa phương.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân thành phố Nam Định đã chiến đấu ngoan cường, lập nhiều chiến công xuất sắc; đồng thời tích cực đóng góp sức người, sức của cùng với quân dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ giải phóng miền Bắc (tháng 7-1954) và chiến thắng 30-4-1975, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

Bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa mà tập trung nhất là hơn 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng bộ và nhân dân thành phố Nam Định đã không ngừng phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức về nhiều mặt để từng bước đổi mới, phát triển. Cùng với những thành tựu, tiến bộ mới về kinh tế - xã hội, không gian thành phố và kiến trúc đô thị được mở rộng, phát triển đáng kể. Cảnh quan, sắc thái và nhịp sống ở Thành phố từ cuối thế kỷ XX đến nay đã dần thay đổi theo hướng văn minh hiện đại.

Truyền thống yêu nước và chiến công hào hùng chống giặc ngoại xâm, giải phóng quê hương, đất nước của nhân

dân thành phố Nam Định đã được viết trong nhiều sách lịch sử của các đảng bộ từ cấp cơ sở đến tỉnh và trong các sách chuyên ngành khác. Lịch sử địa danh - sự hình thành phát triển vùng đất Thành Nam cũng được đề cập trong một số sách địa chí của tỉnh Nam Định và “Thành Nam xưa” của Vũ Ngọc Lý... nhưng chưa nhiều, dưới các góc độ khác nhau, chưa theo tiêu chí **Địa danh lịch sử** đi đến chính thể từ khởi nguồn (xưa) - qua biến đổi - phát triển (đến nay).

Nhân dịp kỷ niệm 750 năm (1262 - 2012) Thiên Trường - Nam Định và đón nhận Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Nam Định là đô thị loại I, Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thành phố chỉ đạo biên tập và xuất bản cuốn sách “**Thành Nam - địa danh và giai thoại**” nhằm cung cấp những thông tin, sử liệu mang tính phổ quát, hệ thống về các địa danh - tên làng - tên đường - tên phố ở Thành Nam, cùng với các sự kiện, sự tích, giai thoại tiêu biểu để người đọc và nhân dân trong tỉnh, ngoài tỉnh có điều kiện tìm hiểu, nghiên cứu tường tận hơn về Thành Nam - một vùng đất có bề dày lịch sử văn hiến hào hùng và đã đi vào tâm thức bao thế hệ người dân xa - gần.

Sử liệu, tư liệu về địa danh Thành Nam khá nhiều và tản mạn, sách “Thành Nam - địa danh và giai thoại” mới là sự tập hợp, chọn lọc ban đầu, tuy đã cố gắng đảm bảo tính hệ thống, toàn diện và tiêu biểu, cùng với cách thể hiện chân thực, dễ hiểu; nhưng cũng khó tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong những ý kiến đóng góp của người đọc và nhân dân để có dịp bổ sung, tái bản cuốn sách này được tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách tới bạn đọc./.

CHƯƠNG MỘT TỔNG QUAN VỀ THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Thành phố Nam Định ở phía Bắc - Đông Bắc tỉnh Nam Định, trong toạ độ 102,12^{độ} kinh Đông và 20,24^{độ} vĩ Bắc. Phía Bắc thành phố giáp huyện Mỹ Lộc, phía Nam giáp huyện Nam Trực, phía Tây giáp huyện Vụ Bản, phía Đông giáp tỉnh Thái Bình. Sông Nam Định (còn gọi sông Đào) chảy vắt ngang qua thành phố theo chiều Đông Bắc - Tây Nam, sông Hồng (ở hướng Đông) là ranh giới tự nhiên với tỉnh Thái Bình qua địa phận xã Nam Phong. Địa dư thành phố rộng 46,35 km², thoải dần từ hướng Đông Bắc xuống Đông Nam, độ cao từ 2,5 đến 4,2 mét so với mực nước biển. Là vùng đất thuộc châu thổ phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình hàng năm tại Thành phố là 24^oc, lượng nắng là 1.450 giờ, độ ẩm trung bình 85%, lượng mưa và hơi nước là 1.470 và 765 mm.

Về vị trí địa lý, thành phố Nam Định là nơi giao cắt (hội tụ) các tuyến giao thông quan trọng huyết mạch trong khu vực và cả nước: Quốc lộ 10 đi Ninh Bình 30 km, đi Thái Bình 20 km; Quốc lộ 21 đi Hà Nam (Phủ Lý) 30 km; đi Hải Hậu và các huyện vùng biển của tỉnh từ 40 - 50 km; Đường 12 theo hướng Tây về huyện lỵ Ý Yên 25 km và qua sông Đáy nối thông với các huyện Gia Viễn, Nho Quan (tỉnh Ninh Bình rồi đi Hoà Bình, Thanh Hoá...; Đường 38 đi Vĩnh Trụ (huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) rồi đi Hưng Yên, Hải Dương... Đồng thời, tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua trung tâm thành phố đã tạo nên hệ thống giao thông đường bộ khá hoàn chỉnh, toả rộng, liên thông trong tỉnh, trong khu vực các tỉnh phía Nam đồng bằng sông Hồng.

Giao thông đường thuỷ, từ thành phố Nam Định theo trục sông Đào nối thông với sông Đáy đi Kim Sơn, đến Ninh Bình rồi ngược dòng lên tới Nho Quan hoặc tới Kiện Khê và Phủ Lý (tỉnh Hà Nam). Cũng từ sông Đào theo trục sông Hồng ra cửa

biển Ba Lạt đi vào các tỉnh phía Nam, đi Hải Phòng, Quảng Ninh, hoặc ngược hướng Bắc, qua Hưng Yên, tới Hà Nội... Suốt theo chiều dài lịch sử, giao thông đường thủy đối với Nam Định đã luôn có vị thế trọng yếu cả về giao lưu kinh tế - xã hội, cả về quân sự - quốc phòng.

I- Khái quát thành phố Nam Định xưa

1- Đất đai và dân cư

Trải qua quá trình kiến tạo địa chất thêm lục địa hàng triệu năm, cùng với nhiều đợt băng hà và băng tan lớn cách nay hàng chục ngàn năm (mà đợt đạt mức cực đại vào khoảng 7000 - 4000 năm trước) khiến cho khi nước đóng băng thì biển rút ra xa (lùi), lục địa nổi lên, sông ngòi hoạt động mạnh và tiến ra xa hơn bờ biển thực tại... Mặt khác, do sức bồi đắp (phù sa) của sông Hồng, cùng với sự tiếp sức của con người qua việc khai khẩn lấn biển, mà châu thổ sông Hồng đã dần hình thành vào khoảng hơn 3000 năm trước. Vùng đất thuộc thành phố Nam Định nay cũng được hình thành cách nay hơn 2000 năm. Tại đây vào thế kỷ X, có đường bờ biển ở phía Nam (tương ứng với đoạn đường Vàng huyện Nam Trực kéo về hướng Tây Nam gặp cửa biển Tam Toà (Độc Bộ) thuộc đất Ý Yên). Nhờ sự bồi tụ của cửa Tuần Vương - sông Hồng và sông Vụ Hoàng, vùng đất phía hữu sông An Tiêm (tên gọi sông Nam Định xưa - đoạn từ An Lá ngang Tân Thành, huyện Vụ Bản chảy vào cửa bể Tam Toà) có nhiều đầm, hồ ngập nước, lại có những bãi bồi với nhiều cồn, gò nổi cao, cùng với những dòng kênh, sông nhỏ (sau này gọi là sông nội đồng) chảy uốn lượn nối thông nhau; lau sậy, cây cỏ hoang dại, um tùm.

Từ nhu cầu mưu sinh và tập quán thường thấy đối với người Việt là luôn tìm đến vùng đất mới phương Nam, ven biển, cửa sông (hướng biển) để chuyển cư mở rộng địa bàn khai khẩn lập nghiệp. Nhận thấy lợi thế vùng đất mới nổi lên ở cửa Tuần Vương - sông Hồng và chạy dài phía hữu sông Vụ Hoàng, nhiều tốp dân Việt từ miền trung du phía Bắc, phía

Đông châu thổ Bắc Bộ đã lần lượt chuyên đến định cư khai cơ lập nghiệp. Để tạo dựng cuộc sống ở vùng mới định cư, nhiều thế hệ người dân nơi đây vừa làm nghề chài lưới đánh bắt tôm cá, thủy sản là chính, vừa dồn công sức san gò lấp trũng, thau chua rửa mặn, khơi mương, đắp đê tạo nên vườn ruộng để canh tác lúa ngô, cây màu hoa trái... Qua hàng ngàn năm lao động chuyên cần, sáng tạo, người dân đã biến các cồn, gò, đầm, bãi thành vùng đất ngày một thuận thực, phì nhiêu, nông sản làm ra theo đó mà nhiều thêm. Có được cuộc sống no đủ, rồi có phần dư dật; số dân định cư ngày một phát triển. Người ta mở ấp, lập làng và cộng đồng dân cư cứ thế rộng dần ra, gắn bó có kết vững mạnh hơn.

Căn cứ vào các nguồn sử liệu, các thần phả, tộc phả tại địa phương thì dân Lạc Việt di cư đến vùng đất thành phố Nam Định nay từ nhiều nơi khác nhau: Hà Tây (cũ) - Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Thanh Hoá... theo từng nhóm (dòng) và ở nhiều thời điểm khác nhau. Hơn 2000 năm trước, dân Lạc Việt đến mở đất đã lập nên đất làng Vĩnh Trường, Thượng Lỗ⁽¹⁾; tiếp đến là các làng: Tức Mặc, Kênh (nay thuộc phường Lộc Vượng), làng Vị Hoàng Phù Hoa (nay là Phù Nghĩa), Đông Mạc...

Số dân về đây sinh sống, khi đầu chỉ vài ba chục, sau tăng dần tới 120 người, gồm các dòng họ Vũ, Bùi, Ngô, Trần, Phạm, Nguyễn⁽²⁾...

Lại còn có những trang, ấp được hình thành từ một tầng lớp dân cư khác. Đó là vùng đất mà quan binh các lực lượng khởi nghĩa trú đóng. Đó là các thân vương, khanh tướng, quan lại được nhà vua ban tặng đất đai (đất phân phong), cho phép chiêu mộ dân, phu khai hoang mở điền lập làng, dựng ấp... Các làng: Năng Lự (sau đổi gọi là Năng Tĩnh), Mai Xá, Mỹ Trọng, Trọng Đức (sau đổi là Phúc Trọng)... đã được hình thành thành khoảng thế kỷ X, XI.

(1) Từ khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40, ở đây đã có 3 tướng tham gia là Thục Côn, Phan Cung và Phan Lương.

(2) Nay còn Thần phả đền Khang Kiên (thờ cụ tổ là Phạm Khang).

Đặc biệt, nhà Trần khởi nghiệp (năm 1225) và trị vì đất nước, Vua Trần Thái Tông cho xây dựng tại hương Tức Mặc (địa danh trước đó là Khang Kiện) cung điện, nhà cửa (năm 1239) làm nơi ngự khi về thăm quê và nâng hương Tức Mặc thành phủ Thiên Trường⁽³⁾ (năm 1262), lại đặt chức quan An phủ sứ (“phủ”, “lộ” tương đương cấp tỉnh ngày nay) cai quản. Đồng thời xây dựng dinh thự của các vương, làm nội cung cho các hậu, làm nội kho cung cấp cho nội thị, dựng Văn Miếu và xây dựng các cung (Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ) làm nơi trú ngụ cho các quan ở Long Thành mỗi khi về triều kiến. Hành cung Thiên Trường là nơi ở của các Thái Thượng hoàng sau khi đã nhường ngôi cho các hoàng thái tử. Nơi đây trở nên tráng lệ đông vui, được coi là “Kinh đô thứ hai”, sau Kinh thành Thăng Long và dân số tăng nhanh, ước tới gần 1 vạn người.

Từ sau năm 1357, khi Thượng hoàng Minh Tông qua đời, Triều Trần bắt đầu suy vi, hoàng tộc hiềm khích, xã tắc rối ren. Quân Chiêm Thành mấy phen đánh ra Kinh thành Thăng Long và tàn phá hành cung Thiên Trường. Vì vậy vùng đất ven sông Vị Hoàng cũng dần trở nên trầm lắng, không còn đông vui như trước.

Ở thời Lê Sơ, đời Vua Lê Thánh Tông đặc biệt coi trọng vị thế chiến lược về kinh tế và quốc phòng của vùng đất Thiên Trường. Cuối những năm 60 của thế kỷ XV đã có 4 lần tập trận lớn tại vùng sông Vị, sông Thiên Phái và đất Giao Thủy (thuộc huyện Nam Trực nay). Từ năm 1461 đến 1492, nhà vua có nhiều sắc chỉ khuyến khích dân khai khẩn đất hoang, chăm lo thủy lợi, nông trang, lập đồn điền, định thuế và cho đắp đê Hồng Đức (nay là Đường 56) chạy vượt qua phía Bắc huyện Nghĩa Hưng, qua Hải Hậu đến cửa Hà Lạn huyện Giao Thủy. Cũng thời gian này nhà Lê cho xây dựng một đồn binh lớn ở phía Tây xã Vị Hoàng⁽⁴⁾ được sử sách gọi là “Quân doanh Vị Hoàng”. Tại đây đã từng có kho lương thực và vũ khí rất lớn.

(3) “Thiên địa trường tồn”: Trời đất, quốc gia dân tộc, bền vững.

Cũng do vậy, từ giữa thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII, vùng đất này lại từng bước phát triển, tụ hội dân cư là quan binh (nhà Lê - Mạc)⁽⁵⁾, là phu, thợ và người buôn bán (thị dân) xuất hiện thêm nhiều.

Ở thế kỷ XVII - XVIII, thời Hậu Lê khủng hoảng và suy yếu trầm trọng, nội chiến giữa các thế lực Lê - Mạc - Trịnh - Nguyễn kéo dài thảm khốc. Với vị thế một quân doanh lớn⁽⁶⁾, quan binh đông, phu thợ nhiều nên vùng đất Vị Hoàng dần trở thành tụ điểm buôn bán hàng hoá, dịch vụ và các tầng lớp cư dân cũng dần tăng lên.

Mốc lịch sử quan trọng nhất đối với địa danh Vị Hoàng là vào nửa đầu thế kỷ XIX.

Năm 1802 Triều Nguyễn được thiết lập; năm Gia Long thứ 3 (1804), từ sự hiện hữu của “Quân doanh Vị Hoàng”, lại thấy được vị thế cả về kinh tế, quân sự và chính trị đối với vùng Nam châu thổ sông Hồng, nhà vua đã quyết định chuyển lý sở trấn Sơn Nam từ Vân Sàng (thuộc Ninh Bình) ra và cho đắp “Thành Vị Hoàng” bằng đất (sau này dân quen gọi là “Thành Nam”). Đến thời Minh Mệnh (1820 - 1840), nhà vua cho đổi trấn Sơn Nam Hạ (gồm các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định và một phần tỉnh Thái Bình ngày nay) thành **trấn Nam Định (năm 1822)**. Năm 1832 thì đặt tên là tỉnh Nam Định, là một trong 31 tỉnh của cả nước. Khi tiến hành cải cách hành chính, thành Vị Hoàng - Thành Nam là lý sở của tỉnh gọi là

(4) Khúc Hạo (907 - 917) làm “An Nam đô hộ sung Tiết lộ sứ” đã chia cả nước thành 5 cấp hành chính: Lộ, phủ, châu, giáp, xã. Giáp và xã là cấp hành chính cơ sở (theo sách Các triều đại Việt Nam - NXB Thanh niên, 2001, tr. 60). Về sau quy định làng có từ 100 đình (nam giới) trở lên được coi là “xã” nên mới gọi “làng - xã” là vậy.

(5) Nhà Mạc chiếm giữ và cai trị vùng Kinh thành Thăng Long và Bắc Bộ gọi là Bắc Triều. Vua Lê có Nguyễn Kim, rồi sau đó là họ Trịnh phò tá chiếm giữ vùng đất từ Thanh Hoá trở vào gọi là Nam Triều. Cục diện mà lịch sử gọi là Nam - Bắc Triều kéo dài từ 1533 đến 1592 cho đến 1789 vùng Nam Định nay thuộc Bắc Triều dưới sự kiểm soát của nhà Mạc, rồi thuộc Đàng Ngoài dưới triều Lê Trịnh và thuộc Bắc Hà dưới triều Tây Sơn.

(6) Năm 1741 nước lớn, đê sông Nhị bị vỡ, triều đình phải mở kho thóc Vị Hoàng để chuyển cấp cho dân.

thành Nam Định, có 12 phố, sau lại hình thành 40 đường.

Vậy là, với những lợi thế của vùng đất ven sông (Nhị Hà - sông Hồng và sông Vị) và những sự kiện về biến đổi địa giới hành chính trong vùng, trong tỉnh, về việc xây dựng “Thành Nam”, vùng đất Vị Hoàng - Năng Lự có dân cư tụ hội ngày càng đông. Đầu thế kỷ XIX, có khoảng hơn 3.000 người, đến cuối thế kỷ đã tới hơn một vạn người. Dân cư tại đây gồm đủ các tầng lớp từ quan lại, binh lính, đến phu, thợ phục vụ các lĩnh vực từ xây dựng thành lũy, nhà cửa đến sản xuất các vật dụng đáp ứng nhu cầu đời sống sinh hoạt tại chỗ và vùng lân cận. Cũng từ lẽ đó, đất ruộng, vườn của thôn (làng), trại dần thu hẹp lại. Đất cho xây dựng nhà cửa, làm đường xá lại mở rộng ra. Nhà cửa từ thưa vắng ở thành chòm xóm (cụm) theo gia tộc hoặc phe giáp xưa, cũng dần đổi ra làm nhà từng dãy bám theo mặt đường để dễ bề giao lưu buôn bán trao đổi hàng hoá... Những tiền diễn tự nhiên ấy chính là điều kiện khách quan hình thành yếu tố “thị” - chợ của cộng đồng xã hội (sau này là khái niệm thị xã).

Phần lớn dân cư đến sinh sống ở vùng đất này có gốc là người các vùng thuộc Bắc Bộ: Hà Nội, Bắc Ninh, Phú Thọ, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nam, Thanh Hoá... và một số dân cận kề thuộc địa bàn tỉnh. Ngoài ra, quá trình giao thương từ những thế kỷ trước, có một số người gốc Hán (Hoa kiều), Ấn Độ (Ấn kiều) cũng đã đến trú ngụ. Do thói quen phân biệt chủ (người Việt) với những người ngoại quốc, dù cư trú lâu dài vẫn chỉ là khách. Nơi có người ngoại quốc cư ngụ, tiếng Hán gọi là khách trú sở, còn dân ta quen gọi là trú khách (không đồng nghĩa với chú khách - em bố).

Về địa bàn cư trú, phần lớn thương nhân, thợ thủ công đến trước thế kỷ XIX thường ở về phía Nam - Tây Nam bờ sông Vị Hoàng và bờ hữu sông Đào (nay chủ yếu thuộc phường Nguyễn Du, phường Phan Đình Phùng, một phần phường Quang Trung và Vị Hoàng) thuộc đất các thôn Thi Thượng, Thi Hạ, Khoái Đồng. Đường làng Phù Long, xóm Góc Mít

cũng thành trục đường phố. Tại các trục đường - phố ấy người dân thường cụm lại theo các nhóm chuyên sản xuất, buôn bán từng loại mặt hàng (tính chất hiệp thợ, hội buôn - kiều phường hội), như chuyên về nửa gỗ, vải màn, vải gấm the, giấy, rượu, làm cốt, nôi sành... Người Hoa đến vùng Vị Hoàng làm nhiều đọt, chủ yếu buôn bán vải, lụa, nông sản, làm bánh kẹo... và đông nhất là buôn thuốc bắc; họ ở tập trung vào một đoạn đường phố, dân ta thường gọi đó là “phố khách”.

Thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam. Quân lính Pháp hai lần đánh chiếm Nam Định (năm 1873 và 1883). Sau khi Thành Nam xưa bị quân Pháp phá bỏ, cùng với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Những năm cuối thế kỷ XIX, thành phố Nam Định được xây dựng lại theo hướng hiện đại, phong cách châu Âu. Trên mặt bằng thành cổ về hướng Tây, chủ yếu xây dựng các công sở cho bộ máy chính quyền đương thời, xây dựng các dinh thự cho người Pháp và đến hai thập kỷ đầu thế kỷ XIX thì một số nhà máy như Nhà máy Sợi, Nhà máy Tơ, Nhà máy Chiếu được xây dựng... Về hướng Đông thì lập sông Vị Hoàng, xây dựng các đường phố ngang (hướng Đông - Tây), dọc (hướng Bắc - Nam) giành cho buôn bán và nhà ở của người bản địa, người Hoa, người Ấn... Đồng thời mở rộng dần các đường phố về phía bờ sông Đào. Sau năm 1910 - 1925, một số chủ người Pháp và người Việt đã xây dựng thêm một số cơ sở sản xuất như Xưởng Sợi, Nhà máy Đèn, Nhà máy Nước, Nhà máy Chai, Nhà máy Rượu ở khu bờ hữu sông Đào và phía Đông thành phố hiện nay. Sự mở rộng địa dư và phân chia địa giới hành chính dưới chính quyền thực dân phong kiến đương thời cơ bản tồn tại đến tháng Tám 1945.

Quá trình xây dựng, mở rộng địa dư thành phố, xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp trong suốt 4 thập kỷ đầu thế kỷ XIX đã tạo nên nhịp sống ở đây ngày càng sôi động, sầm uất và thu hút dân cư tụ hội đông thêm. Năm 1928 dân số ở thành phố tới 3,5 vạn người, năm 1942 lên 4 vạn người. Chính từ những yếu tố ấy, vào năm 1921, thành phố Nam Định đã trở thành một trong 3 thành phố lớn ở Bắc Bộ.

2- Truyền thống chống giặc ngoại xâm

Là cư dân đất Việt, sự nghiệp dựng nước luôn đi liền với sự nghiệp giữ nước. Lao động sản xuất, chống thiên tai và chống giặc dã luôn thể hiện ý chí quyết tâm, tài năng, sức mạnh và lòng quả cảm của mỗi người dân, từng cộng đồng địa phương và toàn dân tộc.

Từ thuở các Vua Hùng dựng nước cho đến hơn ngàn năm sau, các thế lực phong kiến phương Bắc liên tiếp mở các cuộc xâm lăng, đặt ách đô hộ và muôn thôn tính dân tộc Việt. Nhưng, với tinh thần yêu nước sâu sắc và lòng tự tôn dân tộc cao cả, lớp lớp dân ta vẫn kiên quyết đứng lên kháng chiến, liên tiếp đánh bại quân thù.

Đầu năm 40 của thế kỷ I, cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của giặc Đông Hán do Hai Bà Trưng lãnh đạo, tại quận Giao Chỉ, trong đó riêng ở vùng thuộc tỉnh Nam Định ngày nay có tới hơn 20 tướng cả nam lẫn nữ tham gia. Ở làng Thượng Lỗ có Nữ tướng Thục Côn, làng Vĩnh Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định) có Tướng Phan Cung, Phan Lương.

Năm 542 Lí Bí nổi dậy chống lại ách đô hộ của Nhà Lương, sau 4 năm chiến đấu anh dũng đã giành thắng lợi và xây dựng nước Vạn Xuân độc lập, Ông xưng hiệu là Lý Nam Đế. Tướng quân Hoàng Tề ở làng Lập Vũ (nay thuộc xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản) đã vận động được nhiều người dân trong vùng (ven sông Vòng Vải, sông An Tiêm) nay thuộc thành phố Nam Định có sức khoẻ, võ nghệ tham gia nghĩa quân và dũng cảm chiến đấu lập nhiều công trạng.

Năm 938, trong chiến công diệt trừ bọn phản tặc Kiều Công Tiễn và chặn đánh quân xâm lược Nam Hán, dưới sự chỉ huy của bộ tướng Ngô Quyền (sau xưng vương), đạo quân của Trần Lãm và đạo quân của Ngô Xương Ngập (con cả của Ngô Quyền) đã huy động sức dân ở vùng cửa biển Bó Hải và cửa bể Đại Ác (hay Đại Nha, sau này là Đại An, Độc Bộ) ⁽⁷⁾ tạo nên lực

(7) Theo Ngọc phả đình Nhuệ Khê (xã Mỹ Trung) và Thần tích đình làng Vị Khê (xã Diên Xá).

lượng tinh binh chủ đạo, giữ vai trò quyết định đánh bại quân thù tại Bạch Đằng giang để lập nên vương triều nhà Ngô, mở ra kỷ nguyên độc lập lâu dài và phục hưng toàn diện của dân tộc.

Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), “... các hùng trưởng đua nhau nổi dậy, chiếm cứ quận ấp để tự giữ...”. Bấy giờ trong nước không có chủ, 12 sứ quân đánh nhau làm trưởng, không ai chịu thống thuộc vào ai”⁽⁸⁾; vùng đất tỉnh Nam Định, trong đó có thành phố Nam Định ngày nay là địa bàn trọng yếu trong sự nghiệp thống nhất đất nước do Đinh Bộ Lĩnh thực hiện. Tại vùng đất này, Đinh Bộ Lĩnh được nhân dân che chở, giúp đỡ và xây dựng nên căn cứ vững chắc thông qua việc huy động tích trữ lương thảo, chiêu mộ quân sĩ, tập hợp lực lượng mà “đẹp loạn” thành công, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Ngày nay tại nhiều địa phương trong vùng còn để lại những dấu tích, đền phủ thờ các tướng lĩnh có công với Đinh Bộ Lĩnh.

Khi Vua Đinh bị sát hại, Lê Hoàn nhiếp chính làm Phó Vương. Trước họa xâm lăng của nhà Tống ở phương Bắc, được Thái hậu Dương Vân Nga và các triều thần suy tôn, Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế (năm 980) và chuẩn bị tổ chức chống giặc. Dương Thái hậu đứng ra nhận đảm trách việc huy động lương thảo phục vụ chiến trận. Tương truyền Dương Thái hậu đi thuyền rồng từ Hoa Lư thẳng tới làng Bách Cốc (thuộc huyện Vụ Bản) lại ghé thuyền nơi Bến Ngự, Cầu Ngự (cửa sông Vị Hoàng đổ ra sông An Tiêm xưa)⁽⁹⁾ để động viên nhân dân ủng hộ lương thực, thực phẩm nuôi quân đánh giặc. Vùng đất duyên hải nay thuộc Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng lại được Lê Hoàn xây dựng thành tuyến phòng thủ cho Kinh đô Hoa Lư, thành hậu cứ huy động dân binh, phương tiện chiến đấu cho tiền duyên là cửa Bạch Đằng. Nhờ đó ông đã giành thắng lợi trên cả hai mặt trận thủy và bộ, diệt quá nửa quân

(8) *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 1, Bản dịch, NXB Khoa học xã hội, H-1993, tr. 204.

(9) Dấu tích khảo cổ học cho hay nơi đây có một bến cảng có niên đại cách nay nghìn năm, nằm sâu trong lòng đất.

Tổng và tướng giặc là Hầu Nhân Bảo. Vua Tống buộc phải xuống chiếu lui quân vào năm Tân Tỵ (981). Nhà Tiền Lê trị vì quốc gia Đại Cồ Việt được 29 năm thì suy tàn.

Năm 1009, quan Tả thân Vệ Điện tiên chỉ huy sứ Lý Công Uẩn được triều thần suy tôn lên ngôi Hoàng đế, tức Vua Thái Tổ nhà Lý. Năm 1010 nhà vua khởi sự dời Đô từ Hoa Lư về thành Đại La, đổi tên là Thăng Long thành, làm Kinh đô nước Đại Việt. Và chia nước làm 24 lộ. Vùng đất thuộc thành phố Nam Định ngày nay nằm trong lộ Hải Thanh, phủ Ứng Phong. Đây là địa bàn trọng yếu, cửa ngõ phía Nam Kinh thành Thăng Long (trong quan hệ với Champa), địa bàn có vị thế chiến lược cả phương diện quân sự, kinh tế và văn hoá.

Ở thời vương triều Trần (1225 - 1400), hành cung Thiên Trường với vị thế kinh đô thứ hai, lại là hậu phương quan trọng của triều đình. Nơi đây nhân dân vừa tham gia sản xuất vũ khí, đóng thuyền chiến, sản xuất lương thảo và bổ sung lực lượng quân sĩ để tạo nên thế binh hùng tướng mạnh. Dưới thời Trần, ngoài quân đội thường trực do triều đình trực tiếp cai quản, các vương hầu quý tộc đều có lực lượng vũ trang riêng. Lúc bình thường thì đây là lực lượng bảo vệ các phủ đệ. Nhưng khi có chiến sự thì số thân binh (gia binh, gia nô) có thể tăng lên và trở thành một bộ phận quan trọng tham gia chiến trận. Những quân sĩ ở hành cung Thiên Trường được coi là lực lượng tinh binh, được tin cậy trong các đạo binh chủ lực. Từ các trang ấp, tôn thất của hoàng tộc, đã đóng góp cho triều đình nhiều tướng lĩnh, quan tước có tài thao lược, kinh bang tế thế nổi danh như Quốc công tiết chế Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải, Chiêu văn Đại vương Trần Nhật Duật, Trần Tung (Tuệ trung Thượng sĩ), Trần Đạo Tái, Trần Nguyên Đán, Đào Toàn Bân, Bảo nghĩa vương Trần Bình Trọng... Lại có những hoàng hậu, thái phi, công chúa rất mực phàm hạnh “giỏi việc nước, đảm việc hậu cung”, hết mình vì nghĩa nước như Hoàng hậu Trần Thị Dung, An Tư Công chúa, Huyền Trân Công chúa... Với hào khí Đông A, với

sức mạnh vua tôi đồng lòng, tướng sĩ như anh em, toàn dân dồn lực, vương triều trí sáng tài cao, nên quân dân Đại Việt đã ba lần đại thắng quân xâm lược Nguyên - Mông, giữ yên bờ cõi để non sông “muôn thuở vững âu vàng” (Sơn hà thiên cổ điện kim âu) ⁽¹⁰⁾. Năm 1407 quân xâm lược nhà Minh đánh bại cuộc kháng chiến do cha con Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Trừng lãnh đạo. Hoàng đế nhà Minh là Minh Thành Tổ hạ chiếu lại đòi nước ta làm quận Giao Chỉ và chia ra làm 15 phủ. Thiên Trường đổi thành Phụng Hoá (hàm ý tuân theo sự giáo hoá, cải hoá của nhà Minh), Kiến Hưng đổi thành Kiến Bình.

Không cam chịu cảnh mất nước làm than và căm giận nhà Hồ thoán đoạt ngôi báu, bộ phận quý tộc nhà Trần đã cùng dân binh vùng Thiên Trường suy tôn Trần Ngỗi lên ngôi Giản Định đế (tháng 10-1408) tiến hành khởi nghĩa vũ trang, quyết sinh tử với giặc Minh. Khi phong trào khởi nghĩa Lam Sơn phát triển mạnh mẽ, dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, ở Thiên Trường mà tập trung hăng hái nhất là sự tham gia của nhân dân ở các làng Tương Loát (Ý Yên), Bách Cốc (Vụ Bản), Vân Chàng (Nam Trực). Theo gia phả và truyền thuyết các chàng trai làng Vân Chàng rèn đúc giáo mác, thiết lệnh, phi lao cung cấp cho nghĩa quân Lam Sơn và cùng tham gia truy kích quân Minh khi chúng tháo chạy qua vùng cửa biển Ba Lạt, Đại An. Làng Tương Loát có hai anh em Ngô Quý Dật và Ngô Ái Thường cùng xung trận. Làng Mai Xá (xã Mỹ Thắng) có người phụ nữ họ Đào tham gia nghĩa quân Lam Sơn Quân trung điều hộ. Sau khi mất, bà được dân lập đền thờ, tôn làm Thánh Mẫu. Bùi Ư Đài người làng Bách Cốc, khi nghĩa quân Lam Sơn vây thành Đông Quan và chuẩn bị diệt viện binh (năm 1427), được Lê Lợi phong làm Thượng thư Bộ Lễ.

Với ý chí bất khuất kiên cường, bền bỉ, dũng cảm chiến đấu, nghĩa quân Lam Sơn đã liên tiếp giành thắng lợi từ trận Bô Cô, Cổ Lộng (Ý Yên) đến trận diệt viện ở ải Chi Lăng - Xương Giang; hàng chục vạn quân Minh bị diệt, buộc chúng

(10) Trích thơ của Thượng hoàng Trần Nhân Tông.

phải đầu hàng rút chạy về nước (ngày 29-12-1427).

Ngày 15-1 năm Mậu Thân (1428) Lê Lợi lên ngôi vua tại Điện Kính Thiên, thành Đông Đô (Hà Nội nay), đặt tên nước là Đại Việt, mở đầu Triều Lê Sơ (1428 - 1527).

Đầu thế kỷ XVI, Nhà nước quân chủ Trung ương tập quyền Triều Lê Sơ bước vào thời kỳ suy yếu, khủng hoảng. Nội bộ triều đình thì kết bè kéo cánh, tranh giành ngôi vị, hình thành cục diện mà lịch sử gọi là Nam - Bắc Triều kéo dài từ năm 1533 đến năm 1592. Tuy không là chiến trường trực tiếp của cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn, nhưng quân doanh Vị Hoàng, nơi đặt kho lương - tiền vẫn cung cấp lương thực, vũ khí cho các đoàn thuyền quân Trịnh từ cửa Đại An theo đường biển tiến vào Đàng Trong⁽¹¹⁾. Đồng thời từ năm 1593 đến 1677 người dân vùng đất Thiên Trường còn phải đăng lính, sung vào các đạo quân để đánh dẹp các dư đảng họ Mạc ở Cao Bằng.

Trước chế độ hà khắc và sự mục ruỗng suy đồi của chính quyền Vua Lê - Chúa Trịnh, nhân dân khắp nơi bất bình phản kháng. Năm 1771 cuộc khởi nghĩa Tây Sơn từ Đàng Trong đã nhanh chóng hội nhập tất cả các cuộc khởi nghĩa của nông dân trong cả nước. Sau khi lật đổ chính quyền của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong, mùa thu 1786, Nguyễn Huệ chia quân làm hai đạo tiến ra Đàng Ngoài lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh.

Ngày 11-7-1786, đạo tiền quân hơn 400 chiến thuyền do Nguyễn Hữu Chỉnh chỉ huy chiếm được quân doanh Vị Hoàng với số lương thực gồm hơn 100 vạn hộ thóc⁽¹²⁾.

Ngày 17-7-1786, đại quân Tây Sơn với hơn 1.000 chiến thuyền do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy ào ạt kéo ra hợp binh ở Vị Hoàng. Tại đây, chỉ trong vòng 10 ngày, nhân dân các huyện xung quanh quân doanh (Thiên Bản, Thượng Nguyên) đã tập trung công sức xay lúa giã gạo và huy động hàng trăm chiếc thuyền chở lương thực giúp nghĩa quân. Lại có nhiều trai tráng gia nhập quân ngũ. Lại có những quân sĩ ở quân doanh Vị

(11) *Việt sử thông giám cương mục*, Tập 19, NXB Văn Sử Địa 1960, tr. 37.

(12) Mỗi hộ tương đương khoảng 60 kg.

Hoàng tử bỏ hàng ngũ quân Trịnh như Đỗ Châu, Cai Dục, Cai Roanh... đi theo Nguyễn Huệ tiến về Đông Đô đánh đổ thế lực Chúa Trịnh (là Trịnh Khải).

Cuối năm 1788, nhà Thanh đưa 29 vạn quân do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu kéo vào xâm lược nước ta. Mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), Nguyễn Huệ - Quang Trung Hoàng đế thực hiện cuộc hành quân thần tốc từ thành Phú Xuân ra Bắc Hà đánh giặc. Nhân dân vùng Thiên Trường cùng các phủ Lý Nhân (Hà Nam) tổ chức lực lượng chống quân xâm lược nhà Thanh và gia nhập đội quân của Đô đốc Đông từ cửa Đại An cùng tiến vào giải phóng Thăng Long, quân xâm lược nhà Thanh phải rút chạy.

Thời Tây Sơn tiếp quản và cai trị Bắc Hà đã đổi lộ thành trấn. Trấn Sơn Nam Hạ nằm trọn trong hai phủ Thiên Trường và Nghĩa Hưng, gồm 8 huyện⁽¹³⁾.

Năm 1788 Nguyễn Ánh lấy lại được thành Gia Định và xưng Vương. Tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802) lấy lại được toàn bộ đất đai của các chúa Nguyễn, Nguyễn Vương Phúc Ánh thiết triều tại Phú Xuân, đặt niên hiệu Gia Long năm thứ nhất.

Ngày 16 tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh đưa quân ra đánh Thăng Long, tiêu diệt toàn bộ thế lực nhà Tây Sơn, mở đầu thời kỳ một quốc gia Việt Nam thống nhất kéo dài từ Lạng Sơn đến Hà Tiên. Dưới thời Gia Long, có một số sự kiện quan trọng: Tổ chức lại đơn vị hành chính (chia cả nước làm 24 trấn, 4 doanh), làm sổ ruộng (địa bạ); cho biên soạn và ban hành bộ “Nhất thống địa dư chí” (gồm 10 quyển); ban hành bộ “Quốc triều hình luật” (gồm 22 quyển), 398 điều luật. Lý sở trấn Sơn Nam Hạ từ Vân Sàng (Ninh Bình) được chuyển về Vị Hoàng và cho đắp thành (Nam Định).

Cùng với trào lưu mở rộng thị trường của chủ nghĩa tư bản thực dân phương Tây, năm 1858 thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam.

(13) Phủ Thiên Trường gồm 4 huyện Nam Chân, Giao Thủy, Mỹ Lộc, Thượng Nguyên.

Đầu năm 1860 với tinh thần yêu nước và nghĩa cử cao cả, hàng chục thanh niên trai tráng quê hương Nam Định đã nhập đoàn quân nghĩa dũng của Hoàng Giáp, đốc học Phạm Văn Nghị vào Nam chống quân xâm lược Pháp. Tuy nhiên, khi đến Huế, thì Vua Tự Đức ngăn lại, buộc đoàn phải trở về Bắc.

Ngày 11-12-1873, quân Pháp do F.Gác-ni-ê chỉ huy đã tiến công đánh chiếm Thành Nam lần thứ nhất. Dưới sự chỉ huy của Đặng Huy Chinh, cha con Nguyễn Văn Hồ và Bá hộ Trần Chí Thiện, lực lượng dân binh địa phương đã chiến đấu anh dũng. Trước thế mạnh về vũ khí, sau vài giờ nổ súng quân Pháp chiếm được thành. Hơn 100 nghĩa binh cùng Nguyễn Văn Hộ, Trần Vĩnh Cát, Ngô Lý Diện đã anh dũng hy sinh. Tuy nhiên, ở một số nơi trong tỉnh như căn cứ An Hoà (Ý Yên), Bảo Long (Mỹ Lộc) dân binh kiên quyết ngăn chặn bước tiến của quân thù.

Ngày 23-3-1883, sau khi chiếm được Hà Nội, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Thành Nam lần thứ hai. Dưới sự chỉ huy của Đại tá Hăng ri Ri-vi-e (Henri Rivière), quân Pháp với lực lượng khá mạnh, gồm 6 tàu chiến, 4 thuyền vận tải từ Hà Nội xuôi theo sông Hồng, sông Đáy đánh chiếm Phủ Lý, Ninh Bình rồi tiến vào vùng đất Nam Định.

Ngày 27-3-1883, tại phố Hàng Thao, dân chúng tự đốt cháy những khu nhà lá dọc đường dài 500 mét và dựng các chướng ngại vật, ngăn cản sự tiến công của quân địch. Quân đội triều đình tại Thành Nam do Đề đốc Lê Văn Diêm và Án sát Hồ Bá Ôn chỉ huy phối hợp cùng đội dân binh gần 300 người của Nguyễn Hữu Bản quyết liệt chiến đấu giữ Thành. Hàng trăm quả đạn thần công từ trong thành bắn về phía tàu chiến Pháp ở sông Đào. Tại ngã tư Cửa Đông trận chiến rất dữ dội, trung tá chỉ huy quân Pháp là Carô (Carreau) bị thương gãy chân (sau đó tử vong tại gần ngã tư Bến Ngự). Ri-vie cùng một đại úy công binh đã cho quân nổ mìn phá vỡ công thành rồi tràn vào. Đề đốc Lê Văn Diêm bị thương nặng ở bụng vẫn kiên quyết chỉ huy quân sĩ đánh trả quân giặc cho đến lúc trút hơi

thở cuối cùng. Án sát Hồ Bá Ôn cũng bị thương rất nặng (sau phải đưa về phòng tuyến Mai Xá - An Duyên). Sau nhiều giờ giao chiến ác liệt giữa 2 bên, đầu giờ chiều hôm đó (27-3), một lần nữa thành Nam Định lại bị quân Pháp chiếm đóng. Lực lượng kháng chiến phải rút về phía Mỹ Trọng, Cầu Gia, Tiểu Cốc để xây dựng tuyến phòng thủ bao vây quân giặc.

Sau mấy tháng trời liên tiếp bị uy hiếp, ngày 19-7-1883 quân Pháp huy động binh lực lớn, với 450 lính đã nổi ra càn quét, phá vỡ tuyến bao vây của lực lượng kháng chiến. Trong khi đó, vua tôi nhà Nguyễn nhu nhược do dự đã đi tới ký Hoà ước Hác-măng (Har mand) ngày 28-3-1883 và Điều ước Patơ-nốt (Patenôtre) ngày 6-6-1884 thừa nhận sự bảo hộ của thực dân Pháp.

3- Đời sống kinh tế

Những lớp cư dân đầu tiên đến vùng ven sông Vị Hoàng và cửa Tuần Vương sông Nhị Hà trong vài ba thế kỷ đầu của Thiên kỷ thứ nhất, chủ yếu sống bằng nghề khai thác thủy sản ven sông, cửa biển kết hợp với cải tạo đầm gò đất bãi để trồng rau màu, lương thực. Qua thực tế kinh nghiệm nhiều năm, công cụ và kinh nghiệm sản xuất dần được cải tiến, sản phẩm làm ra được tăng dần lên, đồng bãi ngày một mở rộng, đất đai thêm thuần thực, màu mỡ. Khi dân cư tăng lên, người ta lập làng, dựng trại, mở xóm mới và cộng đồng dân cư mới được tiếp nối hình thành. Kinh tế chuyển dần từ khai thác tự nhiên là chủ yếu sang kết hợp với sản xuất, cả trồng trọt và chăn nuôi. Đến sau này người dân ở đây sống chính bằng nghề canh nông. Là vùng đất ven sông có nhiều cồn, bãi nên ngoài cấy lúa nước, nông dân còn trồng bông, trồng dâu nuôi tằm để dệt tơ lụa, trồng cây trái, hoa cảnh kết hợp với thả sen, nuôi cá... Tuy vẫn là nền kinh tế tự cấp tự túc, phục vụ nhu cầu dân sinh tại địa phương, nhưng đời sống vật chất từng bước được cải thiện. Sản vật làm ra, người dân còn đóng góp, cung cấp một phần cho quân sĩ các cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm.

Vào thế kỷ X, một loạt sự kiện có tính bước ngoặt của lịch sử nước ta: Từ họ Khúc dựng nên tự chủ (907) đến Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng (938) kết thúc 1000 năm Bắc thuộc, nhà Đinh (968) và nhà Tiền Lê (980) bằng nhiều giải pháp lớn đã khắc phục được sự cát cứ, bảo vệ nền độc lập non trẻ và xây dựng nên Kinh đô Hoa Lư thế vững, lực cường... Vùng đất Vị Hoàng thời ấy là cửa ngõ, tiền đồn phía Đông, vừa có vai trò quan trọng vừa là chứng kiến, vừa là nơi diễn ra sự hưng khởi mở đầu, tạo sự chuyển biến lớn mạnh về kinh tế - xã hội của cả dân tộc vào kỷ nguyên tiếp theo.

Thế kỷ XI - XVI, dưới thời Lý - Trần - Hồ, quốc gia Đại Việt thực sự lớn mạnh. Kinh tế phát triển khá, năng động, công thương nghiệp đã được mở mang. Từ thời Lý, vùng đất Khang Kiện (Túc Mặc), Thiên Bôi và Đông Mạc, Dương Xá, Năng Lự (Năng Tĩnh) đã có chợ búa đông đúc, thuyền bè vào ra buôn bán. Ngọc phả đình Vị Xuyên thờ ông Đoàn Thượng, ban đầu có Duệ hiệu là Hải Quốc đại tướng, Dương phu nhân. Dương phu nhân (Dương Thị Mỹ) mai danh ẩn tích về làng Dương Xá chiêu dân ly tán, chấn hưng nghề mộc, nghề rèn (Tị quốc nạn, bí tích danh, Đoàn môn trắc thất. Giáo dân áp, Hưng công nghệ, Lý đại danh nhân). Đồng thời có bộ phận dân cư từ Bắc quốc do buôn bán hoặc trốn lính, lánh loạn lạc nhà Tống mà đến vùng này rồi ở lại lâu dài và lại đưa thêm gia đình, người thân cùng sang lập nghiệp⁽¹⁴⁾.

Đặc biệt, nhà Trần giành quyền trị vì đất nước đã về Khang Kiện, Túc Mặc, là quê hương là đất bản bộ “dương trạch” của tông miếu dòng họ, cho dựng hành cung Túc Mặc (1230), lập phủ Thiên Trường (năm 1262) và xây dựng các cung điện, phủ đệ, mở các trang ấp của hoàng tộc, khanh tướng... Vùng đất có vị thế cửa sông cửa biển này thực sự thành nơi tụ cư đông vui, là **tiền đề một đô thị mới** bắt đầu hình thành. Hành cung vừa

(14) Tộc phả của Vương Mông Diệp ở Hội quán Triều Châu viết về tổ tiên là Vương Hoá khi đảo ngũ trong cánh quân của Vi Trí Cương nhà Tống đánh đất Lạng Châu đã về đất Vị Hoàng lánh cư và lập nghiệp..

như là Kinh đô thứ hai của vương triều, vừa là thủ phủ của phủ Thiên Trường rộng lớn (chức quan phủ là An phủ sứ ty). Suốt gần hai thế kỷ, Tức Mặc - Thiên Trường là một trung tâm hành chính rồi từ đó kinh tế phát triển và trước hết là kinh tế công thương. Tại đây hình thành nên các cơ sở (xưởng) sản xuất vật dụng phục vụ cho xây cất hành cung, dinh thự; các vật phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của vương công, quý tộc, lính thợ và chúng dân. Những chợ (Đò Chè, Vị Hoàng), bến sông tụ hội hàng hoá, buôn bán tấp nập sầm uất. Cũng theo đó, các làng vùng ven Hành cung mở rộng nông nghiệp đa canh: Nơi trồng hoa cây cảnh, nơi cây giống lúa gạo thơm hoặc chăn nuôi gia súc gia cầm. Cùng với chủ trương đẩy mạnh khai hoang đất bãi bồi ven sông ven biển, các điền trang thái ấp của tầng lớp quý tộc cũng được tạo lập. Nghề làm gốm, làm gạch ngói, nung vôi đặc biệt phát triển. Song nhìn chung trong toàn vùng thì kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo.

Cuối thế kỷ XIV khi Triều Trần suy vong, hành cung Thiên Trường bị tàn phá, thì những yếu tố kinh tế sôi động trước đó cũng suy trầm đi nhiều. Thời Lê Sơ vào thời Vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) đã triệt để thi hành chính sách trọng nông (khuyến khích khai hoang mở đất, đắp đê Hồng Đức, đào kênh dẫn thủy...) thì yếu tố kinh tế công thương sôi động, rộng mở của vùng Vị Hoàng - Thiên Trường trước đó tuy không có điều kiện phát huy mạnh nhưng với lợi thế của một quân doanh lớn, lại là vị trí giao thông thuận tiện cả thủy và bộ nên Vị Hoàng vẫn là cơ sở giao lưu buôn bán hàng đầu của lộ (rời trấn) Sơn Nam.

Ở thế kỷ XVII - XVIII, vị thế quân doanh Vị Hoàng càng trở nên quan trọng đối với thế lực phong kiến Chúa Trịnh trong cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều. Vì thế ở đây quan, lính, phu, thợ ngày một đông lên; hoạt động sản xuất ngày một sôi động, mở rộng và giao thương buôn bán lại càng thêm tấp nập đông vui. Đồng thời, khi ấy hàng hoá và các thương gia phương Tây bắt đầu thâm nhập tới các quốc gia ven biển vùng Á Đông,

trong đó có nước ta. Kinh Kỳ, Phố Hiến (nay thuộc tỉnh Hưng Yên) trở thành trung tâm thương mại lớn (thứ nhất kinh kỳ thứ nhì phố Hiến) thì giao thương ở Vị Hoàng cũng thêm phần sầm uất. Nơi đây thu hút được nguồn hàng từ vùng biển (nội trấn) đưa lên, từ vùng trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, kể cả vùng Kinh Kỳ, Phố Hiến... đưa xuống. Hàng hoá gồm đủ loại: nông lâm hải sản, hàng thủ công, tiêu dùng, nhưng nhiều nhất là các mặt hàng vải sợi, tơ lụa.

Đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, sau khi Vua Gia Long, Triều Nguyễn giành quyền thống nhất đất nước, cho xây dựng thành Vị Hoàng - Thành Nam thì kinh tế công thương ở đây thực sự phát triển nhanh chóng và có những nét đặc trưng khá tiêu biểu. Vị Hoàng - Thành Nam là ly sở của trấn, rồi tỉnh Nam Định (đô thành), lại là đầu mối giao thương sầm uất của cả vùng, cư dân là thương nhân, phu thợ (sau này là công nhân) đã sớm hình thành nên các đường - phố và tầng lớp thị dân tăng lên nhanh, thành phần xã hội cũng sớm xuất hiện.

Từ cuối thế kỷ XIX, ngay sau khi đánh chiếm và thiết lập chế độ bảo hộ ở Việt Nam, thực dân Pháp nhanh chóng tiến hành chính sách khai thác thuộc địa. Tại Nam Định, chúng cho phá bỏ “Thành cổ” và xây dựng lại thành phố theo hướng hiện đại. Từ những năm 1890, các công ty tư bản Pháp xây dựng một số cơ sở sản xuất công nghiệp như: Nhà máy Sợi - Dệt (năm 1889), Nhà máy Tơ (1909), Nhà máy Điện (1913), Nhà máy Nước (1923), Xưởng Gia công chiếu cói (1910)... Đó là những cơ sở công nghiệp đầu tiên, với động cơ hơi nước, đã sản xuất ra nhiều loại sản phẩm. Cho đến hai thập niên đầu thế kỷ XX, quy mô Nhà máy Sợi nhanh chóng mở rộng. Cơ sở Sợi - Dệt đầu tiên của tiểu chủ người Hoa (là Bá Chín Hội) với 9 máy kéo sợi thủ công và 100 thợ làm thuê. Sau khi hùn vốn hợp tác kinh doanh với Bá Chín Hội, Công ty Bông Bắc Kỳ của Pháp đã nhanh chóng chiếm độc quyền quản lý, phát triển sản xuất kinh doanh cả bông, sợi, vải, tơ lụa... Các công ty bông vải Bắc Kỳ ở Nam Định sử dụng thường xuyên gần

14.000 công nhân và tới 12 vạn thợ dệt nhiều địa phương lân cận làm gia công các sản phẩm. Thành phố Nam Định trở thành trung tâm sợi - dệt hiện đại lớn nhất Đông Dương mang tên “Thành phố Dệt”. Đồng thời ngành tơ lụa ở đây cũng phát triển nhất trong vùng châu thổ sông Hồng.

Nhà máy Rượu Nam Định là một trong những cơ sở đầu tiên và là một trong những cơ sở chính về sản xuất rượu của Pháp ở vùng châu thổ sông Hồng. Nhà máy Điện Nam Định thuộc loại lớn, cung cấp điện cho cả vùng, gồm thị xã Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam. Xưởng Gia công, thu gom hàng cói (quen gọi là Nhà máy Chiếu) cũng mở rộng nhanh, chi phối đến hầu khắp các địa phương sản xuất và gia công hàng cói ở Thái Bình, Ninh Bình, Nga Sơn (Thanh Hoá).

Là đầu mối các trục giao thông quan trọng cả thuỷ - bộ, Nam Định có cảng, đường sông đi Hải Phòng - Hòn Gai, Hà Nội; đường bộ, đường sắt đi Hà Nội, Thanh Hoá - Vinh. Với lợi thế lớn về giao thông đường thuỷ, từ năm 1917, các sà lan chạy bằng hơi nước của Bạch Thái Bưởi (tiểu chủ người Việt) đã có mặt trên tuyến sông Nam Định (với 30 tàu và xà lan) chạy đi Hà Nội, Hải Phòng - Hòn Gai, Kim Sơn - Nho Quan (Ninh Bình), Bến Thuỷ (Vinh) và nội tỉnh.

Sự phát triển đồng thời của sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải, thành phố Nam Định nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại lớn nhất ở vùng Đông Nam châu thổ sông Hồng. Phía Đông và Đông Bắc thành phố, một số đường phố tiếp tục hình thành như: Vị Xuyên, Đông Mạc, Kim Lũ, Đường Gòong (Quang Trung), Đường 110 (Nguyễn Du)... hoặc kéo dài thêm ở các phố Hàng Đồng, Hàng Tiện, Hai Bà Trưng... chợ Mom Sông, chợ Năng Tĩnh cũng đông đúc, sầm uất. Chợ Nhón (chợ Rồng) từ phía tả (hướng Đông) chuyển về phía hữu đường Pôn Be (Paul Bert - nay là đường Trần Hưng Đạo) và có đình chợ rộng thêm. Ở thời điểm này, thành phố Nam Định chẳng những có vai trò trung tâm thương mại của vùng Bắc - Trung Kỳ mà còn đồng thời là trung tâm hàng hoá

lớn đối với cảng Hải Phòng để buôn bán với nước ngoài và các tỉnh Trung và Nam Kỳ. Đánh giá chung về các đặc điểm, vị trí kinh tế của các trung tâm kinh tế lớn ở đầu thế kỷ XX, một số học giả của Pháp cho rằng: Hà Nội dù kỹ nghệ có vị trí đáng kể, nhưng cũng không phải là trung tâm kỹ nghệ loại nhất; Hà Nội là trung tâm kinh tế bởi vai trò thương mại của nó. Nam Định là trung tâm kỹ nghệ ⁽¹⁵⁾. Cũng ở thời gian đó, đồng thời hệ thống tài chính, ngân hàng - nhà băng, thuế, tiền (tiền Đông Dương và Việt Nam) của các tập đoàn tư bản Pháp đã thực sự trở thành công cụ khai thác các lĩnh vực theo phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những người thợ làm thuê ở các xưởng, nhà máy trên địa bàn thành phố chính là lực lượng công nhân lao động được hình thành và tăng lên khá nhanh. Tuy nhiên, mỗi khi gặp khó khăn, thiếu việc làm, người thợ lại quay về làng quê, sống dựa vào nông nghiệp. Một số chủ người Việt cũng bỏ vốn lập xưởng, mở hiệu kinh doanh trên địa bàn thành phố hoặc có cổ phần ở những nơi khác (các huyện và tỉnh ngoài). Song nhìn chung, tư sản người Việt ở đây có vốn nhỏ, sức cạnh tranh ít, dễ bị chèn ép, thua lỗ. Tư sản người Hoa thường buôn bán nhiều mặt hàng: gạo, thuốc, tơ tằm... Có một số thương nhân khá phát đạt. Lực lượng tư sản tập trung ở thành phố Nam Định tuy không nhiều, lại có quốc tịch khác nhau, nghề kinh doanh khác nhau, mà nhiều và lớn nhất là vải - sợi, tơ - lụa, nên bao trùm và lấn át tất cả là các công ty độc quyền của tư sản Pháp.

Từ thực tế đó cho thấy, vài thập niên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thành phố Nam Định đã được xây dựng mới và phát triển về nhiều mặt. Tư sản xuất thủ công truyền thống một số ngành nghề, mặt hàng tiêu dùng là chính, đã mở ra một số nhà máy cơ sở sản xuất công nghiệp mang tính hiện đại, đa dạng, đa sản phẩm và khối lượng hàng hoá lớn. Tư sản xuất nhỏ lẻ theo gia đình, xưởng sản xuất kiêm cửa hàng buôn bán đã chuyển sang mở xưởng, lập nhà máy. Từ thuê người làm

(15) *Địa chí tỉnh Nam Định*, NXB Chính trị quốc gia, 2003, tr. 452.

hoặc chủ kiêm thợ (hoặc theo mùa vụ) đã chuyển thành thuê lao động thường xuyên, chuyên theo một khâu, một việc trong dây chuyền sản xuất được trả lương theo tháng, lực lượng làm công ăn lương (công nhân) ra đời và tăng lên nhanh. Những người chủ bỏ vốn đầu tư, thuê lao động chính là những tư sản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành hiện hữu.

Sản xuất công nghiệp phát triển, giao thương mở rộng là tiền đề cho cảnh quan, diện mạo thành phố ngày một đổi thay. Những đường - phố hình thành từ đầu thế kỷ XVIII còn ở dạng sơ khai. Mặt đường chỉ rộng 3 - 4 mét, rải xỉ vôi, gạch ngói vụn hoặc còn là đường đất, trời mưa thì lầy lội. Phương tiện vận tải chủ yếu là xe bò, xe tay đẩy 1 bánh gỗ (xe cút kít). Người trong thành phố thường đi bộ, hoặc xuôi ngược bằng đò dọc. Quan lại đi cáng bằng võng do lính lệ khiêng và sau này có xe tay do lính kéo. Quan ở xa đến thành bằng ngựa, xe song mã cho quan tổng đốc, xe độc mã cho bố chánh, án sát.

Nhà cửa thì làm san sát dọc theo hai bên đường phố, trước thì phần nhiều lợp lá gồi (lá cọ) hoặc lá mía, sau này thì lợp ngói mũi (ngói nam) hoặc ngói âm dương (viên sấp, viên ngựa úp nhau theo chiều cong). Tường nhà chủ yếu xây gạch, vữa vôi cát, cát vôi mật mía; nhà giàu sang thì thưng bằng ván gỗ. Vì mặt tiền mỗi nhà mở ra đường chỉ có hạn, nên bố cục không gian theo chiều sâu (chiều dọc). Mỗi nhà thường chia ra nhiều ô (gian): ngoài, giữa, trong và bếp. Gian nhà ngoài thường dùng làm cửa hàng cửa hiệu, giữa thì có một sân nhỏ lộ thiên, có bể đựng nước mưa, nơi để chậu hoa, cây cảnh tạo nên sự thoáng mát, yên tĩnh thanh lịch. Phía trong là phòng ngủ, rồi đến gian bếp (ô phụ). Vật liệu xây dựng, với nhà nghèo thì bằng tre, luồng hoặc gỗ tạp, nhà giàu thì xà, kèo, cột nhà bằng gỗ lim, gỗ nghiến bền, chắc lại có trạm trổ hoa văn đường gờ, chỉ trau chuốt kiểu cách, nền nhà lát gạch đỏ thay cho nền bằng xỉ vôi. Những kiểu nhà này vẫn còn tồn tại đến nửa cuối thế kỷ XX, mà tập trung khá điển hình ở các phố Hoàng Văn Thụ, Hai

Bà Trung, Vị Xuyên và Minh Khai, Hàng Sắt. Đầu thế kỷ XX, nhờ kinh tế phát triển, ở một số đường, phố người ta đã làm nhà 2 tầng (một số 3 tầng), sàn và cầu thang bằng gỗ hoặc nhà bê tông cốt thép (chủ yếu xung quanh khu Cửa Đông và mấy trục phố chính).

Khi mới hình thành đường - phố, ban đêm chủ yếu nhờ ánh sáng đèn từ các nhà chiếu hắt ra, mãi sau này mới có cột đèn bằng cây buong (luồng) già dựng theo khoảng cách, trên treo một ngọn đèn chai (ngoài chụp bằng vỏ chiếc chai trong suốt), hoặc đèn đặt trong một hộp kính hình trụ nhỏ. Cứ tối đến, người tuần phu đi treo đèn hoặc thắp đèn dọc đường - phố. Nước ăn, rửa, tắm giặt là nước hồ, ao, sông hay giếng đào. Nhà giàu có bể nước mưa cũng phải dùng dè sên quanh năm. Người bán nước sông, đựng nước trong một thùng gỗ lớn kiêu trổng cái đặt trên xe kéo đi rong phố bán cho dân mua. Đến năm 1915 hầu hết công sở, nhà quan chức, chủ tư sản và thương nhân ở một số đường phố lớn đã có điện thắp sáng. Rồi đến năm 1925 cũng những nơi này đã có nước máy sử dụng.

Các làng xã ở khu vực ngoài thành phố, được người dân khai mở, cải tạo nên ruộng vườn trở thành sở hữu, thành nguồn sống chính của họ. Rồi một bộ phận đất đai khác được khai mở do các đạo binh khởi nghĩa, hoặc do tù binh, tù nhân thì sau đó trở thành đất công giao cho tầng lớp quan lại, quý tộc, vương hầu làm trang viên, trại, ấp để thu lợi tức (hoa lợi) thông qua sưu, thuế theo định mức phẩm cấp chức tước. Ở thời Lê Sơ, với chính sách “khuyến nông” và sắc lệnh về tổ chức lập đồn điền thì loại ruộng đất này tăng lên khá nhanh, nhất là tại các địa phương có nhiều đất sa bồi ven sông ven biển. Xung quanh vùng hành cung Thiên Trường xưa có trang ấp của Trần Quang Khải, Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo... nay thuộc đất các xã Mỹ Thành, Mỹ Trung, Mỹ Phúc và Nam Phong⁽¹⁶⁾.

Trong các thế kỷ XVI - XVIII, từ thời Hậu Lê về sau, các

(16) Theo *Thiên hạ bản đồ, Thiên nam dư hạ tập*, chỉ riêng huyện Nam Chân (nay thuộc huyện Nam Trực) có 25 đồn điền trong tổng số 43 đồn điền của cả nước.

thế lực phong kiến tranh giành quyền lực, lấy ruộng đất công ban cấp cho các công thần, chính sách “quân điền” coi như bị phá sản. Ruộng công còn lại trong tay Nhà nước rất ít. Năm 1510 nhà vua phải ban hành lệnh “truy tìm các hạng ruộng còn lọt ở dân, chưa vào sổ quan để cấp cho các công, hầu, bá theo thứ bậc khác nhau”⁽¹⁷⁾.

Đầu thế kỷ XIX nhà Nguyễn tiếp tục đẩy mạnh khai hoang mở đất với vai trò của Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ ở vùng ven biển trấn Sơn Nam Hạ (nay thuộc các huyện Tiền Hải (tỉnh Thái Bình), Hải Hậu, Nghĩa Hưng... (tỉnh Nam Định). Riêng vùng đất khu vực thành phố Nam Định, các làng xã ven đô chỉ cải tạo phục hoá các vùng trũng nội đồng để bù vào số ruộng đất bị giảm đi do mở rộng địa dư thành phố (làng, trại thành đường phố) và chính quyền thực dân Pháp lấy đất để xây dựng nhà máy, xí nghiệp, trường học, nhà thương (bệnh viện), đồn binh (trại lính)... Các làng Vị Xuyên, Đông Mặc, Năng Tĩnh có diện tích đất giảm nhiều. Đất thôn Khoái Đồng, Thi Thượng, Thi Hạ thì trở thành đường - phố.

Các làng - xã ven thành Nam Định xưa tuy nguồn sống chính vẫn là nông nghiệp, nhưng đồng thời cũng mở mang ngành nghề thủ công: Làm thợ mộc, nung vôi, làm gạch, trồng dâu, dệt lụa, đan lát mây tre. Nghề chế biến thực phẩm nông sản, làm bánh trái khá phát triển và mở rộng, tồn tại đến ngày nay, như bánh cuốn làng Kênh, bún long tu Phong Lộc, bánh dày Vị Dương, giò lụa Vị Xuyên... Khi thành phố mở rộng giao thương, công nghiệp phát triển, một bộ phận nông dân các làng - xã trở thành tiểu thương (buôn bán nhỏ), thành người làm công ăn lương (công nhân) trong các nhà máy, xí nghiệp. Dẫu vẫn ở tại làng hay chuyển cư vào thành phố nhưng làng xã vẫn là gốc sinh tử đối với bộ phận dân cư đã đổi nghề như vậy.

4- Văn hoá - xã hội

Vốn dĩ là cư dân nghề nông từ các làng xã xưa, dần dà một bộ phận chuyển ra ở nơi tụ hội giao thương, trở thành những

(17) *Lịch sử Hà Nam Ninh*, Tập I, 1988, tr. 195.

thị dân ở hành cung Thiên Trường rồi thành phố Nam Định sau này. Mỗi quan hệ của cư dân nơi đây vẫn thể hiện đậm đà truyền thống gắn bó cố kết cộng đồng, trọng lễ nghĩa và duy trì khá nhiều các tập tục trong đời sống sinh hoạt thường ngày.

Bao đời nay dân ta sống quần tụ theo gia đình, gia tộc (đại gia đình) nên phải giữ trọn đạo hiếu nghĩa với cha mẹ - ông bà - tổ tiên và anh em con cháu (nội tông thân) sao cho lễ phép, hoà thuận, hiếu thảo, tình nghĩa vẹn toàn. Trong xóm ngoài làng luôn đoàn kết thân thiện, trên kính dưới nhường, giúp nhau khi khó khăn, hoạn nạn “lá lành đùm lá rách”, “tắt lửa tối đèn” cùng nhau chia sẻ... Khi chuyển làm cư dân thành thị, những đạo lý ấy vẫn được trân trọng “tình phùng, nghĩa phố”, gắn bó trong cộng đồng dân cư đã trở thành lễ sống của mỗi người.

Cư dân Thành Nam dù ở phố hay ở làng, từ xưa đến nay đều sùng bái thờ cúng tổ tiên, được coi là tín ngưỡng thiết thực, quan trọng nhất và trở thành nếp sống của mỗi gia đình. Trong từng nhà đều có bàn thờ tổ tiên đặt ở nơi trang trọng nhất! Việc cúng giỗ được tiến hành (vào ngày mất của tiền nhân hoặc ngày tết, ngày tuần, tiết) với nhiều nghi thức khác nhau, tùy theo gia cảnh.

Đối với cộng đồng thì cư dân thành phố Nam Định cũng như trong tỉnh, trong vùng đều rất coi trọng tín ngưỡng dân gian: có đình thờ Thành hoàng, chùa thờ Phật, đền phủ thờ Thánh, miếu thờ Thần. Nhưng hiện tại thì không ít đình, chùa lại thờ cả Phật và Thánh nên nghi thức tế lễ phong phú, sinh động. Từ thời Lý tín ngưỡng đạo Phật ở vùng đất Tức Mặc đã có chùa Phổ Minh. Đền thờ Trần thì đạo Phật ở vùng Thiên Trường và cả nước bước vào thời kỳ phát triển rộng khắp. Cả ba đời vua kế tiếp nhau từ Trần Thái Tông (tức Trần Cảnh 1218 - 1277) đến Trần Thánh Tông (tức Trần Hoảng 1240 - 1290) và Trần Nhân Tông (tức Trần Khâm 1258 - 1308) đều dày công nghiên cứu Phật học và am tường sâu sắc thực tiễn đạo Phật ở đất nước Đại Việt. Vậy nên Thượng hoàng Trần Nhân Tông trở thành ông tổ khai sáng Thiền phái Trúc Lâm mang sắc thái tiêu

biểu của đất nước. Đồng thời vùng Tứ Mặc - Thiên Trường sớm trở thành một trung tâm Phật giáo lớn ở châu thổ sông Hồng, với không ít những hoạt động Phật pháp lớn.

Ở thời Lý - Trần, xu thế phát triển Phật học đã lan toả mạnh mẽ tới các làng - xã vùng Thiên Trường, với sự hiện diện của các vị thiền sư - trí thức - quý tộc lớn (lan truyền câu chuyện dân gian kỳ thú về Nguyễn Hiền (1235 - 1255) người làng Dương A, huyện Thượng Huyền (nay là Nam Trực) theo học sư chùa ở làng mà đỗ Trạng nguyên năm Thiên ứng Chính Bình 16 (1247) khi mới 13 tuổi.

Đạo giáo có gốc ở Trung Quốc cổ đại, từ học thuyết của Lão Tử (thế kỷ VI - TCN) mà cốt lõi là tư tưởng vô vi. Nhưng khi vào đất Việt thì đạo này hoà với tín ngưỡng dân gian, trở thành một đạo thiên về mặt phù phép, biến hoá. Dấu tích hay niềm tin ma thuật qua tục chạm trổ (xăm mình) vào người đã có từ rất xưa. Các tướng soái nhà Trần đều thích hình rồng ở bụng, lưng và đùi. Không ít đại thần (như Trần Thủ Độ, Trần Nhật Duật) cũng tin dùng và đề tâm nghiên cứu Đạo giáo. Từ thế kỷ XV đến sau này, vùng đồng bằng sông Hồng nói chung, thành phố Nam Định nói riêng thường xuyên là một trung tâm duy trì sự hiện hành của Đạo giáo. Đó là sự xuất hiện hàng loạt các truyền thuyết, di tích có liên quan đến Đạo giáo (như thần tích về Đức thánh Minh Không, thần Tam danh Đại vương (Tam Bành), Thánh mẫu Liễu Hạnh giáng trần... Rõ nét nhất là hình thức phụ đồng, giáng bút, còn gọi là đồng bóng, là hiện tượng mê tín dị đoan về thần thánh, ma quỷ, âm hồn mượn thân xác người sống mà phán bảo chuyện nọ sự kia.. bằng cách nói hay viết.

Nho giáo cũng sớm thâm nhập và phát triển ở vùng đất Thiên Trường, cùng với Phật giáo. Song, so với các địa bàn Kinh Bắc, Hải Dương, Thăng Long thì bị hạn chế hơn vào thời Trần. Bởi vương triều Trần vốn không mặn mà lắm với Nho giáo, mà lại ham say nghiên cứu Phật học. Vua Trần Minh Tông kiên quyết: “Nhà nước có phép tắc riêng, Nam Bắc khác

nhau, nếu theo kế của bọn học trò da trắng tìm đường tiến thân thì sinh loạn ngay⁽¹⁸⁾. Tuy nhiên, đến cuối đời Trần và thời Lê Sơ, với sự thắng thế của Nho giáo trong phạm vi cả nước, vùng đất Thiên Trường - Sơn Nam mới bị cuốn hút vào vòng quay Nho giáo với cường độ và quy mô mới. Đại biểu Nho giáo ở vùng Sơn Nam là Trạng nguyên Lương Thế Vinh, Phạm Đạo Phú... Rồi về sau, Nam Định trở thành một trong những trung tâm giáo dục, khoa cử tiêu biểu, với Trường thi Hương (Trường Nam), Nhà Học, Văn Miếu.

Đạo Công giáo truyền đến vùng Sơn Nam - Nam Định từ năm 1533, ở thời Lê Trang Tông (sớm nhất tại Trà Lũ, Ninh Cường nay thuộc huyện Xuân Trường và Trực Ninh). Các giáo sĩ phương Tây chia ranh giới truyền giáo: Bên tả (phía Nam) sông Đào thuộc địa phận của giáo hội Pháp (sau này là Giáo phận Bùi Chu). Tại gò Tường Loan, phía tả đường Trần Hưng Đạo ngày nay, các giáo sĩ Pháp xây dựng nhà thờ Công giáo đầu tiên vào năm 1887 (gọi là nhà thờ lớn). Sau này trên địa bàn Thành Nam còn xây dựng thêm một số nhà thờ họ lẻ: Phù Long, Vườn Chay An-tong (Antone), Khoái Đồng và Trường tư thục Sanh-Tô-ma Đa-canh (Saint Thomas d' Aquin).

Đạo Tin Lành nơi giảng đạo ở phố Hàng Đồng, sau chuyển ra phía Bắc đường Phạm Hồng Thái gần chợ Mỹ Tho.

Đồng hành với tín ngưỡng, tôn giáo là các lễ hội. Lễ hội thường diễn ra vào các ngày sinh, ngày kỵ (giỗ) của các thánh, thành hoàng tổ nghề hay ngày lễ của Thần, Phật tại các đình, chùa, đền, phủ. Từ xưa trên địa bàn thành phố đã diễn ra nhiều lễ hội với nhiều nội dung, nghi thức, quy mô khác nhau. Lớn nhất và trọng thể nhất là lễ hội đền Trần vào ngày 20 tháng 8 âm lịch hàng năm tại đền Thiên Trường và đền Bảo Lộc. Ở đình Phù Long xưa, từ ngày 21 - 23 tháng 8 âm lịch có “Tế xám”, ngày đầu rước lễ “Rửa kiệu”, ngày thứ hai “Rước tập”, ngày thứ ba vào giờ Tý tế “Đình liệu”, đến sáng làm “Tế xám”, sau kết thúc thì chia cỗ thụ lộc. Lễ hội ở Phủ Phong Lộc Đông

(18) *Đại Việt Sử ký toàn thư*, bản kỷ, quyển VI.

vào ngày 16-17 tháng ba. Đền và chùa Vạn Diệp (gọi là đền Cỏ) thờ “Bát vị thần hoàng” nhà Trần, lễ hội vào rằm tháng ba hàng năm. Tại đền Văn Khẩu vào ngày 21-22 tháng ba âm lịch có tế thần, rước kiệu và đi diễn các tích trò. Các trò chơi dân gian trong lễ hội thường có: Thi hát bài bông, hát văn, hát xẩm, đấu vật, đánh cờ người, chọi gà, thi nấu cỗ, làm bánh dày...

Sự học (đạo Nho) tuy hưng vượng chậm, nhưng là nơi bản bộ của Triều Trần là “Kinh đô thứ hai” từ thuở trước, với bản tính mãi tiếp, sáng tạo nên suốt thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX, vùng đất này đã có không ít người hiền tài, khoa cử thành danh. Đó là: Bảng nhãn Trần Đạo Tái người làng Tức Mặc ở tuổi 14, Hoàng giáp. Trần Xuân Vinh, người làng Năng Lự, đỗ khoa thi năm 1499 làm quan Đô cấp sự trung. Trần Đăng Huỳnh, người làng Vị Dương, đỗ Tiến sĩ năm 1556. Thời Hậu Lê có Trần Lộ (Trần Mại), người làng Vị Hoàng đỗ Tiến sĩ năm 1721, làm quan Công bộ Thị lang. Thời Nguyễn có Vũ Công Độ, đỗ Tiến sĩ năm 1832 làm quan Thái bộc tư khanh, Lãnh Bộ chánh Thái Nguyên. Trần Doãn Đạt (thân sinh Trần Bích San) đậu Phó bảng năm Nhâm Tuất (đời Vua Tự Đức thứ 15, năm 1862), làm quan Án sát Hưng Hoá. Tam nguyên Trần Bích San, ở số 7 phố Bến Ngự, năm 25 tuổi đỗ đầu liên 3 khoá thi (Hương - Hội - Đình), đỗ Tam nguyên năm (1865). Trịnh Hữu Thăng ngụ cư ở phố Định Tả, nguyên quán làng Bách Tính, đỗ Tiến sĩ khoa thi Hội cuối cùng, năm 1919, từng làm Thừa phái ở Viện Cơ mật.

Sinh hoạt văn hoá công cộng (đối với dân cư làng xã) gần hai ngàn năm vẫn chủ yếu là ở đình, chùa. Nơi đây, vừa để người dân gửi gắm tâm tư vào cõi linh thiêng của thần, phật, vừa là nơi phô diễn hội hè hoặc hội họp việc nước, việc làng. Chỉ ở nơi cung đình, dinh thất của vua, quan mới có lầu (hoặc nhà) giành cho tấu nhạc, ca xướng, diễn trò giành riêng cho vương công quý tộc. Trên địa hạt Thành Nam xưa, sau khi lấp sông Vị Hoàng, năm 1913 chính quyền Pháp cho đào hồ Vị Xuyên, lại cho xây dựng Nhà máy Đền và 10 năm sau có thêm Nhà máy Nước sạch; tại cầu bơm nước của nhà máy được xây

dựng thành nhà nổi trên sông (Thủy tạ) trở thành điểm vui chơi giải trí (boi thuyền, khiêu vũ...) khá hấp dẫn đối với giới quý tộc và chủ yếu giành cho người Pháp.

II- Thành phố Nam Định từ đầu thế kỷ XX đến nay

Đến đầu thế kỷ XX thành phố Nam Định đã trở thành một trong những đô thị lớn của miền Bắc và cả nước với diện mạo, cảnh quan khá bề thế, sôi động. Sản xuất công nghiệp theo hướng hiện đại đã ra đời, bước đầu có vị thế phát triển. Giao lưu buôn bán mở rộng đa chiều, tăng hàng hoá. Dưới chế độ thực dân (Pháp - bảo hộ) phong kiến (triều Nguyễn), đời sống xã hội dân cư trên địa bàn theo đó có bước chuyển đổi về nhiều mặt. Truyền thống văn hoá tốt đẹp lâu đời tuy được lưu truyền, nhưng đã bị lấn át bởi yếu tố ngoại lai. Cộng đồng dân cư bước đầu có xáo trộn, tính cố kết bền vững bị chi phối. Người dân lao động, nhất là ở khu vực nông thôn ngoại thành vẫn trong cảnh nghèo đói, vất vả, khó khăn. Giai cấp công nhân, thương nhân thành thị ra đời đã đang dần khẳng định vị thế trong xã hội. Từ thực trạng đó, những thập niên tiếp theo đã có nhiều sự kiện, nhiều biến đổi quan trọng trên địa bàn thành phố.

1- Đấu tranh cách mạng giải phóng quê hương, đất nước

Sau khi hoàn thành việc bình định, thực dân Pháp nhanh chóng thiết lập một bộ máy cai trị trên đất nước Việt Nam đồng thời với điều chỉnh địa giới hành chính: Năm 1890 thực dân Pháp đã cắt vùng tả ngạn sông Hồng để lập tỉnh Thái Bình và cắt một số xã Tây Bắc (thuộc huyện Lý Nhân, Bình Lục) cho sáp nhập vào tỉnh Hà Nam.

Cấp phủ (một cấp trung gian giữa tỉnh và huyện) bị xoá bỏ. Tên của phủ cũ (Xuân Trường và Nghĩa Hưng) được thay bằng tên huyện. Huyện Thượng Nguyên địa bàn trải dài theo phía hữu sông Hồng và sông Châu, khó cho việc quản lý nên thực dân Pháp cắt nhỏ thành các tổng - xã đưa về các huyện lân cận

là Mỹ Lộc và Nam Chân (Nam Trực). Năm 1934 cho sáp nhập hai huyện: Ý Yên và Phong Doanh lấy tên chung là huyện Ý Yên. Ở Thành Nam, thủ phủ của tỉnh Nam Định đứng đầu là viên Công sứ người Pháp, giúp việc cho Công sứ là hai phó sứ (Pháp gọi là đốc lý), một phụ trách nông thôn, một phụ trách thành phố. Bên cạnh đó, bộ máy quan lại của Triều Nguyễn vẫn được duy trì từ tỉnh đến làng - xã. Các cơ quan chuyên môn giúp việc cho Công sứ đều do người Pháp nắm giữ và đóng ở thành phố, như Chánh án (Án sát), Giám binh (Đề đốc), Chủ sự kho bạc, Giám đốc Học chính, Lục lộ, Thuế quan (Bố chính). Về quân sự, ở thành phố có 1 trung đoàn, một đội quân nhạc dưới sự chỉ huy của một giám binh người Pháp. Trên khuôn viên của Thành Nam cổ đã bị phá bỏ, một loạt các công sở của người Pháp lần lượt được dựng lên: Toà Công sứ (ở khu Quảng trường Hoà Bình bây giờ), toà Đốc lý (ở khu vực vườn cảnh hiện nay) trước chùa Vọng Cung; sở Quan binh (ở khu Viện Kiểm sát tỉnh hiện nay); sở Đề lao, sở Mật thám (ở khu đất Công an tỉnh hiện nay), sở Điện báo - Nhà séc (ở khu Bưu điện trung tâm), dinh Tổng đốc Trần Văn Thông ở khu đất Bệnh viện E cũ.

Từ năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) và sau đó là lần thứ hai (1919 - 1929). Nhận thấy rõ những lợi thế cho sự phát triển ngành công nghiệp nhẹ, nhất là công nghiệp dệt, tư bản Pháp đã từng bước thâm tóm các xưởng sợi, dệt rất phát đạt từ trước đó để thành lập công ty Bông - Sợi Bắc Kỳ tại Nam Định. Đây là một liên hiệp các xí nghiệp sợi - vải vào loại lớn nhất Đông Dương. Năm 1908, hãng Emry và Toocten đứng ra thành lập Công ty Tơ - Lụa xuất khẩu Pháp - Việt (SFATE), có số vốn 1,4 triệu phơ rãng. Tiếp sau đó, một loạt các nhà máy của tư bản Pháp lần lượt được xây dựng trên địa bàn thành phố, như Nhà máy Đèn (điện), Nhà máy Nước, Nhà máy Chiếu, Nhà máy Chai, Nhà máy Rượu, Xưởng gạch ngói... Đồng thời tại đây còn có nhiều cơ sở thương mại và công nghiệp của tư sản

người Hoa, người Ấn, người Việt, như Xưởng Cơ khí Nguyễn Thế Môn, Nhà In Trương Phát, Xưởng Dệt đũi Vũ Tư Cấu, Xưởng Ô tô của Lê Trường Xuân, Đội Tàu thủy khá mạnh của Bạch Thái Bưởi...

Sự phát triển nhanh chóng của sản xuất công nghiệp và giao lưu thương mại đã thu hút về thành phố Nam Định ngày một đông đội ngũ thợ nhiều ngành nghề: rèn, gò, tiện, thêu, may, dệt... và những người buôn bán từ các làng quê (cả ngoại thành và các huyện trong tỉnh). Sự biến đổi về cơ cấu lao động xã hội đã góp phần tạo ra đội ngũ công nhân và tầng lớp tiểu tư sản thành thị ngày một đông thêm. Như vậy, trong lòng xã hội thuộc địa nửa phong kiến, tại thành phố Nam Định đến đầu thập niên thứ hai thế kỷ XX đã xuất hiện các giai cấp mới là tư sản, công nhân và thị dân. Thị dân là các tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên, công chức, trí thức (gọi chung là tiểu tư sản).

Tư sản ở thành phố Nam Định chủ yếu xuất thân từ nghề thầu khoán, đại lý cho chủ tư sản Pháp; có một số đầu tư bỏ vốn kinh doanh mở xưởng sản xuất quy mô nhỏ, cũng có không ít tư sản kiêm địa chủ. Do vốn ít, số lượng tư sản địa phương không nhiều, họ thường bị tư sản Pháp và Hoa chèn ép, cạnh tranh nên luôn có mâu thuẫn về quyền lợi kinh tế cũng như về vị thế xã hội.

Đội ngũ công nhân ở thành phố Nam Định được hình thành cùng với quá trình khai thác thuộc địa của tư bản thực dân Pháp. Đầu thế kỷ XX, số lượng công nhân ước tính khoảng 1,5 vạn người (trong tổng số hơn 4 vạn dân); họ sống tập trung, có tác phong và trình độ kỹ thuật. Phần lớn họ xuất thân từ nông thôn và số ít là thợ thủ công đã từng sống ở thành phố. Đời sống lao động vật chất và tinh thần của công nhân hết sức khó khăn, khổ cực. Họ phải lao động từ 12 đến 14 giờ mỗi ngày, lương thấp lại luôn bị đánh đập, cúp phạt và đe dọa sa thải... Sống dưới ách thống trị hà khắc, lại bị chủ tư sản bóc lột nặng nề, công nhân và nông dân cùng có chung kẻ thù là đế quốc,

phong kiến nên họ sớm đoàn kết lực lượng tạo thành khối liên minh công - nông vững chắc để đấu tranh đòi quyền lợi và chống áp bức, xâm lược.

Trong quá trình khai thác thuộc địa, thực dân Pháp luôn cấu kết chặt chẽ với giai cấp phong kiến, địa chủ để ra sức khai thác tài nguyên, vơ vét nguyên liệu xuất khẩu thu lợi nhuận cao. Chúng ráo riết chiếm đoạt ruộng đất đối với các làng, xã ngoại thành và độc quyền một số mặt hàng: muối, rượu, thuốc phiện. Năm 1890, Pháp đã dựng lên hàng rào thuế quan, đánh thuế cao hàng hoá một số nước khác khi nhập vào thành phố, ưu tiên hàng của Pháp, độc quyền thu mua giá rẻ các mặt hàng địa phương, như: hải sản, tơ tằm, hàng sơn mài, chạm khắc. Nhiều loại thuế áp đặt phi lý đè nặng lên cuộc sống nhân dân địa phương: thuế thân, thuế thổ trạch, thuế môn bài, chõng, thuế các loại xe, tàu thuyền đi lại trong thành phố...

Để đẩy lùi và xoá bỏ ảnh hưởng của văn hoá truyền thống dân tộc Việt và đào tạo đội ngũ công chức, viên chức cho chính quyền tay sai, thực dân Pháp từng bước loại dần nền giáo dục Nho học. Năm 1915, Trường thi Nam Định bị đóng cửa, thay vào đó là các trường giáo dục tây học, như: Trường Tiểu học Cửa Bắc, Cao đẳng tiểu học Thành Chung, Tiểu học Vườn Dâu, Tiểu học Bến Củi, Trường tư thực Lý Đoán... Phần lớn học sinh đến học các trường này là con em quan lại hoặc nhà giàu ở trong và ngoài thành phố. Hầu hết người dân không đi học, không biết viết, biết đọc Quốc ngữ và Pháp ngữ. Văn hoá duy tâm lạc hậu và ngoại lai có cơ phát triển. Tại thành phố xuất hiện một số hộp đêm (ở đường Công Hậu, Hàng Thao, Máy Chiếu), tiệm nhả (ở phố Pônbe - Trần Hưng Đạo, nhà lầu cầu bơm Nhà máy Nước...). Rượu và thuốc phiện được bán nhiều nơi. Theo Ngô Giáp Đậu (Độc học Nam Định), năm 1915 thành phố có 3 đại ty cùng 25 đại lý cung cấp thuốc phiện cho 1.095 tiểu bài toàn tỉnh; 3 đại lý cung cấp cho 209 tiểu bài rượu và thuốc phiện trong thành phố⁽¹⁹⁾. Thực trạng về văn hoá

(19) *Thành Nam xưa*, Vũ Ngọc Lý, Sở Văn hoá - Thông tin, năm 1995, tr. 215.

- xã hội đó nằm trong âm mưu của bọn thực dân xâm lược, nhằm nô dịch về tinh thần của nhân dân ta và làm tha hoá một bộ phận người cam chịu làm tay sai cho chúng.

Tiếp nối các phong trào chống Pháp xâm lược những năm cuối thế kỷ XX, phong trào canh tân yêu nước của các nhân sĩ tiến bộ cũng đã diễn ra tại địa bàn thành phố và kéo dài đến hai thập kỷ đầu thế kỷ XX. Đó là các phong trào: Đông du, Đông kinh nghĩa thực, phong trào canh tân xã hội, cải lương hương tục. Trong đó tiêu biểu là 3 nhà nho, nhà sĩ phu có tư tưởng tiến bộ ở làng Vị Xuyên là Tam nguyên Trần Bích San, Vũ Tự, nhà thơ Trần Tế Xương. Các ông đã dùng văn chương để điều trần với Triều đình (nhà Nguyễn) về thời cục, về canh tân đất nước, để tỏ thái độ căm thù quân xâm lược tàn bạo và quan lại phong kiến hèn nhát, bất lương, để phê phán cái nhố nhăng của xã hội trong buổi giao thời... Nhưng mạnh mẽ nhất, quyết liệt nhất và ảnh hưởng sâu rộng nhất là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Thành Nam, mà tiêu biểu là công nhân Nhà máy Sợi Nam Định.

Mở đầu là đình công của thợ là phụ nữ Nhà máy Chai vào ngày 1-5-1909, phản đối chủ cho tay sai khám xét chị em, có hành vi xúc phạm nhân phẩm. Tiếp theo là công nhân Nhà máy Tơ bãi công tháng 2-1922 phản đối việc ngược đãi đối xử tàn bạo với thợ. Công nhân Nhà máy Điện biểu tình (ngày 21-7-1924), công nhân nhà máy Rượu bãi công (ngày 11-9-1924); công nhân Xưởng Dệt Nhà máy Sợi bãi công (ngày 14-9-1924)... Chỉ tính riêng các cuộc đấu tranh của công nhân do báo chí đương thời và tài liệu của địch ghi lại, từ năm 1909 - 1926 tại thành phố Nam Định đã nổ ra 8 cuộc. Lớn nhất là cuộc tổng bãi công ngày 20-4-1925 của 2.500 công nhân Nhà máy Sợi đòi tăng lương và phản đối việc sa thải 300 công nhân. Cuộc tổng bãi công này tranh thủ được sự ủng hộ của công nhân các nhà máy khác, đã kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, làm chấn động giới tư sản Pháp ở Đông Dương và cả chính giới Pháp.

Cùng với phong trào đấu tranh của công nhân, giới trí thức, học sinh thành phố cũng tích cực đấu tranh trong phong trào đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu và tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh tại Nam Định (năm 1925, 1926). Cũng từ những phong trào này, không ít trí thức và thanh niên học sinh Nam Định đã nhanh chóng hoà nhập, trưởng thành trong phong trào yêu nước và cách mạng của cả nước. Đó là các thầy giáo Đào Gia Lựu, Trần Văn Bảo, Vũ Ngọc Toàn (ở Trường Tiểu học Cửa Bắc), Đào Văn Định, Vũ Tam Lạp, Nguyễn Văn Chính (ở Trường Thành Chung) với những người là nòng cốt khởi xướng phong trào bãi khoá ở Trường Thành Chung, như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Tường Loan, Nguyễn Văn Hoan, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Đặng Châu Tuệ (Đặng Việt Châu)... Sau cuộc bãi khoá có 54 học sinh bị đuổi học, trong đó một số học sinh nung nấu ý chí xuất dương tìm đường cứu nước.

Giữa lúc phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ dâng cao, nhiều sách báo, tài liệu yêu nước từ nước ngoài bí mật truyền về thành phố. Một số trí thức, học sinh đã bắt liên lạc được với Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên - tổ chức yêu nước do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm huấn luyện, đào tạo cán bộ cho phong trào cách mạng Việt Nam. Tại nhà số 7 phố Bến Ngự, từ cuối năm 1925 một đường dây liên lạc bí mật được tổ chức để đưa người yêu nước Nam Định sang Quảng Châu dự huấn luyện, trở thành nhân tố cốt cán về nước hoạt động xây dựng phong trào và các cơ sở cách mạng.

Từ giữa năm 1926 đến đầu năm 1927, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đã phát triển mạnh về Nam Định thông qua 3 nguồn chính: Nguồn thứ nhất là những học sinh của Trường Thành Chung đã được sang Quảng Châu dự các khoá huấn luyện và đã được kết nạp vào Hội trở về gây dựng phong trào. Nguồn thứ hai gồm các nhà nho, nhà giáo hoạt động trong nhóm “Tập hình khách sạn” ở thành phố có quan hệ với các

hội viên của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Hà Nội đã tích cực xây dựng phong trào ở địa phương. Nguồn thứ ba là các hội viên ở tỉnh ngoài được Hội cử về hoạt động tại Nam Định. Đồng chí Nguyễn Văn Hoan, Trần Trung Tín về hoạt động tại thành phố vào tháng 4-1927 đã tập trung phát triển cơ sở hội trong hàng ngũ công nhân Nhà máy Sợi và trí thức, học sinh.

Đến cuối năm 1927, ở thành phố đã có 8 chi hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. Đó là các chi hội đường phố, chi hội giáo dục, chi hội ghép của công nhân, chi hội học sinh Trường Thành Chung, chi hội học sinh Trường Cửa Bắc và chi hội công nhân Nhà máy Sợi Nam Định. Tại khu Nghĩa địa Hoa kiều (thuộc xã Mỹ Xá), tháng 9-1927 đại diện Kỳ bộ hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đã tổ chức họp mặt với 3 cán bộ chủ chốt của Hội ở Nam Định để lập Tỉnh bộ lâm thời, Ban Chấp hành gồm 3 người, do Nguyễn Văn Hoan làm Bí thư. Tháng 9-1928, Tỉnh bộ lâm thời đã triệu tập Hội nghị đại biểu Tỉnh bộ hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Nam Định, có 6 đại biểu tham dự hội nghị đều là hội viên hoạt động trên địa bàn thành phố. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Tỉnh bộ chính thức gồm 3 uỷ viên, Nguyễn Văn Hoan là Bí thư.

Thực hiện chủ trương “vô sản hoá” của Kỳ bộ Bắc Kỳ, đầu năm 1929, một số hội viên Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên là trí thức, học sinh các tỉnh đã về Nam Định, hăng hái vào lao động tại các nhà máy, xí nghiệp như: Ngô Huy Ngụ, Khuất Duy Tiến, Mai Thị Vũ Trang, Trịnh Thị Uyển... Qua đó góp phần xây dựng phong trào công nhân về tư tưởng cũng như về tổ chức.

Từ khi có tổ chức của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, tại thành phố đã diễn ra nhiều cuộc đấu tranh; tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân Nhà máy Sợi (23-11-1928), cuộc đình công của toàn bộ phu kéo xe (ngày 4-10-1929), nhất là cuộc bãi công của công nhân Nhà máy Sợi (từ 20 đến 29-3-1929) đã gây tiếng vang và ảnh hưởng lớn đến phong trào đấu tranh cả nước.

Sau khi Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSD) được thành lập (17-6-1929), ngày 19-6-1929 Ban Tỉnh uỷ lâm thời ĐDCSD Nam Định được thành lập gồm Nguyễn Hối (Bí thư), Phạm Văn Ngộ và Lê Ngọc Rư. Cơ quan Tỉnh uỷ đặt tại ngôi nhà số 12 phố Năng Tĩnh và một số nhà dân thôn Mỹ Trọng (xã Mỹ Xá). Cơ sở in thạch của Tỉnh uỷ đặt tại phố Hải Phòng - Đường 110 (nay là đường Nguyễn Du) để in các tài liệu bí mật, truyền đơn, báo chí (từ Tiền phong của tỉnh, tờ Búa liềm của Trung ương...).

Công tác chọn lựa, kết nạp đảng viên được tiến hành chặt chẽ. Ngay đợt đầu tiên, ở Nam Định đã có 250 hội viên Việt Nam cách mạng Thanh niên được kết nạp vào Đảng, trong đó số đông ở địa bàn thành phố. Thành phần đảng viên bao gồm tiểu tư sản (18%), nông dân (35%), công nhân (40%), thành phần khác (7%)⁽²⁰⁾. Thành phố Nam Định là nơi tập trung đông công nhân, nên được Tỉnh uỷ thường xuyên quan tâm chỉ đạo, do đó từ đây phong trào cách mạng có bước chuyển biến mạnh.

Trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, hoà nhịp với phong trào của cả nước, mở đầu là cuộc bãi công của nữ công nhân Nhà máy Chiếu thuộc Công ty Thương mại Á châu (vào ngày 15-3-1930). Tiếp theo là cuộc tổng bãi công với quy mô chưa từng có của 4.000 công nhân Nhà máy Sợi, từ ngày 25-3 đến 16-4-1930, hình thức đấu tranh quyết liệt, tạo được thanh thế, có tiếng vang lớn.

Để chuẩn bị xây dựng Luận cương của Đảng, đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đã về khảo sát tình hình đời sống và phong trào công nhân thành phố Nam Định vào tháng 7-1930. Đồng chí cũng giành thời gian làm việc với Ban Tỉnh uỷ tại số nhà 225 Hàng Nâu, làm việc với cán bộ chủ chốt của Công hội Đỏ tại số nhà 26B phố Cửa Đông.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng về “Đẩy mạnh mọi hoạt động ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh đỏ và chống khủng bố trắng”, tổ chức “Truy điệu nông dân Tiền Hải”, cuối

(20) *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Định, 1929 - 1975*, năm 1995, tr. 81.

năm 1930 ở thành phố Nam Định một loạt cuộc đấu tranh liên tiếp diễn ra. Bất chấp sự khủng bố gắt gao của thực dân Pháp, tại sân bay thành phố (khu Tây Bắc - đường Trần Đăng Ninh hiện nay), ngày 22-10-1930 đồng chí Ngô Huy Ngũ Tỉnh ủy viên đã trực tiếp chỉ huy cuộc mít tinh vạch tội ác quân địch, cho dù biết mình sẽ bị bắt, tù đày và hy sinh. Trong dịp này, một số đảng viên thuộc thế hệ đầu tiên của thành phố cũng bị bắt và anh dũng hy sinh, như Trần Đình Qui (công nhân dệt ở Nhà máy Tơ), Trần Văn Cảnh (thợ điện)...

Những năm 1934 - 1935, phong trào cách mạng trong cả nước dần hồi phục. Qua những biến động trên thế giới, đặc biệt là tình hình nước Pháp, từ tháng 5-1936 Chính phủ cánh tả lên cầm quyền đã thi hành một số cải cách quan trọng có ảnh hưởng tốt tới phong trào cách mạng Việt Nam.

Mùa thu 1936, hàng chục đảng viên và quần chúng cách mạng ở thành phố được tha tù trở về. Vì cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy chưa được lập lại, nên hầu hết đảng viên ở địa phương chủ động phối hợp tổ chức các hoạt động đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Chỉ từ tháng 1-1936 đến tháng 3-1937 tại thành phố đã có 20 cuộc đấu tranh. Nổi bật nhất là cuộc tổng đình công có quy mô lớn của 8.000 công nhân Nhà máy Sợi kéo dài hơn một tháng từ ngày 2-2 đến 3-3-1937 đòi tăng lương, đòi thi hành Luật Lao động và chống đánh đập. Quá trình diễn ra ở đây, Ủy ban đấu tranh được thành lập, ngoài hình thức bãi công, công nhân còn triệt để lợi dụng điều kiện hợp pháp để tổ chức mít tinh lớn (ở Văn Miếu) có diễn thuyết, tuần hành biểu dương lực lượng và trực tiếp gặp nhà cầm quyền can thiệp buộc chủ nhà máy phải thực hiện yêu sách.

Trên mặt trận đấu tranh công khai, tháng 9-1936 các đảng viên ở thành phố đã lãnh đạo quần chúng hưởng ứng phong trào cuộc vận động “Đông Dương đại hội” để vạch mặt bọn tay sai lừa mị dân chúng và nêu những yêu cầu bức thiết của nhân dân lao động. Tháng 2-1937, tại nhà số 2B phố Hàng Đàn (nay là phố Hoàng Văn Thụ), một số đảng viên lập đại lý sách báo

“cánh tả” do đồng chí Phan Đình Khải (tức Lê Đức Thọ) phụ trách. Ở nhà 114 Pôn-be (phố Trần Hưng Đạo), Lê Văn Phúc mở hiệu sách “Trung tâm”. Đến tháng 7-1937 “Đại lý sách báo” cánh tả chuyển về 47B phố Đồng Khánh. Đồng thời tranh thủ điều kiện thuận lợi hiện tại để tổ chức các hội quần chúng theo hướng công khai và nửa công khai. Từ sau ngày 25-9-1937, cuộc họp trú bị ở Nghĩa trang Hoa kiều, Hội Ái hữu được thành lập tại nhiều nơi, như: Nhà máy Sợi, Lục Lộ, thợ mộc, bồi bếp, trong học sinh, trí thức... Các ái hữu đều thu hút được nhiều công nhân tham gia. Riêng Ái hữu Nhà máy Sợi có gần 400 hội viên. Các ái hữu đều có ban trị sự, có điều lệ, hoạt động công khai, hoặc có trụ sở công khai. Thông qua sinh hoạt ái hữu để tuyên truyền chủ trương của Đảng, giáo dục chính trị và ý thức, cách thức đấu tranh đòi quyền lợi cho hội viên. Do đó, ái hữu thực chất là tổ chức hoạt động công khai của Đảng, là cầu nối giữa Đảng và quần chúng, mang tính chất nghiệp đoàn. Do phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ khá sôi nổi, sâu rộng, nên buộc Công sứ Nam Định phải họp hội đồng hoá giá quy định giá gạo, các chủ nhà máy, chủ xưởng phải giải quyết một phần phụ cấp sinh hoạt đắt đỏ cho thợ Nhà máy Tơ, Nhà máy Sợi, Nhà máy Rượu...

Đầu năm 1939, Tỉnh uỷ Nam Định quyết định ra tờ báo bí mật lấy tên là “Tiên lên” làm phương tiện tuyên truyền. Cơ sở in báo đặt tại Phù Long, sau đó dịch tăng cường lũng vực phải chuyển sang Thái Bình và trở thành tờ báo của Liên Tỉnh uỷ C.

Chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ. Nước Pháp cuốn hút vào lò lửa chiến tranh. Để phục vụ cho lợi ích ở chính quốc, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đặt trong tình trạng thời chiến, một mặt ra sức vơ vét sức người sức của ở các nước thuộc địa, mặt khác phát xít hoá bộ máy cai trị, khủng bố ngăn chặn phong trào cách mạng và tấn công vào Đảng Cộng sản.

Tại thành phố Nam Định, Trung đoàn Pháo binh Bắc Kỳ thứ 4 (4e RTT) được củng cố, quân số tới 500 tên, cùng 1 Đại đội lính khố xanh. Ngoài số mật thám chuyên nghiệp, Ty Mật

thám Nam Định còn có một mạng lưới chỉ điểm tới 165 tên. Hàng loạt thanh niên ở thành phố Nam Định bị cưỡng bức vào lính đưa sang Pháp làm bia đỡ đạn. Nhiều phương tiện vận tải của dân chúng bị xung công. Các loại thuế cũ đông loạt tăng cao, lại đặt thêm nhiều loại thuế mới hết sức vô lý. Trong khi đó, do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh, nhiều nhà máy, xí nghiệp phải đóng cửa, nhiều công nhân bị sa thải mất việc làm. Thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ và viên chức, trí thức cũng thiếu việc làm thường xuyên, đời sống bấp bênh. Giá cả tăng vọt. Nông dân đói khổ vì sưu cao thuế nặng, thu hoạch thất thường. Song, điều mà thực dân Pháp ráo riết tiến hành là triệt phá phong trào cách mạng, tấn công tiêu diệt Đảng Cộng sản. Ngày 29-9-1939 chúng tiến hành 40 cuộc khám xét, bắt 46 đảng viên và quần chúng cách mạng. Mọi quyền lợi dân sinh, dân chủ mà dân ta vừa giành được đều bị xoá bỏ. Các tổ chức cách mạng bị giải tán. Đại lý sách báo cánh tả bị đóng cửa.

Thời gian này cơ sở đảng ở thành phố còn lại 5 đảng viên sinh hoạt ở Chi bộ máy Sợi và Chi bộ Bồi bếp. Số đảng viên ở tù về đã hoạt động công khai đều không bắt được liên lạc. Những đảng viên bị lộ được chuyển đi nơi khác để đề phòng bị địch theo dõi. Một số tổ chức quần chúng biến tướng (như hội hiếu hỉ ở Mỹ Trọng) được duy trì và đi vào hoạt động bí mật. Tổ chức Thanh niên phản đế được hình thành gồm 15 người trên cơ sở chuyển số thanh niên dân chủ sang. Đồng thời còn lập ra các hội tương tế trong thợ nề, thợ sơn, thợ máy sợi... để tập hợp quần chúng, rèn luyện tinh thần cách mạng đấu tranh.

Trong hoàn cảnh thực dân Pháp khủng bố trở lại, Đảng phải rút vào hoạt động bí mật và đang tiến hành củng cố lại tổ chức, chấp nối lại cơ sở cách mạng thì chiều ngày 21-4-1940, mật thám Pháp lại ập vào cơ quan Tỉnh uỷ bắt tại chỗ 3 cán bộ chủ chốt và 1 giao thông viên. Sau đó 80 đảng viên, hội viên thanh niên phản đế và một số quần chúng tiên tiến của thành phố cũng bị bắt, có 49 người bị xử tù từ 5 năm đến khổ sai chung thân. Phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống.

Tháng 9-1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, quân Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Đến tháng 12-1941, Pháp buộc phải ký Hiệp định “Nhường toàn quyền hành động cho Nhật ở Đông Dương”. Cũng như nhân dân cả nước, từ đây nhân dân thành phố sống trong cảnh “một cổ hai tròng” vô cùng cực khổ khó khăn. Nhật - Pháp thi nhau ra sức vơ vét thóc gạo, bắt dân nhổ lúa trồng đay, gai phục vụ công nghệ chiến tranh, làm cho đời sống nhân dân càng thêm đói khổ. Hầu hết các nhà máy đóng cửa hoặc làm việc cầm chừng; hàng vạn công nhân thất nghiệp phải quay về làng quê cũng đang trong cảnh khốn khó. Công thương nghiệp của tư sản người Việt ở thành phố cũng trong vòng trì trệ. Các ngành nghề thủ công nghiệp lệ thuộc vào các xí nghiệp tư bản cũng bị sa sút lớn. Các giai tầng xã hội đều cảm thấy bức bối, căm phẫn và rất chờ mong sự cách tân, giải thoát nỗi thống khổ.

Sự kiện quan trọng mang tính dấu mốc mở ra cho cách mạng Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc về nước và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941) quyết định “Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu”: đã tạo nên sự chuyển biến mạnh trong nhận thức nhiệm vụ và niềm tin của toàn Đảng, toàn dân về “chuyển hướng chiến lược cách mạng”.

Đầu năm 1943, cơ quan lãnh đạo của Tỉnh uỷ được khôi phục. Ở thành phố, 2 chi bộ đảng được phục hồi gồm 8 đảng viên và hầu hết vừa ở tù ra. Nhiều báo chí cách mạng như: Báo “Cứu quốc”, “Cờ giải phóng” được lưu hành bí mật trên địa bàn. Một cơ sở in thạch được tổ chức ở phố Bờ Sông để in tài liệu tuyên truyền về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Đội Tự vệ thành phố được hình thành với 10 hội viên, được trang bị vũ khí thô sơ, được huấn luyện về quân sự và chính trị.

Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới đang vào hồi kết thúc. Ngày 9-3-1945 quân phát xít Nhật làm cuộc đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ở thành phố Nam Định, hồi 22h25' cùng ngày, quân Nhật cũng nhanh chóng bao vây, buộc quân

Pháp phải gấp rút đầu hàng. Thay chân Pháp, Nhật ráo riết thi hành chính sách thống trị phát xít, ra mặt khủng bố, vơ vét kinh tế nhằm nhanh chóng củng cố địa vị, tiếp tục theo đuổi chiến tranh. Chúng đẩy mạnh tuyên truyền cho thuyết “Đại Đông Á”, cho cái “Độc lập bán vế” nhằm gây tâm lý thân Nhật, phục Nhật để dễ bề cai trị. Dưới chế độ bóc lột tàn bạo về kinh tế của phát xít Nhật; lại liên tiếp bị thiên tai vào cuối năm 1944, đầu năm 1945, làm cho đời sống nhân dân ta càng thêm kiệt quệ, đói khổ cùng cực. Khắp thành phố, từ vỉa hè, góc phố đến các xóm, làng đâu đâu cũng có người đói, người chết đói nằm thê thảm. Xác người chết đói quá nhiều, người ta phải gom lại ở khu đất bãi huyện Mỹ Lộc xưa và cả ở khu phía Tây Bắc Đường 38 gần chợ Viêng. Từ những thực tế quần bách ấy, đã làm dâng trào ngọn sóng căm phẫn trong các tầng lớp nhân dân. Mặc dù quân Nhật dùng mọi thủ đoạn khống chế nhưng phong trào cách mạng đã bùng phát, nhiều nơi quần chúng phá kho thóc của Nhật để cứu tế cho dân. Tự vệ thành phố đốt Kho Xăng dầu của Nhật ở bến Đò Chè.

Trước tình hình chuyển biến hết sức mau lẹ ở trong nước và thế giới, nhận rõ điều kiện của cuộc khởi nghĩa vũ trang đã chín muồi, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp mở rộng và ngày 12-3-1945 ra Chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Từ đây phong trào cách mạng trong toàn quốc nhanh chóng chuyển thành cao trào kháng Nhật cứu nước, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Trong khi đó ở thành phố Nam Định, địch lại tiến hành khủng bố gay gắt, tràn lan. Tháng 6-1945 gần 100 cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị bắt, lực lượng nòng cốt còn lại rất mỏng. Một số ít cơ sở Việt Minh còn lại trong công nhân, thanh niên, học sinh, phụ nữ và bảo an binh tiếp tục hoạt động. Có số ít tư sản người Việt ở thành phố cũng hưởng ứng phong trào cách mạng. Các tổ chức “Cứu quốc” phát triển rất nhanh trong thanh niên, phụ nữ; lực lượng tự vệ cứu quốc được xây dựng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

Cục diện chiến trường thế giới thay đổi, phát xít Đức đã đầu hàng Liên Xô (Liên bang Xô viết trước năm 1991). Ngày 13-8-1945 Nhật Hoàng phải ký Hiệp ước Đầu hàng phe đồng minh không điều kiện. Đó là điều kiện khách quan hết sức thuận lợi cho cách mạng Việt Nam.

Ngày 13-8-1945 Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị toàn quốc, quyết định Tổng khởi nghĩa và nêu 3 nguyên tắc: Tập trung, thống nhất, kịp thời. Ngay sau đó phong trào khởi nghĩa bùng lên khắp nơi, toàn dân sẵn sàng nổi dậy.

Vào thời điểm này ở thành phố Nam Định, lực lượng cách mạng đang gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Quân Nhật còn tới hàng nghìn tên, chưa chịu hạ vũ khí. Hầu hết đảng viên và phần lớn quần chúng cách mạng ở thành phố vẫn còn bị giam giữ trong nhà tù. Do đó vấn đề giải phóng chính trị phạm là mục tiêu hành động trước mắt để chuẩn bị lực lượng cho khởi nghĩa. Ngày 18-8-1945 trong Đề Lao, tù chính trị đấu tranh quyết liệt, đòi trực tiếp gặp Tỉnh trưởng yêu cầu phải trả tự do ngay cho những người bị Pháp bắt trước ngày 9-3-1945. Ở bên ngoài, một số đảng viên còn lại trong nội thành đã liên lạc được với nhau và cùng với quần chúng cách mạng toả đi vận động thân nhân chính trị phạm đấu tranh phối hợp đòi thả chồng, con, em mình.

Sáng ngày 19-8-1945, hàng trăm thân nhân chính trị phạm tập trung thành đoàn biểu tình tiến về dinh Tỉnh trưởng đòi thả người thân đang bị giam giữ. Chiều cùng ngày, hàng ngàn quần chúng bao gồm đủ mọi tầng lớp đã biểu tình tuần hành mang theo cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ “Ủng hộ Việt Minh”, “Giải phóng chính trị phạm” tiến đến Sở Hiến binh Nhật.

Trước khí thế mãnh liệt của lực lượng cách mạng, bọn Nhật buộc phải thả ngay hầu hết các chính trị phạm. Ngày 20-8-1945 các huyện Trực Ninh, Ý Yên, Vụ Bản giành được chính quyền. Tối ngày đó, tại nhà Uyên Thái (Paul Bert) cuộc họp đảng viên cốt cán quyết định kế hoạch khởi nghĩa ở thành phố. Cũng cùng ngày, Đội Tuyên truyền vũ trang của Bắc Bộ

phủ đã về đến Nam Định và yêu cầu Nhà in Trường Phát in 3 vạn tờ truyền đơn kêu gọi nhân dân mít tinh vào chiều ngày hôm sau (21-8).

Nhận rõ thái độ của bọn bù nhìn tay sai tuy còn ngoan cố, nhưng đã hoang mang lo sợ, còn bọn Nhật thì muốn yên thân chờ ngày giải giáp, Ủy ban Khởi nghĩa đã gấp rút huy động nhân dân nội - ngoại thành tiến hành tổ chức mít tinh, biểu dương lực lượng cách mạng. Đúng 3 giờ chiều ngày 21-8-1945 tại dốc Lò Trâu, 3 vạn quần chúng gồm đủ các giai tầng xã hội mà đông đảo hơn cả là lực lượng công nhân, nông dân ngoại thành đã tập trung trang nghiêm mít tinh trước lễ đài. Tại giờ phút thiêng liêng đó, đại diện Ủy ban Khởi nghĩa đã đọc lời hiệu triệu của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi nhân dân nổi dậy giành chính quyền và thực hiện 10 chính sách của Việt Minh. Ủy ban tuyên bố xoá bỏ chính quyền bù nhìn, thiết lập chính quyền cách mạng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh được thành lập gồm 7 người, do đồng chí Đặng Châu Tuệ làm Chủ tịch. Ủy ban cách mạng lâm thời thành phố do đồng chí Nguyễn Văn Hoan làm Chủ tịch. Cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền đã thuộc về nhân dân lao động và kết thúc vĩnh viễn chế độ thống trị của bọn đế quốc - phong kiến tại địa phương.

2- Kháng chiến chống thực dân Pháp

Sau Cách mạng tháng Tám, cả nước nói chung và thành phố Nam Định nói riêng đứng trước nhiều thách thức khó khăn mới. Nhân dân ta vừa phải tập trung xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, vừa phải chăm lo đảm bảo đời sống đang trong lúc thiếu đói gay gắt và phải kiên quyết chống thù trong, giặc ngoài.

Trước hết, để khẳng định vai trò chủ thể của mình, về địa danh thành phố Nam Định đã đổi tên các (khu) phố, đường - phố trước đây do thực dân Pháp đặt (là tên người, tên địa danh) thành tên người - danh nhân Việt Nam hoặc tên những

người yêu nước cách mạng tiêu biểu, như: đường Paul Bert thành đường Đinh Tiên Hoàng, Carreau thành đường Lê Hồng Phong, Đồng Khánh thành Hàng Thao, phố Tự Đức thành phố Trần Bình Trọng. Từ 10 (khu) phố cũ thành 8 khu phố mới (xem chương II, phần II)

Ngày 6-1-1946, cuộc bầu cử Quốc hội khoá đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được tiến hành trong phạm vi cả nước. Thành phố Nam Định đã bầu được 2 đại biểu trong số 17 đại biểu trúng cử ở toàn tỉnh là ông Trần Huy Liệu và Nguyễn Văn Tố. Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu vào ngày 20-1 và hội đồng nhân dân cấp xã bầu vào ngày 18-3-1946. Trong dịp này vinh dự lớn đối với nhân dân Thành Nam và tỉnh Nam Định là được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm (ngày 10 và 11-1-1946, hơn 1 vạn cán bộ, bộ đội và nhân dân dự mít tinh trước trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh (nay thuộc khu vườn cảnh trước Bưu điện và Bảo tàng tỉnh) để được nghe Bác nói chuyện ân cần.

Thực hiện Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Trung ương Đảng và 5 nhiệm vụ Tỉnh uỷ đề ra, nhân dân toàn thành phố ra sức bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới: Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống giặc đói, giặc dốt (mù chữ)... và tích cực xây dựng khối đoàn kết toàn dân (thành lập Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc). Hưởng ứng Sắc lệnh ngày 4-9-1945 của Hội đồng Chính phủ về xây dựng “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng” để Nhà nước giải quyết những khó khăn nghiêm trọng về kinh tế tài chính và trang bị cho quân đội, tuy còn nhiều khó khăn thiếu thốn về đời sống nhưng nhân dân đã hăng hái tham gia và đạt được kết quả cao. Chỉ tính từ ngày 17 đến 24-9-1945, nhân dân thành phố đã tự nguyện đóng góp được 30,7 lạng vàng, 165 lạng bạc và 107 vạn đồng Đông Dương⁽²¹⁾.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng ở Sài Gòn và tái chiếm Nam Bộ. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và

(21) *Lịch sử Đảng bộ thành phố Nam Định (1930 - 2000)*, tr. 98.

Trung ương Đảng, nhiều thanh niên tự vệ và dân quân thành phố tình nguyện nhập đoàn quân “Nam Tiến” để lên tàu vào Nam giết giặc cứu nước. Nhân dân góp được 24 vạn đồng ủng hộ đồng bào Nam Bộ chống Pháp xâm lược. Dưới danh nghĩa quân Đồng minh để giải giáp quân Nhật, ngày 30-9-1945, Sư đoàn bộ cùng 2 trung đoàn quân Tưởng Giới Thạch, kéo theo bọn Việt Nam Quốc dân đảng lưu vong kéo vào thành phố Nam Định. Do bản chất là một đội quân ô hợp nên quân Tưởng thường dờ dặc gây rối, khiêu khích ở đường phố và hống hách đòi tước vũ khí của tự vệ... nhằm tạo ra rối loạn để tiếp tay cho bọn Quốc dân đảng và các phần tử tay sai phản cách mạng chống phá chính quyền non trẻ của ta.

Trước tình hình mới, Đảng bộ và chính quyền thành phố đã khẩn trương, tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tập trung. Phong trào quần chúng tình nguyện tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, sửa chữa vũ khí sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc thu hút được nhiều thanh niên, công nhân, nông dân các giai tầng xã hội. Trên địa bàn thành phố có 4 đại đội “tự vệ thành” phần lớn là công nhân Nhà máy Sợi và thanh niên đường phố. Tháng 2-1946 tình xây dựng Trung đoàn 34 gồm 3 tiểu đoàn (75, 69, 101) và 1 đại đội trợ chiến. Riêng Tiểu đoàn 75 hầu hết là lực lượng tự vệ Nhà máy Sợi.

Ngày 28-2-1946, Chính phủ Tưởng Giới Thạch ký với Pháp “Hiệp ước Trùng Khánh” cho quân Pháp được thay thế quân Tưởng vào giải giáp Nhật ở miền Bắc nước ta.

Tháng 4-1946, quân Tưởng ở thành phố Nam Định bắt đầu rút lui. Thay vào đó là 850 quân Pháp thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Bộ binh thuộc địa số 6 (6E-RLC). Ban đầu chúng đóng quân ở Nhà máy Sợi, Trường tư thực Xanh-tô- ma, sau đó lại đến ở cả khu Nhà Bàng, Nhà máy Tơ, Nhà máy Rượu. Chỉ vừa ổn định chỗ đóng quân, bọn chỉ huy Pháp ở đây đã tung lực lượng, sục sạo các phố để điều tra tình hình của ta, để lôi kéo người làm tay sai cho chúng. Quân lính thì ra phố gây gổ, khiêu khích, đập phá hàng quán, trêu ghẹo phụ nữ... Tuy

nhiên, Công an thành phố đã bố trí lực lượng bí mật theo dõi, phát hiện âm mưu địch để kịp thời chủ động giải quyết những rắc rối do lính Pháp gây ra.

Để giảm bớt căng thẳng tình hình và có điều kiện kéo dài thời gian hoà hoãn chuẩn bị lực lượng, Chính phủ ta đã đàm phán và ký với Chính phủ Pháp “Hiệp định Sơ bộ” ngày 6-3, ký Tạm ước ngày 14-9-1946. Nhưng với dã tâm quay trở lại xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp vẫn điên cuồng mở rộng đánh chiếm ra vùng Nam Bộ, tăng cường khiêu khích và đánh chiếm một số nơi, như: Hà Nội (ngày 17 và 18-11-1946), Lạng Sơn (ngày 12-11), Hải Phòng (20-11). Nguy cơ cuộc chiến bùng nổ đã cận kề.

Thành uỷ Nam Định đã được Tỉnh uỷ quyết định thành lập để trực tiếp lãnh đạo mọi mặt công tác trên địa bàn theo tinh thần Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Trung ương Đảng. Việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp được tập trung thực hiện về mọi mặt. Thông qua việc tích cực quyên góp mua sắm vũ khí hoặc được Trung đoàn 34 chi viện và việc tìm cách đoạt vũ khí của quân Pháp để trang bị cho mình, mỗi đại đội tự vệ đã có khoảng 20 khẩu súng trường và một số lựu đạn, dao găm, mã tấu...

Ở thành phố Nam Định, lực lượng quân Pháp khi này có 1 tiểu đoàn Âu Phi, gồm 650 tên, biên chế thành 3 đại đội bộ binh và 1 đại đội trợ chiến do viên thiếu tá chỉ huy. Mục đích của chúng là muốn chiếm đóng thành phố rồi từ đây mở rộng đánh chiếm các vùng lân cận, biến thành phố Nam Định trở thành trung tâm chỉ huy khu Nam đồng bằng Bắc Bộ.

Về phía ta, lực lượng “Vệ quốc quân” (bộ đội chủ lực) trong Thành có hơn 1.000 cán bộ chiến sĩ thuộc 2 tiểu đoàn (69 và 75), 1 đại đội trợ chiến (hoả lực pháo 75 li). Lực lượng tự vệ chiến đấu và phục vụ chiến đấu có trên 900 đội viên thuộc 6 đại đội. Các đội: Cứu thương, Vận tải tiếp tế, Hậu cần, Tổ chức sơ tán... cũng đều được củng cố, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, góp phần cùng bộ đội chủ lực chuẩn bị thế trận, lực lượng tự vệ dân

quân du kích và nhân dân đã ngày đêm khẩn trương đào đắp công sự, hầm hào, trận địa. Tại các điểm nút giao thông quan trọng như ngã 3 Nguyễn Du, ngã 4 Cửa Đông, ngã 6 Năng Tĩnh, bến Đò Quan, Kho Lương thực Hòn Gai, Nhà ga, Công Hậu, Hàng Thao... đều được đắp ụ, dựng chướng ngại vật.

Quân Pháp hiểu chiến, ra sức khiêu khích, đe dọa, yêu sách ở nhiều nơi, lại liên tiếp gửi tới Chính phủ ta 5 tối hậu thư, đòi công an, bộ đội ta phải hạ vũ khí. Nhận thấy khả năng hoà hoãn không còn, nguy cơ chiến tranh không thể tránh khỏi, Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng (ngày 18+19/12/1946) đã quyết định “cả nước đứng lên kháng chiến”.

Ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến”.

Ngày 22-12-1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”.

Sau khi Hà Nội nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Mặt trận Nam Định nhận được mệnh lệnh tiến công của Bộ Chỉ huy Chiến khu II⁽²²⁾. Đúng 0h30' ngày 20-12-1946, từ trận địa trên bờ Nam bến Đò Quan, quả đạn pháo 75 li đầu tiên bắn vào khu Nhà Bàng. Lập tức các đơn vị vệ quốc quân đều nhất loạt nổ súng, xông lên tiến đánh tất cả các vị trí quân Pháp chiếm đóng, như Trại Ca rô, Nhà máy Sợi, Nhà máy Tơ... Tự vệ Thành phối hợp đánh mìn, ngã các cây to dọc phố Đinh Tiên Hoàng và dọc đường từ Cửa Đông tới toà Thị sảnh. Nhân dân các khu nhà lá: Văn Miếu, trại Con Gái... tự động phóng lửa đốt nhà, đốt phố của mình góp phần uy hiếp quân địch. Đường Đinh Tiên Hoàng, Ngã 4 Cửa Đông, nhân dân đem đồ đạc trong nhà xếp đóng để cản quân giặc khi đánh nóng ra và dựng chiến lũy ở các ngã ba, ngã tư đường phố.

Suốt 12 ngày đêm (từ 20 đến 31-12-1946) chiến sự diễn ra quyết liệt ở nhiều vị trí như khu nhà ga, Nhà máy Sợi, Nhà máy Tơ, ngã tư Cửa Đông, Nhà Bàng, đường Cột Cờ, Xưởng Sợi C... Quân Pháp có máy bay, xe tăng, hoả lực mạnh liên tiếp

(22) Về sau là Bộ Tư lệnh Liên khu III.

nóng ra phá vòng vây và ứng cứu cho nhau giữa các điểm đồn trú. Bộ đội chủ lực và các lực lượng tự vệ, dân quân du kích dũng cảm chiến đấu, khi thì phục kích, lúc thì vận động xung phong, mở nhiều đợt tiến công vào các vị trí địch, chặn đứng âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của chúng. Tình thế quân Pháp ở thành phố Nam Định ngày càng nguy khốn, “đang lâm vào thế nghẹt thở và hoàn toàn cô lập”⁽²³⁾, Bộ chỉ huy quân Pháp ở Hà Nội phải cho tàu chiến, máy bay viện binh, thả dù tiếp tế cứu nguy cho lực lượng quân Pháp bị vây ở thành Nam Định.

Tối ngày 5-1 và ngày 6-1-1947, những trận đánh quân tiếp viện Pháp ở khu Bãi Dâu (Đông An), Máy Chiếu, Năng Tĩnh, cầu Gia; ở các vị trí dọc bờ sông Đào như: Nhà máy Nước, Máy Rượu, Đò Chè, bến Đò Quan đến Lò Lợn (nay thuộc Công ty Xăng dầu) vô cùng cam go quyết liệt.

Cuối tháng 2-1947, tại gác 3 nhà thờ Xanh-tô-ma, Đại đội Quyết tử làm lễ ra mắt. Đội Quyết tử gồm 100 chiến sĩ, hầu hết là công nhân Nhà máy Sợi, biên chế thành 3 trung đội. Đại đội có nhiệm vụ trụ bám, quấy rối tiêu hao sinh lực địch trong nội thành, đào hầm ngầm, địa đạo ở những khu vực tác chiến chủ yếu và tham gia phá hoại các công trình tiêu thổ kháng chiến (kể cả làm sập một số nhà tầng kiên cố).

Sau khi nới được vòng vây ở Hà Nội, đánh chiếm thêm một số nơi khác, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương quyết định mở cuộc hành quân giải vây cho lực lượng của chúng ở thành phố Nam Định. Ngày 6-3-1947, chúng huy động 1.500 lính bộ binh, 120 xe cơ giới các loại, 1 đại đội thủy quân lục chiến với 2 tàu chiến, 4 ca nô, có máy bay yểm trợ từ Hà Nội theo sông Hồng tiến xuống thành phố Nam Định.

Ngày 10 và 11-3-1947 nhiều trận đánh khốc liệt diễn ra ở các hướng đột kích của địch như Đại Hoàng, Hữu Bị, Đặng Xá, Trung Trang. Phần lớn bộ đội chủ lực của ta từ nội thành

(23) *Lịch sử Đảng bộ thành phố*, Sđd, tr. 124 (trích nhật ký của Đabôvan, Chỉ huy quân Pháp ở Nam Định).

rút ra vùng ngoài để chặn đánh viện binh địch và bảo toàn lực lượng. Dựa vào lợi thế trang bị vũ khí, vào số quân đông và kinh nghiệm tác chiến, quân Pháp điên cuồng tiến lên. Bộ đội cùng tự vệ và dân quân du kích đã chiến đấu ngoan cường, mưu trí dũng cảm. Ta và địch giành nhau từng căn nhà, góc phố, xưởng máy. Có trận đánh giáp lá cà. Nhiều tấm gương chiến đấu ngoan cường lập công xuất sắc và anh dũng hy sinh. Tiêu biểu là trận huyết chiến ở khu chợ Viềng (xã Mỹ Trung), 11 chiến sĩ trong đó có Trung đội trưởng Tạ Quang Khả cùng 3 em trai Tạ Quang Hồng, Tạ Quang Thuận, Tạ Quang Đức đã quần nhau với giặc, bắn đến viên đạn cuối cùng, diệt nhiều tên và hy sinh rất anh dũng. Đến ngày 15-3-1947, các đơn vị bộ đội sau khi hoàn thành nhiệm vụ vây hãm, tiến công quân đồn trú của Pháp ở Thành Nam, đã bí mật rút lui an toàn. Sau 86 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân và dân thành phố Nam Định đã kiềm chế, giam chân một lực lượng lớn quân viễn chinh Pháp, giết và làm bị thương 400 tên, trong đó có nhiều sĩ quan và lính Âu Phi, bắt sống 6 tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Chiến công to lớn này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Quốc hội và Chính phủ điện khen ngợi; Trung đoàn 34 được tặng danh hiệu “Trung đoàn tấ t thắng”. Quân và dân Thành Nam được Hội nghị Quân sự toàn quốc họp từ ngày 12 đến 16-1-1947 nêu gương “anh dũng chống thủy, lục, không quân địch”⁽²⁴⁾.

Trở lại chiếm đóng thành phố, thực dân Pháp xúc tiến ngay việc củng cố, xây dựng các vị trí quân sự ở nội thành. Chúng phá Văn Miếu, phá chùa Năng Tĩnh để xây đồn cảnh sát, phá nhà dân khu Năng Tĩnh, Công Hậu để làm sân bay, biến nhà thờ Xanh-tô-ma làm nơi đóng quân và huấn luyện quân sự. Nhà máy Chai biến thành nơi giam giữ những người yêu nước. Trên địa bàn thành phố, quân Pháp xây dựng gần 30 đồn bốt, thành hệ thống ken dày cả nội và ngoại thành như Công Hậu, Tiểu Túc, Phú Ốc, Tế Bần, Phù Long, Quán Chuột, Thượng

(24) *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập 2, tr. 98.

Lỗi (Bốt Đỏ), Đò Quan, Phong Lộc, Thượng Hữu... Lại có bốt và trường Vạn Bảo huấn luyện sĩ quan nguy quân. Có cơ quan tình báo Pháp phụ trách khu vực đồng bằng Bắc Bộ và đặt cơ quan chỉ huy phân khu đồng bằng tại nội thành Nam Định. Bộ máy cai trị ở thành phố được chúng củng cố lại, tới 30 cơ quan, và lý sở hành chính huyện Mỹ Lộc cũng đặt ở nội thành Nam Định.

Nhằm cô lập, gây khó khăn cho quân Pháp trở lại chiếm đóng, trước ngày cuộc kháng chiến bùng nổ và trước khi lực lượng vũ trang rút khỏi thành phố, một số công sở, một số cơ sở kinh tế, quân sự của chúng đã bị ta phá hủy, tiêu thổ kháng chiến. Từ tháng 5-1947 đến cuối 1948, nhiều đoạn quan trọng trên các trục đường lớn dẫn vào thành phố, như Đường 10, 21, 12 và các cầu: cầu Óc, cầu Gia, cầu Mai Xá đã bị lực lượng kháng chiến phá hủy. Hầu hết dân nội thành tản cư về các làng xã vùng ven và các huyện. Đến tháng 4-1947 số dân còn lại ở các phố lác đác độ hơn 1.000 người Việt, khoảng 800 Hoa kiều. Thành phố thật trống vắng, ảm đạm, tiêu điều. Cuối năm 1947, làng xóm ngoại thành dân trở lại đông đúc. Một số nơi (An Trạch, Thượng Lỗi) đã có cơ sở kháng chiến. Đến giữa năm 1948, theo chỉ đạo của cấp uỷ, nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng tốt luôn vào sống hợp pháp và nửa hợp pháp trong nội thành để xây dựng tổ chức đảng, xây dựng cơ sở quần chúng. Đồng thời, Nhà máy Sợi được sửa chữa, đi vào hoạt động trở lại (tháng 8-1948) nên 2 tháng sau, chi bộ đảng ở đây được thành lập (gồm 5 đảng viên), nhờ vậy, đến cuối năm 1948 Đảng bộ thành phố đã có 20 chi bộ, 286 đảng viên⁽²⁵⁾, là lực lượng nòng cốt lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống địch mở rộng vùng tạm chiếm và phá hoại kinh tế của chúng.

Giữa tháng 10-1949, quân Pháp tập trung 3 binh đoàn cơ động mở cuộc hành quân Ấng-tơ-ra-xít từ Phát Diệm (Ninh

(25) Giữa năm 1947, Tỉnh uỷ quyết định hợp nhất thành phố và huyện Mỹ Lộc thành huyện Thành Mỹ, do một ban cán sự đảng lãnh đạo. Đến năm 1949 lại tách làm hai. Ngày 1-10-1949, Ban Cán sự đảng ở thành phố được thành lập. Tháng 1-1953 Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban Chấp hành Thị uỷ Nam Định.

Bình) đánh sang 6 huyện phía Nam tỉnh Nam Định. Nhằm phối hợp với mặt trận phía Nam tỉnh, các lực lượng vũ trang thành phố tăng cường hoạt động: bắn trọng thương 1 tàu chiến địch trên sông Đào (ngày 7-11), bắn súng cối và phóng lựu đạn vào Khách sạn Thời Lợi, Trại Caro, Nhà máy Sợi (đêm 21-12-1949) và nổ mìn đánh xe ô tô địch tại Năng Tĩnh... làm quân Pháp phải phân tán lực lượng đối phó. Đội tuyên truyền vũ trang của thành phố cũng tăng cường tuyên truyền vận động nhân dân và binh lính nguy quyền, vạch trần những thủ đoạn lừa phỉnh, mua chuộc dụ dỗ của địch và các tổ chức phản động thân Pháp (như Đại Việt Duy tân, Thanh niên Bảo quốc đoàn...). Qua đó củng cố niềm tin cho quần chúng vào cuộc kháng chiến trường kỳ do Đảng ta lãnh đạo và xây dựng cơ sở ở vùng tạm chiếm ngoại thành. Sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội, công an, du kích trong nhiều trận đánh đã lập được thành tích cao: Công an tích cực truy bắt, trừ khử bọn tay sai, chỉ điểm làm cho nhiều tên còn lại hoang mang lo sợ. Ngày 21-11-1950 trận đánh mìn ở Tiểu Tứ lật đổ 2 xe chở lính và vũ khí làm 30 tên chết và bị thương. Ngày 29-11-1950 bộ đội địa phương đánh bom và đốt Bru điện nội thành. Ngày 27-11-1950 du kích xã Mỹ Xá nổ mìn lật đổ xe chở lính ở cây số 3... Những thắng lợi đó đã góp phần tích cực hỗ trợ các địa phương xây dựng làng chiến đấu, phát triển chiến tranh du kích, củng cố hậu phương và tiêu diệt một bộ phận quan trọng của sinh lực địch trong Chiến dịch Quang Trung (tức Chiến dịch Hà Nam Ninh) do Bộ Tổng tư lệnh phát động.

Chiến dịch Thu Đông 1950 - 1951, bộ đội chủ lực của ta giành thắng lợi ở biên giới. Quân Pháp thực hiện âm mưu bình định vùng chiếm đóng. Chúng tăng cường khủng bố, đàn áp nhân dân và ra sức lừa bịp, kích động tinh thần nguy quân, nguy quyền. Tại thành phố Nam Định, quân Pháp mở rộng càn quét các xã ngoại thành. Trong tháng 10-1951, chúng bắt 400 thanh niên đưa đi huấn luyện quân sự ở Quảng Yên và mở trường huấn luyện 300 sĩ quan nguy quân ở Trại Caro. Nhất là

sau thất bại nặng nề ở Chiến dịch Hoà Bình, 18 tiểu đoàn quân Pháp được điều về thành phố nhằm trấn an tinh thần cho bọn phản động. Từ tháng 1-1952, chúng mở nhiều cuộc hành quân càn quét các xã ngoại thành, như: Phú Ốc, Lương Xá, Túc Mặc, Đệ Tứ và phục kích Đường 21, 38 để thu thuế, bắt phu, lập tề⁽²⁶⁾. Đến cuối năm 1952, khi thấy bị ta đánh ở nhiều nơi, quân Pháp vội vàng co cụm lại củng cố công sự, xây thêm tháp canh, xây thêm căn cứ, mở rộng sân bay, đặt thêm đồn công an ở Lò Lợn, Vị Xuyên, bên kia Đò Quan... (riêng nội thành có 10 đồn công an nguy và 8 cơ quan do thám, chỉ điểm).

Thi hành chủ trương của Trung ương Đảng và Chỉ thị của Tỉnh uỷ về phương châm công tác ở vùng địch hậu là: “Nhẹ về tác chiến phô trương lực lượng, nặng về tuyên truyền giáo dục cơ sở, tranh thủ nhân dân, thuyết phục lôi kéo nguy quân, nguy quyền, đề cao ý thức phòng gian bảo mật”, Thị uỷ Nam Định đã chỉ đạo Ban Chỉ huy Thị đội xây dựng cơ sở, có nhân mỗi làm nội ứng ở bót Tế Bần (nay là khu đất Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà). Đây là đơn vị biệt kích số một ở khu Nam đồng bằng Bắc Bộ. Do có 75 người của ta cài vào các tiểu đội, trung đội của địch nên trận đánh bất ngờ (vào 0h30' ngày 6-1-1952) Đại đội Văng-đen-be ở đây đã bị diệt gọn (20 tên chết, bắt sống 175 tên, phá hỏng 2 xe, thu 108 súng các loại và toàn bộ quân trang, quân dụng). Cùng rạng sáng hôm đó lại đánh bót chùa Phù Long bắt sống 1 đại đội nguy quân. Đồng thời công tác địch vận cũng được thực hiện có kết quả, tạo được phong trào nhân dân vận động chồng, con, người thân bỏ hàng ngũ địch, không theo giặc làm tay sai.

Chiến dịch Hoà Bình bộ đội ta thắng lớn, địch phải rút chạy. Tướng Pháp là Đờ-lát Đờ-tat-xi-nhi âm mưu giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ, phải làm lại việc “bình định” mà chúng chưa làm xong ở đồng bằng. Quân chủ lực Pháp mở các cuộc càn quét nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực,

(26) Mô hình quản lý dân cư các làng - thôn - xóm dưới sự kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của một tổ chức (ban tề) do chính quyền thân Pháp lập ra.

khủng bố nhân dân, vợ vét tài sản, bắt thanh niên thay thế số quân thiếu hụt và dựng lại bộ máy nguỵ quyền.

Tháng 11 và 12-1952, quân Pháp mở cuộc càn quy mô lớn, lấy tên là Borotanơ (Bretagne) vào các khu du kích phía Nam tỉnh. Cuối tháng 11-1953, chúng lại đưa 4 binh đoàn cơ động, 14 tiểu đoàn “khinh quân”, trên 300 xe cơ giới mở cuộc càn Bidông vào 4 huyện Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Nam Trực, Trực Ninh. Tại thành phố Nam Định, Pháp muốn xây dựng thành trung tâm đào tạo nguỵ quân (từ 1 trường tăng thành 7 trường, đã đào tạo được 4.452 tên, trong đó có 730 sĩ quan). Trong năm 1953, chúng thực hiện 3 đợt tổng bắt lính, được hơn 1.000 người; số đồn bắt từ 32 lên thành 46 và 36 chòi canh. Số quân từ 25 đại đội lên 4 trung đoàn⁽²⁷⁾.

Trước tình hình quân Pháp tăng cường càn quét, khủng bố phá hoại sản xuất làm thiệt hại về kinh tế và kích động xuyên tạc làm lung lạc tinh thần nhân dân ta, Thị uỷ Nam Định đã đồng thời đẩy mạnh xây dựng cơ sở, xây dựng tổ chức chính trị gắn với đảm bảo sản xuất, ổn định đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Lực lượng vũ trang thành phố tiến hành nhiều trận đánh địch giành được thắng lợi. Bằng nội ứng chiến, ngày 3-2-1953 ta đã phá huỷ hoàn toàn kho máy thông tin trong Trại Caro của địch, diệt một số sĩ quan. Đêm 28-4-1953, bộ đội và du kích tấn công Trường Huân luyện quân sự Vạn Bảo diệt một tên quan ba Pháp, bắt sống toàn bộ 700 binh lính và học viên, thu 584 súng các loại và hàng chục tấn đạn, quân trang quân dụng. Khi quân ứng cứu, ta lại chặn đánh ở Ngã tư Cửa Đông, ở Hàng Nón (đầu phố Hàng Tiện), Ngã tư Trại Bảo chính đoàn (gần chợ Mỹ Tho hiện nay), diệt 2 xe tăng và nhiều tên địch. Tiếp đó, cuối tháng 6-1953 ta lại tấn công vị trí chùa Cả, phá tan đại đội địa phương của địch.

Phối hợp với hoạt động vũ trang đánh đồn, diệt bớt địch, nhân dân thành phố cũng tích cực tập hợp lực lượng đấu tranh với địch đòi tăng lương, miễn thuế, giảm thuế, chông dỡ nhà

(27) *Lịch sử Đảng bộ thành phố Nam Định* (Sđd), tr.163.

dồn dân; chống bắt lính bắt phu, bắt công nhân ngoại thành phải vào ở nội thành... Cuộc đấu tranh của chị em tiểu thương chợ Rồng kéo dài từ tháng 1 đến tháng 11-1953 đã giành được thắng lợi. Công nhân Nhà máy Sợi 26 lần đấu tranh phá giá nguyên liệu, trị giá 9 triệu đồng Đông Dương. Sau thất bại khi đánh ra Tây Nam Ninh Bình, chỉ huy quân Pháp ở Nam Định gấp rút tìm cách bắt lính để bổ sung vào số quân thiếu hụt. Tháng 2-1954, chúng mở 4 trận càn, bắt 5.300 người dân (1/3 là thanh niên). Chúng còn bắt 600 người bị giam trong Trại tù Máy Chai để thành lập 1 tiểu đoàn nguy binh đưa ra trận. Ở nội thành, ngày 27-4-1954 địch vây bắt 400 thanh niên, nhân dân đã đấu tranh 4 ngày liền, buộc địch phải thả hết số thanh niên bị bắt. Tại Trại tù Máy Chai, 300 người tù bị địch bắt đi làm phu đã đánh lại bọn lính canh rồi bỏ chạy. Hơn 400 thanh niên còn lại ở trại giam đấu tranh không cho chúng lấy máu để cứu chữa binh lính bị thương. Công nhân Nhà máy Sợi, Nhà máy Tơ đấu tranh buộc địch phải thả hết số thợ bị bắt khi chúng đi càn. Cuộc đấu tranh của nhân dân nội thành đòi trả tự do hàng trăm thanh niên các vùng lân cận bị địch càn quét bắt về giam ở Máy Chai đã thu hút hàng nghìn người tham gia. Trong dịp tết Nguyên đán năm ấy, 450 người bị địch giam giữ được tha. Những cuộc đấu tranh đó là sự biểu dương sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân thành phố, làm cho địch chùn bước, hoang mang trước khi tan rã trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954.

Tin chiến thắng của quân dân ta từ các chiến trường, mà trực tiếp nhất là chiến thắng của Chiến dịch Quang Trung (Chiến dịch Hà Nam Ninh), chiến thắng ở Điện Biên Phủ dội về Nam Định đã làm cho nguy quân, nguy quyền ở đây hoảng hốt lo sợ.

Ngày 7-5-1954 quân ta giải phóng Điện Biên Phủ.

Ngày 8-5-1954 họp Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về hoà bình ở Đông Dương.

Nhân đà thắng lợi to lớn, các cấp uỷ đảng đã lãnh đạo nhân

dân thành phố Nam Định tổ chức mít tinh, biểu tình tuần hành, diễn thuyết trên khắp các địa điểm: đường phố, bến đò, trường học, công chợ, xưởng máy... dưới các khẩu hiệu:

- Phản đối vây ráp bắt lính và thu thuế.

- Ủng hộ lập trường của phái đoàn nước Việt Nam dân chủ cộng hoà tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

- Hoà bình ở Đông Dương.

- Phản đối đế quốc Mỹ can thiệp trắng trợn vào Đông Dương.

Tại nhiều cuộc mít tinh biểu tình, nhân dân còn ký vào bản kiến nghị đòi lại độc lập, hoà bình ở Đông Dương.

Phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Định diễn ra liên tiếp trong suốt cả tháng 5, thu hút được đông đảo quần chúng nội, ngoại thành tham gia, với khí thế sôi nổi, không kém phần quyết liệt. Đó là sự biểu hiện uy thế của cách mạng, khí phách của người Thành Nam, làm cho quân địch đã hoang mang càng thêm suy sụp.

Ở thành phố Nam Định, từ ngày 8-6-1954 địch đã có những hiện tượng rút chạy. Chủ Nhà máy Sợi đã dẫn thợ và ra lệnh tháo dỡ máy móc chuẩn bị mang đi. Chỉ trong ngày 20-6-1954 đã có 275 lính nguy ra hàng ở các xã: Lộc Vượng, Lộc Hạ. Tên đứng đầu nhóm Đại Việt từ Hà Nội về Nam Định để vận động nguy binh bỏ Pháp theo Mỹ và định làm đảo chính bọn tay sai thân Pháp ở Nam Định vào ngày 20-6-1954, nhưng không thành. Trước sự sụp đổ cận kề, bọn địch tung ra nhiều tin thất thiệt làm lung lạc tinh thần nhân dân.

Ngày 24-6-1954, các nhà máy Sợi, Nhà máy Nước, Nhà máy Tơ, Nhà máy Chiếu đều lần lượt đóng cửa. Toàn thành phố xôn xao nhón nháo, nhân dân phấp phồng lo, mừng. Sáng sớm ngày 30-6-1954, các vị trí đóng quân của địch ở nội thành⁽²⁸⁾ đều bắn các loạt đạn súng lớn để thị uy ngăn chặn các hoạt động của ta. Đồng thời chúng thiết quân luật toàn thành và khẩn cấp dồn quân rút chạy. Buổi chiều cùng ngày, một tổ

(28) 4 nơi là Trại Carô, Trại lính khổ xanh, Trường Xanh-to-ma và Nhà máy Chai.

quân báo của Thị đội dùng xe ô tô chiến lợi phẩm giương cao cờ Tổ quốc chạy dọc các phố loan báo tin khẩn cấp “thành phố đã giải phóng” và yêu cầu đồng bào chuẩn bị đón đại quân, đón Ủy ban Kháng chiến hành chính thành phố...

16h30' ngày 30-6-1954 một số quần chúng ở quanh khu vực Nhà Bể biết tin có một số cán bộ lãnh đạo trong Thị ủy, trong Ủy ban Kháng chiến hành chính của thành phố đi qua đây, đã hô hào nhau dồn dập chạy ùa ra, xếp thành hàng ngũ nhiệt liệt hoan nghênh chào mừng những cán bộ đảng viên đã lãnh đạo kháng chiến ở địa phương giành thắng lợi. Thành phố đã được giải phóng, sau gần 8 năm bị thực dân Pháp trở lại chiếm đóng. Nam Định là thành phố được giải phóng trước khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ và là thành phố được giải phóng đầu tiên trong cả nước.

Ngày 1-7-1954, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức để chào mừng thành phố được giải phóng⁽²⁹⁾. Ủy ban Kháng chiến hành chính thành phố tuyên bố hủy bỏ chính quyền địch, hiệu triệu nhân dân yên tâm sản xuất, hoạt động bình thường và tham gia khôi phục thành phố.

Ngày 2-7-1954, Thị ủy có chỉ thị thành lập Ủy ban Quân quản. Ủy ban Quân quản thành phố công bố 8 chính sách và 10 điều kỷ luật đối với vùng mới giải phóng của Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng thời chú trọng thực thi ngay những vấn đề cấp thiết đảm bảo đời sống hàng ngày của nhân dân.

3- Thành phố Nam Định sau ngày được giải phóng

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Liên khu ủy III cử hơn 80 cán bộ các ban, ngành của Liên khu III tăng cường cho công tác tiếp quản thành phố Nam Định. Đến ngày 05-7-1954, Ủy ban Quân quản đổi tên là Ủy ban Quân chính (do đồng chí Hoàng Văn Tiến làm Chủ tịch kiêm Bí thư Thành ủy). Thành phố Nam Định những ngày sau khi được giải

(29) Sau này thành phố đã lấy ngày 1-7 hàng năm làm ngày kỷ niệm chào mừng ngày giải phóng thành phố Nam Định.

phóng thật tiêu điều, bề bộn, hoang tàn. Đời sống và sinh hoạt của nhân dân nội thành vô cùng khó khăn, thiếu thốn: không có điện, nước; không nơi học hành, làm việc, hàng hoá ế ẩm... Công tác cần kíp của Uỷ ban Quân chính là tập trung giải quyết khó khăn, đảm bảo đời sống nhân dân sớm trở lại bình thường. Đó là việc tiếp tế gạo⁽³⁰⁾, củi, nước tới các khu phố. Các chợ được họp trở lại, khuyến khích các tư nhân mở cửa hàng, cửa hiệu để giao lưu hàng hoá, nhất là vải, muối, gạo, dầu hoả... đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Đồng thời công tác tiếp quản được thực hiện theo đúng 5 điều quy định: Tiếp quản các công sở, thu dụng 373 viên chức nguy quyền, tiếp nhận trên 2.000 binh sĩ nguy ra trình diện. Một số công nhân, viên chức cũ, có tay nghề thì được tuyển dụng, thu dụng⁽³¹⁾ để phục hồi một số nhà máy, xí nghiệp, công trình giao thông công chính, cơ sở vận tải thuỷ bộ... Sau 1 ngày sửa chữa, ngày 3-7-1954 một máy phát điện nhỏ của Nhà máy Sợi đã được phục hồi. Trên một số đường phố đã có hơn 200 đèn điện thấp sáng. Từ ngày 19-8 một số cơ sở sản xuất của tư nhân (trong đó có 5 cơ sở cơ khí, 2 cơ sở may, xay xát và 2 nhà in) đã được cấp điện, đi vào sản xuất giải quyết việc làm cho công nhân. Nhà Thương (nay là bệnh viện) thành phố cũng đã có điện duy trì khám chữa bệnh bình thường. Các chương ngại vật: mìn, dây thép gai, rác thải... được tháo gỡ, thu dọn làm cho thành phố được phong quang sạch sẽ.

Khi vào tiếp quản, toàn thành phố có trên 400 ngôi nhà vắng chủ, có 29 trường tiểu học, trung học (đa số là trường tư thực), có 2 rạp chiếu bóng (Văn Hoa và Hoa Đô) tiếp tục hoạt động, 2 rạp nhỏ ở Hàng Đồng và Hàng Thao không hoạt động. Tệ nạn xã hội từ thời thuộc Pháp để lại khá nặng nề. Nạn mại dâm, thuốc phiện, lên đồng bóng, bói toán lan tràn nhiều nơi.

(30) Được Chính phủ cấp 360 tấn gạo cứu đói và thành phố trích trong kế hoạch 60 tấn gạo để cứu tế các gia đình đứt bữa.

(31) Thành phố có 691 công nhân viên chức nguy quyền thì 454 người hiện ở lại, không chạy theo Pháp.

Theo số liệu của ngành công an, trên địa bàn thành phố có khoảng 2.000 gái điếm, 500 bàn đèn thuốc phiện có giấy phép của chính quyền nguy cấp cho họ hành nghề. Thành uỷ, Uỷ ban Quân chính thành phố đã chỉ đạo chặt chẽ việc xoá bỏ các tàn tích văn hoá nô dịch của chế độ thực dân, phong kiến để lại.

Về công thương nghiệp, đến ngày 10-7-1954 ở thành phố có 309 cơ sở sản xuất, 404 cơ sở dịch vụ, 619 cơ sở thương mại, trong đó chỉ có 99 cơ sở phục vụ cho nhu cầu nông thôn. Số hàng hoá còn lại khá nhiều, nhưng chủ yếu là hàng nước ngoài. Cơ sở công nghệ chỉ có 2 nhà máy lớn là Nhà máy Sợi và Nhà máy Tơ, nhưng thiếu những bộ phận máy móc quan trọng (do chủ nhà máy tháo dỡ mang đi khi rút chạy vào Nam) nên không thể hoạt động được.

Đầu tháng 8-1954, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định thành phố Nam Định trực thuộc Trung ương và Liên khu III. Sau đó cơ quan Bộ Tư lệnh Liên khu III về đóng trên địa bàn thành phố.

Ở thời điểm tháng 7-1954 đến 5-1955, việc đấu tranh chống cưỡng ép dân di cư vào Nam ở thành phố nói riêng và trong tỉnh nói chung diễn ra khá khó khăn, phức tạp. Trước khi rút chạy, thực dân Pháp và các tổ chức phản động tay sai thực hiện kế hoạch tung tin bịa đặt ly gián giữa nhân dân với Đảng, dụ dỗ ép buộc nhiều nhà tư sản đi theo chúng vào Nam. Đặc biệt đã có nhiều giáo dân bị mê hoặc, thúc ép, phải rời bỏ quê hương trong hoàn cảnh rất cơ cực. Các phố: Bến Thóc, Hàng Sũ (Phan Đình Phùng), Hàng Sắt, Phố Khách (dưới), An Phong... là đầu mối tập kết trung chuyển giáo dân từ các huyện phía Nam tỉnh và các tỉnh: Ninh Bình, Thái Bình dồn về, trước khi ra Hải Phòng để xuống tàu biển đi vào Nam. Ở thành phố Nam Định đã có 3.463 trong tổng số hơn 4.000 giáo dân và 7 trong số 12 linh mục di cư vào Nam. Số Hoa kiều khoảng 1.700 người, chỉ có 5 gia đình theo quân Pháp vào Nam. Ân kiều có 27 gia đình chủ yếu buôn bán vải.

4- Thành phố Nam Định thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước bảo vệ quê hương

Ngày 20-7-1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chiến ở Đông Dương được ký kết. Theo Hiệp định, nước ta tạm thời chia làm 2 miền: Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng còn Miền Nam tạm thời thuộc quyền kiểm soát của đối phương. Nhưng, để chuẩn bị cho việc thay thế quân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhanh chóng dựng lên một chính phủ tay sai và áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới nhằm chia cắt, thống trị lâu dài nước ta.

Trước những diễn biến mới của tình hình, tại phiên họp ngày 05-9-1954, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã chỉ rõ: “Nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta chưa phải đã hoàn thành, cuộc đấu tranh ái quốc không vì đình chiến mà kết thúc. Cuộc đấu tranh đó còn đang tiếp tục nhưng phương thức cần phải thay đổi...”. Nhân dân 2 miền Nam - Bắc đẩy mạnh đấu tranh chính trị nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất đất nước. Đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai ở Miền Nam, cố tình không thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ; ngược lại chúng còn ra sức đàn áp, khủng bố các hoạt động đấu tranh đòi độc lập dân tộc. Chúng truy sát rất tàn bạo các cơ sở cách mạng, những người và những gia đình đã tham gia kháng chiến chống Pháp trước đây. Khi phong trào đấu tranh chính trị và lực lượng vũ trang của nhân dân Miền Nam phát triển mạnh, đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa quân vào chiến trường Miền Nam để thực hiện cái gọi là “Chiến tranh cục bộ” để cứu nguy cho thế lực tay sai và dùng hải quân, không quân bắn phá miền Bắc nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Định cùng với nhân dân toàn miền Bắc vừa đồng thời chăm lo phát triển kinh tế - văn hoá, xây dựng chủ nghĩa xã hội, dồn sức chi viện cho tiền tuyến Miền Nam, vừa kiên quyết chiến đấu chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Sau cái gọi “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” do đế quốc Mỹ dựng lên, ngày 5-8-1964 hàng chục lần chiếc máy bay các loại của Mỹ ồ ạt đánh phá các căn cứ hải quân ta ở sông Gianh (Quảng Bình), Cửa Hội (Vinh), Lạch Trường (Thanh Hoá), Bãi Cháy (Quảng Ninh) và Kho Dầu thành phố Vinh. Tiếp đó, từ đầu tháng 2-1965 tới các tháng sau đó, máy bay, tàu chiến Mỹ đánh phá nhiều tỉnh ở miền Bắc với quy mô và nhịp độ ngày càng ác liệt.

Trước tình hình nghiêm trọng diễn ra ở cả 2 miền, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) đã tiến hành Hội nghị “đặc biệt” lần thứ 11 từ ngày 25 đến 27-3-1964 đề ra Nghị quyết về “Tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt” để chỉ rõ thủ đoạn gây chiến tranh của đế quốc Mỹ và 3 nhiệm vụ lớn đối với quân dân miền Bắc. Ngày 09-3-1965, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lại ra Chỉ thị số 81 về chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Sáng ngày 17-1-1965, trên bầu trời thành phố Nam Định đã xuất hiện máy bay trinh sát chiến lược của Mỹ. Âm mưu đánh phá thành phố của địch đã lộ rõ. Bởi thành phố Nam Định là trọng điểm kinh tế của vùng Nam châu thổ sông Hồng, là một thành phố công nghiệp dật lớn nhất miền Bắc, lại là đầu mối giao thông cả đường bộ, đường sắt, đường thuỷ - là một trong những trạm trung chuyển sức người, sức của từ miền Bắc cho chiến trường Miền Nam.

Thực hiện sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, các lực lượng vũ trang thành phố khẩn trương tổ chức luyện tập phương án tác chiến, thường trực sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, đảm bảo việc tuần tra canh gác, bảo vệ nhà máy, cơ quan, kho tàng, bến bãi... Công tác phòng không nhân dân được triển khai tích cực. Một số nơi công cộng được đào hào giao thông, xây hầm trú ẩn, các khu dân cư có hầm hố phòng tránh bom đạn⁽³²⁾... Khí thế chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu

(32) Đã đào hơn 10.000 hố cá nhân, hơn 12.000 mét hào giao thông, 300 hầm đặt thiết bị, máy móc.

rất sôi động, hồi hả. Đến đầu tháng 5-1965 các cơ quan, xí nghiệp đã hoàn thành sơ tán những bộ phận chủ yếu về các vùng nông thôn lân cận. Nhân dân, phần lớn người già, trẻ em sơ tán về các làng quê để đảm bảo an toàn.

Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Quyết định số 103/QĐ-TVQH, Bộ Chính trị có Nghị quyết 111-NQ/TW về việc hợp nhất hai tỉnh Nam Định và Hà Nam thành tỉnh Nam Hà. Thành phố là lỵ sở của tỉnh mới hợp nhất. Cũng ngày này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quyết định lệnh động viên cục bộ và ngày 05-5-1965 Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh động viên thời chiến, kéo dài thời hạn quân nhân tại ngũ theo yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu.

Ở Thành Nam, đồng thời với việc phối hợp cùng các cơ quan chức năng của tỉnh chuẩn bị điều kiện, nơi ở, nơi làm việc cho những người mới từ Hà Nam chuyển về; cùng với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện lệnh động viên thời chiến, hơn 1.000 thanh niên lên đường nhập ngũ. Hàng trăm sĩ quan, hạ sĩ quan phục viên, chuyển ngành đã tình nguyện tái ngũ. Các phong trào: “Thanh niên 3 sẵn sàng”, “Phụ nữ 3 đảm đang”, “Tay búa tay súng”, “Tay cày tay súng”... có sức cuốn hút mạnh mẽ, trở nên sôi nổi, được đông đảo các tầng lớp xã hội tham gia. Thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh uỷ, Thành uỷ “... sản xuất, chiến đấu và học tập...” hơn 60 giáo viên được ở lại thành phố làm công tác bồi dưỡng văn hoá được biên chế thành một trung đội tự vệ “tay bút tay súng”⁽³³⁾. Cả thành phố bừng lên khí thế “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Các lực lượng vũ trang bảo vệ bầu trời Thành Nam có sự phối hợp tác chiến giữa Trung đoàn Pháo cao xạ 250 của Bộ Tư lệnh Phòng không, Tiểu đoàn 6 cao xạ của tỉnh với tự vệ Nhà máy Dệt, Nhà máy Tơ, Đồ hộp xuất khẩu, Cơ khí Nam Hà, Nhà máy Nước, Bưu điện... cơ quan trực tiếp chỉ huy chiến đấu đặt tại cơ quan Thành đội và hầm chỉ huy A1 của

(33) Theo nguồn của cụ Vũ Ngọc Phan 88 tuổi, nguyên Phó ban Tuyên giáo Thành uỷ.

Thành uỷ (trong khu vực Công ty In sau này). Các trận địa pháo cao xạ được bố trí tập trung bảo vệ các mục tiêu chủ yếu và đón đánh địch ở hướng bay chủ yếu, như: Trận địa Thượng Hữu, Địch Lễ (Nam Vân), Đò Bái, Bến xe Đò Quan, sân Chùa Cuối, Thượng Lỗ, Năng Tĩnh, Vị Dương, Tiểu Tức...

Sáng ngày 28-6-1965, máy bay Mỹ đánh trận đầu tiên vào thành phố Nam Định. Chúng bắn tên lửa vào Nhà máy Dệt, đánh bom vào khu nhà lá của công nhân ở Văn Miếu, Nhà ga... Ngày 2 và 4-7-1965 nhiều tốp máy bay Mỹ lại đánh phá dữ dội nhiều nơi: Cảng Than, Kho Xăng, khu Đò Chè, phố Hàng Nâu, nhà Hội Quán, Nhà máy Xay... gây nhiều thiệt hại về người và của. Lưới lửa phòng không của Thành Nam liên tiếp nhả đạn, 4 máy bay Mỹ bị hạ trong ngày 2-7 và ngày 4-7-1965 bắn rơi tiếp 2 chiếc. Với chiến công đó, ngày 08-7-1965, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam gửi điện mừng; quân dân Thành Nam và Trung đoàn 250 được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất, Hồ Chủ tịch thưởng Cờ Luân lưu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”; nhiều đơn vị, khu phố được tặng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Hai ngày sau đó 23 và 24-7-1965, máy bay Mỹ lại nhiều lần đến bắn phá Thành Nam, làm nhiều nhà cửa, kho tàng bị sập, một góc Cột Cờ xưa bị sạt lở. Tiếp theo, ngày 27-7 và 2-8-1965 nhiều tốp máy bay Mỹ lao vào đánh phá Nhà máy Dệt, khu tập thể công nhân, nhà ga, bến cảng, một số trường học và địa bàn lân cận, gây nhiều thiệt hại. Tính đến ngày 04-8-1965, trong vòng 1 tháng 6 ngày đã có trên 100 lần chiếc, hàng chục lần tốp máy bay Mỹ vào bắn phá 48 mục tiêu trên địa bàn thành phố, trong đó có 21 điểm kinh tế, 6 điểm quân sự, 5 điểm giao thông và 16 điểm dân cư... làm chết và bị thương 164 người, 263 ngôi nhà bị phá huỷ, hư hỏng, nhiều hàng hoá tài sản bị hư hại. Có thêm 5 chiếc máy bay Mỹ bị bắn rơi.

Sau những ngày bắn phá mở đầu của máy bay Mỹ, Thành uỷ đã chỉ đạo rút kinh nghiệm, bổ sung phương án tác chiến,

động viên tinh thần quyết tâm chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân, đồng thời gấp rút triển khai công tác phòng tránh đảm bảo tốt hơn về người và vật tư, hàng hoá. Một số kho hàng hoá để tập trung đã bị địch đánh đi phá lại nhiều lần thì được phân tán ra. Các vỉa hè, đường phố, vườn hoa, quảng trường... thành nơi để lương thực, hàng hoá (lúc ấy người ta gọi là “thành phố gạo”). Bởi thời kỳ này lương thực tập kết tại các kho ở Nam Định lúc nào cũng có từ 2.000 - 3.000 tấn để đảm bảo cung cấp tại chỗ và chuyên đi các chiến trường. Khu vực nội thành đã đào đắp, tu sửa 75.843 hố cá nhân, 2.870 hầm trú ẩn tập thể và 24.482 mét hào giao thông. Các kho tàng, bến bãi, nơi sản xuất, cửa hàng buôn bán, trường học được trồng cây hoặc phủ dây leo nguy trang để che phòng. Các thôn xóm ngoại thành đều đào đắp hệ thống hầm hào liên hoàn từ nhà ra đường, ra đồng, ra chợ và hầm hào bảo vệ gia súc.

Sau gần 1 năm leo thang đánh phá miền Bắc, bị dư luận thế giới phản đối gay gắt, bọn cầm quyền Mỹ phải tạm ngừng không kích hơn 3 tháng (từ 25-12-1965 đến 10-4-1966). Thấy tình hình lắng dịu, một số người chủ quan, mất cảnh giác đã từ nơi sơ tán về thành phố khá đông. Sáng sớm ngày 14-4-1966, lợi dụng sương mù chưa tan, 2 máy bay A6a của Mỹ lên vào cất 6 quả bom xuống 2 dãy phố Hàng Thao và Hàng Cau, giết hại 77 người, làm 135 người bị thương, 240 ngôi nhà bị đổ sập hoặc hư hỏng, với diện tích 31.440 m² (trong đó có Rạp Chiếu bóng và Cửa hàng Ăn uống Hàng Thao). Liên tiếp thời gian sau đó đến tháng 10-1966, với thủ đoạn lần dần, máy bay Mỹ tập trung đánh huỷ diệt từng mục tiêu, từng khu vực trong thành phố. Đó là các tuyến đường đầu mối giao thông, nhà ga, bến cảng, các trọng điểm kinh tế, khu công nghiệp dệt. Địa bàn bị đánh đi đánh lại nhiều lần là khu Ga Năng Tĩnh, dọc bờ hữu sông Đào lên phía Đông Bắc thành phố và lan rộng ra cả nội, ngoại Thành.

Trước tình hình đế quốc Mỹ liều lĩnh, ngoan cố đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Miền Nam và từng bước leo thang, mở

rộng chiến tranh phá hoại hết sức nghiêm trọng đối với miền Bắc ngày 17-7-1966 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi: Toàn dân chống Mỹ cứu nước, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

Để xây dựng thành phố Nam Định thực sự trở thành một thành phố “sản xuất và chiến đấu”, Thành uỷ đã triển khai một loạt biện pháp phòng tránh toàn diện, cụ thể hơn như xây dựng công sự chiến đấu, giao thông hào nổi để bảo vệ cảng, bảo vệ công nhân sản xuất và xếp dỡ hàng hoá, xây tường bảo vệ Nhà máy Điện... Đồng thời xây dựng một số nhà hầm, đưa sinh hoạt của nhân dân ở những nơi xung yếu xuống lòng đất. Đến đầu tháng 9-1966, một số nhà hầm đã xây dựng xong, như: nhà cắt tóc, cửa hàng bách hoá ở phố Nguyễn Du, cửa hàng ăn uống cửa phía Đông chợ Rồng (phố Trần Hưng Đạo), rạp chiếu bóng cạnh bờ hồ Vị Xuyên... Tiếp đó là hàng ngàn mét vuông hầm đặt máy, thiết bị sản xuất ở các xí nghiệp, hợp tác xã thủ công nghiệp được xây dựng. Cơ quan Thành uỷ và Ủy ban hành chính thành phố ở phố Quang Trung, Thành đội ở phố Phạm Hồng Thái đều xây hầm vững chắc dưới lòng đất.

Năm 1967 máy bay Mỹ tập trung đánh phá quy mô lớn, liên tục ngày đêm vào địa bàn thành phố.

17-3-1967 đánh bom vào khu vực trận địa Hàng Giang.

15-5-1967 đánh vào khu cầu sắt Vĩnh Trường.

22-6-1967 đánh bom vào trận địa chùa Cuối và Đông Mặc.

23-6-1967 đánh vào cầu Tàu và xóm Vượt, Phù Nghĩa, Cồn Dài.

27-6-1967 đánh bom vào Vĩnh Trường, Đệ Tứ...

So với năm 1966, khối lượng bom đạn Mỹ đánh phá năm 1967 tăng gấp 20 lần, bình quân mỗi tháng đánh 8 trận. Ở Nhà máy Dệt, trong khu vực sản xuất cứ 4m² chịu 2 quả bom cỡ 250 kg. Trong 2 ngày (2 và ngày 3-2-1967) quân dân thành phố hạ 2 máy bay Mỹ, có 1 chiếc rơi tại chỗ bắt sống phi công (do Tiểu đoàn 6 lập công). Từ tháng 3 đến tháng 10-1967 Trung đoàn Pháo cao xạ 227 về thay Trung đoàn 250 bảo vệ thành phố đã

phối hợp bắn rơi 7 máy bay giặc. Riêng trong ngày 28-6-1967 bắn rơi 3 chiếc, bắt sống 1 giặc lái, là trận thắng lớn nhất của thành phố Nam Định.

Từ cuối năm 1967 đến tháng 2-1968, máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá ác liệt trên dọc sông Đào, Nhà máy Xay, Ty Lương thực, Ga Đò Chè, Nhà máy Nước, bến Đò Quan, khu dân cư Đông Tháp Mười và các xã ngoại thành, với 614 lần chiếc, hàng chục tấn bom đạn vào 366 địa điểm, đánh có tính huỷ diệt khu vực nội thành.

Qua 4 năm, không quân đế quốc Mỹ đã dùng 713 lần chiếc máy bay, đánh phá 179 trận với 744.625 tấn bom đạn xuống 385 mục tiêu. Chúng đã phá huỷ 28.836 m² nhà ở, bằng 10,9% tổng số nhà của thành phố, trong đó 517 nhà bị phá huỷ hoàn toàn, làm 741 người chết, 1.083 người bị thương. Nhiều khu phố, nhà máy, hợp tác xã... bị tàn phá. Hầu hết các cơ sở kinh tế, giao thông, bệnh viện, trường học... bị đánh phá hư hại nặng. Song, với sự hợp đồng chặt chẽ, tinh thần chiến đấu ngoan cường, quân dân thành phố đã bắn rơi 34 máy bay Mỹ, bắt 1 số giặc lái (toàn tỉnh bắn rơi 86 máy bay), trong đó có 10 chiếc máy bay do dân quân tự vệ bắn trúng.

Chỉ riêng Nhà máy Điện Nam Định, địch đánh phá tới 72 trận, với 270 tên lửa, gần 200 quả bom các loại. Trưa ngày 07-8-1967, kho đạn có trữ lượng lớn bị bom Mỹ bốc cháy dữ dội, đạn trong kho phát nổ, các lực lượng phòng cháy đã phối hợp, không quản khó khăn nguy hiểm vẫn lao vào cứu chữa. Sau hơn 1 giờ liên tục với những động thái đầy mưu trí, sáng tạo của các chiến sĩ, ngọn lửa được dập tắt, cứu được kho vũ khí hơn 100 tấn đạn các loại và cứu sống được 12 chiến sĩ bộ đội bị thương không bị lửa thiêu cháy. Lại trận đánh bom vào nhà thờ Chính Xứ Nam Định (0h45' ngày 15-3-1968) một tu sĩ bị giết hại, 6 người bị vùi lấp, nhà thờ chính, tượng thờ bị phá huỷ và hư hỏng nặng. Khốc liệt hơn cả là trận đánh ngày 5-8-1968, hàng chục máy bay Mỹ lao vào đánh phá khu Tổng kho Đò Chè, làm chết và bị thương nhiều người, 2 kho hàng bốc cháy

cùng 2 ô tô và 1 xà lan bị chìm. Các lực lượng phòng chữa cháy và tự vệ trên địa bàn đã dùng mọi phương tiện, biện pháp để cứu người, dập tắt đám cháy. Nhờ đó đã cứu được hàng nghìn tấn lương thực, 500 phuy xăng, 800 phuy thuốc trừ sâu và các loại hoá chất khác. Tuy có nhiều cán bộ, chiến sĩ bị thương, nhưng vẫn bình tĩnh, dũng cảm hoàn thành nhiệm vụ.

Đề tiếp sức cho tiền tuyến lớn Miền Nam, với khẩu hiệu “Thóc vượt cân, quân thừa người” trong 3 năm (1965-1967) thành phố đã có 5.887 người nhập ngũ, đi các chiến trường. Biết bao người con Thành Nam đã chiến đấu dũng cảm, lập công xuất sắc. Lực lượng tham gia chiến đấu trên địa bàn 14.366 cán bộ chiến sĩ dân quân tự vệ, biên chế thành 78 đại đội, 305 trung đội. Lực lượng công binh nhân dân có 829 người, trong 3 trung đội cơ động và 4 trung đội ở 4 khu phố. Lực lượng cứu thương có 750 người làm nhiệm vụ cứu thương nhân dân và phối hợp với các trận địa pháo cao xạ cùng với đội phẫu thuật cơ động trên địa bàn. Lực lượng cứu hoả 427 người, có bộ phận tại chỗ các khu phố và các trung đội cơ động. Thành đội có 5 phân đội súng máy cao xạ, (12 ly 7 và đại liên Culinôp), 3 trạm quan sát (trên nóc nhà Ngân hàng, nhà thờ Xanh-to-ma và Cột Cờ thành phố).

Trong 4 năm chống Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 1968), nhân dân miền Bắc đã giành được thắng lợi to lớn về sản xuất, đảm bảo đời sống nhân dân; về chiến đấu và giữ vững giao thông vận tải thông suốt, phục vụ đắc lực cho tiền tuyến lớn Miền Nam. Tính đến tháng 11-1968, đã có 2.343 máy bay Mỹ bị bắn rơi, hàng trăm giặc lái Mỹ bị bắt sống hoặc bị tiêu diệt, hàng chục tàu chiến Mỹ bị bắn cháy, bắn chìm. Bị thất bại nặng nề, đầu tháng 11-1968, Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc không điều kiện, quay về chiến lược phòng thủ toàn diện trên chiến trường Miền Nam và phải chấp nhận đàm phán ở Hội nghị 4 bên tại Pari - Thủ đô nước Pháp.

Đầu năm 1969, sau khi lên cầm quyền, Tổng thống Mỹ là

Ních-xon đã ráo riết thực hiện Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” nhằm cố bám giữ Miền Nam Việt Nam, ngăn chặn phong trào cách mạng ở 3 nước Đông Dương và khu vực Đông Nam Á và rút dần quân Mỹ trong danh dự ra khỏi chiến trường. Liên tiếp trong các Chiến dịch mùa khô từ 1969 - 1972, quân dân Miền Nam đã làm thất bại từng bước quan trọng “Học thuyết Ních-xon”⁽³⁴⁾ của đế quốc Mỹ. Đó là các chiến thắng: Đường 9 Nam Lào, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ... Tuy bị thua đau nhưng Mỹ vẫn ngoan cố. Tháng 3-1972 chúng trắng trợn bỏ lửng Hội nghị Pa ri và lại liều lĩnh “leo thang” đánh phá miền Bắc lần thứ hai để mong cứu vãn tình thế thất bại khó tránh khỏi.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) và chỉ thị của Tỉnh uỷ, Thành uỷ Nam Định có đề án chuyển thành phố từ thời kỳ tạm có hoà bình sang thời chiến, từ thành phố sản xuất, chiến đấu sang thành phố chiến đấu và sản xuất. Hàng vạn người già, trẻ em và các cơ quan, xí nghiệp trong thành phố lại khẩn trương sơ tán, phân tán để dẫn mỏng mật độ dân số nội thành⁽³⁵⁾. Các hầm, hào, hào giao thông phòng tránh được củng cố. Thành đội lập xong phương án chiến đấu đối với 182 đơn vị dân quân tự vệ. Công tác bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ tài sản của nhân dân, của cơ quan, xí nghiệp... được triển khai cụ thể.

Ngày 24-4-1972, máy bay Mỹ bất ngờ đánh phá thành phố.

Trưa ngày 6-5-1972, nhiều tốp máy bay Mỹ liều lĩnh lao vào vùng trời thành phố, đánh phá cầu Treo Nam Định, kho xăng, dọc 2 bờ Sông Đào... làm thương vong 31 người, trên 100 căn nhà bị phá huỷ. Quân dân Thành Nam hợp đồng chiến đấu tốt, bắn rơi 2 máy bay giặc.

Sáng 22-5-1972, 2 máy bay F8 của Mỹ đánh phá khu Nhà

(34) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II (1954 - 1975). NXB Chính trị quốc gia Hà Nội - 1995, tr. 521.

(35) *Thành phố Nam Định - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ* (1945 - 1975), Sđd, tr. 234.

máy Nước, bị nữ tự vệ Xí nghiệp Đồ hộp xuất khẩu bắn rơi 01 chiếc. Trưa ngày 23-5-1972 nhà nguyện Giáp họ Đông Mạc (ngõ Yên Thế) bị máy bay Mỹ ném bom, 7 người tử vong.

Trưa ngày 18 và 19-7-1972 nhiều tốp máy bay Mỹ điên cuồng đánh phá vào bến Đò Quan, các xí nghiệp: Đồ hộp xuất khẩu, Mỳ Ba Lan, Gõ, Thủy tinh, Máy Nước, Kho Bông vải sợi, Ty Thủy lợi... các xã Lộc An, Lộc Hoà, Lộc Hạ... Nhiều nhà dân khu vực Đò Chè, phố Phan Đình Phùng, phố Hoàng Văn Thụ bị phá sập. Các lực lượng phòng không đánh trả quyết liệt. Trung đoàn Pháo cao xạ 231 bắn rơi 2 máy bay.

10h10' ngày 11-6-1972, hơn 20 máy bay địch vào đánh phá thành phố, cột cờ bị sập đổ. Chiều sau đó 1 máy bay A7 bị bắn gãy đôi, rơi ở cầu Cây (Khu phố 1), giặc lái bị bắt (đây là chiếc máy bay thứ 100 rơi tại tỉnh Nam Hà và chiếc thứ 3.100 bị rơi ở miền Bắc)⁽³⁶⁾. Ngày 22-7-1972, hơn 20 máy bay Mỹ đánh phá 7 mục tiêu, trong đó có Nhà máy Liên hợp Dệt, khu An Phong, trận địa pháo Cơ khí Nam Hà, khu Giá Nứa (Nguyễn Trãi), Máy Nước, phá huỷ nhà Nép Vô. Lưới lửa phòng không của Thành Nam bắn rơi 3 chiếc. Đó là chiến công của Tiểu đoàn 6 bắn rơi 1 A7, Trung đoàn 231 bắn rơi 1 A7, Khẩu đội pháo 100 ly của tự vệ Liên hợp Dệt (trận địa Vị Dương) bắn rơi 1 máy bay F4.

Cuối tháng 8-1972 máy bay Mỹ thay đổi chiến thuật đánh phá ở Thành Nam. Chủ yếu chúng tập trung đánh chớp nhoáng, đánh lên ban đêm vào các tuyến cửa ngõ thành phố như Năng Tĩnh, Công Hậu, Thượng Lôi, Quán Chuột... gây hoang mang trong nhân dân khi qua lại các nơi này. Thành đội đã kịp thời bố trí các trận địa phục kích đánh máy bay tầm thấp dọc theo tuyến đê sông Hồng từ Hữu Bị đến Nam Phong, dài hơn 4 km; gồm các lực lượng chiến đấu cơ động của dân quân tự vệ, với 3 khẩu 14,5 ly (4 nòng), 11 đại liên, 13 trung liên và 186 súng trường... Chiều ngày 25-8-1972 trận địa pháo 100 ly

(36) *Thành phố Nam Định - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 244.

của tự vệ Nhà máy Tơ (chốt tại xã Nam Phong) bắn rơi 1 máy bay A7. Đêm ngày 6-9-1972 lực lượng tự vệ cơ động của thành phố bắn rơi 1 chiếc A6a ở độ cao dưới 1.000 m (rơi cách Cửa Đáy 1 km). Lại chiều 10-9-1972, tự vệ Đại đội Pháo 100 ly của tự vệ Nhà máy Cơ khí C50 (trận địa Cầu Vòi) cũng bắn tan xác 1 máy bay F4. Như vậy, trong vòng 7 tháng của năm 1972 (từ tháng 4 đến tháng 10), máy bay Mỹ đã tập trung đánh phá thành phố Nam Định với cường độ lớn, rất tàn khốc. Chúng đã huy động 338 lần chiếc (bằng 1/3 lần thứ nhất) đánh phá 143 mục tiêu, với hơn 487 tấn bom đạn, phá huỷ 57.074 m² nhà cửa (tới quá nửa sập đổ hoàn toàn) làm chết 168 người, bị thương 226 người và nhiều cơ sở sản xuất khác bị huỷ hoại. Nhưng, với tinh thần chiến đấu ngoan cường sáng tạo, hợp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, quân và dân Thành Nam lại một lần nữa lập công xuất sắc: bắn rơi 18 máy bay Mỹ, có 3 chiếc rơi tại chỗ, bắt sống giặc lái trong đó lực lượng tự vệ bắn rơi 4 chiếc. Tính cả hai lần Mỹ “leo thang” đánh phá miền Bắc thì quân và dân thành phố Nam Định đã bắn rơi 54 máy bay⁽³⁷⁾.

Đồng thời với chiến công trên các trận địa phòng không, quân dân Thành Nam còn đảm bảo tốt việc chi viện sức người, sức của cho chiến trường Miền Nam. Trong năm 1972, qua 3 đợt tuyển quân, 1.515 thanh niên thành phố đã nhập ngũ quân đội, đã vận chuyển vào chiến trường Miền Nam 84.754 tấn hàng theo đường thuỷ và 170.778 tấn hàng theo đường bộ. Đến cuối năm 1972, có 417 gia đình có từ 3-7 con, em tham gia quân đội chiến đấu ở các chiến trường⁽³⁸⁾. Bị thất bại lớn ở cả 2 chiến trường miền Nam, miền Bắc và ngày 22-10-1972 Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra. Nhưng với sự hiếu chiến và ngông cuồng, ngày 18-12-1972 đế quốc Mỹ đã bất ngờ mở đợt không kích lớn bằng pháo đài bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác. Quân và dân ta đã bình tĩnh, dũng cảm, chiến đấu giỏi: bắn rơi 34 máy bay B52, 5

(37) *Lịch sử Đảng bộ thành phố Nam Định*, Sdd, tr. 390, 391.

(38) *Lịch sử Kháng chiến*, Sdd, tr. 245, 246.

chiếc F111, đã nâng tổng số máy bay bị bắn rơi trong lần “leo thang” thứ hai là 81 chiếc. Do những thất bại thảm hại liên tiếp, buộc Mỹ phải trở lại đàm phán và ngày 27-1-1973 ký Hiệp định Pari “chấm dứt chiến tranh” và lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Trong điều kiện chiến tranh phá hoại của Mỹ đã chấm dứt, từ năm 1973 -1975, Đảng bộ và nhân dân thành phố Nam Định vừa tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, vừa đồng thời cùng với cả miền Bắc dồn sức chi viện tiền tuyến ở Miền Nam. Sau chiến thắng mở đầu ở Ban Mê Thuột (ngày 12-3-1975) rồi Tây Nguyên được giải phóng, Bộ Chính trị đã quyết định mở Chiến dịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta đã thừa thắng xúc tới, tiến quân thần tốc, táo bạo, nhanh chóng giải phóng cả dải đất Trung Bộ và tiến vào Sài Gòn đập tan thế lực quân nguy. Ngày 30-4-1975 hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước. Vì mục tiêu hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc và tiếp sức cho chiến trường rực lửa, chỉ một đợt trong tháng 2-1975, thành phố Nam Định đã có 1.914 người lên đường nhập ngũ (trong đó có 161 nữ), gấp 3 lần số lượng năm 1974. Các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp đều bùng lên khí thế thi đua sôi nổi, lập thành tích cao trên các lĩnh vực hoạt động. Xí nghiệp Dệt dân sinh dệt thêm 25.000 mét vải, Nhà máy Tơ dệt thêm 15.000 mét lụa, Nhà máy Liên hợp Dệt phấn đầu vượt 1 triệu mét vải, lại cấp tốc dệt 1 triệu mét vải xanh, đỏ kịp đưa vào Miền Nam may cờ, trang trí trong ngày lễ mừng chiến thắng. Nhiều sản phẩm tặng đồng bào Miền Nam, đồng bào 2 tỉnh Mỹ Tho và Biên Hoà kết nghĩa. Các xã ngoại thành khăn trương huy động hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm đóng góp với tình đê gửi ngay tới chiến trường...

Tiếp nối truyền thống hào hùng, vẻ vang trong lịch sử dựng nước và giữ nước, truyền thống yêu nước và cách mạng kiên cường của dân tộc, của quê hương, trong hơn 20 năm (1954 - 1975), nhân dân thành phố Nam Định đã cùng với quân, dân cả nước, cả tỉnh vừa hăng hái, cần kiệm xây dựng cuộc sống mới,

vừa kiên cường anh dũng kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Qua gần 8 năm (1965 - 1972), với 2 lần đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, tại thành phố Nam Định chúng đã đánh phá vô cùng khốc liệt. Lượng máy bay chúng huy động tới 1.401 lần chiếc, tàn phá 528 lượt mục tiêu, với 1.231 tấn bom đạn, đã phá huỷ trên 30% cơ sở kinh tế, nhà cửa, công trình văn hoá, giao thông, giết hại 909 người và 1.279 người bị thương tật. Với ý chí quyết chiến, quyết thắng và dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, quân và dân thành phố đã đồng tâm hiệp lực, dũng cảm, mưu trí, chiến đấu kiên cường, đã bắn rơi 54 máy bay Mỹ, bắn bị thương nhiều chiếc khác, bắt sống một số giặc lái. Với tinh thần vì tiền tuyến, tất cả cho tiền tuyến, từ năm 1955 đến năm 1975 đã có 17.543 người con Thành Nam lên đường nhập ngũ và tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở các chiến trường. Từ năm 1965 đến năm 1975, nhân dân thành phố đã đóng góp cho kháng chiến 12.629 tấn lương thực, 1.160 tấn thực phẩm và hàng chục triệu mét vải, lụa⁽³⁹⁾.

Ghi nhận những thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, Đảng, Nhà nước đã tặng thưởng cho nhân dân cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thành phố Nam Định 9.561 huân chương, huy chương các loại. Ngày 31-10-1978, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

5- Xây dựng thành phố, phát triển kinh tế - xã hội

a- Thời kỳ từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1975

Thành phố Nam Định trước ngày toàn quốc kháng chiến có cảnh quan đẹp, sinh hoạt sầm uất, đông vui; sản xuất công nghiệp phát triển vào loại nhất nhì cả nước. Có Nhà máy Điện, Nhà máy Dệt lớn nhất Đông Dương⁽⁴⁰⁾. Về cơ bản, người Pháp

(39) Lịch sử Đảng bộ thành phố Nam Định (Sđd), tr. 410, 411.

(40) Lúc này Đảng bộ thành phố có 1.410 Đảng viên ở 65 chi bộ

vẫn là chủ các nhà máy trên địa bàn như: Sợi, Tơ, Rượu, Chiếu, Đèn... Người Án kiều, Hoa kiều vẫn được chính quyền cách mạng khuyến khích làm ăn buôn bán.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, một phần do tiêu thổ kháng chiến, một phần do chiến sự tàn phá làm huỷ hoại phần lớn các cơ sở sản xuất công nghiệp. Mặt khác, do số đông dân nội thành, trong đó có nhiều công nhân phải tản cư ra vùng nông thôn. Do đó hoạt động kinh tế ở thành phố thời kỳ này thực sự không phát triển. Tuy có nhiều lần quân Pháp dụ dỗ, ép buộc công nhân trở về thành phố làm việc, nhưng lực lượng sản xuất vẫn giảm sút nhiều. Các cơ sở công nghiệp chỉ sản xuất cầm chừng. Các chợ, cửa hàng, cửa hiệu thưa vắng, buôn bán ế ẩm. Tháng 8-1948 Nhà máy Sợi hoạt động trở lại, số công nhân có 2.000 người. Từ năm 1949 đến 1954, thành phố bị Pháp tạm chiếm, các cơ sở thủ công nghiệp bị phá sản, thực dân Pháp biến nơi đây thành nơi tiêu thụ hàng hoá phục vụ chiến tranh của chúng. Nông dân các làng xã ngoại thành cũng không chuyên tâm canh tác, mùa màng không được bảo vệ nên năng suất và sản lượng lương thực rất thấp. Đời sống nhân dân nhìn chung khó khăn, thiếu thốn nhiều bề.

Sau khi được giải phóng, thành phố trong cảnh hoang tàn, đổ nát, xác xơ, thiếu điện, không nước máy... Nhưng với nguồn vui, niềm tin được làm chủ quê hương, đất nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, Uỷ ban Quân chính thành phố, nhân dân đã hăng hái, tập trung giải quyết hậu quả chiến tranh, từng bước ổn định cuộc sống, khôi phục và phát triển sản xuất. Ngày 07-10-1955, Chính phủ ra quyết định phục hồi Nhà máy Sợi Nam Định và sáp nhập thêm Nhà máy Tơ, đổi tên thành Nhà máy Dệt Nam Định. Được sự giúp đỡ của Bộ Công thương, kế hoạch phục hồi sản xuất của Nhà máy Sợi Nam Định đã thực hiện làm 3 đợt, từ ngày 15-10 đến 15-12-1955 đã cho chạy 764 máy dệt và tuyển 785 công nhân vào làm việc. Sau đó Ty Lao động tuyển dụng bổ sung thêm cho nhà máy 438 công nhân, đồng thời mở lớp huấn luyện cấp tốc cho 232 công

nhân trong thời gian 7 ngày.

Nhà máy Tơ chính thức vào hoạt động từ ngày 07-9-1955. Bước đầu cho vận hành 24 máy, sử dụng 52 công nhân, sau khi sáp nhập, lực lượng lao động được tuyển vào Nhà máy Dệt tăng lên rất nhanh, đến cuối năm 1956 đã lên đến 10.094 công nhân, trong đó có 500 cán bộ Miền Nam tập kết ra Bắc. Số máy dệt được bổ sung mới 1.101, sửa chữa 1.225 máy cũ.

Một số cơ sở sản xuất thủ công nghiệp được giúp đỡ tạo điều kiện đã được phục hồi, như: Đóng thuyền, thuốc lá, màn trúc, xà phòng, làm chỉ, bao gai... Việc quản lý kinh doanh buôn bán được thực hiện chặt chẽ. Các thương nhân chỉ được phép kinh doanh ngành hàng nhất định. Những người chuyên buôn bán hàng ngoại hoá, xa xỉ phẩm hoặc mở cửa hàng ăn, giải khát thì được giúp đỡ chuyển sang ngành nghề khác, chấm dứt kinh doanh. Chỉ có mậu dịch quốc doanh được độc quyền quản lý hàng lúa gạo, muối, dầu hoả. Khuyến khích đẩy mạnh việc chuyển từ kinh doanh sang sản xuất, nhất là những người mới ở nông thôn lên. Đến hết năm 1955, thành phố Nam Định có 773 hộ tư thương và 954 hộ sản xuất thủ công nghiệp, khôi phục các ngành nghề: May mặc, cơ khí, thuốc da, thủy tinh, dệt... Ngành lâm thổ sản từ 21 cửa hàng tăng lên 51 cửa hàng, thuốc Bắc có 169 cửa hàng. Mặt khác, thành phố đã xây dựng được 16 cơ sở công nghiệp hợp doanh, tư doanh, giải quyết việc làm cho 19.462 người lao động. Lực lượng tư thương được làm nhiệm vụ bán lẻ thay mậu dịch theo giá chỉ đạo. Tuy nhiên, trong thời kỳ khôi phục phát triển kinh tế, việc quản lý vẫn theo nền nếp cũ, chế độ tiền lương chưa được xây dựng, chưa đi vào hạch toán kinh tế, năng suất lao động còn thấp.

Đến cuối năm 1956, cuộc cải cách ruộng đất ở các xã ngoại thành đã hoàn thành. Giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ về chính trị, bị trưng thu, trưng mua tài sản. Hàng trăm mẫu ruộng đất, cùng các công cụ sản xuất như trâu bò, cày bừa, gia sản... của chúng được trả về cho nông dân, “Người cày có

ruộng”, nông dân được làm chủ ruộng đồng đã tích cực chăm lo canh tác, đời sống được khá dần lên.

Số liệu khảo sát trong tháng 7-1957 cho thấy: Thành phố có 8 khu phố và 5 xã ngoại thành. Dân số 62.325 người, trong đó nội thành 49.522 người, ngoại thành 12.803 người, hơn 3.000 hộ công thương gia. Số cán bộ công nhân viên 2.380 người. Ngoại kiều 1.113 người (với 1.093 Hoa kiều, 24 Pháp kiều, 1 Đức kiều, 6 Nhật kiều, 1 Ý kiều)...

Đồng thời với việc khôi phục sản xuất, giải quyết công ăn việc làm, thành phố rất chú ý đảm bảo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Năm 1956 hoàn thành xây dựng lại Nhà máy Nước (đạt công suất 967.670 m³/ngày đêm vào cuối năm 1957). Nhà máy Điện được đầu tư thêm trang thiết bị, hạ được giá thành 1 kw từ 600 đồng xuống 170 đồng cho sản xuất và thắp sáng. Năm học 1956 - 1957 thực hiện hệ thống giáo dục phổ thông 10 năm. Nhiều người đã tham gia phong trào thể dục thể thao, bóng chuyền, bóng rổ, quyền anh... Đã có 2 sân vận động được sửa chữa. Việc thanh toán nạn mù chữ được thực hiện tích cực (số người mù chữ và tái mù chữ còn 1.370 người). Hiện thành phố có Trường Sư phạm cấp II, Trường Kỹ thuật Liên khu III, có 2 rạp chiếu bóng tư doanh, 1 rạp quốc doanh, có bệnh viện thành phố (sau này là Bệnh viện Đa khoa tỉnh) và 1 rạp hát An Lạc. Nhà hát Nhân dân (ngoài trời) được xây dựng ở phía hữu chùa Vọng Cung và Công viên hồ Vị Xuyên được mở rộng, xây dựng Câu lạc bộ Công nhân và 1 bãi chiếu bóng quốc doanh. Đài Truyền thanh thành phố với 73 km đường dây với hệ thống loa (nơi công cộng 30, các cơ quan, xí nghiệp 135)... Phong trào sinh hoạt văn hoá văn nghệ đã mở rộng tới các tầng lớp dân cư. Sự kiện lớn và vinh dự lớn đối với nhân dân Thành Nam là ngày 24-4-1957 được đón Hồ Chủ tịch về thăm Nhà máy Dệt Nam Định và đơn vị bộ đội thuộc Quân khu III. Theo quyết định của Trung ương và Liên khu uỷ III, từ ngày 1-7-1957 thành phố Nam Định hợp nhất với tỉnh Nam Định và trở thành đơn vị

hành chính trực thuộc tỉnh⁽⁴¹⁾.

Trung tuần tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (khoá II) họp Hội nghị lần thứ 14 đề ra nhiệm vụ kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế và văn hoá (1958 - 1960) mà hướng tập trung trong 3 năm là hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh. Từ ngày 28-2 đến 1-3, Nhà nước tiến hành đổi tiền cũ sang tiền mới (do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành). Tỷ lệ chuyển đổi 1 đồng mới bằng 1.000 đồng cũ. Tại thành phố Nam Định việc đổi tiền thực hiện nhanh gọn trong ngày 28-2-1959. Sau đổi tiền, giá cả các mặt hàng ổn định, nhân dân phấn khởi.

Thực hiện Nghị quyết 14 của Trung ương Đảng và nghị quyết của các cấp uỷ đảng địa phương về nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, tại thành phố Nam Định việc triển khai đã đảm bảo đúng nội dung, kế hoạch đề ra. Trên cơ sở học tập, tuyên truyền vận động nhân dân tự nguyện tham gia và hướng dẫn cách thức tổ chức, đến cuối năm 1958 đã có 92,45% số hộ nông dân vào tổ sản xuất đổi công (với 296 tổ, 2.586 hộ). Ở khu phố I, khu phố 8 và xã Lộc Vượng đạt 100% số hộ. Thành phố đã chỉ đạo xây dựng thí điểm 12 hợp tác xã nông nghiệp gồm 230 xã viên. Đồng thời triển khai xây dựng hợp tác xã tín dụng trong nhân dân. Đến năm 1960, hầu hết các tổ đổi công đã gom lại thành hợp tác xã và khu vực nông nghiệp đã xây dựng được 30 hợp tác xã với 1.121 hộ dân, đạt 41,21% số hộ, đến cuối năm thì đạt 87,63% số hộ (trong đó thành phần bản nông chiếm 62,38%, trung nông 25,87%, bán công, bán nông 3%). Các xã Lộc Hạ, Lộc An, Lộc Vượng, Lộc Hoà đạt tỷ lệ từ 84% đến 99,2% số hộ dân vào hợp tác xã nông nghiệp. Với mô hình và cách thức sản xuất mới, nhìn chung nông dân tin tưởng phấn khởi. Khí thế ở địa phương bước đầu sôi nổi. Ở 5 xã mới có 1.071 hộ (31,9%) dân tham gia hợp tác xã tín dụng. Tham

(41) Lúc này Đảng bộ thành phố có 1.410 đảng viên ở 65 chi bộ.

gia hợp tác xã mua bán đạt 60% số hộ, gồm 1.612 hộ.

Thực hiện nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp, qua 4 đợt cải tạo đối với tiểu thương, đến năm 1960 đã tổ chức được 1.138 hộ vào 77 tổ hợp tác, trong đó 61 tổ gồm 894 hộ mua chung bán chung, 10 tổ loại vừa gồm 63 hộ mua chung bán riêng; 6 tổ gồm 81 hộ mua riêng bán riêng, có quỹ hỗ trợ với các ngành hàng chủ yếu là thủy sản, lương thực, thực phẩm, ngũ kim và bách hoá. Ngoài ra đã có 868 hộ được chuyển sang nghề khác như đan len, làm các hàng gia công, vào làm ở các nhà máy, công trường... (trong đó 70% là tiểu thương thuần túy). Đến hết năm 1959, đã thí điểm xây dựng 16 hợp tác xã thủ công, 3 tập đoàn và 3 tổ cung tiêu, gồm hơn 500 cơ sở thuộc 15 ngành nghề (70%) sản xuất thủ công. Một số hợp tác xã sau khi thành lập đi vào hoạt động đã mở ra hướng phát triển mới, như Cơ khí Ánh thép, Tháng Mười, Hợp tác xã Dệt Rạng Đông, Minh Khai Thành Nam, Hợp tác xã May mặc Vạn Tường, Giày da Diên Hồng, Xi dầu Nam Long. Đến cuối năm 1960 toàn thành phố có 3.221 tổ sản xuất thủ công với trên 1 vạn xã viên trong 74 hợp tác xã (đạt 98,3% số hộ trong diện). Ngày 13-5-1953, thành phố triển khai cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Đây là việc khó được Thành uỷ tập trung chỉ đạo và lấy khâu giáo dục cải tạo tư tưởng làm đột phá để đạt được mục tiêu là chuyển lại tư liệu sản xuất của tư sản mà mở rộng công nghiệp Nhà nước. Toàn thành phố có 248 hộ tư sản, trong đó có 72 hộ kinh doanh công nghiệp, 89 hộ kinh doanh thương nghiệp và 63 cơ sở kinh doanh văn hoá, thì đã có 176 cơ sở tự nguyện xin vào hợp doanh⁽⁴²⁾. Tình hình sản xuất trong các xí nghiệp quốc doanh gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu, nguồn điện bị mất thất thường. Chỉ có quốc doanh vận tải ô tô (cả xe ca và xe tải) hoàn thành kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) trước 4 tháng. Các xí nghiệp công tư hợp doanh (Xưởng Thủy tinh, Chiêu Sơn Nam, Xưởng Vị Giang...) nhìn chung khó khăn, lúng túng về phương thức hoạt động và yếu về tổ

(42) *Lịch sử Đảng bộ thành phố Nam Định*, Sdd, tr. 233.

chức quản lý nên đa số hụt mức kế hoạch.

Công tác giáo dục - văn hoá tuy có cố gắng nhưng không đều giữa các ngành học. Việc dạy bổ túc văn hoá cho cán bộ được đẩy mạnh ở các cơ quan khu phố. Đa số cán bộ đã theo học chương trình cấp I. Việc phổ cập vỡ lòng được thi hành tích cực. Năm 1959 có trên 4.000 em từ 9 đến 11 tuổi theo học, có 1.300 em vào lớp 1 (550 vào hệ quốc lập). Phong trào bình dân học vụ năm 1959 chậm hơn năm trước. Năm học 1960 - 1961, thành phố mở thêm 28 lớp học dựa vào cơ sở của dân. Có 7.654 học sinh cấp I (tăng 1.217 học sinh) cấp II có 2.732 học sinh (tăng 537 em), cấp III 876 học sinh (138 nữ), so với năm học trước thì giảm đi một số vì tách trường về huyện.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, mỗi tỉnh, thành phố ở miền Bắc kết nghĩa với một tỉnh, thành ở Miền Nam để thể hiện tình cảm, chia sẻ trách nhiệm vì miền Nam ruột thịt. Tỉnh Nam Định đã kết nghĩa với tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang). Từ năm 1960 về sau, nhiều phong trào thi đua, các cuộc quyên góp ủng hộ vật chất cho quê hương Mỹ Tho thường xuyên được phát động. Nhiều công trình, địa danh được đặt tên Mỹ Tho (chợ Mỹ Tho).

Những năm 1961 - 1965, sau khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa cơ bản hoàn thành, để đẩy mạnh sự phát triển kinh tế trong các kế hoạch 5 năm mở đầu xây dựng xã hội chủ nghĩa, ở thành phố nói riêng và tỉnh Nam Định nói chung vừa xác định, điều chỉnh quy mô tổ chức sản xuất, vừa nâng cao cải tiến quản lý và đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, gắn với cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, số lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất. Rồi lại trong hoàn cảnh hơn 10 năm cả nước phải kháng chiến chống Mỹ muôn vàn khó khăn ác liệt, nên vấn đề lãnh đạo định hướng và giải pháp thực hiện sao cho đúng đắn, sát hợp mang tính sách lược là hết sức quan trọng.

Khu vực nông nghiệp (cả nội thành và ngoại thành), các hợp tác xã nông nghiệp được thành lập. Quy mô đội sản xuất, hợp tác xã giữa số lượng hộ xã viên với địa bàn dân cư (thôn)

xóm, khu phố cũng thường có sự thay đổi, điều chỉnh. Từ mô hình đội sản xuất theo xóm, hợp tác xã theo thôn rồi liên thôn và lên hợp tác xã bậc cao, quy mô toàn xã. Số lượng hợp tác xã từ 30 (năm 1960) còn 25 (năm 1961) và 21 (năm 1962). Nhưng vì nhiều lý do, sau nhiều hợp tác xã lại tách ra theo quy mô phù hợp (xã Lộc Vượng, Lộc Hạ), đến năm 1966 lại tăng thành 37 hợp tác xã ... Việc tổ chức sản xuất của hợp tác xã, từ ban đầu các đội sản xuất dồn đông người cùng làm một việc, ăn công tính điểm theo ngày (gọi là công nhật), sau thì chia nhóm nhỏ, làm từng việc (khoán nhóm nhỏ). Với cách làm này, nhìn chung hiệu quả, năng suất lao động cao hơn. Tuy số điểm để tính công lao động cho xã viên thì nhiều, nhưng giá trị thu hoạch chia theo ngày công rất thấp, có hợp tác xã chỉ vài lạng thóc cho 1 ngày công (10 điểm). Đây là lỗi “dong công phóng điểm” đã gây nhiều thiệt hại trong hợp tác xã nông nghiệp trong gần ba năm đầu. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, các cấp uỷ địa phương đã lãnh đạo cải tiến quản lý hợp tác xã qua 4 bước. Qua đó, việc điều hành quản lý của ban quản trị hợp tác xã từng bước có đổi mới. Đội ngũ cán bộ từ chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát các hợp tác xã được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá và nghiệp vụ chuyên môn. Mọi quan hệ giữa ban quản trị với các đội sản xuất được thường xuyên, sâu sát hơn. Đồng thời với công tác sinh hoạt đảng, rèn luyện phẩm chất năng lực đảng viên đã thực sự góp phần tích cực nâng cao chất lượng làm việc và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ chủ chốt các hợp tác xã. Tình trạng lợi dụng tham ô, lãng phí tài sản tập thể dần được khắc phục và hạn chế.

Về ngành nghề sản xuất, khắc phục tình trạng chỉ chuyên canh cây lúa hoặc lúa - màu, hầu hết các hợp tác xã đã mở rộng chăn nuôi lợn, trâu bò (cả quy mô tập thể và hộ xã viên) hoặc thả cá, kết hợp trồng rau màu thực phẩm (Hợp tác xã Tiên Phong, khu phố I, Hợp tác xã Hạ Long, khu phố VIII) góp phần đa dạng hoá sản phẩm thu hoạch. Mặt khác, một số nơi có

điều kiện còn tổ chức tổ sản xuất nghề phụ như đan lát, hàng mộc, làm gạch, nung vôi hoặc bún bánh..... vừa tạo thêm việc làm vừa tăng thu nhập cho xã viên. Đặc biệt về kỹ thuật sản xuất, sau một số phong trào ứng dụng kỹ thuật mới một cách máy móc, giáo điều, lại vôi vàng như cây dầy, cấy thưa, cào cỏ cải tiến, nuôi gà Logo, cá rô phi... hiệu quả thấp. Các tiến bộ kỹ thuật mới về giống (cây trồng và vật nuôi), về kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ... được áp dụng từ thấp đến cao, từ làm điểm mới nhân diện rộng đã dần đem lại kết quả. Hiện tượng sản xuất theo phong trào, theo mệnh lệnh hành chính gây thua thiệt đã dần được khắc phục.

Nhờ những đổi mới trong quản lý, trong phương thức, kỹ thuật sản xuất và tinh thần lao động cần cù siêng năng của đông đảo nông dân, xã viên nên kinh tế hợp tác xã đã từng bước phát triển. Năng suất lúa bình quân năm 1960 là 18,14 tạ/héc ta, năm 1962 lên 20,44 tạ/héc ta, năm 1967 đạt 44,5 tạ/héc ta. Đàn lợn bình quân các hợp tác xã trong thành phố, năm 1960 mới đạt 2.697 con thì năm 1967 đạt chỉ tiêu 1,77 con/héc ta canh tác. Năm 1974 năng suất lúa bình quân đạt xấp xỉ 55 tạ/héc ta...

Trong thời kỳ cả nước có chiến tranh, nhiều năm liền thành phố bị máy bay Mỹ đánh phá, nhưng nhân dân vẫn “bám ruộng bám đồng” thi đua “tay cày tay súng” ra sức sản xuất. Nhờ năng suất và tổng sản lượng lương thực nhiều năm đạt cao, nên đã vừa góp phần đảm bảo đời sống nhân dân tại địa phương, vừa có phần lương thực tiết kiệm đóng góp cho Nhà nước để chi viện cho tiền tuyến hàng chục ngàn tấn gạo, hàng ngàn tấn thực phẩm.

Khu vực hợp tác xã công thương nghiệp, từ năm 1960 - 1965 số lao động tiếp tục tăng (từ 3.815 lên 4.564 năm 1962). Cơ sở sản xuất được mở rộng, quy mô hợp tác xã tăng lên (năm 1961 có 6 hợp tác xã cao cấp thì năm 1962 tăng lên 11 hợp tác xã) từ 100 - 300 xã viên. Nhờ vậy tạo điều kiện tập trung khả năng vốn, thiết bị kỹ thuật để đảm bảo cho sản xuất phát triển.

Có tới 51,65% số xã viên trong các hợp tác xã cao cấp thuộc những ngành sản xuất chủ yếu, có điều kiện mở rộng như cơ khí, may mặc, dệt, đồ mộc... Một số hợp tác xã tăng cường thêm thiết bị, chuyên dần sản xuất thủ công sang cơ giới, nửa cơ giới. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, thợ chuyên môn và cán bộ quản lý hợp tác xã được đào tạo, bồi dưỡng tăng về số lượng và chất lượng cùng với việc đổi mới quản lý, tổ chức sản xuất đã tạo điều kiện cho nhiều hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, thu nhập theo tháng của người lao động tăng lên (năm 1960 bình quân 40,5 đồng, năm 1962 lên 50 đồng). Một số hợp tác xã phát triển khá như Cơ khí tháng Mười, Ánh Thép, Thép Mới, Rạng Đông, Diên Hồng... Những sản phẩm hàng hoá do các hợp tác xã thủ công nghiệp làm ra vừa góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, vừa thiết thực phục vụ cho sản xuất công nghiệp ở thành phố và nhất là hàng cơ khí cho sản xuất nông nghiệp (xe cải tiến, cào cỏ, máy tuốt lúa...). Giá trị sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp của thành phố đạt tới 18.253 triệu đồng (năm 1965) và cao nhất trong tỉnh (những năm tiếp theo thì thấp hơn nhiều). Những năm máy bay Mỹ đánh phá thành phố, nhiều hợp tác xã phải phân tán, sơ tán phòng tránh, tuy sản xuất có giảm đi, nhưng lực lượng lao động là xã viên các hợp tác xã này lại là nòng cốt, hăng hái tham gia các đơn vị tự vệ chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ thành phố trong những thời gian cao điểm, trong nhiều trận chiến quyết liệt cam go. Các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã cắt tóc, sửa xe đạp... cũng góp phần rất tích cực cùng với mạng lưới mậu dịch quốc doanh phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân cả khi bình thường hoặc khi có chiến sự.

Hệ thống mậu dịch quốc doanh từ một số cơ sở hình thành trong thập niên trước, đến thập niên 60 thế kỷ XX phát triển khá nhanh, bao gồm cả cấp tỉnh và cấp thành phố. Với khá nhiều cửa hàng, quầy hàng, mà tập trung nhất ở khu vực trung tâm thành phố là Bách hoá chợ Rồng, Thực phẩm công nghệ, Bách hoá bán lẻ Trần Hưng Đạo, Cửa hàng Năng Tĩnh; các cửa

hàng ăn uống: ngã tư Cửa Đông, Cổng Hậu, Ga, Cửa hàng Nguyễn Du, Hạ Long, Đồ Quan, Cửa hàng Thiếu nhi Lê Hồng Phong... Các cửa hàng bách hoá mậu dịch quốc doanh chủ yếu bán hàng theo chế độ cung cấp cho cán bộ công nhân viên hưởng lương Nhà nước, mà đông nhất là công nhân Nhà máy Dệt và phục vụ kịp thời cho các lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ phòng không bảo vệ thành phố.

Khu vực xí nghiệp quốc doanh và công ty hợp doanh, trong những năm 1960 - 1965 có những nổi trội và phát triển khá sôi động. Phần nhiều các xí nghiệp công tư hợp doanh hình thành (trong 1 - 2 năm trước đó). Trên cơ sở góp nhà xưởng, thiết bị và tiền vốn cùng với đại diện Nhà nước tham gia tổ chức sản xuất và quản lý xí nghiệp, được trả lương (theo công lao động, quản lý) và chia lợi nhuận (lợi tức) nhưng cũng bị khống chế mức tối đa. Ngoài số lao động cũ đã làm cho chủ, những lao động tuyển thêm sau này chủ yếu do người đại diện Nhà nước (giám đốc, quản đốc hoặc chủ nhiệm) quyết định. Có thể một phần do thiếu bình đẳng trong vai trò quản lý và một phần do thiếu sự đồng cảm trong quan hệ, nên càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn làm cho các nhà tư sản này thờ ơ hoặc xa lánh xí nghiệp, không cùng tham gia tổ chức sản xuất, quản lý xí nghiệp. Mặt khác cũng chỉ vài năm sau các xí nghiệp này đã chuyển thành xí nghiệp quốc doanh. Một số xí nghiệp công tư hợp doanh lớn thuộc ngành dệt, cơ khí, giao thông, dược, Xí nghiệp Vận tải ô tô 19-5, Xí nghiệp Dược... ra đời trong bối cảnh như vậy.

Theo tinh thần Nghị quyết 7 Ban Chấp hành Trung ương (khoá III) về phát triển công nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng... trên địa bàn thành phố Nam Định đã lần lượt ra đời một số nhà máy cơ khí có tầm hiện đại như Nhà máy Cơ khí Nam Hà, Nhà máy Động cơ, Nhà máy Đóng tàu 1-5 (năm 1960) cùng với Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu (năm 1962), Cảng Nam Định... tạo nên sức sản xuất công nghiệp trên địa bàn khá đa dạng và vào loại mạnh ở miền Bắc khi đó. Những nhà máy

này đi vào hoạt động đã góp phần cùng với các hợp tác xã thủ công nghiệp của thành phố sản xuất ra nhiều mặt hàng cơ khí phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cả trong tỉnh, ngoài tỉnh và nhu cầu sinh hoạt đời sống hàng ngày của nhân dân. Những nhà máy cơ khí còn đóng góp phần quan trọng cho việc đóng mới, sửa chữa phương tiện giao thông đường thủy (xà lan, phà, thuyền, ca nô...) và làm cầu phao qua sông Đào.

Đặc biệt, với sự lớn mạnh của Nhà máy Dệt do được trang bị thêm nhiều thiết bị máy móc mới, hiện đại của Ba Lan, Tiệp Khắc, Cộng hoà dân chủ Đức, quy mô sản xuất được mở rộng, có thêm một số nhà, xưởng mới (Lò hơi Ba Lan, Nhà máy Nhuộm)... Năm 1962 Xưởng Tơ được tách ra trở thành một nhà máy độc lập, lấy tên là Nhà máy dệt Lụa. Lại sáp nhập Nhà máy Điện (năm 1960 là Xưởng Điện do tỉnh quản lý) và đổi tên Nhà máy Dệt thành Nhà máy Liên hợp Dệt, các xưởng Sợi, Dệt, Cơ khí, Chăn được nâng lên thành nhà máy thành viên. Đảng bộ nhà máy⁽⁴³⁾ đổi tên là Đảng bộ Liên hợp Dệt, trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nam Định. Số cán bộ, công nhân, lao động ở đây lên tới hơn 14.000 người. Số kỹ sư, công nhân kỹ thuật mới được đào tạo cũng được tăng cường thêm. Ở thời điểm đó Liên hợp Dệt Nam Định là cơ sở dệt lớn nhất của miền Bắc và thành phố Nam Định là thành phố công nghiệp lớn nhất, sôi động nhất. Ngày 21-5-1963, nhân dân thành phố Nam Định lại vinh dự được đón Bác Hồ về thăm và nói chuyện tại Quảng trường Hoà Bình, đến thăm Bệnh viện tỉnh.

Những năm máy bay Mỹ đánh phá thành phố Nam Định (1965 - 1972), các nhà máy, xí nghiệp phải phân tán, sơ tán đi nhiều nơi, xa trung tâm thành phố. Liên hợp Dệt được chia thành 10 cơ sở, mỗi cơ sở thành một nhà máy độc lập gọi là các “B” chuyển đi các tỉnh Hà Nam, Thái Bình, Hoà Bình, Hà Bắc, Vĩnh Phúc, Lạng Sơn... Nơi gần nhất là Dệt Nam Lý (B3) ở Lý

(43) Đảng bộ Nhà máy Dệt thành lập theo Quyết định ngày 24-1-1958 của Ban Thường vụ Liên khu uỷ III.

Nhân và Dệt Nam Hà (B6) ở Kim Bảng (tỉnh Hà Nam), xa nhất là Sợi Lạng Sơn (B15) phải chuyển lên Lạng Sơn, cách 300 cây số. Chỉ có Dệt Nam Định (B2) ở lại thành phố, với quy mô lớn nhất chiếm 1/3 tổng số thiết bị máy móc và lao động (4.610 người) nhưng cũng phải dần mỏng ra nhiều địa điểm. Với khí thế thi đua mỗi người làm việc bằng hai, với phong trào dệt 10 triệu mét vải vì miền Nam ruột thịt, đội ngũ công nhân nhà máy vừa “đội bom mà sản xuất”⁽⁴³⁾ vừa tham gia lực lượng tự vệ chiến đấu và phục vụ chiến đấu với máy bay giặc Mỹ⁽⁴⁴⁾. Đồng thời đã có hàng trăm cán bộ, công nhân nhập ngũ quân đội đi chiến đấu ở các chiến trường. Trong điều kiện thiết bị, nhà xưởng bị bom đạn tàn phá hư hỏng nhiều, lại thiếu lực lượng lao động, nhưng năm nào nhà máy cũng hoàn thành và vượt kế hoạch cả về sản phẩm và giá trị. Từ năm 1973 sau khi Hiệp định Pari được ký kết, nhiều cơ sở (B) đi sơ tán đã lần lượt trở về thành phố. Liên tục 3 năm (1973 -1975), Nhà máy Liên hợp Dệt đều vượt kế hoạch từ 1,5 triệu đến 1 triệu mét vải và 18.000 tấm chăn. Những sản phẩm làm ra của nhà máy đã kịp thời phục vụ nhu cầu đời sống nhân dân cả trong tỉnh, ngoài tỉnh và phục vụ quốc phòng. Sản phẩm xuất khẩu năm 1965 có 7.779.000 mét vải, 74.000 tấm chăn thì năm 1975 đạt 8.227.000 mét vải.

Về xây dựng thành phố, cùng với sự mở rộng, tăng thêm các nhà máy, xí nghiệp, số lao động và dân cư tập trung về thành phố cũng ngày một tăng thêm. Hơn nữa, trong không khí phấn chấn bước vào những năm đầu xây dựng quê hương đất nước trong điều kiện hoà bình, độc lập tự chủ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ nhân dân đến cơ quan, xí nghiệp đều cố gắng tu bổ, xây thêm những công trình mới để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu làm việc và sinh hoạt thường ngày. Một số công sở của chính quyền cũ còn lại, một số cửa hàng, dinh thự vắng chủ

(43) Lời động viên khen ngợi của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ Nam Hà khi đến thăm nhà máy (tháng 8-1967).

(44) Từ 2 tiểu đoàn tự vệ (năm 1965) phát triển thành 1 trung đoàn tự vệ năm 1972, gồm 3.000 người, sử dụng cả pháo 57 li, 100 li.

được phân bổ cho các cơ quan của tỉnh, của thành phố, các đơn vị của Liên khu III... đưa vào sử dụng. Những công trình bị hư hỏng được sửa chữa, cải tạo hoặc phá bỏ để xây dựng mới. Toà nhà 3 tầng (sau này dành cho trụ sở Thành uỷ) được xây dựng đầu tiên năm 1961 ở đường Phạm Hồng Thái. Khu bãi tập của quân Pháp xưa) được cải tạo thành Quảng trường thành phố. Trường Trung cấp Kiến trúc (số 38 phố Mạc Thị Bưởi), Trường Y sĩ Nam Định (đường Hàn Thuyên), Trường Phổ thông cấp III Lê Hồng Phong (đường Vị Xuyên)... được xây dựng. Trong 2 năm (1961 - 1962), 1.274 nhà nguy hiểm được sửa chữa và làm mới 1.720m² nhà. Tại khu Kiến ốc Cục (phía hữu ngã tư Trần Nhật Duật - Hàn Thuyên) được xây dựng lại 100 gian nhà dành cho khu tập thể Y tế Liên khu III. Nhờ đó, nhiều cơ quan và hàng trăm hộ gia đình có thêm điều kiện làm việc, cư trú. Đặc biệt do nhu cầu về nhà ở của khá đông cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc (từ 1955 - 1956) và số Việt kiều từ Tân Đảo, Thái Lan... hồi hương (từ 1961 - 1964) về định cư ở thành phố tăng nhanh, nên nhiều khu nhà được xây dựng lên từ khu đất trống phía tả đường Bao Bì (thuộc phường Quang Trung) và xung quanh khu nhà Kiến ốc Cục xưa (thuộc phường Vị Xuyên).

Công ty Dệt Nam Định nhờ sản xuất phát triển, có quỹ phúc lợi, trong 2 năm (1960 - 1961) đã xây dựng được 8 nhà 2 tầng, 4 nhà 3 tầng với trên 13.000 m² (thuộc khu Năng Tĩnh - Ga tàu), giải quyết cho 472 hộ gia đình, trên 500 công nhân ở tập thể và hàng trăm thực tập sinh. Nhà trẻ (ở khu Ga) xây dựng 949 m² nhà 2 tầng và 108 m² nhà mái ngói trong khuôn viên gần 3.000m². Bệnh viện nhà máy được xây thêm ngôi nhà 2 tầng, đủ cho 80 giường bệnh nội trú...

Việc quản lý kiến thiết thành phố theo quy hoạch được triển khai bước đầu. Một số cơ sở phúc lợi như Cung Thiếu nhi, sân bóng đá chùa Cuối, Nhà Văn hoá 3-2 được đầu tư xây dựng. Công viên và hồ Vị Xuyên được mở mang theo quy hoạch với hàng vạn cây xanh được trồng thêm. Cũng trong 2 năm (1961 -

1962) có 25.826 m² đường được rải nhựa, 48 km đường được làm mới.

Những kết quả mang tính khởi đầu của công tác chỉnh trang xây dựng thể hiện quyết tâm cao của lãnh đạo các cấp, sự cố gắng lớn của các ngành, đơn vị và nhân dân địa phương. Chỉ sau chưa đầy 10 năm giải phóng, diện mạo cảnh quan thành phố đã đổi thay nhiều, cảnh sắc phố phường đã thực sự vui tươi nhộn nhịp. Thành phố Nam Định khi ấy là 1 trong 3 thành phố lớn của miền Bắc, là thành phố công nghiệp sôi động và sầm uất.

Cùng với những đổi thay tươi đẹp ấy, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao đều có bước phát triển mới. Năm học 1961 - 1962 thành phố có 7 trường cấp II (55 lớp, với 3.268 học sinh), 20 trường cấp I (179 lớp, với 9.658 học sinh) và trên 5.700 các cháu học vỡ lòng, mẫu giáo, bình quân 4 người dân có 1 người đi học phổ thông. Phong trào văn nghệ quần chúng mở rộng. Hầu hết các xã, khu phố, cơ quan, xí nghiệp có đội văn nghệ, múa hát tập thể.

Khi thành phố bị máy bay Mỹ đánh phá, các phong trào bị lắng xuống. Chỉ còn số ít dân ở lại trong nội thành cùng với lực lượng tự vệ, duy trì Phong trào “Tiếng hát át tiếng bom” động viên các đơn vị chiến đấu. Nhưng cũng ngay trong những năm có chiến sự, một số con đường mới được khai mở như năm 1966 đê Bao Bì được san lấp (sau là đường Thanh Niên). Đường (bờ ruộng) từ Mỹ Trọng qua cánh đồng lên An Trạch cũng được san lấp rộng ra để cho xe pháo qua lại và thành đường vành đai ngoại thành (sau là đường Đất Đỏ - Giải Phóng). Cũng trong thời gian này đến năm 1973, khu đầm, ruộng trũng phía Bắc đê Bao Bì được san lấp để làm khu dân cư. Lại kéo dài phố Trần Hưng Đạo lên hồ Túc Mặc và hồ này cũng được đào sâu, nắn chỉnh. Đất lầy lên đắp thành “đảo” nổi, rồi từ đó được tôn tạo thành Công viên Túc Mặc như hiện nay. Năm 1968 sau khi nhập tỉnh thành Nam Hà, để dẫn dân ra ngoại thành, tại khu vực Phù Nghĩa, tỉnh đã cho xây dựng 3

dãy nhà bê tông lắp ghép 2 tầng (kiểu Cu Ba) làm khu tập thể hộ gia đình cơ quan tỉnh. Sau đó, năm 1971 - 1973 lại xây tiếp ở đây các dãy nhà 1 tầng mái ngói (gọi là cấp 4), sau định theo thứ tự A-B-C-D... và quy thành Ô 17, Ô 18 với gần 20.000 m² nhà đã giải quyết kịp thời nơi ở cho nhân dân từ nơi sơ tán trở về thành phố. Từ năm 1975 về sau này, các dãy nhà tập thể lại được xây dựng ở phía hữu đường Phù Nghĩa, do có vốn góp của các cơ quan Điện, Muối, Ngoại thương, Dược... để giải quyết nơi ở cho cán bộ công nhân viên, sau đặt tên Ô 19.

b- Thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1997, thời kỳ cả nước thống nhất và cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới, thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thời kỳ Đảng và nhân dân ta đã vượt qua bao khó khăn thử thách để vươn lên, thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, kinh tế - xã hội từng bước phát triển. Đối với thành phố Nam Định, đây là khoảng thời gian tiếp tục có những biến đổi mới và có phần mang tính đặc thù, nhất là phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đô thị, địa giới hành chính...

Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá V (ngày 27-12-1975) ra Nghị quyết hợp nhất hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh. Thành phố Nam Định được chọn làm thủ phủ của tỉnh mới. Đến năm 1977, Chính phủ quyết định nhập 9 xã ngoại thành thuộc thành phố Nam Định vào huyện Bình Lục. Thành phố còn lại 6 xã ngoại thành. Cũng trong khoảng thời gian này, về địa giới và tổ chức hành chính cấp cơ sở nội thành có những thay đổi căn bản từ khu phố thành tiêu khu, rồi thành phường và lập thêm phường mới.

Với không khí hồ hởi phấn khởi vừa giành đại thắng trong cuộc kháng chiến trường kỳ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ và mừng tỉnh mới hợp nhất dân đông, đất rộng, tiềm lực mọi mặt dồi dào; nhân dân thành phố Nam Định cùng với cả tỉnh, cả nước nhanh chóng bắt tay vào sự nghiệp hàn gắn vết thương chiến tranh, tái thiết đất nước.

- Đối với nông nghiệp, cho đến đầu những năm 1990 vẫn là ngành sản xuất vật chất quan trọng thứ hai sau công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, ổn định đời sống xã hội một bộ phận dân cư không nhỏ trên địa bàn thành phố.

Các hợp tác xã nông nghiệp đã thành quy mô toàn xã (gọi là bậc cao), cơ sở vật chất, nhà kho, sân phơi... và vốn quỹ đều tăng lên. Có nơi tổng diện tích nhà kho, sân phơi rộng hàng ngàn mét vuông. Công cụ sản xuất như trâu, bò, cày, bừa... là tài sản tập thể, giao cho gia đình hộ xã viên quản lý. Đội sản xuất trực tiếp điều hành sản xuất theo mùa vụ. Công việc quản lý hợp tác xã từng bước cải tiến theo hướng kế hoạch hoá, chuyên môn hoá và đã hạch toán từng khâu (tiền vốn, lao động, công cụ, khấu hao, chăn nuôi...). Có các đội chuyên cày bừa, cấy, trồng rau, nuôi cá, nuôi lợn, thuỷ lợi (gọi là Đội 202)... Những năm 1970 - 1980 nhiều hợp tác xã đã mua sắm thiết bị cơ khí nhỏ (máy tuốt lúa, máy xay xát, máy nghiền thức ăn gia súc, động cơ điêzen... Máy cày, máy bừa cả thành phố có hơn 10 chiếc do Trạm Máy kéo quản lý, điều hành hợp đồng làm đất cho các hợp tác xã. Phương thức phân phối sản phẩm vẫn là thu hoạch tập trung, chia theo công (10 điểm).

Cây lương thực (chủ yếu là cây lúa) vẫn là cây trồng chính. Tuy đã cấy một số giống lúa mới (Mộc tuyền, CR 203, Nông nghiệp 8, Chân châu lùn...) thay giống lúa cũ đã thoái hoá, song do khâu chăm sóc thiếu tích cực và không đồng bộ, lại gặp thiên tai khắc nghiệt nên các vụ lúa từ 1975 - 1980 năng suất thất thường, ở mức thấp. Năm 1975 năng suất lúa bình quân 39,3 tạ/hecta, năm 1977 đạt 36,7 tạ/hecta (bằng 70% kế hoạch), tổng sản lượng đạt 76% kế hoạch. Tương ứng, năm 1978 có 35,91 tạ/hecta, năm 1979 xuống 32 tạ/hecta, năm 1980 chỉ còn 30,1 tạ/hecta, bình quân lương thực đầu người 24 kg/tháng. Một số cây rau màu khác như khoai tây, cà chua, rau xanh... có mở rộng ở một số xã, đã có sản phẩm hàng hoá nhưng tỷ trọng thấp và chủ yếu tiêu thụ nội địa. Chăn nuôi lợn,

trâu bò tập trung dần chuyển về hộ gia đình nhưng giảm về tổng đàn và sản lượng. Đây là khoảng thời gian nhân dân gặp nhiều khó khăn về đời sống, tỷ lệ hộ gia đình thiếu đói lương thực có khi tới 25 - 30%. Nhiều cơ quan, nhà máy, xí nghiệp phải tiết kiệm, cắt giảm định mức lương thực và tăng tỷ lệ chất độn (bột mì, bo bo - mì hạt, ngô, khoai lang, sắn). Vào vài năm đầu thập kỷ 80 nhiều nơi tổ chức tăng gia tự túc lương thực.

Những yếu kém về quản lý điều hành, về cách thức tổ chức sản xuất của hợp tác xã nhiều nơi ngày càng bộc lộ; lực lượng sản xuất bị lãng phí, không phát huy được. Tài sản tập thể bị hư hao, mai một do tham ô, lãng phí... Một số nơi, xã viên chán nản bỏ canh tác đi làm nghề phụ, buôn bán hoặc chỉ chuyên cần với ruộng 5% (tỷ lệ ruộng giành riêng cho hộ xã viên), với mảnh vườn của nhà mình. Có nơi tự động khoán từng khâu (khoán việc, “khoán chui”) sản xuất cho hộ hoặc từng nhóm xã viên để khắc phục tình trạng bê trễ, chậm mùa vụ...

Tháng 1-1981 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) có Chỉ thị 100-CT/TW về cải tiến quản lý hợp tác xã, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Theo đó, các hộ gia đình xã viên chủ động tiến hành sản xuất. Có nơi khâu làm đất, tưới tiêu nước, bảo vệ thực vật thì do hợp tác xã quản lý, điều hành. Nhờ đó sức sản xuất được phát huy, giảm bớt các khâu chi phí hành chính gián tiếp, giá trị ngày công lao động được nâng cao. Nhìn chung, nông dân phấn khởi, chăm lo sản xuất và khai hoang, phục hoá tận dụng thêm những diện tích đưa vào canh tác. Từ năm 1981 - 1985 diện tích gieo trồng (khu vực nông nghiệp của thành phố) mỗi năm tăng trung bình 215 héc ta. Biện pháp kỹ thuật thâm canh và đổi mới giống cây trồng được chú trọng hơn. Tuy vài năm vẫn là thời tiết khắc nghiệt: Rét đậm, hạn hán và sâu bệnh phá hoại, nhưng năng suất lúa vẫn tăng cao, gần 56,70 tạ/hecta). Tổng sản lượng thóc 1983 - 1985 bình quân mỗi năm đạt 9.940 tấn (năm 1980 chỉ đạt 4.162 tấn). Riêng diện tích rau màu lại giảm từ 34,76 hecta (năm 1981) xuống 29,03 hecta

(năm 1983) và 21,6 hecta (năm 1985). Do đàn trâu, bò giảm, sức kéo làm đất thiếu, nhiều nông dân dùng sức người cày, cuốc. Đầu năm 1983 các hợp tác xã bán hạ giá trâu bò cho xã viên nên chỉ vài năm sau đàn trâu, bò tăng lên cả về số lượng và chất lượng, cung cấp thêm sức kéo trong sản xuất. Chăn nuôi gia cầm lợn, gà, vịt, ngỗng bắt đầu phát triển, mở rộng tới nhiều hộ cán bộ công nhân viên nội thành. Cũng bắt đầu từ năm 1981 từ hợp tác xã chăn nuôi cá thịt, ương cá bột thành xí nghiệp nuôi cá, quản lý 403 héc ta đầm hồ trong thành phố. Sản lượng cá thịt năm 1985 đạt 150 tấn.

Một sự kiện quan trọng mang tính mở đường, tạo bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam thời kỳ này là Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986). Nghị quyết Đại hội khẳng định “Chúng ta phải kiên quyết xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế mới, phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế⁽⁴⁵⁾. Tháng 8-1988, Bộ Chính trị (khoá VI) ra Nghị quyết 10-NQ/TW về đổi mới cơ chế khoán trong nông nghiệp, là sự bổ sung hoàn thiện Chỉ thị 100-CT/TW trước đây, xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản; hộ gia đình và xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã (nên nhân dân gọi là khoán hộ). Năm 1992, Nhà nước lại ban hành Luật Đất đai sửa đổi, sau đó Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hoá bằng Quyết định 115 về giao quyền sử dụng đất lâu dài cho xã viên, nông dân. Đây thực sự là cơ sở pháp lý quan trọng, là chủ trương mới, kịp thời mở đường cho nông nghiệp phát triển. Bộ máy tổ chức và phương thức quản lý hợp tác xã tiếp tục đổi mới theo hướng thiết thực, Xã viên hợp tác xã được giảm bớt một số khoản phí phải nộp và một số đóng góp mang tính “bao cấp xã hội”, cùng với những thiệt thòi phải “bao cấp qua giá”, thu mua nông sản và các nghĩa vụ khác... Đó là bước cải tiến chế độ thu nhập, cơ bản giải quyết đúng đắn hài hoà ba lợi ích giữa người lao động, hợp tác xã và Nhà nước, từng bước xoá bỏ bao cấp. Nhờ vậy sản xuất nông nghiệp đầu những năm

(45) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. NXB Sự thật - Hà Nội 1987, tr. 63.

1990 phát triển nhanh, toàn diện. Đồng thời với từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, những tiến bộ về khoa học kỹ thuật cũng được ứng dụng sâu rộng, có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp vùng ngoại thành. Nhất là những ứng dụng về mùa vụ, về giống mới, về phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm và bảo vệ thực vật... được nhân dân tin tưởng. Nhiều chỉ tiêu trong nông nghiệp đều tăng: diện tích gieo trồng từ 4.308 héc ta (năm 1991) lên 4.515 héc ta (năm 1993), lên 4.926 héc ta (năm 1995)⁽⁴⁶⁾. Năng suất lúa bình quân năm 1992 đạt 63,5 tạ/h^{ecta}, tổng sản lượng lương thực đạt 12.928 tấn. Năm 1996 thời tiết không thuận, nhưng năng suất lúa vẫn đạt 68,5 tạ/héc ta. Năm 1997 năng suất đạt 85,96 tạ/héc ta.

Thực hiện chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, các hợp tác xã tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý, thực hiện tốt 2 chức năng là hướng dẫn khuyến nông và tổ chức kinh doanh dịch vụ sản xuất nông nghiệp. Một số hợp tác xã tổ chức kinh doanh dịch vụ về cấp bán điện, bảo vệ thực vật, chế biến tiêu thụ nông sản... Một số hộ xã viên huy động vốn tự có và vốn vay để mua máy công cụ phục vụ sản xuất. Đến năm 1997, các xã ngoại thành đã có 158 máy cày Bông sen, 109 máy tuốt lúa, 161 xe công nông...

Cùng với việc đẩy mạnh thâm canh cây lúa, hợp tác xã nông nghiệp Lộc Hạ, Lộc An mở rộng diện tích rau màu, phát triển một số loại rau cao cấp đáp ứng nhu cầu rau xanh cho thành phố và kết hợp trồng hoa, cây cảnh tại vườn nhà cũng tạo thêm phần thu nhập đáng kể. Chăn nuôi gia súc, nhất là nuôi lợn lai kinh tế, gà, ngan công nghiệp mở rộng cả hộ dân các xã và trong nội thành. Vào thời điểm cuối năm 1992 tổng đàn lợn trên địa bàn đạt 26.526 con (riêng ngoại thành 13.462 con). Đàn gia cầm phát triển khá, sản lượng thịt các loại đạt tới 1.680 tấn, cá các loại 241,6 tấn.. Riêng phường Trường Thi, năm 1987 nuôi 1.256 con lợn thịt, 42 lợn nái, 14.276 con gà, tổng

(46) Là do thu hồi diện tích bị lấn chiếm trái phép và để phần đất công cao không đúng quy định.

xuất chuồng (lợn, gà) đạt 206.217 kg, năm 1995 xuất chuồng 150 tấn gà, 416 tấn lợn hơi, 1.247 tấn rau xanh...⁽⁴⁷⁾. Tuy nhiên, đến năm 1996 diện tích lúa cuối cùng trên địa bàn phường cũng được san lấp hết để làm nhà ở.

Như vậy, sau hơn 20 năm (1975 - 1997), trong lĩnh vực nông nghiệp của thành phố, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền từng bước thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, động viên và phát huy tốt sức sản xuất của đông đảo nông dân, xã viên hợp tác xã; đồng thời ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, thay đổi cơ cấu giống, mùa vụ... đã tạo được những bước tiến dài, khẳng định được vị thế và thu được thắng lợi khá toàn diện. Cùng với thành tựu chung về kinh tế - xã hội của toàn thành phố, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, nông thôn từng bước được nâng cao, số hộ nghèo giảm, tỷ lệ hộ giàu tăng nhanh.

- Về công thương nghiệp, sau khi kết thúc chiến tranh và sau khi sáp nhập tỉnh thành tỉnh Hà Nam Ninh, tại thành phố Nam Định, người tập trung về đông, dân số tăng nhanh, lực lượng lao động dồi dào, nhu cầu về việc làm rất lớn. Đồng thời nhu cầu hàng hoá, vật tư phục vụ sản xuất cả công, nông nghiệp và tiêu dùng xã hội trở nên bức thiết. Lại vốn là thành phố công nghiệp, có tiềm năng, nên sự phát triển ngành, nghề công thương nghiệp trên địa bàn khá nhanh, mạnh và rộng khắp. Từ năm 1974 đến đầu những năm 1980, hàng loạt nhà máy, xí nghiệp quốc doanh lần lượt ra đời hoặc phục hồi sản xuất, đó là các xí nghiệp Dệt Dân sinh, Bông Tái sinh, Dệt Sơn Nam, Thủy tinh, Giấy nhựa, Xây lắp I, Xây lắp công nghiệp, các xí nghiệp: Gạch ngói, Thảm len, Đay, Giày da, Nhà máy Thực phẩm 1-6, Bánh mỳ Ba Lan,... các xí nghiệp may, Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định cũng mở rộng quy mô, tăng thêm xí nghiệp thành viên (Xây lắp, Vận tải, May...), thêm thiết bị máy móc và số công nhân lao động tăng lên nhiều (thời điểm cao nhất tới hơn 17.000 người). Tuy vẫn có khó khăn về tiền

(47) *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân phường Trường Thi* (1986 - 2005). Năm 2009, tr. 130.

vốn, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu nhưng được đầu tư tập trung cao theo kế hoạch (bao cấp) của các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh và sự cố gắng, năng động của đơn vị, nên nhìn chung khu vực công nghiệp quốc doanh duy trì được nhịp độ sản xuất khá đều, khối lượng sản phẩm hàng hoá khá lớn, đa dạng. Có nhiều mặt hàng đạt chất lượng cao, chiếm lĩnh được thị trường cả trong và ngoài tỉnh. Nhất là các mặt hàng cơ khí chính xác của Nhà máy Cơ khí Nam Hà, Nhà máy Động cơ Nam Định (có tiếng là đôi kim phun bơm cao áp) và các mặt hàng phụ tùng xe đạp, xe cải tiến, máy tuốt lúa của các hợp tác xã Cơ khí Tháng Mười, Ánh Thép, Thép Mới, Đồng Tâm...

Khu vực tập thể có tới 63 hợp tác xã thủ công nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng tiêu dùng như may mặc, da, dép nhựa, mũ, phấn viết và hàng xuất khẩu có thể mạnh là thảm đay, thảm len, màn trúc... Năm 1976 giá trị sản lượng đạt 33,85 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu 4 triệu đồng. Ngành cơ khí chiếm tới 32% giá trị tổng sản lượng toàn ngành. Nhiều tổ sản xuất, hợp tác xã có thể mạnh, vươn lên như Diên Hồng, Trúc Sơn, Sao Đỏ, May Xuất khẩu 19-5, May Thành Nam...

Khi bước vào thực hiện đổi mới cơ chế kinh tế, xoá bỏ bao cấp, nguồn vật tư, nguyên, nhiên liệu bắt đầu khan hiếm cạn kiệt thì khả năng cung cấp theo kế hoạch Nhà nước và phân hỗ trợ liên kết của các cơ sở quốc doanh cho các hợp tác xã thủ công nghiệp cũng bị cắt giảm nhiều. Do đó, cuối 1987 đến năm 1988 một số hợp tác xã có nguy cơ tan vỡ. Cũng ngay ở thời điểm đó, khu vực cá thể lại tự phát năng động với 600 hộ gia đình, gần 1.000 tư nhân tự bỏ vốn tổ chức sản xuất các mặt hàng sành sứ, nhựa, thuỷ tinh, dệt, đúc kim loại... làm sống lại nhiều nghề thủ công truyền thống. Khu vực công nghiệp quốc doanh gặp nhiều khó khăn, nhất là khi Liên Xô sụp đổ và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu tan vỡ. Do không còn thị trường truyền thống và nguồn viện trợ, một loạt nhà máy, xí nghiệp hoạt động cầm chừng; khá nhiều công nhân lao động phải nghỉ việc (theo Quyết định 76 của Hội đồng Bộ

trưởng, nay là Chính phủ) hoặc phải đi làm việc khác, đời sống rất khó khăn.

Quá trình chuyển đổi cơ chế (1986 - 1990), nhiều đơn vị trong ngành công nghiệp, thủ công nghiệp ở thành phố rơi vào tình trạng lúng túng, mất phương hướng sản xuất, làm ăn thua lỗ, thất thoát vốn và tài sản. Rất nhiều đơn vị kinh tế tập thể phá sản. Nhà máy Liên hợp Dệt (đã đổi thành công ty) nhờ nguồn vật tư hàng hoá dự trữ còn khá nhiều, vẫn duy trì phát triển sản xuất kéo dài được vài năm. Nhưng chỉ đến năm 1994 - 1995, khi việc buôn bán vật tư, thiết bị sản xuất ở nhà máy bị phát hiện làm thất thoát lãng phí lớn tài sản Nhà nước, vi phạm pháp luật thì thực trạng lỗ thật lãi giả ở đây cũng lộ rõ và công ty đi vào khủng hoảng trầm trọng. Các bộ ngành Trung ương và địa phương đã tập trung hỗ trợ giải quyết khó khăn trong nhiều năm. Do đó Công ty Dệt không bị phá sản cho đến khi thực hiện cổ phần hoá. Với số công nhân lao động hơn 17.000 người, nếu tính cả thân nhân gia đình thì tổng số nhân khẩu liên quan đến Công ty Dệt chiếm gần 1/4 dân số thành phố. Nên sự đảm bảo ổn định tình hình của Công ty Dệt cũng đồng thời giữ được an ninh trật tự ở địa phương.

Cùng với sự phát triển, đổi mới sôi động của nông nghiệp, công nghiệp, hoạt động thương nghiệp, giao lưu buôn bán ở thành phố cũng mở rộng phát triển đa dạng. Những năm 1975 - 1985 hệ thống thương nghiệp quốc doanh phát triển theo mô hình 3 cấp: Công ty phân phối cấp tỉnh, công ty cấp II (ở thành phố và huyện) và các cửa hàng, quầy hàng. Trên địa bàn thành phố có các công ty cấp I của tỉnh: Bách hoá, Điện máy, Thực phẩm (sau lại tách thành Thực phẩm công nghệ, Thực phẩm tươi sống), Ăn uống và Vật liệu chất đốt (bán than, củi, dầu hoả...) với mạng lưới cửa hàng, quầy hàng ở nhiều đường - phố, khu phố và chợ. Những cửa hàng mậu dịch quốc doanh hầu hết ở vị trí trung tâm, mặt đường, mặt phố, tại các ngôi nhà đẹp thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Tại đây, những quầy, tủ, kệ trưng ra các hàng hoá đủ loại, các cỡ, nhiều màu tạo nên

cảnh quan sinh động, hấp dẫn, người ra vào đông vui, nhộn nhịp. Ngành lương thực cũng có công ty thu mua lương thực và các cửa hàng, quầy hàng bán gạo theo sổ. Tổng kho Lương thực của tỉnh ở góc phố Bến Ngự và phố Phan Đình Phùng, với hàng trăm gian nhà trên khu đất rộng hơn 10 héc ta lại chạy dài theo dọc đường Bờ Sông (nay là đường Trần Nhân Tông).

Công ty Thương nghiệp thành phố ở nhiều ngôi nhà liền kề chạy dài tới trăm mét, giữa phố chính Trần Hưng Đạo. Công ty có tới 27 đầu mối gồm các cửa hàng, kho, trạm, quầy hàng. Cán bộ công nhân viên của Công ty khi đông nhất tới trên 3.000 người, với đủ nghề kinh doanh phục vụ từ sửa chữa đồng hồ, may mặc, sửa chữa xe đạp... Năm 1993 - 1994, tại đây lại thành lập thêm Công ty Điện tử - Điện lạnh để kinh doanh loại mặt hàng mới này.

Bên cạnh hệ thống mậu dịch quốc doanh, ở các khu phố (sau này là phường), các xã đều có hợp tác xã mua bán hoạt động theo phương thức tư doanh - tự mua, tự bán, với vài ba cửa hàng đặt tại các khu dân cư. Hàng mua bán chủ yếu là đồ dùng sinh hoạt thường ngày của thường dân (không trong biên chế Nhà nước), giá cả thì tự do thoả thuận. Các hợp tác xã còn làm nhiệm vụ thu mua hàng (bán nghĩa vụ) của nhân dân địa phương giao cho các công ty mậu dịch và được nhận tỷ lệ hoa hồng.

Trong bối cảnh hoà bình, giao thương liên thông thuận tiện khắp các vùng miền trong cả nước, ngành thương nghiệp trên địa bàn thành phố (bao gồm cả các đơn vị cấp tỉnh) và một số chi nhánh của thương nghiệp Trung ương (Công ty Vật tư tổng hợp, Cửa hàng Thực phẩm nông sản...) đã hoạt động tích cực, năng động buôn bán, đưa về địa phương khối lượng hàng hoá lớn từ Miền Nam ra, từ các tỉnh phía Bắc về. Nhất là những năm 1981 - 1984 khi địa phương thiếu đói lương thực, các đơn vị thương nghiệp đã mua về hàng ngàn tấn ngô, khoai, sắn và gạo bán lại cho nhân dân địa phương. Những người hưởng lương Nhà nước mua hàng cung cấp theo tem phiếu (giá rẻ như

cho) một số mặt hàng thiết yếu như gạo, vải, đường, thịt, xà phòng... Những hàng có giá trị (xe đạp, quạt điện, đồ nhôm...) thì bán phân phối cho cán bộ theo cấp, chức. Những hàng vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép, gạch ngói, gỗ, bương...) bán rất hạn chế cho một số đối tượng ưu tiên, cách thức giao thương hàng hoá ấy, một thời người ta quen gọi là mặt trận “phân phối lưu thông” cũng bởi lượng hàng hoá “cung không đủ cầu”, mua bán thì nhiều loại giá, giá cả không đúng với giá trị, nên dần dà trong ngành thương nghiệp sinh ra thói cửa quyền, găm hàng móc ngoặc, tuồn hàng cho người thân quen để chiếm hưởng cá nhân, cục bộ. Những diễn biến không bình thường, thiếu lành mạnh ấy đã kéo dài nhiều năm, đã gây ra không ít hệ lụy và làm tha hoá một số người đánh mất lương tri. Những đàm tiếu, giai thoại về “3 ông hoàng” mà dân Thành Nam không ít người còn nhớ.

Sau thời gian giao thương hàng hoá mở rộng cả nước, hiện tượng “ngăn sông cấm chợ” lại phát sinh ở một số nơi. Tình trạng vật tư hàng hoá khan hiếm, giá cả “leo thang” diễn ra trong các năm 1984 - 1985. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V họp tháng 6-1985) ra Nghị quyết về giá - lương - tiền. Ngày 5-9-1985, thành phố thực hiện thu đổi tiền cũ, lưu hành tiền mới cùng với các nơi trong cả nước.

Cơ chế đổi mới được vận hành, xoá bỏ quan liêu bao cấp, từng bước tiến tới bán hàng một giá. Các đơn vị thực hiện hạch toán kinh tế, gắn sản xuất với kinh doanh. Cũng theo đó, các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất đều chuyển thành công ty. Các công ty quốc doanh được gọi là doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. Ở thành phố hầu hết các công ty thương mại lâm vào tình trạng lúng túng, lao đao do chậm thích nghi với phương thức kinh doanh mới, thua lỗ ngày càng tăng. Phần lớn các công ty thương mại cấp tỉnh lần lượt giải thể. Số đơn vị còn lại thì thực hiện chuyển đổi theo cách giao, bán, khoán, cho thuê các cơ sở cho nhóm hoặc cá nhân người trực tiếp kinh doanh. Đến cuối những năm 1990, thực chất những cơ sở

thương mại đó đã thành tư nhân hoá. Công ty Thương mại thành phố với tiềm năng cơ sở và đội ngũ có lợi thế là vậy, tuy còn tồn tại đến nay nhưng các cơ sở kinh doanh đều đã thuộc về từng cá nhân sử dụng. Hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng các phường, xã cũng lần lượt thanh lý vốn, tài sản và giải thể, hoặc tồn tại trên hình thức được vài năm sau đó. Liên hiệp công ty Xuất nhập khẩu của tỉnh một thời mở mang, hoạt động rầm rộ xuất khẩu lạc, đay, đồ mỹ nghệ... khi nhập về Sở Thương mại (nay là Công thương) đến nay cũng chỉ còn vài cơ sở kinh doanh thu gom hàng xuất khẩu. Trong khi đó, hàng chục ngàn hộ, cơ sở tư nhân đã tự bỏ vốn sản xuất kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm cho hàng vạn công nhân lao động. Tổng lưu lượng hàng hoá và tổng giá trị hàng mua vào bán ra hàng năm đều cao so với những năm trước. Hàng hoá phong phú dồi dào, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Cùng với sự phát triển, đổi thay về công thương nghiệp, lĩnh vực giao thông, xây dựng và quản lý đô thị cũng có những biến chuyển tích cực. Bến Ô tô khách thành phố ở ngã ba đường Công Hậu - Quang Trung được khôi phục, trở lại hoạt động. Thường ngày có dăm ba chục đầu xe chở khách đi - về các tuyến trong nội tỉnh Hà - Nam - Ninh và gần 40 tuyến đường các tỉnh phía Bắc, phía Nam. Từ sau năm 1985, xe chở khách từ Nam Định đã đi đến một số tỉnh miền Nam và hàng tuần có “xe tuyến” đưa đón cán bộ đi về một số huyện, thị trong tỉnh. Đầu năm 1991 Bến xe khách được xây dựng mới ở An Trạch - ngã ba đường Điện Biên - Giải Phóng hiện nay (trên khu đất xưa của Hợp tác xã Vận tải xe bò), với diện tích hơn 30.000 m² bến bãi, nhà điều hành, nơi bán vé, nhà chờ của khách khá quy mô, thoáng mát. Những chiếc xe ca kiểu Hải Âu phần nhiều là cũ được hoán cải nhưng đã được sơn, sửa, tu chỉnh sạch đẹp hơn những năm trước đó. Ga tàu hoả Nam Định là ga lớn, lưu lượng khách lên xuống tàu tại đây khá đông, tấp nập. Nhất là vào những dịp ngày lễ, tết thì đông đến mức chen chúc để mua vé và lên đứng trên tàu. Cảnh chờ đợi

đi tàu, đi ô tô khi ấy thật cực nhọc, khốn khổ.

Bến tàu thủy sông Đào từ Nam Định đi Hà Nội (bến Phà Đen), đi Hải Phòng (bến Bính), đi Kim Sơn (Ninh Bình) và dọc các bến theo sông Hồng, sông Ninh, sông Đáy tới các huyện phía Nam tỉnh. Lượng khách đi lại ở đây không đông lắm và phần nhiều là người buôn bán. Tháng 7-1986, có một chiếc tàu chở khách từ Hải Phòng về bị va vào cầu Treo, lật chìm dưới sông. Chỉ 1 năm sau do lượng khách đi tàu thủy ít dần, bến tàu sông Nam Định ngừng hoạt động. Cách bến tàu thủy chừng 300 mét về phía hữu (hạ lưu) là Cảng sông Nam Định. Tàu, thuyền tải trọng dưới 1.000 tấn có thể cập cảng. Công suất hàng hoá của cảng tới 1 triệu tấn/năm. Hàng về qua cảng chủ yếu là vật tư phục vụ ngành dệt như than, bông, sợi, thiết bị... và vật liệu xây dựng. Năm 1988, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển giấy phép Cảng Nam Định vào Cảng Ninh Phúc (Ninh Bình). Nơi đây, sau đó chỉ có số ít tàu thuyền nhỏ chở cát, đá đến áp mạn. Và cũng có thể như vậy đoạn sông nơi đây thủa nào đông vui tấp nập thì lâu nay lại tĩnh lặng như thể rơi vào quên lãng.

Năm 1994 khánh thành cầu Đò Quan nối liền 2 bờ sông Đào (cuối phố Trần Hưng Đạo với đầu đường Đặng Xuân Bảng). Cây cầu bê tông 5 nhịp, rộng 16 mét, 4 làn xe đảm bảo giao lưu thuận tiện từ thành phố đến các phường, xã bờ Nam sông và đến các huyện phía Nam tỉnh. Nên cũng ngay sau đó, cầu Treo xưa (xây dựng năm 1970, bom Mỹ đánh sập năm 1972, khôi phục năm 1974) cũng ngừng hoạt động và bị tháo dỡ đi. Cầu Phao Nam Định thì chuyển về làm cầu Phao Ninh Cường.

Là thủ phủ của tỉnh hợp nhất 3 tỉnh, nhu cầu về nhà ở luôn là vấn đề cấp thiết của thành phố Nam Định. Từ đầu năm 1976, khu ruộng trũng ở phía tả Đường 38 được san lấp, tôn tạo và xây dựng hơn 200 gian nhà cấp 4, cấp cho các hộ gia đình. Cũng liền sau đó, các khu nhà tập thể ở Phù Long A, Phù Long B, khu Kho bãi ga Đò Chè và trận địa pháo ở đây cũng được

san lấp làm nhà tập thể cho công nhân. Năm 1980 - 1985, những khu đất trống ở đường Quang Trung cũng dựng lên những căn nhà lợp giấy dầu. Rồi nghĩa trang Công giáo ở phía hữu đường Mạc Thị Bưởi được di dời để làm nhà ở cho bộ đội, thanh niên xung phong chuyển ngành về tỉnh. Tiếp theo các năm 1982 - 1985 đề Bao Bì (Rặng Xoan) và hồ An Trạch được san lấp để làm nhà tập thể các cơ quan Vật giá, Lương thực, Đường Sắt... Khu Mã Tây (phía hữu đường Trần Đăng Ninh được chuyển ra ngoài thành phố, thì tại đây được xây dựng các dãy nhà 5 tầng giành làm nơi ở tập thể của cơ quan tỉnh. Các khu đất dọc theo đường Thanh Niên, đường Đất Đỏ, đường Nguyễn Văn Trỗi được cấp cho các hộ gia đình tự làm nhà ở. Khu trận địa pháo phía Đông Nam hồ Vị Xuyên được xây dựng thành khu tập thể của cơ quan tỉnh (gọi là Ô 14). Năm 1987 - 1990, Hợp tác xã rau cá Hạ Long ồ ạt bán đất cho dân làm nhà ở, hình thành Ô 20. Rồi lại theo phương thức thành phố cấp đất, các cơ quan tổ chức san lấp, đền bù tiền hoa màu và cấp cho các hộ gia đình như khu tập thể Máy Tơ (phía Nam Đường 12 - Vụ Bản), khu Y tế phía Bắc đường Thanh Niên và khu Dầu khí, Ngân hàng phía hữu đường Đất Đỏ.

Với các công trình công cộng, tỉnh và thành phố đã giành ngân sách để xây dựng, tôn tạo, nâng cấp nhiều công sở, trường học. Sở Giao thông (chuyển về phía tả đường Điện Biên, nâng cấp Sở Công nghiệp, Thủy lợi, Sở Thương nghiệp, trụ sở Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh... học theo phong cách kiến trúc từ Miền Nam, khi ấy nhiều cơ quan trát tường nhà bằng đá rửa. Tại khu đất góc phía tả ngã tư đường Thanh Niên - Phù Nghĩa xây dựng khu trường học 4 tầng, gọi là Trường An-giê-ri (do Chính phủ An-giê-ri tài trợ). Khi hoàn thành xây dựng, Trường Phổ thông trung học chuyên Lê Hồng Phong chuyển về đây 4 năm (1989 - 1993), sau đó chuyển lại cho Trường Cao đẳng Sư phạm...

Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX (ngày 6-11-1996) quyết định chia tách tỉnh Nam Hà thành 2 tỉnh Nam Định và Hà

Nam. Tỉnh Nam Định sau 32 năm trong tình hợp nhất, tháng 1-1997 đi vào hoạt động theo địa giới hành chính tỉnh được tái lập.

Ngày 2-1-1997 Chính phủ ra Nghị định 01 nhập 2 xã Nam Vân và Nam Phong từ huyện Nam Ninh về thành phố Nam Định.

Ngày 26-2-1997, Nghị định 19 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Nam Định và tái lập huyện Mỹ Lộc. Theo đó xã Mỹ Tân từ trực thuộc thành phố, chuyển về thuộc huyện Mỹ Lộc. Thành phố Nam Định có 15 phường và 7 xã ngoại thành, gồm Lộc An, Lộc Hạ, Lộc Hoà, Lộc Vượng, Mỹ Xá, Nam Vân và Nam Phong.

Sau khi chia tách, tái lập tỉnh, ở các cơ quan tỉnh, số tài sản, thiết bị làm việc chuyển về Hà Nam gần 1/2, số cán bộ chuyển đi giảm 1/3 nhưng nơi làm việc không thay đổi. Riêng Thành uỷ Nam Định, sau khi nhường lại khu trụ sở 3 tầng ở đường Phạm Hồng Thái cho Công ty May sông Hồng (thuộc Thành uỷ) thì chuyển đến làm việc tại Nhà khách sông Hồng (thuộc thành phố) và tại đây đã xây mới toà nhà 5 tầng hiện đại, là trụ sở Thành uỷ hiện nay.

Từ năm 1992 - 1996, khi Ngân hàng Nhà nước thành lập hệ thống ngân hàng thương mại (chuyên doanh) và Kho Bạc hoạt động độc lập, các ngân hàng Công thương, Đầu tư và Phát triển, Nông nghiệp - Phát triển nông thôn, Vàng bạc Đá quý của tỉnh, của thành phố lần lượt được xây dựng. Các toà nhà của hệ thống ngân hàng đều có quy mô lớn, cao tầng, thiết bị hiện đại. Tiếp theo là các sở Tư pháp, Thể thao, Văn hoá - Thông tin và Cục Thuế cũng xây dựng trụ sở mới.

Nhằm cải tạo, chỉnh trang nâng cấp thành phố, với phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố phát động, phường tổ chức và nhân dân góp vốn, góp công để khơi thông cống rãnh, làm đường, sửa ngõ... Nhờ đó, năm 1995 các phường, xã đã huy động được 2,1 tỷ đồng nâng cấp các đường trục chính vào thôn - xã, các

đong ngõ vào khu dân cư các xóm, phố với tổng diện tích 36.810 m²; vốn kế hoạch của tỉnh, các ngành và nhân dân đóng góp lên tới 20 tỷ đồng và đã cơ bản nhựa hoá đường nội thành. Các nhà vệ sinh công cộng đến năm 1997 cơ bản đã xoá bỏ, hố xí thùng trong các hộ gia đình nội thành đã chấm dứt từ 5 - 6 năm trước. Hệ thống lưới điện được nâng cấp, cải tạo, nhiều tuyến đường, phố có điện chiếu sáng công cộng. Nhà máy Nước sạch thực hiện dự án đầu tư mở rộng, hơn 80% số hộ dân được sử dụng nước sạch. Một số trường học: Trần Đăng Ninh, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Trãi, Hùng Vương... được nâng tầng hoặc làm mới, với hơn 400 phòng học, nên đã giải quyết dứt điểm tình trạng phải học ca 3 trong các trường phổ thông trên địa bàn. Chợ Rồng hoàn thành xây mới và đưa vào sử dụng. Các chợ khu vực Hạ Long, cầu Gia, cầu Ốc... được nâng cấp theo quy hoạch. Bệnh viện AGáp (nay là Bệnh viện Thành phố) được xây mới. Bệnh viện Đa khoa tỉnh xây mới 1 nhà điều trị, tăng thêm phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

Phong trào và chất lượng giáo dục - đào tạo được duy trì. Nhiều trường đạt chuẩn quốc gia. Hai trường trung học chuyên là Lê Hồng Phong và Trần Đăng Ninh vẫn là điển hình xuất sắc của tỉnh. Nhiều năm học liền học sinh đoạt giải học sinh giỏi quốc gia với tỷ lệ và chất lượng giải cao trong tốp đầu của cả nước. Phong trào xây dựng nếp sống văn hoá ở địa bàn dân cư được nhân dân hưởng ứng và thu được kết quả tốt. Cả 4 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của tỉnh luôn có chương trình, vở diễn phục vụ nhân dân thành phố. Đoàn Cải lương, Đoàn Chèo có những vở được diễn nhiều đêm ở các rạp. Là tỉnh vốn có truyền thống và phong trào thể dục thể thao mạnh. Trong thập kỷ 80 thế kỷ XX, trên địa bàn thành phố Nam Định thường xuyên có 3 đội bóng đá mạnh là đội Công an, Liên hợp Dệt, Công nghiệp Hà Nam Ninh. Đội Công nghiệp Hà Nam Ninh nhiều năm đoạt cúp vô địch quốc gia... Mức sống của nhân dân Thành Nam tuy không vượt trội nhưng vững chắc, ẩn chứa nhiều tiềm năng.

c- Thời kỳ từ năm 1998 đến nay

Sau khi chia tách, tái lập tỉnh Nam Định và điều chỉnh địa giới hành chính thành phố, với khí thế phấn khởi, tự tin cùng với cả tỉnh, Đảng bộ và quân, dân thành phố đã tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng quy hoạch, xây dựng thành phố thành đô thị quy mô hiện đại có vóc dáng, sắc thái mới.

Công thương nghiệp với vị thế hàng đầu trong cơ cấu kinh tế của thành phố và của tỉnh. Sau những năm lúng túng, giảm sút về sản xuất khi thực hiện cơ chế mới, từ năm 1995 - 1996 một số cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn bắt đầu phục hồi, tìm được hướng đi mới. Có nhiều doanh nghiệp may (Công ty May Nam Hà, Nam Định, sông Hồng, Thành Nam...) mở rộng sản xuất gia công hàng xuất khẩu, tạo được việc làm cho công nhân lao động. Nhiều công ty may có sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Tây Âu, Mỹ... Công ty Dệt Nam Định tiếp tục được sự giúp đỡ của Tổng công ty Dệt May⁽⁴⁸⁾, của tỉnh và sự cố gắng tự vươn lên đã phục hồi trở lại, kéo theo nhiều doanh nghiệp vệ tinh hoạt động bình thường. Công ty Lương thực tỉnh, năm 1998 thu mua được 63.347 tấn thóc, xuất khẩu hơn 15.000 tấn gạo. Công ty chế biến thực phẩm xuất khẩu được 1.600 tấn thịt lợn. Công ty Thực phẩm công nghiệp xây dựng xong Nhà máy Bia Nada đi vào hoạt động có hiệu quả, đã sản xuất được hơn 5 triệu lít bia/năm, có thị trường tiêu thụ tốt. Một số hợp tác xã thủ công nghiệp làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu hoạt động tốt. Riêng ngành công nghiệp cơ khí vẫn khó khăn phải chuyển đổi mặt hàng...

Năm 1998, tổng giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khu vực thành phố đạt hơn 60,7 tỷ đồng, trong đó khu vực dân doanh đạt 56,73 tỷ đồng. Năm 1999, toàn thành

(48) Năm 1997, Công ty Dệt có 8.662 lao động, nghỉ chờ việc bình quân mỗi ngày 1.000 người. Theo chỉ đạo của Tổng công ty Dệt May, các đơn vị trong ngành hỗ trợ, chia sẻ khó khăn, Công ty Dệt Nam Định chuyển giao 665 lao động và nhà xưởng (kèm đất) cho các công ty: May Thăng Long (Nam Hải) 16.000 m², Nhà Bè (May 9) 6.800 m², Việt Tiến (Việt Hà) 3.970 m², Chấn Bình Lợi 8.505 m², May 10 (Vị Hoàng) 8.000m²

phố có gần 100 hợp tác xã thủ công nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn, hơn 3.000 hộ sản xuất đã được cấp đăng ký kinh doanh và trên 5.000 hộ làm kinh tế gia đình. Thực hiện Chỉ thị 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp lại các doanh nghiệp và Nghị định 88 của Chính phủ về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, từ năm 1998 - 2006 hầu hết các doanh nghiệp được sắp xếp lại, được cổ phần hoá. Một số doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, khai thác thị trường tiêu thụ, hạch toán có lãi, như Công ty Cổ phần Dây và Lưới thép, Dệt kim Thăng lợi, Dược phẩm Nam Hà, Vận tải ô tô Nam Định, Xăng dầu Hà Nam Ninh... Quá trình ấy đã tạo nên số lao động dôi, dư không việc làm ở thành phố tăng lên nhưng cũng đồng thời là điều kiện tốt cho các cơ sở kinh tế tư nhân, cá thể phát triển, nhất là trong thập niên đầu thế kỷ XXI⁽⁴⁹⁾. Một số nghề như mỹ nghệ, da, bánh kẹo, hương nến... phát triển mạnh. Một số cơ sở tư nhân như Đức Trường Thành, Thương mại Nam Sơn, Cơ khí Mai Văn Đáng... hoạt động có hiệu quả. Trong thời gian này, cùng với sự tăng trưởng kinh tế, nhu cầu mua bán vàng, bạc, đá quý cũng tăng lên. Cửa hàng, hiệu - tiệm kinh doanh mặt hàng này xuất hiện ở nhiều phố. Một số doanh nghiệp vàng, bạc tư nhân như Phúc Thành, Thịnh Vượng, Mai Hương... được khách hàng tin tưởng, có doanh số mua bán cao. Điều đáng lưu tâm là khi sản xuất, kinh doanh, thương mại - dịch vụ tư nhân phát triển tới hơn 10.000 hộ nhưng bán buôn thường tập trung vào một số cơ sở lớn ở các phố và chợ lớn: Chợ Rồng thì hàng tiêu dùng tạp hoá, chợ vải Hoàng Ngân, thực phẩm nông sản ở chợ Mỹ Tho... Ở hầu hết các đường phố ngày nay đan xen các loại hàng kinh doanh dịch vụ. Chỉ còn số ít đường phố mới chuyên sản xuất kinh doanh một loại hàng đặc trưng, nhưng cũng cụm lại ở từng

(49) Năm 2001 giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn toàn thành phố 210,942 tỷ đồng, thị tập thể 6,539 tỷ, tư nhân 21,30 tỷ, cá thể 59,654 tỷ đồng. Năm 2005, tương ứng: 558,655 tỷ đồng, 18,248 tỷ, 59,454 tỷ và 158,936 tỷ đồng.

đoạn. Phố Hai Bà Trưng từ phía Nam lên có gò tôn, sắt, vải thêu đồ thờ (cờ, trướng, y môn...) rồi giày, dép da và tiếp đến là quần áo may sẵn các loại. Phố Minh Khai làm hương, vàng mã; một đoạn phố Hàn Thuyên có hàng da, giả da (túi, cặp, vali...). Đường Thành Chung có nhiều hàng điện máy. Đoạn giữa phố Hoàng Văn Thụ còn hơn chục cửa hiệu thuốc Bắc... Qua khối lượng hàng hoá và nhịp độ giao thương mà thấy được sự sầm uất đông vui ở đây hơn nhiều so với các thời kỳ trước.

Ở các làng, xã ngoại thành, nông dân được giao quyền sử dụng đất lâu dài (được cấp giấy chứng nhận) lại thực hiện dồn điền đổi thửa (năm 2004) nên việc sản xuất thuận lợi; diện tích trồng rau màu, hoa cảnh mang tính hàng hoá đã mở rộng thêm. Một số hộ đã tổ chức sản xuất theo mô hình trang trại, gia trại, kết hợp thả cá, chăn nuôi gia cầm với trồng trọt. Có ít người bỏ vốn mua máy nông cụ nhỏ kinh doanh làm đất, cây, gặt, xay xát... Hợp tác xã chủ yếu làm chức năng dịch vụ một số khâu sản xuất và tổ chức hướng dẫn kỹ thuật thâm canh mùa vụ, chọn giống (cây, con). Do nhu cầu mở rộng đô thị, xây dựng các khu, cụm công nghiệp và xây dựng nhà cửa của chính địa phương, nên diện tích đất nông nghiệp từng năm đều giảm⁽⁵⁰⁾. Nhờ đây mạnh thâm canh, đa canh tăng giá trị sản xuất (thu nhập) trên diện tích canh tác, nên giá trị sản xuất nông nghiệp của thành phố vẫn ở mức cao. Tổng giá trị sản xuất năm 2001 đạt 70.059 triệu đồng, năm 2003 là 81.178 triệu đồng, năm 2004 là 84.028 triệu đồng (giá hiện hành), chỉ giảm số ít theo giá so sánh - tương ứng là 60.269 triệu - 58.259 triệu đồng và 56.005 triệu đồng.

Duy chỉ có Hợp tác xã nông nghiệp Tiên Phong thành lập từ năm 1959 (xưa thuộc khu phố I, nay thuộc phường Trần Quang Khải) với 75 héc ta đất lúa, 26 héc ta ao hồ thả cá, 201

(50) Năm 2000: Đất nông nghiệp 2.468,8 héc ta, đất chuyên dùng 1.036,4 héc ta. Năm 2003: Đất nông nghiệp 2.036,51 héc ta, đất chuyên dùng 1.518,03 héc ta. Năm 2005: Đất nông nghiệp 1.510,87 héc ta, đất chuyên dùng 2.000,89 héc ta.

hộ xã viên) đến năm 2003 (do lấy đất theo quy hoạch xây dựng) chỉ còn 14 héc ta ao đầm, 85 xã viên. Là mô hình kinh tế tự chủ đã tồn tại hơn 50 năm, nay hợp tác xã chỉ xin lại 10.725 m² để xây dựng khu sản xuất kinh doanh (cơ khí, mộc, may, dịch vụ).

Đồng thời với sự lấy đất nông nghiệp mở mang xây dựng đô thị, nhiều hộ nông dân có được một khoản tiền bồi thường hoa màu chuyển quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cửa khang trang, mua sắm vật dụng có giá trị đáp ứng nhu cầu nâng cao mức sống. Cũng có ít hộ gia đình dành dụm đầu tư cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Do vậy, mà cơ cấu kinh tế nông thôn đã đổi khác. Đường làng ngõ xóm mở rộng và được rải nhựa hoặc đổ bê tông. Có nơi xây cổng làng hoành tráng. Trong làng, xóm nhiều nhà cao tầng dựng lên đủ dáng vẻ, ao hồ tuy không còn nhiều nhưng được xây vĩa gọn đẹp, không ít nhà dân đã trồng ở vườn những cây lưu niên quý, cây cảnh, cây thế đẹp. Cảnh quan làng xã ngoại thành nay đã thay đổi căn bản, mạch lạc hơn, hiện đại hơn, nhiều sắc diện hơn. Đời sống xã hội ở nông thôn được cải thiện nhiều, ở mức sống cao so với trước.

Tiếp tục thực hiện hoàn chỉnh quy hoạch xây dựng lại thành phố (theo Quyết định số 793 ngày 23-12-1994 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), trong năm 1998 số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của thành phố tăng gần gấp đôi so với năm 1997. Hệ thống điện được cải tạo, lưới điện tăng 2,2 lần, hơn 50 km đường điện cao áp công cộng được lắp đặt. Hệ thống đường, phố, ngõ được nhựa hoá, bê tông hoá. Đường Phù Nghĩa, đường Bờ Sông (đường Trần Nhân Tông) được cải tạo nâng cấp, làm mới đường Hùng Vương kéo dài (sau là đường Nguyễn Đức Thuận)... Nhà máy Nước sạch đã nâng công suất từ 25.000 m³/ngày đêm lên 50.000 m³/ngày đêm. Hệ thống thoát nước được cải tạo, làm mới tuyến công Văn Miếu, Trần Đăng Ninh, Cửa Bắc... Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố năm 2011 đạt hơn 6.870 tỷ đồng, chiếm 54,2%

giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Có 17/24 ngành hàng công nghiệp tăng trưởng khá (dệt may, cơ khí xây dựng, chế biến thực phẩm...). Một số công trình văn hoá lớn như Cột Cờ Thành Nam, Quảng trường 3-2, Công viên Vị Xuyên, vườn hoa Điện Biên... được khẩn trương xây dựng, tôn tạo và hoàn thành, làm cho diện mạo phố phường thêm chín chu, sinh động.

Với những cố gắng và kết quả đạt được, tháng 10-1998 Thủ tướng Chính phủ quyết định thành phố Nam Định là đô thị loại II. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 lại xác định thành phố Nam Định là trung tâm của cả vùng phía Nam châu thổ sông Hồng.

Xác định rõ vị thế mới của thành phố trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập với cả nước và khu vực, toàn Đảng bộ và quân, dân thành phố đã quyết tâm tập trung mọi khả năng để xây dựng, phát triển đô thị Thành Nam về nhiều phương diện. Nhằm đảm bảo tốt hơn việc quản lý quy hoạch xây dựng theo từng giai đoạn đối với khu vực nội thành (tính đến thời điểm của năm 1997) đã tiến hành cắm mốc chỉ giới ở các đường, phố. Những khu nhà tập thể, căn nhà “bảo quản” cho các hộ dân thuê có thời gian xây dựng đã quá lâu hoặc không đảm bảo an toàn về chất lượng đã lần lượt bán, nhượng cho dân tự sửa chữa. Những nhà, công trình kiến trúc mới khi xây dựng đã có sự hướng dẫn, thẩm định của cơ quan chức năng. Từ năm 1999 đến 2010 đã có nhiều nhà cao tầng được xây mới hoặc tôn tạo ở hầu khắp các đường phố, ngõ ngách. Trụ sở Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thành uỷ và hầu hết các cơ quan, đơn vị được xây mới (số nhà tôn tạo rất ít) cao tầng, hoành tráng, phong cách hiện đại đa dạng. Các trường trung học phổ thông: Lê Hồng Phong, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ... đều được xây mới hoặc nâng lên 2 - 3 tầng có quy mô phù hợp, trang bị đồ dùng đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dạy và học. Các trường cao đẳng: Sư phạm, Dạy

ngành xây dựng, Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp..., nhất là các trường đại học: Điều dưỡng, Sư phạm Dạy nghề, Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp đã có nhiều nhà xây mới cao tầng đồ sộ, hiện đại. Đặc biệt các công trình công cộng như khu quần thể văn hoá Công viên Vị Xuyên, Tượng đài Trần Hưng Đạo, Quảng trường, Nhà Văn hoá trung tâm 3-2, Nhà hát Kịch, Nhà hát Chèo (Chiếu chèo Nam) có hình khối kiến trúc đẹp, hài hoà, đa dạng, liên hoàn trong không gian rộng, thoáng mát. Khu quần thể thể dục thể thao với sân bóng đá (25 nghìn chỗ ngồi), bể bơi, nhà thi đấu, tuy không rộng lớn nhưng liên hoàn, thuận tiện cho những cuộc thi đấu nhiều bộ môn. Diện tích đất giành riêng cho 12 công trình công cộng hiện có ở nội thành Nam Định tới 249.362 m². Rộng nhất là Công viên Vị Xuyên 152.176 m².

Thực hiện định hướng mở rộng không gian thành phố về hướng Tây - Tây Nam, từ năm 2000 - 2005, tỉnh đã đầu tư, hoàn thành xây dựng khu công nghiệp Hoà Xá 237 héc ta, (thuộc đất xã Lộc Hoà và Mỹ Xá), khu đô thị mới Hoà Vượng 63,3 héc ta (thuộc đất xã Lộc Hoà và Lộc Vượng). Tiếp đó là khu công nghiệp Mỹ Trung (191,5 héc ta). Năm 2006 - 2009 xây dựng các khu tái định cư: Trầm Cá (10,4 héc ta), Đồng Quýt (12 héc ta) và khu Trần Nhân Tông (7,3 héc ta thuộc đất Hợp tác xã rau cá Tiền Phong). Cụm công nghiệp An Xá (thuộc đất xã Lộc An và Mỹ Xá) cũng hoàn thành đưa vào sử dụng. Năm 2009 - 2012 đang xây dựng khu đô thị mới Thống Nhất (63,8 héc ta), thuộc đất Đông Mạc - Lộc Hạ. Bằng phương thức ban quản lý dự án thu hồi đất giao cho các nhà thầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng rồi bán lại cho đơn vị hoặc cá nhân có nhu cầu sử dụng. Khu công nghiệp mới hình thành là điều kiện đưa các cơ sở sản xuất ra ngoài thành phố, hạn chế ô nhiễm môi trường. Đồng thời mở tuyến đường vành đai (Quốc lộ 10) đi qua khu, cụm công nghiệp và cách xa trung tâm thành phố, đảm bảo sự thông thoáng giảm bụi và tiếng ồn.

Đầu tháng 5-2012, Bến ô tô khách phía Bắc thành phố đã

chuyển đến vị trí mới (phía ngoài cầu Vượt - Lộc Hoà) rộng 4,7 héc ta. Bến xe Đò Quan (phía Nam) chỉ rộng 0,3 héc ta. Từ thành phố Nam Định đã có 126 tuyến đường vận tải hành khách đến 36 tỉnh, thành trong cả nước và 7 tuyến nội tỉnh, xe buýt gồm 72 xe. Lực lượng xe taxi hiện có 4 đơn vị tham gia, với 345 xe hoạt động. Phương tiện và điều kiện giao thông nội hạt thành phố và đi các nơi thực sự thuận tiện.

Lĩnh vực văn hoá - xã hội, hơn 10 năm qua thành phố Nam Định luôn là đơn vị tiên tiến xuất sắc, dẫn đầu toàn tỉnh về giáo dục - đào tạo. Năm 2000, thành phố đã hoàn thành phổ cập bậc trung học cơ sở. Các trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong, Trung học cơ sở Trần Đăng Ninh, Phùng Chí Kiên, Hàn Thuyên, Tiểu học Phạm Hồng Thái... vẫn là những trường có truyền thống dạy tốt, học tốt. Học sinh của thành phố luôn đoạt nhiều giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi của tỉnh và toàn quốc. Năm học 2010 - 2011, thi học sinh giỏi toàn tỉnh bậc trung học cơ sở các môn văn hoá đoạt giải nhất toàn đoàn với 196/327 học sinh đoạt giải, bậc tiểu học nhất toàn đoàn với 131/150 học sinh đoạt giải.

Phong trào văn hoá, thể dục thể thao được duy trì và mở rộng tới các địa bàn dân cư. Số đông nhân dân đã có ý thức xây dựng nếp sống văn minh đô thị và sự bình an trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, trong xu thế giao lưu hội nhập cả kinh tế và văn hoá cũng đã dẫn tới những xu hướng văn hoá - xã hội lai căng, thiếu lành mạnh, làm sứt mòn văn hoá, đạo đức truyền thống. Hoặc ngược lại, một bộ phận dân cư quá sa đà phục hồi những tập tục xưa cũ, nhất là tục lệ cưới xin, ma chay rườm rà, tốn hao tiền bạc, lãng phí thời gian. Rồi lại còn tệ bói toán, kiêng kỵ lành dữ cũng gây nên không ít phiền toái, tiêu cực xã hội...

Tựu chung lại, đến thập niên đầu thế kỷ XXI, thành phố Nam Định đã có những bước tiến dài, có sự đổi mới căn bản cả về phát triển kinh tế - xã hội, cả về diện mạo đô thị, cả về đời sống dân cư. Hoạt động công, thương nghiệp đi vào thế ổn

định. Doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại, cổ phần hoá, giảm về số lượng nhưng phát huy được năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Số doanh nghiệp tư nhân, cá thể tăng lên nhanh chóng, đa dạng về mô hình, về ngành nghề, linh hoạt về phương thức, chủ động, thích ứng diễn biến của thị trường và nhu cầu xã hội. Trên địa bàn thành phố chưa có nhiều doanh nhân lớn, giá trị sản xuất kinh doanh vượt trội, nhưng đã chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Hàng hoá, sản phẩm đa dạng, dồi dào, giao lưu thuận tiện đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng xã hội. Ngành hàng xuất khẩu truyền thống được duy trì, tăng về mặt hàng, giá trị xuất khẩu tăng dần hàng năm. Hoạt động du lịch dịch vụ đã mở rộng, tăng về cơ sở (khách sạn, nhà nghỉ) nhưng thiếu loại hình và phương thức đạt hiệu quả cao. Du lịch sinh thái, du lịch nghiên cứu tuy có tiềm năng nhưng chưa mạnh.

Giao thông vận tải được đầu tư khá, cơ sở hạ tầng được tăng cường. Một số tuyến đường, cầu, bến, bãi được mở rộng thông thoáng; phương tiện tham gia phục vụ vận tải hành khách và hàng hoá tăng cả về số và chất lượng. Sự đi lại thuận tiện, nhanh chóng, văn minh lịch sự hơn.

Không gian đô thị của thành phố mở rộng nhanh (đã chiếm tỷ lệ gần 40% tổng diện tích đất tự nhiên và tăng gần 3 lần so với trước năm 1975). Kiến trúc đô thị đã đi vào quy mô, chỉnh thể hơn. Nhiều đường phố, nhất là tại các khu đô thị mới đã có nhiều nhà cao tầng quy mô hoành tráng, kiểu cách đa dạng với tiện nghi vật dụng nội thất hiện đại, sang trọng. Hệ thống điện lực, cấp nước sạch và thoát nước đã được nâng cấp tích cực (nhất là trong 2 năm 2011 - 2012). Các công trình văn hoá - thể thao công cộng được tu bổ, chỉnh trang đồng bộ hơn. Toàn bộ đường phố, ngõ hẻm và công rãnh đã được tu bổ, nâng cấp theo tiêu chí thống nhất... Những đổi thay tích cực đó thực sự làm cho diện mạo thành phố thêm khang trang thoáng, đẹp, sắc thái sinh hoạt đô thị thêm sinh động vui tươi. Khẳng định những cố gắng và kết quả xây dựng, phát triển thành phố về mọi mặt

trong thời gian gần 15 năm qua (1998 - 2011), ngày 28-11-2011 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2106/QĐ/TTg công nhận thành phố Nam Định là đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

Chặng đường lịch sử hơn 80 năm qua, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân thành phố đã bền bỉ, dũng cảm, cần cù, sáng tạo vượt qua bao thử thách, khó khăn, gian khổ và liên tiếp giành được thắng lợi. Thành phố Nam Định cùng với cả tỉnh, cả nước đang tập trung đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho quê hương đất nước ngày một giàu mạnh, văn minh, nhân dân hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ. Toàn bộ tiến trình cách mạng và thành quả thu được, luôn khẳng định và thể hiện vai trò lãnh đạo chỉ đạo cao cả, kịp thời cụ thể của Đảng, của các cấp uỷ, chính quyền mà trực tiếp là Thành uỷ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân thành phố.

Với vai trò và trách nhiệm trọng yếu trong sự nghiệp chung, trước nhân dân; trong nhiều năm qua Đảng bộ thành phố Nam Định đã luôn quán triệt đúng đắn các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ, kịp thời chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, xây dựng hệ thống chính trị của thành phố vững mạnh, cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức, năng lực nghiệp vụ để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Hiện nay Đảng bộ thành phố có 98 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, trong đó có 40 đảng bộ và 58 chi bộ, với trên 13.000 đảng viên. Cơ quan chính quyền thành phố và cơ sở được củng cố kiện toàn theo hướng gọn nhẹ, chất lượng, hiệu quả. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tốt các hoạt động, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư; đồng thời tham gia vận động nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân, đảm bảo an ninh trật tự, xóm phố hoà thuận, đoàn kết, văn minh.

CHƯƠNG HAI HÀNH ĐÔ THIÊN TRƯỜNG ĐẾN THÀNH NAM SƠ KHAI

I- Hương Tức Mặc - phủ Thiên Trường

Sách Đại Việt Sử ký toàn thư, trang 434 chép:

“Xưa có người tên là Kinh đến ở Hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa đời đời làm nghề đánh cá. Vua Trần Thái Tông, huý Cảnh, là con thứ của Trần Thừa”⁽⁵¹⁾.

Theo cách tính tuổi thời phong kiến nước ta, mỗi đời bình quân 25, 26 năm. Cách tính này là hợp lý đối với lịch sử thời bấy giờ. Như vậy, từ đời Trần Kinh bắt đầu đến hương Tức Mặc ở tới đời Trần Cảnh, vị vua đầu tiên của Nhà Trần lên ngôi năm 1225 là 5 đời, khoảng trên 130 năm. Từ đó ta có thể biết Trần Kinh đến hương Tức Mặc ở cuối thế kỷ XI.

Qua đoạn trích trên còn cho biết, địa danh hương Tức Mặc xuất hiện cuối thế kỷ XI. Trước đó, tên địa danh này là gì không thấy sử sách nào chép. Có tài liệu ở địa phương, lưu ở nhà ông Trần Xuân Năng, xã Lộc Vượng, chép là Khang Thôn rồi giải thích thêm (nay thuộc làng Tức Mặc), họ Trần đã đến đây ở. Khoảng thế kỷ XII, trong họ nhiều người làm quan Triều Lý, có danh vọng, của cải đã xây từ đường ở Khang Thôn thờ tổ tiên. Có câu đối viết ở cửa đền Trần làng Tức Mặc, xã Lộc Vượng (nay thuộc phường Lộc Vượng) và còn chép trong gia phả họ Trần là:

Phiên âm:

Ức tiền ngư dĩ sinh nhai, Dương Xá thủy lai đình tât trú,
Chí hậu công vu Lý tộ, *Khang Thôn* sơ định tác gia từ.

Tạm dịch:

Nhớ xưa sống bằng nghề chài lưới, ban đầu dừng chân nơi
Dương Xá.

Về sau có công với nhà Lý, mới xây nhà thờ họ tại Khang

(51) *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập I, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, năm 2004, tr. 334.

Thôn.

Khang Thôn tức thôn Khang Kiện chỉ vùng đất hương Tức Mặc⁽⁵²⁾. Còn Dương Xá thuộc làng Vị Hoàng xưa, đến đời Vua Tự Đức, Vị Hoàng đổi thành Vị Xuyên.

Như vậy, qua hai đoạn tư liệu dẫn trên cho biết, nơi ở đầu tiên của tổ tiên họ Trần ở hai nơi khác nhau. Sách Đại Việt Sử ký toàn thư viết, nơi ở đầu tiên của tổ tiên họ Trần là hương Tức Mặc. Còn gia phả họ Trần ở Tức Mặc và câu đối trong đền Trần lại ghi nơi ở đầu tiên là Dương Xá (tức làng Vị Xuyên). Đến khi có nhiều người làm quan Triều Lý mới chuyển đến Khang Thôn ở rồi xây nhà thờ họ Trần tại đây.

Câu đối do con cháu họ Trần sáng tác năm 1929, cúng tiến vào chùa Phổ Minh, cho ta biết thêm:

Phiên âm:

Khang Kiện gia từ kim diệc cổ
Phổ Minh linh tự cựu nhi tân

Tạm dịch:

Nhà thờ họ Trần ở Khang Kiện nay vẫn như xưa
Chùa Phổ Minh linh thiêng mới sửa lại giống như trước⁽⁵³⁾.

Cùng viết về nhà thờ họ Trần, nhưng câu đối trước gọi là Khang Thôn, câu đối sau gọi là Khang Kiện. Theo quy luật phát triển của địa danh là từ đơn âm đến đa âm tiết thì Khang Thôn (thôn Khang - đơn âm) có trước còn tên làng Khang Kiện (đa âm) có sau. Như vậy lúc đầu, khoảng cuối thế kỷ XI, Trần Kinh đến ở Dương Xá, sau mới chuyển đến ở Tức Mặc. Theo Khiếu Năng Tĩnh viết những năm đầu thế kỷ XX trong tác phẩm Tân biên Nam Định tỉnh dư địa chí lược... quyển hạ, trang 40, cho biết lúc đầu vùng đất Tức Mặc có tên là Thôn Khang, sau đổi thành Khang Kiện. Đến khi nhà Trần thiết lập, năm 1225, vùng đất Khang Kiện đã thành nhiều thôn xóm nên đổi thành hương Tức Mặc. Còn một thôn cũ trong hương này

(52) Lê Xuân Quang, Dương Văn Vượng, *Tuyển câu đối thờ*, Sở Văn hoá - Thông tin Nam Định, năm 1998, tr. 33.

(53) Lê Xuân Quang, Dương Văn Vượng, *Tuyển câu đối thờ*, Sở Văn hoá - Thông tin Nam Định, năm 1998, tr. 33.

là Khang Kiện đổi thành thôn Tráng Kiện⁽⁵⁴⁾. Qua đó chứng tỏ hương Tức Mặc bấy giờ có nhiều thôn như thôn Tráng Kiện, thôn Kênh, thôn Tức Mặc... Dù thời gian ra đời khác nhau, song các danh từ Tức Mặc, Khang Thôn, Khang Kiện, Tráng Kiện đều chỉ một vùng địa lý thuộc hương Tức Mặc xưa, nay thuộc phường Lộc Vượng. Theo sách Đại Việt Sử ký toàn thư đã dẫn trên, mục chú trang 442 cho biết “hương Tức Mặc, sau này là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, quê cũ của nhà Trần. Hương là một đơn vị hành chính xưa, lớn hơn xã, gần như huyện về sau”⁽⁵⁵⁾.

Như vậy, không phải hương Tức Mặc chỉ nhỏ bé như làng Tức Mặc ngày nay mà khá rộng. Khi nâng lên thành **phủ Thiên trường**⁽⁵⁶⁾ có lẽ nó rộng hơn diện tích thành phố Nam Định ngày nay nhiều. Trên thực tế, dấu ấn của những địa danh còn lại của hành cung Thiên Trường trải ra ở thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc ngày nay.

Tức Mặc, Khang Thôn, Khang Kiện đều dùng chữ Hán để đặt tên, ý nghĩa cũng rất hay. Theo quy luật chung, quá trình hình thành tên làng, xã ở nước ta đã nêu trên, thời gian đầu chữ Hán chưa sử dụng rộng rãi trong nước, người Việt thường dùng tiếng Nôm (tiếng nói của mình) để đặt tên làng xã. Sau đó, khoảng thế kỷ XV, cùng với sự phát triển đến cực thịnh của chế độ phong kiến Việt Nam, chữ Hán được dùng làm chữ chính thống, các tên làng, xã mới chuyển sang đặt theo chữ Hán và phát âm theo âm Hán Việt khá mạnh và sôi nổi. Những làng xã đã đặt tên Nôm trước rồi thì chuyển sang ghi theo chữ Hán và phát âm theo âm Hán Việt cho sang, cho có chữ

(54) Khiếu Năng Tĩnh. *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, quyển hạ, bản do Dương Văn Vượng dịch và chú giải, tr. 40.

(55) *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập I, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, năm 2004, tr. 442.

(56) Theo *Đại Nam Nhất thống chí* thì phủ Thiên Trường xưa (phủ hiệu theo nghĩa cấp hành chính - phủ huyện) là lộ Hải Thanh thời Lý, Trần Thái Tông đổi là Thiên Thanh, Trần Thánh Tông đổi là Thiên Trường.

nghĩa.⁽⁵⁷⁾ Năm 1010, Vua Lý Thái Tổ mới đổi La Thành thành Thăng Long. Làng Thửa, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản cũng vậy. Khi quan lại nhà Hán thống trị bắt dân hải viết văn bản bằng chữ Hán mới đổi "Thửa" thành "Phú Thứ"... Từ đó suy ra, hương Tức Mặc ra đời khá sớm, cách ngày nay có lẽ gần một nghìn năm. Lúc đó chữ Hán chưa được phổ biến rộng rãi như các thế kỷ sau này, nhiều khả năng cũng có một tên Nôm là Kẻ Mực chẳng hạn, nhưng không thấy sử sách nào ghi lại.

Một sự kiện quan trọng dẫn đến sự thay đổi có tính bước ngoặt đối với vùng đất này là sự ra đời vương triều Trần thay Triều Lý trị vì đất nước, đã cho xây dựng tại quê cũ của tổ tiên (trên đất Tức Mặc) một hành cung lớn có tên Thiên Trường.

1- Cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa

Sách Đại Việt Sử ký toàn thư, sđd, trang 451 viết:

Tháng Giêng năm Kỷ Hợi (1239), Vua Trần phong cho Phùng Tá Chu chức Nhập nội thái phó, sai về hương Tức Mặc dựng cung điện, nhà cửa”.

Cũng sách trên, trang 477 chép “Tháng 2, năm Nhâm Tuất (1262) Thượng hoàng Trần Thánh Tông ngự trên hành cung Tức Mặc ban tiệc to. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên mỗi người cho tước hai tư, đàn bà cho hai tấm lụa. **Đổi hương Tức Mặc thành phủ Thiên Trường**, cung gọi là Trùng Quang làm cung của Thượng hoàng. Vua nô đến châu ở gọi là cung Trùng Hoa và **làm chùa thờ Phật ở phía Tây cung Trùng Quang**, gọi là chùa Phổ Minh”⁽⁵⁸⁾.

Dựa vào hai đoạn trích trên và qua khảo sát thực địa cùng với những kết quả khai quật khảo cổ học thời gian qua thì vị trí

(57) Theo Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng trong *Các triều đại Việt Nam*, NXB Thanh niên. 2001, tr. 58 ghi: “Sau khi đánh bại Phùng An, bọn quan lại nhà Đường sang cai trị Giao Châu... hai lần giặc Nam Chiếu sang đánh, giết hơn 10 vạn dân Giao Châu...”

Năm Giáp Thân (864) Cao Biền... đuổi được giặc Nam Chiếu. Vua Đường đổi An Nam thành Tĩnh Hải, phong cho Cao Biền làm Tiết độ sứ. Cao Biền cho đắp thành Đại La ở bờ sông Tô Lịch...”

(58) *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập I, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, năm 2004, tr. 442.

cung Trùng Quang ở phía Đông chùa Phổ Minh (nay thuộc phần lớn khu vực đền Trần) được xây dựng năm 1239. Cung Trùng Hoa xây năm 1262. Các cung này và chùa Phổ Minh đều quay hướng Nam. Dĩ nhiên đi kèm với hai cung này còn nhiều hạng mục kiến trúc khác để hỗ trợ cho hai cung thêm hoàn thiện, như nhà nghỉ, nhà chờ, nhà ăn, giếng nước, sân cung điện, núi non bộ, vườn hoa, cây cảnh, tường bao, hệ thống cống thoát nước... Tổng diện tích hai cung này rộng khoảng trên 5 héc ta.

Về hình dáng của cung Trùng Quang và Trùng Hoa không còn bản vẽ nào lưu lại nên cũng không thể nào miêu tả chính xác được. Căn cứ vào những hiện vật tìm thấy qua các lần khảo cổ và dựa trên truyền thống xây dựng cung điện của nước ta còn lưu lại ở một số nơi thì có thể thấy hai cung điện này được xây dựng bằng chất liệu gỗ và đất nung là chính, không cao lắm, nền hình chữ nhật, rộng rãi. Khung nhà từ cột, kèo, xà, bẩy, trụ đầu, rui mè, đòn tay đều làm bằng các loại gỗ quý, có chạm khắc hoa văn tượng trưng cho đế vương, quân tử. Kê chân cột là tảng đá xanh hình vuông, dày, nặng, trên mặt có hình đài sen ở giữa, các cánh hoa sen cách điệu xoè ra xung quanh. Tường có chỗ xây gạch, cũng có nơi bung bằng ván gỗ loại quý, hương thơm. Gạch lát nền, ngoài hiên, bậc thềm, sân và các công trình phụ trợ khác... đều trang trí các loại hoa văn đẹp. Mái lợp hai lớp. Lớp trong là ngói lát, lớp ngoài lợp ngói ống hay mũi hài. Nơi tiếp giáp hai mái uốn cong lên để gắn đầu rồng bằng gốm, màu vàng, trông rất nhẹ nhàng, uyển chuyển và sinh động.

Kiến trúc tổng thể của 3 công trình lớn là chùa Phổ Minh, cung Trùng Quang, cung Trùng Hoa. Phía Tây cung Trùng Quang là chùa thờ Phật. Cung Trùng Quang là nơi ở của Thái Thượng hoàng. Cung Trùng Hoa là nơi ngự của các hoàng đế đương triều (khi về châu).

Hương Túc Mặc - phủ Thiên Trường từ đó bắt đầu nổi lên những công trình kiến trúc có quy mô hoành tráng, lộng lẫy.

Ngoài cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa (ở nội cung) thì đồng thời dinh thự của các vương, các hầu cũng được xây dựng. Ở phía sau cung bên bờ Bắc Vĩnh Trường thì đặt cung Hoa Nha (nay là Liễu Nha) bên trong dựng Văn Miếu, tô tượng các thánh hiền để phụng sự. Ngoài cung về bên phải, chéch hướng Đông có các cung Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ là các phủ đệ giành cho các vương phi, các quan ở Long Thành về lưu thủ, các sắc dịch hầu cận Thượng hoàng ở. Sau Gia miếu lại có khu Lộc Quý dành cho Trung vũ Đại vương Trần Thủ Độ, khu Thiên Bôi dành cho Chiêu minh Đại vương Trần Quang Khải, khu Bảo Lộc dành cho Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn... Nơi đây, với hàng chục lầu đài to nhỏ, cao thấp với mái cong uyển chuyển, các hoạ tiết trang trí hài hòa kiểu cách, lớp ngói lưu li mũi hài trắng men xanh thẫm đã trở nên một khu nguy nga tráng lệ. Tuy không phải kinh đô của đất nước, nhưng hành cung phủ Thiên Trường trong hơn một thế kỷ thực chất là “Hành đô” của Hoàng gia.

Cảnh quan nơi đây có sông Vĩnh Giang (Vĩnh Tế) uốn khúc quanh co. Từ kênh Phù Long, dòng Vĩnh Giang chảy qua Đệ Nhị sang Đệ Nhất cầu Viêng, Đệ Tam, vòng Liễu Nha lên đền Trần đền chùa Phổ Minh rồi qua Hậu Bối, Phú Ốc để đổ vào kênh Tiểu Cốc nhập dòng An Tiêm. Dòng Vĩnh Giang đã nối liền các dinh thự, cung thất của hành cung Thiên Trường, là chôn du ngoạn của Hoàng Gia, với sự hiện hữu là cầu Vòng Ngọc, điện Cửu Trùng, quán Rượu. Nổi 2 bờ sông Vĩnh là các cầu Thóc, cầu Rượu, cầu Quan, cầu Quýt mà lớn nhất là cầu Vĩnh (nay là cầu Viêng). Xung quanh Vương phủ còn có các vườn ươm, trồng hoa cây cảnh, với tên Phù Hoa (sau này là làng Phù Nghĩa), Hoa Nha (sau đổi là Liễu Nha), Lựu Viên (Lựu Phố).

Đồng thời với việc xây dựng hành cung Thiên Trường, sau khi chiến thắng giặc Nguyên - Mông lần thứ nhất (1258), với chiến lược tiếp tục phòng thủ chống giặc, đã xây dựng một quân doanh để bảo vệ “kinh đô thứ hai” là căn cứ dự bị của

vương triều. Tiếc rằng cho đến nay vị trí của quân doanh đó từ Hữu Bị đến Vị Hoàng (cách vương phủ trên 2 dặm (khoảng 3 km), bên bờ sông chưa xác định được. Cũng tiếp sau đó nhà Trần cho đào một con sông qua làng Vị Hoàng để rút ngắn dòng chảy của sông Vĩnh đô vào An Tiêm. Con sông mới đào mang tên Vị Hoàng và quân doanh chuyển về đó, vừa là trại quân vừa là kho lương thảo, thuyền bè tấp nập.

Chế độ Thái Thượng hoàng của Triều Trần, so với các vương triều trước như Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý thì hình thức Vua truyền ngôi sớm lên làm Thái Thượng hoàng, đưa con kế vị ngôi báu là một hình thức mới, sáng tạo, là một bước tiến trong cách thức lựa chọn kèm cặp người kế vị và là sự khác biệt còn sự hiện hữu đến nay trong địa danh này.

Vua Trần khi nhường ngôi cho con lên làm Thái Thượng hoàng về Thiên Trường không những để tu hành mà còn làm một việc rất quan trọng (nói như ngày nay là chỉ đạo từ xa) Hoàng đế đương triều đang thực tập điều hành chính sự quốc gia đại sự. Tại hành cung này những tấm lòng yêu nước cháy bỏng cùng với những luồng tư tưởng Phật giáo mới của các đấng quân vương và các vị cao tăng đã góp phần quan trọng hình thành nên Thiên phái Trúc Lâm thuần Việt lẫy lừng ở thế kỷ XIII, XIV và còn sâu đậm cho tới tận ngày nay. Cũng từ hành cung này nhiều kế sách quan trọng về xây dựng và bảo vệ đất nước đã hình thành, góp phần làm nên Hào khí Đông A bất tử. Một vấn đề rất quan trọng nữa, khi cho xây dựng cung điện, lầu đài, đồn binh, chợ búa, cầu cống, tổ chức thi đình, ca vũ, tấu nhạc, ngâm vịnh, xướng họa, thi phú, mở trường học, lễ hội ở đây thì các vua Trần đã tạo ra vùng hành đô hoa lệ mà trung tâm là vùng Tức Mặc. Từ Tức Mặc, tính chất “đô thị” hay “thành thị” nhuộm sắc thái của kinh đô mà lan tỏa ra, thu hút các giai tầng xã hội khắp trong nước đến làm ăn, buôn bán và phục dịch vua quan, quân lính của Triều Trần ở chốn hành cung này. Người xưa, nói như các nhà sử học ngày nay là kinh đô thứ hai của quốc gia Đại Việt thời Trần cũng có nguyên do, cơ sở.

Song lịch sử thường hay có khúc quanh và thường có tính đồng đảnh, không phải chỉ thuận chiều, nên tính chất kinh kỳ, đô thị mới hình thành nên ở đây được gần 150 năm, đến khi nhà Trần sụp đổ (năm 1400), nó cũng suy tàn. Chốn phồn hoa đô hội này lại trở về với điểm xuất phát của nó là vùng nông thôn với những người nông dân lam lũ trên những cánh đồng làng. Tuy nhiên những dấu ấn về một thời đô hội, huy hoàng của hành cung Thiên Trường xưa vẫn còn hiện hữu ở vùng đất này với các địa danh Ao Kho, cồn Kiếm, cồn Vũ Hoàng, cồn Cũ, cầu Vồng Ngọc, đường Chúa ngự, cung Lan Hoa, dinh Ông Hoàng, Thiên Bồi, Lự Phố, Liễu Nha... cùng không ít những dấu tích, giai thoại.

Đền thế kỷ XVI, vị thế địa lý của Thiên Trường, dĩ nhiên là rất quan trọng đối với địa phương, cũng như đối với vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đặc biệt là với Kinh đô Thăng Long, Nhà nước phong kiến Việt Nam bấy giờ đã cho xây dựng ở Vị Hoàng (mở rộng sang cả đất nay thuộc phường Nguyễn Du) một quân doanh lớn, có thể chứa tới hàng vạn binh sĩ. Không những thế kéo theo là thân nhân vợ con của họ cũng tụ hội về. Chỉ trong một thời gian ngắn, số người tăng lên về mặt cơ học và về mặt sinh học rất nhiều. Từ đó nhu cầu ăn ở, đi lại và các mặt sinh hoạt khác cũng tăng thêm. Để đáp ứng nhu cầu khách quan này, những người làm nghề buôn bán, thợ thủ công và làm dịch vụ khắp nơi... ùn ùn tìm đến để làm ăn. Trung tâm của vùng đô thị (hay thành thị) mới này là Vị Hoàng vào cuối thế kỷ XIX.

Hệ thống tổ chức chính quyền của phủ Thiên Trường, qua sách Đại Việt Sử ký toàn thư, đã dẫn, trang 480 cho biết: Có một viên quan đứng đầu phủ gọi là An phủ sứ. Viên quan này được tuyển chọn từ các viên quan An phủ sứ đã trị nhậm giỏi ở các lộ trong nước. Khi tuyển chọn được rồi, viên quan này còn phải qua một đợt khảo duyệt của một hội đồng do nhà vua làm chủ khảo. Sau đợt khảo duyệt này, nếu đạt yêu cầu mới được bổ làm An phủ sứ phủ Thiên Trường... (chức quan chỉ sau

Kinh thành Thăng Long là Đại An phủ sứ - An phủ sứ đầu tiên của phủ Thiên Trường là Trần Thì Kiến).

Dưới phủ có các xã (chưa thấy có các tổng). Đứng đầu mỗi xã có một vị bảy giờ gọi là Câu Đương hay Xã Quan. Cách tuyển chọn tầng lớp này cũng rất nghiêm ngặt, công bằng.

Truyền thuyết và chính sử của quốc gia, của địa phương còn truyền lại một câu chuyện rất đáng chép ra ở đây để cùng tham khảo, suy ngẫm:

Vào một đợt xét tuyển Câu đương cho các xã, do đích thân Thái sư Trần Thủ Độ đảm trách. Khi duyệt đến người đã nhờ Linh từ Quốc mẫu (vợ Trần Thủ Độ) xin cho được làm công việc này, Trần Thủ Độ nghiêm sắc mặt nói: Người vì có công xin Quốc mẫu cho được làm câu đương. Vì vậy không ví như các Câu đương khác được. Nhà người phải chặt một ngón chân cái để phân biệt với các câu đương khác.

Nhìn sắc mặt đanh lại và giọng nói rành rọt từng câu, từng lời của Thái sư, người đó kinh sợ, khóc lóc, van lạy xin thôi. Mặc cho người đó kêu van thảm thiết, một lúc sau Thủ Độ mới tha cho. Từ đó trong xã hội không ai dám đến các vị có chức sắc trong triều do lo lót, hối lộ để được thăng quan tiến chức nữa. Ở thời Trần, công việc tuyển chọn quan lại có những chỉ dụ rất nghiêm ngặt. Người ra làm quan phải thực sự có đức, có tài. Chuyện kể về tuyển lựa phẩm chất người được tuyển làm An phủ sứ Thiên Trường Trần Thì Kiến còn lưu danh trong lịch sử.

Ngày 16 tháng 3 năm Canh Thân (1320), vị vua thứ tư, có đức, có tài là Trần Anh Tông băng hà ở cung Trùng Quang. Từ cung điện này, tiếng chuông báo tin Thượng hoàng băng hà nhanh chóng lan toả khắp vùng Thiên Trường rồi về tới Kinh thành Thăng Long làm bao tâm lòng con dân Đại Việt tiếc thương. Trần Anh Tông sinh năm 1276, là con trai cả của Vua Trần Nhân Tông, ở ngôi vua 21 năm, làm Thái Thượng hoàng 6 năm. Khi Trần Anh Tông lâm bệnh nặng nằm điều trị ở cung Trùng Quang, Hoàng hậu cho đi gọi thầy tăng làm lễ, xem

mệnh hệ sinh tử vẫn dài thế nào đã bị Thượng hoàng gạt đi rồi nói: Trẫm nghĩ, thầy tăng có nói cũng chỉ để yên lòng người ốm thôi. Chứ thầy tăng đã chết đâu mà biết sự chết. Cách đây hơn 700 năm đã có một đấng quân vương không tin ở số mệnh như thế thì cũng thật đáng ca ngợi và đáng để cho hậu thế suy ngẫm.

Cung Trùng Quang và Trùng Hoa là trung tâm, là đầu não của hành cung Thiên Trường. Tại đây nhiều phương sách quan trọng liên quan đến quốc kế dân sinh đã ra đời và được thực thi. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ hai (1285), hành cung Thiên Trường nói chung, cung Trùng Quang, Trùng Hoa nói riêng đã trở thành đầu não căn cứ địa, thành thủ đô kháng chiến kiên cường và dũng cảm, góp phần cực kỳ quan trọng lập nên những chiến công hiển hách đánh bại quân Nguyên - Mông.

Trải qua bao biến cố, thăng trầm của lịch sử, phủ Thiên Trường luôn thay đổi về quy mô và diện tích. Có thời kỳ, phủ Thiên Trường chiếm một nửa diện tích tỉnh Nam Định ngày nay. Còn thời Trần, vì nhiều nguyên nhân diện tích phủ Thiên Trường chỉ khiêm tốn (khuôn viên hẹp). Nơi đây thời Trần được gọi là hành cung Thiên Trường. Song cũng nhiều lúc các đấng quân vương nhà Trần, như Đức vua Trần Nhân Tông, một vị vua được hậu thế tôn vinh là Anh hùng dân tộc, đấng Phật Hoàng, vị “Đệ nhất tổ Thiền phái Trúc Lâm” gọi là một Châu Tiên trong 12 châu tiên của Đại Việt.

Phiên âm:

“Cảnh thanh u, vật diệc thanh u
Thập nhị tiên châu, thử nhất châu...”

Tạm dịch:

Cảnh thanh u, vật cũng thanh u
Mười mấy châu tiên, đây một châu”⁽⁵⁹⁾

(59) “Thập nhị” nghĩa là 12. Nhưng ở đây để cho đúng niêm luật thể thơ Đường mà vẫn đảm bảo được nội dung của nguyên tác nên dịch là “mười mấy châu tiên, đây một châu”. Nói như thế để thấy là người dịch không phải dịch sai.

Phạm Sư Mạnh vị quan đại Hành khiển của nhà Trần (như Thủ tướng Chính phủ ngày nay) và nhiều quan lại cao cấp, những bậc đại trí giả thời đó đều ca ngợi là Thiên Trường thắng cảnh, miêu tả nơi đây có sông xanh, cầu vòng ngọc, bến sông để thuyền rồng của nhà vua về đậu, có bến tắm của hoàng hậu, cung tần, mỹ nữ. Hai bên bờ sông có liễu rủ, quất vàng hung khoe màu, soi mình xuống dòng nước Vĩnh Giang trong mát. Các cung điện có cửa khuyết, cung vàng, vườn ngự uyển tuyệt mỹ, lộng lẫy, cao sang. Những ngày hội vô lượng, thi đình, bình xướng, họa thơ văn, chợ búa đều đông vui, tấp nập, kẻ mua người bán. Đó đây những cánh đồng mênh mông, bát ngát, từng đôi cò trắng song song liệng xuống đồng... Rồi đến những nhà nghiên cứu lịch sử thời nay thì gọi hành cung này là “Kinh đô thứ hai hay phó kinh đô của nước Đại Việt thời Trần”. Xem ra, cảnh đẹp thiên nhiên nơi đây không ai tả hay hơn đức Phật hoàng vị Anh hùng Dân tộc Trần Nhân Tông đã ca ngợi.

2- Chùa Phổ Minh

Chùa Phổ Minh (Phổ Minh tự) nằm trong quần thể các địa danh của hành cung Thiên Trường, là một điểm nhấn rất quan trọng, chỉ đứng sau cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa. Chùa được xây thời Trần, vào năm 1262, là một công trình độc đáo, góp phần tạo nên vẻ sắc, sắc không không huyền diệu của

(60) Về lịch sử xây dựng chùa Phổ Minh có khá nhiều nguồn cứ liệu:

Sách *Việt sử thông giám cương mục thời Nguyễn*: “Tháng 2, mùa xuân (1262) đem làng Tức Mặc thăng lên phủ Thiên Trường, dựng cung Trùng Quang, Trùng Hoa và chùa Phổ Minh ở phủ ấy” (tr. 70, 486).

- Tấm bia “Phổ Minh thiên tự bi” thời Cảnh Trị năm thứ sáu (1668) viết: “Nhà Lý xây dựng chùa, họ Trần điểm tô. Nhớ xưa điện đài nguy nga, trần giữ. Có đỉnh vàng ngàn cân, quy mô sáng sủa trăm thước phù đồ”.

- Thời Tây Sơn, Cảnh Thịnh thứ tư (1796) bài “Phổ Minh tự đình” khắc trên quả chuông treo tại chùa: “Phổ Minh, ngôi chùa cổ trước đây là một đại danh lam của nước Việt Nam xây dựng từ thời phồn thịnh nhà Lý (được) mở rộng khuôn viên trên khuôn viên nhà Trần”.

- Sách *Hoàng Việt địa chí thống nhất chí* chép: “Phía Tây có miếu Cổ Trạch có chùa Phổ Minh, chùa này xây dựng từ đời Lý, đến Triều Trần lại trùng tu, là một danh thắng

châu tiên này. Trong hành cung Thiên Trường có nhiều công trình kiến trúc lớn nhỏ, nhưng duy nhất chỉ còn lại đến ngày nay là cụm kiến trúc chùa Phổ Minh⁽⁶⁰⁾. Chùa Phổ Minh, còn có tên khác là chùa Tháp, vì trong chùa có cây tháp rất đẹp, tiêu biểu cho văn hoá Trần rực rỡ một thời. Phổ Minh nghĩa là truyền đạt ánh sáng văn minh của chân lý theo tư tưởng Phật giáo ra thiên hạ để mọi người thấy đường sáng mà đi. Trên thực tế 750 năm qua (1262 - 2012), dù xã hội trải qua bao thăng trầm, biến đổi, Phổ Minh đã làm tròn bổn phận của danh tự này, góp phần tô đẹp thêm văn minh Đại Việt nói riêng và văn minh Việt Nam nói chung thêm rực rỡ vẻ vang.

Chùa toạ lạc trên khu đất khoảng 2 héc ta, thuộc thôn Túc Mặc (ngoại thành Nam Định), chùa kiến trúc theo kiểu nội công, ngoại quốc, ngoài cổng có tam quan, tiếp vào phía trong có 2 giếng tròn rộng, nước trong xanh như hai viên ngọc bích ở hai bên đối xứng nhau trên trục đường vào chùa. Tiếp đó là 2 nhà bia, nơi đặt vạc đồng. Phía trong vạc là cây tháp. Sau cây tháp là Tiền đường, rồi Thượng điện. Sau Thượng điện là nhà thờ Mẫu. Nối với hai đốc nhà thờ Mẫu là nhà Tổ. Bên phải và bên trái Tiền đường và Thượng điện là 2 dãy giải vũ (loại nhà dài). Chất liệu kiến trúc cũng bằng gỗ và đất nung là chính. So với các chùa khác từ xưa đến nay còn lại thì chùa Phổ Minh là một trong những ngôi chùa có kiến trúc hoàn hảo vào loại nhất, nhì ở đất Bắc.

của địa phương. Tục truyền ông Không Lộ Thiên sư... thu nhặt được một ít đồng đen về đúc thành tứ đại khí, tức là tháp Bảo Thiên, tượng Quỳnh Lâm, chuông Phả Lại và Vạc Phổ Minh. Vạc chùa Phổ Minh nặng ngàn cân; để lưu truyền làm di tích...".

Tại chùa còn một loạt câu đối cũng tập trung xác định chùa được xây dựng từ đời Lý trùng tu mở rộng vào thời Trần. Câu đối tại nhà Tiền Đường:

*"Vua Lý mở đầu, một tiếng truyền xưa hào khí
Tháp Trần nổi tiếng, năm ba dấu vết khởi thiên tâm".*

- Câu đối khác treo ở nhà Tiền đường cũng ghi:

"Lý xây dựng, Trần mở rộng, Mạc thành sự trăm năm nền tảng nhớ năm xưa".

Theo tiến sĩ Nguyễn Xuân Năm, *Chùa tháp Phổ Minh* (NĐ - 2010), tr. 14: "... là chùa Phổ Minh dưới thời Lý hẳn quy mô nhỏ hơn nên được Triều Trần xây dựng quy mô lớn hơn, kang trang hơn... biết rằng chùa được liên tục xây dựng, tu sửa qua nhiều thời tiếp sau đó".

Bấy giờ nước ta lấy Phật giáo làm Quốc giáo nên chùa Tháp được xây dựng lên ở nhiều nơi để truyền bá tư tưởng của Phật giáo ra ngoài xã hội là điều không có gì lạ cả. Đối với Nam Định, quê hương nhà Trần, đất đai màu mỡ, so với vùng đất cỏ phía Bắc, Tây Bắc thì đây là vùng đất trù, tiềm năng phát triển còn đầy hứa hẹn, dân các nơi đổ về vùng này khai hoang bãi bồi ven sông, ven biển làm ăn ngày càng nhiều thì việc xây một trung tâm Phật giáo lớn ở Tức Mặc là điều đương nhiên. Đặc biệt đối với các đấng quân vương thông tuệ như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông thì không thể không xây dựng chùa được.

Bấy giờ đặt trước cây tháp Phổ Minh một chiếc vạc đồng (có tài liệu viết là đỉnh đồng) lớn, nặng 1.000 cân (có sách chép khoảng trên 7 tấn). Vạc chùa Phổ Minh là một trong tứ đại khí của quốc gia Đại Việt (đó là tháp Bảo Thiên, chuông chùa Quy Điền ở Thăng Long, tượng chùa Quỳnh Lâm ở Quảng Ninh và vạc đồng chùa Phổ Minh, Nam Định). Đến khoảng thế kỷ XV một trong tứ đại khí này là vạc chùa Phổ Minh bị giặc Minh lấy đúc vũ khí, để lại bao luyến tiếc cho hậu thế.

Trong chùa còn có cây tháp Phổ Minh 14 tầng (có sách chép 13 tầng), cao 19,51 mét (có sách viết cao 19,5 mét), hai tầng dưới xây đá xanh, hình vuông, mỗi cạnh dài 8,6 mét, trạm khắc hoa lá tinh xảo. Các tầng còn lại của tháp xây gạch đỏ, bắt mạch, để trần. Đầu mỗi viên gạch có hàng chữ Hán (Hung Long tam niên - năm Hung Long thứ 3 - 1305) và có hình con rồng nổi thời Trần. Dựa vào hàng chữ này, các nhà khoa học đoán định rằng có thể cây tháp được xây vào năm Hung Long thứ 3. Nhưng lại có một sự kiện rất quan trọng khác diễn ra nên phải đặt lại vấn đề thời gian xây tháp. Năm 1308 Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông mất, vua con nối ngôi là Trần Anh Tông sai làm kiệu bát cống bằng đá rồi đặt 7 trong số 21 viên xá lị của Vua cha vào đó đưa mai táng dưới chân tháp Phổ Minh. Như đã nêu trên, gạch Hung Long làm năm 1305, nhưng có lẽ đến năm 1308 mới xây tháp nên Vua Anh Tông

mới đưa xá lị Phụ hoàng về chôn dưới tháp được. Hay từ năm 1305 đến 1307 là thời gian còn đang chuẩn bị nguyên vật liệu như làm gạch Hưng Long, nung vôi, khai thác cát, đá, đào móng rồi xây 2 tầng đá dưới chân tháp như đã nêu ở trên. Đến năm 1308, không ngờ Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông băng hà, Vua Anh Tông mới có ý định đưa xá lị của Phụ vương về đặt ở tháp Phổ Minh chăng?

Ngoài cây tháp này, trong chùa còn có bức tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn đặt thờ trên Thượng điện. Đây là một tác phẩm có giá trị lớn về nhiều mặt như mỹ thuật, sử học và tư tưởng...

Một nét rất độc đáo, không chùa nào ở Việt Nam có là trên bệ cao nhất của Thượng điện đặt tượng thờ ba vị thánh nhân sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm. Pho tượng to, cao nhất đặt ở giữa là Đệ nhất tổ, Phật hoàng Trần Nhân Tông. Hai bên tượng Phật hoàng đặt 2 pho tượng nhỏ hơn là tượng Pháp Loa và Huyền Quang. Ba vị này được người đời suy tôn là “Tam tổ của Thiền phái Trúc Lâm”.

Vào thế kỷ XIII và XIV, chùa Phổ Minh là một trung tâm Phật giáo lớn nhất nhì của nước ta. Các đấng quân vương có công lớn thời Trần và các bậc cao tăng cùng thời đều đến đây tu hành, thường ngoạn hay chủ trì các kỳ lễ hội, các buổi thuyết giảng về Thiền phái Trúc Lâm. Đức vua Trần Nhân Tông đã nhiều năm tu hành ở đây rồi sau mới ra Yên Tử xây dựng trung tâm Phật giáo ở đó. Cũng chính từ địa danh chùa Phổ Minh này, hay nói rộng ra cả vùng đất Thiên Trường đã góp phần quan trọng hình thành nên Thiền phái Trúc Lâm, in đậm dấu ấn văn hoá Đại Việt trong mấy thế kỷ.

Trải qua hơn 750 năm, chùa Phổ Minh được trùng tu nhiều lần, song vẫn giữ được nguyên dạng như kiểu kiến trúc ban đầu. Điều này, vào năm 1929, các hậu duệ nhà Trần, thay mặt quá khứ, hiện tại và tương lai đã khẳng định:

“Khang Kiện gia từ kim diệc cổ
Phổ Minh linh tự cựu nhi tân”.

Nghĩa là nhà thờ họ Trần ở Khang Kiện đã nhiều lần sửa chữa đến nay vẫn như xưa. Chùa Phổ Minh linh thiêng được trùng tu mới nhưng vẫn theo kiểu dáng cũ.

Địa danh Phổ Minh, với những nét tiêu biểu về nhiều mặt, rất đáng tự hào của quê hương Nam Định cũng như của cả nước ta. Chính vì vậy, ngày 28-4-1962, Bộ Văn hoá nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đã ra quyết định công nhận chùa tháp Phổ Minh là di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia.

3- Cánh đồng Cửa Triều

Phía trước cung điện Trùng Quang và Trùng Hoa có một cánh đồng rộng khoảng hơn 20 héc ta gọi là cánh đồng Cửa Triều. Thời Trần người dân phủ Thiên Trường coi các cung điện ở đây như các cung điện của triều đình ở Kinh đô Thăng Long. Chính vì vậy, người dân làng Tức Mặc đã bao đời nay vẫn tự hào gọi cánh đồng này là cánh đồng Cửa Triều. Sự tồn tại của cánh đồng Cửa Triều không những cho biết, cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa quay mặt ra hướng này, tức hướng Nam mà còn góp phần quan trọng khẳng định đây là trung tâm của hành cung Thiên Trường và là một triều đình thu nhỏ của vương triều Trần. Bức Đại tự bằng đá đặt trên cửa chính trong hệ thống 5 cửa vào đền Trần (còn gọi là đền Thiên Trường) khắc 3 chữ Hán “Chính Nam môn” xuất phát từ tư tưởng phong kiến xa xưa cho rằng phương Bắc ở phía trên, phương Nam ở phía dưới. Từ đó mới sinh ra ý tưởng: Đấng quân vương phải ngồi (hay đứng ở phía trên, tức phía Bắc) nhìn xuống dưới là phía Nam mới quan sát, thấu hiểu hết bàn dân thiên hạ, mới trị vì được đất nước. Những chứng cứ về cánh đồng Cửa Triều làm rõ thêm cái nghĩa địa danh: Nơi đây là cửa cung điện của vương triều Trần, chứ không phải là nơi lên xuống của nước thủy triều khi xưa vùng này còn gần biển, như một số người vẫn lầm tưởng.

Cánh đồng Cửa Triều được mở mang ra khoảng thời Lý,

sau đến thời Trần tiếp tục được khai hoang mở rộng thêm, đất đai màu mỡ, phì nhiêu và là một trong những nguồn cung cấp lương thực chính cho người dân địa phương và quan, lính của hoàng tộc, những người làm tạp dịch, thợ thủ công đang sinh sống, phục vụ ở hành cung này.

Bây giờ nơi đây vẫn còn là vùng nước lợ nên các loại động vật sống ở cả 3 môi trường: Nước ngọt, nước lợ và nước mặn đều có thể sinh sống được, do đó nguồn thực phẩm rất phong phú, đa dạng. Đặc biệt là đến mùa rươi, loại thủy sản này nổi lên dày đặc cả mặt nước, tạo ra nguồn thực phẩm dồi dào và nguồn cảm hứng bất tận để tâm hồn thi ca của một bậc đại trí thức bấy giờ thốt lên:

“Cả xứ mưa bay, rươi trắng nõn
Đôi bờ sương xuống quýt vàng hung”.

Những buổi chiều tà trên cánh đồng này, hơi nước dưới ruộng bay lên làm thôn xóm phía xa xa nhạt nhoà trong sương khói. Trẻ mục đồng và những tiếng sáo véo von đã lững thững trên lưng đàn trâu về nhà. Từng đàn cò trắng chưa muôn nghỉ ngơi vẫn đáp xuống cánh đồng cần mẫn kiếm ăn. Cảnh sắc gợi mở khiến tâm hồn thi ca của Thượng hoàng Trần Nhân Tông đã tức cảnh trong bài “Thiên Trường vãn vọng”:

Phiên âm:

Thôn Hậu thôn Tiền đạm tích yên
Bán vô bán hữu tịch dưỡng biên
Mục đồng dịch lý qui ngư tận
Bạch lộ song song phi hạ điền.

Dịch thơ:

Xóm trước thôn sau tựa khói lồng
Trời chiều dường có lại dường không
Mục đồng sáo vắng sao về hết
Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

Vương triều Trần sáng danh trong lịch sử dân tộc. Hơn 10 năm qua, Nhà nước và địa phương đã đầu tư tiền của, công sức trùng tu, tôn tạo khu di tích đền Trần với nhiều công trình, hạng mục xây dựng, trong đó có sử dụng nhiều đất đai. Khu cánh

đồng Cửa Triều đã san lấp để làm Quốc lộ 10, đường vào khu di tích đền Thiên Trường và một số hạng mục khác, phần còn lại vẫn chờ quy hoạch tiếp.

4- Cung Đệ Tứ

Cung Đệ Tứ thời Trần nay ở phía Bắc làng Đệ Tứ, phường Lộc Hạ, cách cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa khoảng 1,5 km theo đường chim bay về hướng Tây Nam.

Một bộ sử biên soạn thời Nguyễn là Đại Nam Nhất thống chí viết: “Chùa Đại Thánh Quán (tức chùa Đệ Tứ ngày nay) ở xã Đệ Tứ, huyện Mỹ Lộc là hành cung thứ tư (Đệ Tứ hành cung) do nhà Trần xây dựng. Sau dân sở tại dùng chữ Đệ Tứ làm tên xã (xã Đệ Tứ), lại dựng chùa ở đây”. Đoạn trích trên cho biết Đệ Tứ là một cung điện của hành cung Thiên Trường. Có cung điện Đệ Tứ rồi, sau mới có xã Đệ Tứ và chùa Đệ Tứ (tên chữ là Đại Thánh Quán như trên viết). Như vậy, đây là cung điện chứ không phải một đồn binh hay một quân doanh, một thành đồn. Đợt khảo cổ, kéo dài 3 tháng mùa xuân năm 1976 do Bảo tàng Lịch sử Việt Nam phối hợp với Ty Văn hoá Nam Hà tổ chức khai quật đã làm xuất hiện một sân lát gạch vuông, mỗi cạnh viên gạch 34 cm, màu đỏ tươi, có hoa văn hoa dây cách điệu. Tiếp phía Bắc sân lát gạch là một nền nhà hình vuông. Sau nền nhà này là sân giữa, lát gạch vuông nhỏ hơn gạch sân trước một ít. Tiếp đó là nền nhà hình chữ nhật rồi đến sân sau lát gạch vuông màu đỏ nhưng không có hoa văn như ở sân trước. Hai nền nhà này đều có cửa thông ở hai bên đốc. Các nhà khoa học đoán định rằng, những nhánh thông này có thể là nhà cầu nối cung điện này với các công trình phụ trợ. Ngoài ra khi khai quật những vùng xung quanh chùa Đệ Tứ còn phát hiện ngói mũi hài kép và đơn, đầu rồng, đầu phượng, hình lá đề có lưỡng long châu nguyệt bằng đất nung, mảnh bát, đĩa, bình men ngọc, men trắng, men lươn, có hoa văn đẹp. Dĩ nhiên, những hiện vật tìm thấy, phát lộ ra đều không còn nguyên vẹn. Các nhà khảo cổ đã khẳng định: Tất cả hiện vật bằng đất nung có niên đại thời Trần. Những sân lát gạch, nền nhà phát lộ ra là

dấu tích một cung điện. Đó chính là cung Đệ Tứ thời Trần. Đầu rồng, đầu phượng bằng đất nung màu vàng nhạt là để gắn vào một số nơi trên mái cung điện như đầu đốc và đầu đao, trụ, đầu chấn tường...

Lại có căn cứ giả định khác: Bộ sử lớn là Việt sử thông giám cương mục (viết tắt là Cương mục), 24 tập, do nhà Nguyễn biên soạn, tập 5, bản dịch, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, xuất bản năm 1958, trang 22, 23 chép: “Năm 1246, Nhà Trần tuyển trai tráng ở quê hương (thuộc lộ Thiên Trường và Long Hưng (nay thuộc tỉnh Thái Bình) xung vào các hiệu quân Thiên thuộc, Thiên cương... Đây là những đội quân cấm vệ, chuyên làm nhiệm vụ bảo vệ vua và hoàng cung. Mỗi hiệu quân lại chia ra bốn vệ”. Từ đó có học giả suy ra: Hiệu quân bảo vệ Thượng hoàng, Vua và Hoàng tộc Trần ở hành cung Thiên Trường là Thiên thuộc. Hiệu quân này chia làm 4 vệ, mỗi vệ đóng ở một nơi. Nơi đó bây giờ gọi là Đệ Nhất, Nhì, Tam và Tứ. Từ đó mà kết luận: Đệ Tứ và các “đệ” khác là nơi đội quân Thiên thuộc ở bảo vệ Hoàng gia.

Cương mục và Đại Nam nhất thống chí chép như trên không có gì là sai và mâu thuẫn với nhau. Chỉ có điều hiệu quân Thiên thuộc có 4 vệ, ở Thiên Trường lại có một sự trùng lặp là có “4 đệ” nên có sự suy ra dẫn đến kết luận như thế. Kết quả khảo cổ ở Đệ Tứ tìm thấy đầu rồng, đầu phượng bằng đất nung. Những hiện vật này chỉ dùng trang trí nơi Vua và Hoàng hậu ở. Chỗ đóng quân không được phép trang trí những thứ hoa văn này. Nếu trang trí đầu rồng, đầu phượng nơi quân lính ở sẽ phạm tội khi quân. Mặt khác, các cung này đều nằm ở phía Bắc, Đông Bắc cung điện Trùng Quang và Trùng Hoa. Về mặt quân sự cách bố trí binh lực bảo vệ Thiên Trường là hiệu quân Thiên thuộc. Các vệ của hiệu quân này được bố trí rải ra đều bốn phía chứ không phải chỉ dồn vào một phía như đã nêu trên. Song cũng có thể, ở nơi nào đó thuộc địa phận gần 4 cung này có một vệ của hiệu quân Thiên thuộc xây dựng doanh trại ở làm nhiệm vụ bảo vệ. Đến nay nơi trấn giữ của hiệu quân này

vẫn còn là một ẩn số.

Các cung Đệ Nhất, Nhì, Tam, Tứ là nơi ở cho Hoàng hậu, thứ phi, cung tần, mỹ nữ và một số hoàng thân quốc thích mỗi khi về Thiên Trường. Các cung này có nhiều khả năng xây khoảng vào những năm cuối thế kỷ XIII.

Vào thời gian làm cung Đệ Tứ và hàng chục công trình kiến trúc phụ trợ khác có lẽ vùng đất này chưa có dân ở. Những người ở đầu tiên, nhiều khả năng chỉ có người trong hoàng tộc và những người phục vụ, bảo vệ. Tuy nhiên số lượng cũng hàng trăm người chứ không phải ít. Phần lớn những người ở đây, như sách Đại Nam nhất thống chí và Cương mục dẫn trên, là con cháu họ Trần và người đồng hương trong hai phủ Thiên Trường và Long Hưng. Sau một thời gian, những người làm các nghề buôn bán, dịch vụ, thợ thủ công như làm nghề gốm, xây dựng, sửa chữa các cung điện quê ở nơi khác trong nước lần lượt về đây sinh cơ, lập nghiệp ngày càng nhiều.

Khi nhà Trần sụp đổ (năm 1400), dân cư lại giảm xuống rất nhiều do sự phân tán, li tán của hoàng tộc và các tầng lớp cư dân. Song, nơi này vẫn còn người trụ lại cày cấy sinh sống và phát triển dần thành làng Đệ Tứ rồi thành xã Đệ Tứ như sách Cương mục và Đại Nam nhất thống chí thời Nguyễn đã dẫn.

Cũng từ khi nhà Trần thất thế, cung Đệ Tứ cũng như các cung điện khác của hành cung Thiên Trường, do nhiều nguyên nhân đã bị phá huỷ hoàn toàn. Sau này, người dân nơi đây mới xây lên ngôi chùa có tên chữ là Đại Thánh Quán thờ Phật trên nền cung điện Đệ Tứ xưa.

5- Ấp An Lạc

Ấp An Lạc của An sinh vương Trần Liễu, nay thuộc thôn Bảo Lộc, xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định, cách cung Trùng Quang và Trùng Hoa về phía Nam khoảng 3 km. Sách Nam Định Địa dư chí của Ngô Giáp Đậu viết “xã Bảo Lộc, ven sông Châu, nguyên trước là đất cát bồi lên. An sinh vương Trần Liễu mộ dân khai khẩn lập ấp, gọi là An Lạc ấp”.

Đại Việt Sử ký toàn thư, tập I, trang 462, viết “Tháng 4, năm Tân Hợi, niên hiệu Nguyên Phong thứ nhất (1251), An Sinh vương Trần Liễu mất hưởng thọ 41 tuổi, gia phong làm Đại vương”⁽⁶¹⁾. Qua đó cho biết Trần Liễu (phụ thân Trần Quốc Tuấn), sinh năm 1211. Khi Trần Liễu mộ dân phiêu tán đến Bảo Lộc khai hoang, mở ấp An Lạc, cũng phải ở độ tuổi khoảng 20 hay 21 mới làm được. Từ đó suy ra, thời gian Trần Liễu chiêu nạp dân phiêu tán và đưa nông nô, nô tỳ của gia đình đến đây khai phá bãi bồi hoang hoá vào những năm 1231, 1232. Đến năm 1246 Trần Liễu mới được em trai mình là Vua Trần Thái Tông lấy đất các xã An (Yên) Phụ, An Dưỡng, An Sinh, An Hưng, An Bang... (nay thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và một phần nhỏ thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) cấp cho làm ấp thang mộc và phong làm An sinh vương ở đây. “An sinh” là địa danh một vùng đất được Vua Trần cấp làm đất thang mộc, trong đó bao hàm cả vùng đất An Lộc ở Bảo Lộc.

Bấy giờ nhà Trần rất quan tâm đến phát triển sản xuất nông nghiệp. Nhà nước khuyến khích các vương hầu, quý tộc chiêu dân khai hoang lập điền trang, thái ấp. Dù là tầng lớp quý tộc hay người dân bình thường khai khẩn đất hoang thành ruộng đồng đều được Nhà nước miễn thuế 1 thời gian dài. Theo Cương mục, “Tháng 3 năm Mậu Thân (1248), nhà vua hạ lệnh cho các lộ đắp đê Đình Nhĩ (đê sông Hồng) từ đầu nguồn đến bãi biển để ngăn nước sông lên to vào mùa mưa. Nhà vua còn đặt chức quan chánh, phó sứ hà đê để trông coi đôn đốc việc đắp đê. Việc đắp đê có từ đây”⁽⁶²⁾. Cũng như các trại ấp khác, gia nô trong ấp An Lạc đã bỏ rất nhiều công sức cùng nhân dân phủ Thiên Trường đắp nên con đê Đình Nhĩ chạy phía Đông Ấp, góp phần ngăn nước lũ tràn vào phá hoại mùa màng.

Các quý tộc Trần, trong đó có Trần Liễu cũng rất quan tâm đến sản xuất nông nghiệp. Với phương châm “Dĩ nông vi bản -

(61) *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập I, NXB Văn hoá - thông tin, Hà Nội, năm 2004, tr. 462.

(62) *Cương mục*. Tập V, Sđd, tr. 26.

lấy sản xuất nông nghiệp làm gốc” nên đã giải phóng gia nô thành nông dân để họ tự do khẩn hoang, mở ấp trong điền trang hay thái ấp của mình. Mức tô nông dân phải nộp cho Trần Liễu cũng như các chủ trang trại, thái ấp khác, thấp hơn nhiều so với mức thuế những người nông dân làm bên ngoài thái ấp nộp cho Nhà nước.

Có thể nhờ sự đồng tâm hiệp sức của cả vương gia và trong khoảng thời gian dài, phải mất đến vài chục năm, tổng số diện tích khai hoang được ở ấp An Lạc ngày một rộng thêm, màu mỡ hơn mà ngày nay còn biết được qua câu nói lưu truyền trong người dân vùng này:

“Điền dư thiên mẫu

Trì dư bách khoảnh.

(Ruộng đất hơn nghìn mẫu. Dư trăm chiếc ao đào).

Diện tích khẩn hoang có lẽ rộng hơn diện tích làng Bảo Lộc hiện tại. Chính những người nông nô này về sau trở thành những người nông dân lập nên làng Bảo Lộc ngày nay.

Sau khi nhà Trần sụp đổ, nhưng nhớ đến ân phúc từ nguồn lợi quý giá do Trần Liễu và Trần Hưng Đạo đưa lại quá nhiều và sẽ vẫn còn lâu dài nên người dân nơi đây mới đổi tên từ ấp An Lạc sang Bảo Lộc. “Bảo Lộc là nguồn lợi, lộc vô cùng quý giá của người trước để lại phải được bảo vệ, phát huy, để hưởng thụ lâu dài”.

Qua câu dân gian lưu truyền trên còn cho ta biết thêm, ngoài trồng lúa và hoa màu các loại, người nông nô trong ấp An Lạc còn phát triển chăn nuôi như trâu bò, lợn, gà, thả cá. Đoán rằng trước năm 1248 chưa đắp đê Đình Nhĩ và đê sông Châu, mỗi mùa nước lũ tràn về làm ngập bờ ao, nuôi thả cá đi hết, gây nhiều thiệt hại cho người dân. Nhưng từ khi những con đê đó được đắp và gia cố hàng năm, góp phần ngăn dòng nước lũ mùa mưa tràn về, việc trồng trọt, chăn nuôi đạt kết quả cao hơn.

Dinh thự của Trần Liễu ở đâu trong An Lạc ấp? Có giả thuyết cho rằng dinh thự của An sinh vương ở gần sông Châu,

nơi sau này xây đền Bảo Lộc để thờ Trần Hưng Đạo và cha mẹ cùng các con của Quốc công Tiết chế. Ngôi đền có 3 gian, khung gỗ lim, lợp ngói ta, dáng thấp và một số công trình phụ trợ khác, trên diện rộng chừng hơn hai mẫu Bắc Bộ. Cuối thế kỷ XIX, vùng này bị sạt lở, đền Bảo Lộc phải di dời đến một địa điểm mới ở phía Nam làng, cách nơi cũ khoảng 300 mét. Năm 1928 mới xây lại bề thế như ngày nay. Giả thiết cho rằng địa điểm xây đền Bảo Lộc cũ trên nền dinh thự của An sinh vương là có lý. Song cụm dinh thự này không phải chỉ có một điểm mà nó được xây dựng ở rải ra nhiều nơi trong vùng đất An Lạc. Tháng 4, năm 1979 khai quật ở địa điểm cách đền Bảo Lộc hơn 600 mét về phía Đông đã tìm thấy nhiều gạch ngói, đầu rồng, bệ tháp có niên đại thời Trần trị vì nước ta. Phát hiện này chứng tỏ đây là một cụm dinh thự của An sinh vương Trần Liễu. Ngoài nơi này, có thể dinh thự của Trần Liễu còn được xây dựng ở vài chỗ khác trên đất Bảo Lộc.

Một vấn đề ai cũng biết, đền thờ họ Trần xây dựng ở ngay phía Đông đền Thiên Trường là nơi ở cũ của thân phụ Trần Quốc Tuấn. Theo những tài liệu lưu ở xã Mỹ Phúc như cuốn Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Mỹ Phúc, xuất bản năm 2005, trang 28 cho biết: Khi Trần Hưng Đạo về An Lạc sống với bố mẹ khoảng 6 hay 7 tuổi, tương đương với các năm 1235, 1236⁽⁶³⁾. Như vậy, có thể vào những năm này gia đình Trần Liễu đã chuyển từ vùng đất xây nhà thờ họ Trần còn lưu lại đến ngày nay ở giáp phía Đông đền Thiên Trường làng Tức Mặc lên ấp An Lạc sinh sống. Điều này cũng hợp với chủ trương của vương triều Trần vào năm 1239, đã lần lượt xây dựng cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa và các công trình phụ trợ khác trên vùng đất gia đình Trần Liễu ở trước⁽⁶⁴⁾.

Cũng theo cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Mỹ Phúc dẫn trên cho biết, khi Trần Quốc Tuấn về ở với bố mẹ, được phụ, mẫu mời các thầy dạy văn, võ giỏi trong nước về dạy cho các con, trong

(63) *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Mỹ Phúc* (1930 - 2000), xuất bản năm 2005, tr. 28.

(64) Xem thêm phần viết về địa danh cung Trùng Quang và Trùng Hoa ở trên.

đó có Trần Quốc Tuấn. Vốn đã thông minh, lại được thầy dạy giỏi nên Quốc Tuấn tiếp thu rất nhanh, học đến đâu nhập tâm đến đó. Khi bước vào tuổi trưởng thành, Hưng Đạo đã rất tinh thông tam giáo (Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo) và võ thuật. Từ sự thật này nên trong đền Bảo Lộc mới dành riêng một nơi trang trọng thờ các thầy dạy văn, võ cho Trần Quốc Tuấn. An Lạc ấp thực sự là vùng đất hun đúc khí thiêng sông núi, đã góp phần rất quan trọng hình thành nên đức độ, tài năng kiệt xuất của vị Anh hùng dân tộc, vị tướng thiên tài của nhân loại ở thế kỷ XIII là Quốc công Tiết chế Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

Bấy giờ các điền trang thái ấp của quý tộc đều được tổ chức một đơn vị vũ trang gọi là gia binh. Lúc thường thì tăng gia sản xuất, khi có chiến sự nổ ra thì trở thành các đội quân cầm súng chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước. Vì vậy An Lạc ấp ở phía Bắc hành cung Thiên Trường không những là một đơn vị dân cư góp phần quan trọng sản xuất kinh tế làm lương thảo cho Hoàng cung mà còn là một tiền đồn bảo vệ phía Bắc hành cung Thiên Trường và phía Nam Kinh thành Thăng Long. Với vị trí đó, ấp An Lạc thực sự là một điểm nhấn quan trọng về mọi mặt của hành cung này.

6- Thôn Phương Bông và điệu múa Bài bông

Thôn Phương Bông ngày nay nằm phía Nam xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, diện tích khoảng 200 héc ta, dân số hơn 2.000 người, cách cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa thời Trần gần 2 km về phía Đông Bắc. Phương Bông cũng là một điểm đáng lưu ý của hành cung Thiên Trường.

Theo truyền thuyết và người dân ở đây cho biết, làng được thành lập khá sớm, sớm hơn cả thời gian ra đời của Khang Thôn (thuộc làng Tứ Mặc, phường Lộc Vượng). Lúc sinh thời, Thượng tướng Thái sư Chiêu minh Đại vương Trần Quang Khải thường về đây vui chơi, ngắm cảnh bao la của cửa

Tuần Vương và thăm hỏi người dân trong thôn xóm nên có nhiều gắn bó với vùng đất này. Người dân Phương Bông cũng rất yêu quý, kính trọng Thượng tướng, một người mưu lược tài ba đã có nhiều công lao trong 3 lần chống quân Nguyên - Mông xâm lược nước ta ở thế kỷ XIII, góp phần quan trọng làm nên những chiến công lừng lẫy trong lịch sử chống xâm lược của dân tộc.

Tương truyền, sau khi chiến thắng quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ hai, năm 1285, quá lừng lẫy, Trần Quang Khải đã cao hứng sáng tác ra điệu múa Bài bông để mừng ngày đại thắng của quân và dân Đại Việt. Thái sư đã về Phương Bông dạy tầng lớp trẻ múa điệu múa này để múa hát mừng ngày đại thắng.

Múa Bài bông là điệu múa tập thể. Ít nhất phải có 8 thanh nữ xinh đẹp, đều nhau, mặc đồng phục cùng múa. Còn nhiều thì có thể 16, 32 hay 64 người đều múa được. Từ đó cứ đến ngày kỷ niệm lớn, ngày lễ hội, tết nhất của quê hương, đất nước người dân Phương Bông lại tổ chức múa Bài bông để chúc mừng những ngày trọng đại này.

Khi Thái sư Trần Quang Khải mất, người dân Phương Bông đưa bài vị của ông vào cùng thờ với các vị thần đã được thờ từ trước trong đình làng. Ngoài ra, hằng năm cứ đến ngày 3, tháng 7, ngày kỵ của Thái sư, người dân địa phương thường diễn lại điệu múa Bài bông để tưởng nhớ công lao và tình cảm của vị Thượng tướng đa tài này đối với Phương Bông và đất nước.

“Phương Bông”, nếu duy danh định nghĩa thì “Phương” nghĩa là thơm tho, “Bông” nghĩa là điệu múa Bài bông. Chính địa danh Phương Bông được sử sách ghi chép, người đời biết đến, lưu lại tiếng thơm là nhờ điệu múa này. Có lẽ cũng vì thế, tiền nhân nơi đây mới đặt tên cho quê hương mình là Phương Bông chăng?

Phương Bông có lẽ là nơi duy nhất được gieo mầm và duy trì điệu múa này ở hành cung Thiên Trường, nhưng rồi bị thất

truyền. Đến ngày nay, nơi đây chẳng còn ai biết đến điệu múa này như thế nào nữa. Khi hỏi các bậc cao niên trong làng, các cụ đều nói: “Chúng tôi biết xưa ở đây có điệu múa Bài bông, nhiều người múa rất hay, thường được mời đến múa trong các cung điện ở hành cung Thiên Trường để phục vụ hoàng triều vào những ngày tết nhất, lễ hội hay những ngày lễ đại sự của vương triều. Nhiều khi còn được mời ra cả Thăng Long biểu diễn. Thế mà bây giờ ở đây không còn ai biết điệu múa này nó như thế nào nữa! kẻ cũng buồn thật!”.

Năm 2008, nhân sự kiện kỷ niệm 700 năm mất của Phật hoàng Trần Nhân Tông (1308 - 2008) và 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (1010 - 2010), Quảng Ninh, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), Thái Bình và Thừa Thiên Huế... nhiều nghệ nhân cao tuổi ở các địa phương này vẫn còn nhớ điệu múa Bài bông đã được chính quyền địa phương ở các nơi đó mời ra dạy cho thế hệ trẻ để phục vụ Đại lễ kỷ niệm. Nhiều nơi đã ghi hình trong đĩa và được phát trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Truyền hình Việt Nam, đài truyền hình ở các địa phương nêu trên, được khán giả khắp nơi náo nức đón nhận⁽⁶⁵⁾.

Nam Định là quê hương nhà Trần và điệu múa do chính một danh nhân Nhà Trần sáng tác ra, lại có một địa danh ghi dấu điệu múa này, có lẽ việc khôi phục điệu múa này có ý nghĩa biết chừng nào!

7- Văn Hưng

Văn Hưng là một thôn thuộc xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, cách cung Trùng Quang và Trùng Hoa xưa 3 km về phía Nam.

Sách Đại Việt Sử ký toàn thư, trang 497 viết: “Năm Tân Ty (1281), đời Vua Trần Anh Tông, xuống chiếu cho lập nhà học

(65) - Theo *Báo Thời nay* (một phụ san của Báo Nhân Dân), ra ngày 26-12-2011, tr. 13 và một số báo khác, cho biết ở xã Phong Bình, huyện Phong Điền, múa Bài bông từ xưa đến nay vẫn được người dân ở đây biểu diễn trong các dịp hội hè, lễ tết.

ở phủ Thiên Trường, cảm người hương Thiên thuộc không được học văn nghệ, vì sợ khí lực kém đi”⁽⁶⁶⁾. Nơi lập nhà học (coi như trường quốc học ngày nay) sách Đại Việt Sử ký toàn thư đề cập tới, nay thuộc làng Văn Hưng. Có lẽ, đây là trường quốc học đầu tiên của nước ta ở địa phương. Nếu đúng như vậy thì ngôi trường này là một đặc ân vương triều Trần ban cho thần dân vùng đất phủ Thiên Trường. Các đối tượng được vào học không phân biệt con nhà sang hay hèn, miễn học được là đều được vào học. Chỉ trừ một đối tượng đang là lính trong hiệu Thiên thuộc là không được vào học với lý do nghiệt ngã mà Đại Việt Sử ký toàn thư đã ghi lại.

Trước năm 1281, học sinh ở trong phủ Thiên Trường cũng như ở nhiều nơi khác do tăng ni và một số người thi không đỗ đạt ở nhà mở lớp trong các chùa chiền hay ngay tại nhà mình để dạy học. Ngoài hình thức này ra, bấy giờ nhiều gia đình khá giả đã mời thầy về nhà mình dạy con em và những người thân trong họ hàng, xóm giềng gần gũi cùng học. Chương trình dạy theo nội dung tam giáo nhưng thiên về Phật giáo, cũng không thống nhất, mỗi thầy, mỗi nơi dạy một kiểu, tùy theo trình độ học thức của mỗi bậc thầy. Đây là hình thức giáo dục do dân làm. Dân hay sư, tăng ni tự đứng ra làm thầy, tự đứng ra tổ chức lớp rồi tự lo liệu mọi thứ để dạy con em học.

Từ khi thành lập nhà học Văn Hưng, vùng phủ Thiên Trường đã hình thành một ngành học mới. Đó là ngành giáo dục, đào tạo quốc lập. Từ đó đến nay, vùng Thiên Trường xưa,

- Theo Bản tin thời sự 19 giờ, ngày 2-6-2009, ở xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, từ thời Trần, người dân ở đây đã biết múa Bài bông và được lưu truyền cho tới ngày nay.

- Theo Bản tin thời sự VTV1, 23 giờ, ngày 21-11-2008: Ở Hà Nội có một số địa phương vẫn giữ gìn được điệu múa này. Tiêu biểu là nhóm Ca trù Tràng An đã tổ chức biểu diễn điệu múa này nhiều lần ở nhiều nơi trong dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

- Theo Bản tin thời sự VTV1, 23 giờ, ngày 21-11-2008: Ở Yên Tử - Quảng Ninh múa Bài bông được bảo lưu từ thời Trần. Trong dịp kỷ niệm 700 năm Phật hoàng Trần Nhân Tông mất và kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội được tổ chức biểu diễn để chào mừng những ngày đại lễ đó.

(66) *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 497.

Nam Định nay luôn tồn tại hai hình thức giáo dục này.

Từ đầu thế kỷ XIII về sau, nội dung học hành, thi cử đã dần chuyển từ Phật học sang học Nho học. Sách Đại Việt Sử ký toàn thư chép, khoa thi năm niên hiệu Hưng Long thứ 12 (1304), đời Vua Trần Anh Tông, nội dung gồm có: Thiên y (cách làm thuốc, chữa bệnh), Thiên tử (vai trò của các con nhà trời tức người làm vua), Kinh nghi (về những điều nghi vấn trong kinh sách của Nho giáo), thơ, phú, chế, chiếu, biểu (những văn bản của triều đình)... Qua tóm tắt nội dung thì năm 1304 trên cho thấy, nội dung là nho, y, lý, số, chứ không thấy nội dung kinh sách của Phật giáo. Đến đời vua Trần Duệ Tông, niên hiệu Long Khánh thứ 2 (1373) mới bắt đầu cho tổ chức thi đình. Danh từ thi đình có từ đây.

Hiện nay trong đình làng Văn Hưng thờ một vị thần, hiệu là Quang Hiến Đại vương. Người dân trong vùng cho biết Quang Hiến là một vị quan văn thời Trần. Từ đó nhiều người cho rằng, có thể Quang Hiến là vị quan đầu tiên quản lý (như hiệu trưởng ngày nay) ngôi trường quốc học ở Văn Hưng. Do có nhiều công lao to lớn với trường, với sự nghiệp giáo dục, đào tạo con em trong phủ Thiên Trường nên khi mất, ông được người dân Văn Hưng lập bài vị trong đình để thờ.

Ngoài nội dung dạy trên, ở Văn Hưng còn dạy cả văn nghệ như Đại Việt Sử ký toàn thư đã viết. Nơi đây còn tổ chức tấu nhạc, múa hát, xướng họa thơ văn, phục vụ Hoàng tộc ở hành cung. Sự thể sinh động đã diễn ra ở đây trên 700 năm trước, nay còn lưu truyền trong dân gian:

“Ba năm vua mở khoa thi
Đệ Nhất thi hát, Đệ Nhì thi bơi
Đệ Tam thi đánh cờ người
Văn Hưng múa hát, dậy trời ngày đêm!”

Nhiều người ở đây cho rằng, trước năm 1281, Văn Hưng là vùng đất trống rộng hàng chục héc ta, không ít nơi vẫn còn hoang hoá. Từ năm 1280 trở về sau, vùng đất này được xây thành nhà học, nhà xướng họa thơ văn, nơi biểu diễn văn nghệ

trong kỳ mở hội, khách thập phương đến trẩy hội, xem múa hát, xướng họa thơ văn. Địa danh thôn Văn Hưng hình thành và lan toả. “Văn” nghĩa là văn hoá, bao gồm cả yếu tố vật chất và tinh thần. Còn “Hưng” nghĩa là phát triển, hưng thịnh. “Văn Hưng” nghĩa là cuộc sống mọi mặt ở nơi đây luôn hưng thịnh.

Ngày nay, tất cả những công trình kiến trúc thời Trần trên vùng đất này không còn. Duy chỉ còn tên thôn Văn Hưng với những câu ca dao, chuyện truyền thuyết và đôi dòng chính sử ghi lại để hậu thế hiểu thêm về hành cung Thiên Trường xưa.

8- Cung Lan Hoa

Địa danh cung Lan Hoa thời Trần ở phía Bắc làng Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định ngày nay, cách cung Trùng Quang khoảng gần 2 km về phía Tây.

Căn cứ vào cuốn thần phả bằng chữ Hán, biên soạn vào niên hiệu Vua Thành Thái thứ nhất (1889) còn lưu ở đền Lan Hoa thuộc làng Phù Nghĩa cho biết:

Tháng 10, năm 1255, Vua Trần Thái Tông cho xây cung Lan Hoa ở làng Phù Nghĩa ngày nay. Trong và sau khi xây xong cung Lan Hoa, nhà vua đã giao cho người thiếp yêu quý là Nguyên phi Lê Trinh ở đây cai quản, sinh sống. Bằng tài năng và đức độ của mình, Lê Trinh Nguyên phi đã khuyến khích người dân khai hoang mở rộng thêm đất đai, làm máng, khơi mương, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, trồng lúa, rau màu và đặc biệt là trồng hoa các loại, cung cấp cho cung điện ở phủ Thiên Trường và các chùa, đền, miếu, phủ trong vùng, đôi khi còn cho cả Kinh thành Thăng Long.

Ngoài chăm lo đời sống vật chất cho người dân, Nguyên phi Lê Trinh còn xây chùa Phổ Quang (chùa Phù Nghĩa) để phật tử có nơi tụng kinh, niệm Phật, rồi bắc cầu, xây công, làm đường, mở chợ Phù Hoa để người dân trong vùng đi lại, buôn bán, trao đổi những vật phẩm do mình làm ra. Bằng tất cả những việc làm đó, Nguyên phi Lê Trinh đã biến vùng đất gần như còn hoang sơ, thưa thớt người ở thành xóm thôn trù phú,

giàu đẹp, góp phần điểm tô cho hành cung Thiên Trường thêm rực rỡ, văn minh. Nguyên phi sinh sống ở đây được 35 năm (1255 - 1290) thì tạ thế. Để ghi nhớ công lao của Nguyên phi, người dân trong làng Phù Hoa đã xây đền thờ bà trên vùng đất cung Lan Hoa và suy tôn bà làm Thành hoàng của làng. Ngôi đền này gọi là đền Lan Hoa.

Lệ Trinh Nguyên phi, tên thật là Lê Thị Tuyết, sinh ngày 5-5-1219, tại thôn Mai Thanh, xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày nay, hưởng thọ 72 tuổi.

Qua Thần tích có thể biết được đại thể về địa danh này. Còn qua khảo sát thực địa, cùng với các nguồn tài liệu khác cho thấy:

Năm 1964, dân quân và bộ đội phòng không đào đất đắp ụ pháo cao xạ ở vùng cung Lan Hoa và dinh Ông Hoàng (hai địa danh này ở gần nhau) còn thấy đầu rồng, đầu phượng bằng đất nung, ngói, gốm men ngọc, men lươn, men trắng, móng tường của những cung điện còn lại, có niên đại thế kỷ XIII, XIV.

Những đầu rồng để trang trí dinh Ông Hoàng, là nơi Thượng hoàng ở khi về thăm Nguyên phi. Còn đầu phượng trang trí cung Lan Hoa nơi ở của Nguyên phi Lệ Trinh. Cung Lan Hoa và dinh Ông Hoàng là hai công trình kiến trúc chính ở đây. Ngoài ra còn nhiều công trình kiến trúc phụ trợ khác. Theo người dân ở đây cho biết, vùng đất còn những mảnh gốm, gạch có niên đại trên rải ra khá rộng, khoảng hơn 2 héc ta. Như vậy cụm kiến trúc cung điện ở Phù Nghĩa có thể nằm trên diện tích rộng 2 - 3 héc ta.

Theo cuốn Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Lộc Hạ, xuất bản năm 2004, trang 21 cho biết: Tổng diện tích đất của xã đến năm 2004 là 783 mẫu, trong đó làng Đệ Tứ 400, làng Đông Mạc 120, còn làng Phù Nghĩa chỉ có 74 mẫu, số còn lại thuộc xóm Liên Hà 1 và 2. Trang 22, cuốn sách này lý giải, làng Phù Nghĩa lúc đầu cũng nhiều ruộng đất như làng Đệ Tứ, nhưng sau chuyển sang chuyên trồng hoa, cây cảnh phục vụ hành cung Thiên Trường, thấy không cần nhiều đất nên có thể cứ để

các làng xã xung quanh sang lần chiếm dần.

Địa danh làng Phù Hoa có từ nửa sau thế kỷ XIII. Có lẽ vùng này có cung Lan Hoa, lại chuyên trồng hoa, cây cảnh nên mới đặt tên là Phù Hoa? Năm 1832, để tránh phạm húy Hoàng tộc vương triều Nguyễn, làng Phù Hoa đổi thành Phù Nghĩa. Tuy tên làng thay đổi, nhưng tên cung Lan Hoa, đền Lan Hoa vẫn được lưu truyền cho đến ngày nay.

9- Làng cổ Vị Hoàng

Làng Vị Hoàng khi xưa thuộc đất Dương Xá⁽⁶⁷⁾.

Trước thời Lý đất Dương Xá đã phân ra thành nhiều ấp “trại” mà thời xưa tiếng Việt cổ gọi các địa điểm dân cư là “kê”, ở vùng này xuất hiện địa danh “Kê Lệnh” Hán tự viết thành “Cổ Lộng” (địa danh khắc trên chuông chùa Phù Long).

Thời Lý có một người Hán là Dương Thị Mỹ, vợ thứ của Tướng Đoàn Thượng đến đất Dương Xá này sinh sống, dựng chùa và truyền nghề dệt và nhiều nghề khác cho dân. Dân làng nhớ ơn bà đã lập phủ thờ bà gọi là phủ Khoái Đồng - ngôi phủ này trước kia ở bờ sông Vị chỗ Trường Sanh-to-ma (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến), khi ngôi phủ có nguy cơ bị lở xuống sông, đã chuyển phủ về chỗ hiện nay (ngã 3 Nguyễn Du Hùng Vương).

Một người Hán chạy giặc phương Bắc đến đây làm ăn buôn bán đã có bài thơ “Tha hương tức sự(*)”:

Phiên âm:

THA HƯƠNG TỨC SỰ
Từ biên thủy bích tiếp thiên thanh
Giang thị ngư thôn nhiều thổ thành
Khang Kiện, Qua Châu Nam Bắc cận
Vĩnh Ninh, Bình Giã trại khu trình
Thiên niên Dương Xá phồn hoa cảnh

(67) Lê Tắc, *An Nam chí lược*, NXB Thuận Hoá, Huế. 2002, tr. 57 (Dương Xá còn gọi là Tư Nông châu, một trong 16 châu huyện).

Nhất thể trần gia đại mộc kinh
Thương mai chí kim nan đắc trụ
Tha hương hà dị cố hương sinh

Tạm dịch:

VỀ SỰ XA QUÊ

Bốn bề nước biếc với trời xanh
Bến chợ xóm chài vây thổ thành
Khang Kiện, Qua Châu Nam, Bắc cận
Vĩnh Ninh, Bình Giã trại vòng quanh
Ngàn năm Dương Xá phồn hoa cảnh
Một nếp Trần gia rạng rỡ danh
Buôn bán giờ đây rầy khó quá
Tha hương tất khổ ấy cũng đành.

Theo dân gian kể rằng: Khi người họ nhà Trần đến vùng Dương Xá đã dựng nhà cửa ở Khang Kiện (Tức Mặc) có tài liệu ghi Tráng Kiện, giáp giới các địa danh Vĩnh Ninh (sau là Vĩnh Bình, nay là Vĩnh Trường), còn Bình Giã là khu vực phía Nam sông Đào ngày nay.

Trên đất Dương Xá đã hình thành làng Lệnh và làng Trùm, sau thành làng Vị Hoàng và Phù Long. Thời Lê lập tổng, xã Vị Hoàng thuộc tổng Đông Triều.

Làng Vị Hoàng (làng Lệnh) khi dân đông ra mở trại, xóm sau phát triển thành 3 thôn: Phía trên là thôn Hậu Đồng giáp với xóm Cồn Vịt, Vườn Dâu, Góc Mít của làng Phù Long (làng Trùm). Tiếp đến thôn Thi Thượng, xuống phía Nam là thôn Thi Hạ, qua làng Năng Tĩnh (xưa Năng Tĩnh là Năng Lự cũng là ấp trại thuộc đất Dương Xá) rồi đến thôn Lộng Đồng. Còn bên phía Đông dòng sông Vị là thôn Khoái Đồng. Tích xưa kể rằng: Có Công chúa nhà Trần nuôi con công bị xổng lồng. Dân làng Vị Hoàng bắt được dâng trả lại, công chúa rất mừng và cảm ơn, lại ban thưởng đất cho dân, làng bằng cách, thả 1 cái lồng công bay theo gió. Lông chim công rơi xuống thôn Lộng Đồng. Thế là đất thôn này thuộc về làng Vị từ dạo ấy.

Thôn Thi Thượng có mấy xóm, nổi tiếng đẹp và giàu có là

xóm Thạch Kiều, xóm này ngăn cách với làng Đông Mạc bởi một con ngòi với 5 chiếc cầu đá bắc qua để vào xóm. Xóm có rừng trúc, có chùa Cả (Thánh ân tự). Bài minh trên chuông chùa, đúc năm Cảnh Lịch thứ 6 (1553) đời Mạc Phúc Nguyên cho biết chùa này trước ở Bến Ngự (thôn Thi Hạ) là nơi tu hành của một số hoàng phi, công chúa nhà Trần. Thời Mạc Đăng Chính nước sông lên to, ngôi chùa bị đe dọa lở xuống sông, vì thế người họ Trần làng Vị Hoàng góp sức, chuyển chùa về rừng trúc ở xóm Thạch Kiều. Còn chùa Cuối là ngôi chùa nhỏ. Tục truyền rằng thường niên cứ đến cuối năm những người giết mổ loài súc vật 4 chân hội tụ lại đây làm lễ cầu siêu mong trời, Phật xá tội.

Đình làng Vị Hoàng cũng được dựng tại xóm Thạch Kiều, đình có chuông đồng, khánh đá. Trước đình có hồ bán nguyệt thả sen. Công trình biết kết hợp làm tăng thêm vẻ đẹp cổ kính và thơ mộng của Thạch Kiều. Đình làng là nơi hội họp, tổ chức lễ hội của 4 giáp là: Nhất Bắc, Nhì Bắc, Nhất Nam, Nhì Nam trong làng. Hàng năm tại nơi đây có thi khoá sinh chọn người đi dự thi Hương của trường Nam.

Bài thơ Vị Thành dạ vãn của Tiến sĩ Phạm Như Giao người La Xuyên, Giao Thủy đỗ khoa Giáp Tuất niên hiệu Sùng Khang 9 (1574) cho thấy Kho Lương Vị Hoàng đã có từ hơn năm trăm năm về trước (khoảng vào thời Lý).

Phiên âm:

VỊ THÀNH DẠ VẢN

Vị hữu đài phong cửu thập gian
Lịch triều tụ tức tại Sơn Nam
Niên dư ngũ bách vô tăng cái
Địa trấn tam kỳ thể diệc khoan
Thượng cổ tông lai tồn thị tứ
Nhĩ hà trụ tức bạc thuyền lan.
Cứ cư thường sử phương quan yếm
Thủ sự ư kim mạc đạo nhân.

Tạm dịch:

HỎI CHUYỆN NHÂN NGHĨ ĐÊM Ở VỊ THÀNH

Bờ hữu rêu phong chín chục gian

Các triều trử thóc của Sơn Nam

Năm trăm năm lẻ chưa từng đổi

Ba ngã sông chia thể đất khoan

Buôn bán lại qua thành thị tứ

Xa gần đò dọc với đò ngang

Trú lâu lại khiến phương quan ghét

Việc ấy nay suy thật chẳng nhàm.

Như vậy Kho lương ở bên bờ sông Vị đã có từ thời Lý, còn quân doanh Vị Hoàng thì muộn nhất cũng là vào thời Lê. Thời Nguyễn kỵ huy đổi tổng Đông Triền thành Đông Mặc. Đến năm 1865 Trần Bích San thi trúng Tam nguyên được vào châu. Vua Tự Đức hỏi quê, biết tên làng của Tam nguyên là Vị Hoàng, Vua bắt đổi Vị Hoàng thành Vị Xuyên (do phạm húy chúa Nguyễn Hoàng).

Khi lập thành phố Nam Định (1921) thì một phần thôn Thi Thượng đã là dãy phố bên dòng sông Vị. Đầu là phố Hàng Cót (nay là đường Vị Xuyên) qua chợ Vị Hoàng (nay trụ sở Sở Giáo dục - Đào tạo) đến phố Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm, Hàng Song thuộc đất thôn Thi Thượng. Phía Nam là thôn Thi Hạ. Khi người Hoa tới đây buôn bán đã lập ra làng Minh Hương (nay là phố Hàng Sắt). Thi Hạ có ngôi từ đường thờ Trần Doãn Đạt (đỗ phó bảng khoa Nhâm Tuất 1852) là thân phụ của Tam nguyên Trần Bích San. Đất thôn Thi Hạ sang tới Phố Khách, Hàng Dầu.

Sang thế kỷ XX, giáo hội Thiên chúa mua đất thôn Khoái Đồng xây nhà thờ Khoái Đồng, mua đất phủ Khoái Đồng xây Trường học Sanh-to-ma, xây chủng viện Lý Đoán. Đất Khoái Đồng có ngôi đình gọi là đình Ông nằm bên hồ nước rộng, nay hồ đã bị san lấp xây nhà cửa vây quanh.

Vị Hoàng có 4 dòng họ lớn là Trần, Vũ, Nguyễn, Phạm có truyền thống hiếu học. Họ Trần và họ Vũ có nhiều người thành đạt đỗ học vị cao làm quan trong triều. Thời Lê Trung Hưng có

Trần Mại (huý là Lộ, Thuy là Doãn Phác) đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu Bảo Thái 2 (1721) làm quan Công bộ Hữu thị lang. Thời Nguyễn có Vũ Công Độ đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn Minh Mạng 13 (1832) làm quan Thái bộc tự Khanh, Bộ chính Thái Nguyên là thân sinh của nhà thơ Vũ Công Tự. Trần Doãn Đạt đỗ phó bảng khoa Nhâm Tuất Tự Đức 15 (1862) làm quan Án sát Hưng Hoá sinh ra Tam nguyên Trần Bích San đỗ Đệ tam giáp khoa Ất Sửu Tự Đức 18 (1965) được Vua Tự Đức đổi tên thành Trần Hy Tăng và ban cờ biển “Liên trúng Tam nguyên” với lời khen:

Nhất cử đặng khoa thiên hạ hữu
Tam nguyên liên trúng quốc triều vô.

Nhiều người ở Vị Hoàng (Vị Xuyên) nổi tiếng văn thơ như Trần Tế Xương, Vũ Công Tự, Trần Tích Phiên (Hai Ứng), Phạm Ứng Thuần (Cả Thuần). Thư pháp có cụ đồ Thơm, cụ Hồng Sơn. Âm nhạc có Vũ Công Tôn, hãng Vich-tô (Victor) đã xin ghi đĩa phát hành, con cụ Công Tôn là Vũ Tiến Lễ sinh ra họa sĩ Vũ Tiến Đa (Nguyệt Hồ). Người đánh trống giỏi nhất làng là cụ Trần Khắc Tính được ban Thất phẩm quân nhạc.

Trên đất làng Vị Xuyên xưa còn có Trường tư thục Tương Lai (L. Avenir) có người học trò giỏi Phan Đình Khải (Lê Đức Thọ). Trên đất khu công viên Vị Xuyên nay còn có nhiều cơ sở văn hoá, giáo dục như Nhà hát 3-2, Tượng đài Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, Khách sạn Vị Hoàng, Thư viện tỉnh, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Phổ thông cơ sở Trần Đăng Ninh, Tiểu học Phạm Hồng Thái, Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi. Vị Hoàng địa danh tự hào huyền tích.

10- Sông Vị khi xưa

Sông Vị ở đây là sông Vị Hoàng của Nam Định. Nói tới Nam Định là người ta thường nhắc tới “Non Côi - sông Vị”. Trong thành ngữ “Non Côi - sông Vị” ai cũng hiểu Non Côi là

núi Gôi (ở huyện Vụ Bản - xưa là Thiên Bản). còn sông Vị là con sông chảy qua làng Vị Hoàng nên có tên là sông Vị.

Dòng Vị Hoàng chảy bên phía Đông Thành Nam. Sông Vị là một nhánh được đào mới từ thời Trần, nối kênh Phù Long với sông Vĩnh Giang bắt nguồn từ sông Châu Giang để rút ngắn dòng chảy vòng về đổ vào sông An Tiêm. Thời xa xưa dòng sông chảy qua một vùng gọi là Dương Xá (Tư Nông châu)⁽⁶⁸⁾. Từ đất Dương Xá đã hình thành nhiều làng.

Một con ngòi chảy từ chùa Cuối (khu Nhà Thi đấu Trần Quốc Toản - phía Nam sân vận động Thiên Trường hiện nay) đổ vào sông Vị làm ranh giới giữa làng Đông Mặc với làng Vị Hoàng. Dòng sông Vị chảy qua đã chia làng Vị Hoàng thành hai phía, ở trên là thôn Hậu Đồng rồi đến thôn Thi Thượng. Phía Đông (tả ngạn dòng sông Vị) là thôn Khoái Đồng. Thời ấy dân Khoái Đồng muốn sang Thi Thượng, Thi Hạ phải qua bến đò Bích Câu (chỗ Thư viện tỉnh sang gốc đà Hàng Sắt dưới) hay đò Bến Ngự trên sông Vị. Sau khi chiếm Nam Định, quân Pháp bạt Thành (1893 - 1894) làm đường, dựng phố, cho lấp sông Vị, đoạn phía sau phố Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm bị lấp vào năm 1913, dân buôn bè luồng, tre, nứa chuyển ra phố Nam Xuyên nên gọi phố ấy là phố Giá Nứa (phố Nguyễn Trãi). Đến năm 1917 thì đoạn sông từ Bến Ngự đến gốc đà Hàng Sắt bị lấp, lập ra Kho hàng Hòn Gai, một đoạn để người Hoa lập Trường học Hoa Kiều, nay là Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi. Đoạn giáp với phố Cửa Đông thì xây Trường Thành Chung với ngôi mộ giả của Caro. Ba năm sau (1920) lấp hết đoạn sông còn lại lên tới bờ hồ Vị Xuyên hiện nay (đường Nguyễn Du đoạn từ Thư viện tỉnh đến đường Mạc Thị Bưởi). Sông Vị Hoàng không còn từ đấy.

Thi sĩ của “Non Côi - sông Vị” - Tú Xương, nhà ở phố Hàng Nâu đã gọi dòng sông Vị là sông Lấp và có thơ rằng:

Sông kia rày đã lên đồng

(68) Lê Tắc, *An Nam chí lược*. Huế. NXB Thuận Hoá. 2002, tr. 57.

Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò
Trong bài **Vị Hoàng hoài cổ** nhà thơ viết:
Nô nức qua chơi thú Vị Hoàng
Này nơi phong vận, đất nhiều quan
Trời kia khiến vậy sông nên bãi
Ai khéo xoay ra phố nửa làng...

Thế là sông Vị không còn nữa, nhưng vẫn sống động trong thơ văn của người Thành Nam. Thập niên 60 của thế kỷ XX bên dòng sông Lấp (Vị Hoàng) ấy đã xây ngôi trường Lê Hồng Phong.

11- Làng Phù Long xưa

Chuông chùa Phù Long, các văn bia, văn tự xưa còn ghi “Cổ Lộng thôn, Vị Hoàng xã, Đông Mạc tổng, Mỹ Lộc huyện, Nam Định tỉnh” cho thấy có thể Phù Long xưa thuộc làng - xã Vị Hoàng. Cổ Lộng là tên cũ của làng, còn Phù Long là tiếng quen gọi của dân làng sau này. Làng Vị Hoàng khi phát triển rộng quá, dân đông (trên 100 đình, nam giới) thì tách ra thành làng - lũy tre xanh, nhận chữ “trùm”⁽⁶⁹⁾ nên ở phía trên là làng Phù Long (làng Vị Hoàng nhận chữ “Lệnh” nên ở phía dưới), nghĩa là có sự chung sức của hai làng.

Việt sử lược ghi “Năm Ất Tỵ (1065) mùa xuân tháng 2, ngày Bính Ngọ, Vua Lý Thánh Tông ra hành cung Bồ Hải cấy lúa tịch điền và xem đánh cá ở làng đầm Phù Long, thấy rồng (có thể là dòng phù sa sông Nhị tụ lại thành bãi cát nổi vào mùa cạn, nhà vua coi nó như một con rồng nổi). Thế là cho biết vùng đất ở đây đã có dân ở từ trước đó và tên gọi làng Phù Long (rồng nổi) từ thuở ấy. Nhưng đến sau này dân ta người thì gọi là Phù Long, người lại gọi là Phù Long, mà thực ra chỉ là một làng Cổ Lộng xưa mà thôi. Sau này làng Phù Long có lệ

(69) Vũ Ngọc Lý, *Thành Nam xưa*. Sđd, tr. 63.

cây tịch điền, và phải chăng do là vùng đất được hình thành sớm, lại ở thế cao nên sang đời Trần, quân doanh đã được Vua Trần Thánh Tông cho chuyển về đây.

Trước năm 1832, khi Minh Mệnh chưa cho khai rộng kênh Phù Long (thành sông Đào) thì làng Phù Long có các xóm nhỏ như Cồn Dâu, Cồn Vịt và đất làng còn sang đến Vị Khê, Vạn Diệp (nay thuộc xã Nam Phong). Khi có con sông Đào, phía bên kia gọi là Phù Long tả hà, phía bên này gọi là Phù Long hữu hà. Xóm Hưng Long ở ven sông gọi là Vạn Hà. Về sau dân đông, người làng lại ra phía Tây lập ra xóm Cây Bàng, xóm Gốc Mít.

Làng Phù Long có 8 giáp gồm: Đông, Đoài, Bắc, Nhất, Nhì, Ba, Tư, Năm nhưng dân ở tập trung vào các xóm, hoặc khu.

- Khu Vườn Dâu, Cồn Chuối: Xưa người dân trồng dâu nuôi tằm dệt lụa (nái) và trồng chuối lấy quả. Khi quân Pháp chiếm Thành Nam, nhận ra lợi thế này, chúng đã thuê người đến trồng hai loại cây này để thu lợi. Rồi cũng tại khu đất này đã được dựng lên một trường học, gọi là Trường Kiêm bị Vườn Dâu với 3 lớp học, tương đương tiểu học (hai lớp nhì, một lớp nhất), nay là Trường Tiểu học Trần Tế Xương.

- Khu Cồn Vịt, xưa là vùng đất cao bỏ hoang, nằm phía Bắc đường đi Thái Bình, có con đê chạy vắt qua (gọi là “Đê leo”) chạy dài qua một cái dốc ra tới Quán Chuột.

Phía Nam khu đất này có chùa Phù Long (tên chữ là Duyên Phúc tự) xây dựng từ xưa. Năm Gia Long thứ 16 (1817), chùa đúc quả chuông lớn và xây dựng một gác chuông đẹp. Đến năm Minh Mệnh thứ 3 chùa lại được tôn tạo, có thêm 2 pho tượng hộ pháp rất đẹp, tôn thêm cảnh uy nghiêm và đổi tên chùa là “Duyên Khánh tự”. Khi chùa bị hư hại nặng, Vua Tự Đức cho làm lại chùa và thời Vua Khải Định thì sửa sang thêm. Nền chùa xưa, đến sau năm 1975 đã xây lên Cửa hàng ăn uống Hạ Long, nay chuyển cho chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Liền phía Đông chùa là đình làng Phù

Long, thờ Bồ Cái Đại vương. Nơi đây đã có những khoá thi khóa sinh để chọn người dự thi Hương. Cạnh đình có miếu thờ bà Chúa Kho từ khi có quân doanh Vị Hoàng. Bên cạnh đình thờ Thần hoàng xưa còn có một ngôi miếu thờ một công sĩ tên là Trần Văn Vọng. Chuyện xưa dân làng thường kể lại rằng: Ông công đồ tiến sĩ khi về làng không được ai đón rước (theo nghi thức “vinh quy”) vì phân biệt ông chỉ là con nuôi một người trong làng. Vì quá uất ức và xấu hổ, ông gieo mình xuống giếng đình làng tự vẫn. Trước khi chết, ông đã nguyện rằng: “Người làng đi thi chẳng ai giành được cái cử nhân”. Dân Phù Long cho rằng làng mất (không có) người làm quan từ đấy. Lại đồn rằng ông Công rất thiêng. Thần hoàng Bồ Cái Đại vương báo mộng cho tiên chỉ làng biết ông là một tôn thần. Nếu dân làng không thờ ông Công, thì chính Thần hoàng cũng phải đi nơi khác. Từ đó dân làng Phù Long không quên hương khói thờ Ông. Miếu trước xây nhỏ. Sau Quan huyện tên Hoè vì một chuyện hoang đường khác, nhớ ơn ông Công mà lập miếu to hơn. Một thời gian dài, đến đầu những năm 1990, Sở Tài chính đã nhờ đình Phù Long để có nơi làm việc. Nay đình chùa Phù Long đã được dân góp tiền của xây dựng, tôn tạo khá khang trang, to đẹp.

Làng Phù Long cũng có 4 họ lớn là Trần, Lê, Nguyễn, Vũ. Họ Trần có 6 dòng: Trần Công, Trần Lê, Trần Doãn, Trần Đình, Trần Thọ. Dòng Trần Lê lập ấp đầu tiên thì tập trung ở Giáp Năm, bảy đời có người làm quan trong triều đình. Ở làng có Hiệp quản Nguyễn Xuân Tính đỗ cử nhân võ, bạn thân của Tú Xương chán công danh về ở ẩn và mất tại quê hương.

Tình cảm tha thiết, gắn bó với quê làng Phù Long, người dân xứ này còn truyền tụng đến ngày nay nhiều ca dao, giai thoại, trong đó có câu:

Em là con gái Phù Long
Quê em Côn Vịt, lấy chồng Vườn Dâu
Dù đi buôn đâu, bán đâu
Cũng về giữ đất trồng dâu nuôi tằm.

Trên đường ra Tân Đệ đi Thái Bình có khu ruộng đất thắt lại như đuôi chuột; ở đây có vài ba cái quán và dăm bảy cây hoè gốc đại thụ. Dân nôm na quen gọi nơi này là “Quán chuột” (đất thót đuôi chuột hay quán bán chuột đồng làm thịt). Nơi đây, một thời đã có rạp tuồng nổi tiếng, đêm đêm người đến xem tấp nập. Lại cách mom sông không xa, nhiều đoàn thuyền từ khắp mọi miền Bắc xuống, trong ra neo đậu đông vui nhộn nhịp. Rẽ phải theo đê phía bờ sông có đền Cây Quế, thờ một vị Tiêu vương nhà Trần trấn giữ cửa sông. Ngày lễ hội ở đây thì bơi chải thật vui. Khác với Hành Thiện bơi chải đứng, chải đền Cây Quế bơi ngồi, chải đóng thấp mạn, dài khoảng 10 mét hình thon, thót dần về phía mũi, dáng thanh thoát nhẹ nhàng. Chải ngăn làm 14 khoang, mỗi khoang 2 người chèo. Hai mái chèo ngăn chừng 2 mét, người điều khiển đứng giữa thuyền gõ mõ, hô nhịp. Động tác của các tay chèo theo nhịp đều thống nhất... các chải lao đi vun vút trong một thế đẹp, khoẻ và nhanh. Cùng ngày 21 và 22 tháng 8 hàng năm có lễ “Tế xám” ở đình Phù Long rất đặc sắc.

Khu gần đê mom sông có chợ họp cả ngày, gọi là chợ Mom Sông, buôn bán hàng thực phẩm, nhiều nhất là tôm cá, thủy sản từ thuyền chài lên. Ở đây có quán bánh dày, nơi làm bánh dày, bánh chưng thơm ngon có tiếng. Bánh làm để tế thần những ngày làng vào hội thì to mà cầu kỳ lắm. Bánh dùng làm sính lễ cưới hỏi thì dán giấy chữ “hỉ” (vào bánh dày) và buộc lạt (bánh chưng) màu đỏ, lễ đám hiếu thì chữ “hiếu” và màu xanh. Dân Phù Long còn có nghề hàng xáo, xay bột. “Phù Long hàng xáo bụi dâu”. Làng lại có 2 xóm (nghề) nhỏ: Xóm dầu của số ít người ép dầu nam làm dầu thắp đèn, sau này thì bán dầu hoả. Xóm đúc đồng của dăm ba chục gia đình làm nghề đúc đồng, gốc quê ở thôn Chanh Chè (nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá) ra ở đây đã lâu đời. Họ mua đồng nát, đúc nồi đồng, sanh đồng, chậu đồng đủ loại to nhỏ, lại đúc đồ thờ như chuông, khánh, đỉnh, lư... bán cho các chủ hiệu ở phố Hàng Đồng và các thuyền mảnh (thuyền

buôn) từ miền Nam ra. Thời kinh tế hợp tác xã, nơi này còn đúc được những chi tiết máy cơ khí chính xác thay thế phụ tùng máy nước ngoài. Nay thì những tay thợ tài hoa ấy còn mấy ai truyền được nghề cho con cháu đời sau?

Những năm 1960, con đường Đồng Tháp (nay là đường Trần Nhật Duật) được mở ra thì tách hẳn hai làng Vị Hoàng và Phù Long xưa. Đường 19-5 thì chia Phù Long thành hai bên tả - hữu. Trên đất Phù Long nay có một số cơ sở công nghiệp lớn như Nhà máy Cấp nước sạch, Bánh mỳ Ba Lan, Hoa quả xuất khẩu (Xí nghiệp Bánh kẹo 1-6 xưa).

12- Làng Năng Tĩnh xưa

Năng Tĩnh xưa có tên là Năng Lự, là một trại ấp thuộc đất Dương Xá. Khoảng cuối thế kỷ XI, có khoảng vài chục người thuộc các họ Phạm, Trần, Dương, Nguyễn đã đến vùng đất này dựng lều ở tạm⁽⁷⁰⁾. Chuông chùa Đông (nay là chùa Phán Chương) của làng còn ghi chuông đúc từ đời Lý. Vậy là đất này đã có từ trước đó. Tương truyền vào năm 1426, một quý tộc nhà Trần tên là Trần Danh từ vùng Kiện Khê (tỉnh Hà Nam) làm nhà ở phía Nam trại, để tránh sự truy lùng (vì nhà Trần đã bị cướp ngôi) đã đặt tên trại Năng Lự (nghĩa là luôn lo lắng). Sau đó lại có con cháu Lê Sát (tề tướng của Lê Lợi) từ làng Trì Động (thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình hiện nay) cũng về đây dựng xóm mới để ở. Rồi sang thế kỷ XVI, nhà Mạc thất thế, Tôn thất phải đổi sang họ Nguyễn, họ Lâm, họ Trần, thì dân làng này đã tới 300 người. Sau khi Thiệu Trị lên ngôi, đổi tên Năng Lự thành Năng Tĩnh. Trần Xuân Vinh tức Lịch (người làng Năng Lự đỗ Nhị giáp Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1429) có bài **Năng Lự Thành hoàng miếu**(*)

Phiên âm:

Cổ thị Trần Oánh Kiện Khê hổi
Hậu hữu Lê gia nhị từ lai
Dương Xá cái vi Năng Lự ấp

(70) Vũ Ngọc Lý, *Thành Nam xưa*. Sđd, tr. 74.

Nam Châu kiến ốc đắc thư hoài,
Niên dư tứ thập nhân do ký
Sự vị thiên thu lễ diệc ai,
Điều tận cung tàng tòng cổ hữu
Trung thân danh tướng cổ luy tai

Dịch thơ:

Trần Oánh đến từ Kiện Khê
Họ Lê hai vị lại về mở mang
Dương Xá đôi Năng Lự làng
Yên lòng đôi chút đất Nam dựng nhà
Mới hơn bốn chục năm qua
Nên trong lễ bái tỏ ra bụi ngài
Hết chim, cung bỏ đi rồi

Trung thân danh tướng mấy người hiểu đây

Về địa giới, từ trước năm 1832, khi chưa đào rộng con lạch và nắn thẳng đoạn sông Đào, làng Năng Tĩnh trải rộng sang bên kia sông tới làng Phong Lộc giáp thôn Lương Xá. Ở bên này sông, Năng Tĩnh sát tới làng Mỹ Trọng (xã Mỹ Xá) ở phía Tây. Đất Năng Tĩnh bao gồm cả khu Văn Miếu, Trường Thi, nguyên thời Trần đã dựng trường học và mở khoa thi ở Kim Hưng (thời Nguyễn đổi tên thành Văn Hưng). Thời Lê, Trường Thi từ Hiến Nam (Hưng Yên) dời về đất làng Năng Tĩnh. Đây là trường thi Hương cho cả vùng (Sơn Nam đến Quảng Ninh).

Đời Nguyễn Gia Long (1804) đắp thành trên đất làng Năng Tĩnh. Sau này Minh Mạng xây thành bằng gạch. Một “cơ” thủy binh đóng ở bến sông bảo vệ thành phố về phía Nam gọi là Đồn Thủy. Bờ sông này còn có Đò Bái, Trại Sầm (khu Đông An), Đò Quan. Một con đường chạy từ chợ Năng Tĩnh qua Cửa Nam ra đến bến sông là đường Phúc Châu. Đường từ Cửa Tây lên Cửa Bắc gọi là Phúc Đường (nay là đường Phan Bội Châu - Trần Đăng Ninh). Theo dân địa phương, có tên là Phúc Đường là do có nhà thương khách, một bệnh viện khám và

chữa bệnh cho người Hoa nghèo, không lấy tiền. Vào khoảng giữa hai Đường 12 đi Vụ Bản và Đường 10 đi Ninh Bình là xóm Vườn Chay. Phía Nam xóm này là xóm Cam Đường. Đất ngã sáu xưa là xóm Chùa. Văn Chỉ nằm giữa chợ Năng Tĩnh. Đình làng xưa ở địa điểm trường Hồ Tùng Mậu hiện nay. Năm 1900, đường sắt xuyên Đông Dương khởi công. Đến năm 1903 đường sắt từ Hà Nội về đến Nam Định, đi qua làng Năng Tĩnh, nhà ga Nam Định được xây trên đất Năng Tĩnh nên một thời gian dài gọi là Ga Năng Tĩnh. Sau này việc buôn bán giữa Bắc - Nam phát triển, trên sông Đào thuyền bè lên Bắc vào Nam tấp nập, bến Đò Quan, bến Đò Chè lại thêm sầm uất. Nhà máy Sợi phát triển sản xuất, nhu cầu vận chuyển hàng hoá nhiều, năm 1921 Pháp mở một nhánh đường sắt dài 2.500 mét từ Ga Nam Định xuống bến Đò Chè cho xe lửa vận chuyển hàng chủ yếu là thóc, gạo, gỗ cây, muối, đường... các loại hàng hoá từ đường sông lên đường sắt và ngược lại từ đường sắt xuống đường thuỷ. Các phố Cửa Trường, Bến Cui (Ngô Quyền), Cửa Nam (Tô Hiệu) đều ra đời trên đất làng Năng Tĩnh cổ. Chợ Cửa Trường xưa vốn là khu Tả Trường. Đó là nơi đón các sĩ tử của các khoa thi Hương về trọ khi vào thi, xem bảng. Chợ này về sau vẫn thu hút nhiều người buôn bán hơn chợ Đò Chè, chợ Năng Tĩnh.

Cư dân Năng Tĩnh gồm người của 4 dòng họ Nguyễn, Đặng, Phạm, Trần. Nhưng lớn nhất là họ Trần. Họ Trần chia làm 8 chi lấy tên đệm khác nhau để dễ phân biệt như Trần Đăng, Trần Trọng, Trần Duy, Trần Đại, Trần Tam, Trần Viết, Trần Văn, Trần Quang. Có nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc họ Trần của cư dân xa xưa trên mảnh đất cổ này. Phần lớn dân làng cho rằng họ Trần ở đây vốn dòng dõi nhà Trần quê hương Tức Mặc di dân về đây lập làng. Có người lại nói xưa kia người làng phần lớn họ Nguyễn, họ Đặng. Về đời Trần, dân làng có công đào sông Vị Hoàng, xây dựng Bến Ngự nên Vua Trần đã “ân ban tứ tính” nghĩa là vua ban cho dân làng đặc ân được mang họ nhà vua (họ Nguyễn, họ Đặng được đổi

thành họ Trần). Một thuyết khác cho rằng họ Trần trước là họ Mạc. Mạc Đăng Dung tiếm ngôi nhà Lê từ năm 1527. Qua 10 đời vua, năm 1688, Mạc Kính Vũ đã thất thủ chạy lên Cao Bằng. Con cháu họ Mạc ẩn náu khắp nơi, những người trốn về Năng Lự lập nghiệp đổi sang họ Trần.

Khi làng chuyển dân về phía Tây Nam lập thôn xóm, đình làng cũng chuyển đi. Dân Từ Ô, Thanh Miện, Hải Dương đến buôn bán ven sông ở phố Hàng Nồi lập ngôi đền Từ Ô (đền Hàng Nồi) trên nền đền Năng Tĩnh xưa. Về sự tích thần đền Từ Ô có người nói rằng: Không biết từ năm tháng nào, vào thời kỳ nhà Trần mới khai sáng, ba ông có tên là ông Cây, ông Cội, ông Cành gặp Vua Trần chạy giặc khi không may thuyền mắc cạn. Ba ông cứu thuyền, hộ giá nhà vua khỏi cạn. Giặc tan, Vua trở về, nhớ tới 3 ông phong cho 3 ông tước Dũng Giang Hầu, sau khi mất dân lập đền thờ.

Làng Năng Tĩnh xưa có những lò võ nổi tiếng. Các ông đội Châu, cai Cư, cai Roanh thuộc quân doanh Vị Hoàng đã theo Nguyễn Huệ đánh quân Lê- Trịnh (1786). Về đời Nguyễn, từ lò võ làng Năng Tĩnh đã có người đỗ cử nhân võ như cụ Trần Đăng Rĩnh, dân còn gọi là cụ cử Tuyển được sung chức Huân đạo võ sư của huyện Mỹ Lộc. Trong phong trào Đông kinh nghĩa thực, dân làng đã hưởng ứng cuộc vận động không đi học chữ Tây và từ năm 1906, nhiều nhà nho trong làng bỏ không đi thi Hương dù trường thi ở ngay tại xã. Nhà nước bảo hộ bắt mỗi xã phải có một người đi học chữ Tây. Các cụ đã tìm một con nhà nghèo cấp tiền cho ăn học. Sau này người đó làm thông phán, đó là cụ Phán Chương. Có người đã bỏ quê ra đi tìm đường cứu nước như Nguyễn Thanh Thuyết và đã hy sinh trong Khởi nghĩa Yên Bái năm 1930. Sau Cách mạng tháng Tám thành công tên ông được đặt cho khu phố Định Tiên (Năng Tĩnh ngày nay). Những người dân Năng Tĩnh đã đi lên từ những cuộc đấu tranh trong trường kỳ lịch sử. Mảnh đất này đã chứng kiến những trận chiến đấu anh dũng chống thực dân Pháp vào những ngày toàn quốc kháng chiến năm 1946, góp

phần bao vây giặc Pháp ở trong Trại Caro (Camp Careau) suốt 86 ngày đêm và sau này đã là một vùng địch hậu kiên cường. Trung kiên trong đấu tranh, nhưng thuận hậu, nhân nghĩa trong tình làng nghĩa xóm, dân làng phần lớn theo đạo Phật. Chùa Đồng (chùa Phán Chương) là to hơn cả. Chùa bị san phẳng trong kháng chiến chống Pháp chỉ còn hai trụ cổng đã giải toả khi mở đường Trần Huy Liệu. Chùa thôn Tây ở giữa phố Năng Tĩnh và chợ Năng Tĩnh nay cũng đã mất chỉ còn tro lại bia đá. Phía Nam có chùa Rào (gần Nhà máy Đóng tàu 1-5). Tương truyền: Một năm lụt to có pho tượng trôi giạt vào bờ sông. Lũ trẻ chăn trâu vớt lên rồi lấy tre rào lại và chơi trò cúng lễ. Dân cho là thiêng đã dựng chùa thờ Phật gọi là chùa Rào. Sau này chùa Rào đã lở xuống sông.

13- Kho Lương bên bờ sông Vị - Quân doanh Vị Hoàng

Tiền sĩ Phạm Như Giao người xã La Xuyên, huyện Giao Thủy đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân làm quan Tham tán Tây đạo Tướng quân, khi nghỉ đêm ở Vị Thành (thành Vị Hoàng) đã viết về Kho Lương và dân tình ở đây qua bài thơ Vị Thành dạ vấn như sau:

Phiên âm:

Vị thành ⁽⁷¹⁾ dạ vấn

Vị hữu đài phong cửu thập gian
Lịch triều tỵ túc tại Sơn Nam
Niên dư ngũ bách vô tăng cải
Địa trấn tam kỳ thế diệc khoan
Thương cổ tông lai tồn thị tứ
Nhĩ Hà trụ túc bạc thuyền lan
Cự cư thường sử phương quan yếm
Thủ sự ư kim mặc đạo nhàn.

Dịch thơ:

Bờ hữu rêu phong chín chục gian

(71) Vị thành là thành Vị Hoàng.

Các triều trữ thóc của Sơn Nam
Năm trăm năm lẻ chưa từng đôi
Ba ngã sông chia thể đất khoan
Buôn bán lại qua thành thị tứ
Xa gần òa dọc với òa ngang
Trú lâu lại khiến phương quan ghét
Việc ấy nay suy thật chẳng nhàm.

Như vậy là vào Triều Hậu Lê (thế kỷ XVI) bên bờ sông làng Vị Hoàng có một toà thành đất ⁽⁷²⁾ gọi tắt là (Vị thành) trong có 90 gian kho trữ thóc lúa của vùng Sơn Nam. Bài thơ còn cho biết kho lương này đã có từ năm trăm năm về trước, nghĩa là kho có từ thời nhà Lý. Theo Hoàng giáp Phạm Văn Nghị ⁽⁷³⁾ người sưu tầm và chép lại bài thơ “Vị thành” có ghi chú rằng: Vị thành nơi tụ lương (chứa thóc lúa) nhằm cấp lương thảo cho chốn kinh sư. Ngoài kho lương “Vị thành” thì ở Đồ Sơn, huyện Nghi Dương (Hải Phòng) cũng có một kho như thế.

Thời Lê Sơ việc đắp đê điều (đê Hồng Đức), khơi sông ngòi được chú ý, mùa màng bội thu, cần có kho cất giữ thóc lúa cho nên vùng Sơn Nam mới có kho lương hơn chín chục gian này. Thời Nam Bắc triều, nhà Mạc đưa quân đến đây đồn trú để bảo vệ kho. Việc tích lương thảo càng trở nên cấp thiết cho mỗi lần quân Mạc tiến vào Thanh Hoá đánh Nam triều. Nhà Mạc thất trận chạy lên biên giới Cao Bằng. Triều Lê Trung Hưng ổn định chưa được bao lâu lại diễn ra cuộc Trịnh - Nguyễn phân tranh, thế là Kho Lương bên bờ sông Vị đã thành quân doanh Vị Hoàng để chuẩn bị cho quân Trịnh Nam tiến đánh quân Nguyễn.

(72) Vị trí của kho lương Vị Hoàng nằm bên bờ sông Vị Hoàng nay thuộc phố Hàng Sắt.

(73) Bài thơ đã được chép lại trong cuốn Hoài lai thi tập do Dương Văn Vượng sưu tầm đã in trong tập thơ *1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Thiên Trường - Nam Định*. NXB Hội Nhà văn H.2010, tr. 110.

(74) Xem nguyên văn chữ Hán bài này ở phần thơ chữ Hán về Thiên Trường - Nam Định.

Thi hào Nguyễn Du khi qua toà thành bên bờ sông Vị Hoàng này đã cảm xúc viết bài thơ chữ Hán “Vị Hoàng doanh”⁽⁷⁴⁾ nổi tiếng.

Phiên âm:

Vị Hoàng giang thượng Vị Hoàng doanh
Lâu lỗ sâm si tiếp thái thanh
Cổ độ tà dương khan ẩm mã
Hoang giao tĩnh dạ loạn phi huỳnh
Cổ kim vị kiến thiên niên quốc
Hình thể không lưu bách chiến danh
Mạc hướng Phù Hoa thôn khẩu vọng
Điệp sơn bất cải cụ thời xanh

Dịch nghĩa:

Quân doanh Vị Hoàng
Doanh Vị Hoàng ở trên sông Vị Hoàng
Chòi gác nhô cao tiếp với trời xanh
Bến đò xưa dưới chiều tà xem ngựa uống nước.
Cánh đồng hoang đêm vắng, đom đóm bay lập loè
Xưa nay chưa thấy triều đại nào được nghìn năm
Hình thể nơi đây luống để cái danh trăm trận
Chớ quay vào nhìn cửa Phù Hoa nữa
Núi Tam Điệp vẫn không đổi sắc xanh xưa

Dịch thơ:

Vị Hoàng sông có Vị Hoàng doanh
Lâu gác nhô cao ngất cõi xanh
Ngựa uống bóng chiều xem bến cổ
Đóm bay loè nội rộ đêm thanh
Ngàn năm thịnh mãi triều nào có
Trăm trận truyền rằng thế đất linh
Cửa xóm Phù Hoa thôi đừng ngó
Điệp Sơn sắc biếc vẫn rành rành
(Đào Duy Anh - Kim Hưng dịch)

Vị trí quân doanh Vị Hoàng thời Lê Trung Hưng nằm ở đâu? Trên bờ sông Vị không có tài liệu nào ghi chép cụ thể.

Còn thành Nam Định qua các tài liệu thư tịch thời Nguyễn ghi: Năm Gia Long thứ 3 (1804) cho đắp thành đất, năm Minh Mệnh thứ 14 (1833) cho xây thành gạch⁽⁷⁵⁾. Vấn đề đặt ra là nếu có thành đất Vị Hoàng thời Hậu Lê thì tại sao Vua Gia Long lại còn phải đắp thành đất? để rồi đến thời Minh Mệnh mới cho xây thành gạch. Lần theo dấu vết cũ tại ngôi đền Nguyên Thương⁽⁷⁶⁾ thờ thần Thương Tiên Chúa Thánh, về sau 1873 còn thờ bà “Chúa Kho” tên là Nguyễn Thị Trinh con Vệ úy thủ kho lương Nam Định Nguyễn Kế Hưng. Bà Nguyễn giúp cha vận chuyên lương thực cho quân sĩ trong trận đánh Pháp ở thành Nam Định năm 1873, đã anh dũng hy sinh dưới chân Cột Cờ. Bà được phong tặng là “Tiết liệt anh phong Giám thương công chúa”. Dân Thành Nam tôn bà là “Đương cảnh Thành hoàng bản xứ thổ thần” thờ tại đền Nguyên Thương.

Tại đền Nguyên Thương còn tấm bia⁽⁷⁷⁾ ghi: Đền tại kho lương Vị Hoàng nghĩa là vị trí ngôi đền này nằm trên đất kho lương bên bờ sông Vị (mà sông Vị sang đầu thế kỷ XX đã bị lấp). Theo văn bia ta biết rằng khi Vua Gia Long cho đắp thành, thành ấy (mà Vua Gia Long cho đắp) không phải nằm ở vị trí kho lương bên bờ sông Vị Hoàng thời Hậu Lê nữa, Thành đã di dời vào đất làng Năng Tĩnh. Vì vậy, đền thờ thần Thương (thần coi kho) cũng chuyển vào trong Thành. Đền tại kho lương cũ đã được dân phố hương khói rồi tu sửa vào mùa xuân năm Bính Dần (1866) dân đã quyên góp để trùng tu Nguyên Thương từ. Năm Đinh Mão (1867) hoàn thành, dựng bia ghi chép việc tu sửa đền Tiên Chúa Thánh (Nguyên Thương từ tại

(75) *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*. Khiếu Năng Tĩnh, Dương Văn Vượng dịch.

(76) Tư liệu về Nguyên Thương từ hiện lưu giữ trong Bảo tàng tỉnh Nam Định.

(77) Bia ghi miếu Tiên Chúa Thánh.

Kích thước: 140 cm x 90 cm khắc năm Đinh Mão Tự Đức 20 (1867).

Nội dung bia:... Lúc đầu khi đắp thành đất, xây miếu, miếu thờ Thần Thương (thần coi lương thảo), kho lương được rời vào trong Thành. Ở nơi có đền Thương cũ người dân trong phố hương khói thờ tự. Hai miếu đều linh thiêng, miếu thần ở đó... Để nối đời thờ tự tế lễ, người dân phố này quyên góp bỏ tiền để trùng tu lại miếu, không dám quên mà bỏ hoang phế...

đầu phố Hàng Sắt trên).

Khảo sát thành Nam Định xây thời Minh Mệnh thấy tường Thành phía Đông giáp đất làng Vị Hoàng. Còn phía Nam và phía Tây Thành thuộc đất làng Năng Tĩnh. Khi đến thực địa phía Bắc Thành lại thấy cách cửa Bắc Thành không xa ngôi đền Bắc Kinh (Bắc Kinh từ). Hiện ngôi đền này nằm ở ngã tư phố Thành Chung - Điện Biên + Lương Thế Vinh - Trường Chinh. Tại tấm bia dựng trong Đền ghi: Đền tọa lạc tại xóm Đức, giáp Bắc Môn. Trong đền còn lưu giữ đạo sắc phong năm Khải Định thứ 9 (1924) ghi: Nam Định tỉnh, Mỹ Lộc huyện, Đông Mặc tổng, Tứ Mặc xã, Bắc Môn giáp (Bắc Môn là một giáp của làng Kênh, xã Tứ Mặc). Và theo cuốn Địa chí của Đốc học Nguyễn Ôn Ngọc viết năm 1893 thì khi đó Cửa Bắc đã là một phố trong 12 phố của thành Nam Định, sau khi chiếm Nam Định Pháp đã cho phá Thành lấp hào, mở phố.

Trong quá trình thay đổi từ Kho lương Vị Hoàng thành quân doanh đã tạo ra điều kiện để vợ con binh lính đến quanh Thành ngày một nhiều, họ sinh cơ lập nghiệp. Dân chúng cũng từ các nơi đến đây làm ăn buôn bán bởi đây là vùng địa linh (như đã ghi trong thơ của Tiến sĩ Phạm Như Giao). Ban đầu họ quần tụ ở phía Đông thành, nơi có dòng sông Vị uốn khúc chảy quanh để tiện đi lại làm ăn, dần dà lập phường nghề và mở phố. Dân thôn Thi Thượng, những người giàu có cũng bám theo bờ sông xây nhà, dựng phố mà hình thành các phố Hàng Cót, Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm, Hàng Song (Thi Thượng), Bến Ngự, Cửa Đông (Thi Hạ), tất cả đều nằm bên bờ sông Vị nên có người gọi nơi đây là Vị Hoàng bảy phố. Thế rồi hình thành tiếp theo các phố từ bờ sông Vị chạy vào sát chân Thành. Khi Pháp lấp hào, mở đường, xây công sở thì phía Đông thành đã là các phố chật hẹp, nên phải mở rộng thành phố sang phía Tây trên đất làng Năng Tĩnh. Khu công sở của người Pháp cùng với các cơ sở công nghiệp như Nhà máy Sợi, Nhà máy Dệt, Nhà máy Tơ, Nhà máy Chai, Nhà máy Rượu, nhà Ga, bến Tàu thủy tất cả nằm trên đất làng Năng Tĩnh.

II- Thành cổ Vị Hoàng - Nam Định

Đầu thế kỷ XV nhà Trần sụp đổ, sau khi đánh thắng quân xâm lược nhà Minh, Triều Lê Sơ nắm quyền trị vì đất nước Đại Việt. Thời Hồng Đức (Lê Thánh Tông 1460 - 1497), lộ Thiên Trường được đổi làm Sơn Nam thừa tuyên⁽⁷⁸⁾ li sở được chuyển vào đóng tại Vân Sàng (thuộc Ninh Bình) để án ngữ phía Bắc Lam Kinh - quê hương của nhà Lê. Vị Hoàng là quân doanh xưa của nhà Trần, chỉ được chọn làm nơi tập trận của quân đội nhà Lê. Nhưng nơi đây vốn là trung tâm giao lưu kinh tế quan trọng, lại có vị thế về quân sự khi chiến tranh Nam - Bắc triều diễn ra, nên các thế lực nhà Trịnh (trước đó là nhà Mạc) vẫn duy trì và phát triển quân doanh Vị Hoàng lớn mạnh thêm, nhất là trong thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII. Vậy là tuy yếu tố “đô” về hành chính không còn nhưng quân doanh Vị Hoàng vẫn là “đô” về quân sự. Bởi thế trong suốt thời gian này, sự tụ hội dân cư, giao lưu buôn bán từng bước vẫn phát triển, nghĩa là yếu tố “thị” vẫn được duy trì, mở rộng. Từ khoảng giữa thế kỷ XVIII, phía bờ hữu sông Vị và một rẻo bên bờ Bắc sông Đào, cư dân tụ hội đông đã hình thành phố xá, buôn bán, sản xuất các mặt hàng mang tính phường hội: Hàng đồng, hàng quì, hàng tiện, hàng cấp, hàng thùng, hàng mảnh, hàng sắt, hàng giấy, vải màn... rồi rỏ đất ra phía mom sông Đào (trước là kênh Phù Long) thuộc đất thôn Thi Thượng, làng Phù Long dân các nơi về tụ cư cũng biến đường làng, ngõ xóm thành nơi buôn bán mà tạo nên dãy phố Hàng Cót, Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm, Hàng Song; những cư dân gần bờ hữu sông Đào thì tụ họp buôn bán theo nhóm hàng lâm thổ sản như nứa (Giá Nứa), gỗ (Bến Gỗ), củi (Bến Củi) hoặc cau trầu (Hàng Cau), chè xanh (chợ Đò Chè), thóc gạo (Bến Thóc)...

Năm 1802, nhà Nguyễn giành quyền thống nhất đất nước.

(78) Theo *Việt sử thông giám Cương mục*, tập 11, tr. 47: Một đơn vị hành chính quản (gồm) 9 phủ, 36 huyện.

(79) Xem phần đất đai và dân cư.

Vua Gia Long cho di dời li sở trấn Sơn Nam⁽⁷⁹⁾ từ Vân Sàng (Ninh Bình) trở về Vị Hoàng và năm 1804 cho đắp một toà thành bằng đất (trên địa hạt làng Vị Xuyên và làng Năng Tĩnh, huyện Mỹ Lộc⁽⁸⁰⁾). Bởi vì theo Gia Long, Vị Hoàng án ngữ con đường Thiên lý từ Nam ra Bắc về thủy cũng như bộ, trấn giữ hai cửa sông Hồng, sông Đáy, bao quát một vùng rộng lớn Nam châu thổ Bắc Bộ, nơi đất đai màu mỡ, dân đông lại giàu có, sản vật dồi dào với 280 năm là thủ phủ (li sở) của lộ, trấn. Nơi này chỉ đứng sau Hà Nội, mà Hà Nội đã được xây Thành thì việc phải xây Thành Nam là hợp lẽ.

Năm 1822 (năm Minh Mệnh thứ 3) trấn Sơn Nam đổi là trấn Nam Định thống lĩnh cả Hưng Yên. Năm 1832, Vua Minh Mệnh đổi trấn Nam Định thành tỉnh Nam Định thống lĩnh cả hạt Ninh Bình và sang năm sau (1833) gia cố ghép gạch vào tường Thành.

Thành Nam Định được xây dựng theo kiểu Vô - Bãng (Vau ban) Se bastien Vauban (là Nguyên soái nước Pháp thế kỷ XVIII, nổi tiếng về xây dựng thành quách để bảo vệ đô thị). Theo sách Đại Nam nhất thống chí (quyển 16, trang 317) viết (Thành tỉnh Nam Định chu vi 830 trượng 7 thước 3 tấc (3.324 mét), cao 1 trượng 2 thước 2 tấc (4,8 mét, mở 4 cửa; hào rộng 6 trượng (24 mét), sâu 6 thước (2,4 mét) ở địa phận 2 xã Tức Mặc và Năng Tĩnh, huyện Mỹ Lộc, năm Gia Long thứ 3 (1804) đắp bằng đất, năm Minh Mệnh thứ 14 (1833) xây bằng gạch. Tường Thành khi xây thì ghép gạch hộp⁽⁸¹⁾ chân đế của tường phía dưới xây bằng đá xanh, phía trên bằng đá ong cao 3,7 mét, dày 4,8 mét, hào cách tường Thành 6,7 mét liền hào có đường đất đi vòng quanh Thành. Cùng năm này, nhà vua đã cho đào đoạn sông (mở rộng) từ kênh Phù Long đến bến đò Lương Xá (gần địa điểm ngang với Nhà máy Xay hiện nay) để

(80) Ngô Giáp Đậu, *Nam Định địa dư chí*, Sđd.

(81) Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng di tích Thành cổ (tháng 7-2011) của Bảo tàng Nam Định: Gạch xây gồm 2 loại là gạch vuông (xây trên mặt Thành; gạch chữ nhật xây tường và xây xen kẽ mặt Thành. Mặt gạch có hình dấu Triệu (khắc chìm) có các chữ: Mã tiền, Trung kính, Cổ kính...

hợp với sông Vị Hoàng. Khi đoạn sông này mở ra, nước từ sông Nhị (sông Hồng dồn dòng chảy mạnh, dòng nước xoáy đã khoét sâu và mở rộng dần lòng sông (như hiện nay). Rồi cũng từ đây tên đoạn sông Đào (mới) được đặt chung cho cả con sông An Tiêm trước kia (chạy dài tới ngã ba Độc Bộ - Tam Toà). Tàu thuyền đi lại trên sông Đào ngày một thuận tiện hơn, rút ngắn một đoạn đường so với trước. Đoạn sông Vị đào từ đời Trần dần kém tác dụng, phù sa bồi lấp hoặc dân san đất cao lên lập vườn, dựng nhà.

Về quy mô kiến trúc Thành Nam Định⁽⁸²⁾, Bảo tàng tỉnh Nam Định đã khảo sát, đối chiếu giữa các bản đồ thành phố (năm 1924 bằng tiếng Pháp, năm 1928 của Công ty Sợi Nam Định) và thực địa để đưa ra nhận xét tổng quát. Theo đó, Thành cổ Nam Định có tường thành chạy theo đường gấp khúc kiểu Vô băng, nhưng tổng thể có hình vuông, mỗi cạnh Thành dài 830 mét.

- Cạnh phía Bắc tương ứng với mốc từ công chợ Mỹ Tho (phía phố Trần Hưng Đạo - đối diện phố Trần Bình Trọng) kéo thẳng về phía Tây, chạy song song với đoạn phố Quang Trung, qua Trạm Đăng kiểm phương tiện giao thông, cắt ngang đường Thành Chung, ngõ 5, qua khu tập thể quân nhân A đến sát đường Đoàn Trần Nghiệp (khu Trạm điện Phi Trường). Cửa Bắc Thành nằm trong khu vực Trạm Đăng kiểm (bến ô tô cũ).

- Cạnh phía Tây, từ khu Terrain de Manceure (bãi tập lính thuộc địa), đến khu vực Nhà máy Sợi, cạnh đường Angleterre (Anh quốc), tương ứng với hiện nay là đường song song với đường Hoàng Diệu về phía Đông, điểm xuất phát từ Xí nghiệp May 3 (Công ty Cổ phần Dệt) kéo qua đường Trần Phú, Trần Đăng Ninh lên điểm giao cắt phía Bắc, gần đường Rặng Xoan (đường Lương Thế Vinh). Cửa Tây Thành nằm khoảng khu chợ 5 tầng (điểm giao cắt đường Trần Đăng Ninh và đường

(82) Những thành được xây dưới thời Nguyễn có quy mô nhỏ hơn Thành Nam: Thành tỉnh Bắc Ninh chu vi 532 thước, 3 thước 2 tấc. Thành Hà Nội 432 thước (1.728 mét). Thành Hà Tiên 36 thước 2 thước.

Đoàn Trần Nghiệp).

- Cạnh phía Nam bắt đầu từ Kho bạc (nay là Mặt trận Tổ quốc Tỉnh), chạy song song với phố Máy Tơ, qua đường Hà Huy Tập, đường Tô Hiệu, qua Công ty Cổ phần Dệt - May Nam Định đến Xí nghiệp May 3. Cửa Nam Thành ở vào cổng Sợi C trong khuôn viên Tổng công ty Cổ phần Dệt - May Nam Định, hướng qua đường Tô Hiệu (Cửa Nam xưa).

- Cạnh phía Đông, bắt đầu từ Ngân hàng Nhà nước, chạy song song với phố Trần Hưng Đạo, cắt qua Đài tưởng niệm liệt sĩ, cuối đường Trần Phú, qua Rạp tháng Tám, qua đường Trần Quốc Toản, đường Nguyễn Chánh, chợ Rồng, đường Quang Trung đến cổng chợ Mỹ Tho (phía Đông). Cửa chính Đông Thành ở đường Trần Phú.

Trên mỗi cửa Thành có xây lâu gọi là thú lâu (chòi gác). Vọng lâu có diện tích khoảng 16 m^2 , cao 2,8 mét từ dưới chân Thành lên tới nóc cao 9 mét. Cửa Thành Nam Định được xây lệch về bên phải, cách góc Thành khoảng 230 mét (Thành Quảng Trị xây năm 1827, cửa Thành ở chính giữa)⁽⁸³⁾. Mỗi thú lâu có một cơ binh thay nhau gác ngày đêm. Phía ngoài các cửa Thành có xây một đoạn tường thành hình chữ V gọi là Dương Mã. Tường này dài 1 trượng 9 thước (5 mét), cao 7 thước 5 tấc (3 mét). Các dương mã thành đều có một cửa bên phải rộng 1 trượng gọi là nhân môn. Đi từ ngoài cổng Thành vào trong Thành phải đi qua (cửa) Nhân môn. Ở ngoài lại có 5 điểm (chốt) bảo vệ cho nội Thành, gồm: Trung quân (ở phố Vĩnh Ninh, nay là nhà đầu phố Lê Hồng Phong - Hoàng Văn Thụ). Đông Thành, Vĩnh Thuận, Tiên Môn và An Lạc ở 4 mặt thành. Mỗi nơi này có 9 lính thay nhau canh gác.

Khu trong Thành hình vuông. Ở hướng Nam, trước tiên là **đình Vọng Cung**, còn gọi là điện Kính Thiên (nay là chùa Vọng Cung). Ngôi đình mái cong, lợp ngói mũi hài, cột lim nhẵn bóng. Trước đình là một sân gạch, nơi các quan đầu tỉnh

(83) Thành Nam Định có 4 cửa, Thành Gia Định 8 cửa, Thành Hà Nội 5 cửa.

Theo “*Nam Định Địa dư chí*” của Ngô Giáp Đậu, mặt Thành phía Nam có 2 cửa, nhưng không thể hiện trên bản đồ của H Rivie.

vào các dịp lễ, tiết đến đây tế cáo trời đất thần phật. Cảnh quan, kiến trúc với những cây xanh đại thụ tạo nên sự trang nghiêm tĩnh mịch.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Hội Phật giáo được Ủy ban Quân chính thành phố cho chuyển Vọng Cung thành nơi thờ Phật, để các tăng ni tu hành (đình đổi thành chùa). Trong hai cuộc chiến tranh, chùa Vọng Cung nhiều lần bị bom đạn giặc huỷ hoại, nhân dân xây dựng lại. Từ năm 1983 -1988, chùa này tiếp tục được tôn tạo, xây dựng mới với quy mô nhiều công trình thờ tự lộng lẫy, uy nghiêm đáng vẻ cổ kính, toạ lạc trên khu đất hơn 3.000 m². Đây là công trình kiến trúc đẹp, trang trí bố cục phong cách cổ kim kết hợp hài hoà. Chùa ở trên đường Trần Phú, phía Nam là vườn cảnh lại có Cột Cờ thành phố là trung tâm nội Thành, có vị thế ưu việt; nhân dân, tín đồ phật tử thường đến lễ và vãng cảnh chùa rất đông.

Phía sau Vọng Cung là khu công sở của quan lại trong tỉnh: Dinh Tổng đốc (nay là Ban Bảo vệ sức khoẻ cán bộ), dinh Bố chính (nay là Bảo tàng Dệt) dinh Án sát (sau này là Toà án tỉnh). Bên dinh Tổng đốc là dinh Đề đốc (hay Chánh lãnh binh), cơ quan Ngân khố. Ở đằng sau dinh Tổng đốc (nay là trụ sở Công an tỉnh) là khu nhà kho lương thảo có thể chứa được 5 vạn học lúa (3.000 tấn), muối và thực phẩm, vũ khí. Gần cửa Tây Thành là nhà tù, trại giam. Phía Tây Bắc là chuồng voi, chuồng ngựa, trại lính khố xanh (nay là khu Bộ đội Biên phòng gần đường Thành Chung)...

To cao và uy nghi hơn cả là **Cột Cờ** Thành Nam (kỳ đài), ở phía Nam, cách Vọng Cung khoảng 100 mét. Năm Nhâm Thân (1812) đời Vua Gia Long thứ 11, cho xây cột cờ này. Năm 1833, đồng thời với việc cho gia cố, tôn tạo toà thành Nam Định, Vua Minh Mệnh cũng cho hoàn thiện Cột Cờ cao 23,84 mét, có ba bệ⁽⁸⁴⁾ chân có 3 bậc, bậc dưới mỗi bệ 4 trượng, có bậc thang 10 cấp ở phía Đông - Tây dẫn lên tầng thứ hai. Bệ thứ hai

(84) Theo *Những di tích lịch sử văn hoá*, Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định. Cột Cờ xây năm Minh Mệnh 14 (1833).

cũng hình vuông, chiều dài: 11,42 mét, cao 3,1 mét. Bốn mặt có 4 cửa. Trên khuôn cửa hướng Đông có chữ “Nghinh Húc” (đón ánh sáng buổi sớm). Trên khuôn cửa phía Tây có chữ “Hương Quang” (hướng vào ánh sáng mặt trời - hoặc ẩn ý là hướng về hào quang Tây Trúc). Khuôn cửa phía Nam có hai chữ “Hương Minh” (hướng vào ánh sáng). Cửa đi vào trong thân Cột Cờ hướng chính Nam. Cửa Bắc có chữ “Cửu An” (yên ổn lâu dài). Đi lên cao có đường xoay ốc 54 bậc, bên tường có cửa tò vò để chiếu sáng. Trong tổng thể kiến trúc Thành Nam cổ, Cột Cờ nằm ở trục trung tâm, phía trước các dinh thự công sở là sự trang nghiêm phép tắc, dáng thanh thoát, hài hoà cảnh sắc, là điểm nhấn mỹ quan khá tiêu biểu.

Cột Cờ Thành Nam đã từng là nơi diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt của quân và dân ta chống thực dân Pháp xâm lược (các năm 1873, 1883). Thời kỳ máy bay Mỹ đánh phá thành phố, trên đỉnh Cột Cờ là trạm quan sát phòng không của lực lượng tự vệ Nhà máy Dệt, khu phố I. Bom đạn máy bay Mỹ đã nhiều lần trút xuống khu vực Cột Cờ. Nhưng tàn khốc nhất là gần trưa ngày 11-6-1972, nhiều tốp máy bay Mỹ đã điên cuồng đánh phá, làm sập toàn bộ công trình kiến trúc lịch sử này.

Năm 1997 Cột Cờ Nam Định được phục dựng lại đúng với nguyên mẫu khi xưa.

1- Các phố cổ Thành Nam trước thập niên 80 thế kỷ XIX

Từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XIX, với sự phát triển kinh tế, giao lưu buôn bán và sản xuất hàng thủ công, nông sản; vùng đất phía Đông và phía Nam thành Vị Hoàng đã hình thành những đường - phố ngang, dọc, với khoảng hơn 1 vạn dân sinh sống. Từ bờ sông Vị, sông Đào, các đường - phố tỏa ra ôm lấy mặt Đông và một phần mạn Nam của toà “Thành cổ”.

Những đường - phố xuyên ngang từ bờ sông Vị đến hào

nước phía Đông Thành là Hàng Tiện, Hàng Giày, Hàng Đồng, Hàng Sũ. Hai phố chạy song song với dòng Vị Hoàng là phố Khách và phố Hàng Lọng.

Theo “Nam Định tỉnh địa dư chí”, của Nguyễn Ôn Ngọc (viết năm 1893) cho biết: “... từ Vị Xuyên đến Năng Tĩnh, từ Cửa Nam trải qua Cửa Đông đến Cửa Tây có 12 phố, 3 chợ họp đông vui là Chợ Rồng, chợ Phượng, chợ Vị Hoàng”.

12 phố (không phải theo nghĩa đường - phố) là:

1- Phố Vị Xuyên: Trong phố này có chợ Vị Hoàng.

2- Phố Vĩnh Lại sau đổi là Vĩnh Thuận (gồm Hàng Bát, Hàng Mâm...) sang phía phố Hàn Thuyên, Hàng Cấp hiện nay.

3- Phố Đỗ Xá (phố Hàng Song dưới, Hàng Sắt trên hiện nay).

4- Phố Đông Lạc: Phố Hàng Đồng, Hàng Giấy, Vải Màn, Hàng Rượu...

5- Phố Hai Cơ (có 2 cơ lính đóng): Có chợ Rồng (phố Lý Thường Kiệt hiện nay).

6- Phố Cửa Bắc (khu vực đường Thành Chung, bến ô tô cũ).

7- Phố Vĩnh Ninh: Trong phố này có Hội quán Triều Châu, Phúc Kiến của người Hoa, Sở Giám thành (phố Hàng Sắt dưới, phố Bến Ngự).

8- Phố Yên Lạc: Trong phố này có Hội quán Quảng Đông - nhà thờ cao nhất (phố Hàng Sũ, Hàng Đàn và phố Trần Hưng Đạo từ phía Rạp Bình Minh trở xuống đến Đài Liệt sĩ).

9- Phố Đông Thành: Phố Lê Hồng Phong (từ ngã tư Cửa Đông đến Hàng Sắt).

10- Phố Tả Trường (phố Cửa Trường, Tô Hiệu nay).

11- Phố Định Tĩnh: Trong phố có chợ Phượng (phố Bến Gỗ “dưới Bến Ngự, chợ Đò Chè”).

12- Phố Năng Tĩnh: Có bến Đò Bái, Đò Quan. Bờ sông có miếu thờ Quan Công, sau sửa lại làm đền Võ Miếu của tỉnh.

Nam Định dư địa chí của Ngô Giáp Đậu, Đốc học tỉnh viết năm 1918 thì cho biết cụ thể: Mặt Thành đằng Đông là sông Vị

Hoàng, bên tả đặng Đông phố xá la liệt, gọi là 7 phố Vị Hoàng, gồm có Hàng Cót, Hàng Nâu, Hàng Mâm, Hàng Bát, Hàng Song (Thi Thượng), Bến Ngự, Cửa Đông (Thi Hạ).

Cùng với hệ thống phố xá hình thành người bán, người mua tụ hội đông đúc, ở đây còn có bến đò dọc đi Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, vào Thanh Nghệ... thuyền buôn từ các nơi đổ về, hàng hoá nhiều lên, đủ loại. Nhịp độ giao thương đường thuỷ, đường bộ ngày một tăng lên, Thành Nam khi này thực sự tấp nập, là nơi đô hội, chỉ sau Hà Nội.

2- Trường thi Hương Nam Định

Lịch sử thi cử Nho giáo ở nước ta có từ thời Lý, nhưng đến nhà Trần mới tổ chức trường thi Hương và lần đầu thi Hương đã được tổ chức vào năm 1394⁽⁸⁵⁾. Trước đó thi Hội, thi Đình đã được tổ chức ở Kinh thành Thăng Long, và cũng có lần được tổ chức tại Kim Hưng (xã Mỹ Trung) gần nơi nhà Trần đặt hành đô Thiên Trường.

Dưới triều nhà Lê việc tổ chức thi Hương đã có những quy định rõ ràng, cụ thể. Cả nước khi ấy có 9 trường thi Hương. Đến nhà Nguyễn rút xuống còn 7 trường⁽⁸⁶⁾. Trường thi Sơn Nam tổ chức thi cho thí sinh cả vùng Hải Dương và Quảng Yên. Trường này ban đầu đặt ở làng Hiến Nam, xã Hoa Dương, huyện Kim Động, cạnh Phố Hiến nên có tên là trường Hiến Nam.

Năm Kỷ Mão Gia Long thứ 18 (1819) trường thi Hương từ Hiến Nam dời về đất làng Vị Hoàng, sau lại chuyển về đất làng Năng Lự (Năng Tĩnh). Khi trấn Sơn Nam Hạ đổi thành trấn Nam Định thì trường thi Hương Sơn Nam Hạ đổi thành trường thi Hương Nam Định vào năm 1824⁽⁸⁷⁾. Từ năm Tân Mão (1831) theo quy định của Vua Minh Mệnh ở phía Bắc chỉ còn hai trường thi Hương là Trường thi Hương Hà Nội và Trường

(85) Cao Xuân Dục, *Quốc triều Hương khoa lục*, NXB tp HCM, 1993, tr. 60.

(86) Bùi Hạnh Cẩn... *Những ông nghệ, ông cống Triều Nguyễn*, NXB Văn hoá - thông tin, 1995, tr. 8.

(87) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, NXB Thuận Hoá. Huế, 1993, tr. 7, tr. 203.

thi Hương Nam Định. Theo Cao Xuân Dục thì trong 47 kỳ thi Hương dưới triều Nguyễn có 7 khoá tổ chức ở Trường thi Sơn Nam, 22 khoá ở trường thi Nam Định, năm 1832 hoãn thi. Các năm 1884, 1888 và 1891 trường Hà Nội và Nam Định đã tổ chức thi chung tại Trường thi Hương Nam Định. Từ 1894 đến 1915 Trường thi Nam Định lại thi chung với trường Hà Nội và lần này được gọi là Trường thi Hà Nam (thi tại Nam Định) tổ chức thi Hương Hà Nam được 8 khoá.

Ban đầu các kỳ thi Hương được tổ chức cứ 6 năm một lần, về sau 3 năm tổ chức một lần vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Mỗi khi tổ chức cách một năm hay liên tục thì gọi là Ân khoa. Thường mỗi khoa thi 4 kỳ, ngày thi đầu vào mùng 9 tháng 9, kết thúc vào ngày 25. Đến 29 tháng 9 làm lễ xướng danh.

Gọi là trường thi nhưng thực ra trước đó địa điểm tổ chức thi cử diễn ra trên 1 bãi đất trống. Gần đến ngày thi mới cho dựng tạm lên những căn nhà lá, xung quanh được rào kín lại bằng tre nứa vật liệu không lâu bền, thi xong là phá bỏ. Từ năm 1843 Vua Thiệu Trị mới định lệ trường thi Hương được xây cất. Năm 1845, trường thi Hương Nam Định được xây trên đất làng Năng Tĩnh nơi trước đó đã nhiều lần tổ chức các kỳ thi Hương.

Trường thi Hương xây nhà các quan chánh phó chủ khảo, chánh phó đề diệu phân khảo và nhà thập đạo gồm 7 căn (1 gian hai chái). Nhà cho các quan giám khảo, sơ khảo, thế sát, mặt sát, lại phòng ngoại trường gồm 9 căn (3 gian hai chái). Nhà thi viện, công sảnh của quan đề diệu, lại phòng nội trường gồm 3 căn (5 gian hai chái). Nhà các quan sơ khảo 3 căn (6 gian hai chái), mỗi căn mở cửa vòm bán nguyệt ở vách sau và hai đầu chái, mỗi nhà nối thêm ra một chỗ nhỏ làm nhà bếp. Ở mỗi cổng ra tới nhà quan sơ khảo, phúc khảo đều xây tường gạch ngăn ra. Nơi 4 vị lại dựng 7 dãy nhà, mỗi dãy 17 gian⁽⁸⁸⁾. Nhà lợp ngói tường gạch cả trong và ngoài có 21 toà nhà tường cao 5 thước (2 mét). Trong là nội trường một phần ở giữa là ngoại

(88) Cao Xuân Dục, Sđd, tr. 231.

trường chu vi 214 trượng, còn phía ngoài cùng là nơi làm bài thi.

+ Nội trường: Nội trường là phần trong cùng của trường thi, chính giữa nội trường có giám viện là nơi hội họp của các quan sơ khảo và phúc khảo; bên trái, bên phải nhà giám viện là nhà của quan phúc khảo (1 nhà), sơ khảo (2 nhà). Đằng sau phía bên trái của dãy nhà quan sơ khảo có nhà dành cho quan giám sát để coi các quan nội trường. Trong khu nội trường có một hồ nước ở sau nhà giám viện. Nội trường thông với ngoại trường bằng một lối đi nhỏ.

+ Ngoại trường: Ngoại trường là nơi làm việc của quan Chánh Chủ khảo, Phó Chủ khảo, Chánh Phân khảo, Phó Phân khảo. Giữa ngoại trường có Thi viện là nơi các quan hội họp chấm bài. Bên trái là nhà Chánh Chủ khảo, Chánh Phân khảo. Bên phải là nhà của Phó Chủ khảo, Phó Phân khảo. Phía sau nhà Chánh Chủ khảo có nhà Giám sát và Lại phòng, sau nhà Phó Chủ khảo có nhà của Lại phòng là chỗ các viên Lại đến giúp việc chánh, phó Chủ khảo.

Trong ngãn ngoại trường nơi giáp với nội trường có một khu xây kín chỉ có cổng ra vào thông với nhà thí viện. Đây là nơi làm việc của quan chánh, phó Đề tuyển (Đề diệu). Tại đây có nhà Đề tuyển, nơi làm việc của các quan Đề diệu và cũng là nơi giữ quyền thi của thí sinh. Bên trái nhà Đề tuyển là nhà của quan Chánh Đề diệu, bên phải là nhà của quan Phó Đề diệu. Sau nhà Đề tuyển là nhà ở của các Lại phòng giúp việc.

+ Khu vực thí sinh: Người dự thi.

Ngãn ngoài cùng của trường thi là nơi thí sinh làm bài thi. Con đường thập đạo chia khu vực này thành 4 vi (Vi Giáp, Vi Ất, Vi Tả, Vi Hữu), mỗi vi có rào bao quanh có cửa thông ra đường thập đạo. Vi Giáp nằm bên trái phía ngoài, đằng sau là Vi Tả. Vi Ất nằm bên phải đằng sau là Vi Hữu. Bên ngoài mỗi vi có cổng để thí sinh vào thi, mỗi vi 2 cổng có đánh số thứ tự như Giáp Nhất, Giáp Nhì, Tả Nhất, Tả Nhì... Tại 8 cửa này hôm trước ngày thi đều có treo bảng để thí sinh xem mà biết

mình thi ở vị trí nào. Khi vào thi, thí sinh được mang theo lều chõng, chiếu, tráp đựng nghiên bút, giấy, mực và thức ăn cho một ngày. Khi vào cổng có đội thể sát khám xét kỹ càng để tránh việc đem tài liệu vào phòng thi. Cắm lều xong thí sinh ngồi trong lều chờ trông ra đề, các cổng được đóng kín nội bất xuất, ngoại bất nhập. Tại nơi giao nhau của đường thập đạo có nhà thập đạo để các thí sinh nộp quyển thi.

Toàn bộ trường thi có 7 chòi canh nằm ở bên phải và bên trái nhà thập đạo để giám sát quan trường và thí sinh. Việc canh phòng do đội Thể sát đảm nhiệm dưới quyền quản lý của quan Ngự sử để tránh sự thông đồng giữa thí sinh và quan trường cũng như xử lý những rắc rối xảy ra nếu có.

Trong Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ ghi năm Mậu Tý (1828) Trường thi Nam Định được cấp cho quan trường để làm việc gồm 600 quản bút, 300 thỏi mực, 5 giành son đá, 200 nghiên mực bằng sành, 15.000 tờ giấy rộng bản, 12.000 tờ giấy vừa, 40 bảng gỗ to, 8 ghế chéo (cao 5 thước).

Trường thi Nam Định được đầu tư ngang với Trường thi Hương Thừa Thiên và Bắc Thành (Hà Nội) là 3 trường thi lớn nhất trong cả nước. Kỳ thi Hương ở Trường thi Nam Định năm Bính Tuất (1886) tiêu hết 15.756 quan tiền. Theo tài liệu báo cáo của Công sứ Pháp tại Nam Định thì kỳ thi Hương Nam Định năm 1895 chi hết 2.755 đồng bạc Đông Dương. Để chuẩn bị cho kỳ thi Hương năm 1903, dự tính phải chi 6.755 quan cho việc sửa chữa trường sở trước khi mở khoa thi.

+ Quan trường: Quan trường của các kỳ thi có số lượng khác nhau do tùy thuộc vào số sĩ tử dự thi. Quan lại đã đỗ từ cử nhân đến tiến sĩ có thể chọn phái đi làm việc trường thi, nhưng phải không có người ruột thịt dự thi, không có tang hay đang có án trong danh sách khi trình lên Bộ Lễ để chọn duyệt. Ai tham gia giúp việc trường thi có người thân đi thi thì phải trình báo và xin không tham gia, ai cố tình vi phạm sẽ bị phạm tội nặng. Riêng quan Lại điển phải xuất trình đủ giấy tờ có đóng dấu và

(89) Đỗ Hương Thảo: Luận văn Tiến sĩ thi Hương thời phong kiến

cam đoan là không có người tham dự kỳ thi thì mới được bổ dụng.

Tại trường thi Hương Nam Định ⁽⁸⁹⁾ năm Ất Dậu (1825) khi tổ chức khoa thi có bộ máy quan lại cụ thể như sau:

- Quan Đề điệu 2 viên có hàm nhị phẩm coi việc hành chính giấy tờ, quy chế chấm thi, coi thi... đảm bảo an toàn kỳ thi.

- Lại điển 40 người chia thành 2 bộ phận để giúp việc quan Đề điệu và giúp việc cho các quan chấm thi.

- Quan Giám sát (còn gọi là Ngự sử hay Khoa đạo) 2 viên do triều đình cử ra để giám sát toàn bộ kỳ thi, hai viên quan này không tham gia vào chấm thi.

- Quan Thể sát 8 viên là những cai độ trong quân đội có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho kỳ thi ở khu vực ngoại trường.

- Mặt sát là đội ngũ bảo vệ an ninh khu nội trường.

Khu vực nội trường có:

- Sơ khảo 18 viên (hàm Thất phẩm, Bát phẩm) chấm quyền lần đầu.

- Phúc khảo 8 viên (hàm Ngũ phẩm, Lục phẩm) chấm lại các bài đã chấm sơ khảo.

- Giám khảo 2 viên (hàm Tứ phẩm) chỉ đạo việc chấm, duyệt quyền lần cuối.

- Mặt sát 4 viên giám sát thí sinh và quan coi thi.

Khu vực ngoại trường có:

- Quan Phân khảo 2 viên (hàm Ngũ phẩm) xem xét các quyền bị coi là hỏng nếu thấy quyền nào đáng đỗ thì trình lên Chủ khảo xét.

- Quan Phó Chủ khảo (quan Nhị phẩm hay Tam phẩm) giúp việc Chánh Chủ khảo.

- Chánh Chủ khảo là quan lớn nhất trường thi (quan Nhị phẩm hay Tam phẩm).

Việc tổ chức thi cử dù là thi Hương ở địa phương nhưng rất chặt chẽ. Chế độ thi cử khắt khe, giáo điều theo kinh viện. Tài liệu Fonds de Superieure au Tonkin RST, No 73571 (phủ

Thông sứ Bắc Kỳ) cho biết khi trường Nam Định tổ chức có thí sinh trường Hà Nội về thi thì số thí sinh “chiếm khoảng một nửa tổng số thí sinh trong toàn bộ vương quốc”. Các năm Tân Mão (1891) có 9.000 người, năm Giáp Ngọ (1894) có 9.772 người dự thi. Thống kê trong Quốc triều Hương khoa lục của Cao Xuân Dục, từ 1825 đến khoa thi 1915 trường thi Nam Định đã lấy đỗ tổng cộng: 1.248 cử nhân và tú tài trong đó tỉnh Nam Định có 396 người chiếm 31,8%, Hà Nội có 135 người chiếm 19,8%, Hải Dương 146 người chiếm 11,7%. Năm 1915 khoa thi Hương cuối cùng tại trường thi Hương Nam Định đã kết thúc lịch sử thi cử Nho giáo tại đất Nam Định.

Trường thi thành phố tích, về sau trên đất trường thi bọn chủ Nhà máy Sợi Nam Định dựng lên mấy dãy nhà lá cho công nhân ở. Pháp trở lại xâm lược, khu vực trường thi thành bãi tập bắn bia cho lính mới Bảo hoàng nguy quân. Sau hoà bình 1954, khu này được dựng lên những dãy nhà tre luồng, lợp lá gồi của khu tập thể gia đình công nhân Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định. Sau Hiệp định Pari, nhiều dãy nhà cấp 4 tường xây, lợp ngói, có điện nước để sinh hoạt cho các gia đình công nhân.

3- Văn Miếu

Khi Nho học trở thành quốc đạo, dân Việt ở làng - xã thì lập văn chỉ, tỉnh - lộ thì có văn miếu thờ Khổng Tử và các vị tiên liệt khoa bảng.

Văn Miếu Thành Nam được xây dựng từ năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), ở phía Tây Thành trên đất làng Năng Tĩnh, rộng khoảng 4 mẫu ta xung quanh xây bao tường gạch. Từ cổng chính vào có ao sen rộng, đến gác khuê văn, đến vườn hoa rồi đến các ngôi đình trong miếu. Ngôi đình ở giữa gọi là Chính đình, trên bàn thờ có bài vị thờ đức Thánh Khổng và các hiền sư trong Nho giáo. Hai bên tả hữu là đình Khải Thánh, nhà

Quan sự và nhà Tiến tế.

Các ngôi đình và khuê văn xưa được xây dựng cổ kính trang nghiêm lại có không gian thoáng đẹp. Trong khuôn viên lại có nhiều cây cảnh, nhiều loại hoa thơm, cây đại thụ tạo nên cảnh quan tao nhã, cao sang, được xem như một thắng cảnh của xứ Nam Định.

Thời xưa, hàng năm vào tháng 8 các quan đầu tỉnh như tổng đốc, bố chánh, án sát, đốc học đến hàng các tri phủ, tri huyện và các bậc nho sinh chí sĩ đều đến đây tế đức Thánh Khổng để tỏ lòng sùng kính đạo Nho. Lễ tam sinh được các trai làng Năng Tĩnh, Mỹ Trọng rước từ dinh Tổng đốc ra miếu. Lính cơ, lính lệ đi hai hàng, cõ lọng rợp đường. Đến nơi, lễ vật được dâng lên đình. Các quan thay phẩm phục theo nghi lễ tế đình, trịnh trọng vào tế... vào những năm 1940, lại có thêm kỳ lễ vào tháng 2 (âm lịch) do hàng thông, phán (giúp việc quan phủ) thực hiện nhưng nghi thức có đôi khác.

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nổ ra (1946), Văn Miếu bị tàn phá. Đến nay khu đất đó đã xây dựng lên khu tập thể công nhân Nhà máy Liên hợp Dệt và Văn Miếu được đặt tên cho phường sở tại, cũng là để ghi lại dấu ấn thuở xưa.

4- Nhà học

Gần khu Văn Miếu xưa, khi ấy còn có một trường gọi là Nhà học. Trường do Đốc học tỉnh Nam Định xây dựng năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), đến năm Thành Thái thứ 2 (1890) bị hỏng nát nhiều nên phải dời về làng Đông Mạc (sau nằm trên phố Hàn Thuyên). Đây là trường học dành cho con các quan hoặc học sinh được tuyển từ các phủ, huyện lên. Khi trường thi Hương bị bãi bỏ thì Nhà học cũng bị đóng cửa, còn lại khu nhà của Đốc học và sau này dân ở phố Hàn Thuyên vẫn gọi nơi đây là ngõ Ông Đốc.

CHƯƠNG BA

SỰ THAY ĐỔI ĐỊA DANH THÀNH NAM TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XX

I- Địa danh Thành Nam thời thuộc Pháp

Sau khi đánh chiếm thành phố Nam Định một số năm, đồng thời với việc củng cố các thế lực trong hệ thống cai trị của Triều Nguyễn đã có tại địa phương làm chỗ dựa để ổn định tình hình, thực dân Pháp đã tiến hành lập một số xưởng máy (sợi), đại lý buôn bán (bông, rượu, thóc, gạo, nông sản...) bước đầu đem lại hiệu quả, nhằm đẩy mạnh khai thác thuộc địa, tạo cơ sở điều kiện xây dựng các nhà máy công nghiệp, mở rộng buôn bán trong vùng châu thổ sông Hồng. Năm 1894 - 1895, thực dân Pháp bạt tường, lấp hào thành Nam Định xưa để xây dựng lại thành phố theo hướng hiện đại. Việc phá vỡ thành Nam Định do một chủ thầu nữ, tên là Tư Hồng, với cả ngàn người tham gia trước đó đã nhận thầu phá vỡ thành cổ Hà Nội. Khi phá bỏ xong Thành cổ, Pháp cho lấp hào, mở rộng địa dư thành phố Nam Định ra vùng đất các làng Vị Xuyên, Đông Mạc và Năng Tĩnh. Năm 1913 lại cho lấp sông Vị, bắt đầu từ đoạn sau phố Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm, rồi từ đoạn Bến Ngự đến gốc đả Hàng Sắt (năm 1917) và cuối cùng là đoạn sông còn lại lên tới bờ hồ Vị Xuyên (đoạn từ cổng Thư viện tỉnh đến ngã ba đường Mạc Thị Bưởi, Nguyễn Du, vào năm 1920). Liên đó, lại cho nạo vét khơi sâu dòng sông Đào, lấy hàng vạn khối đất để san lấp hào, hồ, đôn cao nền các công trình kiến trúc. Nhờ vậy, các đường - phố cổ (trước đó) được kéo dài ra, một loạt phố mới hình thành ngang dọc, nhà cửa, dinh thự được dựng lên. Trên vùng đất Thành xưa (phía Tây đường phố Trần Hưng Đạo nay) chủ yếu giành cho công sở quan lại trong tỉnh và xây dựng các dinh thự của người Pháp. Vùng đất phía Đông là nơi buôn bán, sinh sống của người Việt và thường dân.

Khu công sở của bộ máy cai trị⁽⁹⁰⁾ thời thuộc Pháp đồ sộ nhất là toà Công sứ. Đây là nơi ở và làm việc của viên quan cai trị người Pháp đứng đầu ở tỉnh Nam Định nay là khu vực Quảng Trường Hòa Bình. Quanh dinh Công sứ là các dinh thự trong bộ máy cai trị của người Pháp: Sở Mật thám, Toà án Tây, Sở Y viện, Sở Lục lộ, Sở Điện báo (nay thuộc Bưu điện trung tâm), Sở Đề lao, Sở Quan binh (trại lính khố đỏ, trại lính khố xanh và trại lính cơ). Sau năm 1930 lại xây thêm toà Đốc lý để quản lý công việc của thành phố, trước cửa là bồn nước có đắp 3 con rồng phun nước khá đẹp (nay là vườn cảnh). Sau dinh Công sứ là trường tập của lính. Phía sau khu công sở này là khu nhà thương 50 giường bệnh (nay là Bệnh viện Đa khoa tỉnh)... Những dinh thự này được kiến trúc theo kiểu Pháp, phần nhiều là nhà 2 tầng, trang nhã, nội thất đẹp, khác hẳn với công sở của quan lại người Việt ở gần kề sau đó (của các quan tổng đốc, bố chánh, án sát, đốc học).

Gần Cửa Đông (Thành xưa), người Pháp còn xây dựng một khu công viên rộng, có một “nhà kèn” (biểu diễn kèn đồng) hình vuông, một khán đài hoà nhạc hình bát giác “giàn leo”. Lại có một nhà “xéc” (cerele) - câu lạc bộ thể thao khá rộng, có sân khấu rộng tới 500 chỗ ngồi, có sân bóng rổ, quần vợt, cạnh đó là câu lạc bộ nhỏ bé, giành cho các quan người Việt đánh tổ tôm, xóc đĩa...

Tại mom góc Đông Nam thành một nhà Kho bạc nhỏ, sau lại vượt hồ xây thành nhà Băng (ngân hàng) lớn như hiện nay. Chếch ra hướng Đông Nam, xây dựng một khu nhà Đoan (thuế quan) khá rộng, cao 2 tầng kiểu Âu - Á, mái lợp ngói tây.

Trên khu đất trống góc phía Bắc (trong khuôn viên Thành cổ), Pháp cho xây một trường tiểu học gọi là Trường Trong (hay Trường Cửa Bắc). Trường cách đê Bao Bì bằng khoảng hào nước rộng, ngoài đê phía Cổng Hậu là cánh đồng chiêm

(90) Từ năm 1884 Pháp thực hiện chế độ quân quản, do Đại tá Brionval làm Công sứ. Sau đó, đến tháng 3-1945 đã có 12 đời công sứ dân sự và chính trị tại Nam Định.

trũng. Đường vào trường dài chừng 100 mét, mang tên phố Véc- đơong (Verdun) - phố bên nước Pháp, một bên là tường ngăn của trại giam binh, một bên là hàng rào cây ruối, cây găng ken dày, lại có nhiều cây sấu, cây gạo to, lá xanh um tùm... Trường có 19 lớp học sinh sơ đẳng, được chia ra các nhóm lớp (nhất, nhì, A, B, C...). Trong trường có ngôi nhà rộng xây theo kiểu đình chợ dài hơn 30 mét, rộng hơn 20 mét; lối vào xây tường hình cuốn. Người ta quen gọi ngôi nhà này là Pờ-rê-ô (Preau) nghĩa là sân chơi trong trường học. Năm học 1921 - 1922, Preau đã tạm ngừng đôi, giành một phần cho 2 lớp học của Trường Thành Chung mới được thành lập. Thời gian đầu học sinh tốt nghiệp có bằng khoá sinh (bằng “xéc”), sau này tiếp theo là bằng sơ đẳng Pháp Việt “Xec ti phica”. Thời ấy với tấm bằng, người ta có thể được làm một viên thừa phái, lục sự, ký lục hay ông thông, ông phán ở một số công sở. Trường Cửa Bắc là một trường lớn, số học sinh đông. Năm 1932 có tới 825 học sinh. Trong những năm 1925 - 1927, nhiều giáo viên và học sinh Trường Cửa Bắc đã hăng hái tham gia phong trào yêu nước và cách mạng. Tiêu biểu là thầy giáo Đào Gia Lựu (sau này ở trong Ban Tỉnh uỷ), thầy Tảo, thầy Nguyễn Công Hoan (thầy đã thai nghén và viết xong cuốn tiểu thuyết “Bước đường cùng” ở một gian gác phố chợ, Tây đường Pôn Dume; chỉ ít lâu sau khi cuốn sách ra đời, thầy bị đày ngay ra Trà Cổ (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh). Trường Cửa Bắc tồn tại đến tháng 8-1945.

Trên địa bàn thành phố khi này, ngoài những nhà máy, công sở, vườn hoa, câu lạc bộ... còn phải kể đến các trường học, với 9 trường kiêm bị (trương đương cấp I, tiểu học) thuộc 5 nhóm ở 5 khu vực.

- Trường Con gái (Trường Lê Chân) 9 lớp, 335 học sinh.
- Trường Cửa Bắc (Trường Trong) 19 lớp 836 học sinh.
- Trường Vườn Dâu (làng Phù Long) 6 lớp, 259 học sinh.
- Trường Bến Củi (nay là Trường Tiểu học Ngô Quyền) 9 lớp, 414 học sinh.
- Trường Góc Ngái (nay thuộc đất Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc

thành phố) có 279 học sinh (2 lớp học ở đền Tân Từ, 1 lớp ở Hàng Giấy - ngõ Bắc Ninh).

Năm 1922, Giáo hội Pháp lập Trường Trái Tim thiêng liêng (Sacré Coeur) có 6 lớp với 220 nữ sinh (dân phố gọi là Trường Sơ) vì giáo viên là các nữ tu sĩ, cùng với Trường Saint Thomas bậc cao đẳng, tiểu học có 9 lớp, trên 30 học sinh nam (nay thuộc đất phường Nguyễn Du).

Năm 1920 Pháp tổ chức 1 trường bỏ túc, đến năm 1922 thành lập Trường Cao đẳng Tiểu học Thành Chung (Ecole primaire superieure).

Địa dư thành phố Nam Định trong thời thuộc Pháp, sau khi mở rộng có chiều dài 4.400 mét, rộng 1.400 mét; diện tích khoảng 5.600.000 m². Hình thế đất chạy dài theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Phía trên từ địa phận làng Phù Long đến phía dưới đất Đồn Thủy, Năng Tĩnh. Có 2 đê là đê Bao Bì dài 7.000 mét (từ cống Kênh Gia - đê Tiền Phong đến ngã ba đường Thái Bình cắt đê sông Đào) và đoạn đê hữu sông Đào từ cống Kênh Gia ngược trở lại đến làng Phù Long gặp đường Thái Bình. Con đê khác từ Phù Long đến xã Quang Sán (bên bờ sông Châu) dài 40 km. Để xác lập vị thế cai trị của mình đối với đất bản xứ, thực dân Pháp đã chia 12 phố (khu) Thành Nam xưa thành 10 phố (theo nghĩa khu phố)⁽⁹¹⁾ theo cách ghép 2 từ đầu là Nam và Định để có 10 tên gọi (6 “Định”, 4 “Nam”) là:

- 1- Định Tả (khu vực Hàng Giấy, Hàng Sắt, Hàng Đồng).
- 2- Định Hữu (Hàng Mâm, Hàng Song, Hàng Thủyên).
- 3- Định Tiền (Năng Tĩnh).
- 4- Định Tân (Tô Hiệu - Cửa Nam, Bến Cui).
- 5- Định Hậu (Hàng Cót, Vị Xuyên).
- 6- Định Trung (Hàng Nội, Hàng Dầu, Hàng Cau).
- 7- Nam Long (Hàng Thao, Máy Chai).
- 8- Nam Mỹ (Hàng Tiện, Quang Trung).

(91) Sách *Địa chí Nam Định* của Khiếu Năng Tĩnh, Ngô Giáp Đậu (năm 1916) đều ghi Nam Định có 10 phố. Trong sách *Địa chí* của Ngô Vi Liên thì viết có 10 phường - nghĩa là tổ chức thành các quartiers (đơn vị hành chính - cấp dưới trực tiếp của thành phố).

9- Nam An (Hai Cơ, chợ Ròng, Lò Trâu).

10- Nam Xuyên (khu hồ Vị Xuyên, Giá Nứa).

Trên thực địa địa danh các phố cũ (hình thành trước) phố mới được chia ra 40 đường - phố với cách đặt tên: Một số địa danh của Pháp, một số danh nhân Pháp, một số nước trên thế giới (Hoa Kỳ, Anh quốc), địa danh một số tỉnh Việt Nam: Hưng yên, Thái bình, Gia Định..., một số danh nhân Việt thân Pháp (Tự Đức, Nguyễn Hữu Độ, Đồng Khánh...) hoặc phố nghề phiên âm tiếng Pháp (*xem phần sau*).

II- Sự thay đổi địa danh thành phố Nam Định từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1997

Từ khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đến năm 1997 về cơ bản địa dư thành phố chỉ biến đổi chút ít so với những thập niên đầu thế kỷ XX (thời thuộc Pháp), tuy có mở rộng thêm về phía Tây - khu vực đường Đất Đỏ, về phía Bắc - khu hồ Tức Mặc, khu Thống Nhất, các ô ở Hạ Long. Nhưng về địa danh hành chính cấp cơ sở thì thay đổi quá nhiều (khi thì nhập, khi tách, khi là khu, khi tiêu khu rồi đổi thành phường...). Tên gọi các đường - phố cũng thay đổi nhiều.

Sau khi giành được chính quyền, để khẳng định chủ thể đất nước, chủ quyền dân tộc, dưới chính thể nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946, chính quyền Nhà nước đã được xây dựng từ Trung ương đến cơ sở. Cấp hành chính ở địa phương có tỉnh, thành phố (đơn vị trực thuộc Trung ương), dưới là huyện, xã hoặc khu phố (ở thành phố, thị xã). Cấp tổng, đơn vị trung gian bị xoá bỏ (cấp phủ đã được xoá bỏ từ thời Nguyễn, trước đó). Xã là đơn vị hành chính cấp cơ sở gồm nhiều làng - thôn - xóm gộp lại không phải là làng - xã (nhất xã, nhất thôn) như quy định từ thời Khúc Thừa Dụ đến cả thời kỳ phong kiến, thực dân trước đó.

Tại thành phố Nam Định, 10 phố (khu) thời thuộc Pháp được gộp lại thành 8 khu phố mang tên các chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, gồm:

- 1- Khu phố Tống Văn Trân (Định Tân - P. Ngô Quyền).
- 2- Khu phố Hồ Văn Mịch (Nam Xuyên - nay thuộc phường Phan Đình Phùng).
- 3- Khu Phạm Tuấn Tài (Nam An, Bà Triệu, Cửa Bắc).
- 4- Khu Trần Đình Quý (Định Tả/Nam Mỹ, nay thuộc P. Nguyễn Du và một phần P. Trần Hưng Đạo).
- 5- Khu Đoàn Trần Nghiệp (Định Hữu - Vị Hoàng, Vị Xuyên).
- 6- Khu Lê Văn Phúc (Định Hậu - Trần Tế Xương, Vị Xuyên).
- 7- Khu Nguyễn Thanh Tuyết (Định Tiền - Năng Tĩnh).
- 8- Khu Lê Ngọc Rur (Nam Mỹ - P. Quang Trung).

Các đường, phố có địa danh do Pháp đặt tên thì được lấy lại tên các phố nghề từ trước hoặc được đổi lại theo địa danh Việt Nam và danh nhân lịch sử, cách mạng Việt Nam, như phố Pôn be thành phố Đinh Bộ Lĩnh; phố Henri Rivière lại là Hàng Tiệm; phố Bảo Hộ gọi là Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm; phố Francis Garnier đổi lại là phố Máy Tơ; phố Tụ Đức đổi là phố Trần Bình Trọng; phố Đồng Khánh lấy lại tên phố Hàng Thao, phố Nguyễn Hữu Độ lấy lại tên ngõ Hàng Kẹo, Hàng Thiếc, Hàng Đàn là phố Nguyễn Thế Rục...⁽⁹²⁾

Từ năm 1947 - 1954, khi thực dân Pháp tái chiếm thành phố, đồng thời với việc dựng lại bộ máy chính quyền tay sai làm chỗ dựa, chúng lại sử dụng các địa danh đường, phố mà chúng đã lập ra từ trước và một số địa danh phố nghề thì giữ nguyên. Tuy nhiên, có nhiều đường - phố được Pháp đặt tên, nhưng theo thói quen người dân vẫn gọi những đường - phố ấy theo địa danh cũ, như Har mand vẫn gọi là Bến Thóc, Carreau vẫn là phố Cửa Đông, Chapeaux gọi là Bến Cui. Hoặc như đoạn phố Quang Trung từ phố Lý Thường Kiệt đến đường Mạc Thị Bưởi vẫn gọi là đường Goòng⁽⁹³⁾ và đoạn phố Hàng Sũ tới

(92) Đây là những danh nhân Việt Nam nhưng thân Pháp (không được vinh danh).

(93) Năm 1919 - 1920, để chở đất từ bờ sông (nạo vét sông Đào) từ phía Mỹ Tân vào san lấp khu vực ruộng trũng phía Nam đê Bao Bi, Pháp đã làm một đường Goòng vào tận đường Quang Trung hiện nay.

Giá Nứa (nay là cuối phố Phan Đình Phùng) dân vẫn gọi là phố Lữ Gia. Hoặç đoạn từ đường Hưng Yên đến công nghĩa trang Công giáo xưa (nay là đường Mạc Thị Bưởi) gọi là Ngõ Huyện, không gọi là Chasseloup Laubat theo Pháp ngữ...

Cùng trong thời gian kháng chiến chống Pháp (1947 - 1954), giữa năm 1947, thành phố và huyện Mỹ Lộc hợp nhất thành huyện Thành Mỹ để mở rộng địa bàn xây dựng cơ sở kháng chiến. Thành Mỹ chia thành các khu: A, B, C, D, E và một số xã ngoại thành cũng hợp lại thành các cụm chiến đấu liên hoàn (Nam Phong với Nam Mỹ thành xã Mỹ Lộc; xã Đồng Hữu, xã Long Giang thành xã Mỹ Đông; xã Mỹ Xá nhập với một số thôn ở xã Lộc Hoà, Lộc Vượng thành xã Mai Mỹ...) ⁽⁹⁴⁾. Đến giữa năm 1949, quân Pháp mở rộng địa bàn chiếm đóng, để việc chỉ đạo kháng chiến được kịp thời, tỉnh lại cho tách huyện Mỹ Lộc và thành phố Nam Định thành hai đơn vị hành chính độc lập. Năm 1950 các xã ngoại thành cũng được tách ra. Năm 1953 các xã Nam sông Đào (thuộc huyện Mỹ Lộc) được tách về thuộc huyện Nam Trực. Thành phố còn 5 xã ngoại thành là Mỹ Xá, Lộc An, Lộc Vượng, Lộc Hạ, Lộc Hoà.

Sau khi hoà bình lập lại (tháng 7-1954), thành phố Nam Định là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu uỷ III. Cùng với việc thu dọn, khắc phục hậu quả chiến tranh, trong 3 năm (1954 -1956), các đường - phố nội thành được đặt tên, đổi tên mới là các danh nhân lịch sử có công với nước và rất nhiều đường - phố mang danh các chiến sĩ cộng sản tiền bối, các chiến sĩ hoạt động du kích hoặc nơi có nhiều thành tích trong kháng chiến chống thực dân Pháp (Hoàng Ngân, Mạc Thị Bưởi...). Điều nổi lên trong khi thay đổi địa danh đường - phố lần này hầu hết các phố, các **đoạn phố nghề - có tên “Hàng”** từ xưa - nét đặc trưng của Thành Nam (chỉ sau Kinh thành Thăng Long - Hà Nội) đã thay bằng tên gọi mới, hoặc gộp lại thành một phố với

(94) Xem chương V: Địa danh hành chính.

một tên gọi chung: Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm, Hàng Song thành phố Minh Khai; Hàng Lọng, Hàng Giấy, Hàng Dầu, Phố Khách thành phố Hoàng Văn Thụ; Hàng Đường, Hàng Đồng gọi chung là phố Hàng Đồng; Hàng Giày, Hàng Mành, Hàng Thùng, Hàng Cầm là phố Bắc Ninh...

Từ thực tế định hình và hướng phát triển (mở rộng, kéo dài) của địa danh các đường - phố trong Thành Nam từ khi xây dựng cho đến sau này đều bắt đầu từ trung tâm kéo về các phía. Mà trung tâm nơi giao cắt ở Cửa Đông Thành xưa (thường gọi ngã tư Cửa Đông) giữa phố Trần Hưng Đạo (nay) là trục Bắc - Nam và phố Lê Hồng Phong - Trần Phú (nay) là trục Đông - Tây. Căn cứ vào sự định hình đó, Ủy ban Quân chính thành phố đã tổ chức khu vực nội thành làm 4 khu phố: Khu vực góc Tây Nam ra tới ngã 6 Năng Tĩnh là khu phố I, khu vực góc Tây Bắc ra tới phố Công Hậu cũ (nay là đường Điện Biên là khu phố II, góc Đông Bắc ngã 3 đường đi Thái Bình là khu phố III, góc phía Đông Nam tới Nhà máy Nước là khu phố IV.

Ngày 03-9-1957, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định (số 405/TTg) sáp nhập thành phố Nam Định vào tỉnh Nam Định. Khu vực nội thành từ 4 khu phố lại tách làm 8 khu phố, từ khu phố I đến khu phố VIII. Năm 1964 thì khu phố giải thể, toàn nội thành lại chia thành 53 khối phố.

Để chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Quyết định (số 103/QĐ-TVQH) về việc hợp nhất 2 tỉnh Nam Định và Hà Nam thành tỉnh Nam Hà. Thành phố Nam Định là lỵ sở của tỉnh mới hợp nhất. Sau đó, ngày 13-6-1967, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định (số 76/CP) nhập huyện Mỹ Lộc về thành phố Nam Định. Khu vực nội thành vẫn được tổ chức thành 8 khu phố, từ khu I là khu vực Năng Tĩnh đến khu VIII là khu vực chợ Đồng Tháp - đường đi Thái Bình và có 15 xã ngoại thành.

Kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá V (ngày 27-12-1975) ra nghị quyết hợp nhất hai tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình thành

tỉnh Hà Nam Ninh, thành phố Nam Định vẫn là lỵ sở của tỉnh mới. Đến năm 1977, Chính phủ quyết định nhập 9 xã ngoại thành thuộc thành phố về huyện Bình Lục.

Năm 1976 bỏ khu phố để lập ra 28 tiểu khu, một năm sau lập thêm tiểu khu Thống Nhất, thành 29 tiểu khu.

Ngày 10-3-1979, Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định ra Quyết định (số 34/QĐ-TCTK) sáp nhập 29 tiểu khu thành 10 tiểu khu, gồm Trường Thi, Năng Tĩnh, Trần Đăng Ninh, Cửa Bắc, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Vị Xuyên, Nguyễn Du, Trần Tế Xương.

Ngày 03-1-1981, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định (số 03/QĐ-CP) về thống nhất tên gọi các đơn vị hành chính ở nội thành, nội thị, cấp cơ sở đổi từ tiểu khu thành phường.

Ngày 25-5-1982, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định (số 142/QĐ-HĐBT) điều chỉnh địa giới một số phường của thành phố Nam Định, từ 10 phường lên 15 phường. Số phường mới gồm:

- 1- Phường Bà Triệu (tách ra từ phường Cửa Bắc).
- 2- Phường Hạ Long (tách ra từ phường Trần Tế Xương).
- 3- Phường Ngô Quyền (tách ra từ phường Năng Tĩnh).
- 4- Phường Văn Miếu (tách ra từ phường Trường Thi).
- 5- Phường Vị Hoàng (tách ra từ phường Vị Xuyên).

Kỳ họp thứ 10 Quốc hội (khoá IX) ngày 6-11-1996 quyết định chia tách tỉnh Nam Hà thành 2 tỉnh Nam Định và Hà Nam (sau 32 năm hợp nhất).

Ngày 02-01-1997, Chính phủ ra Nghị định (số 01/NĐ-CP) nhập 2 xã Nam Phong và Nam Vân thuộc huyện Nam Ninh về thành phố Nam Định.

Ngày 26-02-1997, Chính phủ ra Nghị định (số 19/NĐ-CP) điều chỉnh địa giới thành phố Nam Định, tái lập huyện Mỹ Lộc. Xã Lộc Hòa thuộc thành phố được tách ra chuyển về thuộc huyện Mỹ Lộc, sau lại chuyển về Thành phố Nam Định có 15 phường và 7 xã ngoại thành.

Vậy là sau 52 năm (1945 - 1997), dưới chính thể nước Việt

Nam dân chủ cộng hoà rồi Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tỉnh Nam Định đã hai lần nhập, tách tỉnh và thành phố Nam Định từ đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, được nhập vào tỉnh và luôn là lỵ sở của tỉnh. Trong bối cảnh tình hình với những yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể, địa giới hành chính của thành phố cũng qua 2 lần nhập, tách với huyện Mỹ Lộc và vài lần nhập, tách các xã ngoại thành. Riêng đối với khu vực nội thành, tuy không gian, đất đai phát triển chậm, tăng ít nhưng quy mô, địa giới hành chính, địa danh các đơn vị hành chính cơ sở thường xuyên có biến đổi để xác lập sự hợp lý, thống nhất. Đó là sự tổ chức thành các khu phố, đến tiêu khu và thành phường như hiện tại, với số dân thường trú ổn định (trương đối) phù hợp với điều kiện, khả năng quản lý của cấp chính quyền tương ứng. Sự biến đổi về quy mô, địa giới hành chính và địa danh ở thành phố Nam Định là nhiều, mang tính đặc trưng so với nhiều thành phố, thị xã khác trong cả nước. Tuy quá trình biến đổi diễn ra ở các thời điểm khác nhau, nhưng cũng gặp không ít khó khăn, phức tạp.

Việc xác lập mốc địa giới giữa các đơn vị hành chính nội thành chủ yếu là sự phân định trên thực địa: Tim đường (ranh giới chia đôi) hay cụm dân cư. Có nơi trên một trục đường, phố chia ra nhiều đoạn, hoặc cả dãy nhà mặt đường thuộc đơn vị này, nhưng các nhà dân sau tường dãy đó lại thuộc đơn vị khác. Đối với thành “phố cổ” như Thành Nam thì sự hiện hữu đó là khó tránh khỏi. Bởi ở đây, tại một số đoạn phố cổ, quá trình hình thành phố xá, xây dựng nhà cửa mang tính tự phát, thiếu định hình quy hoạch theo ô, dãy (như sau này) lại không cùng thời gian, đã tạo nên trong các khu dân cư các ngõ, ngách, hẻm dài ngắn, rộng hẹp khác nhau, lại ngoằn ngoèo, dích zắc, người dân sinh hoạt trong không gian chật hẹp, đi lại khó khăn. Sự thể này không chỉ ở các khu Hàng Đồng, Hàng Tiện, Hàng Sắt, Hoàng Văn Thụ, Minh Khai mà ngay các khu dân cư xây dựng những năm 1975 - 1990 như khu An Phong (Quang Trung), Phù Long (Trần Tế Xương), Ô 20 (khu đất Hợp tác xã rau cá

Hạ Long) và khu Đông An, khu tả, hữu đường Rặng Xoan... dân cư đông đúc, ngõ ngách nhỏ hẹp, uốn lượn, việc nắn chỉnh, cải tạo rất vất vả, khó khăn.

Đi liền với sự thay đổi địa giới hành chính, việc hình thành các tổ chức dân cư trên địa bàn cũng có quá trình tương tự: Từ tổ chức khối phố, đến cụm, miền dân cư, đến tổ dân phố được xác định theo số hộ dân ở liền kề nhau để tiện phối hợp các sinh hoạt cộng đồng và đảm bảo nếp sống văn minh trật tự đô thị.

III- Địa danh đường, phố Thành Nam (trước năm 1998)

1- Phố Trần Hưng Đạo

Con đường bao chạy dọc theo tường phía Đông Thành Nam xưa đường Bờ Hồ là đường đi tuần tra của lính bảo vệ Thành. Khi Thành cổ bị phá bỏ, san lấp, con đường này được mở rộng, đôn cao bằng đất đá, gạch vỡ. Có thể do nhận thấy xu hướng phát triển địa dư thành phố Nam Định lâu dài về sau nên khi thiết kế, xây dựng, người chủ trì việc này đã sớm định hình con đường này thành trục chính của trung tâm thành phố với quy mô bề rộng khá chuẩn mực cho đến ngày nay (mặt đường 14 mét, chỉ giới 30 mét). Chiều dài con đường này chưa tới bờ sông Đào (phía Nam) và đến chân đê Bao Bì, đóc Lò Trâu (phía Bắc). Vào khoảng những năm trước 1920, con đường này cùng với một số đường - phố cổ đã được rải nhựa, tạo nên một đường phố có vóc dáng hiện đại, thoáng đãng và đặt tên là phố Pônbe (Paul bert - một viên chỉ huy người Pháp tham gia xâm lược Việt Nam). Sau Cách mạng tháng Tám thành công, Chính quyền Quân quản thành phố đổi tên phố là phố Đinh Bộ Lĩnh (Đinh Tiên Hoàng 968 - 979) - người dẹp loạn 12 xứ quân, lập nên Nhà nước thống nhất là Đại Cồ Việt. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, thành phố được giải phóng. Năm 1956, phố này lại đổi tên là phố Trần Hưng Đạo.

Trong lịch sử của dân tộc, Trần Hưng Đạo (tức danh là

Hung đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, 1228 - 1300) là vị tướng tài cao, đức sáng, lừng danh trên thế giới, với chiến công hào hùng: Ba lần chỉ huy quân dân Đại Việt đánh tan quân xâm lược Nguyên - Mông ở thế kỷ XIII, bảo vệ vững chắc non sông đất nước và góp phần lớn lao xây dựng vương triều Trần thịnh trị gần hai thế kỷ. Dân Việt Nam đã vinh danh, suy tôn Ngài là “Thánh” - Đức thánh Trần và khắp nơi đâu đâu cũng lập đền thờ. Là đường phố trung tâm - trục chính của thành phố quê hương vương tộc nhà Trần được gắn danh Trần Hưng Đạo là mang ý nghĩa hàm xúc cao cả, là sự tôn kính muôn đời đối với các thế hệ người dân Thành Nam và quê hương tỉnh Nam Định.

Trái hơn một thế kỷ hình thành: Đường Bồ Hồ xưa phố Trần Hưng Đạo nay, cảnh quan, sắc thái nơi đây đã biết bao thay đổi. Từ năm 1897, tại gò Tường Loan, xưa phía bên tả đường, một khu nhà thờ đạo Công giáo lớn đã được dựng lên, dân vẫn quen gọi là Nhà Thờ lớn. Đối diện, phía bên hữu (hướng Tây) năm 1923 người Pháp đã xây dựng khu nhà Bể lớn, kiêu cách châu Âu 5 tầng (có tầng trệt) hoành tráng, lộng lẫy. Cùng thời gian ấy, đường phố này được mở thêm đoạn đến gần bờ sông và ở khu đất phía Tây Nam một nhà Đoan (Thuế quan) được xây dựng 2 tầng sàn gỗ, mái ngói. Những năm tiếp theo, dọc 2 bên hè đường này, từ phía bờ sông Đào qua ngã tư Cửa Đông về hướng Bắc, các cửa hiệu, nhà hàng lần lượt được xây dựng, mà phần lớn là của các chủ tư sản người Việt. Số nhà cao tầng còn ít (chủ yếu nhà 2 tầng) kiểu dáng châu Âu hoặc Âu - Á. Là trục phố chính của thành phố nên những năm 1930 - 1945, phía hữu, đoạn giữa phố này đã có một khách sạn gọi là “Đông Á” (nay là địa điểm Phòng Y tế thành phố), có tiệm nhảy Bôlêro (Bolero) vũ điệu Tây Ban Nha (sau là Cửa hàng Đồng hồ Việt Đức), có rạp Chiếu bóng Văn Hoa (Cinéma).

Chợ Rồng có sau chợ Đò Chè, chợ Vị Hoàng và chợ Cửa Trường. Có thể được xây dựng vào một năm Thìn thời Tự Đức (Bính Thìn 1856 hoặc Mậu Thìn 1868) ở bên tả đường, phía

Đông Thành Nam (cổ). Lại là chợ lớn (gọi là “Chợ Nhớn” nên phải lấy chữ “Long” - nghĩa con rồng đứng đầu tứ linh (Long - Ly - Quy - Phượng), có 2 đình chợ lớn, lợp lá gồi (cọ), ở khu vực “Cửa hàng hầm” đến Công ty Kinh doanh Vàng bạc đá quý hiện nay. Đến năm Thành Thái thứ 2 (1890) chợ được xây lại, rộng hơn với 4 đình chợ, mái lợp ngói, có diềm gỗ trang trí hoa văn, xung quanh có nhiều dãy lều. Với quy mô như vậy, chợ Rồng đã át hẳn chợ Vị, chợ Phượng, đứng thứ 2 ở Bắc Kỳ, sau chợ Đồng Xuân (Hà Nội), to hơn cả chợ Phố Hiến (Hưng Yên). Năm 1929, Pháp cho xây mới chợ Rồng về phía Tây phố Trần Hưng Đạo (ở vị trí hiện nay) có 2 đình chợ mái beton, 1 tầng, rộng 8.000 m². Năm 1991 chợ Rồng bị cháy, sau phải phá bỏ, xây lại và năm 1997 hoàn thành. Chợ xây mới cao 2 tầng, 2 đình chợ rộng 2.700 m² với 24 cửa ra vào, có 750 ki ốt bán hàng và 1.500 sạp hàng.

Phía Đông phố Trần Hưng Đạo có đền Đức Vua (xây dựng năm 1880) và đền Đại Thành (đền Trình) thờ Trần Hưng Đạo và Thánh Mẫu, xây dựng năm Thành Thái thứ 13 (1903).

Cuối những năm 1950 về sau này, các ngôi nhà phía hữu phố Trần Hưng Đạo, đoạn gần ngã tư Cửa Đông đến chợ Rồng đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, thành cơ sở của mậu dịch quốc doanh: Cửa hàng Ăn uống số I, Công ty Thương nghiệp thành phố, Cửa hàng Bách hoá, thành trụ sở của Ủy ban Khoa học - Kỹ thuật tỉnh (nay là Hội Văn nghệ), Phòng Văn hoá thành phố; phía Bắc chợ Rồng là Sở Thủy sản (nay nhượng cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Đồn Vạn Bảo và Trường Đào tạo sĩ quan nguy quân của Pháp xưa, được xây dựng thành Trường Sêcuturê (nay là Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp)...

Rạp Chiếu bóng Văn Hoa đến năm 1955 thành Rạp Chiếu bóng thuộc Liên khu III, đến năm 1958 thì giao cho đội chiếu phim thuộc Ty Văn hoá, sau này thành Rạp thính Tám và là trụ sở của Công ty Điện ảnh tỉnh. Đến đầu những năm 2000, Rạp thính Tám đã được nâng cấp (trên diện tích đất 611 m²), có hệ thống máy chiếu, màn hình... hiện đại và duy trì được hoạt

động.

Phía Bắc gần Rạp tháng Tám, năm 1956 đã xây dựng Rạp Cải lương An Lạc do nghệ sĩ Thanh An và 3 người nữa góp vốn. Xuất xứ của đoàn nghệ thuật này là gánh hát chèo của gia đình ông xã Khúc (quê Nghĩa Hưng), những năm chống thực dân Pháp tản (di) cư vào Thanh Hoá lưu diễn lại học được lối hát mới, nghệ thuật biểu diễn mới đã lập ra đoàn Cải lương Thanh Kỳ. Khi thành phố Nam Định được giải phóng, Đoàn Cải lương này trở về, trụ lại xây Rạp An Lạc, gọi là Đoàn Cải lương An Lạc. Sau này thành đoàn nghệ thuật cải lương thuộc Sở Văn hoá - Thông tin và đổi tên là Rạp Bình Minh (diện tích đất 1.159 m²). Nơi này đã đào tạo chấp cánh cho nhiều thế hệ nghệ sĩ tài năng, có một thời kỳ dài đoàn hoạt động khá sôi nổi, thu hút được sự mến mộ nghệ thuật cải lương Bắc của đông đảo công chúng khán giả Thành Nam và trong khu vực. Đến nay Nhà hát Cải lương Bình Minh đã được xây dựng lại khang trang với 350 ghế ngồi lịch lãm.

Phía tả (hướng Đông) phố Trần Hưng Đạo là dãy phố của hầu hết các hộ gia đình tư nhân được xây dựng từ thời thuộc Pháp. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, những ngôi nhà ở đây trở thành cửa hàng, cửa hiệu của công tư hợp doanh, của các hợp tác xã cắt tóc, sửa chữa xe đạp, May Vạn Tường, Đồng hồ Tiếng Vang, Hiệu Chụp ảnh Phương Đông... Khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, các hộ tư thương ở đây phát triển sản xuất kinh doanh khá mạnh. Trên dãy phố này đã xuất hiện nhiều tiệm vàng - bạc lớn (Phúc Thành, Thịnh vượng) nhiều cửa hàng điện máy, hàng tiêu dùng cao cấp. Cuối những năm 1990 đã xây mới ở đây nhiều nhà cao tầng (6 - 7 tầng) vóc dáng đồ sộ, hiện đại. Khu nhà của Công ty May Nam Định (ở chân cầu Đò Quan hiện nay) một thời đông công nhân sản xuất nhộn nhịp, năm 2007 Công ty chuyển ra địa điểm mới, khu này đã chuyển mục đích sử

dụng...

Phía Bắc dốc Lò Trâu xưa có một lô cốt ngầm của quân Pháp. Đến cuối những năm 1960, phía ngoài đê Bao Bì còn có bến đò dọc đi Đền Trần và các nơi. Năm 1973 cùng với việc đào hồ Truyền Thống, tạo gò nổi để sau đó xây dựng nhà trưng bày cổ vật và công viên Tứ Mặc, đoạn đường Trần Hưng Đạo kéo dài (từ dốc Lò Trâu đến khu hồ được hình thành). Rồi hai chục năm sau các khu ruộng trũng ở đây cũng được lấp đầy, cao lên và dần hình thành khu dân cư mới. Phía Tây Nam hồ Truyền Thống, dạo có chiến tranh phá hoại của Mỹ, bệnh xá của Tỉnh đội Nam Hà sơ tán ra đây vượt lập đất làm vài căn nhà tạm. Đến những năm 1980 và sau này một số quân nhân đến đây làm nhà ở và gọi là “Khu Quân nhân Tỉnh đội”.

Tháng 7-1994, đầu phía Nam phố Trần Hưng Đạo đã hoàn thành xây dựng cầu bê tông qua sông Đào, gọi là cầu Đò Quan, nối liền bờ Bắc - bờ Nam của thành phố và đảm bảo cho sự giao thông thông suốt của tỉnh đi các huyện phía Nam.

2- Phố Hàng Cau

Đoạn phố nổi phố Hai Bà Trưng (giao cắt với phố Phan Đình Phùng tới đường Bờ Sông (nay là phố Trần Nhân Tông) xưa chuyên buôn bán cau khô, cau tươi, vỏ rạ, củ nậu, dừa quả và khô lạc (đóng bánh sau khi ép dầu) của các thuyền buôn từ sông Đào lên, được đặt tên là Hàng Cau. Phố này chỉ dài 200 mét, thời Pháp đặt tên là Rue Jules Ferry.

Hai bên phố khu phía Nam Nhà thờ lớn năm 2003 tại đây có hai cơ sở công nghiệp là Công ty May Mỹ nghệ (phía Đông) và Công ty May Nam Định (phía Tây) thì có đông công nhân đi lại. Năm 2004 Công ty May Mỹ nghệ ngừng hoạt động (do sáp nhập đơn vị khác) và năm 2007 Công ty May Nam Định chuyển ra khu Hoà Xá, hai cơ sở này đã chuyển mục đích sử dụng nên không còn sôi động như xưa.

3- Phố Hai Bà Trưng

Khi Thành Nam cổ đã bị bạt tường, lấp hào thì vạt đất phía Đông Thành được tạo thành hai phố song song nhau là Pôn be (nay là phố Trần Hưng Đạo) và phố Rue de France (Đại Pháp). Dọc theo phố này, từ phía chợ Rồng xuôi theo hướng Nam đến Nhà thờ lớn từ những năm đầu thế kỷ XX đã hình thành những “Hàng” vải màn, rượu, thiếc, đàn. Thời thuộc Pháp đặt là Rue de France (Đại Pháp). Năm 1946, chính quyền cách mạng đặt tên là phố Hai Bà Trưng. Phố này chạy dài 1.000 mét từ phố Bà Triệu tới phố Hàng Cau (qua Nhà thờ lớn).

Hai bà Trưng là 2 danh nhân Trưng Trắc, Trưng Nhị, hai chị em con Lạc tướng huyện Mê Linh, quê Hạ Lỗ. Năm 43 hai nữ tướng đã lãnh đạo khởi nghĩa đánh quân Thái thú Tô Định nhà Hán, rồi xưng Vương (Trưng nữ Vương) đóng đô ở Mê Linh. Sau bị quân của Mã Viện đàn áp, ở thế yếu, hai bà tự vẫn ở Hát Giang.

Đoạn phố Vải Màn ban đầu chỉ khoảng vài chục nhà (hộ) vừa dệt, vừa bán vải màn, quê làng Dịch Diệp (Trực Ninh), làng Thịnh (xã Mỹ Thắng, Mỹ Lộc). Cũng tại đây còn cung bông, quay sợi, làm chần. Kế đó lại có đôi mươi hộ làm mũ và khăn xếp, loại mũ cát vành roăng bọc vải ka ki (không cúp như mũ cối sau này). Thợ làm nghề, gốc quê làng Vị, tức làng Hoa Chiếu, xã Phụng Chiếu, tổng Tiên Châu (nay thuộc huyện Tiên Lữ, Hưng Yên). Do gần chợ Rồng, nên đoạn phố này còn xen kẽ một số hộ buôn bán đồ chơi bằng giấy (đèn lồng, đèn xếp, đèn kéo quân, đầu sư tử, ông tiến sĩ giấy...). Vào dịp tết hoặc trung thu, người mua thật đông. Lại có dăm bảy nhà người làng Vị Xuyên và Đồng Văn (Vụ Bản) vẽ tranh thủy mặc hoặc nặn con giống bằng bột dẻo tò he (chó, mèo, gà, hổ, chim, ngỗng...). Tiếp theo lại có những hàng rượu, hàng vàng bạc. Làm nghề vàng bạc là những người thợ làng Đồng Sâm (Kiến Xương, Thái Bình), làng Tương Loát (Ý Yên), chuyên chủ làm (đánh) đồ trang sức, trang trí bằng vàng bạc (vòng,

nhẫn, xuyên, dây xà tích, ống vôi, hoặc bịt bát đĩa, âm, tách bằng sứ cổ...). Cũng có vài nhà bán đồ vàng bạc trạm trổ, ngà voi... Hàng rượu thì có vài quán, nhưng là đại lý lớn nên khách mua không ít. Hàng thiếc thì ở cuối phố, chuyên gò hàn thiếc các vật dụng tôn, sắt hoặc còn làm ra đồ chơi bằng sắt tây (ô tô, máy bay, tàu thủy chạy được trên nước), do thợ nghề thiếc từ Đan Hội (Hà Nội) về. Thuở ấy phố này sản xuất kinh doanh đã đa dạng. Người mua sắm (tiêu dùng) thường ngoạn hàng mỹ nghệ có giá trị thuộc loại quyền quý giàu sang ở xứ này đã trở nên sành điệu.

Trong phố Hai Bà Trưng có đền Tân Mỹ thờ Đức Thánh Trần xây dựng năm Tự Đức thứ 18, nay được tôn tạo, là nơi hành lễ tín ngưỡng của nhân dân.

Bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế phát triển, hàng tiêu dùng đa dạng, được sản xuất bằng công nghệ mới thay thế dần hàng thủ công: Chăn len dạ thay chăn bông, màn tuyn thay màn xô, đồ chơi điện tử bằng nhựa thay đồ chơi nặn bằng bột, bằng đất... Phố cũ, hàng xưa đã mai một. Nay dọc theo phố Hai Bà Trưng có vài hàng cơm bình dân ở phía đầu (gần chợ Rồng) rồi đến dãy dài hai bên là hàng quần áo, tiếp theo là hàng giày dép đủ loại. Vượt qua phố Lê Hồng Phong về phía Nam là hàng thuê đồ tế lễ (trương, đối, y môn, cờ thần...) tiếp đến là vài chục nhà hàng gò thùng, hòm, xô, chậu bằng tôn, sắt... Sinh hoạt dân cư và giao lưu thương mại đông vui cả dãy phố.

4- Phố Hoàng Văn Thụ

Đường phố hình thành sớm và là nơi tụ cư của khá đông người Hoa, người Ấn⁽⁹⁵⁾ nên còn gọi là phố Khách hoặc phố Hoa Kiều (Khách trú). Thời thuộc Pháp đoạn từ ngã tư Quang Trung lên là đường Hà Nội (đền Giếng). Sau khi giành chính

(95) Theo tư liệu Cục Thống kê tỉnh Nam Định, năm 1939 dân số thành phố Nam Định năm 1925 có 23.956 người, trong đó có 327 người Âu, 1.772 người Trung Quốc và 20 người Ấn.

quyền, thành phố đặt tên phố Hoàng Văn Thụ, dài 1.400 mét từ đường Trần Nhân Tông đến đường Trường Chinh.

Hoàng Văn Thụ (1906 - 1944), người Tày, quê Nhân Lý, Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Ông là uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng, bị thực dân Pháp bắt, xử tử hình.

Trong phố Hoàng Văn Thụ, ngoài số đông người Hoa buôn bán thuốc bắc, cuối phố Khách Trên, khoảng trước những năm 1930 có vài cửa hiệu của người Ấn chuyên bán vải lụa và vải máy dệt Nam Định. Đoạn ngã tư (cắt ngang phố Bắc Ninh) là Hàng Giấy có đền thờ Phạm Ngũ Lão (là bộ tướng của Trần Hưng Đạo, quê Phù Ủng, huyện Ân Thi, Hưng Yên) xây từ đời Lê. Dân Phù Ủng đến đây từ lâu đời, buôn bán đủ các loại giấy: xuyên chỉ, tàu bạch, lệnh chỉ, kỳ lân, giấy màu có hoa văn in nhũ, giấy bản, giấy moi... lại có các loại bút lông (ô long thuỷ, lan đình, tuý mặc thiên; các loại sách in mộc bản như Tứ thư, Ngũ kinh, Kim Vân Kiều, truyện Nôm Cung oán ngâm khúc... Những năm có khoa thi Hương (Tý, Ngọ, Mão, Dậu), phố Hàng Giấy lại càng đông vui tấp nập.

Đầu phố phía Bắc (khu Hai Cờ) có đền Mỹ Thành (gọi là đền Hai Cờ) xây dựng năm 1889 thờ Trần Hưng Đạo và Đức thánh Mẫu Hai Bà Trưng. Đoạn này có bán đồ hàng mã, hàng gốm của dân Đình Xá (Kim Bảng, Hà Nam), rồi hàng mũ bán cho các quan người Việt: Mũ cánh chuồn kèm theo hia, hài bằng vải lụa, nhung (của thợ Văn Lâm, Tứ Kỳ, Hải Dương); mũ cho quan triều đình thì bằng đồng, có trạm trổ (thợ Đình Công Hà Nội). Phố này cũng bán hàng vải, lụa: Vải Rồng của Văn Giang (Hưng Yên), vải nhuộm Báo Đáp, Bái Dương, Tương Nam, Hiệp Luận (Nam Trực), đến lụa Quần Phương (Hải Hậu), Phương Đề (Trực Ninh), hoặc vải lương, đoạn, sa, the (Thăng Long), nhiễu tím (Tam Giang), nhiễu đen (Kỳ Cầu), lĩnh (Bưởi), lụa vân (Hà Đông)... Vào dịp tết nguyên đán ở đoạn phố Hàng Giấy này còn bán các loại hương thơm như hương vòng, hương nén, hương cây đủ loại và các loại pháo bánh to, nhỏ (500 - 1.000 cái) để đốt đêm giao thừa, đón

mừng năm mới. Một vài cửa hàng người Hoa ở đây thì bán tranh Tàu tứ bình, nhị bình, tổ nữ, quan công... màu sắc thật tươi tắn, sinh động. Hàng Lọng, Hàng Thêu thì ở đoạn Cửa Đông, gồm thợ là người Đào Xá, Tam Xá, Hương Dương, huyện Thường Tín và làng Thịnh (Mỹ Lộc).

Nay phố Hoàng Văn Thụ chỉ còn một số hiệu thuốc bắc của người Hoa và người Việt ở đoạn giữa. Đoạn đầu đền Giếng thì có một số cửa hàng ăn uống, chè biến giò chả. Đoạn cuối gần bờ sông, vài năm về trước có tiệm cà phê, khách đến đông, nhưng nay cà phê có ở nhiều chỗ nên ở đây cũng vắng lặng đi nhiều.

5- Phố Lý Thường Kiệt

Sau khi chợ Rồng đã chuyển về phía Tây đường, khu đất phía Đông Bắc “Thành cổ” hình thành một phố tiếp theo phố Hai Bà Trưng, thời Pháp gọi là phố Móng Cái, lại còn gọi là Hai Cơ (khi đó, khu này có 2 cơ lính Pháp đóng trại). Năm 1946 chính quyền cách mạng đặt tên là phố Lý Thường Kiệt, dài 200 mét, chạy từ phố Bà Triệu đến đường đê Bao Bì (nay là đường Trường Chinh).

Lý Thường Kiệt (1019 - 1105) tên thật là Ngô Tuấn quê phường Thái Hoà - trước là An Xá (Hà Nội), vốn từ nhỏ là người thông minh có chí hướng ham đọc sách, say sưa học tập võ nghệ. Dưới Triều Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông, ông luôn là trụ cột trong triều (chức Thái úy điện tiền Chỉ huy sứ). Khi Lý Nhân Tông lên ngôi (1072 - 1127) Lý Thường Kiệt là Phụ quốc Thái úy (cương vị như Tể tướng). Trước họa xâm lăng của quân nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã chủ động đem hơn 10 vạn binh mã đánh thẳng vào bản doanh của quân giặc ở Khâm Châu và Liêm Châu (cuối tháng 10-1075). Sau đó, ông về lập phòng tuyến ở sông Như Nguyệt (xưa thuộc Đa Phúc) đánh tan đạo quân xâm lược do Quách Quỳ chỉ huy vào tháng 3-1077. Sau khi chiến thắng quân giặc Tống, Lý Thường Kiệt cáo quan về đi tu ở chùa.

Phố Lý Thường Kiệt đã một thời gian dài là nơi họp chợ buôn bán hoa quả. Vào cuối buổi chiều và đêm mỗi ngày, các loại củ quả từ miền Nam ra, từ vùng núi về rất nhiều, bán buôn cho các đại lý ở thành phố và các vùng lân cận. Đường phố đã vài lần nâng cấp cải tạo nhưng nếp sống giữ vệ sinh môi trường còn là sự nan giải.

6- Phố Bến Ngự

Đoạn phố nối từ Hàng Sắt dưới (vắt qua đường Lê Hồng Phong) ra tới bờ sông Đào, mé phía Đông nguyên là bờ sông Vị xưa, nơi thuyền rồng nhà Vua đậu lại khi kinh lý vùng này, nên được gọi là phố Bến Ngự từ khi hình thành. Thập niên đầu thế kỷ XX sông Vị bồi lắng rồi lấp hẳn. Phía giáp sông Đào lấp trước lập ra kho Hồng Gai, rồi trạm xay sát gạo. Đoạn lấp tiếp theo xây Trường Hoa kiều (nay là Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi) và sau nữa xây Trường Thành Chung xưa (nay là Tiểu học Phạm Hồng Thái), đối diện với trường này xưa là Sở Giám thành. Giáp bờ sông về phía hữu (hướng Tây) có chợ Đò Chè (còn gọi là chợ Phượng). Đoạn bờ sông này, xưa dân gọi là phố Bến Gõ, thời thuộc Pháp đặt là Rue des Etats - Unis.

Phố Bến Ngự sau nhiều lần tôn tạo, nay có chiều dài 700 mét, mặt đường bê tông nhựa phẳng, đẹp, thoáng đãng. Phía Đông đường, xưởng xay sát xưa được xây dựng lên Nhà máy Xay sát cao 5 tầng (từ năm 1957), kế liền đó là khu Tổng kho Lương thực và trụ sở Ty Lương thực (nay thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc) rộng hơn 4 héc ta tới tận phố Phan Đình Phùng (xưa là phố Nữ Gia).

Phía Tây phố Bến Ngự, nhà số 7 của cụ Phó bảng Trần Doãn Đạt (1823 -1873) từng làm quan Đốc học tỉnh Sơn Tây, Nam Định rồi làm quan Án sát Hưng Hoá. Cụ là thân phụ của Tam nguyên Trần Bích San (1840 - 1887), được Vua Tự Đức tặng cờ vinh danh “Liên trúng Tam nguyên” và đặt cho tên hiệu là Trần Hy Tăng (những mong tài giỏi như Vương Nghị Công bên Tàu). Tại ngôi nhà số 7 Bến Ngự này, những năm

đầu thế kỷ XX các văn thân sĩ phu yêu nước tham gia phong trào Đông kinh nghĩa thực đã tụ hội và bàn kế sách “Duy Tân”, thực hiện “Đông Du” để cứu nước. Nơi đây, những năm 1927 - 1929 cũng đã đưa đón nhiều thanh niên yêu nước ra nước ngoài học tập lý luận cách mệnh do Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) tổ chức.

Khu liên hoàn gồm Nhà máy Xay sát - Tổng kho Lương thực những năm 1980 về trước sôi động, sầm uất người xe, hàng hoá là vậy (nhất là những năm bóc lột cho ngoại thương nhờ kho trước khi xuất khẩu sang Liên Xô cũ, không ít “chuyện cười ra nước mắt”), mà hơn hai thập niên qua nơi này đã trở nên thưa vắng, vài dãy nhà kho, cửa hàng lương thực xưa đã chuyển thành nhiều chủ mới sử dụng.

7- Phố Hàng Sắt

Phố Hàng Sắt nối từ phố Lê Hồng Phong vắt ngang qua phố Bắc Ninh chạy ngược lên phía Đông Bắc gặp phố Hàng Đồng, dài trên 400 mét.

Từ khi ra đời đến năm 1954, phố Hàng Sắt chia làm Hàng Sắt Trên và Hàng Sắt Dưới. Phố Hàng Sắt Trên từ chỗ giáp phố Bắc Ninh đến giáp phố Hàng Đồng. Thời Pháp thống trị gọi là đường Ruy-duy-phe (Rue du Fer). Phố Hàng Sắt Dưới từ điểm giáp đường Lê Hồng Phong đến điểm giáp Hàng Sắt Trên. Ngày trước phố này còn có tên là phố Vinh Ninh. Thời Pháp thống trị gọi là Pê-tơ-ri (Poterie). Sau năm 1954, hai phố này hợp lại làm một gọi là phố Hàng Sắt.

Theo truyền thuyết và một số thần phả còn lưu lại ở các đền thờ trong vùng thì vào thế kỷ XV, khi nghĩa quân Lam Sơn đánh bại quân Minh xâm lược, ta bắt được hàng nghìn tù binh. Được Nhà nước Đại Việt tha cho về nước. Nhưng có tới mấy trăm hàng binh xin ở lại, không muốn về nước. Trong số đó có hàng chục người đã xin đến vùng đất này thuộc địa dư phố Hàng Sắt và đoạn phố Hoàng Văn Thụ liền kề phía bên phải lập ra làng Minh Hương sinh sống bằng nghề làm ruộng và

buôn bán.

Cũng có thuyết cho rằng khi nhà Minh bên Trung Quốc bị nhà Mãn Thanh đánh bại (thế kỷ XVII), một số người còn luyện tiếc nhà Minh đã hiệp sức chống lại để khôi phục nhà Minh nhưng bị thất bại. Nhiều người trong số ấy đã chạy sang nước ta lánh nạn. Được Nhà nước Đại Việt cho phép, một số người đã đến vùng đất ở phố Hàng Sắt sinh sống lập ra làng Minh Hương. Chữ “Minh” nghĩa là người của nhà Minh đến đây lập ra “quê hương” mới để sinh sống nên gọi là “Minh Hương”.

Trên thực tế, hiện nay ở đây vẫn còn nhiều người Việt gốc Hoa sinh sống bằng nghề buôn bán, cụm lại với nhau để làm ăn. Hiện nay ở đầu phố Hàng Sắt Dưới còn Hội quán của người Triều Châu, Phúc Kiến, lập ra làng Minh Hương, tổ chức ra hội quán, rồi xây nhà làm nơi gọi là Hội quán Phúc Triều Huệ, thờ Thiên hậu, Hà bá và quan Công, Quan binh, Châu xương (tam thánh).

Phố Hàng Sắt ra đời khoảng cuối thế kỷ XVII, hình thành bên bờ Tây sông Vị Hoàng xưa nên phố chỉ có một dãy nhà ở bên hữu con đường chạy theo bờ sông Vị. Nơi đây chuyên buôn mặt hàng sắt và các loại vật liệu xây dựng khác. Ở đầu Hàng Sắt có một vài cửa hàng bán thuốc Bắc và thuốc Nam. Cảnh buôn bán trên bến dưới thuyền đông vui, nhộn nhịp. Vì vậy, đã gọi phố này là phố Hàng Sắt. Khoảng từ năm 1890 đến năm 1907, đoạn sông Vị Hoàng bị bồi lấp. Mặt phố còn lại ở bên trái đường Hàng Sắt mới hình thành như ngày nay.

Đầu phố Hàng Sắt Trên (phố Đỗ Xá) có đền Nguyễn Thương thờ thần Thương Tiên Chúa coi kho. Sau thờ bà “Chúa Kho” tên là Nguyễn Thị Trinh con gái Vệ úy thủ kho quân lương Nam Định là Nguyễn Kế Hưng. Bà giúp cha vận chuyển lương thực cho quân sĩ bảo vệ Thành Nam trong cuộc chống Pháp xâm lược năm 1873 và đã anh dũng hy sinh tại chân Cột cờ Nam Định. Bà được phong là “Tiết liệt anh phong

gián thương công chúa”.

8- Phố Minh Khai

Con đường nằm bên bờ hữu sông Vị Hoàng đã hình thành từ rất lâu, con đường này là huyết mạch theo bờ sông Vị từ Thi Thượng xuống Thi Hạ làng Vị Hoàng (Vị Xuyên) với làng Phù Long.

Từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, con đường làng xưa đã hình thành 4 phố liền kề nhau, mỗi phố chuyên sản xuất và bán một thứ hàng chủ yếu như phố Hàng Song (đầu phía Tây Nam giáp với đường Hàng Sắt Trên) chuyên bán song, mây, rổ rá; tiếp là phố Hàng Mâm bán các loại mâm; phố Hàng Bát chuyên bán các loại đồ sành sứ, gốm; phố Hàng Nâu bán củ nâu. Thời Pháp thống trị, năm 1895 phố Hàng Song, Hàng Mâm, Hàng Bát, Hàng Nâu (củ nâu, vỏ rạ để nhuộm vải) được đặt tên là Pờ-rô-téc-tô-ra (Protectorat, nghĩa là Bảo hộ). Dân ta thì gọi phố Hàng Song là phố Vĩnh Lại. Năm 1956 các phố này được đặt chung một tên đường phố là Minh Khai.

Nguyễn Thị Minh Khai (1910 - 1941) là một trong những đảng viên tiền bối Đảng Cộng sản Đông Dương. Nguyễn Thị Minh Khai, sinh ra ở thành phố Vinh, Nghệ An. Chồng bà là Tổng Bí thư của Đảng trong giai đoạn từ năm 1933 đến 1935. Năm 1927 bà tham gia Đảng Tân Việt, sau gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1930. Thời gian hoạt động ở Hương Cảng Trung Quốc, bà bị giặc bắt giam. Ra tù bà lại tiếp tục hoạt động, được Đảng cử đi dự Đại hội đại biểu Quốc tế Cộng sản lần thứ VII tại Liên Xô cũ. Bà đã từng giữ chức Bí thư Thành ủy thành phố Sài Gòn - Gia Định. Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, do Xứ ủy Nam Kỳ lãnh đạo thất bại, bà bị địch bắt. Năm 1941, chúng xử bắn bà ở Hoóc Môn (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Nguồn gốc cư dân đến mở hiệu buôn bán ở đây cũng từ nhiều địa phương khác nhau. Phần lớn người buôn bán ở phố Hàng Song là người làng Vị Xuyên và người làng Đông Trụ. Phố Hàng Mâm là người Đông Trụ (xã Tiến Thắng), Cao Đà

(xã Hòa Hậu) huyện Lý Nhân, Hà Nam. Phố Hàng Bát là người vùng Bát Tràng (Hà Nội)... Phố Hàng Nâu là nơi sinh thành của nhà thơ Trần Tế Xương. Phố Minh Khai sau này là bản quán của nhà văn Nguyễn Khải, của Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trần Quang Cơ... Phố Hàng Song có hiệu bánh đậu xanh Hạnh Tụ nổi tiếng khắp trong nước, mà ngày nay hầu như không ai biết nữa. Ở đây còn một ngôi đền thờ, các cụ cho rằng đền của những người buôn bán ở Hàng Bát lập ra để thờ vị tổ nghề làm bát của người Bát Tràng.

9- Phố Vị Xuyên

Đường Vị Xuyên ngày nay nằm trọn trong địa bàn phường Vị Xuyên, dài 500 mét, đầu phía Tây giáp đường Minh Khai, đầu phía Đông giáp đường Phù Long. Hơn 3/5 đường nằm trên đất thôn Thi Thượng của xã Vị Xuyên thời Nguyễn. Còn 2/5 đường nằm trên đất xóm Vườn Dâu của xã Phù Long xưa. Do vậy con đường này được mang tên Vị Xuyên, để lưu lại một địa danh “Vị Xuyên” đã đi vào sử sách hơn nghìn năm nay, thực là ý nghĩa.

Khoảng cuối thế kỷ XIX, tuyến phố này ra đời. Bảy giờ sông Vị Hoàng chạy qua phía sau trụ sở Ủy ban nhân dân phường Vị Xuyên ngày nay còn khá rộng, thuyền bè vẫn vào đây áp mạn. Luồng, tre, giang, nứa từ phía Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình chở ra theo dòng sông Đáy, sông Đào, rẽ vào sông Vị dừng lại bốc dỡ để bán hoặc cũng có thể đi theo đường sông Hồng vào cửa sông Đào qua Quán Chuột, tới Quán Bánh dày theo bên trái đường Phù Long cũng vào Vị Xuyên. Cả dãy đường Vị Xuyên khi ấy bày bán đầy các loại luồng, tre, nứa, bương, vầu cùng một số hàng nan, trong đó nhiều nhất là cốt đê quây, lót các thứ rất tiện. Vì vậy mà dãy phố này cũng gọi là phố “đường” Hàng Cốt. Những câu ca truyền khẩu về kinh nghiệm mua tre, luồng, bương, nứa ở đây còn lưu lại đến bây giờ...

- Thẳng thân, da óng, dóng trường
Toàn thân cân đối, chẳng nhường ai mua
- Hỡi cô gánh thóc bên đàng,
Nhớ vào hàng cót mua hàng của anh,
Cót anh quây vũng như thành,
Giữ màu hạt thóc vàng danh muôn đời!

Đến đầu thế kỷ XX, dòng sông Vị ở bên trái các con đường này bị bồi lấp dần, thuyền bè chở các loại luồng, tre, nứa, bương, vầu vào đây rất khó khăn nên đã phải chuyển dần ra vùng Giá Nứa bên bờ sông Đào (nay là đoạn đường Nguyễn Trãi, giáp sông Đào). Riêng mặt hàng cót vẫn còn được bày bán ở đây cho đến đầu những năm 1954 mới thôi hẳn. Tuy gọi là phố nhưng chỉ có đoạn giáp đường Hùng Vương, đường Minh Khai là có một số nhà xây theo kiểu cổ, còn lại nhà tạm và nhiều nơi hai bên đường vẫn còn để trống. Chỉ từ năm 1973 trở đi, đặc biệt là từ sau năm 1995, khi nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội thì phố xá mới phát triển mạnh và đẹp như ngày nay.

Các cư dân đến Hàng Cót sinh sống, buôn bán có một số người ở Phố Hiến, Hưng Yên, ở xã Phù Long (nay thuộc phường Trần Tế Xương), ở Thanh Hoá, Nghệ An. Khi thuyền bè chở hàng lâm sản chuyển ra Bến Nứa, thì hầu hết dân cư ở đây lại chuyển ra đó làm nghề.

Đến năm 1990, đường Hàng Cót mới đổi thành đường Vị Xuyên. Từ đây tên Hàng Cót đi vào lịch sử.

Hai bên đường Vị Xuyên có nhiều cơ quan, trường học lớn. Số nhà 31 đường Vị Xuyên trước năm 1945 là đình làng Vị Xuyên uy nghi, to đẹp, thoáng rộng, có hai bên giải vũ, dưới sân là hai hàng rùa đá, trên thân rùa có lỗ để cắm cờ thần, trước đình có nền bệ trụ cột cờ to bằng đá; trong đình thờ Thành hoàng làng; hiện nay là trụ sở của Sở Công thương tỉnh Nam Định. Trước kia nơi đây là trụ sở của Sở Thương nghiệp Nam Định, Nam Hà, Hà Nam Ninh rồi lại Nam Hà, Nam Định. Năm 2008, tỉnh đã đầu tư kinh phí xây dựng ở đây một ngôi nhà 5

tầng to đẹp, với những trang thiết bị hiện đại. Bên trái đường Vị Xuyên, số nhà 76 là Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong. Tiền thân của trường là Trường Thành Chung, rồi Trường Nguyễn Hiền và Trường Cấp III Liên khu III... Thống Nhất

10- Đường Phù Long

Đường Phù Long nằm gọn trong địa bàn xã Phù Long thời Nguyễn, dài 500 mét, phía Tây tiếp nối đường Vị Xuyên, phía Đông tới đê sông Đào.

Trước năm 1954, đường Phù Long chưa có hè, có cây xanh như ngày nay. Sau năm 1954, thành phố được giải phóng đường mới được nâng cấp dần. Đặc biệt từ năm thành phố Nam Định được nâng cấp lên đô thị loại II, con đường này mới được chỉnh trang lại đẹp như ngày nay.

Hai bên phố đã có nhiều nhà xây kiên cố, từ 2 đến 3 tầng. Chỉ duy nhất mới có ngôi nhà số 145 mới xây năm 2010 cao 4 tầng. Còn lại số ít một tầng lợp ngói. Chợ tạm ngã tư Vườn Dâu xưa nay vẫn họp kéo dài tới gần đê sông, chủ yếu hàng tươi sống như rau xanh, củ quả và thủy sản đánh bắt từ sông mang lên bán.

11- Phố Nguyễn Du

Đường bắt đầu từ đường Lê Hồng Phong, chạy vòng qua phía Tây Bắc cắt đường Bắc Ninh rồi chệch sang phía Đông - Đông Bắc gặp đường Hùng Vương ở phía Đông, dài 1.000 mét. Đoạn đường Nguyễn Du từ đường Lê Hồng Phong đến giáp đường Mạc Thị Bưởi ở phía Bắc và đường Trần Tế Xương ở phía Nam cong hình cánh cung là bởi đoạn đường này hình thành theo hình cong cũ của dòng sông Vị Hoàng bị bồi lấp vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Cuối thế kỷ XIX đoạn cong này đã hình thành một con đường đất nhỏ, gọi là đường ven sông Vị. Năm 1920, thực dân Pháp cho chở đất ở Mỹ Tân về san vùng đất phủ Khoái Đồng (bên đường

Nguyễn Du ngày nay) và khu vực nhà thờ Khoái Đồng, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến ngày nay. Lúc đó đoạn đường Nguyễn Du cong này và đoạn đường Lê Hồng Phong trước cửa nhà thờ Khoái Đồng mới được mở rộng ra, vẫn là đường đất chưa có hè, hai bên đường cỏ vẫn mọc um tùm. Cũng thời gian này, đoạn đường Nguyễn Du từ đường Mạc Thị Bưởi cũng đã hình thành một con đường đất nhỏ bé hơn nhiều đoạn để người dân làng Khoái Đồng ra phủ này tế lễ. Năm 1913 Nhà máy Phát điện của một tư sản người Pháp xây ở vùng đất nay thuộc Tổng Công ty Cấp nước sạch Nam Định, tăng công suất phát điện, thì đường dây tải điện 110 kw từ nhà máy qua phường Vị Xuyên, theo đường Nguyễn Du vào sâu trong thành phố được dựng lên. Cũng từ đây, người dân trong vùng gọi con đường này là Đường 110 (Voie 110).

Đường Nguyễn Du vắt qua ngã tư đường Mạc Thị Bưởi và đường Trần Tế Xương được mở rộng ra bắt đầu từ năm 1960. Cùng với việc mở rộng hồ Vị Xuyên, khi vùng này được tôn cao, rộng ra, Nhà Văn hoá 3-2 được xây dựng (năm 1960), đường Nguyễn Du được mở rộng ra, Công viên Vị Xuyên cũng bắt đầu hình thành. Năm 1961, Đường 110 được đổi thành đường Nguyễn Du.

Nguyễn Du (1776 - 1820), quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay. Ông là người thông minh, có tình yêu thương đồng loại cháy bỏng, có năng khiếu siêu việt về thơ phú. Ông làm quan thời Vua Gia Long, được nhà vua tin dùng, cử đi sứ nhà Thanh đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được thăng Tham tri Bộ Lễ. Ông là tác giả Truyện Kiều nổi tiếng của nước ta và nhiều bài văn, bài thơ bất hủ khác. Từ những thành quả này, ông được người dân tôn vinh là Đại thi hào của dân tộc. Năm 1965, ông được tổ chức UNESCO (tổ chức Văn hoá, Khoa học, Giáo dục) của Liên hợp quốc công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới.

Trên trục phố Nguyễn Du, phía hữu có một số công trình tiêu biểu:

Trụ sở Công ty Bảo Việt Nam Định, Trường Trung học cơ sở Trần Đăng Ninh. Toà nhà ở ngã tư có cơ sở một chi nhánh của Tổng Công ty Viễn thông quân đội, mới về hoạt động ở đây năm 2010. Giáp phía Đông Viettel và Mobi fone, một chi nhánh của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam cũng mới về hoạt động năm 2011.

Tiếp phía Đông Mobifone là Câu lạc bộ Vị Hoàng. Câu lạc bộ này cũng mới xây năm 2010, chuyên để cho thuê phục vụ các ngày lễ hội, tổ chức ca nhạc, khiêu vũ, cưới hỏi... Trước năm 2010, nơi đây là nhà làm việc của Công ty Du lịch Nam Định nay đã chuyển sang dịch vụ cho thuê cơ sở để tạo nguồn thu.

Số nhà 153 là Khách sạn Vị Hoàng. Ngôi nhà 5 tầng của khách sạn xây năm 1975, hoàn thành vào năm 1978. Đây là ngôi nhà đẹp nhất thành phố Nam Định lúc bấy giờ. Từ năm 1995, Khách sạn Vị Hoàng được nâng cấp dần đạt tiêu chuẩn 3 sao, đáp ứng nhu cầu kinh doanh dịch vụ du lịch.

Nhà Văn hoá 3-2 được xây dựng năm 1960. Tại đây, ngoài các hoạt động văn hoá, văn nghệ, đã vài thập niên là nơi diễn ra các hoạt động chính trị lớn của tỉnh, của thành phố, nên đã được đặt tên “3-2” - ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhà Văn hoá 3-2 xây dựng trên diện tích đất 4.633,9 m². Sau nhiều lần xây lại, rồi cải tạo mới đẹp và hiện đại như ngày nay. Trước Nhà Văn hoá 3-2 là Quảng trường 3-2 và Công viên Vị Xuyên rộng 152.176 m². Tại đây có Tượng đài Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn bằng đồng, dựng năm 2000, nhân kỷ niệm 700 năm Ngài qua đời (1300 - 2000). Tượng cao gần 17 mét (kể cả bệ), nặng 24 tấn, đúc làm 9 khoanh rồi hàn lại. So với các tượng đài Trần Hưng Đạo đã dựng từ trước đến năm 2000 thì đây là tượng đài bằng đồng đẹp nhất nước ta.

Cùng trong khu vực này là quần thể các khu nhà của ngành, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, gồm trụ sở của Đoàn Kịch nói, Nhà Hát chèo, trụ sở Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh

Nam Định. Đây là những toà nhà đẹp, xây kiểu cách, hoa văn cầu kỳ, cao 2 - 3 tầng.

Gần cuối đường Nguyễn Du có phủ Khoái Đồng.

Phủ Khoái Đồng là đền thờ một vị nữ tướng thời Hai Bà Trưng, tên là Vũ Thị Thục Nương. Phủ này trước xây ở địa điểm nhà thờ Khoái Đồng ngày nay. Đến năm 1920, thực dân Pháp đã lấy vùng đất này để xây nhà thờ Khoái Đồng và nhà Sinh-tô-ma nên phủ Khoái Đồng mới chuyển đến địa điểm hiện nay. Phủ Khoái Đồng do người thôn Khoái Đồng xây trên đất làng mình nên phủ mới mang tên này. Khi xây trên địa điểm hiện nay vẫn thuộc vùng đất của làng Vị Xuyên.

12- Phố Nguyễn Trãi

Đường Giá Nứa xưa (nơi buôn bán luồng, nứa, tre, bương) ở bên sông Đào, đầu thế kỷ XIX nhà Nguyễn đặt tên là Nam Xuyên, một thời gian dài một phần do ngừng buôn bán loại hàng lâm sản này, phần khác do chiến tranh tàn phá đoạn đê sông ở khu vực từ Nhà máy Nước đến Đò Chè nên đoạn đường ở đây đã trở nên vắng lặng, mặt đường gồ ghề, lồi lõm, có chỗ làm nhà kho giữa mặt đường. Đầu những năm 1990, đồng thời với việc khôi phục tu sửa lại đường Bờ Sông, cấp đất xây dựng nhà ở xung quanh khu vực Công ty Xây lắp I thì đường Giá Nứa mới được khôi phục, cải tạo. Năm 1999 đường Giá Nứa được rải nhựa và đặt tên là đường Nguyễn Trãi, dài 700 mét, nối từ phố Lê Hồng Phong qua đầu chợ Hoàng Ngân đến đường Trần Nhân Tông hiện nay.

Nguyễn Trãi (1380 - 1442), quê Nhị Khê, Thường Tín (nay thuộc Hà Nội) là quan Đại thần thời Lê Lợi, người góp công sức lớn vào sự nghiệp đánh đuổi giặc Minh, giải phóng dân tộc. Ông là nhà chính trị, nhà văn hoá tài ba, là Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Nguyễn Trãi để lại nhiều áng văn thơ tuyệt tác, trong đó có “Đại cáo bình ngô” là bản anh hùng ca bất hủ.

Phố Nguyễn Trãi nay rộng, thoáng, an lành, nhà hàng buôn

bản dịch vụ chưa nhiều.

13- Đường Trần Tế Xương

Đường mới mở năm 1957 tiếp nối đường Mạc Thị Bưởi đi qua đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Trãi dài 400 mét, được đặt tên là đường Trần Tế Xương.

Trần Tế Xương (1870 - 1907) còn gọi Tú Xương (đỗ Tú tài), nhà thơ trào phúng, rất tài ứng đối bằng thơ, được bằng hữu văn chương đương thời suy tôn là “Thần thơ thánh chữ”. Tú Xương quê làng Vị Xuyên, nhà ở phố Hàng Nâu. Ông qua đời đang ở độ bút lực thơ văn đang sung mãn. Thơ và đời của ông được viết thành giai thoại.

Đường Trần Tế Xương, khu đất phía hữu gần phố Nguyễn Du năm 1959 dựng lên hai dãy nhà lợp lá gồi làm nơi học cho Trường cấp III Liên khu 3 khi mới chuyển về rồi thành Trường Lê Hồng Phong, sau này là Trường cấp II Phùng Chí Kiên, liền kề đó là Trường cấp II Hoàng Văn Thụ. Nay hai trường này đã chuyển đi, nhà đã dỡ bỏ và làm thành vườn hoa liên thông với công viên Vị Xuyên thật thoáng mát. Qua đường Lê Hồng Phong ở phía Nam, khu đất hoang vẫn gọi là “vườn hoa chéo” dân thường họp chợ rau buổi sáng, từ năm 1995 đã xây dựng thành Trung tâm Văn hoá - Thể thao thanh thiếu nhi. Phía tả khu trung tâm này là trụ sở của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường với những toà nhà cao tầng hoành tráng, bề thế.

14- Đường Mạc Thị Bưởi

Đường Ngõ Huyện (vào Huyện đường Mỹ Lộc) xưa, còn gọi đường Hanh Tụ (ngã tư Hàng Song có hiệu bánh đậu xanh Hanh Tụ), thời thuộc Pháp gọi là Rue Chasselaup Loubat - năm 1956 đặt tên đường Mạc Thị Bưởi, đường dài 1.400 mét, nối tiếp đường Trần Tế Xương tại nơi giao cắt đường Nguyễn Du tới ngã ba đường Hưng Yên.

Mạc Thị Bưởi (1927 - 1951) quê Tân Hưng, Nam Sách,

Hải Dương, là nữ du kích đánh mìn xuất sắc khu vực Quốc lộ 5 (Hải Dương đi Hải Phòng), sau bị quân Pháp bắt, sát hại và được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Phía tả đường Mạc Thị Bưởi, ngay khu đất đầu phố Quang Trung là trụ sở Tỉnh uỷ (trước đó là Trường Trung cấp Kiến trúc) liền kề phía Bắc Tỉnh uỷ, khu Huyện đường Mỹ Lộc xưa được Tỉnh đội Nam Định (nay là Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) sửa chữa, mở rộng, và đến năm 1970 giao lại làm trụ sở Uỷ ban nhân dân tỉnh. Khu đất phía tả gần ngã ba đường Hưng Yên xưa thuộc quyền sử dụng của Hợp tác xã Xe bò Tây Ninh, năm 1977 xây dựng thành khu tập thể cho cán bộ công nhân viên Tỉnh uỷ và một phần (gần mương tiêu nước) để làm Xưởng In báo. Năm 1994 khu tập thể Tỉnh uỷ đã chia, nhượng cho các hộ gia đình. Khu Xưởng In báo đến năm 1998 giao cho một doanh nghiệp, đến năm 2007 thì cho thuê làm dịch vụ. Dọc đường về phía hữu (hướng Tây) có nhiều nhà mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ đa dạng. Sở Tư pháp và Kho bạc tỉnh thì ở ngã tư đường Trường Chinh.

15- Đường Hưng Yên

Đường Hưng Yên hình thành trước thế kỷ XIX, nối thông với các phủ huyện ở phía Bắc trong trấn Sơn Nam: Đi Lý Nhân (Nam Sang) rồi qua sông Cái (Nhị Hà) sang Hưng Yên, Hưng Nhân (nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình)... Đoạn đường từ dốc Lò Trâu đến làng Thượng Lỗ, xưa có nhiều người gốc quê Hưng Yên sang làm ăn rồi định cư tại đây, nên đặt tên đường Hưng Yên từ khi có thành Nam Định và địa danh này tồn tại đến nay. Đường Hưng Yên dài 800 mét, chạy từ đầu phía Bắc phố Trần Hưng Đạo đến ngã 3 đường Mạc Thị Bưởi - Trần Thái Tông theo hướng Tây Nam - Đông Bắc. Phía hữu đường đoạn gần Bốt Đỏ xưa có ngõ rộng vào Trạm Giết mổ gia súc thuộc Công ty Thực phẩm nông sản, từ năm 1995 trạm này ngừng hoạt động, đã chuyển nhượng cơ sở cho Trường Trung học phổ thông dân lập Trần Nhật Duật. Dọc 2 bên phố này đã

có nhiều cửa hàng kinh doanh, hàng hoá đa dạng, nhiều nhà cao tầng được xây dựng.

16- Đường Hùng Vương

Đoạn đường từ đường Đông Mạc xưa (nay là Hàn Thuyên) vào chợ Vị Hoàng (nay là khu đất Sở Giáo dục - Đào tạo) và nối đến phố Hàng Cót, Hàng Nâu đã hình thành rất sớm. Đến đầu những năm 1960, khi công viên và hồ Vị Xuyên được điều chỉnh định vị cùng với việc đào hồ, đắp Bãi bóng (sân vận động chùa Cuối thì toàn tuyến đường từ đường Lê Hồng Phong đến đường Thanh Niên (nay là đường Trường Chinh) mới được mở rộng và đặt tên là đường Hùng Vương. Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Bờ Sông (nay là đường Trần Nhân Tông) khi ấy còn là đường nhỏ, sau mở rộng thêm để xe kéo pháo cao xạ vào trận địa ở phía Đông Nam hồ Vị Xuyên. Đến cuối những năm 1980, khi xây dựng khu tập thể Liên cơ (phía bên tả) thì đoạn đường này mới mở rộng, rải đá cấp phối, rồi hoàn chỉnh như đường Hùng Vương hiện nay và đến năm 2005 thì hoàn thành việc tôn tạo, thảm bê tông (át phan) nhựa, mặt đường rộng 10,5 mét, chỉ giới 20,5 mét, dài 1.400 mét, từ đường Trần Nhân Tông đến đường Trường Chinh. Riêng đoạn đường qua phía Đông sân bóng đá còn hẹp, chưa nấn chỉnh mở rộng được.

Đoạn đường từ phố Minh Khai đến phố Hàn Thuyên có trụ sở 2 cơ quan tỉnh là Sở Giáo dục - Đào tạo (phía hữu), Sở Thông tin - Truyền thông (phía tả) trước đó là Sở Công nghiệp và trước nữa là Sở Giao thông vận tải. Phía tả, khu đất đầu phố Nguyễn Du là toà nhà 7 tầng (xây từ năm 1992) của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển.

Hùng Vương là tên hiệu 18 đời vua đầu tiên ở nước ta. Theo truyền thuyết Lạc Long quân - Âu Cơ sinh ra 100 người con là tổ của người Bách Việt, con cả của Lạc Long Quân lên ngôi vua lấy hiệu là Hùng Vương; truyền được 18 đời thì Thục Phán An Dương Vương bị Nhà Hán thôn tính vào năm 267

(TCN).

17- Đường Trần Nhật Duật

Đường liên thôn từ Phù Long - Vị Xuyên lên Phù Nghĩa - Đệ Tứ đã có từ xưa, thường gọi là đường Vườn Dâu, nhưng đoạn từ xóm Vườn Dâu đến xóm Góc Mít còn hẹp, mặt đường đất lãn gạch vỡ gồ ghề. Tuy rằng, đoạn cuối gần bờ đê sông Đào từ xưa đã rộng vì từ khi xây dựng Nhà máy Điện (1913), Nhà máy Nước (1923) thì đoạn đường bờ sông này đã rộng, rải nhựa dài đến tận Bến Ngự - Đò Chè. Và tại khu đất này vài ba thập niên đầu thế kỷ XX đã xây dựng nên dinh thự của quan Tuần phủ tên Hợp (bên hữu, nay là Sở Thuỷ lợi rồi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và nhà của Tổng đốc Trần Văn Thông con là Thông phán Trần Văn Chương, thân phụ của nữ nhân Trần Lệ Xuân (ở bên tả, sau này là khu vực Công ty Xây dựng thủy lợi). Hai toà nhà kiến trúc kiểu Á - Âu hoành tráng, sang trọng, nay cũng không còn.

Đầu những năm 1960, đường này được mở rộng và đặt tên là đường Đồng Tháp (địa danh vùng đất Nam Bộ khi ấy phong trào cách mạng đang bùng lên mạnh mẽ). Đồng thời phía tả đường, đối diện với khu nhà tập thể của cán bộ y tế Liên khu III (trước đó là khu nhà Kiến ốc cục thời thuộc Pháp) xây dựng một khu nhà mậu dịch quốc doanh gồm cả hàng bách hoá, thực phẩm... dân quen gọi là cửa hàng Đồng Tháp hoặc Nhà Tròn (kiến trúc nhà tròn). Đến đầu những năm 1990 đường Đồng Tháp mới được mở rộng, cải tạo và rải nhựa toàn tuyến, được đặt tên là đường Trần Nhật Duật. Đường dài 800 mét, nối từ phố Hàn Thuyên đến đường Trần Nhân Tông.

Trần Nhật Duật (1253 - 1330), con trai thứ tư Vua Trần Thái Tông, người có công trong việc chỉ huy quân Nhà Trần đánh thắng giặc Nguyên - Mông (lần thứ 2 và thứ 3), được phong Thái úy Quốc công chiêu văn Đại vương. Trần Nhật Duật nổi tiếng thông minh, hiểu nhiều biết rộng, sử dụng thành thạo ngôn ngữ nước Tống và Chiêm Thành, cùng với phong

tục tập quán của hai nước đó và của các dân tộc thiểu số của nước Đại Việt.

18- Đường Cù Chính Lan

Đường làng Phù Long xưa, khi thực dân Pháp xây dựng Nhà máy Điện, Nhà máy Nước ở đây thì đoạn từ đường Phù Long vào khu vực nhà máy được mở rộng và suốt thời đó có tên là Gia Định (thành phố Sài Gòn - Gia Định), dân thì quen gọi đường Máy Nước. Năm 1967, đường được đổi tên là đường Cù Chính Lan, dài 700 mét, nối phố Hàn Thuyên (từ dốc đầu Cồn Vịt xưa) đến bờ sông Đào, đoạn về phía Bắc còn nhỏ hẹp, chưa có hè. Tuy ở khu vực đó trước đây có trụ sở Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay chuyển cho trường Trung cấp Y tế của tỉnh).

Cù Chính Lan (1930 - 1951) quê Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An, trong chiến dịch Hoà Bình, trận đánh đồn Cô Tô anh bị thương cụt 2 tay, rồi cụt cả 2 chân nhưng vẫn dũng cảm chỉ huy chiến đấu. Năm 1951 anh được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

19- Đường Thái Bình

Đường Thái Bình từ ngã ba đường Trường Chinh, đường Hàn Thuyên đến Quán Chuột. Trước năm 2003 là một đoạn của Quốc lộ 10. Năm 2003 Quốc lộ 10 chuyển ra vành đai thành phố, đường này đặt tên là đường Thái Bình, do đi về hướng tỉnh Thái Bình. Trên con đường này, có đoạn từ ngã ba đến công vào Bệnh viện thành phố (còn gọi là Bệnh viện AGap) là đã thành phố xá, có hè rộng lát gạch, trồng cây xanh. Còn đoạn từ công Bệnh viện đến ngã ba Quán Chuột, chưa ra hình hài phố xá gì. Vùng đất bên hữu đường nhiều đoạn chưa có nhà ở, cỏ cây mọc um tùm. Phía tả đoạn này giáp đê phải sông Đào. Ngoài đê có một khoảng đất rất rộng chừng 5, 6 héc ta. Từ năm 1954 đến năm 1975 làm bãi bắn những tử tù và để tập bắn đạn thật của bộ đội và dân quân tự vệ thành phố mỗi

mùa huấn luyện. Từ năm 1975 bãi bần chuyển đi nơi khác, trở thành bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, đá, sỏi; hồ thả cá; bãi vui chơi, một phần xây Trạm Bơm nước số 2 cung cấp nước cho Nhà máy Nước sạch (nay là Tổng công ty Cấp nước sạch tỉnh Nam Định).

20- Đường Trường Chinh

Vài năm cuối thế kỷ XIX, sau khi bặt, phá Thành Nam xưa, tuyến đê bao quanh thành phố được củng cố, đắp cao, gọi là đường Đê Bao bì Đông Mạc (đường Bao Bì) để bảo vệ thành phố không bị lụt vào mùa mưa.

Năm 1973, cùng với việc vượt lập khu dốc Lò Trâu - kéo dài đường Trần Hưng Đạo và đào hồ Truyền Thống, tỉnh quyết định san nửa phía Nam mặt đê Bao Bì để làm đường giao thông vành đai thành phố. Công việc hệ trọng này giao cho Đoàn thanh niên đảm nhận. Năm 1975 tuyến đường vành đai từ đầu đường Cổng Hậu đến Cồn Vịt được hoàn thành và sau này đặt tên là đường Thanh Niên.

Khoảng thời gian từ 1974 - 1982, phía tả (bờ Nam) đường Thanh Niên các khu đất trũng được san lấp để làm nhà ở. Từ năm 1982 - 1991, thành phố cấp đất phía hữu (Bắc) đường để dân tự san lấp (chủ yếu là rác của Công ty Vệ sinh) và nhà ở dần dần được dựng lên, đến năm 1995 cơ bản 2 bên đường Thanh Niên, trên đất được cấp, dân đã xây dựng nhà ở, chủ yếu là nhà thấp tầng. Từ năm 1998 trở lại đây, xây dựng nhiều nhà cao tầng và mở cửa hàng kinh doanh buôn bán.

Năm 2003, Quốc lộ 10 mới được xây dựng thành đường vành đai ở Tây Bắc thành phố, gần giáp đền Thiên Trường. Cũng từ đây đường Thanh Niên (đoạn Quốc lộ 10 cũ) được đặt tên là đường Trường Chinh.

Trường Chinh (1907 - 2007), tên thật là Đặng Xuân Khu, một lãnh tụ kiệt xuất của Đảng và Nhà nước ta ở thế kỷ XX, quê làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường.

Đường Trường Chinh, phía Tây giáp đường Cổng Hậu đến

giáp đường Thái Bình ở phía Đông, dài 2.500 mét, rộng 16 mét, chỉ giới đường rộng 26 mét, hai bên phố giáp 8 phường. Đường Trường Chinh là một tuyến đường đẹp, 2 làn xe chạy, có rải phân cách ở giữa.

Hai bên đường Trường Chinh có dốc Lò Trâu (ở địa điểm bên phải đường Trần Hưng Đạo gặp đường Trường Chinh). Trước năm 1955, là nơi giết mổ thịt trâu bò để lấy thực phẩm cung cấp cho thành phố và các vùng lân cận. Phía Bắc đường còn có bến đò chở khách qua lại đền Thiên Trường là bến đò đông vui, nhất là vào dịp lễ hội đền Trần, đền Bảo Lộc, khoảng đến những năm 1955 - 1960 bến đò này mất dần. Nguyên nhân chính là tuyến Đường bộ 38 cách bến đò khoảng vài trăm mét về phía Đông được tu sửa lại tới đền Trần rất thuận lợi nên người ta không đi bến đò này nữa.

Năm 1960 lò giết mổ trâu bò dời đến phía hữu đường Hưng Yên, cách dốc Lò Trâu gần 300 mét. Tại địa điểm mới, lò mổ này được duy trì đến năm 1991, chế độ bao cấp chấm dứt, nó cũng bị xoá bỏ luôn.

Tại dốc Lò Trâu, ngày 21-8-1945, một rừng cờ đỏ sao vàng, rầm rập cuốn theo dòng thác hơn 3 vạn người từ khắp nơi đổ về, trong đó có hàng nghìn người vùng ngoại thành tiến về mít tinh mừng khởi nghĩa thắng lợi. Tại đây, “Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh đã long trọng tuyên bố xoá bỏ chính quyền bù nhìn, thiết lập chính quyền cách mạng, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh do đồng chí Đặng Châu Tuệ làm Chủ tịch ra mắt quần chúng trong tiếng reo hò vang dậy của hàng vạn quần chúng yêu nước và cách mạng”⁽⁹⁶⁾. Góc phía Nam đường Trường Chinh gặp đường Phù Nghĩa, năm 2007, xây toà nhà Trung tâm Điện ảnh sinh viên, cao 3 tầng, hiện đại, không xa phía Bắc đường là Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

(96) Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh, *Sự kiện Lịch sử Đảng Hà Nam Ninh* (1929 - 1954), xuất bản năm 1976, tr. 104, 105.

21- Đường Lương Thế Vinh

Đường đê Bao Bì sau khi được san lấp để mở rộng giao thông cùng với sự san lấp một phần hồ An Trạch (về phía Đông) thì khu dân cư cũng được xây dựng. Hai bên đường này xoan mọc um tùm, nhất là đoạn từ Trạm điện Phi Trường đến Ga tàu nên dân gọi là đường Rặng Xoan. Khi này mặt đường chỉ rải gạch vỡ và đá vụn, mưa thì trơn tuột, chỗ thì lún sụt, đi lại vất vả. Từ năm 1999 đường được mở rộng, rải lớp nhựa mỏng, đặt tên là đường Lương Thế Vinh, dài 1.100 mét, nối từ ngã tư đường Điện Biên (tiếp nối đường Trường Chinh).

Lương Thế Vinh (1441 - 1496) quê Cao Hương (nay là Liên Bảo, Vụ Bản) đỗ Đệ nhất giáp, Đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Quý Mùi, hiệu Quang Thuận thứ tư (1463). Ông được bổ chức quan Hộ bộ tả thị lang hương lĩnh hầu, là nhà toán học, nhà ngoại giao tài ba. Ông viết nhiều bộ sách về các lĩnh vực và có nhiều văn thơ trong “Thiên nam dư hạ tập”...

Phía tả đường Lương Thế Vinh, gần lối rẽ đường Đặng Trần Côn có Trạm Điện Phi Trường, là trạm biến áp trung gian lớn, trong nhiều năm cung cấp nguồn điện chủ yếu cho thành phố.

22- Phố Thành Chung

Xưa phố Cửa Bắc, dài 500 mét, nối phố Hà Huy Tập tại khu bến ô tô cũ đến đường Điện Biên. Phố có đền Đông Kinh thờ thần coi Cửa Bắc. Đất này xưa thuộc xóm Đức giáp Kinh Bắc làng Kênh, xã Tức Mặc, đặt tên là phố Thành Chung. Vì trước đây gần đầu phố có Trường Thành Chung do Pháp mở ở trên mỏm đất phía Bắc thành Nam Định cũ. Khi xưa đường - phố này còn hẹp, phía hữu gần bến ô tô có khu vực cửa hàng ăn uống, đến nay thanh lý đã thành dãy nhà cao tầng của dân. Trên phố này có nhiều cửa hàng kinh doanh hàng kim khí điện máy.

23- Đường Quang Trung

Vào những năm từ 1925 đến 1930, thực dân Pháp đã cho làm một đường goòng từ xã Mỹ Tân theo đường Thái Bình, Hàn Thuyên rồi xuyên thẳng qua vùng đất bên trái trụ sở Tỉnh uỷ Nam Định cắt đường Mạc Thị Bưởi theo đường Quang Trung ngày nay để chở đất từ Mỹ Tân vào san lấp vùng trũng, ao hồ, ruộng phía Nam đê Bao Bì, từ phía Đông phố Hoàng Văn Thụ tới đường Mạc Thị Bưởi. Xe goòng là phương tiện duy nhất đã chuyên chở hàng triệu mét khối đất phù sa màu mỡ về san lấp cho cả vùng rộng lớn này. Bấy giờ gọi con đường chuyên làm chức năng chở đất này là đường Aminal Coubert (đường Goòng). Năm 1954, giải phóng miền Bắc, đường Goòng bị vỡ bỏ. Đến thời gian này, nhà cửa, phố xá hai bên đường Goòng phần lớn đoạn phía Đông vẫn còn thừa thớt. Không ít vùng đất còn để trống, còn vườn cây ăn quả, ruộng trồng lúa khoai. Ở phía Đông Bắc đường Ngô Huyện (nay là đường Mạc Thị Bưởi) chỉ cách nghĩa trang Công giáo rộng hàng chục mẫu, cách vài chục mét là Huyện đường huyện Mỹ Lộc.

Năm 1956, đường Goòng được đặt tên là đường Quang Trung. Đây là một con đường thẳng, dài 1.300 mét, từ đường Thành Chung đến đường Mạc Thị Bưởi, rộng 8 mét, chỉ giới đường 14 mét.

Vào cuối những năm 1960, hai bên đường này vẫn còn nhiều chỗ trống. Một số nơi có nhà, phần lớn là nhà tranh vách đất. Sau giải phóng Miền Nam, rồi lại nhập tỉnh Nam Hà với Ninh Bình, những thanh niên từ thành phố ra đi đánh Mỹ trên mọi chiến trường phục viên, chuyển ngành, xuất ngũ về rất nhiều cùng với nhiều cán bộ, công nhân viên từ Ninh Bình chuyển ra làm việc, nhu cầu chỗ ở tăng lên. Do đó từ năm 1973 đến 1977, những dãy nhà cấp 4, lợp giấy dầu do Liên xô viện trợ được dựng lên các nơi còn để trống hai bên đường để có nhà ở cho nhu cầu số dân tăng lên. Thời gian này đường được rải nhựa cấp phối, hè hai bên hàng cây bóng mát mới trồng được vài năm. Tuy hè có gờ nhưng vẫn chưa có gạch để lát,

mặt vẫn lổn nhổn đất đá. Đường Quang Trung dẫn vào cổng Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, khách các nơi về làm việc nhiều nên từ năm 1978 trở đi được nâng cấp nhiều lần. Chỉ sau 10 năm (1986 - 1996) cảnh quan đường - phố này thay đổi hẳn. Những dãy nhà lợp giấy dầu được thay bằng những ngôi nhà cao 2, 3 tầng với nhiều dáng vẻ cao sang, lộng lẫy.

Quang Trung tên thật là Nguyễn Huệ, sinh năm 1753, tại vùng Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Năm 1789, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế ở Phú Xuân (Huế ngày nay), hiệu Quang Trung, là một thiên tài quân sự, trăm trận, trăm thắng. Đức vua đã từng đánh bại tập đoàn Trịnh - Nguyễn chia cắt đất nước gần 300 năm và 5 vạn quân Thái Lan ở Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785, đánh tan 20 vạn quân Mãn Thanh xâm lược nước ta mùa Xuân năm Kỷ Hợi (1789) ở Thăng Long. Quang Trung mất năm 1792, hưởng thọ 39 tuổi. Do có những công lao to lớn đối với dân tộc, đất nước nên ông được nhân dân ta suy tôn là Anh hùng dân tộc.

24- Đường Điện Biên

Một thời gian dài dân quen gọi đường Công Hậu⁽⁹⁷⁾ (tuy là đường đi Hà nội), dài 2.000 mét, nối từ phố Thành Chung tới đường vành đai Quốc lộ 10 (cầu vượt Lộc Hoà).

Điện Biên Phủ là địa danh diễn ra trận đánh quyết định trong cuộc kháng chiến chống Pháp (tại tỉnh Lai Châu, Tây Bắc cũ). Thực hiện kế hoạch Na-va, ngày 20-11-1953 Pháp cho quân nhảy dù đánh chiếm Điện Biên Phủ. Được Mỹ viện trợ lập căn cứ quân sự lớn gồm 3 phân khu: Hồng Thanh, Mường Cúm và Him Lam. Sau 55 ngày đêm chiến đấu, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn Tập đoàn cứ điểm Điện Biên vào lúc

(97) Nhà Nguyễn xây thành Nam Định. Kinh thành Huế ở phía Nam, khi ra Thành Nam theo Quốc lộ 10 (hiện nay) thì vào Thành từ cửa Tây (khu vực Năng Tĩnh gọi là Định Tiến). Rồi khi đi tiếp lên Thăng Long, thì theo cửa Bắc. Hơn nữa các dinh thự quan phủ trong Thành đều quay hướng Nam, là mặt tiền, phía sau - hướng Bắc là Hậu. Cái lý đặt tên Công Hậu là vậy.

17'30 ngày 7-5-1954. Chiến thắng Điện Biên Phủ góp phần quyết định vào thắng lợi tại Hội nghị Giơ-ne-vơ, đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Đình chiến, lập lại hoà bình ở Đông Dương ngày 20-7-1954.

Đường Điện Biên, khi bên ô tô chuyển ra khu An Trạch thì đã dần mở rộng, người xe qua lại tấp nập, nhiều nhà mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ.

25- Phố Hàng Đồng

Đoạn phố từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Hai Bà Trưng, dài khoảng 80 mét, trước năm 1954 là phố Hàng Đường. Đoạn tiếp theo đến phố Nguyễn Du (dài hơn 400 mét) là Hàng Đồng. Sau năm 1954, nhập 2 đường này làm một, gọi chung là đường Hàng Đồng. Theo bản đồ thực dân Pháp vẽ năm 1884 đã có con đường này rồi. Có thể đường Hàng Đồng cũng ra đời cùng thời gian với đường Hàng Tiện. Thời Pháp thống trị gọi đường Hàng Đồng là Ruy duy Quyvơ (Rue du Cuivre). Tổng chiều dài đường này là 500 mét.

Phố Hàng Đường ngày xưa chuyên bán các loại đường trắng, vàng, đen làm ra từ cây mía trong các lò thủ công rất vất vả. Những người buôn bán ở đây chủ yếu là người Hà Nội và Nam Định, ngoài ra còn bán cả đường từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đưa ra bằng đường biển, đường tàu hoả xuyên Việt (sau này). Ngoài bán đường còn bán các loại bột sắn, bột dong, bột hoàng tinh và mứt chè biến từ các loại hoa quả với đường. Từ năm 1945 trở đi tuy tên Hàng Đường vẫn còn nhưng đã bán pha tạp nhiều thứ. Ngay nay ở đây không còn bán đường nữa.

Phố Hàng Đồng xưa, một đầu nối với Hàng Đường, đầu kia giáp với đường Nguyễn Du. Người dân các làng như Đại Đồng (sau thuộc làng Siêu Loại), huyện Thuận Thành, làng Đại Bái, huyện Gia Bình (hai làng này đều thuộc tỉnh Bắc Ninh); làng Chanh Chè, Thiệu Hoá, Thanh Hoá, làng Ngũ Xá (Hà Nội), làng Phù Long (nay thuộc phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định) đã mang những sản phẩm đồ đồng do

làng mình làm ra đến đây mở hiệu buôn bán.

Bấy giờ đồ nhôm, nhựa chưa có nên các sản phẩm bằng đồng dùng trong sinh hoạt như mâm, nồi, ấm, chậu đồng; các đồ thờ tự như lư hương, đài rượu, đế thắp nến, ống hương, chuông, hạc, chiêng đồng; các đồ để bày chơi trong nhà cho sang như tượng Lã Vọng, Trương Phi, Quan Công, bé chẵn trâu thối sáo, sư tử, hổ, trâu, bò mè, chó... đều là những sản phẩm cao cấp, chỉ những nhà giàu có mới mua sắm được về dùng, để chơi hay để thờ tự.

Cũng như đường Hàng Tiện, từ năm 1945 trở lại đây buôn bán đồng mất dần, sau mất hẳn. Phố Hàng Đồng ngày nay chỉ còn mang ý nghĩa lịch sử. Trên dọc phố này có Rạp Chiếu bóng Kim Đồng, diện tích đất 458 m² (phục vụ thiếu nhi) nhưng ít hoạt động. Có một số cửa hàng gương kính, một số cửa hàng chế biến giò chả và dịch vụ ăn uống thu hút khách hàng đông vui. Phố Hàng Đồng là nơi sinh thành của nhạc sĩ tài hoa Đặng Thế Phong (với nhạc phẩm “Giọt mưa thu” vang mãi một thời).

26- Phố Hàn Thuyên

Đường phía Nam làng Đông Mặc khi mới hình thành chỉ có nhà ở mặt đường, đoạn từ đường Ngõ Huyện (giáp Hàng Cáp) đến đền Voi Phục, còn lại hai bên đường là đất trồng rau màu. Sau đó mới kéo dài tiếp đến phía hữu chợ Vị Hoàng (nay thuộc đất Sở Giáo dục - Đào tạo). Đến đầu những năm 1960, khi xây dựng Trường Y sĩ Nam Định và khu nhà làm việc của Văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh (sau này là Khách sạn Giao tế thì đoạn đường đến khu Tế Bần (bốt Tế bần) nay thuộc khu Công ty Dược phẩm Nam Hà (ở bên hữu) và khu nhà tập thể cán bộ Y tế Liên khu III (phía tả) cũng được mở rộng ra, những ruộng rau, ruộng dâu ở hai bên đường lần lượt được thay bằng nhà ở. Đến cuối những năm 1970 thì đường này mở ra đến tận đường Thanh Niên (nay là đường Trường Chinh), nơi đầu dốc phía hữu là Cồn Vịt. Đường Hàn Thuyên dài 1.300 mét.

Đường được mang tên một vị tiến sĩ, Thượng thư Bộ hình

thời Trần là Nguyễn Thuyên. Nguyễn Thuyên sinh ra ở Vụ Cầu, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ, đỗ Tiến sĩ khoá thi năm Đinh Mùi (1247). Năm Nhâm Ngọ (1282) cá sấu vào sông Lô, Vua Trần Nhân Tông sai Thượng thư Bộ hình Nguyễn Thuyên làm văn ném xuống sông đuổi cá sấu đi. Nguyễn Thuyên làm theo, quả nhiên cá sấu đi đâu mất. Nhà vua cho hiện tượng này giống như việc làm của Hàn Dũ, danh sĩ đời Đường ở Trung Quốc nên cho Nguyễn Thuyên đổi họ “Nguyễn” thành họ “Hàn”. Vì vậy, Nguyễn Thuyên thành Hàn Thuyên⁽⁹⁸⁾. Theo Đại Việt Sử ký toàn thư, (sđd), trang 497, thì Nguyễn Thuyên còn rất giỏi thơ phú Quốc âm. Chính Hàn Thuyên là người có công đầu cổ vũ cho việc dùng chữ Nôm để sáng tác thơ, văn ở nước ta cuối thế kỷ XIII.

Trong khoảng thời gian 1965 - 1976, khi đê Bao Bì chưa được san lấp mở rộng bề mặt thì đường Hàn Thuyên là trục giao thông chính Quốc lộ 10 đi Thái Bình. Quốc lộ 10 từ phía trong ra, qua ngã 6 Năng Tĩnh, đi đường Trần Phú - Lê Hồng Phong, rẽ vào phố Nguyễn Du rồi theo đường Hàn Thuyên sang đường Thái Bình.

Độc phố Hàn Thuyên có khá nhiều công sở, trường học. Phía tả có Trường Dạy nghề xây dựng và thủ công mỹ nghệ (trước năm 1988 là Sở Xây dựng), Sở Nội vụ (Ban Tổ chức chính quyền tỉnh trước đây), Cục Thống kê, Sở Kế hoạch - Đầu tư. Phía hữu có Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh (xưa là khu nhà cấp 4 của Ty Văn hoá - Thông tin), Trường Y sĩ Nam Định - Nam Hà, sau này là Cao đẳng Y tế và nay là Trường Đại học Điều dưỡng). Toàn bộ khu nhà và đất của Khách sạn Giao tế, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng giao lại cho nhà trường. Khu nhà Tế bản (trại trẻ mồ côi) xưa quân Pháp đóng chốt với nhiều trận đánh, lực lượng kháng chiến của thành phố đã lập công lớn. Từ năm 1959 ở đây đã xây dựng thành cơ sở sản xuất thuốc của Công ty Dược phẩm tỉnh. Ngày nay Công ty Dược

(98) Khi Hàn Dũ làm quan ở Triều Châu, nơi đây có nhiều cá sấu, Hàn Dũ làm bài văn ném xuống cá sấu bỏ đi đâu hết.

phẩm Nam Hà đã đầu tư xây dựng lớn, thiết bị công nghệ hiện đại. Phía Tây phố Hàn Thuyên tập trung khá nhiều cửa hàng kinh doanh hàng da, giả da (va li, cặp, sắc du lịch) và đồ gỗ nội thất công nghiệp (Salon, giường tủ, bàn ghế), đa dạng về kiểu dáng, chủng loại...

27- Phố Hàng Cáp

Phố Hàng Cáp thuộc đất Đông Mặc, hình thành khoảng cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Lúc đầu mới có khoảng 5 - 6 hộ dân làm nghề gộc ở Tây Mỗ, Đại Mỗ, Vạn Phúc từ Thăng Long về, sau tăng dân lên hai, ba chục hộ, mở xưởng dệt san sát hai bên mặt phố. Ở đây chuyên dệt vải cao cấp như lĩnh, sa, the, gấm bằng tơ nõn. Vải cấp là một loại rất đẹp, dệt bằng loại tơ tằm đặc biệt, nổi tiếng bền đẹp. Vì vậy, phố này gọi là phố Hàng Cáp chứ không gọi là phố Hàng Gấm hay Hàng The. Thời thuộc Pháp gọi phố này là Rue Henri Rivère (Hãng-ri-vi-e, một viên chỉ huy quân Pháp đánh chiếm Việt Nam).

Phố Hàng Cáp xưa hẹp, không có hè, nhà chỉ thấp 1 - 2 tầng và phần nhiều mái lợp ngói. Từ những năm 1990 trở lại đây đường - phố được mở rộng ra, có hè hẹp, mặt đường đổ bê tông nhựa phẳng, chắc, có nhiều nhà xây cao tầng. Phố Hàng Cáp nối phố Hàng Tiện đến đường Mạc Thị Bưởi (phía Đông ngã tư là phố Hàn Thuyên), dài 300 mét.

Từ giữa thế kỷ XX, nghề dệt ở đây mất dần. Đến nay không còn ai làm nghề dệt mà phần nhiều mở cửa hàng kinh doanh quần áo, giày dép... Ở đây có đền thờ Long Đỗ Bạch Mã thần, là Thành hoàng thành Thăng Long xưa.

28- Phố Hàng Tiện

Phố Hàng Tiện thuộc đất thôn Thi Hạ, hình thành khoảng cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII bao gồm cả phố Hàng Khay, Hàng Quỳ, Hàng Nón, Hàng Tiện thời Pháp gọi là Rue des Tourneur, một đầu giáp đường Trần Hưng Đạo, một đầu nối liền phố Hàng Cáp.

Từ thời Hậu Lê về định cư làm nghề ở đây đã có khoảng 40 hộ thuộc 9 dòng họ gốc từ làng Hoàng Xá, Nhị Khê, Chương Mỹ (gọi là Chuôn) chuyên tiện song cửa, song bàn, đồ thờ (đài rượu, đài nến, song ngai...). Lại có khoảng mười hộ làm sập gụ, tủ chè, tràng kỷ... là người La Xuyên - Ý Yên ở đoạn phố liền kề, gọi là Hàng Khay. Thợ trạm khảm trai, xà cừ cũng có khoảng chục nhà, mà tô nghề là Nguyễn Kim làng Thuận Nghĩa, hoặc Trương Công Thành ở làng Chuyên Mỹ (nay thuộc Hà Nội). Ngày 12 tháng giêng hàng năm là ngày kỵ thánh của những thợ làm nghề này.

Đoạn đầu phố về phía chợ Ròng tiếp giáp Hàng Nón xưa cũng có dăm bảy nhà làm nghề hàng quý, dát vàng bạc dùng làm sơn son thếp vàng đồ thờ trong chùa, đền, điện (quê gốc ở Kiêu Kỳ, nay thuộc Gia Lâm, Hà Nội. Những hạt vàng, bạc đem dát mỏng được đặt giữa nhiều lớp giấy quý, ngoài bọc vải sơn. Giấy quý là loại giấy bản đặc biệt, được thấm thứ nước quý thành thứ giấy mỏng rất dai, đen bóng như lĩnh, khi dát vàng bạc, giấy không bị rách.

Ở xen kẽ trong phố Hàng Tiện còn một số thợ nghề khác mộc bản, phần nhiều là dân làng Liễu Tràng (huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương). Tô nghề là Lương Nhữ Hộc, đỗ Thám hoa đời Lê Thái Tông (1434 - 1442)⁽⁹⁹⁾. Sau này con cháu họ chuyển sang nghề khắc dấu. Qua (vài nhà) hàng quý, ra đầu phố áp đến chợ Ròng là Hàng Nón. Người làng Tràng Sơn, Mộc Sơn (Hà Nội) về đây làm nón sơn, nón dấu bán cho lính trong quân doanh. Người làng Chuôn (nay là xã Phương Trung, huyện Thanh Oai thuộc Hà Nội) thì làm nón “ba tầm”.

Đã gần nửa thế kỷ, nay những nghề xưa ở phố Hàng Tiện đã mai một dần và mất hẳn, chỉ còn lại vài hộ làm nghề tiện song cửa, song cầu thang kết hợp với buôn bán đồ thờ (lấy từ Cát Đằng hoặc La Xuyên - Ý Yên ra). Số dân ở đây lâu đời vẫn còn đông nhưng hầu hết không tiếp nối nghề xưa, mà lớp con

(99) Vũ Ngọc Lý, *Thành Nam xưa*, Sdd, tr. 216, 219.

cháu ngày nay chuyên sang kinh doanh đa mặt hàng, nhiều hơn cả là quần áo may sẵn, giày dép hàng da, hàng nhựa hoặc đồ điện tử. Nhà cửa trong phố được xây mới và tôn tạo đẹp lên nhiều. Nơi đây vẫn là một trong những phố sầm uất của Thành Nam.

Từ năm 1995, nước ta thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng gần 20 năm, phố Hàng Tiệm thay da đổi thịt từng ngày. Những mái nhà tranh, nhà ngói tường gạch đã được thay bằng những toà nhà cao 3 - 4 - 5 tầng, với nhiều kiểu dáng rất đẹp. Hai bên mặt phố cửa hàng, cửa hiệu mở ra san sát, bày bán đủ thứ hàng hoá trong nước và ngoài nước. Kẻ mua, người bán tấp nập. Đời sống người dân không ngừng được nâng cao.

29- Phố Trần Đăng Ninh

Đường - phố dài 1.320 mét, nối từ đường Trần Hưng Đạo qua giữa chợ Rồng đến nhà ga Nam Định gặp đường Trường Thi. Trước đây là Rue Projetee người dân thường gọi là đường Mả Tây (khu nghĩa địa của người Pháp) hay có người gọi là đường Tàu Bay (sân bay dã chiến do Pháp lập ra năm 1944, từ sau khu nhà 5 tầng đến đất Nhà máy Cơ khí Nam Hà). Năm 1956 đặt tên phố Trần Đăng Ninh. Đường Trần Đăng Ninh có Ga tàu hoả Nam Định xây từ năm 1903 (còn nhỏ), năm 1925 xây lại to, đẹp (sau Ga Hàng Cỏ Hà Nội). Là ga chính nên hàng hoá, hành khách qua lại rất đông. Trước cửa ga từ xưa đã có nhà nghỉ, cửa hàng, khách ra vào tấp nập. Qua hai lần kháng chiến, khu vực này bị đánh phá đến mức huỷ diệt. Sau này Ga Nam Định được xây dựng lại nhưng không được như xưa, dãy phố trước Ga vẫn còn lụp xụp. Đoạn phố có chợ 5 tầng đến đầu ngõ Lê Hồng Sơn hiện nay, đã có nhiều hộ dân kinh doanh, buôn bán, sinh hoạt dân cư ở đây đã đông vui hơn những năm 1990.

Trần Đăng Ninh (1910 - 1955) quê làng Quang Nguyên, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), tham gia

hoạt động cách mạng từ 1930, sáu năm sau được cử vào Thành uỷ Hà Nội. Năm 1940 ông được cử làm Chỉ huy Khởi nghĩa Bắc Sơn, được chỉ định vào Xứ uỷ Bắc Kỳ, địch bắt được kết án 29 năm tù khổ sai. Năm 1943 ông đã vượt ngục trở lại hoạt động, tháng 9 năm sau bị bắt lại, tháng 3-1945 vượt ngục lần thứ hai, được cử phụ trách Chiến khu Đê Thám, rồi tham gia Ủy ban Quân sự Bắc Đông Dương. Tại Hội nghị Tân Trào, ông được cử vào Ủy ban Tổng Khởi nghĩa giúp đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy Việt Nam Giải phóng quân tiến về Thái Nguyên. Cách mạng thành công, ông được cử làm Đặc phái viên của Trung ương vào Trung Bộ và Nam Bộ. Kháng chiến bùng nổ, ông chỉ huy việc di chuyển cơ quan Trung ương và Chính phủ lên Việt Bắc. Năm 1947 được cử làm Phó Tổng Thanh tra Chính phủ. Năm 1950 được cử vào công tác trong Quân đội, tham gia Tổng Quân uỷ làm Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần. Đại hội toàn quốc lần thứ II, ông được cử làm uỷ viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Là chiến sĩ tiền bối cách mạng, ông có nhiều công lao trong kháng chiến chống Pháp.

30- Phố Hà Huy Tập

Xưa là đường Rue de L' Hopital, dài 700 mét, nối tiếp phố Bến Thóc tại ngã tư phố Máy Tơ đến phố Quang Trung. Ngã tư phía hữu có Bru điện tỉnh, cuối phố là bến ô tô cũ. Bên phải là Quảng trường Hoà Bình, bên hữu, lui vào trong là dinh Công sứ. Năm 1956 đặt tên phố Hà Huy Tập.

Hà Huy Tập (1902 - 1941) quê làng Kim Nặc nay thuộc xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1923 ông tốt nghiệp Cao đẳng Tiểu học Huế, đi dạy học ở Nha Trang, ở Vinh rồi tham gia Hội Phục Việt (sau đổi thành Tân Việt) và hoạt động trong Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1929 sang Liên Xô học Đại học Đông phương. Năm 1934 về Ma Cao (Trung Quốc) tham gia ban lãnh đạo ở nước ngoài của

Đảng rồi làm Bí thư Ban Cán sự của Đảng Cộng sản Đông Dương, chủ trì Đại hội của Đảng ở Ma Cao.

Tháng 7-1936 cùng với Lê Hồng Phong chủ trì Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết định lập Mặt trận nhân dân phản đế. Tại hội nghị này, ông được cử giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và về nước hoạt động. Tại Hội nghị tháng 3-1938 ông được cử làm uỷ viên Ban Chấp hành, Nguyễn Văn Cừ giữ chức Tổng Bí thư. Ngày 1-5-1938 bị thực dân Pháp bắt đi tù, sau ra tù bị bắt lại ngày 30-3-1940, thực dân Pháp kết án ông tử hình về tội người chịu trách nhiệm tinh thần của cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ và xử bắn ông ngày 28-8-1941 tại Hóc Môn (Gia Định).

31- Phố Bến Thóc

Xưa là Bến Thóc, Thời thuộc Pháp gọi là Boulevard Harmand, dài 700 mét, nối đường Trần Nhân Tông với đường Trần Phú.

Bến Thóc là tên gọi khi xưa, phố này tập trung nhiều người buôn bán thóc gạo bên bờ sông Đào. Phố có đền thờ Trần Hưng Đạo. Nhà máy Dệt lụa, Cung Văn hoá thiếu nhi nằm ở phía Đông đường. Gần nửa thế kỷ, khi chưa có cầu Đò Quan, việc qua lại sông Đào còn phải đi bằng cầu phao và chở phà, thì phố Bến Thóc là trục giao thông chính, tấp nập người, xe. Nhất là gặp khi phà trôi, cầu ngắt (để thông tàu, thuyền) người, xe chờ đợi kéo dài ùn tắc và không ít chuyện buồn, vui để lại...

32- Phố Phạm Hồng Thái

Xưa là đường Duvalde de S^{te} Claire Prolongee, năm 1956 đặt tên phố Phạm Hồng Thái. Phố dài 1.200 mét; nối từ phố Trần Hưng Đạo vòng qua khu Đài Tưởng niệm liệt sĩ, chạy song song qua phía Tây phố Trần Hưng Đạo tới phố Quang Trung. Phố này từ tường phía Bắc Ngân hàng Nhà nước tỉnh

đến đầu phía Tây chợ Ròng, hai bên là vườn hoa, công sở, trường học; từ đầu phía Tây chợ Ròng lên Quang Trung mới có nhà dân mở hiệu buôn bán (hàng sứ, thủy tinh) cho đến tường nhà thờ đạo Tin Lành ở cuối phố. Trước đây phố có đền Cây Ngái thờ bà Chúa Kho ở chân tháp nước thành phố hiện nay.

Phạm Hồng Thái (1895 - 1924) quê làng Do Nha nay thuộc Hưng Nhân, Hưng Nguyên, Nghệ An, làm công nhân Nhà máy Xe lửa Trường Thi. Sau bãi công bị đuổi việc, phải ra làm thợ nguội ở Mỏ Kẽm chợ Chu (Bắc Cạn). Do vận động bãi công anh lại bị đuổi việc, về làm công nhân xi măng Hải Phòng. Năm 1924 Phạm Hồng Thái đã cùng Lê Hồng Phong, Lê Thiết Hùng tìm đường sang Thái Lan, rồi sang Trung Quốc. Tại Quảng Châu, Phạm Hồng Thái tham gia Tâm tâm xã, tối ngày 19-4-1924 ném tạc đạn ở Sa Diện mưu giết tên Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh khi tên này đến Quảng Châu. Việc không thành, bị lính đuổi, Phạm Hồng Thái nhảy xuống sông bị nước cuốn trôi.

33- Phố Hoàng Hoa Thám

Đường vào Sở Mật thám, thời Pháp được đặt tên là Boulevard Gallieni, đường phố dài 600 mét, nối đường Trần Phú với đường Trần Đăng Ninh.

Hoàng Hoa Thám (1858 - 1913) tên thật là Trương Nghĩa, gốc quê Dị Ché, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, cha ông tham gia khởi nghĩa của Nguyễn Văn Nhàn. Sau khi cha mất, người chú ruột của ông là Trương Văn Thân đổi tên mình thành Hoàng Quát và tên cho cháu (Trương Nghĩa) thành Hoàng Hoa Thám. Có tài liệu cho rằng ông tham gia khởi nghĩa của Hoàng Đình Kinh nên được đổi tên (Hoàng Hoa Thám). Sau khi Cai Kinh chết, ông trở thành lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa từ 1890. Đến năm 1894 Pháp phải thương lượng đình chiến giành khu vực 4 tổng ở Yên Thế cho nghĩa quân. Hai năm sau Pháp trở mặt tấn công vào căn cứ, nhưng không tiêu diệt được nghĩa

quân, nên phải đình chiến lần thứ hai. Nghĩa quân vừa sản xuất vừa đánh du kích gây cho Pháp nhiều thiệt hại. Sau một số lần tấn công vào căn cứ không kết quả, Pháp đã dùng một số tên phản bội sát hại ông tại một khu rừng ở Yên Thế vào ngày 10-2-1913.

34- Phố Trần Quốc Toản

Đường vào dinh Phủ quan tỉnh thời thuộc Pháp, có tên Avenue Briere de L' Isle. Năm 1956 đặt tên phố Trần Quốc Toản. Đường này dài 600 mét, nối phố Trần Hưng Đạo với phố Hoàng Hoa Thám, nay phố này nằm giữa khu các bệnh viện tỉnh, phía ngoài là Quảng trường và trường học.

Trần Quốc Toản (1267 - 1285) tức Hoài văn hầu, 15 tuổi đến Bình Than (nơi tướng lĩnh họp), lính canh không cho vào dự (hội nghị), đứng ngoài bóp bẹp quả cam trong tay lúc nào không hay. Trong chiến trận với giặc Nguyên - Mông đã chiến đấu dũng cảm, hy sinh trong trận sông Như Nguyệt năm 18 tuổi.

35- Phố Bắc Ninh

Cùng với một số phố nghề (Hàng) ở bờ Tây sông Vị, đoạn phố từ Hàng Sắt đến phố Khách cũng hình thành từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Ở đây có 4 (đoạn) phố nghề là Hàng Thùng, Hàng Giày, Hàng Mành và Hàng Cầm. Khi nhà Nguyễn xây thành Nam Định và suốt thời thuộc Pháp, đường - phố này được đặt tên là phố Bắc Ninh (địa danh một tỉnh ở miền Bắc được lập năm 1832). Sau này phố Bắc Ninh được kéo dài tới phố Trần Hưng Đạo (phía Tây) và tới đường Lê Hồng Phong (vắt qua phố Nguyễn Du và trước nhà thờ Khoái Đồng vào đầu những năm 1980), dài 600 mét.

Từ đầu phố, đoạn từ Hàng Sắt lên, xưa có vài mươi nhà làm thùng gánh nước của thợ Đông Trụ, Cao Đà, Lý Nhân (đã ở phố Hàng Mâm) đến làm thùng ghép gỗ hoặc ghép nửa bằng sơn để đựng thóc hoặc gánh nước, lại làm cả mâm vuông, mâm

tròn để bày cỗ, màu sơn ta óng ánh, có vẽ hoa văn đẹp.

Đoạn tiếp đến phố Khách là những nhà làm giấy, gốc quê ở Tam Lâm (Phong Lâm, Trúc Lâm, Văn Lâm), dân gọi là ba làng Trầm thuộc tổng Phạm Xá, phủ Hà Đông (thời Lê) nay là Gia Lộc, Hải Dương. Ở đây có đình Hàng Giấy, còn thần phả ghi lại rằng vào thời Nhà Mạc (1527 - 1592) Mạc Đăng Dung làm Trấn thủ Sơn Nam (có tỉnh Nam Định ngày nay, năm 1516). Tiến sĩ trẻ Ngô Thời Trung đi sứ Tàu đem 3 người thợ giỏi đi theo học nghề thuộc da và làm các mặt hàng bằng da. Sau này, những người làng học được nghề đã tới Thăng Long và đi các tỉnh mở hiệu. Những người thợ giấy về ở ven sông Vị. (Hàng năm vào ngày 17-2 và 18-7 âm lịch tại Tam Nông có giỗ tổ nghề).

Đoạn phố từ Hoàng Văn Thụ tới phố Hai Bà Trưng là Hàng Mành của thợ Đỗ Xá, Nam Trực. Mành dệt bằng sợi dây móc, nan nửa cật nhỏ đều. Mành dùng trong gia đình thì sơn xanh, dùng nơi thờ tự thì sơn vàng, vẽ rồng, vẽ phượng.

Nay ở phố Bắc Ninh chỉ còn lại một hiệu giấy, có thợ giỏi mà cẩn thận. Nghề làm thùng, làm mành đã mai một. Đoạn giữa phố có nhiều cửa hàng kinh doanh các loại kẹo, mứt và ô mai. Vài nhà ở ngã tư phố Hai Bà Trưng thì bán thức ăn về khuya (cháo, miến gà, tim cật) cũng có vài nhà kinh doanh đồ điện gia dụng (tủ lạnh, máy giặt, nồi, chảo điện...).

36- Phố Hoàng Hữu Nam

Cách ngày nay hơn 260 năm, đoạn giữa Hàng Giấy có ngõ Lào Cai, Hàng Đông có một ngõ nhỏ rộng khoảng 2 mét thông sang Bắc Ninh. Sau đó rẽ đi một nhà thông Lào Cai sang ngõ Hàng Đông nên gọi là ngõ Rẽ Lào Cai dài hơn 150 mét. Thế kỷ XVIII - XIX gọi là ngõ Lào Cai (tương truyền trước có một số gia đình thương nhân người tỉnh Lào Cai xuống đây ở để buôn bán các mặt hàng lâm thổ sản ở phố Giá Nứa, ở chợ Rồng và một số chợ khác trong thành phố). Vì lẽ đó mới gọi là ngõ Lào Cai (nghĩa là ngõ phố có nhiều người Lao Cai ở). Sau người

dân Lào Cai chuyên đi nơi khác buôn bán, dân các nơi đến đây ở thay thế các thương nhân Lào Cai nên lại gọi là ngõ giữa Hàng Đồng, chỉ vì ngõ này nằm ở giữa phố Hàng Đồng nên gọi như thế.

Năm 1960, ngõ được mở thêm ra, rộng như ngày nay nên nhà số 45 Hàng Đồng bị dỡ bỏ. Từ đây ngõ này được gọi thêm tên mới là ngõ Rõ Hàng Đồng. Sau do sự chuyển phát âm chữ “R” thành chữ “D” nên nhiều người gọi “ngõ Rõ Hàng Đồng” thành “ngõ Dỡ” và cũng không nói thêm hai chữ “Hàng Đồng” cho ngắn gọn. Vì vậy trong hồ sơ, văn bản cũng viết là “ngõ Dỡ” chứ không viết là “ngõ Rõ Hàng Đồng” nữa. Hiện nay đoạn phố Hàng Đồng này chỉ có số nhà 43 rồi 47 luôn, không còn số 45 nữa là vì lý do trên.

Như vậy, từ khi ra đời tới năm 1960, dân gian gọi ngõ này bằng rất nhiều tên khác nhau làm cho nhiều người khó hiểu, công việc quản lý gặp khó khăn, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân, thư đi, thư lại, các văn bản của địa phương... đề rất nhiều tên khác nhau gây ra nhầm lẫn, mất mát. Do đó năm 1975 ngõ này được đặt tên là ngõ Hoàng Hữu Nam. Ngày nay được nâng cấp thành phố Hoàng Hữu Nam ⁽¹⁰⁰⁾.

Hoàng Hữu Nam (1911 - 1947) còn có tên là Phan Bôi, sinh năm 1911, quê ở Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm 1929 vào Đảng Cộng sản, sau bị Pháp bắt, đi tù Côn Đảo, năm 1939 bị đi đày ở Bắc Mê (Hà Giang). Sau đó bị đày sang Mađagaxca. Chiếm Mađagaxca, thực dân Anh đưa ông về Ấn Độ, rồi cho nhảy dù xuống Việt Bắc (dưới danh nghĩa giúp Đồng minh chống Nhật). Nhân cơ hội đó, ông bắt được liên lạc với cách mạng. Cách mạng thành công, ông được giao nhiều trọng trách: Phái viên Quân uỷ Bộ Quốc phòng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông lên Chiến khu Việt Bắc và mất ở Tuyên Quang.

(100) Theo cụ Phạm Văn Ninh 92 tuổi, còn minh mẫn, ở số nhà 47 ngõ Dỡ Hàng Đồng (gia đình cụ đã 5 đời sống ở đây) và nhiều cụ khác tuổi từ 70 đến trên 90 hiện đang sống ở phố Hoàng Hữu Nam cung cấp ngày 8-6-2012.

37- Phố Trần Bình Trọng

Đường nối phố Trần Hưng Đạo với phố Hoàng Văn Thụ (đối diện với công chợ Mỹ Tho phía Đông), xưa gọi là phố Tự Đức (diệt đạo Gia tô). Năm 1956 đổi tên là phố Trần Bình Trọng, dài 100 mét.

Trần Bình Trọng (1259 - 1288) quê làng Bảo Thái nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam (có sách viết cha là Lê Phụ Tân) tước Bảo nghĩa hầu. Trong trận đánh ở Đà Mạc (Thiên Mạc, Duy Tiên, Hà Nam) bị giặc bắt, dụ dỗ, tra khảo, nhưng ông bất khuất kiên cường giữ vững khí tiết (với câu trả lời “Thà làm ma nước Nam không thèm làm vương đất Bắc”).

38- Phố Bà Triệu

Thời thuộc Pháp gọi là Curbe sau gọi là Guynemer (đường - phố nằm ở phía Bắc chợ Rồng). Năm 1956 đặt tên phố Bà Triệu, dài 300 mét, nối phố Hai Bà Trưng với phố Phạm Hồng Thái.

Bà Triệu (226 - 248) quê Quận Yên, Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Năm 248 cùng anh là Triệu Quốc Đạt khởi nghĩa ở Ngàn Nưa chống quân Ngô, giải phóng các huyện ở Cửu Chân. Quân Ngô do Lục Dận chống trả quyết liệt, bà hy sinh, hiện còn lăng mộ trên núi Tùng (Tùng Sơn). Các đời Lý, Trần đều phong thần.

39- Ngõ Diên Hồng

Đoạn ngõ Diên Hồng nằm ở giữa đường Quang Trung chạy thẳng xuống gặp đường Nguyễn Du ở phía Nam, dài 400 mét, thời thuộc Pháp gọi là phố Nguyễn Hữu Độ.

Vào đầu thế kỷ XX, phía đường Quang Trung còn rất thưa dân. Đến năm 1942 - 1943, một số người ở làng Thượng Nông, xã Bình Minh, huyện Nam Trực đến dựng lều ở ngõ số 10 đường Diên Hồng làm bánh kẹo, chủ yếu là kẹo lạc, kẹo vừng, kẹo kéo, kẹo đắng mang đi khắp các nơi trong thành phố bán. Sau đó số nhà làm các loại kẹo tăng lên hơn chục hộ. Bây giờ

còn gọi là “xóm làm kẹo”. Vì lẽ đó người dân thành phố thời gian này gọi nơi đây là Ngõ Ngang hàng Kẹo. Cũng từ thời gian này, nơi đây từng bước biến thành một điểm buôn bán nhỏ rồi lan dần theo chiều dài của con ngõ nhỏ này.

Năm 1956, ngõ này đổi là ngõ Diên Hồng, dân họp chợ gọi là ngõ chợ Diên Hồng (hay chợ Ngõ Ngang). Đến năm 1989, thành phố đầu tư kinh phí sửa sang lại chợ với các gian quán thành một dãy giữa đường làm nơi bán hàng khá vững chắc. Chợ Diên Hồng diện tích 500 m², họp cả ngày, bán hàng thực phẩm tươi sống.

Theo Đại Việt Sử ký toàn thư (Sđd), tr. 501, thì vào tháng 12 năm Giáp Thân (1284), quân Nguyên - Mông xâm lược đã đưa gần 50 vạn tinh binh ép sát biên giới phía Bắc nước ta. Chiến tranh chỉ một sớm, một chiều là diễn ra rất khốc liệt. Trước tình thế cấp bách đó, Vua Trần Nhân Tông đã mời các vị bô lão trong nước về điện Diên Hồng ở Thăng Long để bàn kế giữ nước “nên đánh hay nên hàng!”. Khi nhà vua vừa dứt lời thì muôn người như một đồng thanh nói “Đánh!”. Từ trong Cung điện Diên Hồng này, ý chí quyết đánh và quyết thắng vang vọng khắp núi sông, thôi thúc quân, dân và cả vương triều Trần hăng hái tiến lên đánh bại 50 vạn quân Nguyên - Mông xâm lược, làm nên Hào khí Đông A bất tử. Đã trải qua hơn 700 năm, ý chí quyết tâm thắng giặc từ Hội nghị Diên Hồng thưở ấy vẫn vang vọng đến ngày nay.

40- Phố Tô Hiệu

Tên cũ Rue Richaud (Cửa Nam) đoạn cuối còn gọi là phố Máy Chiếu, năm 1956 đặt tên phố Tô Hiệu, phố dài 700 mét, nối từ đường Trần Nhân Tông tới đường Trần Phú. Phía Bắc là toà Thị chính thành phố xây vào năm 1930 (đã bị máy bay Mỹ ném bom san phẳng). Cuối năm 1970, ở đầu phía Nam đã dựng một cây cầu treo (cầu bằng dây cáp treo, không có trụ giữa sông) giúp cho việc giao thông đường bộ xuống các huyện phía Nam tỉnh thuận tiện. Năm 1972 cầu bị máy bay Mỹ phá

sập. Năm 1974 sửa lại, sử dụng tiếp đến năm 1993, hết hạn sử dụng cầu Treo được tháo dỡ.

Tô Hiệu (1912 - 1944) quê làng Xuân Cầu, Văn Giang - Hưng Yên. Vì tham gia phong trào đòi ân xá cho cụ Phan Bội Châu và để tang Phan Chu Trinh nên bị đánh rớt kỳ thi tiểu học. Năm 1927 ông lên Hà Nội học tư, rồi vào Sài Gòn tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1930 bị bắt đày ra Côn Đảo. Ông được kết nạp vào Đảng trong chi bộ nhà tù. Năm 1939 thì được tha, ra tù tiếp tục hoạt động, tháng 12 lại bị bắt đi tù ở Sơn La. Ở đây ông đã biến nhà tù thành trường học cách mạng, biên soạn nhiều sách lý luận chính trị và văn hoá cho tù nhân. Bị lao phổi và kiệt sức do mật thám, cai ngục tra tấn, song ông vẫn lạc quan động viên đồng chí. Ngày 7-3-1944, ông mất tại Nhà tù Sơn La.

Thời thuộc Pháp, phía hữu đường có xưởng chiếu cói, sau này là trụ sở Công ty Chiếu cói thuộc (Ty) Sở Thương nghiệp tỉnh, phía tả là Công ty Ấn uống. Từ khi cầu treo không còn sử dụng, trục đường Tô Hiệu cũng thừa vắng người qua lại. Khu Công ty Ấn uống đã chuyển giao cho ngân hàng.

41- Phố Hoàng Diệu

Thời thuộc Pháp là Rue de Russie (Nga quốc), năm 1956 đặt tên phố Hoàng Diệu, phố dài 400 mét, nối đường Trần Phú với phố Nguyễn Văn Trỗi, phía Đông phố có Trường Cao đẳng Dạy nghề.

Hoàng Diệu (1828 - 1882) quê Xuân Đài, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đỗ Phó bảng năm 26 tuổi (1853), làm quan thăng tới Tham tri Bộ Lại, rồi Bộ Hình kiêm Đô sát viện, Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh). Năm 1880 làm Tổng đốc Hà Ninh. Ngày 25-4-1882, Henri Rivière ở Đồn Thủy gửi tới hậu thư đòi ta nộp thành Hà Nội, rồi tấn công Hà thành. Ông đích thân chỉ huy chiến đấu. Bông kho thuốc súng bị cháy (do nội phản đốt), Hà thành thất thủ, ông đến Võ Miếu thủ tiết.

42- Phố Năng Tĩnh

Phố chợ Năng Tĩnh, người Pháp gọi là Marché Năng Tĩnh, đường - phố dài 200 mét, nối phố Hoàng Diệu với ngã 6 Năng Tĩnh. Chợ họp trên mặt đường theo phố cho nên gọi là phố Chợ.

Năng Tĩnh là tên làng cổ thuộc tổng Mỹ Trọng, huyện Mỹ Lộc (xem làng cổ Năng Tĩnh).

43- Phố Nguyễn Hiền

Trước năm 1954 khu vực này nằm trong Trại lính Carô (Camg Careau). Sau khi thành phố được giải phóng (1954) mới mở đoạn đường này. Năm 1998 đặt tên là phố Nguyễn Hiền, dài 400 mét, nối từ ngã 6 Năng Tĩnh với đường Trần Đăng Ninh.

Nguyễn Hiền (1235 - 1255), quê Dương A, huyện Thượng Nguyên nay thuộc xã Nam Thắng, huyện Nam Trực. Ông đỗ Trạng nguyên năm Thiên ứng Chính bình (1247) lúc mới 13 tuổi. Vì còn nhỏ tuổi, Vua cho về quê. Khi có sứ nhà Tống sang đưa thơ thử tài có 4 câu:

Lưỡng nhật bình đầu nhật
Từ sơn điền đảo sơn
Lưỡng vương tranh nhất quốc
Tứ khâu tại trung gian

Quan triều không ai hiểu được. Vua cho sứ về quê triệu Nguyễn Hiền lên, ông biện (giải ra) là chữ Điền. Sứ Tống phục tài. Ông làm quan đến Công bộ Thượng thư, tước Vĩnh lộc Đại phu. Tiếc rằng ông mất quá sớm, chỉ còn một vài trước tác. Bài phú thi Đình "Áp từ từ kê mẫu du hồ" của ông còn lại là một áng văn siêu quần bạt thế.

44- Phố Phan Bội Châu

Xưa là đường Avenue Maréchal Joffre. Con đường này trước kia đi tới nghĩa địa Hoa kiều. Bên đường có nhà thương làm phúc của người Hoa sinh sống ở Nam Định. Đến khi Pháp xây Ga Nam Định thì là đường ra ga. Những năm 60 của thế kỷ

XX, hai bên đường phố này được xây thành dãy nhà 3 tầng cho công nhân Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định. Từ năm 1965 - 1968, máy bay Mỹ đã phá hủy Nhà ga Nam Định và các dãy nhà ở đây. Năm 1956 đặt tên là đường - phố Phan Bội Châu, dài 300 mét, nối từ ngã 6 Nặng Tĩnh tới Ga Nam Định.

Phan Bội Châu (1867 - 1940) tên thật là Phan Sào Nam, quê làng Đan Nhiễm nay thuộc xã Xuân Hoà, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1900 thi Hương đỗ thủ khoa (giải Nguyên). Ông cùng đồng chí lập Hội Duy Tân (1905) chủ trương dùng bạo lực và nhờ ngoại trợ để đánh Pháp, khôi phục độc lập dân tộc, tổ chức cho gần 200 thanh niên sang Nhật học ở Trường Đông văn Thư viện (Phong trào Đông du). Năm 1909 tổ chức Đông du bị Nhật giải tán, ông bị trục xuất phải về Trung Quốc ẩn náu rồi sang Thái Lan. Năm 1911 Cách mạng Tân Hợi thành công, ông trở lại Trung Quốc tuyên bố giải tán Duy Tân hội rồi lập ra Việt Nam Quang phục hội. Mục đích đánh đuổi Pháp, lập Cộng hoà dân quốc Việt Nam. Năm 1924 cải tổ Việt Nam Quang phục hội thành Việt Nam Quốc dân đảng. Năm 1926 từ Hàng Châu về Quảng Châu, ông bị thực dân Pháp bắt cóc đem về nước xử án. Một phong trào bãi công bãi khoá rầm rộ sôi sục trong cả nước buộc thực dân Pháp phải tha bổng, nhưng lại quản thúc ông tại Huế. Từ đó ông bị cách ly với thực tế đấu tranh của dân tộc. Ông đã để lại nhiều văn thơ yêu nước, gửi gắm nhiều hy vọng vào hậu thế.

45- Đường Trần Huy Liệu

Đoạn Đường 12 (Quốc lộ 12) từ ngã 6 Nặng Tĩnh đi sông Bến Mối (đường qua huyện Vụ Bản và Ý Yên), dài 4.500 mét, nối từ ngã 6 Nặng Tĩnh tới cầu An Duyên, đặt tên đường Trần Huy Liệu.

Trần Huy Liệu (1901 - 1969), quê Vân Cát nay thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản. Ông viết văn, viết báo, làm thơ, chủ bút Đông pháp Thời báo, Cường học thư xã, tham gia Việt Nam Quốc dân đảng ở Nam Kỳ. Ông vào Đảng Cộng sản

Đông Dương năm 1936, chủ bút tờ Tin tức của Đảng, bị bắt đi tù ở Sơn La. Năm 1945 thay mặt Chính phủ cách mạng vào Huế nhận ấn kiếm thoái vị của Bảo Đại. Sau đó, ông lần lượt giữ các chức vụ Chính trị Cục trưởng trong Quân sự Ủy viên hội, Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Hội Văn hóa cứu quốc. Từ năm 1953, ông chuyển sang công tác nghiên cứu khoa học, làm Trưởng ban Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa trực thuộc Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Sử học, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Năm 1963 ông còn là Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Cộng hoà dân chủ Đức, là tác giả, chủ biên nhiều công trình nghiên cứu lịch sử. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.

Đoạn đường này là cửa ngõ phía Tây thành phố, nhưng xưa nhỏ hẹp, gồ ghề, đi lại thật khó khăn. Nhất là thời kỳ Nhà máy Dệt còn phát đạt, công nhân ngoại thành đi về đông, cả ngày 3 ca lúc nào cũng hối hả. Từ năm 1998 trở lại đây, đoạn đường đã qua nhiều lần cải tạo, nâng cấp. Đến nay đường Trần Huy Liệu đã thoáng, rộng hơn nhiều. Đoạn từ ngã tư giao cắt với đường vành đai (Quốc lộ 10) vào Năng Tĩnh đã có nhiều nhà mở cửa hàng, cửa hiệu kinh doanh buôn bán đa dạng, tạo nên sự đông vui.

46- Đường Trần Phú

Đường ngang qua điện Kính Thiên (nay là chùa Vọng Cung) phía trước dinh Tổng đốc trong Thành Nam xưa, thời thuộc Pháp đặt tên là Avenue Clémenceau (Cờ lê-măng-xô là địa danh nước Pháp). Năm 1956 đặt tên là đường Trần Phú, dài 1.200 mét, nối phố Trần Hưng Đạo từ ngã tư Cửa Đông đến ngã 6 Năng Tĩnh.

Trần Phú (1904 - 1931), sinh tại Đức Phổ - Quảng Ngãi, quê làng Tùng Ảnh nay thuộc xã Đức Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là người viết Luận cương chính trị năm 1930 và là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông hy sinh năm 1931.

Đường Trần Phú chạy giữa hai khu của Nhà máy Liên hợp Dệt. Thời kỳ nhà máy này hưng thịnh, tới gần 18.000 công nhân lao động, người đi lại trên đoạn đường này tấp nập hồi hả, nhất là những lúc vang tiếng còi tâm thay ca, người vào, người ra thật nhộn nhịp. Đoạn đường phía Đông lại chạy giữa vườn cảnh, vườn hoa, Quảng trường Hoà Bình. Đầu đường, phía hữu có toà nhà của Báo Nam Định và Tinh hội Phụ nữ xây từ thời thuộc Pháp, nay đã được sửa chữa cải tạo.

47- Đường Lê Hồng Phong

Đường Lê Hồng Phong bắt đầu từ điểm giáp đường Trần Hưng Đạo (thường gọi là Cửa Đông) rồi chạy thẳng qua địa dư các phường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Du, Phan Đình Phùng, Vị Hoàng, Vị Xuyên tới giáp đường Trần Nhật Duật ở phía Đông, dài 1.600 mét, rộng 8 mét, chỉ giới đường 16 mét.

Đường Lê Hồng Phong hình thành qua 3 giai đoạn khác nhau.

Đoạn từ giáp đường Trần Hưng Đạo - ngã tư Cửa Đông đến đường Bến Ngự hình thành sớm trước khi có thành Vị Hoàng. Bấy giờ đường Bến Ngự còn là sông Vị Hoàng rất rộng, khi đánh thành Nam Định, tàu chiến của Pháp vẫn vào đậu chỗ góc đa lớn nã đạn đại bác vào cửa Thành phía Đông, nơi cửa Thành còn khu đất khá rộng, sau thực dân Pháp san phẳng thành Vị Hoàng để mở mang thành phố. Đoạn đường này gọi là đường Cửa Đông. Thời thuộc Pháp đặt tên đường là Carô (Rue Careau - tên của một viên chỉ huy quân Pháp bị thương tại đây).

Đầu thế kỷ XX đường Cửa Đông tiếp tục mở ra phía Đông tới đường Trần Tế Xương ngày nay, nhưng bấy giờ người ta gọi đoạn đường này là đường Khoái Đông, vì đường đi qua phía trước nhà thờ Khoái Đông. Năm 1956, đoạn đường từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Trần Tế Xương đặt tên là đường Lê Hồng Phong.

Đoạn đường từ giáp đường Trần Tế Xương chạy qua phía

Nam hồ Vị Xuyên trước đây chỉ là một con đường nhỏ rộng không quá 1,5 mét ngăn cách giữa hồ Vị Xuyên ngày nay với hồ Đình Ông. Năm 1975, đồng chí Phan Điền-Bí thư Tỉnh uỷ Nam Hà có ý định xoá bỏ con đường nhỏ này để nối thông hai hồ với nhau rồi bắc một cây cầu giống như cầu Thê Húc ở hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội nối từ đường Trần Tế Xương đến ngã tư đường Hùng Vương và đường Lê Hồng Phong ngày nay, nhưng việc không thành. Cũng từ năm 1975 đoạn đường từ đường Lê Hồng Phong qua đường Hùng Vương tới đường Trần Nhật Duật mở rộng dần ra. Bây giờ gọi là đường Lê Hồng Phong kéo dài. Mãi đến năm 1990, khi rải nhựa đoạn đường còn lại mới không gọi là đường Lê Hồng Phong kéo dài nữa. Đến năm 2011, đường Lê Hồng Phong được mở rộng và rải nhựa toàn tuyến, tạo nên sự thoáng rộng, tôn thêm cảnh quan khu vực hồ và công viên Vị Xuyên.

Đoạn phố gần ngã ba Nguyễn Du - Lê Hồng Phong xưa có câu lạc bộ sĩ quan, nay là Thư viện tỉnh, đoạn qua hồ Vị Xuyên xưa là cơ sở của Tỉnh uỷ, nay là Khách sạn Sơn Nam, kế đó là Khách sạn Công đoàn. Những năm 1990 về trước, đoạn gần ngã tư Cửa Đông có vài cửa hàng bán nhạc cụ như trống, đàn, nhị. Trống có đủ loại to, nhỏ của thợ Liễu Thương (huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Kế đó là hàng rượu. Năm 1916 có Đại ty (dépôt) phân phối rượu và thuốc phiện cho 3 đại bài (đại lý) ở đầu phố như R.A. (Régie Alcool (Re-di-an-côn) - Ty rượu và R.O (Régie Opium: Rê-di-ô-pi-om) - Ty thuốc phiện do thực dân Pháp đầu độc bán cho dân. Nay khu vực này có nhiều nhà cao tầng kinh doanh buôn bán đa dạng. Cửa hàng Bách hoá thiếu nhi khi xưa nay cho thuê bán hàng tổng hợp.

48- Phố Nguyễn Văn Tố

Đường nối phố Hàng Sũ và Giá Nứa hình thành khoảng những năm 1940, đến năm 1956, đặt tên là phố Nguyễn Văn Tố, dài 500 mét. Cho đến đầu những năm 1970, phía bên tả phố này nhà còn thưa và phía Đông là khu đất trống (gọi là vườn

hoa chéo) chưa có nhà bên đường Nguyễn Trãi như ngày nay.

Nguyễn Văn Tố (1898 - 1947), quê Hà Đông, là trí thức tham gia cách mạng. Cuối những năm 1930 ông tham gia và là Hội trưởng Hội Truyền bá quốc ngữ và viết văn, làm báo; rồi làm Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, Trưởng ban thường trực Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Năm 1947 giặc Pháp tấn công vào Chiến khu Việt Bắc, ông đã hy sinh tại Bắc Cạn.

49- Phố Hoàng Ngân

Đoạn đường nối từ phố Khách (nay là phố Hoàng Văn Thụ) với đường Giá Nứa (nay là đường Nguyễn Trãi) thời thuộc Pháp gọi là đường Tuyên Quang. Năm 1956 đổi tên là phố Hoàng Ngân, dài 300 mét. Ở đây có chợ Hoàng Ngân (chợ tạm) xây dựng trên diện tích đất 800 m². Chợ họp cả ngày, hàng thực phẩm là chủ yếu, phía đường Nguyễn Trãi có nhiều sạp bán vải các loại.

Hoàng Ngân (1921 - 1949), nữ chiến sĩ cộng sản, tên thật là Phạm Thị Vân, sinh tại Hải Phòng. Năm 1939 tham gia Thành uỷ Hải Phòng, sau được rút đi thoát ly làm công tác phụ vận và binh vận. Năm 1941 Hoàng Ngân bị Pháp bắt, nhưng đã vượt ngục tiếp tục hoạt động; khi chuẩn bị khởi nghĩa thì tham gia huấn luyện đội du kích Đường 5 mang tên Hoàng Ngân. Kháng chiến chống thực dân Pháp, bà lên ATK Đại Từ làm Tổng Biên tập đầu tiên của Báo Phụ nữ Việt Nam và hy sinh năm 1949 tại Thái Nguyên. Hoàng Ngân được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

50- Phố Phan Châu Trinh

Khi xưa là phố Bến Gỗ, Pháp thuộc đổi là Rue de Etats-Unis (Hoa Kỳ). Trước những năm 1990, đường nối từ phố Hoàng Văn Thụ đến phố Hàng Cau gọi là đường Bạch Đằng. Sau đó nối tiếp đến phố Bến Ngự (đổi diện với công Nhà máy Xay) dài 500 mét đặt là Rue des Etats-Unis, được đặt tên là phố Phan Châu Trinh.

Phan Châu Trinh (1872 - 1926), quê Tây Lộc, Tiên Phước,

tỉnh Quảng Nam, đỗ Phó bảng năm 1911. Ông là chí sĩ yêu nước, chủ trương Duy tân, đấu tranh công khai. Ông sang Pháp để tranh thủ Hội Nhân quyền đòi cải cách chính trị và bị bắt tại đây. Vua Khải Định sang Pháp, ông viết Thỉnh nguyện thư “Thất điều trăm” tố cáo vạch tội bán nước hại dân. Năm 1925 ông về nước hoạt động, do ốm nặng nên từ trần ngày 24-3-1926. Ông có nhiều thơ văn yêu nước còn lưu lại đến ngày nay.

51- Phố Hồ Tùng Mậu

Đường phố dài 200 mét, nối từ phố Hoàng Văn Thụ đến phố Bến Ngự.

Hồ Tùng Mậu (1896 - 1951), tên thật là Hồ Bá Cự, quê Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Ông sang Quảng Châu lập tổ chức Tâm tâm xã, Năm 1945 làm Trưởng ban Thanh tra Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ông hy sinh trên đường đi công tác tại phố Coong, Thanh Hoá, được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

52- Phố Nguyễn Thiện Thuật

Phố Hàng Nồi hình thành đầu thế kỷ XIX, thời thuộc Pháp đặt tên Rue de Pari. Sau này một thời gian dài dân vẫn gọi là Hàng Nồi. Ở đây từ lâu có nhiều cửa hàng bán nồi niêu bằng đất nung và chum, vại, tiểu sành của người Đình Xá (Bình Lục), Khả Phong (Kim Bảng thuộc Hà Nam). Lại có thợ khắc bia đá của những thợ làng Thái La (Vụ Bản), Kim Thanh (thuộc xã Yên Phương, Ý Yên). Gần đây phố này mới được đặt tên là Nguyễn Thiện Thuật, dài 300 mét, nối từ phố Hoàng Văn Thụ đến Hàng Cau.

Nguyễn Thiện Thuật (1844 - 1926) quê Xuân Dục, Mỹ Hào, Hưng Yên, chức quan Tán quân vụ tỉnh Hải Dương. Hưởng ứng Chiếu Cần vương của Vua Hàm Nghi, năm 1885 ông lập căn cứ Bãi Sậy ở Hưng Yên để chống Pháp. Khi ông sang Nam Ninh (Trung Quốc) bàn với Tôn Thất Thuyết về cách tăng viện cho nghĩa quân thì bị ốm nặng và qua đời tại đây

năm 1926.

53- Phố Phan Đình Phùng

Xưa là phố Hàng Sũ (Ru des Carculils), có nhiều cửa hàng bán quan tài (hậu sự). Sau khi lấp sông Bến Ngự (đoạn cuối sông Vị) mới kéo dài đoạn phố đến Giá Nứa và gọi là phố Lữ Gia (tể tướng Nam Việt chống lại nhà Hán). Trong thời thuộc Pháp gọi phố Lữ Gia là Rue Yollenhoven. Đến năm 1956 đặt tên là phố Phan Đình Phùng. Đường phố dài 800 mét nối phố Trần Hưng Đạo, ngang qua đầu phố Hàng Cau, đến phố Nguyễn Trãi.

Phan Đình Phùng (1847 - 1895) quê làng Đông Thái, nay thuộc xã Đức Phong, Đức Thọ, Hà Tĩnh; ông đỗ Đình nguyên Tiến sĩ năm 1877, làm quan Tri huyện Yên Khánh, sau về Kinh đô giữ chức Ngự sử. Ông phản đối việc phế truất Vua Dục Đức nên bị cách chức. Hai năm sau khi Vua Hàm Nghi ra Hà Tĩnh, Tôn Thất Thuyết triệu ông ra giữ chức Hiệp thống quân vụ lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp cùng với Cao Thắng ở vùng Hương Sơn. Ông bị thương trong một trận chiến, rồi mất ngày 28-12-1895 trong căn cứ của nghĩa quân ở Hương Khê, Hà Tĩnh.

Tổng kho Lương thực chiếm phần lớn diện tích trong phố Phan Đình Phùng, một đoạn còn lại là khu tập thể (phía Bắc) và Công ty Xây lắp I (hướng Nam). Từ năm 2004 những khu đất của các đơn vị này đã nhượng bán cho các cá nhân xây dựng nhà ở. Hoạt động kinh doanh ở đây chưa nhiều, cũng còn vài cửa hàng kinh doanh lương thực.

54- Phố Máy Tơ

Phố Máy Tơ hình thành từ thập niên cuối thế kỷ XIX, khi Nhà máy Tơ được thành lập. Thời thuộc Pháp gọi là Francis Garnier (Gac-ni-ê là viên chỉ huy quân Pháp đánh chiếm Việt Nam). Sau này dân vẫn gọi là phố Máy Tơ. Đường - phố dài 600 mét, chạy từ phố Trần Hưng Đạo tới cổng phía Đông Nhà

máy Dệt trước đây.

55- Đường Cột Cờ

Đường Cột Cờ đi qua phía Bắc Cột Cờ Thành Nam Định xưa, dài 500 mét, nối từ đường Phạm Hồng Thái (phía Tây Đài Tưởng niệm liệt sĩ). Thời thuộc Pháp gọi là Rue Miardor. Song song với đường này còn một đường phía Nam Cột Cờ, thời Pháp gọi là Rue Fures. Năm 1946 chính quyền cách mạng gọi là đường Tân Trào. Trước năm 1989 thành phố cho Nhà máy Tơ mở rộng hết đường Tân Trào, khi đường được khôi phục thì lại không nhớ rõ nên gọi đường Tân Trào thành đường Cột Cờ (chính đường Tân Trào còn lại là đoạn từ phố Trần Hưng Đạo đến phố Bến Thóc).

56- Phố Hàng Thao

Phố Hàng Thao hình thành trước thế kỷ XIX. Khi xưa ở đây tập trung dân buôn bán quai thao làm dây nón ba tầm (gọi là nón thúng quai thao) cho giới nữ quyền quý dùng trong các dịp hội hè, lễ, tết. Trong phố có đền Định Tĩnh. Thời thuộc Pháp gọi là Đông Khánh (vua Triều Nguyễn). Khi ấy ở đây có khách sạn của Công ty Thương mại Á châu và cũng là phố ăn chơi (cô đầu, con hát, thuốc phiện) của giới thượng lưu và kẻ sĩ (trí thức thời Tây).

Sau ngày giải phóng thành phố đến nay vẫn gọi là phố Hàng Thao. Đường phố này dài 1.000 mét từ phố Trần Hưng Đạo (đầu phía Đông là phố Phan Đình Phùng) qua phố Bến Thóc, Ngô Quyền, Tô Hiệu đến đầu đường Đinh Bộ Lĩnh. Tiếp nối là đường Nguyễn Văn Trỗi. Trong phố này có cửa hàng ăn uống quốc doanh (phía hữu), rạp chiếu bóng (phía tả). Tháng 4-1966 khu vực này bị máy bay Mỹ ném bom phá sập nhiều nhà cửa, nhiều người bị thương vong. Tại đây đã dựng “Bia căm thù” ghi dấu tội ác chiến tranh. Từ sau năm 1998, đường - phố được nâng cấp, cải tạo thì đồng thời đã có nhiều ngôi nhà cao tầng được xây dựng và một số nhà hàng ăn uống dịch vụ

được mở ra, thu hút lượng khách khá đông.

57- Phố Tống Văn Trân

Xưa là phố Hải Phòng, dài 300 mét, nối phố Hàng Thao với phố Máy Chai. Năm 1946 đặt tên là phố Tống Văn Trân. Xưa phố kéo dài tới bờ đê sông Đào (nay là đường Trần Nhân Tông). Vì chiến tranh nhà cửa thành phố bị bom huỷ diệt, dân cư không còn nơi ở. Chính quyền thành phố đã quyết định dựng dãy nhà tạm trên đoạn phố này giúp ổn định đời sống cư dân từ nơi sơ tán trở về, nay đã thành dãy nhà kiên cố.

Tống Văn Trân (1905 - 1935), quê Tân Cầu, Cát Đằng, Ý Yên (Phong Doanh xưa). Sau khi học xong tiểu học Cát Đằng, thi vào Trường Sư phạm Hà Nội. Tốt nghiệp, ông về quê dạy học tại An Lộc Thượng, rồi ở Nguyên Xá. Học trò học thầy Trân có cả nam và nữ, thầy còn tổ chức dạy chữ cho người lớn tuổi. Tống Văn Trân tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Ngày 19-6-1931 ông bị thực dân Pháp bắt, Toà án Nam Định xử án tử hình. Toà Thượng thẩm Hà Nội xử giảm án tử tử hình xuống khổ sai chung thân, bị đày ra Côn Đảo; Tống Văn Trân cùng 20 đảng viên thành lập chi bộ đảng đầu tiên ở nhà tù này. Tháng 4-1934 Tống Văn Trân cùng một số đồng chí tổ chức vượt ngục thành công, trở về đất liền tiếp tục hoạt động. Tống Văn Trân được cử vào Ban Chấp hành Xứ uỷ Nam Kỳ phụ trách phong trào Sài Gòn - Chợ Lớn, rồi được phân công ra miền Trung tổ chức Đại hội Xứ uỷ Trung Kỳ, sau lại được điều về Sài Gòn thì bị bắt và đã hy sinh tại Sở Mật thám Sài Gòn năm 1935.

58- Phố Máy Chai

Phố Máy Chai hình thành từ khi thực dân Pháp xây dựng Nhà máy Chai (năm 1895), người Pháp gọi là Rue Jules Norél, dài 350 mét, nối phố Trần Hưng Đạo với phố Bến Thóc.

Nhà máy Chai ở khu đất mặt đường phía Nam phố này (lò nấu chai lọ đựng đồ dùng, dụng cụ thủy tinh). Trong 9 năm

kháng chiến, Pháp biến khu vực nhà máy thành nhà tù giam giữ những người kháng chiến hoặc những ai bị chúng tình nghi có hoạt động cách mạng ở vùng chúng tạm chiếm (thuộc các huyện trong tỉnh). Tại Nhà tù Máy Chai Nam Định, bọn thực dân dùng mọi hình thức tra tấn tù nhân rất dã man vô nhân đạo.

59- Phố Cửa Trường

Đường Tả Trường Nam Định xưa, sau này không còn thành cổ Nam Định, trở thành phố Cửa Trường. Trong quãng thời gian trường thi còn tồn tại, nơi đây cũng là chốn tụ hội của các khoá sinh sĩ tử mua đồ dùng sinh hoạt hoặc giấy, mực nếu không muốn vào phố Hàng Giấy, ngại đi xa. Thời thuộc Pháp đặt tên là Rue Formose. Sau này không còn Trường thi Hương Nam Định nữa, dân lại quen gọi là phố Cửa Trường, dài 350 mét, nối từ phố Bến Thóc đến phố Tô Hiệu (Cửa Nam xưa).

Chợ Cửa Trường xưa chỉ có lều quán, chợ tạm, mua bán hàng thuỷ hải sản từ các huyện phía Nam và dân thuyền chài sông Đào lên. Nay chợ đã được nâng cấp sửa chữa kiên cố trên diện tích đất rộng 1.200 m². Công và đình chợ cao, đẹp. Chợ họp cả ngày, hàng hoá mua bán đa dạng, phong phú.

60- Phố Ngô Quyền

Xưa là phố Bến Củi, người Pháp gọi là Rue Champeaux, dài 400 mét, nối đường Trần Nhân Tông với phố Máy Tơ. Năm 1956 đặt tên phố Ngô Quyền. Từ xưa đến nay, đường - phố này ít có cửa hàng, cửa hiệu lớn, người qua lại cũng thưa. Phía Đông đường có Trường Tiểu học Trần Phú.

Ngô Quyền (898 - 944) người Đường Lâm nay thuộc huyện Ba Vì, là con của Ngô Mẫn, khi lớn lên, ông vào Thanh Hoá theo Dương Đình Nghệ, được Đình Nghệ tin yêu gả con gái cho. Khi Kiều Công Tiễn giết hại Đình Nghệ, Ngô Quyền từ Thanh Hoá ra tiến đánh kẻ phản trắc. Công Tiễn cầu cứu nhà Hán. Vua Hán cho Lưu Hoàng Thao đưa thuỷ quân sang xâm

lược. Ngô Quyền cho quân đóng cọc trên sông Bạch Đằng lập trận tuyến đánh tan quân Nam Hán. Hoàng Thao đã bỏ mạng trên sông. Đó là trận chiến thắng lịch sử Bạch Đằng lần thứ nhất năm 939. Ngô Quyền làm vua từ năm 939 đến năm 944, đóng đô ở Cổ Loa. Nay ở nhiều nơi có đền thờ ông.

61- Đường Trần Nhân Tông

Đường bờ sông chân đê phía hữu sông Đào hình thành từ sớm nhưng từng đoạn ở thời điểm khác nhau. Từ thế kỷ XIX đoạn đường từ Bến Thóc đến Đồn Thủy còn nhỏ hẹp, đoạn từ Bến Thóc đến Giá Nứa, có chợ Đò Chè, có bến đò đông người qua lại thì rộng hơn và được gọi là đường Đò Quan. Thời thuộc Pháp gọi là Quay Lamothe, mở rộng đoạn đường này tới khu vực Nhà máy Điện, Máy Nước phía Đông làng Phù Long và mặt đường đã rải nhựa nối liền với khu phố xá phía Tây sông Vị. Từ cuối năm 1946 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nổ ra, rồi tiếp theo là chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đoạn đường Đò Quan từ Đò Chè đến cuối đường Trần Nhật Duật hiện nay bị cây xối lồi lõm và gần như bị lấp liền với chân đê. Khu vực này từ cuối những năm 1970 trở thành hoang vắng, dân đến làm nhà và một số khu nhà tập thể xây dựng tới sát chân đê, đến nỗi không nhận ra đường bờ sông xưa là đâu. Đoạn còn lại rộng là từ cuối phố Hoàng Văn Thụ đến lối rẽ vào Đông An, qua Công ty Xăng dầu và Nhà máy Đóng tàu 1-5. Ở đây có cảng sông Nam Điện, có bến tàu thủy, trụ sở Cảng Nam Định ở phía tả cuối phố Hàng Cau. Tiếp đến là Trạm Muối. Ty (sở) Lương thực nhìn ra bờ sông nhưng cổng vào từ phố Phan Đình Phùng.

Đầu những năm 1990 cùng với việc mở rộng thông đường Hùng Vương ra bờ sông, lại mở khu dân cư đường Bạch Đằng thì đường bờ sông mới được điều chỉnh (quy hoạch) mở rộng mặt đường. Năm 1999, cùng với việc xây kè bờ hữu sông Đào thì đường này mới được nâng cấp, đổ át phan nhựa phẳng đẹp, kéo từ phía Đông đường Trần Nhật Duật đến (đầu dốc) đường

Nguyễn Văn Trỗi, dài 2.600 mét, với dự định sẽ là đường giành cho xe ô tô từ phía Nam lên chạy theo đường Trần Nhật Duật - đường Trường Chinh - lên đường Điện Biên... và sau đó đặt tên là đường Trần Nhân Tông.

Đường Trần Nhân Tông rộng, thoáng mát, chỉ có một phía hữu có nhà hướng về sông Đào. Trên đường - phố này đã có một số nhà kinh doanh dịch vụ, nhà nghỉ ăn uống nhưng thu hút khách chưa nhiều. Nếu được như bên bờ sông Hàn (Đà Nẵng), sông Hương (Huế) tạo thành những khu nhà hàng hoặc khu căng tin giải khát rộng bên đê sông Đào thì “đêm hè Thành Nam” sẽ rộn rã, đông vui biết mấy tại khu cảnh quan và sinh thái lý tưởng này.

62- Đường Nguyễn Văn Trỗi

Từ đường bờ ruộng mở rộng ra làm đường kéo pháo vào trận địa phòng không ở Mả Chói và bãi than, sau khi kết thúc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định đã đôn cao, nâng cấp thành đường vận chuyển của xí nghiệp vận tải và kho hàng hoá thuộc nhà máy ở khu vực này. Cuối những năm 1970 một số khu tập thể và gia đình cá nhân của Nhà máy Liên hợp Dệt đã lần lượt xây dựng ở phía hữu đường. Đến năm 1983 - 1985 đường Mả Chói đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển của một số đơn vị, xí nghiệp trên địa bàn, đồng thời Xí nghiệp Tôm đông lạnh, Tổng kho Ngoại thương, Xí nghiệp Thịt lợn đông lạnh cũng được xây dựng trong khu vực gần đê Tiền Phong. Đường nối từ đường Hoàng Diệu đến đóc đê sông Đào (nay là đường Trần Nhân Tông) dài 1.000 mét, đặt tên là đường Nguyễn Văn Trỗi.

Nguyễn Văn Trỗi (1940 - 1964) quê Thanh Quýt, Điện Bàn, Quảng Nam, năm 15 tuổi đã ra Đà Nẵng, rồi vào Sài Gòn làm thuê, tham gia phong trào thanh niên, rồi trở thành chiến sĩ biệt động Sài Gòn. Tháng 11-1964 Nguyễn Văn Trỗi được giao nhiệm vụ đánh bom mưu sát Bộ trưởng bộ Quốc phòng

Mỹ là Mắc Namara tại cầu Công Lý. Bị giặc bắt, Nguyễn Văn Trỗi đã rất hiên ngang, bất khuất khi bị giải đưa ra pháp trường tử hình. Nguyễn Văn Trỗi được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Đọc ven đường Nguyễn Văn Trỗi nay dân đã xây dựng nhà ở đông vui, phía hữu đường là các cơ sở công nghiệp như Công ty cổ phần Dệt May Sơn Nam, Công ty Cổ phần Dây - Lưới thép và một số công ty may của Tổng Công ty Dệt May Nam Định.

63- Đường Trần Bích San

Đường mới mở qua đất Mả Chối, dài 500 mét, thảm bê tông nhựa nối đường Nguyễn Văn Trỗi với đường Nguyễn Bính, đặt tên là đường Trần Bích San.

Trần Bích San (1840 - 1877), người thôn Thi Hạ (nay là phố Bến Ngự) là con Phó bảng Trần Doãn Đạt, thi đỗ Tam nguyên Hoàng giáp, năm 1865, được Vua Tự Đức ban cờ, biển có 4 chữ “Liên trủng tam nguyên”, đổi danh Trần Hy Tăng, Làm quan tuần phủ Hà Nội, khi về Huế nhận nhiệm vụ đi xử thì đột ngột qua đời.

64- Đường Song Hào

Đường mới mở, nối từ ngã ba đường Trần Nhân Tông đến đường Văn Cao (đầu đường Giải Phóng), dài 1.100 mét.

Song Hào (1917 - 2004), tên khai sinh là Nguyễn Văn Khương, quê làng Hào Kiệt, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tham gia cách mạng năm 1936, làm Chính uỷ Đại đoàn 308 năm 1951, rồi là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, được phong Thượng tướng năm 1974. Sau đó, từ 1982 - 1987 làm Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh xã hội.

65- Đường Giải Phóng

Đường nối từ Quốc lộ 21 sang Quốc lộ 10 đi qua đất xã Mỹ Xá, dài 2.500 mét. Đầu từ đường Văn Cao, cuối tới đường Đông A, xưa là đường đất qua cánh đồng Mỹ Trọng lên An Trạch. Năm 1965 đã mở rộng cho xe kéo pháo vào trận địa (khu lũng Lê Nhiếp và nghĩa địa Hoa kiều). Năm 1966 lại lấy gạch ngói vỡ từ các khu nhà trong phố bị máy bay Mỹ đánh sập đôn cao cho đường khỏi bị lầy sệt.

Sau năm 1973 lấy đất núi từ Tam Điệp về đắp cấp thành đường, do đất đắp đường có màu đỏ nên khi ấy gọi là đường Đất Đỏ, sau được cải tạo, mở rộng thêm. Năm 1976, đặt tên là đường Giải Phóng để kỷ niệm sự kiện giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước. Khu vực 2 bên đường dần trở thành khu dân cư, khu tập thể (Điện lực, Nông nghiệp, Cơ khí...) và xây dựng một số nhà máy, xí nghiệp (Xây lắp Điện, Dệt Dân sinh, Thảm đay, Cơ khí Thương binh...). Nay thì có nhiều cơ sở sản xuất đồ gỗ.

66- Đường Trần Quang Khải

Nhánh đường sắt từ Ga Nam Định đến Đò Chè sau năm 1988 bị dỡ bỏ (vì giấy phép hoạt động của cảng Nam Định được chuyển vào cảng Ninh Phúc, Ninh Bình), nhu cầu vận chuyển hàng hoá từ tuyến đường sông cơ bản không còn nhiều, đoạn đường này trở thành đường bộ dân sinh nội thành, dân quen gọi là “đường Tàu lệt”.

Năm 1992 đường Tàu lệt được mở rộng, đất hai bên đường được cấp cho dân tự xây dựng nhà ở. Đến năm 1999, đường đã được cải tạo nâng cấp về cơ bản, sau đó được đặt tên là đường Trần Quang Khải, với chiều dài 1.500 mét, nối từ đường Văn Cao (xưa là đường Ninh Bình) đến đường Trần Nhân Tông.

Trần Quang Khải (1241 - 1294) là con thứ 2 của Vua Trần Thái Tông, năm 1271 được phong Tướng quốc Thái úy, năm 1282 được phong Thượng tướng Thái sư, là người có nhiều công trạng cùng vương tộc chỉ huy quân dân Đại Việt 3 lần đánh thắng giặc Nguyên - Mông.

67- Phố Nguyễn Chánh

Thời thuộc Pháp là phố Đức Quốc (Rue de la Germanie), dài 200 mét, nối từ phố Trần Hưng Đạo đến phố Phạm Hồng Thái. Phố nằm ở phía Nam chợ Rồng.

Nguyễn Chánh (1914 - 1957) quê Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, tham gia phong trào cách mạng năm 1929, vào Đảng năm 1931, Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi (1935 - 1939). Sau Khởi nghĩa Ba Tơ, được phân công chỉ huy Đội Du kích Ba Tơ. Làm Bí thư Liên khu uỷ, Chính uỷ kiêm Tư lệnh Liên khu V (1951 - 1954). Tập kết ra Bắc được bổ nhiệm Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ thuộc Bộ Quốc phòng, mất ngày 24-9-1957.

68- Phố Trường Thi

Phố mới mở. Năm 1960 đây còn là đoạn đường đê Bao Bi của thành phố, dài 600 mét, nối từ Ga Nam Định với đường Trần Huy Liệu.

Trường Thi xưa là nơi triều đình phong kiến nhà Nguyễn tổ chức thi Nho học cấp vùng gọi là trường thi Hương để lấy người đi thi Hội, thi Đình. (Thời Nguyễn cả nước có 9 trường thi Hương, sau rút xuống còn 7 trường). Tuy nhiên đất phố Trường Thi này lại không đi qua đất Trường thi Hương Nam Định xưa, cho dù phố này nằm ở đất làng Năng Tĩnh.

69- Phố Đặng Xuân Thiều

Đường - phố này mới mở khi thành phố xây sân vận động Thiên Trường hiện đại. Đường dài 600 mét, nối đường Trường Chinh với đường Hàn Thuyên.

Đặng Xuân Thiều (1909 - 1965), quê làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, là con trưởng của cụ Tú Châu (Đặng Ngọc Định), một chiến sĩ Phong trào Văn thân yêu nước cuối thế kỷ XIX. Đặng Xuân Thiều tham gia cách mạng từ rất sớm, ông đã dành cả tuổi thanh xuân để sống, chiến đấu và xây dựng phong trào cách mạng, đặc biệt với phong trào cách mạng

thành phố cảng Hải Phòng những năm 30 của thế kỷ XX. Đầu năm 1929, theo quyết định của tổ chức, Đặng Xuân Thiều đã đi vào phong trào vô sản hóa để vận động công nhân giác ngộ trong các nhà máy, xí nghiệp. Ông đã viết nhiều bài báo, sáng tác nhiều thơ, ca, tổ chức diễn thuyết để cổ động và hướng dẫn phong trào quần chúng. Tháng 9-1930 Tỉnh ủy lập Ủy ban tranh đấu gồm năm ủy viên do Tỉnh ủy viên Đặng Xuân Thiều phụ trách. Năm 1931 Đặng Xuân Thiều bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ông ra tù, tiếp tục hoạt động. Cuối năm 1939 lại bị bắt, kết án tù chung thân, lần lượt bị giam ở Hỏa Lò, Bắc Mê, Nghĩa Lộ, Bá Vân. Ở trong các nhà tù, ông tham gia các hoạt động chống chế độ hà khắc, tổ chức huấn luyện, làm thơ ca theo chủ trương của chi ủy nhà tù. Sau khởi nghĩa, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông công tác trong ngành tư tưởng, văn hóa. Sau hòa bình, ông chuyên về công tác tại Bộ Văn hóa, làm Giám đốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Chiến sĩ cộng sản kiên cường Đặng Xuân Thiều đồng thời cũng là một thi sĩ xuất sắc.

70- Đường Đông kinh nghĩa thực

Tên cũ gọi là đường Tổng đốc, dài 600 mét, từ phố Hà Huy Tập quặt sang phía Tây 1 đoạn (xưa là cổng Bệnh viện E) rồi thẳng phía Nam gặp phố Trần Phú, xưa là đường đi vào dinh Tổng đốc nên dân thường gọi là đường Tổng đốc.

Đông kinh nghĩa thực là một cơ sở giáo dục - văn hoá trong phong trào Duy Tân. Trường do các sĩ phu yêu nước lập năm 1907 ở Hà Nội. Lương Văn Can làm Thực chủ, Nguyễn Quyền làm Giám học là những thành viên sáng lập. Do hoạt động giáo dục lòng yêu nước mà trường bị thực dân Pháp bắt đóng cửa. Lây có về vụ đầu độc Hà thành, các ông Lương Văn Can, Nguyễn Quyền cùng một số sỹ phu lập ra Đông kinh nghĩa thực đều bị bắt, bị kết án tù khổ sai.

71- Đường Phù Nghĩa

Đường liên thôn Phù Hoa đi Đông Mạc rồi Đệ Tứ, Đệ Tam... xưa đã hình thành cùng với các địa danh có từ thời Lý, Trần. Đến thời Nguyễn do kỵ húy lại đổi thành Phù Nghĩa và tồn tại cho đến ngày nay. Cho đến đầu những năm 1970 đường Phù Nghĩa vẫn còn là đường đất pha cát thấp, một bên là mương nước, phía hữu là ruộng nhưng đã rộng đủ cho xe kéo pháo đi lại. Có thể xưa kia là đường rước kiệu nên khá bằng phẳng, mặt đường có đoạn còn lớp đá xanh nhỏ và gạch vụn. Cầu lên Đệ Tứ xưa là công gạch xây cuốn khá chắc. Từ những năm 1980 đến nay, các khu nhà tập thể lần lượt hình thành “các ô”, dân số tăng lên thì đường Phù Nghĩa cũng được mở rộng, nâng cấp nhiều lần. Mương nước mé Đông đường được đặt công hộp, mặt đường mở rộng quá 2 lần so với trước. Năm 2012 hoàn thành đổ bê tông nhựa toàn tuyến từ đường Trường Chinh đến Quốc lộ 10 (đường vành đai) lối cắt đi Phù Nghĩa dài 1.000 mét (đoạn phía dưới tới chợ Hạ Long rộng tới 20 mét, giữa có giải phân cách) và trở thành tuyến đường thoáng đẹp phía Bắc dẫn vào thành phố.

72- Phố Huỳnh Thúc Kháng

Đoạn phố nối phố Hàng Thao đến phố Máy Chai hình thành từ đầu thế kỷ XX. Khi Nhà máy Chai được xây dựng (năm 1895) và mang danh Rue Thái Bình. Năm 1956 đặt tên phố Huỳnh Thúc Kháng.

Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947) quê Thanh Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Năm 1926 ông trúng cử Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ, sau từ chức về viết báo. Năm 1946 dưới chính thể Việt Nam dân chủ cộng hoà, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ liên hiệp, rồi quyền Chủ tịch nước khi Hồ Chủ tịch sang Pháp. Kháng chiến chống thực dân Pháp ông vào Liên khu V, rồi mất tại đây.

73- Phố Nguyễn Hồng

Ngõ chùa Năng Tĩnh xưa được nâng cấp cải tạo thành đường - phố đặt danh Nguyễn Hồng có chiều dài 100 mét, nối từ phố chợ Năng Tĩnh đến phố Hoàng Diệu.

Nguyễn Hồng (1918 - 1982) tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng, xưa nhà ở phố Hàng Cau, thành phố Nam Định, nhà nghèo cha mất sớm, năm 1934 cùng mẹ ra Hải Phòng kiếm sống và viết văn (tiểu thuyết Bỉ vỏ). Năm 1942 ông bị thực dân Pháp bắt đưa về quản thúc tại Nam Định, năm 1943 tham gia Hội Văn hoá cứu quốc và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông hoạt động ở Hội Văn nghệ Việt Nam, rồi làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Hải Phòng. Sự nghiệp văn chương của ông đã để lại nhiều tiểu thuyết, truyện, ký có giá trị và được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt I - 1996).

74- Đường Nguyễn Bính

Tuyến đê bao phía Tây - Tây Nam thành phố vắt qua đường Ninh Bình xưa xuống tận bờ đê sông Đào, đầu những năm 1960 đến gần 50 năm sau này hai bên là đất của Hợp tác xã nông nghiệp Tiên Phong. Cuối những năm 1980 - 1990, dân được cấp hoặc được bán đất và tự vượt lập làm nhà, đến ở ngày một nhiều. Tuyến đường đê này được dân gọi là đường đê Tiên Phong. Từ năm 1998 - 1999 đường Bờ Sông (nay là đường Trần Nhân Tông) được mở rộng và kéo dài nối với đầu đường Giải Phóng (theo quy hoạch cũ sẽ là đường giao thông đi các huyện phía Nam thay thế cho tuyến đi qua đường Đồng Tháp - Trường Chinh - Điện Biên). Bởi thế mà đường Tiên Phong bị ngắt ra làm hai phía. Phía hữu cư dân dày hơn (thuộc phường Năng Tĩnh), phía tả tính từ đầu đường Ninh Bình đến cống Kênh Gia đê sông Đào được mang danh Nguyễn Bính, dài 1.500 mét. Dân ở hai bên đường này có số đông là công nhân Nhà máy Tôm đông lạnh và Xí nghiệp Tàu thuyền sông Đào, còn nhiều nhà cấp 4, ở thưa.

Nguyễn Bính (1918 - 1966) quê làng Thiện Vinh, nay thuộc xã Cộng Hoà, huyện Vụ Bản, có tài làm thơ từ nhỏ, ông được vinh danh là nhà thơ “chân quê”, rất nổi tiếng trong phong trào thơ mới, mang đậm chất ca dao. Nguyễn Bính tham gia phong trào cách mạng ở Nam Bộ năm 1945, phụ trách Đoàn Văn hoá cứu quốc tỉnh Rạch Giá và là Chủ nhiệm Việt minh ở tỉnh này. Hoà bình lập lại, ông tập kết ra Bắc, làm ở báo “Trăm hoa” Hà Nội, sau đó về làm việc ở Ty Văn hoá Nam Định. Nguyễn Bính mất tại nơi sơ tán trong kháng chiến chống Mỹ ở huyện Lý Nhân. Nhà thơ được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000.

75- Phố Đình Bộ Lĩnh

Đường phía Đông khu Đông An đi ra lò giết mổ lợn ở gần bờ sông còn nhỏ hẹp, dân quen gọi là đường Lò Lợn. Năm 2004, đường này được mở rộng ra, sau đó rải nhựa đặt tên là đường Đình Bộ Lĩnh.

Đình Bộ Lĩnh (924 - 979) gốc quê làng Đại Hữu, Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Ông là con Thứ sử châu Hoan, tên là Đình Công Trứ, từ nhỏ đã thông minh ham võ nghệ, tập trận (cờ hiệu bông lau). Khi vùng châu thổ nổi loạn 12 sứ quân, Đình Bộ Lĩnh đã thu phục, dẹp được 12 sứ quân này, năm 968 xưng Đình Tiên Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, lấy niên hiệu là Thái Bình, đóng đô ở Hoa Lư. Năm 979 Đình Tiên Hoàng và Nam Việt vương Đinh Liễn bị viên quan phản trắc là Đỗ Thích sát hại.

76- Ngõ Văn Nhân

Phía Đông Nam Thành Nam xưa, khi Trường thi Hương Nam Định vẫn tồn tại thì ở ngách phố Khách đã là nơi tụ hội của các môn sinh đến mua giấy (các loại), bút nho, mực tàu (thỏi), sơn và các vật phẩm phục vụ cho việc học hành thi cử.

Khi phố Vải Màn (nay là phố Hai Bà Trưng) và phố Bờ Hồ (nay là phố Trần Hưng Đạo) hình thành thì ngách phố ấy nở rộng ra thành ngõ và thường là nơi hội ngộ của tao nhân mặc khách nên gọi là ngõ Văn Nhân. Thời thuộc Pháp phiên ngữ là Ruelle des Lettrés. Ngõ này nay đã tôn tạo, rải nhựa dài 400 mét, nối thông phố Trần Hưng Đạo với phố Hoàng Văn Thụ. Trong ngõ có chỗ bán đồ ăn điếm tâm (cháo, phở, bún...).

77- Ngõ Yên Thế

Ngõ nằm giữa (phân cách) phố Hàng Tiện và Hàng Cáp hình thành đồng thời với 2 phố này và nối thông tới phố Hàng Đồng. Thời thuộc Pháp gọi là ngõ Lôi Điện. Năm 1956 đặt danh là ngõ Yên Thế (địa danh chồng Pháp của nghĩa quân Đề Thám - Hoàng Hoa Thám, nay thuộc vùng Bắc Giang). Trong ngõ có nhà nguyện Đông Mạc (với vài chục hộ dân công giáo). Tháng 5-1972, máy bay Mỹ ném bom phá sập nhà nguyện và một số nhà dân. Khi xây dựng, sửa chữa lại nhà, lối ngõ thông sang phố Hàng Đồng bị chặn lại. Nay ngõ Yên Thế dài 40 mét.

CHƯƠNG BỐN

THÀNH NAM MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN TỪ NĂM 1998 ĐẾN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

I- Bối cảnh và định hướng phát triển

Năm 1997 tỉnh Nam Định được tái lập sau 32 năm 2 lần hợp nhất với tỉnh Hà Nam và 16 năm với tỉnh Ninh Bình. Địa giới hành chính thành phố Nam Định và một số huyện cũng được điều chỉnh. Trong bộn bề công việc phải lo toan: Kiện tàn bộ máy, sắp xếp đội ngũ cán bộ, điều chuyển bố trí nơi làm việc của các cơ quan, đơn vị, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài của địa phương, đơn vị... thì việc xác định mục tiêu và giải pháp mang tính cơ bản, toàn cục, sát hợp thực tiễn và hiệu quả cao, bền vững là quan trọng nhất. Khi ấy ở thành phố Nam Định xuất hiện những dòng tâm lý xã hội khác nhau hoặc đan xen nhau. Số đông cán bộ, đảng viên và nhân dân thì hào hứng phấn khởi, tin tưởng vào sự tái lập địa giới hành chính và địa danh sẽ tạo nên bước tiến mới cho địa phương. Nhưng số ít người thì suy diễn, phân tâm cho rằng tương lai phát triển của Nam Định sẽ lu mờ, “thành phố Nam Định sẽ là ốc đảo, là ngõ cụt, là tỉnh lẻ nhà quê”, nào là đường sắt, đường bộ cao tốc Bắc - Nam sẽ đi thẳng Hà Nam - Ninh Bình, không qua Nam Định, hoặc Nam Định không còn thế mạnh, “mất chỗ dựa vào núi đá” vv và vv... Trong bối cảnh như vậy, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ đương nhiệm khi ấy, với vai trò của một uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, người lãnh đạo cao nhất tại địa phương đã không ít suy tư trăn trở, dồn tâm huyết, trí lực để tìm ra điểm xuất phát, mở hướng phát triển cho tỉnh và thành phố. Là người sinh ra và lớn lên từ thành phố, trưởng thành từ một nhà máy ở đây và đã ở vị trí lãnh đạo thành phố nhiều năm; hiểu về thành phố khá tường tận, nặng lòng yêu quý thành phố quê hương, nên đã không ít lần đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ cùng thảo luận với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, rồi trao đổi với cộng sự về kế sách xây dựng,

phát triển thành phố Nam Định sao cho “đúng tầm, có thể” để “mở mày mở mặt” và thành phố “phải sang mới giàu”... bởi vì xứ sở này đã có lịch sử đi từ “đô” (thành) rồi có “thị” và có được thành phố như ngày nay.

Trong xu thế phát triển và hội nhập, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ở miền Bắc, tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Quảng Ninh - Hải phòng đã tạo đà cho sự phát triển các tỉnh trong vùng như Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc... Đối với thành phố Nam Định đã từng là trung tâm công nghiệp lớn của miền Bắc, là cái nôi của ngành Dệt - May cả nước, lại có đội ngũ thợ kỹ thuật giỏi nghề, giàu kinh nghiệm thì nhất định phải tạo được cơ hội để phát triển. Trong định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đầu những năm 2000, thành phố Nam Định được xác định là trung tâm công nghiệp, là trung tâm văn hoá - khoa học kỹ thuật, là một trong 3 vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực phát triển cho cả tỉnh. Trước hết thành phố sẽ mở rộng quy hoạch không gian đô thị, đầu tư nâng cấp và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho sự phát triển các lĩnh vực trước mắt và lâu dài. Theo đó, khu vực nội thành được điều chỉnh quy hoạch các khu dân cư, cải tạo, nâng cấp các đường phố, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo tiêu chí vệ sinh môi trường và cảnh quan văn hoá. Quy hoạch mở rộng thành phố về hướng Tây - Tây Bắc và hướng Nam bên tả sông Đào; xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung để chuyển các cơ sở sản xuất ra ngoài vi thành phố. Xây dựng các khu đô thị mới để dẫn dân nội thành và phát triển quy mô dân cư trong tương lai. Đường vành đai thành phố nội Quốc lộ 10 và Đường 21 được xây dựng mới (thay thế đường Giải phóng như quy hoạch năm 1994)... Nâng cấp, xây dựng mới trụ sở các cơ quan, đơn vị của tỉnh và thành phố, từng bước đổi mới các thiết bị, đồ dùng làm việc theo hướng tiên tiến hiện đại, đáp ứng nhu cầu công việc trong thời kỳ mới.

Phương thức huy động nguồn lực, tỉnh sẽ giành một phần

tài chính từ các khoản thu tại địa phương để đầu tư xây dựng một số công trình lớn, trọng điểm trong thành phố, kết hợp với nguồn hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương. Đối với các dự án xây dựng khu, cụm công nghiệp và khu đô thị mới sẽ hợp tác với các nhà đầu tư tham gia góp vốn kết hợp với thực hiện phương châm “lấy đất nuôi đường”, “lấy đất nuôi hạ tầng kỹ thuật”. Việc nâng cấp hạ tầng các khu dân cư thì thực hiện “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, nhân dân tham gia góp vốn xây dựng.

II- Kết quả xây dựng phát triển thành phố

Từ những định hướng tổng thể khái quát và sát hợp, lại có sự cố gắng, quyết tâm cao của các cấp lãnh đạo thành phố, sự giúp đỡ, hỗ trợ tích cực của tỉnh và được đông đảo nhân dân hưởng ứng, hăng hái tham gia, nên hơn 10 năm qua thành phố Nam Định đã được xây dựng, phát triển khá mạnh, với nhiều công trình đã hoàn thành, có hiệu quả rõ.

Năm 1998 kéo dài đường Hùng Vương về phía thôn Đông Mặc để xây dựng nhà cửa, làm cơ sở hình thành khu đô thị mới tại đây. Bờ đê hữu sông Đào được xây kè bảo vệ và đường đi dạo trên mặt đê. Đường bờ sông được cải tạo, mở rộng thành đường Trần Nhân Tông.

Năm 1999 - 2001, một loạt công trình văn hoá - thể thao được xây dựng mới và nâng cấp, hoàn thành. Tượng đài Trần Hưng Đạo và Quảng trường, Nhà Văn hoá 3-2 cùng các công trình phụ trợ tạo thành quần thể văn hoá cảnh quan đẹp, hấp dẫn ở trung tâm thành phố. Bể bơi Trần Khánh Dư, sân vận động Thiên Trường, Nhà Thi đấu thể thao với quy mô vừa phải, phù hợp với các cuộc thi đấu, sinh hoạt thể thao cấp tỉnh và thành phố (sân bóng rộng 24.406 m², diện tích đất khu bể bơi rộng 6.156,6 m²).

Năm 2001 - 2009, cả vùng đất từ phía Tây - Tây Nam - Tây Bắc và phía Bắc thành phố một loạt dự án đầu tư xây dựng được triển khai và đã hình thành 2 khu công nghiệp, 1 cụm

công nghiệp, 2 khu đô thị mới và nhiều khu tái định cư liền kề ngoại vi thành phố.

Khu Công nghiệp Hoà Xá (thuộc đất xã Lộc Hoà và Mỹ Xá) rộng 179,3 héc ta đã có 99 doanh nghiệp đầu tư được cấp giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận diện tích đất sử dụng, tổng diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận là 1.565.069 m² (tổng mức đầu tư hơn 4.722,4 tỷ đồng, tổng số lao động đăng ký là 26.976 người)⁽¹⁰¹⁾. Các công ty đầu tư ở khu công nghiệp này gồm nhiều ngành nghề, loại hình sản xuất kinh doanh; cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh và số ít doanh nghiệp nước ngoài.

Một số doanh nghiệp có diện tích đất rộng lớn là Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (di dời từ nội thành ra) là 300.000 m², Công ty Dệt lụa Nam Định 70.000 m². Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái 35.980 m², Công ty TNHH Tây Nam (Nhà máy Dệt len xuất khẩu) 29.682 m². Công ty Cổ phần Sợi PVTEX 60.000m², Công ty Cổ phần May Nam Định 44.773 m². Công ty Cổ phần Dệt May Sơn Nam 41.700 m². Công ty Cổ phần Thực phẩm công nghiệp 36.236 m². Công ty Cổ phần Lâm sản Nam Định 33.310m², Công ty TNHH Thương mại Minh Trường Giang 41.000 m², Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Việt Ý 40.250m², Công ty Cổ phần Len Sài Gòn 51.101 m², Công ty TNHH Mai Văn Đáng 19.469 m², Công ty TNHH Đức Phương 27.666 m²... Doanh nghiệp nước ngoài lớn có Công ty TNHH Youngone (Hàn Quốc) với tổng diện tích đất thuê 462.000 m², vốn đăng ký 53,2 triệu USD.

Khu công nghiệp Mỹ Trung⁽¹⁰³⁾ quy mô rộng 142 héc ta, đã cấp phép đầu tư cho 10 doanh nghiệp với tổng diện tích đất là 201.345 m² trong đó diện tích đất được cấp lớn nhất là Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Hoàng Anh 60.709 m², Công ty Cổ phần Đầu tư Cửu Long Vinashin 60.000 m², Công ty Cổ phần

(101) *Báo cáo thống kê* của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (lưu ý kể đến tháng 3-2012).

Kết cấu thép và Thiết bị nâng hạ Hoàng Anh 41.442 m².

Khu đô thị mới Hoà Vượng quy mô 63,3 héc ta, trên đất xã Lộc Hoà và Lộc Vượng. Tại đây từ năm 2005 đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, đã chia lô và đã đặt tên các đường phố. Từ năm 2006 đến nay đã có nhiều hộ gia đình và một số tổ chức kinh tế - xã hội xây dựng nhà cửa trên các trục đường phố lớn. Trong khu đô thị Hoà Vượng tuy chưa lấp đầy mặt bằng xây dựng, nhưng những nhà đã xây dựng đều cao tầng (cao nhất hơn 10 tầng), trên diện tích rộng, kiên trúc kiểu cách biệt thự, nhưng mật độ dân số còn thưa. Ngay đầu đường (Đông A) trục vào khu đô thị, năm 2010 đã xây dựng một Siêu thị BigC Nam Định, trên diện tích đất 26.000 m², là khu thương mại lớn thu hút nhiều khách hàng từ thành phố và các nơi về mua sắm.

Các khu tái định cư: Trầm Cá (rộng 10,4 héc ta), Đồng Quýt (12,0 héc ta), khu Trần Nhân Tông (7,3 héc ta), khu Phạm Ngũ Lão... đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phân lô, có đường phố được đặt tên. Có nơi số nhà dân xây dựng còn ít, sinh hoạt dân cư còn thưa vắng.

Khu đô thị mới Đông Mạc (Thống Nhất) quy mô 63,8 héc ta đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, các đường trục...

Năm 2009 - 2011, nhiều công trình văn hoá công cộng như Vườn hoa Điện Biên, vườn cảnh được tôn tạo... Bảo tàng tỉnh Nam Định đã hoàn thành xây dựng tại khu trung tâm này. Với công trình kiến trúc hoành tráng và có phần cổ kính, tạo thêm điểm nhấn mới về cảnh quan thành phố. Công viên hồ Vị Xuyên được cải tạo và mở rộng, tạo sự liên hoàn thoáng mát đáp ứng nhu cầu vãng cảnh đi dạo của nhân dân. Hầu hết các ngõ, ngách lối đi trong phố đã được cải tạo chỉnh trang; các mương, rãnh thoát nước lộ thiên được thay bằng cống hộp hoặc đường cống, rãnh nắp kín bảo đảm vệ sinh lại nơi rộng mặt đường...

Qua hơn 10 năm thực hiện mở rộng, phát triển thành phố, đồng thời với những thành tựu mới về kinh tế - xã hội, địa dư - không gian nội thành từ 12 km² đã mở rộng tới 18 km². Dân số

thành phố từ 220.000 người đã tăng thành 261.000 người (tính cả dân số quy đổi là 352.000 người). Cơ sở hạ tầng đô thị được cải tạo nâng cấp, với hơn 200 tuyến đường, phố được đặt tên và hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, vỉa hè được nâng cấp đồng bộ với tổng chiều dài hơn 145 km. Trên địa bàn thành phố có 9 hồ lớn điều hoà, thoát nước, 22 km kênh mương tiêu úng được xây kè và 16 công viên, vườn hoa, công trình công cộng với tổng diện tích 43 héc ta được chỉnh trang, tôn tạo theo tiêu chí văn hoá. Đáng kể hơn là hầu hết các công sở từ cấp phường, xã đến các cơ quan cấp tỉnh đều được xây mới (số ít cải tạo nâng cấp) vững chắc, bề thế, khang trang, kiểu dáng đa dạng hiện đại. Sự phát triển đổi thay đó đã tạo nên thành phố có quy mô vóc dáng mới bề thế, cảnh quan sắc thái tao nhã, sinh động, làm cho thành phố và tỉnh Nam Định sang thêm và sẽ giàu lên trong tương lai. Với hiện trạng khả quan như vậy, ngày 28-11-2011 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2106/QĐ-TTg công nhận thành phố Nam Định là đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

III- Địa danh các đường phố mới⁽¹⁰²⁾

Phố Vị Hoàng

Đồng thời với việc xây dựng mới toà nhà trụ sở Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh quay về hướng Đông chéch Bắc (ngược với hướng cũ) thì đoạn đường mới ngang qua trước sân 2 toà nhà này cũng được thực thi. Đoạn đường này được mở ra nối 2 trục: Đường Trường Chinh (phía Bắc) và phố Nguyễn Du (phía Nam) chiều dài 800 mét, rộng 8 mét chỉ giới đường 18 mét, diện tích giao thông 14.400 m², trong đó có 2/3 độ dài đoạn đường, xưa là đất vườn sau và nền nhà hội trường của Tỉnh uỷ, lại một phần đường kế tiếp về phía Nam là khu nhà dân phố Hàn Thuyên rồi đoạn phố có trước đó dân quen gọi là

(102) Địa danh các đường - phố mới bao gồm cả đường - phố mới được nâng cấp ở nội thành trước năm 1997 và đường mới hình thành, xây dựng và đặt tên từ năm 1998 - 2010 tại các khu đô thị mới, khu tái định cư... Do đó không ghi số thứ tự (để theo dõi sự liên hoàn giữa các đường - phố).

ngõ Voi Phục (có đền Voi Phục ở phía tả đường Hàn Thuyên) thời Triều Nguyễn và suốt thời thuộc Pháp đặt tên là đường Phủ Lý. Năm 1956 chính quyền cách mạng thành phố đặt tên là đường Võ Thị Sáu. Phần đường nối tiếp từ phố Minh Khai qua phía Tây Khách sạn Vị Hoàng đến phố Nguyễn Du cũng mới được mở khai thông. Khi đoạn đường hoàn thành (năm 2002), ban đầu cơ quan chức năng dự định đặt tên là Võ Thị Sáu để nối tiếp địa danh cũ nay đặt thành phố Vị Hoàng. Vì thế lãnh đạo tỉnh đồng ý đặt tên là đường Vị Hoàng. Hồ nước xưa gọi là hồ Bãi Ban cũng được đổi danh là hồ Vị Hoàng. Liên kề góc Tây Nam hồ, phía tả đường Vị Hoàng có một vườn hoa nhỏ tôn thêm cảnh quan phía trước trụ sở Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Phố Trần Thái Tông

Đoạn đường nối từ đầu đường Hưng Yên (gặp đường Mạc Thị Bưởi) đến đường vành đai Quốc lộ 10 (mang địa danh Trần Thừa), xưa có đoạn gọi là đường Thượng Lôi hoặc gọi chung là Đường 38 đi Vĩnh Trụ sang Hưng Yên. Đường dài 2.500 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 12 mét. Ngay đầu đường phía trong, từ 1947 - 1954 có bốt Thượng Lôi của quân Pháp (gọi là Bốt Đỏ), ra đến cầu Sắt, phía hữu có lô cốt ngầm kiên cố. Nơi đây, đã từng diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt giữa lực lượng bộ đội, du kích với quân lính Pháp, lính nguy.

Trần Thái Tông (1225 - 1258) tên thật là Trần Cảnh sinh năm 1218 khi lên ngôi vua (thay nhà Lý) trị vì đất nước, tuổi còn nhỏ, là vị Hoàng đế đầu tiên của vương triều Trần. Người đã có công thiết lập nên một bộ máy Nhà nước phong kiến tập quyền thống nhất, chặt chẽ, đặt nền móng cho một vương triều hùng mạnh tồn tại gần 2 thế kỷ. Năm 1258 Trần Thái Tông đã trực tiếp chỉ huy quân, dân Đại Việt đánh tan 3 vạn quân xâm lược Nguyên - Mông trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Trần Thừa từng làm Thái úy phụ chính Triều Lý (năm 1223). Khi con trai là Trần Cảnh lên ngôi vua, Trần Thừa được làm

Thượng hoàng... Nay có địa danh Trần Thừa tiếp nối đến đường Trần Thái Tông là có ý nghĩa như vậy.

Đường Trần Thái Tông xưa rải đá nhưng nhiều đoạn hư hỏng gồ ghề, mùa mưa lầy lội, khách hành hương về đền Trần theo đường này thật vất vả dù đi xe ngựa, xe đạp hay đi bộ. Đã qua nhiều lần sửa chữa, tôn tạo, đến năm 2009 đường được đặt tên, mặt đường được thảm bê tông nhựa phẳng, chắc. Hai bên đường đoạn từ ngã 3 Hưng Yên đến cầu Sắt đã có nhiều nhà mở cửa hàng kinh doanh buôn bán. Đầu cầu Sắt phía tả đường có dân tụ tập mua bán thủy sản tươi sống, có nhiều cá, cua, tôm đồng...

Phố Bùi Huy Đáp

Đường phía Nam chợ Hạ Long (giáp Ủy ban nhân dân phường) từ trục đường Phù Nghĩa đến đường khu dân cư phía Tây chợ, dài 250 mét. Trước đây chỉ là ngõ vào chợ nay đặt tên Bùi Huy Đáp (1919 - 2004), là giáo sư nông học, quê làng Bách Cốc, Thành Lợi, huyện Vụ Bản. Năm 1938 đỗ đầu Trường Bưởi Hà Nội, rồi thi vào Trường Đại học Nông Lâm. Sau khi tốt nghiệp đại học thì chuyển vào Huế dạy học. Năm 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền, được cử làm Tổng Thư ký cho Bộ trưởng Canh nông. Tiếp sau đó, làm Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp... rồi làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước. Ông là giáo sư nông học hàng đầu ở Việt Nam, có nhiều công trình nghiên cứu về giống lúa năng suất cao, ông được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.

Phố Vũ Ngọc Phan

Đường này ở phía Bắc chợ Hạ Long, nguyên là ngõ (thuộc dãy A Ô 20) dài 350 mét, nay được đổ bê tông, đặt tên đường Vũ Ngọc Phan (1902 - 1987) - Nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam. Ông quê xã Đông Lão huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Ông được học chữ Hán và Pháp ngữ, lại có khiếu

văn chương. Ông viết báo, viết văn, dịch sách và mở lớp dạy học tư. Một số tác phẩm của ông đã được xuất bản và phát hành trong cả nước.

Phố Lê Ngọc Hân

Đường vào dãy B Ô 20, từ đường Phù Nghĩa về phía hữu dài 350 mét, đặt tên là đường Lê Ngọc Hân - Công chúa con Vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786) và Hoàng hậu Chiêu Nghi, là người tài sắc vẹn toàn, sau này trở thành Bắc cung Hoàng hậu của Vua Quang Trung - Nguyễn Huệ. Sau 6 năm, Quang Trung qua đời, Ngọc Hân đau xót khóc chồng bằng bài “Ai tư vấn” thật thảm thiết. Năm 1799 Ngọc Hân (và 2 con trai) bị hãm hại ở tuổi 29.

Phố Đinh Thị Vân

Đường vào dãy C Ô 20, phía hữu đường Phù Nghĩa, dài 350 mét, đặt tên là đường Đinh Thị Vân, Đại tá tình báo quân giải phóng Miền Nam, nay là Quân đội nhân dân Việt Nam, bà quê ở Xuân Trường, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Phố Lương Văn Can

Ngõ vào xóm phía Nam Ô 17, sau Trường Cao đẳng Sư phạm. Năm 1997, sau khi mương tiêu nước được thay bằng cống ngầm, ngõ này được mở rộng tới trước dãy nhà thuộc Ô 17, rộng 9,5 mét, nối đường Phù Nghĩa với đường Thanh Bình, được đặt tên là Lương Văn Can. Lương Văn Can (1854-1927), quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), đỗ cử nhân năm 1879, ở nhà dạy học. Năm 1907 nhà giáo Lương Văn Can tham gia phong trào Canh tân đất nước, mở trường Đông kinh Nghĩa thực, để khai mở dân trí, sau đó (1908) bị thực dân Pháp bắt, đày ra Côn Đảo, rồi 1913 phải an trí ở Pnom Pênh (Campuchia), đến năm 1921 mới được trả tự do và đến năm 1927 thì qua đời tại nhà số 4 phố

Hàng Đào, Hà Nội.

Phố Lưu Hữu Phước

Đường trục Ô 17 từ đường Phù Nghĩa nối với đường Thanh Bình phía Đông, dài 350 mét được đặt tên đường Lưu Hữu Phước là nhạc sĩ Quân Giải phóng miền Nam (tác giả bài hát Giải phóng miền Nam) từ những năm đầu thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng ở chiến trường Nam Bộ.

Hai bên đường này, hơn 40 năm trước là những dãy nhà tập thể của cán bộ công nhân viên trong biên chế Nhà nước, sau nhiều lần cải tạo, sửa chữa, hiện nay nhiều căn hộ đã thay đổi chủ sử dụng và hầu hết đã xây lại kiên cố, cao tầng. Tại đây đã có nhà mở cửa hàng kinh doanh hàng tiêu dùng, nhưng chưa lớn.

Phố Chu Văn

Đường trục Nam Ô 18 từ đường Phù Nghĩa (phía Đông chợ Hạ Long, nối với đường Thanh Bình, xưa có mương tiêu nước ở mé phía Nam. Từ đầu những năm 2000, lấp mương tiêu, mở rộng đường, năm 2007 rải nhựa, dài 350 mét, đặt tên đường Chu Văn. Nhà văn Chu Văn quê ở huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau thời gian tham gia kháng chiến 9 năm chống Pháp, thuộc Quân khu III, ông chuyên ngành về công tác tại ngành Văn hoá - thông tin tỉnh Nam Định - Nam Hà rồi Hà Nam Ninh. Cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn luôn gắn bó với thành phố Nam Định. Một thời gian dài, ông cùng gia đình sinh sống tại khu tập thể Hàn Thuyên. Sự nghiệp văn chương của Chu Văn đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị. Bộ tiểu thuyết Bão biển của ông viết về đời sống xã hội một vùng nông thôn phía Nam tỉnh Nam Định khá sinh động, tiêu biểu một thời. Nhà văn Chu Văn còn là Trưởng ty Văn hoá - Thông tin nhiều năm và là Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Hà Nam Ninh cho đến ngày hưu trí (cuối năm 1989).

Đây cũng là một trong những đường mới mở, mới có danh

ở phường Hạ Long vào những năm cuối thập niên đầu thế kỷ XXI nên dân cư, sinh hoạt ở đây còn thưa thớt, hoạt động sản xuất kinh doanh còn ít, số kiến trúc cao ốc, biệt thự không nhiều.

Phố Trần Thánh Tông

Khu ruộng trũng Đông Mạc đến Phù Nghĩa từ năm 1995 đến nay đã dần được san lấp để xây dựng thành khu dân cư đô thị. Đồng thời với việc chia lô xây dựng nhà cửa, các đường trục, các nhánh, đoạn chia lô trên thực địa cũng từng bước trở thành các đường - phố mới ở đây. Có đoạn thì nhà cửa lần lượt dựng lên trước rồi đường, ngõ được làm sau. Nhưng cũng có đường trục đã hình thành hoặc xây dựng từng đoạn mà vẫn còn đất trống.

Đường trục nối từ ngã ba (đường Trần Thái Tông - Mạc Thị Bưởi) - Bốt Đỏ đến đường Phù Nghĩa ở phía Đông Bắc, dài 1.400 mét, đặt tên đường Trần Thánh Tông (1258 - 1278).

Thái tử Hoảng sinh năm 1240 con thứ của Vua Trần Thái Tông lên ngôi năm 1258 lấy hiệu là Thánh Tông, là vị vua nhân từ, trung hậu, quan tâm nhiều đến việc giáo hoá dân chúng, khuyến khích việc học hành, mở khoa thi để lựa chọn, trọng dụng hiền tài, ra chỉ dụ khai hoang mở đất lập trang hộ, trang điền. Về đối ngoại thì Thánh Tông thực hiện chính sách mềm dẻo nhưng rất kiên quyết nhằm bảo vệ danh dự của Đại Việt, làm nhà Nguyên phải nể phục.

Năm Đinh Sửu (1277), Thái Thượng hoàng Trần Thái Tông qua đời ở hành cung Thiên Trường. Năm sau Trần Thánh Tông nhường ngôi cho con là Thái tử Khảm rồi về ở Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng. Vua Thánh Tông ở ngôi 21 năm, làm Thái Thượng hoàng 3 năm, thọ 51 tuổi. Dưới thời Vua Thánh Tông, trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã hoàn thành bộ Quốc sử đầu tiên là Đại Việt Sử ký vào năm 1272.

Đường Túc Mạc

Đường liên thôn Tức Mặc - Vĩnh Trường đến Thượng Lôi - Đường 38 xưa là đường đất nhỏ hẹp, nhiều chỗ 2 bên đường là ao, hồ, mương, ruộng trũng, nhiều đoạn mấp mô lầy lội, sau nhiều lần bồi đắp, cải tạo làm đường trục lên đền Trần. Từ năm 2008, con lạch rộng phía hữu đường, từ cầu Sắt đến góc đa đường đi thôn Kênh (khu Ủy ban nhân dân xã hiện nay) được làm hệ thống cống hộp thì mặt đường được mở rộng thêm nhiều, tới 9 mét, chỉ giới 15 mét, dài 900 mét và được đặt tên là Tức Mặc, địa danh làng đã có từ xưa.

Đường Kênh

Đường vào làng Kênh những năm 1980 về trước nhỏ hẹp, hai bên thì tre, hóp, khúc tần, găng, ruối mọc um tùm, mặt đường đổ gạch vỡ, đá dăm, có đoạn thì xỉ than, mưa xuống lầy lội thành vũng sâu. Đầu những năm 1990, khu cánh đồng Sau La được vượt lập (gọi bãi vượt) để xây dựng nhà ở thì đoạn đường từ chợ Cửa Bắc đến chùa Kênh mới được cấm chỉ giới rồi vài năm sau được rải lớp đá và nhựa mỏng. Tiếp đó là đoạn từ chùa Kênh qua phía Tây Bắc hồ Tức Mặc đến đường Tức Mặc cũng được nắn chỉnh và đổ đá, rải nhựa mặt đường. Đến nay đường dài 1.970 mét. Chợ Cửa Bắc đầu đường (giáp đường Điện Biên) chỉ rộng 2.100 m², là chợ tạm nhưng người đến mua bán đông, kéo dài tới hơn 100 mét trên đường Kênh, gần đến Trường Thương nghiệp.

Đường Bái

Đường nối từ đường Kênh, dài 1.100 mét (quãng Đông Bắc chùa Kênh) qua phía Tây Nam làng Kênh, một đoạn qua cánh đồng đến làng Bái qua phía Bắc hồ Truyền Thống ra Thượng Lôi, gặp đường Trần Thái Tông. Đây là đường liên thôn ngoằn ngoèo, nhỏ hẹp, đoạn qua làng Kênh phía tả là ao cá hoặc thả rau dút, phía hữu là đồng trũng, rãnh đường cấy rau muống, rau ngổ. Từ năm 2004, khi tiến hành xây dựng khu trung tâm thương mại du lịch văn hoá tại cánh ruộng phía hữu

làng Kênh thì hầu hết ao, ruộng trũng phía tả đường này ở cả đoạn làng Kênh, làng Bái đều lần lượt được san lấp và xây dựng nhà. Mặt đường từ chỗ đổ bằng gạch vỡ, đá rậm đã được tôn cao, rải nhựa. Phía tả đoạn qua hồ Truyền Thống đã xây dựng một số nhà cao tầng mở nhà hàng, quán bar.

Phố Phạm Tuấn Tài

Đoạn đường gần như chia đôi bãi vượt Sau La về hai phía Đông Bắc - Tây Nam, nối từ đường Kênh tới đường Giải Phóng (kéo dài), lượn qua một “đảo” nhỏ cây xanh, dài 310 mét, được đặt danh Phạm Tuấn Tài.

Phạm Tuấn Tài (1902 - 1937) sinh thành tại thành phố Nam Định; năm 1920 dạy học ở Bắc Ninh, Bắc Giang; năm 1926 tham gia tổ chức Nam đồng Thư xã và Hội Việt Nam Quốc dân đảng. Khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2-1930) thất bại, ông bị bắt và đày đi tù Côn Đảo. Trong tù ông được đảng viên cộng sản cảm hoá và đã đi theo con đường cách mạng vô sản. Sau khi ra tù ông trở về Nam Định, bị ốm nặng và qua đời năm 1937. Sinh thời ông tham gia viết nhiều bài báo, cùng với Trần Huy Liệu ra tạp chí “Đường Cách mệnh” để tuyên truyền giác ngộ quần chúng yêu nước.

Phố Trần Tung

Đường phía Bắc khu Sau La xưa là mương dẫn nước sâu, giáp với Trường Thương nghiệp (nay là Trường Trung cấp Thương mại) nối đường Kênh với đường Giải Phóng, dài 250 mét, được mang danh Trần Tung.

Trần Tung (1230 - 1291) là con của An sinh vương Trần Liễu, người có phẩm chất cao sang thuần hậu. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên - Mông, ông đã có nhiều công đóng góp, được phong Tiết độ sứ. Từ nhỏ ông đã sùng kính đạo Phật, sau kháng chiến cáo quan về chân tu toạ thiền tiếp thu chân lý vi diệu của Thiền học. Trần Tung để lại một khối lượng lớn về thơ phú, kinh kệ về triết lý đạo Phật (49 bài thơ, 4

bài kệ, 13 bài tụng...).

Phố Đặng Trần Côn

Một ngõ (dong) phía Nam khu Sau La nối từ đường Giải Phóng (kéo dài) đến đường Nguyễn Văn Huyền - chưa thông ra đường Kênh, dài 400 mét, được đặt tên là phố Đặng Trần Côn.

Đặng Trần Côn (thế kỷ XVIII) quê Thanh Trì, Hà Nội, giữ chức Huân đạo, Tri huyện Thanh Oai rồi làm Ngự sử. Ông nổi tiếng hiếu học (đào hầm để đốt đèn đọc sách), giỏi thơ văn. Tác phẩm nổi tiếng của ông là “Chinh phụ ngâm” nhằm lên án chiến tranh và có giá trị nhân văn cho đến ngày nay.

Phố Đặng Vũ Hỷ

Đường chia lô khu Sau La nối từ đường Đặng Trần Côn đến đường Trần Tung, dài 280 mét, đặt tên đường Đặng Vũ Hỷ.

Đặng Vũ Hỷ (1910 - 1972) quê làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, Giáo sư y học. Sau khi tốt nghiệp Trường Thuốc (Dược) Hà Nội, ông sang Pháp học ngành y, năm 1937 tốt nghiệp Đại học Y khoa, vừa giảng dạy vừa tham gia chữa bệnh. Ông có nhiều công trình nghiên cứu, sách viết về bệnh da liễu. Từ năm 1959 đến năm 1972 cho công bố 16 công trình nghiên cứu về bệnh phong và 32 chuyên đề về y học); ông được Nhà nước phong tặng Giáo sư y học và truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt I) năm 1996.

Phố Đoàn Nhữ Hài

Đường phân lô từ đường Trần Tung đến đường Đặng Trần Côn khu Sau La, dài 320 mét đặt tên là phố Đoàn Nhữ Hài.

Đoàn Nhữ Hài (1280 - 1335), người làng Hội Xuyên, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu (nay là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương). Là một nho sinh có tiếng thông minh hay chữ. Một lần Vua Trần Anh Tông (1293 - 1314) đắc tội với Thái

Thượng hoàng Trần Nhân Tông, Nhữ Hải đã giúp nhà vua soạn bài biểu và dâng biểu tạ tội với Thái Thượng hoàng. Qua lời biểu chân thành thống thiết và sự kiên trung của Đoàn Nhữ Hải (đội mưa cả ngày ngoài Điện chờ dâng biểu). Thái Thượng hoàng cảm kích mà xoá tội cho Hoàng đế đương triều. Sau đó Vua Trần Anh Tông ban thưởng, phong cho Đoàn Nhữ Hải làm chức quan Ngự sử Trung tá.

Phố Nguyễn Văn Huyền

Đường phân lô từ dãy nhà Đặng Trần Côn đến Trần Tung (khu Sau La) dài 310 m được mang danh Nguyễn Văn Huyền.

Nguyễn Văn Huyền (1908 - 1975) quê Kim Chung, huyện Hoài Đức (nay thuộc Hà Nội). Từ năm 1926 - 1935 dạy học ở nước Cộng hoà Pháp, đỗ cử nhân văn chương (1929), cử nhân luật (1931) và đỗ Tiến sĩ văn chương ở Trường Đại học Sorbonne (1934), là uỷ viên thường trực Trường Viễn Đông bác cổ, Tổng Giám đốc Đại học vụ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục, là đại biểu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà từ năm 1946 đến năm 1975. Ông được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.

Phố Đặng Xuân Viện

Đường phân lô song song với đường Nguyễn Văn Huyền, nối từ Trần Tung đến khu dân cư dài 340 mét, được đặt tên đường Đặng Xuân Viện.

Đặng Xuân Viện là con Đặng Xuân Bảng, là thân phụ của Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), quê làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường. Ông tham gia thành lập “Nam Việt đồng thiên hội” ở Nam Định và hoạt động trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX. Ông sáng tác nhiều thơ, văn và viết cuốn “Việt Nam liệt truyện”.

Phố Trần Kỳ

Đường phân lô nối đường Đặng Trần Côn đến khu dân cư phía Nam khu Sau La, dài 300 mét, đặt tên đường Trần Kỳ.

Trần Kỳ quê An Thái, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, Khoa Đinh Mùi niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487) đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) làm quan đến chức Hàn lâm viện Đông các hậu thư. Ông giỏi làm thơ và câu đối khuyên răn về đức thiện...

Khu đô thị mới Hoà Vượng

Phố Đông A

Đường trục lớn nhất phân đôi phía tả, hữu khu đô thị Hoà Vượng nối từ Quốc lộ 10 (đường vành đai thành phố), vòng qua Khu trung tâm Văn hoá - Du lịch - Thương mại và Công viên Túc Mặc nối từ đường trục Trần Hưng Đạo được đặt danh Đông A. Theo chữ Hán, chữ “Đông” ghép với “bộ B” của chữ “A” là chữ Trần. Thành Nam là bản bộ của vương triều Trần từ thế kỷ XIII. Đường Đông A là trục đường chính vào thành phố Nam Định bây giờ là có ý nghĩa.

Đường Đông A, tính từ Quốc lộ 10 đến đường Kênh dài 1.200 mét, rộng 28 mét, chỉ giới 45 mét. Đường này có địa thế thoáng, đẹp, hướng chéch từ Đông Nam đến Tây Bắc, đến nay hai bên đường đã có nhiều ngôi nhà được xây dựng. Hầu hết các ngôi nhà này kiến trúc đẹp, hoành tráng, kiểu cách đa dạng. Ở đây đã có trụ sở một số doanh nghiệp lớn, như Tập đoàn Đầu tư xây dựng Nam Cường (là đơn vị đầu tư xây dựng khu đô thị này), Viễn thông quân đội khu vực Nam Định, Tài chính Dầu khí, Bệnh viện Sài Gòn - Nam Định. Ngay phía hữu (bên kia Quốc lộ 10) đã xây dựng Bến Xe khách và Trung tâm Thương mại Thiên Trường - Siêu thị Big C, bước đầu thu hút nhiều người mua cả trong và ngoài thành phố.

Phố Trần Anh Tông

Đường bao ngoài cùng khu đô thị Hoà Vượng, nối từ đường Phù Nghĩa tới đường Điện Biên (cạnh chùa Ôn), được

coi là đường gom của khu này. Đường này gần như song song với đoạn đường vành đai (Quốc lộ 10), dài 2.000 mét, đặt tên là đường Trần Anh Tông.

Trần Anh Tông (1293 - 1314). Thái tử Trần Thuyên sinh năm Bính Tý (1276), là con cả được Trần Nhân Tông truyền ngôi năm Quý Tỵ (1293), hiệu là Anh Tông. Vài năm đầu nhà vua ham rượu chè, chơi bời lơ là việc triều chính, bị Thượng hoàng quở trách, răn dạy. Là vị vua thông minh hóm hỉnh rất coi trọng hiền tài, thực hiện nhiều kế sách làm cho đất nước thái bình, thịnh vượng. Năm 1214 Anh Tông nhường ngôi cho Thái tử Mạnh, rồi về làm Thái Thượng hoàng ở phủ Thiên Trường, đến năm Canh Thân (1320) thì mất, ở ngôi 21 năm, thọ 51 tuổi.

Phố Trần Khánh Dư

Đường chạy xiên hướng Tây Bắc - Đông Nam, nối đường Đông A với đường Trần Anh Tông, dài 1.000 mét, rộng 9 mét, chỉ giới 15 mét.

Trần Khánh Dư (...- 1329) là con Thượng tướng Trần Phổ Duyệt, quê huyện Mỹ Lộc, là người có công trong cuộc Kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất, được phong chức Phiêu kỵ Tướng quân, tước Thượng vị hầu. Sau do phạm lỗi, Trần Khánh Dư bị bãi chức xuống làm dân thường. Trước khi bước vào cuộc kháng chiến lần thứ hai, ông được Vua Trần Nhân Tông phục chức, phong là Phó đô Tướng quân. Trần Khánh Dư đã chỉ huy đạo quân phía Đông Bắc, đánh tan đoàn thuyền chở lương thực của quân Nguyên do Trương Văn Hổ chỉ huy tại Vân Đồn trong cuộc kháng chiến lần thứ 3 và được gia phong tước Nhân Huệ vương.

Phố Nguyễn Công Trứ

Đường nối đường Điện Biên (phía Tây Nam), qua đường Đông A đến Trung tâm Thể dục thể thao (phía Đông Bắc), dài 1.900 mét, rộng 14 mét, chỉ giới 28 mét, đặt tên là đường

Nguyễn Công Trứ.

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858), quê làng Uy Viễn (nay là xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh), chức quan Dinh điền sứ Triều Nguyễn, người có công lớn trong việc khai hoang lấn biển, nhất là ở trấn Sơn Nam Hạ và trực tiếp tổ chức quan quân triều đình đắp đê mở đất lập nên huyện Tiền Hải (Thái Bình) và huyện Kim Sơn (Ninh Bình) ngày nay.

Phố Chu Văn An

Đường nối từ đường Điện Biên với Trung tâm Thể dục thể thao, chạy song song với đường Nguyễn Công Trứ, dài 560 mét, rộng 10,5 mét, chỉ giới 20,5 mét, đặt tên phố Chu Văn An.

Chu Văn An (1292 - 1370), tên thật là Chu An, quê làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay thuộc xóm Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội). Là người chính trực, đã từng đỗ Thái học sinh nhưng không ra làm quan mà mở trường dạy học ở làng Huỳnh Cung, bên kia sông Tô Lịch, ông có công lớn trong việc truyền bá, giáo dục tư tưởng đạo đức Khổng giáo vào Việt Nam. Vua Trần Minh Tông (1300 - 1357) vời ông ra làm Tư nghiệp Quốc tử giám, dạy cho Thái tử Trần Vượng, tức là Vua Trần Hiến Tông tương lai. Đến đời Dụ Tông, ông thấy quyền thần làm nhiều điều vô đạo, ông dâng Thất trảm sớ xin chém 7 tên gian nịnh nhưng Vua không nghe. Ông chán nản từ quan về ở núi Phượng Hoàng (Chí Linh, Hải Dương), lấy hiệu là Tiều Ẩn (người đi ẩn hái củi), dạy học, viết sách cho tới khi mất.

Phố Đặng Văn Ngữ

Đường nối đường Trần Anh Tông với đường Nguyễn Công Trứ, song song với đường Điện Biên, dài 300 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 15 mét.

Đặng Văn Ngữ (1910 - 1967), quê ở thành phố Huế, đỗ bác sĩ y khoa Hà Nội năm 1936. Từ năm 1942 - 1948, ông sang

nước Nhật nghiên cứu về y học, sau đó về nước tham gia phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông là Giáo sư bác sĩ, nhà khoa học xuất sắc, đã để lại nhiều công trình có giá trị về chuyên ngành ký sinh trùng. Ông từng là Chủ nhiệm bộ môn Sinh học Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Viện trưởng Viện Sốt rét ký sinh trùng thuộc Bộ Y tế. Ông đi nghiên cứu thực tế tại chiến trường miền Nam về chống dịch sốt rét cho bộ đội và đã hy sinh. Ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng liệt sĩ và giải thưởng Hồ Chí Minh.

Phố Phạm Văn Nghị

Đường nối đường Trần Khánh Dư với đường Nguyễn Việt Xuân rộng 7 mét, chỉ giới 15 mét, dài 400 mét, nay đã xây dựng một số nhà cao tầng kiểu biệt thự rộng, thoáng đẹp phía Bắc chùa Kênh.

Phạm Văn Nghị (1805 - 1880) quê thôn Tam Đăng nay thuộc xã Yên Thắng, huyện Ý Yên. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Tuất, năm Minh Mệnh thứ 19 (1838), được bổ chức Tri phủ Ly Nhân, Hàn lâm viện tu soạn, Sử quán biên tu. Sau 12 năm làm quan, ông về dạy học tại quê có nhiều trò giỏi, đỗ đạt cao (Trần Bích San, Nguyễn Khuyến). Sau lại được triều đình bổ làm Đốc học Nam Định. Năm 1864 khi triều đình nhà Nguyễn cam chịu sự bảo hộ của thực dân Pháp, ông đã cùng các học trò nghĩa dũng lên đường Nam tiến chống giặc, nhưng không được triều đình chấp thuận, ông cùng đoàn nghĩa dũng trở về quê hương xây dựng lực lượng chống Pháp xâm lược.

Phố Lê Văn Hưu

Đường nối từ đường Điện Biên đến đường Trần Khánh Dư, dài 420 mét, rộng 10,5 mét, chỉ giới 20,5 mét, đặt tên là

phố Lê Văn Hưu. Ở đây đã xây dựng một số nhà cao tầng nhưng còn thưa và hoạt động kinh doanh dịch vụ còn ít.

Lê Văn Hưu quê làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá (nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá), nơi này (vốn là trang trại của vị tổ khai sáng dòng họ Lê - quan Trần quốc bộc xa Lê Lương) thờ Đĩnh Tiên Hoàng. Theo cuốn Lê thị gia phả thì Lê Văn Hưu sinh năm Canh Dần (1230) là người tư chất thông minh khôi ngô tuấn tú, làm quan thời Trần Thánh Tông.

Phố Trần Nguyên Đán

Đường nối từ đường - phố Trần Anh Tông đến phố Lê Văn Hưu, dài 500 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 15 mét gọi là phố Trần Nguyên Đán.

Trần Nguyên Đán (1325 - 1390) quê hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, là dòng dõi tôn thất nhà Trần, nên được bổ dụng làm quan rất sớm. Năm 1370 Trần Nguyên Đán cùng nhiều tướng lĩnh đánh dẹp Dương Nhật Lễ, lập Trần Phủ lên làm vua (Trần Nghệ Tông) và ông được phong Tư đồ. Sau nhà Trần suy vi, không nghe lời ông khuyên can, ông cáo quan về ẩn sĩ ở Côn Sơn lập Động Thanh Hư sống ẩn dật và nuôi dạy cháu ngoại (Nguyễn Trãi) thành tài.

Phố Đào Sư Tích

Đường nối phố Trần Anh Tông với phố Nguyễn Viết Xuân dài 520 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 15 mét, đặt tên là phố Đào Sư Tích.

Đào Sư Tích (1350 - 1396) quê làng Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, là con của Hoàng giáp Đào Toàn Bản - một nhà giáo tài đức (có trò giỏi là Bảng nhãn Lê Hiến Giản, Tiến sĩ Lê Hiến Tứ, Chu Văn An 1292 - 1370). Đào Sư Tích đỗ Trạng nguyên năm Giáp Dần niên hiệu Long Khánh thứ hai (1374), đời Trần Duệ Tông và được bổ chức Lễ bộ Thượng thư trông coi văn hoá, giáo dục. Năm 1381 ông được thăng chức Nhập nội hành

Khiêm kiêm Hiến ty Lang trung. Trong bối cảnh nhà Trần suy vi, hoàng tộc mâu thuẫn, ông cáo quan về quê làm thuốc. Song vì là người tài năng kiệt xuất, ông lại được mời về triều làm quan và đi Xứ nhà Minh, được Minh Hoàng phong “Lưỡng quốc Trạng nguyên”. Năm 1396 Đào Sư Tích qua đời tại đất nhà Minh.

Tại khu đô thị Hoà Vượng đã có gần 20 đường - phố với tổng chiều dài 11.460 mét, nhưng nhà xây dựng còn thưa, dân cư sinh hoạt còn vắng vẻ, đang trong quá trình hoàn chỉnh.

Phố Đặng Việt Châu

Đoạn ngõ từ đường Điện Biên đến hồ điều hòa (hồ An Trạch) của thành phố nằm trên đất làng An Trạch, xưa nhỏ hẹp, mặt đường rải đá cấp phối, từ năm 2003 được nâng chỉnh, rải nhựa, mặt đường rộng 5 mét, chỉ giới 9 mét, dài 450 mét, đặt tên là phố Đặng Việt Châu.

Đặng Việt Châu (1914 - 1990) tên thật là Đặng Hữu Rong, quê xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, là lớp đảng viên cộng sản tiền bối, tham gia Ban Tỉnh uỷ Nam Định những năm đầu 1930, sau này là Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, đại biểu Quốc hội (khoá I - VI), Bộ trưởng Bộ Tài chính, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.

Phố Nguyễn Đức Thuận

Đường trục phân đôi khu Đông Mạc về phía Tây Nam - Đông Bắc từ khi san lấp ruộng, ao để xây dựng, cho đến đầu những năm 2000 dân vẫn gọi đường Hùng Vương kéo dài hoặc đường bãi vượt Đông Mạc. Đường này đã xây dựng lên nhiều nhà cao 3 - 4 tầng (không to bằng khu Hoà Vượng) dân đến ở và buôn bán đông dân lên. Đến năm 2007 được đặt tên là đường Nguyễn Đức Thuận.

Nguyễn Đức Thuận (1916 - 1985) quê làng Bảo Ngũ, xã Quang Trung, huyện Vụ Bản. Từ năm 1936 ông tham gia phong trào thợ thuyền ở Hà Nội, sau đó gia nhập Đảng Cộng

sản Đông Dương, năm 1940 tham gia Thành uỷ Hà Nội, rồi bị bắt, bị kết án tù 15 năm khổ sai, đi đày ở Sơn La, rồi Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám thành công, ông trở về và giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ Thủ Dầu Một, rồi Bí thư Khu VII (miền Đông Nam Bộ). Năm 1956, ông lại bị bắt đày ra Côn Đảo, đến năm 1964 được ra tù, trở về miền Bắc. Sau đó là uỷ viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam.

Đường Nguyễn Đức Thuận nối từ đường Trường Chinh đến mương (T3) tiêu nước, dài 1.400 mét, rộng 10,5 mét, chỉ giới 20,5 mét. Ở phía tả, đoạn giữa đã có một số công sở xây dựng cao tầng như Sở Xây dựng, Bảo hiểm xã hội tỉnh và thành phố... Phía hữu đường có vài nhà hàng dịch vụ ăn uống.

Phố Lê Quý Đôn

Đường nối phía Tây đường Nguyễn Đức Thuận đến mương tiêu nước, dài 600 mét, rộng 9 mét, chỉ giới 18 mét gọi là đường Lê Quý Đôn.

Lê Quý Đôn (1726 - 1781) hiệu là Quế Đường, quê làng Phú Hậu, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình. Ông đỗ Bảng nhãn thời Hậu Lê, chức Hàn lâm viện, rồi soạn Quốc sử. Năm 1769 ông đi xứ nhà Thanh (Trung Quốc). Sau đó ông về nhà viết sách nhưng lại được Trịnh Sâm vời ra làm quan đến chức Bồi tụng và về Thăng Long giữ chức Thị lang Đô ngự sử, rồi chức Công bộ Thượng thư. Với dân tộc Việt, ông được suy tôn là nhà bác học, thông tuệ nhiều lĩnh vực, để lại nhiều bộ sách quý.

Phố Nguyễn Thi

Đường nối từ đường Lê Quý Đôn tới mương tiêu nước (T3-11) dài 350 mét, rộng 9 mét, chỉ giới 15 mét gọi là đường Nguyễn Thi.

Nguyễn Thi (1928 - 1968) tên thật là Nguyễn Hoàng Ca, quê xã Hải Anh, huyện Hải Hậu. Từ nhỏ đã mồ côi cha, có một thời gian ở với mẹ đã tái giá (tại ngõ Văn Nhân, thành phố

Nam Định). Năm 1943 ông vào Nam tham gia phong trào cách mạng rồi kháng chiến ở Nam Bộ, còn có biệt danh Nguyễn Ngọc Tấn. Năm 1954 tập kết ra Bắc, công tác tại Tạp chí Văn nghệ rồi Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Năm 1962, ông trở lại chiến trường Miền Nam (với đoàn của nhà văn Nguyễn Ngọc), trực tiếp làm ở tờ báo Quân giải phóng. Ông đã có nhiều bài viết, truyện ký được phổ biến rộng trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước⁽¹⁰³⁾. Nguyễn Thi có năng khiếu văn chương bẩm sinh, là nhà văn tài hoa, tâm huyết. Ông đã để lại một khối lượng sáng tác văn học lớn (Toàn tập gần 3.000 trang in do Nhà Xuất bản Văn học ấn hành năm 1996). Với các truyện ngắn như Sự tích ở đất thép, chị Út Tịch - Người mẹ cầm súng, Trong đồng, Ước mơ của đất... Ngày 24-5-1968, nhà Văn Nguyễn Thi đã anh dũng hy sinh khi đang làm nhiệm vụ trên đường phố Sài Gòn ở độ tuổi 40.

Phố Đỗ Huy Liêu

Đường từ đường Nguyễn Đức Thuận tới mương tiêu nước, dài 250 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 13 mét đặt tên là đường - phố Đỗ Huy Liêu.

Đỗ Huy Liệu (1844 - 1891) quê làng La Ngạn nay thuộc xã Yên Đồng, Huyện Ý Yên, là học trò Hoàng giáp Phạm Văn Nghị. Năm 1867 đỗ cử nhân, năm Tự Đức thứ 32 (1899) khoa Kỷ Mão đỗ Đình nguyên Đệ nhị giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, được bổ làm quan Tri phủ Đoan Hùng, Lâm Thao, rồi Biện lý Bộ Hộ, Tham biện nội các sự vụ. Sau khi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, ông cáo quan về quê dạy học và mất tại quê.

Phố Đào Duy Từ

Đường nối phố Trần Thánh Tông với phố Lê Quý Đôn dài 300 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 13 mét, mang danh Đào Duy Từ.

(103) Ngô Thảo, *Nguyễn Ngọc Tấn - Nguyễn Thi: Một gương mặt đẹp trong văn học Việt Nam hiện đại* (Báo Văn nghệ, số 228 ngày 30-5-1998).

Đào Duy Từ (1572 - 1634) là danh thần thời Chúa Nguyễn Phúc Thuận, hiệu là Lộc Khê. Ông quê xã Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hoá, xuất thân từ gia đình làm nghề ca xường (cha là Đào Tá Hán - chuyên nghề ca xường) rất thông minh, học rộng, biết nhiều nhưng đi thi Hương bị gạch tên không cho thi, ông căm giận chế độ Trịnh - Lê ở đàng Ngoài đã bỏ vào đàng Trong theo Chúa Nguyễn và có nhiều đóng góp, nên được coi là Đệ nhất Công thần được thờ ở nhà Thái Miếu.

Phố Phạm Ngũ Lão

Đường trục lớn giữa khu công nghiệp Hoà Xá nối đường Giải Phóng với đường vành đai (Quốc lộ 10), dài 1.400 mét, rộng 14 mét, chỉ giới 24 mét, mang tên Phạm Ngũ Lão.

Phạm Ngũ Lão (1255 - 1320) quê làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, Hải Dương (nay thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên). Là gia kế hoạch lại là con rể của Trần Hưng Đạo, là một trong số các bộ tướng đã có nhiều công trong đánh thắng giặc Nguyên - Mông.

Phố Đoàn Trần Nghiệp

Xưa là ngõ phố nối từ đường Trần Đăng Ninh (sát phía Bắc chợ 5 tầng), qua ngõ Trạm điện Phi Trường đến đường Rặng Xoan (nay là đường Lương Thế Vinh), dài 290 mét, được đặt tên là phố Đoàn Trần Nghiệp.

Đoàn Trần Nghiệp (1908 - 1930) tức Ký Con, người làng Khúc Thủy, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), là nhân vật có danh trong Việt Nam Quốc dân đảng (1928 - 1930), từng giữ nhiệm vụ Trưởng ban Âm sát của tổ chức này. Ngày 8-5-1930 ông bị Pháp bắt tại Nam Định, bị Hội đồng Đề hình kết án tử hình. Ngày 9-3-1931 Đoàn Trần Nghiệp bị hành quyết ở nhà tù Hoà Lò, Hà Nội.

Phố Trần Hữu Tước

Khu dân cư phía hữu đường Giải Phóng, kéo dài ra khu tái định cư Phạm Ngũ Lão tới phố Vũ Tuấn Chiêu, dài 360 mét,

rộng 10,5 mét, chỉ giới 18,5 mét, được đặt tên là đường - phố Trần Hữu Tước.

Trần Hữu Tước (1913 - 1983), sinh trưởng trong một gia đình trung lưu ở làng Bạch Mai, xã Hoàn Long, tỉnh Hà Đông (nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội). Ông là học sinh xuất sắc trường Pháp Việt Anbesarô (Albert Sarraut) được sang Pháp học Trường Đại học Y khoa Pa-ri và tốt nghiệp năm 1937, ông được giữ lại trường làm trợ lý cho giáo sư Lơ-mi-e chuyên khoa tai mũi họng danh tiếng đương thời. Năm 1939 Đại chiến thế giới bùng nổ, ông tham gia quân đội Pháp chống lại quân phát xít Đức. Năm 1946 Trần Hữu Tước cùng nhiều nhà khoa học Việt Nam ở Pháp về nước. Ông có nhiều đóng góp xuất sắc về khoa học chuyên ngành nên đã được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động và truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt I-1996).

Phố Trần Tuấn Khải

Đường chia lô từ đường Phạm Ngũ Lão tới xóm (3) Mỹ Trọng, dài 300 mét, rộng 10,5 mét, chỉ giới 18,5 mét được đặt tên là đường Trần Tuấn Khải.

Trần Tuấn Khải (1895 - 1983) quê làng Quan Yên, huyện Mỹ Lộc. Thuở nhỏ ông học chữ Hán và chịu ảnh hưởng của phong trào Duy Tân. Năm 20 tuổi ông đi dạy học và làm thơ, viết báo... Sau năm 1954 ông sống tại Sài Gòn, làm việc tại Thư viện Quốc gia, Viện Khảo cổ học với chức danh chuyên viên Hán học. Trần Tuấn Khải từng là Chủ tịch danh dự Lực lượng Bảo vệ văn hoá dân tộc (năm 1966), cố vấn Hội Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh. Ông để lại nhiều thơ văn có giá trị được mệnh danh là “Á Nam Trần Tuấn Khải”.

Phố Đào Văn Tiến

Đường chia lô khu Phạm Ngũ Lão, từ phố Trần Hữu Tước đến phố Lê Văn Phúc dài 250 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 13 mét.

Đào Văn Tiến (1920 - 1995), quê thành phố Nam Định, là Giáo sư sinh vật học, ông có hơn 100 công trình nghiên cứu khoa học, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt I-1996).

Phố Vũ Hữu Lợi

Đoạn Đường 55 (xưa) chạy từ chân cầu Đò Quan đến đường vành đai mới phía Nam (gọi là S2) dài 3.100 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 12 mét được đặt tên là đường Vũ Hữu Lợi.

Vũ Hữu Lợi (1836 - 1886), quê Giao Cù, huyện Nam Chân (nay là xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực). Ông là học trò Hoàng giáp tam đẳng Phạm Văn Nghị. Năm 1870 đỗ cử nhân, sau đó đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Ất Hợi niên hiệu Tự Đức thứ 28 (1875). Ông đã giữ chức quan Đốc học Nam Định, Thương biện Nam Định, Tá lý bộ binh... Khi triều đình đầu hàng giặc Pháp, ông bỏ quan trường về quê dạy học (gọi Ông Nghè Giao Cù) và ngầm chiêu mộ nghĩa sĩ liên kết chống giặc. Trong cuộc chống Pháp bảo vệ Thành Nam lần thứ 2 (1883), ông bị giặc Pháp bắt và hành hình vào tối 30 Tết năm Bính Tuất 1886.

Đoạn phía trong đường Vũ Hữu Lợi hiện nay, hai bên đường đã có cửa hàng, cửa hiệu kinh doanh buôn bán các loại hàng tiêu dùng, nhưng còn ít và hiếm nhà cao tầng biệt thự lộng lẫy.

Phố Đặng Xuân Bảng

Đoạn đường 21B từ cầu Đò Quan qua làng Đồng Phù, cầu Vô Hoạn đến ngã ba đường vành đai Phan Văn Khải dài 3000 mét, rộng 10 mét, chỉ giới 20 mét, được mang danh Đặng Xuân Bảng. Đoạn đường này xưa nhỏ hẹp, mặt rải nhựa mỏng, thường xuyên bong tróc, có chỗ thành hố sâu, mưa thì lầy sệt. Đạo chiến tranh phá hoại (1965 - 1972) xe ô tô khách đi các huyện phía Nam đổ đón trả khách tại ngã ba đường rẽ về thôn Dịch Lễ, chỗ bờ ruộng già có vài quán nước mái lợp rạ. Những

lần xe vắng khách lại về tối, không ít người đi vào phố cứ thấy trống vắng, rờn rợn. Từ năm 1997, khi hai xã Nam Vân và Nam Phong nhập về thành phố, mốc giới đường này được mở rộng. Đất ruộng trũng hai bên đường được bán, cấp cho dân làm nhà hoặc cho thuê dài hạn để mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ. Nay đường được thảm nhựa, hai bên hè đường đã có một số nhà hàng dịch vụ, dân cư đông vui dần lên.

Đặng Xuân Bảng (1828 - 1910), quê Hành Thiện, huyện Xuân Trường. Ông thi đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Bính Thìn, niên hiệu Tự Đức thứ 9 (1856), được sung vào Nội các, tham gia chỉnh lý bộ “Nhân sự kim giám”. năm 1864 làm Án sát tỉnh Quảng Yên. Năm 1872 làm Tuần phủ Hải Dương đánh dẹp quân Cờ Vàng. Năm 1886 làm Đốc học Nam Định, tổ chức dân khai hoang phục hoá lập ra ấp Tả Hành, xã Văn Lâm, huyện Thư Trì, tỉnh Thái Bình. Khi về hưu ông mở trường dạy học và có nhiều học trò đỗ đạt cao.

Phố Đò Quan

Xưa là đường bến Đò Quan (đò ngang) từ thành phố qua sông Đào sang phía Nam và có cả đò dọc đi các tuyến sông. Hơn nửa thế kỷ, khi chưa có cầu Đò Quan như bây giờ, đi qua sông Đào, ngoài đò ngang còn có phà sông, rồi một thời có cầu Treo (đi qua đường Tô Hiệu) rồi cầu Phao, những phương tiện tải trọng lớn chủ yếu sang sông bằng phà xuống từ Bến Thóc sang bến Đò Quan, phía Tây đường Đặng Xuân Bảng hiện nay (khoảng gần 200 mét). Đoạn từ dốc đê xuống bến xe ô tô Đò Quan, hai bên có nhiều cây bàng cổ thụ và vài quán hàng. Nay đoạn phố này ẩn trong xóm phía Tây đường Đặng Xuân Bảng, từ dốc đê sông Đào xuống đầu đường Vũ Hữu Lợi, đường rộng 7 mét, chỉ giới 12 mét. Hai bên phố chủ yếu là nhà ở của dân.

Đường Lạc Long Quân

Đoạn đê tả sông Đào từ điểm (coi đê) xã Nam Vân đến

công Ngô Xá xã Nam Phong, dài 740 mét, rộng 5 mét, được đặt tên đường Lạc Long Quân là với ý nghĩa nhớ lại tích xưa về Sơn Tinh - Thủy Tinh dân tộc Việt đã đấu chọi với thiên tai, thủy tộc mà giữ nghiệp canh nông lúa nước.

Đường Âu Cơ

Đoạn đê phía hữu (bờ Tây Bắc) sông Đào từ chỗ ngoẹo đường Trần Nhân Tông đến giáp xóm Tân Thành, huyện Vụ Bản gọi là đường Âu Cơ. Mẹ Âu Cơ trong thần thoại Sơn Tinh - Thủy Tinh thì ở (núi rừng) phía Bắc. Đoạn này dài 300 mét, mặt đê 5 mét đang cần được gia cố để tăng khả năng bảo vệ mùa nước lũ.

Phố Nguyễn Cơ Thạch

Đoạn đường xưa nối bờ Nam cầu Treo với Đường 55 (gần) thôn Phong Lộc dài 550 mét, rộng 5 mét, chỉ giới 5 mét đặt tên là đường Nguyễn Cơ Thạch. Đoạn đường này từ khi có cầu treo (1970 - 1994) là trục đường chính đảm bảo giao thông từ các huyện phía Nam tỉnh lên thành phố và ngược lại. Dạo ấy người và xe cộ đi lại tấp nập ngày đêm. Hai bên đường đều là ruộng trũng nên không có nhà cửa, hàng quán. Nay ở phía hữu đường đã xây dựng trụ sở làm việc của phường Cửa Nam.

Nguyễn Cơ Thạch (1923 - 1998), tên thật là Phạm Văn Cương, quê làng Lương Kiệt, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản. Những năm 1936 - 1940 ông học Trường Cao đẳng tiểu học Thành Chung Nam Định, sau đó lên học Trường Thăng Long - Hà Nội và tham gia hoạt động cách mạng. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông làm Thư ký cho Tổng Tư lệnh Quân đội Võ Nguyên Giáp. Đại hội Đảng lần thứ VI ông là uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao. Từ năm 1993 là uỷ viên Bộ Chính trị (khoá VII), là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Phố Nguyễn Thế Rục

Đường trục khu Trầm Cá nối Đường 12 (cũ) nay là đường Trần Huy Liệu với đường Văn Cao (Đường 10), phía hữu

Công ty Vật tư tổng hợp, dài 470 mét, rộng 10,5 mét, chỉ giới 20,5 mét, mang tên phố Nguyễn Thế Rục.

Nguyễn Thế Rục (1902 - 1938), quê làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, từ nhỏ đã du học ở Pháp, năm 1925 sang Nga học Trường Đại học Phương Đông. Năm 1927 ông về nước cùng Trần Phú chuẩn bị nội dung bản Luận cương chính trị của Đảng. Năm 1931 ông bị thực dân Pháp bắt, vì không đủ chứng cứ nên vài tháng sau được tha. Năm 1936 Nguyễn Thế Rục tham gia phong trào Đông Dương đại hội, xuất bản tờ báo Le Travail (Lao động).

Phố Nguyễn Phúc

Đường chia lô phía tả đường Phạm Ngũ Lão, nối đường Bùi Xuân Mẫn với đường Khuất Duy Tiến, dài 250 mét, rộng 7 mét, chỉ giới 13 mét được đặt tên phố Nguyễn Phúc.

Nguyễn Phúc (1903 - 1946), quê làng Trung Nghĩa, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản. Năm 1926 tham gia phong trào yêu nước dân chủ, tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh tại thành phố Nam Định, được kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên sau đó là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1930 Nguyễn Phúc được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, sau phong trào Khởi nghĩa Nông dân Tiền Hải, ông bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo. Tháng 9-1936 ông bị thực dân Pháp đưa về quản thúc tại quê, nhưng vẫn hoạt động cách mạng và bị bắt trở lại. Năm 1945 Nguyễn Phúc vượt ngục lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở Yên Bái; Ông bị lực lượng Quốc dân đảng sát hại ngày 6-2-1946 tại Yên Bái.

... (Còn lại một số đường - phố khác đã đặt tên và đang hoàn thành sẽ được cập nhật giới thiệu ở lần xuất bản sau).

CHƯƠNG NĂM ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH THUỘC THÀNH NAM

I- Địa danh phủ, huyện, tổng trước cách mạng tháng Tám năm 1945

Trong lịch sử Nhà nước Đại Việt, mở đầu thế kỷ tự chủ của dân tộc, chấm dứt ách đô hộ ngàn năm của phong kiến phương Bắc là Khúc Thừa Dụ (906 - 907). Tuy chỉ xưng Tiết độ sứ (chưa xưng vương) và họ Khúc chỉ nắm quyền trị vì đất nước trong khoảng thời gian ngắn (906 - 923), nhưng Khúc Hạo (907 - 917) nối nghiệp cha đã tiến hành nhiều cải cách quan trọng nhằm xây dựng nền tảng độc lập, thống nhất cho dân tộc. Khúc Hạo chia cả nước làm 5 cấp hành chính, gồm lộ, phủ, châu, giáp, xã. Giáp và xã là cấp hành chính cơ sở ⁽¹⁰⁴⁾ lần đầu tiên được đặt ra.

Thời nhà Lý chia cả nước làm 12 lộ, vùng đất Nam Định nay thuộc lộ Hải Thanh. Đến thời Trần, Trần Thái Tông đổi làm Thiên Thanh và đến năm Thiên Ứng chính Bình 11 (1242) nhà vua đặt là lộ Thiên Trường. Năm Thiên Long thứ 5 (1262) Nhân Tuất, tháng Hai Vua Trần Thánh Tông đã đổi hương Tức Mặc (quê của gia tộc Trần) làm phủ Thiên Trường.

Nhà Trần suy vong, quân Minh chiếm nước ta, đổi tên phủ Thiên Trường thành phủ Phụng Hoá. Lê Lợi kháng chiến đuổi hết giặc Minh, lấy lại tên cũ cho các lộ, phủ, huyện. Năm 1466, Vua Lê Thánh Tông đổi lộ Thiên Trường thành Thiên Trường Thừa tuyên, đến năm 1469 lại đổi thành Sơn Nam Thừa tuyên. Sơn Nam Thừa tuyên có 9 phủ, 36 huyện; trong đó phủ Thiên Trường có 4 huyện, phủ Nghĩa Hưng có 4 huyện. Niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497), Vua Lê Thánh Tông lại đổi Thừa tuyên thành xứ - Thừa tuyên Sơn Nam thành xứ Sơn Nam, rồi lại đổi xứ thành lộ.

Thời Lê Hiến Tông (1740 - 1786), năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) chia lộ Sơn Nam ra lộ Sơn Nam Thượng và lộ Sơn Nam

(104) *Các triều đại Việt Nam*, Sđd, tr. 61.

Hạ. Phủ Thiên Trường là 1 trong 5 phủ của lộ Sơn Nam Hạ. Đến thời Tây Sơn (Quang Trung Hoàng đế) đổi lộ Sơn Nam Hạ thành trấn Sơn Nam Hạ. Phủ Thiên Trường thuộc trấn Sơn Nam Hạ. Năm 1802 Vua Gia Long lên ngôi, các địa danh hành chính được nhà Nguyễn giữ lại như thời Tây Sơn.

Phủ Thiên Trường gồm 4 huyện là Giao Thủy, Mỹ Lộc, Thượng Nguyên, Nam Chân. Năm 1804 Vua Gia Long cho di dời lý sở trấn Sơn Nam Hạ về địa phận phủ Thiên Trường, cho đắp thành (bằng đất) trên đất làng Năng Tĩnh, giáp làng Vị Hoàng và Đông Mặc. Năm 1822, Vua Minh Mệnh lập trấn Nam Định (gồm vùng đất các tỉnh Nam Định, Thái Bình và một phần đất Hưng Yên ngày nay) ⁽¹⁰⁵⁾ (cả Bắc Thành khi này chỉ có 4 nơi là Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, phủ Phụng Thiên và xứ Kinh Bắc (năm 1802) có quan đốc học. Đến năm 1832, nhà vua lập 31 tỉnh, trong đó có tỉnh Nam Định. Năm 1833, Minh Mệnh cho tách huyện Nam Chân (phủ Thiên Trường) thành 2 huyện là Chân Ninh và Nam Chân. Năm 1858, do kỵ húy đã lệnh đổi phủ Thiên Trường thành Xuân Trường.

Sau khi đánh chiếm Việt Nam, thực dân Pháp xiết chặt ách đô hộ. Chúng thực hiện cải cách hành chính, giảm bớt cấp trung gian, thực tế là bãi bỏ cấp phủ. Từ năm 1894, phủ không còn phụ trách huyện như trước. Tỉnh Nam Định, phủ Nghĩa Hưng kiêm lý huyện Đại An, phủ Xuân Trường kiêm lý huyện Giao Thủy ⁽¹⁰⁶⁾.

Năm Tự Đức thứ 4 (1851), huyện Mỹ Lộc có 10 tổng (kiêm nhiếp huyện Thượng Nguyên) gồm các tổng Đông Mặc (trước là Đông Triều), Mỹ Trọng, Đệ Nhất, Hữu Bị (trước là Cảo Môn), Như Thức, Ngũ Trang, Bách Tính (trước thuộc huyện Thượng Nguyên), Giang Tả (xưa là Hư Tả), Cao Đài (xưa là

(105) Theo cách phân loại của Nhà nước, khi đó thì trấn Sơn Nam Hạ là 1 trong 5 trấn vào loại lớn nhất. Cấp trấn được đặt chức quan đốc học.

(106) Do địa bàn huyện Thượng Nguyên trải dài theo sông Hồng và sông Châu, khó cho việc quản lý nên thực dân Pháp chia tách các phần đất của huyện này cho các huyện lân cận: Mỹ Lộc, Nam Chân (Nam Trực) và Lý Nhân, Bình Lục (thuộc tỉnh Hà Nam).

Cao Đường), Đồng Phù.

Thành phố Nam Định (hình thành trên đất huyện Mỹ Lộc) là đơn vị hành chính riêng (theo Quyết định của Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 17-10-1921), gồm 10 Quartiers - khu phố, các tên phố đặt theo Pháp ngữ, nếu giữ tên cũ thì dịch sang tiếng Pháp⁽¹⁰⁷⁾.

II- Địa danh các phường, xã

1- Phường Vị Hoàng

Phường Vị Hoàng thuộc khu vực trung tâm thành phố, phía Bắc là đường Trường Chinh, phía Tây là đoạn đường Mạc Thị Bưởi, chạy dọc theo đường Trần Tế Xương xuống đường Nguyễn Trãi, phía Nam giáp sông Đào, phía Đông là đường Hùng Vương.

Phường mang tên Vị Hoàng thành lập ngày 9-1-1986. Đất phường Vị Hoàng gồm 1 phần đất đai và cư dân của phường Vị Xuyên với một phần đất đai dân cư của phường Phan Đình Phùng hợp thành. Diện tích tự nhiên gần 1 km² với gần 5.000 dân (năm 1987). Ban đầu phường có 7 miền dân cư:

- 1- Đường Thanh Niên.
- 2- Hùng Vương.
- 3- Hàn Thuyên.
- 4- Minh Khai.
- 5- Mạc Thị Bưởi.
- 6- Lê Hồng Phong.
- 7- Nguyễn Trãi.

Năm 2004 thành phố đã cắt phần đất nằm phía Bắc đường Trường Chinh của phường Vị Hoàng nhập sang phường Thống Nhất. Nay phường gồm 9 miền dân cư, 25 tổ dân phố. Phường có hơn 170 hộ dân sản xuất kinh doanh các mặt hàng phục vụ dân sinh.

Trên địa bàn phường hiện có trụ sở Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định. Những cơ sở văn hoá

(107) Xem chương III.

như Nhà hát 3-2, Tượng đài Trần Hưng Đạo, Khách sạn Vị Hoàng, Công viên hồ Vị Xuyên, sân vận động Thiên Trường cùng cụm công trình thể thao bể bơi, nhà thi đấu. Vào dịp các ngày lễ, tết, các hoạt động văn hoá - thể thao của tỉnh, của thành phố diễn ra ở đây thật sôi động, đông vui. Trong phường có hai hồ nước là hồ Vị Xuyên và hồ Vị Hoàng nên môi trường, cảnh quan nơi đây khá thoáng đãng và đẹp.

2- Phường Trần Hưng Đạo

Phường Trần Hưng Đạo thành lập ngày 31-01-1981 theo Quyết định số 56/QĐ-TC của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh về việc thống nhất tên gọi các tiểu khu của thành phố Nam Định thành các phường. Theo Quyết định số 142/QĐ-HĐBT ngày 23-5-1985 về điều chỉnh địa giới hành chính một số phường của thành phố Nam Định (từ 10 phường lên 15 phường). Phường Trần Hưng Đạo từ 57 tổ dân (1984) tách thành 63 tổ dân với số dân 13.231 người (năm 1984) lên 14.773 người vào cuối năm 1985.

Phường Trần Hưng Đạo thuộc đất làng cổ Vị Hoàng và Năng Tĩnh. Cuối thế kỷ XIX vùng này thuộc phủ An Lạc và Đông Thành. Vùng đất phía Đông của phường hiện nay chiếm tới một nửa diện tích của “Thành Nam Định” thời Nguyễn.

Năm 1924 khi Pháp quy hoạch thành phố thì vùng đất này thuộc khu Định Trung, Nam Long và một phần của Nam Tân (các phố Tống Văn Trân, Bến Thóc hiện nay thuộc Định Tân xưa). Cách mạng thành công vùng đất này thuộc khu Hồ Văn Mịch và Tống Văn Trân. Sau 1954 thành phố chia làm 4 khu phố thì phường Trần Hưng Đạo nằm trong cả 4 khu. Khi thành phố chia thành 28 tiểu khu thì phường Trần Hưng Đạo thuộc các tiểu khu Trần Hưng Đạo, Tống Văn Trân, Hàng Thao hợp thành.

Nằm ở trung tâm thành phố, địa bàn phường hiện nay có Vườn hoa Điện Biên, Quảng trường Hoà Bình, Cung Văn hoá thiếu nhi, Rạp Cải lương Bình Minh, Rạp Chiếu bóng thán

Tám, Toà báo Nam Định, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Công thương, Nhà thờ lớn, cùng trụ sở một số cơ quan tỉnh, thành như Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Mặt trận Tổ quốc thành phố, Hội Văn học Nghệ thuật Nam Định, Tỉnh hội Phụ nữ. Từ khi thực hiện đổi mới cơ chế kinh tế, số hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường tăng nhanh từ 50 hộ (năm 1991) lên 150 hộ (năm 1993) với 5 công ty tư nhân và chục tổ sản xuất hàng thủ công. Đến năm 2005 có tới 600 hộ sản xuất kinh doanh, 23 cơ sở sản xuất thành lập doanh nghiệp. Phường Trần Hưng Đạo là nơi sinh thành của nhà văn Nguyễn Hồng, nhà văn, nhà báo Thép Mới (Hà Văn Lộc) và cố Bí thư Trung ương Đảng Hồng Hà.

3- Phường Nguyễn Du

Phường Nguyễn Du mang tên Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du (1766 -1820) là tác giả bài thơ Vị Hoàng doanh viết về Thành Nam và truyện Kim Vân kiều sống mãi với thời gian.

Đầu năm 1979 tiểu khu Nguyễn Du được thành lập, gồm phần lớn thuộc đất khu phố 6, còn lại thuộc khu phố 3, khu phố 7 của thành phố. Năm 1986 tiểu khu Nguyễn Du được đổi thành phường Nguyễn Du. Phường có 8 miền dân cư, 61 tổ dân phố, diện tích 20,57 héc ta, dân số 9.130 người (2.193 hộ) thì 4 tổ dân (537 khẩu) tách ra nhập vào phường Trần Hưng Đạo và 4 tổ dân (493 khẩu) nhập vào phường Phan Đình Phùng... Sau khi điều chỉnh, phường Nguyễn Du còn 49 tổ dân, dân số 12.035 người. Năm 2003 gộp lại còn 21 tổ dân phố. Năm 1989, phường có hơn 400 hộ gia đình phát triển nghề phụ, hơn 200 hộ dân kinh doanh dịch vụ. Năm 2001 có 174 hộ đăng ký kinh doanh, đến năm 2004 lên tới 336 hộ dân kinh doanh (có nộp thuế). Số hộ giàu tăng nhanh, năm 2004 chỉ còn 74 hộ dân nghèo. Có 3 trường học ở trên đất của phường là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Trường Trung học cơ sở Trần Đăng Ninh và Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ. Địa bàn phường Nguyễn Du nay thuộc 3 phố

nghề từ trước thế kỷ XIX:

- Phố Đỗ Xá gồm Hàng Song và Hàng Sắt Trên.
- Phố Đồng Lạc gồm Hàng Đồng và Hàng Giấy.
- Phố Vĩnh Ninh gồm Hàng Sắt Dưới (trước đó mang tên làng Minh Hương).

4- Phường Phan Đình Phùng

Phường Phan Đình Phùng nằm về phía Nam thành phố. Từ xa xưa vùng đất của phường là vùng bãi bồi, có các cồn Găng, cồn Cây Gạo, cồn Dơi, rồi ở đây hình thành các thôn Thi Hạ và Khoái Đồng. Phường Phan Đình Phùng (1955 - 1963) có tên là khu phố 5 trong 8 khu phố nội thành. Khi thành phố chia thành 64 tiểu khu thì phường Phan Đình Phùng ngày ấy thuộc các tiểu khu 25, 26, 27, 28, 31 và 32. Năm 1967 huyện Mỹ Lộc sáp nhập về thành phố, lập lại các khu phố thì phường Phan Đình Phùng là khu phố 3. Năm 1979 lại chia thành 10 tiểu khu dân cư nội thành, vùng đất này được đặt tên là khu Phan Đình Phùng. Năm 1981 đổi tiểu khu thành phường. Năm 1985, thành phố Nam Định từ 10 phường tách thành 15 phường. Phường Phan Đình Phùng có 83 tổ dân phố đã tách 7 tổ dân phố (1.542 nhân khẩu) của phường sang phường Trần Hưng Đạo và 26 tổ dân phố (4.436 nhân khẩu) sang phường Vị Xuyên và Vị Hoàng) còn lại 50 tổ dân phố với 11.006 nhân khẩu. Địa giới của phường ổn định từ đó. Năm 1990 dân số trong phường còn 9.168 người với 2.251 hộ. Năm 1998 chợ Hoàng Ngân được phường tu sửa, mở rộng. Trong phường có 220 hộ sản xuất kinh doanh hàng cơ khí, mộc và dép nhựa.

5- Phường Năng Tĩnh

Địa dư làng Năng Tĩnh xưa đã nhiều lần chia tách từng phần, từng khu để mở mang đô thị và xây dựng các cơ sở công nghiệp từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX và đến nay đã xoá đi gần hết dấu tích làng cổ. Sau năm 1945, khu vực này thuộc khu phố 1. Đến năm 1964 lại nằm trong 3 khối phố 1, 2, 3

thuộc khu phố I. Năm 1979 thành lập tiểu khu Năng Tĩnh trên cơ sở sáp nhập tiểu khu Hoàng Diệu, Đông An và một phần tiểu khu Hàng Thao. Diện tích của tiểu khu lúc này tới 1,7 km², dân cư 11.504 người, ở 80 tổ dân phố. Năm 1981 đổi là phường Năng Tĩnh. Năm 1985 lại thực hiện điều chỉnh, chuyển 3 khu dân cư Tô Hiệu, Ngô Quyền, Thủy Cơ để lập phường Ngô Quyền, đồng thời nhập vào 8 tổ dân khu Đông Nam phường Trần Đăng Ninh. Đến năm 2004, phần đất phía Tây Nam phường tách ra để lập phường Trần Quang Khải. Diện tích đất hiện tại của phường là 97 héc ta; dân số 12.099 người, với 2.897 hộ ở 32 tổ dân phố. Diện tích đất do các hộ được quyền sử dụng chỉ chiếm khoảng 30%, tập thể và Nhà nước quản lý 70%.

Chợ Năng Tĩnh năm 1988 còn là lều tạm, nay đã được cải tạo, xây dựng lại trên diện tích đất 1.600 m². Chợ họp cả ngày, hàng trăm lượt người mua bán thực phẩm rau quả. Đến nay toàn phường có 45 cơ sở sản xuất thủ công nghiệp như dệt, may, cơ khí, mộc dân dụng, than tổ ong... và hơn 350 hộ kinh doanh dịch vụ.

6- Phường Ngô Quyền

Địa dư phường Ngô Quyền nay đã qua nhiều lần biến đổi. Sau Cách mạng tháng Tám thuộc khu phố Tổng Văn Trân. Năm 1955, thuộc khu phố 4 trong 8 khu phố nội thành (trong đó có cả vùng đất Thủy Cơ bên tả sông Đào). Năm 1981 thuộc phường Năng Tĩnh. Năm 1986 tách ra thành phường Ngô Quyền. Phường có diện tích 34 héc ta, dân số 8.442 người với 1.656 hộ.

Năm 2003, thực hiện quyết định điều chỉnh địa giới trong thành phố, phường Ngô Quyền đã bàn giao địa giới hành chính miền Thủy Cơ gồm 6 tổ dân với 295 hộ và 1.280 khẩu về cho 2 xã Nam Vân và Nam Phong. Do đó, diện tích đất tự nhiên trong phường còn lại 35,65 héc ta, dân số còn 6.012 người, 1.510 hộ. Sau khi sắp xếp lại, từ 41 tổ dân phố còn lại 14 tổ dân phố,

không theo cấp miền dân cư như trước.

Phía Bắc địa bàn phường là một số trụ sở cơ quan, các bệnh viện lớn của tỉnh như Bệnh viện Đa khoa trung tâm, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Nhi và 2 doanh nghiệp lớn là Tổng công ty Cổ phần Dệt - May Nam Định, Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định, khu vườn cảnh, Bảo tàng tỉnh và Nhà Văn hoá thiếu nhi thành phố. Trung tâm Bưu điện tỉnh nay đã nhượng lại cho Trung tâm Bưu chính viễn thông thành phố. Số hộ dân kinh doanh dịch vụ tập trung ở phía Nam, từ phố Máy Tơ đến bờ sông - đường Trần Nhân Tông. Chợ Cửa Trường được xây dựng lại kiên cố trên diện tích 1.200 m² với hơn 600 lượt người buôn bán hàng ngày.

7- Phường Trần Quang Khải

Phường được thành lập tháng 1-2004, được tách ra từ phường Nặng Tĩnh, với diện tích 90,6 héc ta, nằm ở phía Tây Nam thành phố. Đến tháng 6-2008 dân số trong phường có hơn 8.000 người, 2.012 hộ, chia làm 7 khu dân cư, 24 tổ dân phố.

Trên địa bàn phường từ trước đó đã có một số cơ sở kinh tế lớn như Nhà máy Đóng tàu 1-5, Xí nghiệp Mạ điện, Công ty Cổ phần Dệt - May Sơn Nam, khu Tổng kho Ngoại thương, Xí nghiệp Vận tải của Tổng công ty Cổ phần Dệt - May Nam Định và Xí nghiệp Thực phẩm đông lạnh xuất khẩu cùng một số cơ sở may... Do nhiều lý do, Xí nghiệp Tôm đông lạnh đã ngừng hoạt động, khu Tổng kho Ngoại thương cũng không còn tấp nập như xưa. Nay chỉ có Công ty Cổ phần Dây Lưới thép (Mạ điện) và Nhà máy Đóng tàu Nam Hà (Xí nghiệp 1-5) đã đầu tư nâng cấp, mở rộng quy mô và thiết bị công nghệ mới, nên giữ được nhịp độ sản xuất.

Đặc biệt, hợp tác xã nông nghiệp Tiên Phong xây dựng từ năm 1959 với hơn 100 héc ta ruộng, hồ, ao đã duy trì hoạt động gần nửa thế kỷ, có nhiều đóng góp cho địa phương, cho thành phố và đảm bảo đời sống cho 201 hộ gia đình xã viên. Đặc biệt

là thành tích tham gia chiến đấu của 3 tiểu đội tự vệ với các đơn vị pháo cao xạ bảo vệ vùng trời, các mục tiêu trên địa bàn thành phố Nam Định với 18 năm liền là “đơn vị quyết thắng”. Nay hợp tác xã chỉ còn lại 14 héc ta ao, đầm nên đã chuyển phương thức hoạt động.

8- Phường Vị Xuyên

Địa dư phường Vị Xuyên ngày nay chủ yếu thuộc đất thôn Thi Thượng, thôn Khoái Đông và một phần nhỏ phía Tây thuộc làng Phù Long, phía Tây Bắc thuộc đất Đông Mặc. Thời thuộc Pháp (sau năm 1954) khu Vị Xuyên thuộc (khu) phố Định Hậu trong 10 (khu) phố nội thành.

Từ sau Cách mạng tháng Tám (1945 - 1981), địa danh khu đất này đã có nhiều thay đổi: Thuộc khu phố Lê Văn Phúc (1945 - 1955), khu phố VIII (1960 - 1964), khối phố 50, 51 khu phố VIII (1965 - 1975), tiểu khu Hàn Thuyên, tiểu khu Vị Xuyên (năm 1976). Tiểu khu Vị Xuyên sáp nhập với tiểu khu Hàn Thuyên thành tiểu khu Vị Xuyên (1979). Năm 1984 đổi tiểu khu gọi là phường Vị Xuyên. Tháng 6-1985 khu vực phía Tây của phường lại tách ra, nhập với khu đất Đông Bắc phường Phan Đình Phùng để thành lập phường Vị Hoàng thì phường Vị Xuyên còn địa dư như hiện tại, dân số 9.750 người, ở 50 tổ dân phố. Sau khi sắp xếp lại, đến nay trong phường có 26 tổ dân.

Trên địa bàn phường Vị Xuyên có trụ sở một số cơ quan tỉnh như Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Đài Phát thanh - Truyền hình, Cục Thống kê, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Điều dưỡng. Công ty Dược phẩm Nam Hà tồn tại hơn nửa thế kỷ, nay nâng cấp thiết bị, đổi mới công nghệ, sản xuất được nhiều dược phẩm có chất lượng, nhất là các mặt hàng dược truyền thống như Bồ phé chỉ khái lộ, Thuốc tẩy giun, Hà sa hoàn... có thương hiệu trong thị trường cả nước. Kinh tế hộ gia đình trong phường được mở rộng, có 354 hộ kinh doanh (năm 2001) lên 490 hộ (năm 2004). Sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2002 có 17 doanh nghiệp, 150

hộ cá thể.

9- Xã Lộc An

Xã Lộc An hiện nay là một trong 5 xã ngoại thành, nằm ở phía Tây Nam thành phố Nam Định. Địa dư của xã có 3 thôn là Lộng Đồng, Gia Hoà, Vụ Bản và 2 xóm là xóm Trại và Thị Kiều; diện tích đất 3,35 km², dân số 7.800 người với 1.859 hộ.

Khoảng thế kỷ XVII, thôn Gia Hoà cùng với thôn Mỹ Trọng, Biện Dương (nay là xã Mỹ Xá) thuộc tổng Mỹ Trọng. Năm 1832, Vua Minh Mệnh Triều Nguyễn lập tỉnh Nam Định thì thôn Gia Hoà, Vụ Bản thuộc tổng Mỹ Trọng, phủ Thiên Trường (thời Vua Tự Đức đổi là phủ Xuân Trường). Thôn Lộng Đồng vẫn thuộc (làng - xã) Vị Hoàng⁽¹⁰⁸⁾ sau này là Vị Xuyên. Đến năm 1921 thực dân Pháp xác lập thành phố Nam Định là đô thị loại III thì Lộng Đồng tách ra thành thôn độc lập thuộc tổng Đông Mạc (dân quen gọi là Đông Mạc) huyện Mỹ Lộc, phủ Xuân Trường.

Tháng 3-1948, cả 3 thôn Gia Hoà, Lộng Đồng, Vụ Bản nhập lại thành đơn vị hành chính cấp cơ sở là xã Lộc An thuộc huyện Mỹ Lộc. Nghĩa từ “Lộc” là lấy chữ cuối của huyện Mỹ Lộc, “An” là an bình - “Lộc An” là lộc cao phúc dày an bình vạn sự. Từ tháng 5-1950, Lộc An cùng 4 xã khác của huyện Mỹ Lộc là Lộc Hạ, Lộc Vượng, Lộc Hoà và Mỹ Xá trở thành xã ngoại thành của thành phố.

Cư dân ở vùng đất này vào khoảng thế kỷ XI - XII chỉ vài chục người thuộc các họ Trần, Bùi, Phạm, Nguyễn. Trải gần 800 năm (tương ứng 27 - 28 đời người) nay đã có 13 dòng họ, mà đông nhất là người họ Trần, Bùi, Vũ, Phạm... Dân số năm 1945 khoảng 2.100 người, 400 hộ, đến năm 2008 lên tới hơn 8.000 người (4.162 là nữ) với 1.651 hộ gia đình. Mật độ dân cư 1.759 người/1 km² (đứng sau xã Lộc Hoà).

Xã Lộc An có truyền thống văn hoá. Vào thời Nguyễn có cụ Đốc thôn Vụ Bản đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ, Đệ tam danh (gọi là Thám hoa). Thôn Gia Hoà có cụ Quế, cụ Chiêu đỗ Công

(108) Xem làng cổ Vị Hoàng.

sinh, Tú tài. Các cụ đồ mở lớp dạy học tại quê, giỏi có tiếng như cụ Mao, đồ Văn, đồ Nghiêm... Tín ngưỡng đạo Phật ở đây có Cảnh Phúc tự (thôn Vụ Bản), Phúc Long tự (thôn Gia Hoà), nay được dân tu sửa, tôn tạo. Thôn Lộng Đồng thờ 4 vị thành hoàng là Đức Cao mang Đại vương, Thạc thần Đại vương, Đông các Đại vương Đoàn Thương và Thái bảo Đoàn Quân công. Có nhà thờ họ Giáo thôn Vụ Bản và xóm Thi Kiều với 318 tín đồ.

Vốn là xã kinh tế thuần nông, diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn: Năm 2002 là 212,09 héc ta, trong đó đất canh tác lúa, màu là 185,47 héc ta, nuôi thủy sản 17,22 héc ta; đất ở chỉ có 35,47 héc ta... (Tổng diện tích đất 334,97 héc ta). Do nhu cầu mở rộng thành phố và xây dựng cụm công nghiệp An Xá, đến năm 2005 đất canh tác còn 126 héc ta. Nhưng nhờ tiến bộ kỹ thuật mới trong thâm canh, năng suất lúa tăng cao: 89 tạ/ha (năm 2000) lên 91 tạ/ha (năm 2005) nên tổng sản lượng lương thực trung bình 5 năm vẫn đạt 1.150 tấn. Cùng với sự đổi mới cơ chế kinh tế, sự mở mang đô thị, trên địa bàn xã đã có hơn 560 hộ dân sản xuất tiêu thụ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ (trong đó gần 200 hộ sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ), tổng doanh thu đạt từ 8,5 đến 10,5 tỷ đồng mỗi năm. Chợ Cầu Gia được xây dựng lại (bán kiên cố) trên diện tích đất 600 m². Chợ họp buổi sáng mỗi ngày, thu hút trên 400 lượt người mua bán các loại hàng hoá, thực phẩm nông sản. Mức sống và nhịp sống của nhân dân địa phương đã đổi mới, nâng cao.

10- Phường Trần Tế Xương

Tháng 3-1979 thành lập tiểu khu Trần Tế Xương, đến tháng 1-1981 đổi thành phường. Tháng 12-1985 khu đất phía Bắc của phường (ở Bắc đường Trường Chinh hiện nay) được tách ra và nhập với một phần đất của xã Lộc Hạ để lập phường Hạ Long. Phường Trần Tế Xương còn lại diện tích 70 héc ta, dân số 11.304 người, 2.623 hộ chia làm 12 cụm và 63 tổ dân. Địa dư của phường trùm lên hầu hết địa bàn làng Phù Long

xưa: Phía Bắc thuộc đất Cồn Vịt, phía Tây thuộc xóm Cây Bàng, xóm Vườn Dâu, Tây Nam thuộc xóm Góc Mít. Phía Nam lên tận phía Đông Bắc là đê sông Đào. Đường Trần Nhật Duật, nay là dải phân cách phía Tây với phường Vị Xuyên.

Trên địa bàn của phường, đến đầu thập niên 20 của thế kỷ XX đã được dựng lên cơ sở công nghiệp lớn là Nhà máy Điện, Nhà máy Nước, có chợ Đầu Đê (còn gọi chợ Mom Sông) sinh hoạt cư dân đã đông vui tấp nập. Cầu bơm Nhà máy Nước lại được xây dựng thành nhà nổi trên sông (nhà thủy tạ) là tụ điểm vui chơi hấp dẫn của giới thượng lưu người Việt và rất đông người Pháp. Sau này khi nhớ về Thành Nam, trong ký ức của mình, nhà văn Thép Mới (Hà Văn Lợi khi sinh thời) thường kể với bằng hữu về những kỷ niệm thời trai trẻ: Ngày nghỉ ra chơi ở nhà lầu cầu bơm ngắm sông, xem đua thuyền, đánh bài, hay vào sàn nhảy điệu vũ Tango, lại có cả nữ sinh cưỡi ngựa đi dạo trên đê... nơi cảnh trí vui tươi, thơ mộng.

Trải hai lần chiến tranh (chống Pháp và chống Mỹ), những cơ sở này đã bị tàn phá đến mức huỷ hoại. Sau khi lập lại hoà bình một số cơ sở công nghiệp được khôi phục, Nhà máy Nước được mở rộng quy mô, đầu tích cầu bơm (những trụ bê tông ở mặt sông Đào còn lại) cũng bị xoá nốt. Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu cũng được chuyển ra phía Bắc đường Trường Chinh. Dân đến làm nhà, định cư ở khu vực này đã đông lên nhiều, nhưng không vui như trước; chợ “Mom sông” nay vẫn là chợ tạm, họp kéo dài từ ngã tư Trần Nhật Duật đến gần cuối đường Vị Xuyên - khu đê sông có quán Bánh Dầy xưa. Nay ở đầu đường Cù Chính Lan chỉ có Trường Trung cấp Y tế (trên đất Sở Nông nghiệp đã chuyển nơi khác) và Trung tâm Giáo dục thường xuyên Nguyễn Hiền (trên khu nhà Cục Thuế đã chuyển đi). Đến cuối năm 2000 số hộ kinh doanh buôn bán tăng 150 so với năm 1995. Số hộ dân trồng hoa nay cũng thu hẹp lại.

Phường Trường Thi và Văn Miếu

Theo Quyết định số 132/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 23-5-1985 phường Trường Thi và phường Văn Miếu được lập ra do tách phường Trường Thi (đã có từ năm 1981). Khi thành lập 2 phường Văn Miếu và Trường Thi đã lấy đường Trần Huy Liệu (Quốc lộ 12 cũ) làm phân giới để chia tách phường Trường Thi cũ thành 2 phường mới. Phía Nam đường Trần Huy Liệu xuống đến Quốc lộ 10 thuộc địa giới phường Văn Miếu; phía Bắc đường Trần Huy Liệu lên giáp đường sắt Bắc Nam thuộc đất phường Trường Thi.

11- Phường Trường Thi

Phường Trường Thi, diện tích tự nhiên là 0,68 km²; dân số 13.000 người. Phường Trường Thi nằm ở phía Tây thành phố thuộc các làng Mỹ Trọng, Phúc Trọng (Trọng Đức) và An Trạch của tổng Mỹ Trọng xưa. Nơi đây đến trước ngày hoà bình lập lại là ruộng lúa, bãi màu, đất gò (nghĩa trang Bắc Tế đất Mỹ Trọng, nghĩa trang Hoa Kiều đất Phúc Trọng) và đầm hồ làng An Trạch. Phần lớn đất đai của phường là do dân tự san lấp rồi dựng nhà cửa, chỉ có các nhà máy, công xưởng và một số cơ sở sản xuất quốc doanh, tập thể được xây dựng là do Nhà nước quy hoạch. Trên địa bàn có chợ rau quả thực phẩm hình thành tự phát ở khu lǎng Lê Nhiếp và ngõ Dầu Khí. Đến năm 2005 có hơn 300 hộ kinh doanh vừa và nhỏ cùng với một số cơ sở may, cơ khí, đúc gang, dệt len...

12- Phường Văn Miếu

Đất phường Văn Miếu thuộc làng Năng Tĩnh xưa. Từ 1915 trở về trước vùng đất ở giữa phường Văn Miếu này là Trường thi Hương Nam Định, phía Nam và phía Tây khu đất trường thi xưa là ruộng lúa. Đến ngày Pháp tái chiếm thành phố Nam Định đã lập ra bãi bắn bia để huấn luyện lính tân binh “Bảo hoàng”. Quân dân Nam Định đã lập công lớn trong trận đánh độn thổ tại bãi tập này. Hoà bình lập lại các dãy nhà tạm của

công nhân Nhà máy Dệt Nam Định được xây dựng lại. Sau ngày thống nhất, Nhà máy Dệt đã xây dựng nơi đây thành khu tập thể công nhân của nhà máy với 10 dãy nhà cấp 4 (mái lá cọ, sau lợp ngói).

Ranh giới của phường Văn Miếu: Phía Bắc phường Văn Miếu giáp phường Trường Thi; phía Tây giáp xã Mỹ Xá; phía Nam giáp xã Lộc An, phía Tây - Nam giáp phường Trần Quang Khải; phía Đông giáp phường Năng Tĩnh. Trên địa bàn phường có một số cơ sở sản xuất công nghiệp như Nhà máy Thủy tinh, Nhà máy Giấy. Một dạo dân họp chợ giữa lòng đường khu dân cư (không có quán chợ). Năm 1994 - 1995 lập chợ Văn Miếu sắp xếp 150 hộ vào kinh doanh buôn bán. Dân cư ở phường Văn Miếu tới 80% là công nhân Nhà máy Dệt, Nhà máy Tơ. Sau khi có dự án nâng cấp đô thị và mở rộng nâng cấp đường Giải Phóng (1998 - 2004) làm cho diện mạo 2 phường này có những thay đổi đáng kể.

Đến nay trên địa bàn phường có 130 hộ kinh doanh vừa và nhỏ, một số cơ sở nghề may, cơ khí nhỏ, mộc dân dụng, 1 công ty kinh doanh gỗ và in khăn mặt xuất khẩu...

13- Phường Cửa Bắc

Địa danh “Cửa Bắc” xuất hiện khá sớm. Theo Nguyễn Ôn Ngọc trong Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục thì thành Nam Định nằm trên đất huyện Mỹ Lộc có 12 phố trong đó có phố Cửa Bắc.

Phố Cửa Bắc có đền Bắc Kinh. Đền Bắc Kinh nằm ở số nhà 11 phố Công Hậu (cũ) ngay cạnh ngã tư đường Thành chung - Điện Biên và Lương Thế Vinh - Trường Chinh.

Khi thành phố Nam Định do người Pháp lập ra 10 khu phố (phường) với 40 phố thì giáp Bắc Môn (Cửa Bắc) thuộc phường Nam An của thành phố Nam Định. Từ đó mà xuất hiện địa danh Công Hậu (Thành quay về phía Nam, nên người ta gọi Cửa Bắc là Công Hậu - công phía sau thành).

Năm 1945 sau khi cách mạng giành được chính quyền,

thành phố Nam Định lập ra 8 khu phố, Cửa Bắc - Cổng Hậu, Thành Chung, Lò Trâu thuộc khu phố Phạm Tuấn Tài.

Năm 1954 Nam Định giải phóng, thành phố được chia thành 4 khu, vùng đất Cửa Bắc thuộc khu phố 2 (khu phố 2 khi ấy gồm đất phường Cửa Bắc, phường Trần Đăng Ninh, phường Bà Triệu, phường Quang Trung và một phần phường Nguyễn Du ngày nay). Dưới khu phố là các khối phố. Cổng Hậu thuộc khối 9. Phố Thành Chung, khu Quân nhân thuộc khối 10A. Bến ô tô cũ thuộc khối 10B...

Tiểu khu Cửa Bắc có bến ô tô đi phía Bắc tỉnh (trước năm 2012), chợ Rồng, chợ Mỹ Tho... dân phố lên tới 17.000 người.

Năm 1982 các tiểu khu của thành phố được đổi thành phường. Phường Cửa Bắc được thành lập trên cơ sở sáp nhập 5 tổ dân của phường Trần Đăng Ninh, 5 tổ dân của phường Quang Trung, 1 tổ dân của phường Trần Hưng Đạo, 4 tổ dân của phường Nguyễn Du. Diện tích 63,36 héc ta, dân số hơn 8.800 người, gồm các miền dân cư Thành Chung, Quân nhân A, Quân nhân B1, B2, Điện Biên 1, Điện Biên 2, Nam Trần Đăng Ninh, Bắc Trần Đăng Ninh, với 42 tổ dân. Đến nay phường có 38 tổ dân phố. Trên địa bàn phường có hàng trăm hộ cá thể kinh doanh buôn bán các mặt hàng nhất là trên trục đường Thành Chung - Điện Biên với nhiều cửa hàng kim khí điện máy, dịch vụ nhà hàng ăn uống...

14- Phường Bà Triệu

Địa dư của phường ở vị trí trung tâm của thành phố và là đầu mối giao thương hàng hoá trong tỉnh và trong vùng với 2 chợ lớn là chợ Rồng và chợ Mỹ Tho.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, địa dư của Phường thuộc khu phố Phạm Tuấn Tài; sau năm 1954 đổi là khu phố 2, năm 1979 là tiểu khu II và năm 1980 là phường Cửa Bắc.

Tháng 1-1986, phường Cửa Bắc được tách ra và thành lập

phường Bà Triệu, với diện tích 26,78 héc ta, dân số 9.567 người, 1.587 hộ, thuộc 41 tổ dân. Trong đó phường Cửa Bắc chuyển về 30 tổ dân, 1.148 hộ, 5.930 người; phường Quang Trung chuyển sang toàn bộ miền Lý Thường Kiệt gồm 6 tổ dân, 214 hộ, 233 người và một khu tập thể 370 hộ, 1.900 người; phường Nguyễn Du chuyển về 4 tổ dân, 128 hộ, 537 người. Đến nay, sau khi sắp xếp lại, toàn phường có 20 tổ dân phố.

Trước thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, khi cơ chế bao cấp còn có vai trò chủ đạo thì trên địa bàn phường có những công ty, cửa hàng mậu dịch quốc doanh lớn như Bách hoá tổng hợp, Kim khí điện máy, Thủy sản, Thực phẩm công nghệ... Từ 1995 đến nay phần lớn các đơn vị này đã giải thể hoặc chuyển hướng hoạt động bằng giao, bán, khoán, cho thuê cửa hàng, quầy hàng, địa điểm cho chủ thể khác hoặc tư nhân. Cũng trong bối cảnh đó, số hộ, số người dân trên địa bàn tổ chức sản xuất và kinh doanh buôn bán khá đông, với 63 hộ sản xuất gia công tiểu thủ công nghiệp, 392 hộ kinh doanh thương mại dịch vụ.

15- Phường Quang Trung

Phường Quang Trung được thành lập theo Quyết định số 56/QĐ-TC ngày 31-1-1981 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh với diện tích 43 héc ta, dân số 14.388 người (năm 1981). Phường gồm 5 khu dân cư là An Phong, Hàng Tiện, Lý Thường Kiệt, Thống Nhất, Quang Trung. Dân số phát triển, nhà cửa xây dựng thêm nhiều. Năm 1985 thực hiện Quyết định 142/QĐ-HĐBT về điều chỉnh địa giới đã tách một số miền dân cư, các miền dân cư chia thành 93 tổ dân phố. Năm 2003 sáp nhập các tổ dân lại (từ 93 tổ nhập thành 38 tổ dân). Năm 2004 điều chỉnh địa giới, phường đã chuyển 7 tổ dân phố về phường Thống Nhất và Lộc Vượng. Diện tích đất đai của phường Quang Trung còn 28,82 héc ta với dân số 11.956 người ở 31 tổ dân phố.

Địa dư của phường Quang Trung nay gồm phố Hưng Yên (nguyên là đất làng Thượng Lỗi xưa), phố Quang Trung (xưa là đường Goòng), Hàng Cáp (thuộc làng Đông Mặc), phố Hàng Tiện (Hàng Quì, Hàng Khay, Hàng Nón thuộc đất Thi Thượng). Trên đất phường Quang Trung ngoài các chùa của Phật giáo, các đền như đền Tân Từ thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và đình của các phố nghề như đình Hàng Nón ở đầu phố Hàng Tiện. Có nhà thờ Thiên chúa giáo An Phong, có nhà nguyện của giáo dân Đông Mặc ở ngõ Lôi Điện. Cuối năm 1945 vùng đất trong phường thuộc hai khu phố là Nguyễn Đức Quỳ và Lê Ngọc Rư. Xưa kia dân trong phường đã làm một số nghề có tiếng ở Thành Nam như dệt vải cấp, hàng quỳ (dát vàng), hàng khay (khảm mỹ nghệ), hàng tiện, hàng nón và các loại bánh kẹo. Đến nay còn lưu truyền ca dao:

Hàng Quỳ lấm bạc nhiều vàng
Tay nghề điêu luyện lừng vang một thời
Vải Màn nhỏ chỉ nồn bông
Lĩnh sa... Hàng Cáp đẹp không đâu bằng.

Sau này những người thợ nghề giỏi đã đi nhiều nơi, nghề truyền thống cũng dần mai một. Đến cuối năm 2005, trên địa bàn phường có 29 công ty tư nhân, 515 hộ sản xuất kinh doanh trên các trục phố chính: Hàng Cáp, Hàng Tiện, Quang Trung, Hưng Yên, Mạc Thị Bưởi. Chợ Diên Hồng năm 1989 được tu bổ lại, họp cả ngày.

Phường Lộc Hạ, Hạ Long và Thống Nhất

Ba phường Lộc Hạ, Hạ Long và Thống Nhất ở liền kề nhau, có cùng nguồn gốc đất đai.

Từ năm 2004 về trước phường Lộc Hạ thuộc địa danh hành chính xã Lộc Hạ. Trước tháng Tám năm 1945 các làng - thôn xã Lộc Hạ thuộc tổng Đông Mặc và tổng Đệ Nhất. Tổng Đông Mặc gồm nhiều làng, trong đó có các làng Đông Mặc (tên nôm là làng Rào, Đông Rào), Thượng Lỗi và Phù Nghĩa. Trong các

thư tịch cổ đã thấy xuất hiện địa danh Phù Hoa từ thời Lý (thời Nguyễn do kỵ húy, Vua Đồng Khánh, đổi Phù Hoa thành Phù Nghĩa). Các làng Đệ Tứ và Đệ Tứ Ngoại trang (Liên Hà) thuộc tổng Đệ Nhất.

Trong Tân biên Nam Định tỉnh chí của Khiếu Năng Tĩnh có ghi: Xã Phù Hoa huyện Mỹ Lộc có người tên là Giang Thị Tuyết. Thời thuộc Minh, quan quân giặc thấy Giang Thị sắc nước hương trời thường đến ve vãn, Thị đã khuyên chồng cùng 3 con rời về quê ngoại Gia Viễn cư trú. Nhân một hôm thác rằng nhà có việc giỗ bố chồng, Thị mời tên tướng Minh trần thủ đến thiết tiệc, khi quanh vườn nhà Thị đã rào hào cắm chông chất củi, rơm rạ tẩm dầu. Thị thân chúc rượu cho viên trần thủ và hơn bốn chục lính Minh say rồi châm lửa. Lửa bốc cháy Thị dẫn quân Minh chạy quanh, nhưng không còn lối thoát. Giang Thị nhảy xuống giếng tự vẫn, quân Minh đều bị chết cháy.

Sau ngày đất nước thanh bình, Vua Lê Lợi sai Đại học sĩ Vũ Vinh Trinh đỗ Tiến sĩ khoa Minh Kinh Kỷ Dậu (1423) quan Hàn lâm viện về Phù Hoa đặt lệ quốc tế. Cho dựng đền thờ trên nền nhà cũ, ban tiền bạc cho chồng con và có đề thơ rằng:

Phiên âm:

Phù Hoa Giang Thị hà nhân
Tháo tặc thần mưu bất cố thân
Kháng Bắc hoả công nan diệt quý
Nghĩ tôn Miếu vũ tự thiên xuân

Tạm dịch:

Phù Hoa Giang thị là ai
Liều thân báo quốc để trai thẹn thùng
Trừ Minh bày kế hoả công
Miếu đền thờ tự nói cùng mai sau.

Đất làng Đông Mặc (Đông Rào) xưa tới chùa Cuối, giáp thôn Thi Thượng sau đã lập ra phố Hàng Cáp và một đoạn phố Hàn Thuyên ngày nay.

Sau tháng Tám năm 1945, Đông Mặc với Thượng Lỗi lập thành xã Phú Đức, Đệ Tứ, Ngoại Trang (Liên Trại) và Phù Nghĩa (Phù Hoa) lập xã Quang Minh.

Cuối năm 1949 xã Phú Đức tách làng Thượng Lỗi nhập về với Túc Mặc, Vĩnh Trường, Kênh (Đông Kinh) và Bái (Đại Bái) lập thành xã Lộc Vượng. Còn Đông Mặc nhập với Phù Nghĩa (nguyên là Phù Hoa), Đệ Tứ, Liên Trại (Ngoại Trang), khi ấy xã Quang Minh lập thành xã Lộc Hạ. Tên Lộc Hạ có từ đó.

16- Phường Hạ Long

Năm 1986, vùng đất bên hữu đường Trường Chinh và đường Thái Bình (xóm Cồn Vịt xưa) nhập với đất phía Nam và Đông Nam của làng Phù Nghĩa lập ra phường mới Hạ Long. Địa danh hành chính Hạ Long là do lấy chữ “Hạ” của xã Lộc Hạ ghép với chữ “Long” của địa danh làng Phù Long mà thành. Không nói rõ như thế, biết đâu có người suy luận cho rằng Hạ Long là nơi rồng hạ xuống, hay nơi đây trước là bãi đất bồi có hình con rồng nổi. Địa dư của phường rộng gần 60 héc ta, dân số 13.510 người, 3.375 hộ, 8 miền dân cư. Dân trong phường từ các nơi tập trung về từ cuối những năm 1960 đến những năm 1980 thuộc các cơ quan, xí nghiệp qua 2 lần nhập tỉnh, ở các khu tập thể gọi là các Ô 17, 18, sau này có thêm Ô 19, Ô 20. Chợ Hạ Long rộng 729 m² xây dựng năm 1988 đến năm 1991 khánh thành. Trên địa bàn phường, năm 1999 đã có 279 hộ kinh doanh, 325 hộ sản xuất thủ công nghiệp (may, mộc, cơ khí...).

17- Phường Thống Nhất

Đồng ruộng phía Tây của làng Đông Mặc trước đây đã từng bước được quy hoạch mà dần dần hình thành phường Thống Nhất. Vào năm 1977 vùng đất phía Đông Đường 38A

(nay là đường Trần Thái Tông) được lập thành một tiểu khu, đặt tên là tiểu khu Thống Nhất. Đây là tiểu khu thứ 29 của thành phố. Hai năm sau, năm 1979, tiểu khu Thống Nhất hợp nhất vào tiểu khu Quang Trung. Năm 1981 tiểu khu Quang Trung đổi thành phường Quang Trung. Miền Thống Nhất tách thành Thống Nhất 1, Thống Nhất 2 và Thống Nhất 3.

Thực hiện Nghị định 17/NĐ-CP, ngày 9-1-2004 của Chính phủ, các miền Thống Nhất 1, Thống Nhất 2, Thống Nhất 3 của phường Quang Trung với đất phía Bắc đường Trường Chinh của phường Vị Hoàng và vùng dân cư mới quy hoạch trên đất làng Đông Mực xưa được lập thành phường đặt là phường Thống Nhất.

Phường Thống Nhất hiện có diện tích 68 héc ta với dân số 7.282 người, 2.415 hộ ở 22 tổ dân trong 8 miền dân cư, là phường mới, một số đường phố còn đang tiếp tục xây dựng, hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ chưa mở rộng.

18- Phường Lộc Hạ

Tháng 1 năm 2004 xã Lộc Hạ được chuyển thành phường vẫn có danh Lộc Hạ; diện tích 350 héc ta, dân số 6.729 người (năm 1999) trong đó hộ nông dân chiếm 810 hộ/tổng số 1.715 hộ, với 2.522 người. Từ khi thành phố mở rộng, phát triển kinh doanh dịch vụ, một số hộ là nông dân trước đây cũng đã chuyển sang hoạt động thương mại dịch vụ. Do số ruộng đất canh tác phải chuyển sang đất chuyên dụng xây dựng đô thị nên khá đông lao động khu vực nông nghiệp của phường Lộc Hạ đang từng bước chuyển đổi sang nghề khác để đảm bảo việc làm ổn định. Hầu hết nhân dân đã được nâng cao về mức sống và nếp sống thành thị đã thay dần nếp sống làng quê xưa.

19- Phường Lộc Vượng

Từ một xã ngoại thành Nam Định, Lộc Vượng được chuyển thành phường năm 2004. Phường Lộc Vượng nằm ở phía Bắc thành phố Nam Định với diện tích là 480,14 héc ta.

Phường gồm 5 thôn là Tứ Mặc, Thượng Bái, Vĩnh Trường, Thượng Lỗi, Kênh (Động Kinh). Từ xưa đất thuộc tổng Đông Triều, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường. Vì kiêng chữ Triều cận âm với huý của Vua Thiệu Trị nên tổng Đông Triều đổi thành Đông Mặc. Năm Tự Đức thứ 11 (1858) để tránh chữ “Thiên” - từ tôn kính, đổi Thiên Trường thành Xuân Trường. Đông Mặc thuộc phủ Xuân Trường.

Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà bỏ cấp tổng. Tháng 3 năm 1946 các làng Tứ Mặc, Vĩnh Trường, Kênh, Bái lập thành một xã. Năm 1947 xã sáp nhập thêm Hậu Bồi (tổng Đệ Nhất), La, Hóp (xã Đông Quang - Đông Công xưa) lấy tên là xã Lộc Vượng.

Tháng 10 năm 1948 Hậu Bồi, La, Hóp tách ra để nhập sang xã Mỹ Phúc. Chuyển thôn Thượng Lỗi (một thôn thuộc xã Đông Mặc xưa) của xã Phú Đức nhập về xã Lộc Vượng.

Năm 1950 do yêu cầu để lãnh đạo cuộc kháng chiến, đã cắt xã Lộc Vượng cùng 4 xã khác là Mỹ Xá, Lộc An, Lộc Hoà, Lộc Hạ nằm bao quanh thành phố về làm các xã ngoại thành của thành phố Nam Định. Từ xã chuyển thành phường nhưng hầu hết đất đai canh tác của nông dân các làng xưa đã chuyển sang đất xây dựng đô thị. Số hộ dân chuyển đổi ngành nghề sản xuất còn ít và phần nhiều là dịch vụ cho thuê nhà ở, phòng trọ. Số dân nuôi thả cá ở đầm hồ còn không đáng kể; nghề làm bánh cuốn ở làng Kênh cũng chỉ còn tập trung ở một số gia đình. Từ khi đường Kênh, đường Bái được nâng cấp, rải nhựa, dân đến lấp ao, lấp ruộng làm nhà, mở nhà hàng, kinh doanh dịch vụ.

Địa danh làng Kênh là tên Nôm, còn Hán tự viết là Đông Kinh nghĩa là làng ở phía Đông một con kênh (mương dẫn nước). Đất khu ngã tư phố Thành Chung nay là xóm Bắc Kinh xưa (tại đây có đền Bắc Kinh thờ thần canh giữ cửa Bắc Thành). Còn Thượng Bái là do gốc làng này có tên nôm là làng Bái.

Địa danh Vĩnh Trường, theo *Tân biên Nam Định địa dư chí*

lược của Khiếu Năng Tĩnh cho biết đất này thời Lý có tên là Vĩnh Ninh. Thời Trần đổi thành Vĩnh Bình, sang thời Lê đổi thành Vĩnh Trường. Hiện câu đối trong chùa Vĩnh Trường cũng ghi:

Xã hiệu Vĩnh Trường, cổ tác Vĩnh Ninh tồn thạch ký
Tự danh Viên Nguyệt kim vi Viên Thông tự Lê Sơ

Dịch nghĩa:

Xã Vĩnh Trường trước hiệu là Vĩnh Ninh còn ghi trên bia đá
Chùa tên Viên Nguyệt, gọi là chùa Viên Thông có từ Lê Sơ.

Thôn Thượng Lỗ (nghĩa là lỗ lạc lớn lao) là một thôn thuộc xã Đông Mạc, tổng Đông Mạc thời phong kiến. Khảo sát văn bia tại chùa Thượng Lỗ như Tu tạo bi ký soạn khắc năm Tự Đức 15 (1862), Tu tiên bi ký soạn khắc năm Tự Đức 17 (1864) đều ghi Thiên Trường phủ, Mỹ Lộc huyện, Đông Mạc xã, Thượng Lỗ thôn. Nay Thượng Lỗ vẫn là tên gọi của địa danh này trong nhân dân và trong văn bản hành chính. Làng có đền thờ bà Phạm Thị Thục Côn, bà Thục Côn giúp cha mộ quân theo Trung Vương chống Tô Định đã thu phục được thành trì trên đất Lĩnh Nam. Sau Mã Viện đưa quân Hán sang, bà thất trận đã nhảy xuống sông tự vẫn, dân nhớ ơn lập đền thờ.

Tức Mạc là vùng đất có truyền thống lịch sử, một trong những trung tâm Phật giáo có từ thời Lý. Chùa Phổ Minh được xây từ thời Lý, đến thời Trần, Vua Trần Anh Tông cho xây tháp Phổ Minh cao 14 tầng, trên đặt xá lỵ của Phật hoàng Trần Nhân Tông.

Tức Mạc quê hương nhà Trần, trải bao thăng trầm lịch sử, dù các địa danh hành chính xã, tổng đã thay đổi qua các thời, nhưng tên các làng cổ thì ít biến đổi. Cùng với địa danh cổ, nơi đây còn có nhiều di tích có ý nghĩa lịch sử. Trên mảnh đất này cũng xuất hiện nhiều nhân vật lịch sử. Tiêu biểu là Quốc công tiết chế Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn. Đến nay địa danh Tức Mạc vẫn luôn là niềm tự hào của quê hương Thành Nam văn hiến với vương triều Trần oanh liệt với những chiến công hiển hách rạng danh đất Việt.

20- Xã Mỹ Xá và các làng, xóm xưa

Mỹ Xá nằm ở phía Tây thành phố Nam Định. Mỹ Xá gồm các làng cổ Mỹ Trọng, Vị Dương (Biên Dương xưa), Phúc Trọng (Trọng Đức - Phúc Trạch xưa) thuộc tổng Mỹ Trọng, còn làng Mai Xá thuộc tổng Cao Đài. Đầu thế kỷ XIX các làng của tổng Mỹ Trọng thuộc huyện Mỹ Lộc, còn Mai Xá thuộc tổng Cao Đài, huyện Thượng Nguyên. Đến cuối thế kỷ XIX huyện Thượng Nguyên đã nhập vào huyện Mỹ Lộc, nên tất cả các làng, thôn đều thuộc Mỹ Lộc.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 xoá bỏ cấp tổng, các làng xã lập uỷ ban cách mạng lâm thời theo địa danh cũ. Sau ngày bầu cử hội đồng nhân dân (3-1946), các xã đã liên kết với nhau thành liên xã. Mỹ Trọng, Vị Dương, Phúc Trọng, Mai Xá hợp lại thành xã Mai Mỹ. Khi Mỹ Lộc hợp nhất với thành phố Nam Định thì Mai Mỹ thuộc khu E. Giải tán khu E, Mai Mỹ chuyển về thuộc huyện Vụ Bản. Cuối năm 1948 Thành Mỹ tách ra, tái lập huyện Mỹ Lộc và thành phố Nam Định thì Mai Mỹ lại trở về huyện Mỹ Lộc và đổi thành xã Mỹ Xá. Năm 1950 Mỹ Xá tách khỏi huyện Mỹ Lộc nhập về ngoại thành Nam Định (là 1 trong 5 xã ngoại thành). Năm 1951 khi xã Lộc Hoà giải thể thì các làng Lương Xá (Hoàng), Man, Tiểu Túc, An Trạch nhập về xã Mỹ Xá, còn Phú Ốc nhập về xã Lộc Vượng. Đến năm 1956 tái lập xã Lộc Hoà thì Lương Xá, Man, Tiểu Túc, An Trạch lại tách khỏi Mỹ Xá cùng Phú Ốc tách khỏi Lộc Vượng trở về tái lập xã Lộc Hoà.

Khi Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, trên đất Mỹ Xá đã hình thành một con đường từ chùa Rọp (Tiểu Túc - Đường 21) chạy thẳng xuống Đường 12 và Đường 10 để phương tiện cơ giới tránh đi vào thành phố. Đường rộng khoảng 8 mét, gọi là đường Đất Đỏ (do rải trên mặt đường một lớp đất đồi màu đỏ chở từ Tam Điệp về). Trên khu đất này có nhiều nhà kho lớn được xây dựng để chứa vật liệu, thiết bị phục vụ sản xuất và chiến đấu. Năm 1976 đường được mang tên là đường Giải Phóng (để chào mừng giải phóng miền Nam

thống nhất Tổ quốc).

Thành phố ngày một phát triển, khu đất phía Tây nhà ga xe lửa Nam Định thuộc làng Mỹ Trọng và Phúc Trọng được cải tạo, mở mả ở các nghĩa trang Bắc Tề (đất Mỹ Trọng), nghĩa trang Hoa kiều (đất Phúc Trọng) được di dời để lập các cơ sở sản xuất, nhà xưởng và trụ sở của các cơ quan, đơn vị. Năm 1985 đất từ phía Đông đường Giải Phóng tới Ga Nam Định đã hình thành một phường mới là phường Trường Thi. Năm 1998 mặt đường Giải Phóng được mở rộng ra tới 14 mét, đổ bê tông nhựa thành đường vành đai của thành phố. Những năm đầu của thế kỷ XXI, các đầm hồ, đất hoang phía Tây Bắc ga thuộc đất Phúc Trạch xưa được cải tạo san lấp thành một con đường rải nhựa, nối từ đường Giải Phóng tới phía Bắc Ga Nam Định. Khu công nghiệp Hoà Xá hình thành trên đất đồng ruộng các làng Phúc Trọng, Mỹ Trọng, Vị Dương, Mai Xá (Mỹ Xá) và đồng ruộng Tiểu Tứ, Lương Xá (Lộc Hoà). Đây là khu công nghiệp đầu tiên của tỉnh Nam Định.

Những năm 90 của thế kỷ XX tổ chức hành chính dân cư trong xã được sắp xếp lại. Làng Mai Xá hình thành 7 xóm là xóm Thượng, xóm Trung, xóm Thắng, Đoàn I, Đoàn II, Đồng Bến, Đồng Gôi. Làng Mỹ Trọng thành xóm Mỹ Trọng I, Mỹ Trọng II, Mỹ Trọng III, Mỹ Trọng IV đều thuộc xã Mai Xá. Nay diện tích đất đai của xã là 6,6 km², dân số 11.600 người.

Mỹ Xá gồm các làng xã cổ, làng nào cũng có chùa thờ Phật, đình thờ Thành hoàng làng. Trước đây hội làng được tổ chức vào mùa xuân sau khi dân làng đã cày cấy xong, nhưng trong từng làng lại có những sắc thái văn hoá riêng biệt. Mai Xá là làng trồng cam và vải, Vị Dương có đặc sản bánh dày, Mỹ Trọng lại có ruộng cát trồng rau màu, ngô, khoai, đỗ lạc.

Đây là vùng quê hiếu học trọng nghĩa. Thời phong kiến người đạt học vị cao là Tiến sĩ Trần Đăng Huỳnh ở làng Vị Dương đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ khoa Bính Thìn niên hiệu Quang Bảo 2 (1556) đời Mạc Phúc Nguyên. Làm quan chức Giám sát Đô ngự sử, Trần thủ hiến nam, nay trong xã cũng có người đạt

được học vị giáo sư, tiến sĩ khoa học như Trần Đình Toại và nhiều người con Mỹ Xá là thạc sĩ, tiến sĩ.

Mỹ Xá còn là địa danh có truyền thống đánh giặc giữ nước, truyền thống này có từ thời Trần. Thời Nguyễn phòng tuyến Mai Xá nổi tiếng ngay từ năm 1873, khi quân Pháp đặt chân lên đất Nam Định lần đầu, rồi đến lần thứ hai 1883 trong trận chiến ngoan cường chống Pháp (ngày 16 tháng 6 năm Quý Mão). Mỹ Xá còn là vùng quê có cơ sở cách mạng của Đảng từ trước ngày thành lập Đảng.

Trong cuộc kháng chiến cứu nước, nhân dân Mỹ Xá đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang thời kỳ chống Mỹ. Mai Xá có Anh hùng Quân đội Hoàng Khắc Dực, Mỹ Trọng có Đại tá Trần Đăng Thạch thời chống Pháp, có các tướng lĩnh trong Quân đội nhân dân Việt Nam thời chống Mỹ như Trần Đình Cửu, Trần Duy Hạnh.

Từ năm 2001 - 2005, cùng với sự mở rộng địa bàn thành phố, đất canh tác nông nghiệp của xã từ 379,69 héc ta còn 95 héc ta, giảm 295,2 héc ta giành cho xây dựng khu công nghiệp và khu dân cư mới. Do đó, 6/12 đội sản xuất của hợp tác xã không có ruộng, 6 đội sản xuất còn lại cũng chỉ có số ít ruộng canh tác. Số lao động nông thôn chưa chuyên đổi kịp nghề khá đông. Toàn xã mới có 167 hộ dân mở sản xuất kinh doanh dịch vụ ở các trục đường làng - xã hoặc đầu xóm - thôn.

21- Phường Trần Đăng Ninh

Phường Trần Đăng Ninh có một phần địa dư nằm ở góc Tây - Tây Bắc Thành Nam xưa, cũng là phần đất thuộc làng Năng Tĩnh. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nơi đây được mang tên khu phố Nguyễn Thanh Tuyết (một trong những Đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng bị Pháp bắt tháng 2-1931 và bị xử tử hình tại Nam Định tháng 8-1932); tiếp theo thuộc địa danh khu phố I, rồi tiểu khu Trần Đăng Ninh và đến tháng 1-1981 là phường Trần Đăng Ninh. Năm 1985, sau khi điều chỉnh (tách 4 tổ dân nhập vào phường

Trường Thi, 8 tổ dân nhập vào phường Năng Tĩnh), diện tích đất của phường được xác lập là 45,33 héc ta, dân số 10.889 người với 2.674 hộ, thuộc 53 tổ dân phố.

Trên địa bàn phường có một số cơ sở kinh tế như Nhà máy Liên hợp Dệt (phần phía hữu đường Trần Phú), Xí nghiệp Dệt bông tái sinh (nay là phân xưởng chần - ga gồi đệm của Công ty May sông Hồng, Ga đường sắt Nam Định và một số hợp tác xã như Đay Độc Lập, Thảm đay Hợp Thành... Ga đường sắt do Pháp xây dựng, hoàn thành năm 1903, khi đầu gọi là Ga Năng Tĩnh, đến năm 1921 khi thành phố Nam Định là đô thị loại III thì đổi là Ga Nam Định. Đây là ga chính, lại là trung tâm khu Nam đồng bằng dân cư đông, hàng hoá nhiều nên lưu lượng vận chuyển qua ga khá lớn. Tại Ga Nam Định đã từng diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt của lực lượng kháng chiến với giặc Pháp trong 86 ngày đêm giữ Thành (20-12-1946 đến 16-3-1947) và nhiều trận đánh tiếp theo đến cuối năm 1953. Nơi đây, trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 1968), bị bom đạn máy bay Mỹ bắn phá, cày xới nhiều lần đến mức huỷ diệt. Sau khi kết thúc chiến tranh, khu vực Ga Nam Định được xây dựng lại, mở rộng quy mô nhưng công trình xây dựng không đẹp bằng Ga Nam Định xưa.

Hiện tại trong phường có chợ rau xanh khu 5 tầng, có chợ chiều bán quần áo ở ngõ Quân khu B, có 12 tổ sản xuất dịch vụ và 140 hộ kinh doanh thương mại...

Xã Nam Phong và phường Cửa Nam

22- Xã Nam Phong

Nam Phong là một xã ngoại thành Nam Định nằm ở bờ Nam sông Đào có Quốc lộ 21 chạy qua; phía Đông có sông Hồng làm ranh giới với huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; phía Nam giáp xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực; phía Tây là Quốc lộ 21.

Những phát hiện khảo cổ học trong lần khai quật năm 2009 đã góp thêm nhiều hiện vật để khẳng định tư liệu về mảnh đất

này có từ thời Trần. Nơi đây có chùa Vạn Diệp với tên là Trùng Khánh tự, do nhà vua thứ 5 vương triều Trần là Trần Minh Tông lập ra để làm nơi nhà vua tham thiền tu hành. Sau khi Thượng hoàng Minh Tông tạ thế được quản tại đây rồi mới đưa ra An Sinh, Đông Triều an táng.

Thời Trần đất Nam Phong này liền một dải với Phù Long Hữu Hà, nay thuộc thành phố Nam Định. Đến đời Minh Mệnh khơi rộng kênh từ Bến Ngự ra sông Hồng, ban đầu còn bắc được cầu tre qua sông, sau nước từ sông Hồng đổ vào chảy xiết, sông lở rộng 2 bờ mới tách Phù Long và Vạn Hà thành hai vùng tả - hữu. Khi dòng sông Vị bị lấp thì kênh đào này thành dòng chính và dòng chảy từ đây ra tới Tam Toà, Độc Bộ được gọi là **sông Đào** như hiện nay.

Trong các thư tịch cổ đền đầu Triều Gia Long còn ghi rõ: Phong Lộc, Phù Long, Lương Xá (Vị Lương) thuộc tổng Đông Triều (sau đổi thành Đông Mặc). Còn các địa danh khác của đất xã Nam Phong như Ngô Xá thuộc tổng Bách Tính, Vạn Diệp lại thuộc tổng Đông Phù huyện Thượng Nguyên. Khi huyện Thượng Nguyên nhập vào Mỹ Lộc thì các xã này đều thuộc huyện Mỹ Lộc.

Có tư liệu viết: Vạn Diệp nguyên có tên là trang Vạn Kiếp. Để phân biệt với thái ấp Vạn Kiếp của Trần Hưng Đạo nên mới đổi trang Vạn Kiếp này thành Vạn Diệp, gần làng Vạn Diệp Vua Minh Tông còn mở ấp Ngô Xá, hiện ở đây có đền Đông Hải Đại vương (Đức Ông, Đức Vua) thờ các vị tổ nhà Trần.

Chùa Vạn Diệp có tên Trùng Khánh, trong chùa có đôi câu đối:

“Đông A đế trụ lưu phương chúc
Trùng Khánh danh lam quảng phúc môn”

Tạm dịch:

Lưu dấu thơm các vua Trần thuở trước.

Rộng cửa phúc chùa Trùng Khánh danh lam

Trên quả chuông chùa đúc năm Thành Thái 13 (1901) có dòng chữ: “Trùng Khánh tự Đông A sáng thủy” (chùa Trùng

Khánh lập từ thời Trần).

Hội làng trước đây hàng năm được tổ chức vào ngày rằm tháng ba âm lịch. Kiệu thánh được rước từ đền Đông Hải Đại vương vượt qua sông Đào sang thành Vị Hoàng, về sau chỉ rước đến chùa Trùng Khánh rồi quay trở về đền. Trong lễ hội, sau nghi thức dâng hương tế lễ thì tổ chức các trò chơi dân gian. Tại xã còn có chùa Vị Lương (Long Khánh tự), xây dựng từ thời Lý, đình Vạn Diệp, đình Vị Lương, đền Cả, đền Tam Phủ đã có cách nay 200 - 300 năm. Đền và chùa Vạn Diệp (đền Cả) thờ các vị tổ nhà Trần “Bát vị Thần hoàng”. Đặc biệt ở đền còn thờ danh nhân Hoàng giáp, Tiến sĩ Trần Quốc Khang được Vua Lê Thánh Tông bổ chức “Độc vận Đô lương”, Đô tướng giúp Vua đánh bại quân giặc Chiêm Thành.

Cách mạng tháng Tám thành công, Phong Lộc, Vị Lương cùng Ván Khẩu lập liên xã; Long Giang, Vạn Diệp, Ngô Xá lập một liên xã.

Sau bầu cử Hội đồng nhân dân tháng 3-1946 tách các liên xã, đưa Ván Khẩu của liên xã Long Giang về xã mới là Mỹ Đông, còn Phong Lộc, Vị Lương, Vạn Diệp cùng Đồng Phù, Vô Hoạn của liên xã Cộng Hoà lập xã mới Mỹ Lộc.

Tháng 3-1953 để tổ chức lực lượng kháng chiến trong giai đoạn mới, các xã khu D của Mỹ Lộc (các xã ở Nam sông Đào trong đó có xã Mỹ Lộc) chuyển trực thuộc huyện Nam Trực. Từ đó xã Mỹ Lộc đổi tên thành xã Nam Mỹ. Sau Cải cách ruộng đất (1956) tách xã Nam Mỹ thành xã Nam Phong và Nam Mỹ. Xã Nam Mỹ gồm Đồng Phù và Vô Hoạn, còn Nam Phong gồm Phong Lộc, Vị Lương, Vạn Diệp, Ngô Xá, Phù Long (Tả Hà).

Cuối tháng 6-1969 hợp nhất 2 xã Nam Phong và Nam Mỹ thành xã Phong Mỹ. Tháng 3-1971 lại tách Phong Mỹ để tái lập 2 xã Nam Mỹ và Nam Phong. Năm 1997 tách Nam Phong khỏi huyện Nam Trực nhập về làm xã ngoại thành của thành phố Nam Định, với 5 thôn, 19 xóm, 1 tổ dân phố (Đò Quan I).

Đến năm 2005, sau khi tách thôn Phong Lộc Tây (năm

2004) lập phường Cửa Nam, diện tích đất của xã còn 617,94 héc ta, dân số hơn 8.500 người. Diện tích canh tác còn 413,2 héc ta (giảm 209,9 héc ta so với năm 2001). Tuy là xã thuần nông nhưng nông dân đã chuyển phần lớn diện tích sang trồng hoa, cây cảnh để tăng giá trị thu nhập. Trên địa bàn xã có Trường Trung học Thủy lợi, Trường Cao đẳng Xây dựng và Trường Đào tạo lái xe của Quân khu III, Trường Công đoàn tỉnh.

23- Phường Cửa Nam

Ngày 9-1-2004, Chính phủ ra Quyết định số 17/2004/NĐ-CP thành lập phường Cửa Nam của thành phố Nam Định gồm thôn Phong Lộc Tây, thôn Ván Khẩu, khu Thủy Cơ, phố Đò Quan. Phường Cửa Nam là một địa danh hành chính được tách ra từ đất xã Nam Phong, có diện tích 177,6 héc ta, dân số 5.931 người ở 15 tổ dân (thời điểm tháng 4-2009).

Thôn Phong Lộc (Tây) xưa là một xóm Bái thuộc làng Năng Tĩnh, (lân Bái - xóm Bái, có đò Bái). Tương truyền dân ở đây làm bún tiến vua xin lập làng, được vua chấp nhận và ban cho cái tên “Phong Lộc”, lại thấy sợi bún nhỏ, trắng, thơm ngon, vua đặt tên là “Long tu bính”(nghĩa bún râu rồng). Nơi đây có các công trình tôn giáo như chùa Phong Lộc (Phổ quang tự) xây vào thời Lê (cách nay 500 năm), còn nhiều bia đá, 2 chuông cổ. Do hư hại nặng, chùa đã được trùng tu nhiều lần. Gần đây nhất, năm 1993 và 2006 dân đã góp tiền công đức xây dựng lại toàn bộ khu chùa tạo nên công trình khang trang lộng lẫy. Chùa Ván Khẩu (An Khánh tự) ở ngoài đê sông Đào xây từ đời Lê Anh Tông (1556 -1573), hiện còn giữ được Cờ hiệu vua tặng năm 1558. Chùa cũng được tu sửa nhiều lần, năm 2000 dân góp tiền xây lại theo kiểu chùa Một Cột. Trong chùa có thờ Phật và đức Phật hoàng Trần Nhân Tông. Đình Phong Lộc (còn gọi đền thiêng) thờ Triệu Việt vương hoàng đế.

Nay ở phường có hơn 70 hộ gia đình làm nghề bún với

công nghệ mới, có hơn 100 hộ sản xuất hàng thủ công và kinh doanh dịch vụ. Ngoài diện tích cây lúa 2 vụ, đã có hơn 55 héc ta đất ruộng và vườn trồng cây cảnh cho giá trị thu nhập cao.

24- Xã Nam Vân

Nam Vân là xã chuyên từ huyện Nam Trực về thành xã ngoại thành cùng thời điểm với xã Nam Phong. Xã Nam Vân gồm các làng cổ Địch Lễ, Đông Vân, Thượng Hữu và Ván Khẩu. Năm 2004, thôn Ván Khẩu được tách ra nhập thành phường Cửa Nam. Năm 1999 địa dư của xã rộng 645 héc ta đến năm 2000 còn 608,4 héc ta, dân số 7.035 người, 1.802 hộ (mật độ dân số 1.155 người/1 km², thấp nhất thành phố).

Là quê hương có truyền thống yêu nước và cách mạng, nhiều người con xã Nam Vân đã kiên cường trí dũng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đã trở thành những cán bộ lãnh đạo ưu tú của Đảng, của Nhà nước trong thế kỷ XX như ba anh em họ Phan là Phan Đình Khải (Lê Đức Thọ), Phan Đình Đồng (Mai Chí Thọ), Phan Đình Dinh (Đình Đức Thiện).

Trước năm 1945 bốn làng này thuộc tổng Vô Hoạn, huyện Mỹ Lộc. Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công lập Ủy ban chính quyền cách mạng lâm thời xã, mỗi làng là một xã (nhất thôn nhất xã).

Sau ngày bầu cử hội đồng nhân dân tháng 3-1946, Ván Khẩu hợp với Phong Lộc và Vị Lương (Lương Xá) lập thành xã **Long Giang**. Địch Lễ hợp với Đông Phù và Vô Hoạn thành xã **Cộng Hoà**. Đông Vân hợp với Thượng Hữu thành xã **Đông Hữu**. Chuẩn bị kháng chiến toàn quốc, huyện Mỹ Lộc chia thành 4 khu A, B, C, Đ thì các xã nằm ở phía Nam sông Đào đã lập thành một khu được gọi là khu Đ. Khi Mỹ Lộc hợp nhất với thành phố Nam Định thành huyện Thành Mỹ, thì cũng hợp nhất Ủy ban kháng chiến với Ủy ban hành chính thành Ủy ban Kháng chiến hành chính khi ấy có thêm khu E. Năm 1948 giải thể các xã nhỏ lập các xã lớn. Đông Vân, Thượng Hữu (xã Đông Hữu) cùng Địch Lễ (tách khỏi xã Cộng Hoà) nhập với

Vấn Khâu (tách khỏi xã Long Giang) hợp lại thành xã mới lấy tên là **Mỹ Đồng**. Năm 1949 tách Thành Mỹ tái lập huyện Mỹ Lộc và thành phố Nam Định, xã Mỹ Đồng thuộc khu Đ - huyện Mỹ Lộc. Năm 1953 để tiện cho việc chỉ đạo cuộc kháng chiến đã cắt 3 huyện Mỹ Lộc, Vụ Bản, Ý Yên sang tỉnh Hà Nam, giao khu Đ của Mỹ Lộc (có xã Mỹ Đồng) về huyện Nam Trực. Từ đó xã Mỹ Đồng trở thành một xã thuộc sự lãnh đạo quản lý của Ủy ban Kháng chiến hành chính huyện Nam Trực. Mỹ Đồng được đổi tên thành xã Nam Vân và xã mang tên Nam Vân cho đến hiện nay. Từ năm 1998 đến nay Nam Vân đã có biến chuyển tốt về phát triển kinh tế - xã hội. Trong xã có 46 hộ sản xuất thủ công nghiệp với các ngành cơ khí, đồ gỗ, nhựa, may, giả da... có 92 hộ kinh doanh thương mại.

Xưa đất Nam Vân thuộc tổng Đồng Phù, trên mảnh đất xã Nam Vân có nhiều di tích lịch sử văn hoá như chùa Bồ Đề (Vân Trung tự), chùa Ba Xã (Vân Sơn tự), đình làng Địch Lễ thờ tướng công Đoàn Thượng (thời Lý). Theo thần tích của Đình thì bà Hoàng Phi của Vua Lý Nhân Tông là người làng này.

Làng Thượng Hữu, khảo sát thân phủ đình làng Thượng Hữu (đình Lèo) thờ Cao Mang Thủy tào tướng quân Đại vương thời Hùng Vương thì thấy làng Thượng Hữu có tên nôm là làng Lèo. Theo Thần tích ghi: Vào thời Hùng Vương có ông Cao Đức người xã Đại Bái (Ý Yên) kết duyên với bà Nguyễn Thị Hoan người cùng xã. Trong một ngày mùa hạ trời nóng nực, bà ra sông Thiên Phái tắm chợt thấy có 4 quả trứng nổi lên mặt nước trôi đến bên mình. Bà vớt xem, trứng vỡ ra dây khắp người, toả hương thơm phức. Bà hoảng sợ chạy về nhà, từ đó mang thai. Sau 15 tháng, đến giờ Ngọ ngày Bẩy, tháng Giêng, năm Giáp Dần thì sinh ra 4 nam tử khôi ngô tuấn tú. Cao Công đặt tên các con là Cao Mang, Cao Giang, Cao Khê, Cao Cục. Lớn lên 4 chàng trai to khoẻ hơn người, có tài sông nước. Tiếng đồn đến tai Vua Hùng Duệ Vương, Vua Hùng cho gọi anh em nhà họ Cao vào triều thử tài, thấy họ đều trí dũng siêu quần, bèn phong cho chức Thủy tào tướng quân. Gặp khi có giặc xâm

phạm nước Văn Lang, 4 anh em nhà họ Cao theo Tản Viên chia nhau ra biên ải. Cao Mang chỉ huy quân thủy xuôi dòng sông Hồng đón đánh quân của Hồ Tôn tử Ma Linh vượt biển tiến vào cửa Thần Dầu (Thần Phù). Gặp lúc trời giông tố dây lèo thuyền chiến bị đứt mất khá nhiều. Khi ấy gần nơi đoàn thuyền neo đậu có 3 chòm nhà dân gần bờ sông đã bện dây lèo cho đoàn thuyền. Sau ngày chiến thắng, tướng Cao Mang trở lại thăm nơi dân đã bện giúp dây lèo, ngài thấy nơi đất đai rộng rãi, bèn cấp tiền của trợ giúp cho dân khai khẩn đất đai, dựng nhà lập ấp. Để ghi nhớ công của 3 chòm nhà dân giúp bện dây lèo, ông đặt tên cho nơi này là “Ba Lèo” chữ là Tam Liêu, dân gọi trật Ba Lèo thành Ba Xã.

Khi hay tin Hùng Duệ Vương truyền ngôi cho Thục Phán, Cao Mang than rằng: Hùng gia thiên hạ đã về tay Thục Phán anh em ta còn sống làm gì. Nói xong cả 4 ông đều hoá vào giữa trưa ngày Rằm tháng Ba. Hay tin này, dân Ba Lèo (Tam Liêu) và Đại Bái (Ý Yên) rước tôn hiệu tướng quân Cao Mang về lập đền thờ tôn làm Dương cảnh Phúc thần. Trong đền còn lưu truyền câu đối:

Giang Thượng noãn phù dị sự, thánh mẫu nhất bào sinh tứ tướng.

Thuyền biên sách đoạn tuyên ngôn nhân dân lập ấp hoá Tam Liêu.

Tạm dịch:

Trúng nổi trên sông sự lạ, mẹ thánh một lần sinh bốn tướng.

Đứt dây chèo thuyền chuyện xưa, nhân dân lập ấp gọi Ba Liêu.

Khi làng dựng chùa đặt tên là Vân Sơn tự thì dân làng cũng gọi là chùa Ba Xã. Ngôi chùa này khá to đẹp bề thế. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, theo lệnh tiêu thổ kháng chiến, dân ta đã chất đầy rơm rạ đốt huỷ ngôi chùa để giặc Pháp không thể sử dụng làm đồn bốt. Nay trên đất chùa xưa đã dựng thành trung tâm cai nghiện, chỉ còn lại duy nhất một kỷ vật là quả

chuông chùa bị cháy đen hiện được treo trong ngôi chùa đã được dựng lại vào năm 2007.

25- Xã Lộc Hoà

Lộc Hoà là một xã ngoại thành Nam Định nằm ở cửa ngõ phía Tây - Tây Bắc trên Quốc lộ 21 vào thành phố. Phía Bắc Lộc Hoà giáp xã Mỹ Hưng và Mỹ Thắng; phía Đông Bắc giáp xã Lộc Vượng; phía Đông giáp phường Cửa Bắc; phía Nam giáp phường Trường Thi và xã Mỹ Xá; phía Tây giáp xã Mỹ Thành. Địa hình toàn xã trước đây là đồng chiêm trũng.

Xã Lộc Hoà thời trước là các làng thôn thuộc các tổng khác nhau như Đặng Xá, Như Thức, Mỹ Trọng hợp lại.

Lương Xá, Man thuộc tổng Đặng Xá (đất huyện Thượng Nguyên xưa); Phú Ốc thuộc tổng Như Thức; Tiểu Tức, An Trạch thuộc tổng Mỹ Trọng (Mỹ Lộc).

Năm 1947 khi Mỹ Lộc hợp với thành phố lập thành huyện Thành Mỹ để chuẩn bị kháng chiến thì Thành Mỹ chia thành 5 khu. Các làng An Trạch, Tiểu Tức, Phú Ốc, Lương Xá, Man nhập vào một khu lập phòng tuyến trên trục Đường 21, các xã này nằm trong khu B của Thành Mỹ.

Ban đầu Lộc Hoà thuộc Thành Mỹ. Sau khi tách Thành Mỹ thì xã Lộc Hoà thuộc Mỹ Lộc. 1950 Lộc Hoà về ngoại thành Nam Định. Năm 1951 xã Lộc Hoà giải thể đưa thôn Phú Ốc nhập về xã Lộc Vượng. Còn Lương Xá, Man, Tiểu Tức, An Trạch nhập về xã Mỹ Xá. Đến Cải cách ruộng đất 1956 thì xã Lộc Hoà được tái lập gồm các thôn Phú Ốc, Lương Xá, Man, Tiểu Tức, An Trạch như thời đầu cách mạng. Từ đó Lộc Hoà là một xã thuộc ngoại thành thành phố Nam Định. Năm 1994, diện tích đất 11,2 km² (chiều rộng nhất 4,5 km, chỗ hẹp nhất 2,5 km). Dân số trong xã, năm 1945 chỉ khoảng 4.000 người, 600 hộ, đến năm 1995 đã tăng lên thành 2.609 hộ với 9.756 người. Số người theo đạo Thiên chúa tới 20% dân số, nhưng số di cư vào Nam (1954) tới 40%, nay số giáo dân chỉ còn khoảng 10% dân số trong xã và tập trung ở thôn Phú Ốc, số ít ở Tiểu

Tức.

Trên địa bàn xã Lộc Hoà xưa có cánh đồng Rinh, khu vườn Hồng (sau chùa Nha) là điền trang thái ấp của một vị đại quan thời Lý. Từ xưa, dân Lộc Hoà ngoài việc canh nông còn làm nghề chài lưới, làm hàng nan (Lương Xá), làm gạch (làng Man), hàng thiếc (Phú Ốc), buôn đồng nát (thôn An Trạch). Nay còn phản ánh lại qua ca dao:

An Trạch làm giỏi nghề may
Lương Xá đan lát khéo tay đầu bằng
Gò tôn Phú Ốc nhíp nhàng

Thôn Man làm gạch rộn ràng sớm hôm...

Nghề may quần áo, nghề gò tôn phát triển từ khi Pháp đô hộ. Có một số người làm nghề này đã lập cửa hàng, cửa hiệu tại thành phố Nam Định. Nghề đan lát vật dụng trong gia đình chủ yếu bằng nan tre là mặt hàng tự cung, tự cấp.

Cơ sở tôn giáo trên địa bàn có chùa Ôn, đình Gianh (Tiểu Tức), chùa Rọp (An Trạch), đình Thượng (Phú Ốc) thờ Thần làng là Đoàn Thương... Nhà thờ công giáo Phú Ốc xây dựng năm 1922, ngày 13-1-1968 bị bom Mỹ làm đổ sập, năm 1993 đã xây dựng lại, sau khi tôn tạo, nhà thờ này to đẹp hơn xưa.

Trong thập niên đầu của thế kỷ XXI này, trong xu thế phát triển và hội nhập, địa dư thành phố mở rộng thêm nhiều. Riêng xã Lộc Hoà đã lấy ra hơn 120 héc ta cho các dự án xây dựng đô thị (bao gồm đất thuộc 1.599 lượt hộ nông dân). Số diện tích đất giảm nhiều nhất thuộc các thôn Tiểu Tức, An Trạch và Lương Xá. Một số hộ dân được cấp đất tái định cư ở gần trục đường, mặt phố đã chuyển hướng sang hoạt động kinh doanh dịch vụ. Đến nay đã có hơn 350 hộ sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ. Chợ Cầu Ốc trên diện tích đất 3.000 m² đã được xây, sửa lại đáp ứng nhu cầu mua bán rau xanh, thực phẩm tươi sống đối với nhân dân địa phương.

Thái ấp của Thái sư Trần Quang Khải - xã Mỹ Thành

Đất làng Cao Đài, xã Mỹ Thành vào thời Trần là thái ấp Độc Lập của Chiêu Minh vương Trần Quang Khải và Phụng Dương công chúa, sau thành thôn Độc Lập, rồi xã Cao Đường vào thời Hậu Lê, Cao Đài vào thời Nguyễn. Đất phía Đông xã Mỹ Thành là khu vực của 9 quận công thời Lê Trung Hưng nay là các làng Dị Sử, Đa Mễ, Động Phán, Cư Nhân, An Cỗ.

Từ nửa cuối thế kỷ XIII, tên làng là thôn Độc Lập (địa danh này được khắc trên bia mộ bà Phụng Dương công chúa). Thôn Độc Lập thuộc huyện Thượng Hiền (vì kiêng tên húy Nguyễn Hiền nên mới đổi thành huyện Thượng Nguyên). Thời Lê Sơ, niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466) thôn Độc Lập thuộc huyện Thượng Nguyên. Làng Cao Đài ngày nay còn một quả chuông đồng đúc năm Quang Toản thứ 3 (1794) có dòng chữ Hán “Độc Lập tự chung” - chuông chùa Độc lập là một minh chứng cho địa danh Độc Lập.

Qua một số thư tịch cổ thì địa danh Cao Đường xuất hiện vào thời Hậu Lê. Sang nhà Nguyễn vào triều Vua Minh Mệnh thứ 2 (1821) lại thấy xuất hiện địa danh làng Cao Đường trong một đạo sắc phong của nhà Nguyễn ở tổng Cao Đường, huyện Thượng Nguyên, trấn Nam Định. Còn trong dân gian truyền tụng rằng:

Tam tỉnh, thất chằm Cao Đường địa

Tứ Giang, bát lộ Sơn Nam trấn.

(Nghĩa là ở trấn Sơn Nam đất (địa danh) Cao Đường có 3 cái giếng, 7 cái gò đất cao cùng với 4 con sông và 8 con đường).

Trong các tài liệu địa chí như “Các trấn, tổng, xã danh bị lãm”, “Đồng Khánh dư địa chí”... đều kê biên tên các xã Cao Đường thuộc tổng Cao Đường, huyện Thượng Nguyên (tổng Cao Đường có 14 xã, thôn). Triều Vua Đồng Khánh thứ 2 (1887) tên làng Cao Đường mới đổi là làng Cao Đài, theo đó tổng Cao Đường thành tổng Cao Đài (huyện Thượng Nguyên, tỉnh Nam Định). Năm Thành Thái thứ nhất (1889), một số tổng - xã thuộc huyện Thượng Nguyên sáp nhập vào huyện

Mỹ Lộc, thì làng Cao Đài từ đây thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (không còn địa danh Thượng Nguyên).

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Cao Đài hợp với làng Lê Xá, làng Tiểu Liêm thành liên xã Lê Cao Liêm của huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Làng Cao Đài hiện nay có 7 xóm: Xóm 1 có tên cũ gọi là Thị Thôn, xóm 2 tên cũ gọi là Trung Thôn, xóm 3 cũ gọi Miếu Thôn, xóm 4, xóm 5 cũ gọi là Đông Thôn, còn xóm 6, xóm 7 được lập ra là do dân ở Thị Thôn và Trung Thôn di tới cư trú khi ấy xóm 7 có tên là Trại Nhất.

Trước đây Thị Thôn có một ngôi đình gọi là đình Thị Thôn thờ Cao Mang Đại vương. Trung Thôn và Miếu Thôn có ngôi đình ở phía Tây Nam gọi là đình thôn Trung. Đông Thôn có ngôi đình ở phía Đông Nam gọi là đình Đông Lạt thờ Linh Lang Đại vương. Ba ngôi đình này đều là dấu tích các trạm gác trong thái ấp của Trần Quang Khải để bảo vệ ruộng vườn và canh phòng.

Theo truyền thuyết dân gian và dựa vào các cổ tích sưu tầm được thì làng Cao Đài xưa nằm trong vùng thái ấp nhà Trần Quang Khải, trong thái ấp có nhiều công trình kiến trúc to đẹp nhưng đã bị thời gian huỷ hoại. Sau này nhân dân địa phương đã dựa vào dấu tích lịch sử để đặt tên làng là Cao Đường (có sảnh đường cao) sau do kỵ húy chữ “Đường” phải đổi tên làng thành Cao Đài (có lâu đài cao). Hiện nay trong đình làng Cao Đài thờ Thái sư Trần Quang Khải và công chúa Phụng Dương có bức đại tự trạm nổi ba chữ Hán “Hữu Cao Đài” sơn son thếp vàng treo trang trọng ở gian chính giữa đình làng. Phải chăng bức đại tự này là để ghi nhớ những công trình kiến trúc tiêu biểu trong phủ đệ của Thái sư Trần Quang Khải xưa.

Trong dân gian nhiều người còn nhớ bài thơ ngợi ca cảnh đẹp của thái ấp và sự hoành tráng của dinh thự trong thái ấp như sau:

Phiên âm:

“Dã thự sơ khai cảnh tượng tân

Phân phi đào lý từ thời xuân
Nhất thanh ngư địch thanh lâu nguyệt
Kí phiến nông thôi bích lũng vân...”

Tạm dịch:

Trại mới lập ra cảnh thật vui
Dường dà đào mạn bốn mùa tươi
Lầu cao trăng biếc vi vu sáo
Mây phủ đồng chiêm áng mây trôi

Khu vực phía Đông của xã Mỹ Thành là di tích 9 quận công thời Lê - Trịnh (thế kỷ XVI - XVII). Tiêu biểu là Công thần Quận công Lê Châu, ông đỗ đầu kỳ thi võ triều Vua Lê Thần Tông (1653 - 1657), giữ chức Tham tri giám sự trong phủ chúa. Do có công lao dẹp giặc cứu nước được vua ban thưởng Ngọc hoàn khuê và Chế văn bằng vóc, trực ngà. Nội dung Chế văn có đoạn viết:

“Trời sinh hào kiệt có tài cho vương nghiệp
Vi bầy tôi quả cảm nên sức mạnh phi thường
Ra tay gìn giữ đất trời đương đầu sức hổ
Chẳng ngại xông pha tên đạn
Phá thành vây giặc, khí tiết đáng khen.
Coi dạy trong triều theo luật pháp nhà vua...”

Khi ông mất (1672) được vua ban sắc truy phong, nội dung như sau: “Đặc tiến cử phụ quốc Thượng tướng quân, Trung quân phủ, Đô đốc phủ, Đô đốc đồng trí Lập Quận công, Thượng trụ quốc, Thượng trật Lê Châu”. Và được xây lăng miếu tại quê nhà (làng Dị Sứ, tổng Cao Đường, huyện Thượng Nguyên).

Quận công Lê Châu còn được nhà vua ban thưởng hàng trăm mẫu ruộng, đất ở các làng Ô Mễ, Đa Cáo, làng Cỏ, Dị Sứ, làng Sộp (thuộc tổng Cao Đường, huyện Thượng Nguyên). Dân cư các làng trên được mang quốc tịch nhà vua, đổi từ họ Đặng sang họ Lê, mỗi làng đều có một nhà thờ họ Lê. Tộc tổ chung là Lê Tuấn Vinh thân phụ Quận công Lê Châu. Làng Dị Sứ có nhà thờ chính. Dân cư các làng trên thời Lê Trung Hưng còn thừa thớt, sau càng ngày càng đông đúc và vẫn giữ được

truyền thống dòng họ tới ngày nay.

Riêng về tên làng đến thời Nguyễn thế kỷ XIX có một số biến đổi. Làng Ô Mễ và Đa Cảo vì dân cư ít nên sáp nhập lại thành làng Đa Mễ, làng Cỏ gọi là An Cỏ, làng Sộp gọi là trang Động Phần. Chỉ có làng Dị Sử, Cư Nhân, Trung Quyên vẫn giữ nguyên như cũ, đều thuộc tổng Cao Đường (thế kỷ XVIII) và tổng Cao Đài (thế kỷ XIX).

Năm 2004, làng Trung Quyên tách khỏi xã Mỹ Thành, sáp nhập vào thị trấn huyện Mỹ Lộc và từ đây (năm 2004) xã Mỹ Thành chỉ còn 6 làng.

Trong lịch sử bảo vệ và xây dựng đất nước, Mỹ Thành là một xã độc nhất của huyện Mỹ Lộc có hai khu di tích lớn ở hai thời kỳ lịch sử. Thế kỷ XIII là căn cứ dự bị chống Nguyên - Mông nằm trong khu thái ấp nhà Trần ở Cao Đài. Thế kỷ XVI - XVII là nơi ẩn náu của quý tộc thời Lê Trung Hưng ở khu di tích Quận công Lê Châu. Thế kỷ XX là căn cứ du kích chống Pháp của huyện và tỉnh (1945 - 1954) được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Địa danh Ngũ Trang và xã Mỹ Tân

Vào đầu Triều Nguyễn trong “Các trấn tổng xã danh bị lãm” ghi huyện Mỹ Lộc có 7 tổng, trong đó có tổng Ngũ Trang. Gọi là Ngũ Trang bởi tổng này gồm 5 trang ấp (nghĩa là tổng này không có làng cổ nào được gọi là xã). Năm trang ấp ấy là Ô Ý Thượng trang, Ô Ý Trung trang, Kim Hưng trang, Hàn Miếu Ngoại trang, Đệ Tứ Ngoại trang. Thời Minh Mệnh khi cải cách hành chính phân định lại một số địa danh, địa giới từ các xứ, trấn, phủ, huyện đến tổng, xã thì Ô Ý Thượng trang đổi thành Tường Loan Thượng trang, Ô Ý Trung trang thành Tường Loan Trung trang. Thời Tự Đức đổi Kim Hưng trang thành Duyên Hưng trang (kiêng húy Nguyễn Kim). Đến thời Vua Thành Thái lại cắt Đệ Tứ Ngoại trang về tổng Đệ Nhất.

Về nguồn gốc thì người xưa truyền rằng đây là vùng đất “Ba trại” gồm Thượng trại, Trung trại, Hạ trại. Đó là 3 trại

nuôi vịt đàn ngoài đồng, do ông Phủ Quốc lập ra các trại vịt này (nay ở đây vẫn còn đền thờ ông Phủ Quốc). Theo truyền thuyết thì ông Phủ Quốc người miền trên (nay thuộc tỉnh Hà Nam) đến đất ven sông Hồng dựng lều nuôi vịt. Hàng ngày, sáng ông lùa vịt ra bãi, tối đuổi vịt về trong đồng ở vùng gò cao dân gọi là Cồn Vịt (nay là khu vực Xí nghiệp Bánh mì Ba Lan và Bia Na Da). Dần dà ông Phủ Quốc đưa cả gia đình ra bãi ở để chăn nuôi vịt. Ông lập nên 3 trại vịt cho 3 con trai. Dân chúng gọi đây là vùng 3 trại, trại vịt, trại gà nên mới có tên là Ô Ý. Ông chia cho người con cả ở phía trên gọi là trại Thượng (Ô Ý Thượng trang), con thứ ở tiếp theo là trại Trung (Ô Ý Trung trang), con út thì ở trại cuối là Trại Hạ. Thời ấy dân làng Kim Hưng thấy đất cuối bãi ven sông màu mỡ đã ra khai phá, sau dựng nhà cửa định cư lập thành trại, thế là trại Hạ thành trang Kim Hưng. Sau Ô Ý Thượng trang đổi thành Tường Loan Thượng trang, Ô Ý Trung trang thành Tường Loan Trung trang, còn Kim Hưng trang đổi thành Duyên Hưng trang. Dân Hàn Miếu cũng ra bãi bồi ven sông lập ra Hàn Miếu Ngoại trang.

Đất Tân Đệ nguyên trước là một bãi nổi phù sa (đất con bon trên dòng sông Hồng). Ban đầu bãi này thuộc quyền sở hữu của ông Cử Chương, sau nước sông chuyển dòng, phù sa bồi dần, bãi bồi liền vào bờ thành bãi bồi lớn ven đê nên anh em nhà họ Nguyễn là Nguyễn Đình Đặng và em là Nguyễn Đình Dĩnh ra bãi trồng cây hoa màu, người anh ở phía ngoài, người em ở phía trong. Cây cối hoa màu tươi tốt, dân làng Đệ Tứ thấy thế cũng ra bãi cây trồng, cấy trại sinh sống. Người mỗi ngày một đông, họ chung tiền nhau mua lại quyền sử dụng đất của ông Cử Chương. Phần đông họ đều là dân làng Đệ Tứ ra đây, nên kê khai địa bạ thành Đệ Tứ Ngoại trang. Sau rồi họ nhập Đệ Tứ Ngoại trang vào tổng Đệ Nhất. Vì thế tổng Ngũ Trang sang đầu thế kỷ XX chỉ còn 4 trang (kê biên trong các sách tỉnh chí, huyện chí).

Xóm Liên Hà có nguồn gốc từ cung Ngoại Trang. Dân làng

cung Đệ Nhất còn ra khai khẩn đất cuối bãi ven sông để làm ăn sinh sống, lâu dần thành trại, ấp và đặt tên là cung Ngoại Trang. Tuy vậy, đất bãi màu này cũng không nhiều, nên họ đã làm nghề sông nước nhiều hơn như chài lưới, hay chuyên chở thuyền bè, cũng vì thế mà cung Ngoại Trang có tên là Vạn Hà. Thời Minh Mệnh đào kênh, đất phía Bắc dòng kênh này gọi là Hữu Hà, đất phía Nam gọi là Tả Hà.

Xã Mỹ Tân hiện là 1 trong 10 xã của huyện Mỹ Lộc. Trước năm 1945 đất này chủ yếu là đất tổng Ngũ Trang và một phần làng Phù Long của tổng Đông Mạc, với xóm Vạn Hà, Đệ Tứ Ngoại trang của tổng Đệ Nhất.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, đất Ngũ Trang đã lập các xã là Thượng Trang, Trung Trang, Hưng Phụ Long, Tân Đệ. Ngay sau tháng 3-1946, các xã nhỏ sáp nhập lại thành xã lớn, đất Ngũ Trang hình thành 2 xã là Phú Lộc và Tân Hưng.

Xã Phú Lộc gồm Thượng Trang (Tường Loan Thượng - Ô Ý Thượng trang) và Trung Trang (Tường Loan Trung - Ô Ý Trung trang).

Xã Tân Hưng gồm Duyên Hưng Trang (cả đất Hạ Trang), Hưng Long (Hưng Phụ Long), cung Ngoại Trang (Vạn Hà), Hàn Miếu Ngoại cùng với Tân Đệ (Đệ Tứ Ngoại trang).

Tháng 2 năm 1948 hai xã Phú Lộc và Tân Hưng hợp nhất thành xã Lộc Tân. Đến năm 1949, theo sự chỉ đạo của trên lấy chữ “Mỹ đặt lên đầu tên của xã đổi tên xã Lộc Tân thành xã Mỹ Tân. Địa danh Mỹ Tân xuất hiện từ đó.

Sau khi hoà bình (7-1954) lập lại đến năm 1967, xã Mỹ Tân vẫn thuộc huyện Mỹ Lộc. Theo Quyết định 76-CP ngày 13-6-1967 của Hội đồng Chính phủ, xã Mỹ Tân cùng các xã của huyện Mỹ Lộc sáp nhập vào thành phố Nam Định.

Ngày 16-2-1997, Chính phủ ra Quyết định số 19-CP tái lập huyện Mỹ Lộc, xã Mỹ Tân đã tách khỏi thành phố trở về thuộc huyện Mỹ Lộc.

Nay xã Mỹ Tân không còn các trang ấp nữa mà chia thành

các xóm Nghĩa Hưng, Nghĩa Trang (xưa là đất Thượng Trang), Đoàn Kết, Liên Minh, Bình Dân (xưa là đất Trung Trang), Hồng Phong, Hồng Phú, Hồng Phúc, Hưng Long, Cộng Hoà (xưa là đất Hạ Trại và Duyên Hưng trang), Tân Đệ, Liên Hà (xưa là đất Đệ Tứ Ngoại trang), Vạn Hà và một phần Phù Long (xưa thuộc tổng Đông Mặc). Nay Mỹ Tân còn có một xóm ở ngoài đê là xóm Tân Lập. Xóm này trước cải cách ruộng đất vẫn thuộc địa danh hành chính của huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sau mới nhập sang xã Mỹ Tân - thành phố Nam Định.

PHỤ LỤC

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN CÁC PHỐ XƯA CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

TT	Phố trong Tân biên Nam Định địa dư chí <i>(Khiếu Năng Tĩnh-1914)</i>	Tên phố theo bản đồ vẽ năm 1924	Tên phố hiện nay (năm 2010)
1	Tự Đức (nổi Paul Bert - Hà Nội)	Tự Đức	Trần Bình Trọng
2	Đồng Khánh (Hàng Thao)	Đồng Khánh	Hàng Thao
3	Nguyễn Hữu Độ (ngõ Hàng Kẹo)	Nguyễn Hữu Độ	Ngõ chợ Diên Hồng
4	Hà Nội (đền Giếng)	Hà Nội	Hoàng Văn Thụ
5	Bắc Ninh (Hàng Thùng, Hàng Giấy, Hàng Hành, Hàng Cầm)	Bắc Ninh	Bắc Ninh
6	Ninh Bình (cạnh nhà thờ Gia Tô)	Ninh Bình	Ninh Bình
7	Tuyên Quang		(chợ) Hoàng Ngân
8	Lao Kay (ngõ Rờ)	Lao Kay	Hoàng Hữu Nam
9	Hung Yên (đường Hung Yên)	Hung Yên	Hung Yên
10	Gia Định		Cù Chính Lan
11	Phù Lý (Voi Phục)	Phù Lý	Vị Hoàng
12	Vị Xuyên (Hàng Cói Vị Xuyên)	Vị Xuyên	Vị Xuyên
13	Khoái Đồng (đường nhà thờ Khoái Đồng)	Khoái Đồng	Lê Hồng Phong
14	Năng Tĩnh (phố Chợ Năng Tĩnh)	Marché Năng Tĩnh	Chợ Năng Tĩnh
15	Phù Long (Vườn Dâu)	Phù Long	Phù Long
16	Móng Cáy (Hai Cơ)	Móng Cáy	Lý Thường Kiệt
17	Phúc Châu (Cửa Nam đi Cửa Tây)	Route d' Angleterre	Hàng Thao mới
18	Đại Pháp (Hàng Vải Màn, Hàng Rượu, Hàng Thiếc, Hàng Đàn)	France	Hai Bà Trưng
19	Francis garnier	Francis garnier	Máy Tơ
20	Bảo Hộ (Hàng Nâu, Hàng Bát, Hàng Mâm, Hàng Song)	Protectorat	Minh Khai
21	Paul Bert (Bờ Hồ)	Paul Bert	Trần Hưng Đạo

22	Carreau (Cửa Đông)	Carreau	Lê Hồng Phong
23	Lamothe (Đò Quan)	Quai Lamothe	Trần Nhân Tông
24	Formose (Cửa Trường)	Formose	Cửa Trường
25	Pari (Hàng Nồi)	Pari	Nguyễn Thiện Thuật
26	Harmand (Bến Thóc)	Harmand	Bến Thóc
27	Champaux (Bến Củi)	Champaux	Ngô Quyền
28	Richaud (Cửa Nam)	Richaud	Tô Hiệu
29	Lôi Điện (ngõ Hàng Tiện sang đường Goòng)		ngõ Quang trung
30	Chasselaup (Hanh Tụ - ngõ Huyện)	Chasseloup laubat	Mạc Thị Bưởi
31	Phúc Đường (Đường ra ga)	Maréchal Joffre	Phan Bội Châu
32	Văn Nhân (ngõ Văn Nhân)	Ruelle des Lettres	Ngõ Văn Nhân
33	Hàng Đồng	Rue du Cuivre	Hàng Đồng
34	Hàng Sắt	Rue du Fer	Hàng Sắt
35	Hàng Sũ (phố bán áo quan)	Rue des Cercucils	Phan Đình Phùng
36	Bến Gỗ (Hoa Kỳ - Bờ sông Đò Chè)	Rue des Etats -Unis	Bến Ngự
37	Phố Khách (Hoa kiều)	Maréchal Foch	Hoàng Văn Thụ
38	Công Thổ (Đồng An - Lò Lợn)	Cumession	Đồng An
39	Jules Ferry (Hàng Cau)	Jules Ferry	Hàng Cau
40	H. Rivière (Hàng Tiện)	Henri. Rivière	Hàng Tiện, Hàng Cáp
		Julet Norel	Máy Chai
	(Đường Cột Cờ)	Mirador	Đường Cột Cờ
	(Đường Cột Cờ - Tân Trào)	Rue Fourès	(Tân Trào- Cột Cờ)
		L Hôpital	Hà Huy Tập
		Avenue Lémenceau	Đường Trần Phú
		Brière de L' Isle	Trần Quốc Toản

BẢNG TỔNG HỢP
DÂN SỐ, DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
(tính đến ngày 31-12-2010)

TT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (<i>km²</i>)	Dân số trung bình (<i>người</i>)	Ghi chú
I	Khu vực nội thành	18,2249	212.746	
1	Hạ Long	0,5903	16.258	
2	Trần Tế Xương	0,7427	14.196	
3	Vị Hoàng	0,6345	7.830	
4	Vị Xuyên	0,5198	11.052	
5	Quang Trung	0,2982	10.790	
6	Cửa Bắc	0,6432	14.624	
7	Nguyễn Du	0,2059	7.100	
8	Bà Triệu	0,2683	7.271	
9	Trường Thi	0,6810	14.147	
10	Phan Đình Phùng	0,3860	8.498	
11	Ngô Quyền	0,3560	5.363	
12	Trần Hưng Đạo	0,3594	6.355	
13	Trần Đăng Ninh	0,4553	9.923	
14	Năng Tĩnh	0,7929	12.603	
15	Văn Miếu	0,4340	11.990	
16	Trần Quang Khải	0,9215	8,989	
17	Thống Nhất	0,6856	8.340	
18	Lộc Hạ	3,3647	14.753	
19	Lộc Vượng	4,4765	16.344	
20	Cửa Nam	1,4091	6.320	
II	Khu vực ngoại thành	28,2132	48.711	
1	Lộc Hoà	6,4423	9.262	
2	Nam Phong	6,5958	8.251	
3	Mỹ Xá	6,2024	18.543	
4	Lộc An	3,3247	6.517	
5	Nam Vân	5,6480	6.138	
III	Tổng cộng	46,4381	261.457	

MỘT SỐ ĐỊA DANH TIÊU BIỂU ở thành phố Nam Định

TRỤ SỞ TỈNH ỦY VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Suốt thời kỳ đấu tranh cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp (1929 - 1954), cơ quan lãnh đạo của tỉnh không có địa điểm chính thức, công khai. Ban Tỉnh uỷ lâm thời, sau này là Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh thường xuyên di chuyển nơi làm việc, khi thì ở nội thành, khi thì phân tán ở vùng nông thôn dựa vào nhà dân hoặc tại các đình, chùa khuất vắng. Sau ngày hợp nhất tỉnh Nam Định và thành phố Nam Định thành một đơn vị hành chính (ngày 03-9-1957), các cơ quan của tỉnh từ Xuân Trường chuyển về thành phố Nam Định. Từ đây thành phố thực sự là lỵ sở, là trung tâm kinh tế - văn hoá và chính trị của tỉnh.

* Tỉnh uỷ

Khi mới chuyển về thành phố, hơn hai năm đầu (1957 - 1959) Văn phòng và các ban của Tỉnh uỷ làm việc tại Nhà Đoan (nhà thuế quan của chính quyền Pháp, ở phía hữu đường Trần Hưng Đạo gần bờ sông Đào); Thường trực Tỉnh uỷ ở ngôi nhà hai tầng gần ngã tư đường Trần Phú - Phạm Hồng Thái (nay là trụ sở Tỉnh hội Phụ nữ).

Từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1965, cơ quan Tỉnh uỷ lại chuyển đến làm việc tại khu nhà của một chủ tư bản Pháp để lại ở góc phía tả ngã tư đường Lê Hồng Phong - Trần Tế Xương (sau này là Nhà Khách Tỉnh uỷ, rồi chuyển thành Sơn Nam Hotel) gồm 3 căn nhà hai tầng mái ngói, một số nhà một tầng đều mái ngói, cửa kính chớp khá lộng lẫy, hài hoà kiểu cách biệt thự). Đồng thời tỉnh chỉ đạo cho xây khu nhà ba tầng kiên cố hiện đại ở gần kết nước đường Phạm Hồng Thái, mặt trước hướng ra Quảng trường Hoà Bình (sau này chuyển giao làm trụ sở Thành uỷ Nam Định).

Đầu năm 1965, Tỉnh uỷ được Trường Trung cấp Kiến trúc nhượng lại cơ sở của nhà trường tại số 38 đường Mạc Thị Bưởi, thì cũng là thời điểm các cơ quan trên địa bàn thành phố phải sơ tán để đảm bảo an toàn khi chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc. Hiện trạng kiến trúc trên khu đất diện tích 23.670 m², có 4 căn nhà 2 tầng, 1 căn 3 tầng đều lợp ngói, tường chịu lực, trần vôi rơm và 19 căn nhà 1 tầng mái ngói làm nơi ở, làm việc các cơ quan chức năng khác. Trong đó có một hội trường 250 ghế ngồi và một hội trường 120 ghế ngồi (nơi họp Tỉnh uỷ). Tỉnh uỷ tiếp nhận cơ sở mới nhưng hầu hết các cơ quan phải sơ tán lên các xã phía Nam huyện Lý Nhân (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Bộ phận ở lại trụ sở mới của cơ quan Tỉnh uỷ (gồm có đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Văn phòng Tỉnh uỷ, 2 chuyên viên tổng hợp, một nhân viên đánh máy kiêm hành chính tạp vụ, một nhóm nhân viên bưu điện có ba người). Tại đây đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ trực tiếp chỉ đạo các cơ quan, đơn vị ở lại thành phố làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ thành phố khi máy bay Mỹ vào đánh phá.

Để đảm bảo an toàn cho cơ quan Tỉnh uỷ “bám trụ” thành phố trong suốt những năm chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, ngay quý II-1965, bộ đội công binh của Tỉnh đội (nay là Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) đã xây dựng xong một “căn hầm chỉ huy” của Tỉnh uỷ tại góc phía Đông Bắc, kê gian đầu hồi khu nhà 2 tầng trong cùng trụ sở Tỉnh uỷ. Căn hầm rộng 26m² (6,5 x 4,5 mét) ngăn làm 3 ô chức năng: Ô đặt máy thông tin bộ đàm, ô đặt máy chữ và ô rộng kê bộ bàn ghế nhỏ làm nơi họp lãnh đạo, độ sâu dưới mặt đất 3,5 mét; vách ngăn xung quanh và giữa các ô là các tấm thép dày 25 mm, phía trên là lớp bê tông dày 20 cm, đất đá hộc đắp cao 3,5 x 8,5 x 6,5 mét khá vững chắc và nhìn như “một quả đồi nhỏ”. Lên xuống hầm có 3 cửa hình chữ chi (Z), từng bậc xây gạch và có lỗ thông hơi đường kính 25 cm (một cửa lên đường hào đi sang sở chỉ huy của Tỉnh đội (cách gần 70 mét về hướng Tây Bắc). Hầm chỉ

huy có 3 nguồn điện cung cấp, có lương thực, thực phẩm, nước uống dự trữ đủ dùng cho 7 người trong 15 ngày)⁽¹⁰⁹⁾. Tại căn hầm chỉ huy này đã diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng của lãnh đạo tỉnh, của chỉ huy lực lượng chiến đấu bảo vệ Thành Nam qua hai lần chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1972). Căn hầm chỉ huy của Tỉnh uỷ đã đi vào kỷ niệm, trở thành huyền thoại đối với số đông cán bộ cơ quan Tỉnh uỷ đương thời và nó tồn tại cho đến cuối năm 2000, khi phải phá bỏ để làm sân trước của toà nhà 5 tầng mới xây dựng⁽¹¹⁰⁾. Đầu năm 1973, cơ quan của Tỉnh uỷ từ nơi sơ tán trở về thành phố và chính thức đóng trụ sở tại địa điểm số 38 Mạc Thị Bưởi, công chéch hướng Tây Nam, nhìn thẳng ra đường Quang Trung.

Sau khi thành lập tỉnh Hà Nam Ninh, để đáp ứng điều kiện làm việc mới, Tỉnh uỷ cho xây thêm một nhà tiếp khách 1 tầng mái ngói (năm 1977) và đến năm 1984 đổ mái bằng bê tông, trát tường “xi măng đá rửa”, gọi là “nhà G”, nối vuông góc với nhà K hai tầng, là nơi làm việc của Thường trực Tỉnh uỷ và Phòng họp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Năm 1981, Tỉnh uỷ cho xây mới nhà hội trường Tỉnh uỷ một tầng, mái ngói, trần cốt ép, ở khu vườn phía Đông (sau 2 căn nhà 2 tầng, nơi làm việc của Thường trực và bộ phận biên tập của Văn phòng Tỉnh uỷ).

Suốt vài chục năm, trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, cơ quan Tỉnh uỷ có được khuôn viên rộng, kiến trúc nhà cửa khá bề thế (tuy chưa có quy mô gọn, hợp lý), cảnh quan thoáng, đẹp (có bể cảnh, cây cảnh, hoa trái xum xuê) như hiện hữu thì cũng là ít có ở nhiều tỉnh trong cả nước.

Cùng với xu thế đô thị hoá, cách tân hoá trụ sở cơ quan hành chính sự nghiệp các cấp, sau khi tái lập tỉnh Nam Định (1997), cuối năm 1998 lãnh đạo tỉnh quyết định xây mới hai

(109) Theo lời kể của cụ Trần Văn Soạn (84 tuổi), nguyên là Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Nam Hà, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh.

(110) Có thể do ở vị trí “nghiêm mật” nên căn hầm chỉ huy của Tỉnh uỷ và Tỉnh đội không được ghi danh là “Di tích lịch sử”.

khu nhà làm việc của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh. Cả hai ngôi nhà đều có kiến trúc 5 tầng và một tầng hầm, có hình thể hoành tráng, hiện đại, mái chóp bê tông gắn ngói mũi. Tổng diện tích sàn 4.225 m², 98 phòng làm việc và chức năng, có hội trường 250 ghế ngồi, phòng khánh tiết và các phòng chức năng, các phương tiện, thiết bị làm việc và sinh hoạt có giá trị, đồng bộ (tổng giá trị đầu tư 18,059 tỷ đồng giá hiện hành). Nhà làm việc mới của Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh hoàn thành vào tháng 11-2001, mặt tiền đều quay về hướng Đông - chệch Bắc (ngược với hướng cũ ở đường Mạc Thị Bưởi) đồng thời cho mở một đoạn đường mới để làm công ra vào, đặt tên là đường Vị Hoàng.

Trong khu vực Tỉnh uỷ, các nhà một tầng (cấp 4) đều phá bỏ, hai nhà 2 tầng ở phía Đông (cùng căn nhà chỉ huy) cũng được san phẳng để làm sân trước; đến nay chỉ còn giữ lại căn nhà 3 tầng (mặt tiền hướng ra đường Mạc Thị Bưởi), hai căn nhà 2 tầng nằm song song phía sau 2 đầu hồi nhà 3 tầng, nơi làm việc của 2 đảng uỷ (khối Các cơ quan tỉnh và khối Doanh nghiệp) và các chức năng khác (nhà công vụ, nhà ở Cảnh sát Bảo vệ và Cơ yếu, Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ). Cả 3 ngôi nhà này đều được cải tạo, nâng cấp vững chắc, hiện đại góp phần tạo được cảnh quan tổng thể khang trang, thoáng, đẹp.

Uỷ ban nhân dân tỉnh

Khi chuyển về thành phố, từ 1958 - 1962 Uỷ ban hành chính tỉnh đặt trụ sở tại toà Chánh Công sứ Pháp (còn gọi toà Đốc lý), ở phía Nam đường Trần Phú (khu vực vườn cảnh hiện nay). Có toà nhà 2 tầng, cửa hướng Đông, phía trước có bể nước tròn, đắp 3 con rồng bằng xi măng tạo cảnh quan phun nước sinh động.

Từ năm 1963 đến đầu 1965, Uỷ ban tỉnh chuyển đến làm việc tại khu nhà Sở Khoa học - Công nghệ hiện nay ở đường Trần Tế Xương (gồm 2 căn nhà 2 tầng hướng Tây và một số

nhà 1 tầng phía sau, đều lợp ngói); đồng thời một bộ phận của Văn phòng Ủy ban thì làm việc tại khu nhà ở bãi dâu phía Bắc đường Hàn Thuyên (sau này là Khách sạn Giao Tế và hiện nay giao cho Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định⁽¹¹¹⁾).

Thời kỳ đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại, đánh phá miền Bắc (1965 - 1972), Ủy ban hành chính tỉnh sơ tán về xã Nhân Bình (huyện Lý Nhân).

Đầu năm 1973, Ủy ban tỉnh chuyển về khu nhà số 40 đường Mạc Thị Bưởi. Địa bàn này nguyên là Huyện đường huyện Mỹ Lộc từ thời thuộc Pháp. Sau khi giải phóng thành phố Nam Định, từ 1957 Tỉnh đội Nam Định sử dụng khu này làm trụ sở; đồng thời huy động lực lượng bộ đội địa phương đào khu ruộng trũng (trồng rau muống) ở phía Đông lấy đất đắp cao, mở rộng khuôn viên và xây dựng căn hầm chỉ huy sở, có đường hào nối thông với hầm chỉ huy của Tỉnh uỷ. Năm 1960 tỉnh cũng cho đào đất ở đây đắp thành sân bóng đá chùa Cuối và tạo thành hồ (thường gọi là hồ Bãi Ban). Năm 2002, trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành đưa vào sử dụng, quay về phía đường mới mở (đặt tên đường Vị Hoàng), hướng Đông Bắc và hồ Bãi Ban được gọi là hồ Vị Hoàng. Ngôi nhà 3 tầng cũ và nhà tiếp khách của Ủy ban nhân dân tỉnh được cải tạo, nâng cấp thành Nhà khách tỉnh Nam Định (sân và cổng vẫn hướng Tây - Tây Nam phía đường Mạc Thị Bưởi).

TRỤ SỞ THÀNH ỦY, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

* Thành uỷ

Những năm mới giải phóng thành phố, Thành uỷ làm việc tại địa điểm (dinh Tổng đốc xưa) sau này là Bệnh viện E, phía tả đường Trần Quốc Toản. Đến năm 1963, tỉnh giao cho Thành uỷ Nam Định khu nhà 3 tầng mới xây ở đường Phạm Hồng Thái (mặt trước hướng ra Quảng trường Hoà Bình, hướng

(111) Theo lời kể của cụ Trần Gia Mô (89 tuổi), nguyên uỷ viên Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh.

Tây) để làm trụ sở làm việc. Khi cuộc chiến tranh phá hoại xảy ra ở miền Bắc, Thành uỷ đi sơ tán, chỉ còn một bộ phận phục vụ Thường trực Thành uỷ chỉ đạo chiến đấu ở lại tại địa điểm phía tả phố Quang Trung (sau này là cơ sở của Công ty In). Tại đây có hầm chỉ huy khá kiên cố (gọi là hầm chỉ huy A1), giúp cho Thành uỷ trụ vững chỉ đạo nhiệm vụ chiến đấu ở nội thành.

Đầu năm 1973 cơ quan Thành uỷ trở về làm việc tại trụ sở (nhà 3 tầng) đường Phạm Hồng Thái. Đến đầu năm 1991, trong xu thế mở rộng hoạt động kinh tế đối với cơ quan khối Đảng, Thành uỷ thành lập một xí nghiệp may (sau này là Công ty May sông Hồng) và giao lại toàn bộ khu trụ sở này làm nơi sản xuất kinh doanh cho công ty (năm 2003, Công ty May sông Hồng chuyển đến cơ sở mới thì lại chuyển giao nơi này cho Phòng Giáo dục - Đào tạo và chuyển đến làm việc tại Nhà Khách của Uỷ ban nhân dân thành phố (Khách sạn sông Đào) tại số nhà 150 phố Trần Đăng Ninh.

Tại đây, năm 2003, Thành uỷ xây dựng trụ sở thành toà nhà 5 tầng và tầng trệt, trên diện tích đất 1.200 m², với quy mô hoành tráng, thiết bị đồng bộ hiện đại, kết cấu kiến trúc kiên cố, đường nét trang trí đẹp.

*** Trụ sở Uỷ ban nhân dân thành phố**

Sau khi thành phố được giải phóng, Uỷ ban Quân chính thành phố (nay là Uỷ ban nhân dân) sử dụng ngôi nhà 2 tầng ở góc Đông Nam ngã tư đường Trần Đăng Ninh - Hà Huy Tập làm trụ sở. Ngôi nhà này trước đó là nhà thương tư nhân từ thời thuộc Pháp để lại, kiến trúc 2 tầng, mái ngói, cửa kính chớp theo phong cách châu Âu. Năm 1978, Uỷ ban nhân dân thành phố xây thêm một nhà hội trường 250 ghế ngồi, 1 tầng, mái ngói, trần cốt ép, chạy song song và cách nhà 2 tầng gần 10 mét. Năm 1997 lại xây một nhà 2 tầng mái bê tông ở phía Đông sân trước (áp tường với Sở Y tế và vuông góc với nhà 2 tầng cũ). Tầng 2 của căn nhà là hội trường 250 ghế ngồi.

Sau khi chuyển khu tập thể ngành Điện đi nơi khác, khu đất

trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố được mở rộng thêm về phía sau; với tổng diện tích là 6.000 m². Để đáp ứng nhu cầu đưa một số phòng, ban chức năng về làm việc tập trung tại trụ sở, Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng mới một toà nhà 5 tầng, song song và liền kề với nhà 2 tầng (trước đó đã được cải tạo, nâng cấp khá đồng bộ), trên nền nhà hội trường cũ đã dỡ bỏ. Phía sau khu nhà này còn một khoảng sân khá rộng.

*** Ngân hàng Nhà nước tỉnh**

Thời thuộc Pháp, trên khu đất mom góc Đông Nam thành cổ Nam Định đã dựng khu nhà Ngân khố nhỏ. Sau đó lại phá đi xây thành Kho bạc, năm 1923 lập hồ xây nhà băng là 1 trong 3 nhà băng lớn nhất là Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Công trình kiến trúc gồm một toà nhà 5 tầng kiểu châu Âu lộng lẫy và hai nhà 3 tầng ở phía sau, trên khu đất 7.027 m², phía hữu (Tây) đường Trần Hưng Đạo. Đây là một trong số các công trình được xây dựng sớm, có cảnh quan và kiến trúc đẹp nhất thành phố Nam Định. Nhưng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ngay tại khu vực nhà băng này và ngã tư Cửa Đông (phố Trần Hưng Đạo - Lê Hồng Phong, Trần Phú) đã từng diễn ra nhiều trận đánh quyết liệt, cam go và lực lượng vũ trang cách mạng đã lập được nhiều chiến công lớn. Khi không quân Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, nhiều cơ sở, nhiều khu nhà ở Thành Nam bị bom đạn phá sập, khu nhà Băng vẫn lừng lững toạ lạc, không bị lún sụt, tuy chỉ bị bong tróc chút ít ở tường, ở mái. Cuối những năm 1990, khi hệ thống ngân hàng hình thành các ngân hàng thương mại, khu trụ sở nhà Băng xưa lại được xây thêm 1 số căn nhà 2 tầng, 3 tầng làm nơi giao dịch cho Ngân hàng Đầu tư - Phát triển, Ngân hàng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn. Cho đến nay, khu trụ sở này vừa có kiến trúc cổ kính, lại hoành tráng hiện đại là một trong những “điểm nhấn” về cảnh quan văn hoá ở Thành Nam.

*** Nhà máy cấp nước sạch**

Khu đất ở bờ hữu (phía Bắc) sông Đào giáp đê, hướng Đông thành phố; từ năm 1913 một chủ tư bản người Pháp tên Duy Phong (vợ là người Việt) đã xây dựng một nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu (dân quen gọi là Nhà máy Đèn). Đến năm 1918 nhà máy hoàn thành có hơn 100 công nhân làm việc. Nguồn điện với công suất hạn chế, chỉ đủ cung cấp cho một số công sở, một số chủ tư bản người Pháp ở vài tuyến đường phố chính. Năm 1946, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, Nhà máy Điện bị phá huỷ.

Năm 1923, tiểu chủ người Pháp tên là Dốp (zoffe) xây dựng Nhà máy Nước sạch ở phía Đông Nhà máy Đèn có công suất 5.000 m³/ngày đêm, đến năm 1928 thì hoàn thành. Cầu bơm nước từ ngoài sông Đào dẫn vào nhà máy được xây dựng thành một nhà nổi. Trên mặt cầu bơm (khung bê tông) lát gỗ theo chiều ngang rộng 5 mét có nhà 2 tầng, tầng trên bán hàng giải khát, đánh bóng bàn, đánh bạc, nhảy đầm, dưới để thuyền bơi thể thao (gọi nhà thuyền) là điểm vui chơi hấp dẫn. Năm 1946 Nhà máy Nước cũng bị phá huỷ để tiêu thổ kháng chiến.

Năm 1956 được Liên xô (sau này là Cộng hoà Liên bang Nga) giúp đỡ khôi phục lại Nhà máy Nước sạch trên nền đất cũ, công suất 6.000 m³/ngày đêm (do Trần Việt Sửu làm Giám đốc) phía tả đường Cù Chính Lan. Ngày 20 và 22-7-1972, nhiều tốp máy bay Mỹ ném bom, bắn phá khu vực Nhà máy Nước và Nhà máy Đồ hộp, gây hư hại nặng. Năm 1989, được Chính phủ Cộng hoà Pháp hỗ trợ, dự án cải tạo nâng cấp Nhà máy Nước Nam Định được triển khai theo 3 giai đoạn: Năm 2003 đã hoàn thành giai đoạn 2, công suất đạt hơn 50.000 m³, cấp đủ nước dùng cho 24 vạn dân. Năm 2008 đã hoàn thành giai đoạn 3 của dự án, công suất nhà máy đạt tới 75.000 m³.

Năm 1962, trên nền Nhà máy Đèn đã bị phá bỏ, tỉnh đã cho xây dựng Nhà máy Đồ hộp hoa quả (thường gọi là Nhà máy Đồ hộp) công suất 10.000 hộp/năm, với trên 300 công nhân lao động. Năm 1989, để triển khai dự án mở rộng Nhà máy Nước,

Nhà máy Đồ hộp di dời ra vùng đất Cồn Vịt (phía Bắc đường Thái Bình).

Thực hiện lộ trình sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, đến năm 2008 nhà máy được đổi tên là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Nam Định với tổng diện tích đất quản lý là 23.749 m² (gọi tắt là Công ty TNHH Cấp nước sạch) do ông Nguyễn Ngọc Đạt làm Chủ tịch hội đồng quản trị. Công ty đảm nhiệm sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt cho trên 90% số hộ dân thuộc thành phố, với hệ thống ống dẫn nước (các loại cấp I và cấp II) dài 250 km.

*** Nhà máy Xay và Tổng kho Lương thực**

Trên khu đất góc phía tả (phía Đông) đầu phố Bến Ngự, gần sát đường Bờ Sông là Nhà máy Rượu, kho dầu và xay sát gạo Hồng Gai từ thời thuộc Pháp. Tại đây, cuối năm 1957 Chi sở Lương thực tỉnh (sau khi sáp nhập tỉnh và thành phố) đã tiến hành xây dựng Tổng kho Lương thực và Nhà máy Xay làm cơ sở tích trữ, chế biến lương thực của tỉnh. Với diện tích đất gần 5 héc ta, nhiều dãy nhà kho (một tầng, mái ngói) được xây mới, cùng với các phương tiện bảo quản, vận chuyển thóc gạo được đầu tư, đảm bảo khả năng tàng trữ cất giữ hàng chục vạn tấn lương thực.

Nhà máy Xay Nam Định⁽¹¹²⁾ hoàn thành xây dựng vào cuối năm 1958 với toà nhà 5 tầng đồ sộ, vững chắc, máy móc thiết bị nhập từ nước ngoài và là một trong số ít nhà máy xay lớn ở miền Bắc. Khi đó, Nhà máy có 3 phân xưởng:

- Xay sát (gạo, ngô, mì), công suất 180 tấn/ngày.
- Xưởng ép dầu và thức ăn gia súc.
- Xưởng điện và đội vận tải thủy.

Khi chiến tranh phá hoại xảy ra, cuối năm 1965 nhà máy đưa một số máy xát nhỏ về các huyện phía Nam tỉnh để chế biến gạo tại chỗ. Số lao động còn lại “bám trụ” ở nhà máy, cử người vào trung đội tự vệ thường trực chiến đấu (có 2 khẩu

(112) Theo *kỷ yếu ngành lương thực* do Phạm Trung Bình - nguyên là Giám đốc Công ty Lương thực Hà Nam Ninh (viết năm 2010).

súng máy 12,7 li ở trên nóc toà nhà), đã tham gia nhiều trận đánh máy bay Mỹ vào bán phá thành phố. Trong điều kiện khó khăn gian khổ, vừa sản xuất vừa chiến đấu, năm 1967 bình quân sản xuất một tháng đạt 1.826 tấn gạo, 22,12 tấn thức ăn gia súc và 116,2 kg dầu cám mỗi ngày.

Kết quả sản xuất từ năm 1966 - 1971 đã đạt 132.461 tấn gạo, 257 tấn dầu cám, 1.455 tấn thức ăn gia súc, góp phần đáng kể vào việc đảm bảo đời sống cho bộ đội và cán bộ, công nhân viên chức ở địa phương.

Bước vào thời kỳ đổi mới kinh tế, năm 1987, Nhà máy Xây thuộc tỉnh quản lý, tuy có tổ chức lại sản xuất, mở rộng liên doanh liên kết (có thời kỳ sản xuất cả bia hơi giải khát)... nhưng đến năm 1991 thì thu hẹp dần, hoạt động cầm chừng, nhiều công nhân phải chuyển đổi việc do cơ chế quản lý yếu kém, hiệu quả thấp. Đồng thời khi cơ chế bao cấp, cung cấp lương thực không còn độc quyền, Ty- Sở Lương thực chuyển thành công ty (kinh doanh) trực thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc thì khu Tổng kho Lương thực Bến Ngự cũng từng bước chuyển đổi (chủ thể sử dụng và mục đích).

*** Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định**

Nhận thấy lợi thế phát triển ngành dệt - sợi ở Nam Định, từ một phân xưởng kéo sợi thủ công nhỏ bé của chủ tư sản người Hoa (năm 1889), sau khi hùn vốn kinh doanh với cơ sở này, một số tư bản Pháp trong Công ty Bông - Vải - Sợi Bắc Kỳ đã độc chiếm quyền quản lý sản xuất và mở rộng quy mô sản xuất với tốc độ khá nhanh. Tại góc phía Tây Nam Thành Nam xưa (thuộc đất làng Năng Tĩnh) năm 1890, chúng mới xây dựng Xưởng Sợi A và Xưởng Cơ khí. Sau khi san tường, lấp hào “Thành cổ”, tại khu vực này đã xây dựng lên Nhà máy Sợi có quy mô lớn và 1 nhà máy điện vào loại lớn nhất Đông Dương (những năm 1931-1932). Đây là thời kỳ nhà máy phát triển mạnh nhất. Năm 1939 nhà máy có 3 nhà dệt, 3 nhà sợi, 1 xưởng nhuộm, 1 xưởng chần, 1 xưởng cơ khí, với 1.400 máy dệt, 280

máy kéo sợi (máy con), 106.036 cọc sợi, 49 máy dệt chần. Năm 1940 tổng vốn tới 100 triệu Frãng (năm 1890 mới có 1,6 triệu Frãng). Đầu những năm 1930 quy mô nhà máy tiếp tục mở rộng về phía Bắc - Tây Bắc, từ phía hữu đường Trần Phú đến đường Trần Đăng Ninh ngày nay. Đến năm 1941 tổng diện tích thuộc Nhà máy Sợi Nam Định đã tới 339.581 m².

Đồng thời với sự mở rộng quy mô, phát triển sản xuất và thu lợi nhuận lớn, một phần để phô trương thanh thế, một phần để khích lệ, cuốn hút giới công nhân trẻ gắn bó với nhà máy, giới chủ Nhà máy Sợi Nam Định đã tổ chức các hoạt động thể thao mang tính “thời thượng châu Âu” như quyền anh, cử tạ, bóng đá... Do vậy mà năm 1935 - 1936, đội bóng đá Cô-tông-canh (Cotonkin), võ sĩ quyền anh của Nam Định đã có danh tiếng thứ hạng ở toàn cõi Đông Dương. Đó chính là tiền đề, tạo nguồn cho phong trào thể thao thành phố Nam Định nói riêng và tỉnh Nam Định nói chung phát triển cho đến ngày nay.

Cuộc Kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp bùng nổ, phần do bị tiêu huỷ kháng chiến, phần vì bom đạn trong chiến sự gây hư hại, máy móc thiết bị của Nhà máy Sợi bị tàn phá nhiều. Hầu hết công nhân lại sơ tán khỏi thành phố, về vùng nông thôn nên lực lượng lao động của nhà máy còn lại không đáng kể. Từ năm 1948 - 1953, chủ Nhà máy Sợi đã nhiều lần chiêu dụ, lại kết hợp với chính quyền tay sai ép buộc thợ dệt phải về thành phố và đến nhà máy làm việc, nhưng kết quả công nhân trở lại không nhiều. Trong bối cảnh như vậy, nên sản xuất ở Nhà máy Dệt khi ấy không đều, là sự cầm chừng, giảm sút về nhiều mặt.

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất được thực hiện tích cực. Trong điều kiện thiết bị máy móc ở Nhà máy Sợi hư hỏng và thiếu nhiều (một phần do chủ nhà máy tháo dỡ mang theo vào Miền Nam), nhưng việc sửa chữa, khắc phục được tiến hành nhanh chóng. Đến cuối tháng 12-1955 về cơ bản Nhà máy Sợi đã hoạt động trở lại, 785 công nhân được tuyển

vào làm việc. Thực hiện Quyết định của Chính phủ (tháng 10-1955), Nhà máy Sợi Nam Định sáp nhập thêm Nhà máy Tơ và đổi tên thành Nhà máy Dệt Nam Định.

Bước vào những năm đầu thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Nhà máy Dệt Nam Định được trang bị thêm nhiều máy móc thiết bị mới, hiện đại của Ba Lan, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức. Quy mô sản xuất được mở rộng (trở lại khu phía hữu đường Trần Phú, khi Quân khu bộ Quân khu III chuyển đi nơi khác), nhà máy lập thêm một số xưởng, xí nghiệp mới (Lò hơi Ba Lan, Nhà máy Nhuộm...). Năm 1962, Xưởng Tơ tách ra thành một nhà máy độc lập lấy tên là Nhà máy Dệt lụa Nam Định. Nhà máy Dệt lại sáp nhập Nhà máy Điện và đổi tên Nhà máy Dệt thành Nhà máy Liên hợp Dệt, các xưởng Sợi, Dệt, Chăn, Cơ khí được nâng lên thành nhà máy thành viên. Năm 1964, số cán bộ, công nhân lao động ở đây lên tới hơn 14.000 người, trong đó có số công nhân kỹ thuật và kỹ sư chiếm tỷ lệ cao. Khi ấy Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định là cơ sở dệt lớn nhất miền Bắc.

Đế quốc Mỹ “leo thang” đánh phá miền Bắc, thành phố Nam Định là một trọng điểm phá hoại của giặc. Nhằm đảm bảo an toàn, từ năm 1965 - 1972, các nhà máy, xí nghiệp phải phân tán, sơ tán đi nhiều nơi, xa trung tâm thành phố. Liên hợp Dệt Nam Định được chia thành 10 cơ sở, mỗi cơ sở là một nhà máy độc lập gọi là các “B” chuyển đi 8 tỉnh: Hà Nam, Thái Bình, Hoà Bình, Hà Bắc, Vĩnh Phúc, Lạng Sơn. Chỉ có Dệt Nam Định “B2” ở lại thành phố với 4.610 người và 1/3 tổng số thiết bị máy móc, nhưng cũng phải dần mỏng ra nhiều địa điểm. Với khẩu hiệu “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”... đội ngũ công nhân Nhà máy Dệt ở lại thành phố “vừa đội bom mà sản xuất”, vừa tham gia lực lượng tự vệ chiến đấu và phục vụ chiến đấu với máy bay giặc Mỹ. Năm 1965 nhà máy có 2 tiểu đoàn tự vệ, đến năm 1972 phát triển thành 1 trung đoàn, gồm 3.000 người, sử dụng cả pháo cao xạ 57 li, 100 li. Qua hai lần đánh phá thành phố Nam

Định, máy bay Mỹ đã đánh phá thành phố 528 lượt mục tiêu với hơn 1.230 tấn bom đạn thì Nhà máy Liên hợp Dệt cũng là “một điểm lửa” bị bom đạn cày xới, có chỗ đến mức huỷ diệt (22% thiết bị máy móc và 70% nhà xưởng bị phá huỷ, 197 người bị thương và 151 cán bộ, công nhân viên hy sinh).

Trong điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ và ác liệt, nhà máy vẫn cố gắng vượt qua duy trì sản xuất, có sản phẩm phục vụ kịp thời nhu cầu về vải của nhân dân trong tỉnh, ngoài tỉnh và phục vụ quốc phòng. Sản phẩm xuất khẩu năm 1965 ở mức 7,779 triệu mét vải, 74.000 tấm chăn thì năm 1975 đạt tới 8,227 triệu mét vải, sản lượng vải thành phẩm năm 1970 đạt 34,447 triệu mét. Lực lượng tự vệ nhà máy tham gia phục vụ chiến đấu và chiến đấu nhiều trận. Đặc biệt, ngày 22-7-1972, Đại đội pháo phòng không 100 li của tự vệ nhà máy (trận địa làng Vị Dương) bắn rơi tại chỗ một máy bay F4, bắt sống giặc lái Mỹ.

Từ năm 1975 - 1980, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhà máy Liên hợp Dệt bước vào thời kỳ phát triển mới khá sôi động, đồng bộ. Nhiều đơn vị, xí nghiệp trong Nhà máy liên hợp lần lượt được thành lập. Các xí nghiệp may, xây lắp, nhà ăn tập thể thành Xí nghiệp Ăn uống, Xí nghiệp Vận tải và Tổng kho được xây dựng (ở phía hữu đường Nguyễn Văn Trỗi hiện nay)... Số cán bộ công nhân lao động tăng thêm nhiều (thời điểm cao nhất lên tới gần 18.000 người). Giá trị sản xuất và khối lượng sản phẩm hàng hoá của Liên hợp liên tục tăng cao, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế và nguồn ngân sách của tỉnh. Vài năm sau khi thống nhất, nhiều cán bộ, công nhân kỹ thuật của Liên hợp Dệt Nam Định được Bộ Công nghiệp khi ấy điều đi làm chuyên gia, làm nòng cốt để xây dựng các nhà máy dệt trong các tỉnh phía Nam và cả nước.

Cũng nhờ sản xuất phát triển, quỹ phúc lợi của Liên hợp Dệt tăng nhiều, là điều kiện tốt để chăm lo nâng cao đời sống

người lao động trong đơn vị. Các khu nhà tập thể công nhân ở Văn Miếu, Năng Tĩnh, khu Mả Chối.. được đầu tư nâng cấp và xây mới. Nhà máy Liên hợp Dệt có đội bóng đá, có đội văn nghệ, có trường phổ thông cấp III (sau này là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ), có bệnh viện và tới 4 nhà trẻ các khu vực (sau này là mẫu giáo), có khách sạn khá lịch lãm... Vào những năm 1981 - 1985 kinh tế cả nước, cả tỉnh vô cùng khó khăn, đời sống xã hội nói chung thực sự vất vả, thiếu thốn. Nhưng nhìn chung cán bộ, công nhân viên chức thuộc Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định có thu nhập tiền lương ổn định, đời sống được đảm bảo. Đó là chưa kể đến những khoản người lao động được Liên hợp thưởng theo đợt theo quý bằng tiền, bằng vải, bằng hiện vật có giá trị (phích nước, quạt điện hoặc cả xe đạp - tiêu chuẩn phải được cung cấp, phân phối mới có được). Đạo ấy, cứ đến kỳ công nhân máy Dệt được nhận tiền lương, tiền thưởng thì thị trường tiêu thụ trong thành phố lại ào ạt, “nóng bỏng”.. Rồi thì biết bao chuyện ly kỳ về Nhà máy Dệt không mấy phôi phai đối với dân Thành Nam một thời. Được là người của Nhà máy Liên hợp Dệt trở nên mơ ước, lý tưởng của nhiều người cả trong và ngoài thành phố Nam Định.

Khi cả nước bước vào thực hiện công cuộc đổi mới cơ chế tập trung quan liêu bao cấp từng bước được xoá bỏ, nhiều nhà máy, xí nghiệp chưa kịp chuyển đổi, thích ứng với cơ chế mới đã lâm vào tình trạng lao đao, khôn khó phải sản xuất cầm chừng, làm ăn thua lỗ... Không ít công nhân lao động trên địa bàn thành phố phải nghỉ việc hoặc phải chuyển nghề. Rất may đối với Liên hợp Dệt là nhờ nguồn nguyên liệu, thiết bị còn dự trữ khá lớn, nên ngay cả khi Liên xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ thì ở đây vẫn duy trì sản xuất được vài năm tiếp theo, nhu cầu vải ở trong nước vẫn đòi hỏi cao (thiếu hàng nhập ngoại) nên tiêu thụ nội địa vẫn mạnh. Chỉ từ năm 1995 về sau này, khi vụ việc tham ô lãng phí ở Công ty Dệt (năm 1988 đã đổi thành Công ty) bị phát hiện và bị xử lý bằng pháp luật, đồng thời với nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản

xuất của ngành đã cạnh tranh Công ty mới thực sự lâm vào bế tắc, suy sụp nhanh chóng.

Song, Liên hợp Dệt Nam Định là cơ sở kinh tế lớn, có truyền thống cách mạng kiên cường, vẻ vang; lại có số cán bộ, công nhân viên lao động đông, nếu tính theo hộ gia đình thì liên quan đến gần 1/3 dân số thành phố, nên Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, cùng với tỉnh, thành phố và các đơn vị trong ngành đã tập trung hỗ trợ, giải quyết khó khăn bằng nhiều biện pháp, với các thời điểm, bước đi cụ thể trong nhiều năm, mới đảm bảo ổn định được tình hình. Từ năm 2005 đến nay hoạt động sản xuất kinh doanh ở đây đã đem lại hiệu quả đáng mừng.

Năm 2007 Công ty Cổ phần Dệt Nam Định đã chuyển thành Tổng công ty Cổ phần Dệt - May Nam Định. Đến nay mô hình tổ chức của đơn vị gồm có 10 công ty thành viên, 6 đơn vị hạch toán phụ thuộc và 7 phòng ban chức năng, với 4.366 cán bộ, công nhân viên chức (trong đó 3.242 là nữ) có 500 công nhân kỹ thuật (bậc 6 - 7), kỹ sư và trình độ đại học 213 người (trong đó 149 là nữ)⁽¹¹³⁾. Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khá cao: Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2011 đạt 850 tỷ đồng, tổng doanh thu (thuần) 1.055,46 tỷ đồng, sản phẩm hàng hoá khá đa dạng: vải thành phẩm 25.152.000 m², khăn thành phẩm 17,073 triệu cái, len thành phẩm 315 tấn, chăn chiên 86.000 sản phẩm... Tổng công ty đã thực hiện di dời một số đơn vị, doanh nghiệp ra khu công nghiệp Hoà Xá, đảm bảo tiến độ, an toàn.

*** Trường Thành Chung**

Trường thành lập vào năm học 1920 - 1921 (theo Nghị định số 2455 ngày 24-8-1920 của Phủ Toàn quyền Đông Dương); tuyển sinh các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình. Lớp học đầu tiên của Trường Thành Chung có 45 học trò (theo Báo Trung bắc tân văn ngày 8-10-

(113) Báo cáo của Tổng công ty Cổ phần Dệt - May Nam Định, ngày 04-5-2012.

1920). Năm học 1921 - 1922 trường có 2 lớp (năm thứ nhất và năm thứ hai), học nhờ Trường Cửa Bắc. Người thầy giáo Việt Nam từ năm học đầu tiên ở trường này là thầy Nguyễn Văn Hiếu; Hiệu trưởng là viên thanh tra người Pháp Lôretx (Laure's, sau đó là Misen (Raoul Miche).

Để chuẩn bị mở lớp năm thứ ba, Công sứ Nam Định đồng ý với đề nghị của Giám đốc Nha học chính Bắc Kỳ (theo Điện ngày 13-2-1922) cho xây dựng trường riêng tại đường Góc Ngái rộng 2.250 m² (nay là địa điểm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố).

Năm học 1923 - 1924, trường có 4 lớp và lại chuyển đến địa điểm mới ở đầu phố Bến Ngự (nay là Trường Phạm Hồng Thái) đổi tên là Trường Cao đẳng Tiều học Pháp - Việt (theo Nghị định số 2419 ngày 23-9-1924 của Toàn quyền Đông Dương).

Phong trào đấu tranh bãi khoá đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu và tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh (năm 1925 - 1926) tại Nam Định do học sinh Trường Thành Chung làm nòng cốt khởi xướng. Từ phong trào này, một số học sinh được rèn luyện, đào tạo trở thành lớp đảng viên cộng sản tiên bối và tham gia lãnh đạo cách mạng Việt Nam như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Văn Hoan, Đặng Xuân Khu, Đặng Châu Tuệ. Lớp sau này là Nguyễn Cơ Thạch (Phạm Văn Cương), Phan Đình Đống (Mai Chí Thọ), Hà Văn Lộc (Thép Mới)...

Sau năm 1935, chính quyền Pháp cho xây dựng 1 trường mới 8 lớp, đủ tiện nghi khá hiện đại, ở đầu đường Cổng Hậu (gần bến ô tô cũ, nay là Trạm Đăng kiểm phương tiện giao thông). Từ năm học 1925 - 1926, trường có 40 học sinh nữ mỗi năm. Năm học 1937 - 1938 cũng nhận thêm 1 số học sinh là con em Pháp kiều (trên địa bàn) và mỗi lớp có 5 học sinh nữ.

Khi phát xít Nhật đảo chính Pháp, chúng chiếm Trường Thành Chung (phố Cổng Hậu) làm doanh trại, trường phải chuyển về địa điểm cũ ở phố Bến Ngự.

Tháng 12-1946, trước ngày Toàn quốc kháng chiến,

trường sơ tán về Trà Bắc (Xuân Trường), đầu năm 1947 một bộ phận lớn của trường chuyển vào Yên Mô (Ninh Bình) thành trường chuyên khoa, bộ phận còn lại bám trụ trong vùng địch hậu vẫn mang tên Trường Nguyễn Khuyến... Sau khi giải phóng miền Bắc (1954), các trường cấp ba hợp nhất lại thành Trường Cấp III Liên khu III và trở về thành phố Nam Định. Với 25 năm (1920 - 1946) ra đời và phát triển, Trường Thành Chung chẳng những là cái nôi đào tạo rèn luyện nên nhiều nhà lãnh đạo cách mạng tiêu biểu, mà đồng thời đã hun đúc nên những nhân tài xuất chúng như nhà văn Nam Cao (Nguyễn Hữu Trí), Nguyễn Niêm, Nguyễn Hồng, Trần Lê Văn, nhạc sĩ Bùi Công Kỳ. Năm học 1935 - 1936 có học sinh Vũ Công Hậu đứng đầu cuộc thi học sinh giỏi toàn Đông Dương...

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, chính quyền cách mạng có khuyến khích việc mở thêm 1 số trường học, còn lại phần lớn các trường có từ thời Pháp vẫn tồn tại. Trong tổng số 29 trường phổ thông các cấp, thì hầu hết là trường tư. Các trường lớn trên địa bàn thành phố phải kể đến Trường Trương Định, Trường Lê Chân (nay là Trường Tiểu học Trần Quốc Toản), Trường Caro (nay là Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái), Trường Vườn Dâu (nay là Trường Tiểu học Trần Tế Xương), Trường Thánh Tô ma (Saint Thomas)

MỘT SỐ TRƯỜNG HỌC HIỆN NAY

1- Trường Cao đẳng Sư phạm

Tiền thân là các trường sư phạm của tỉnh đào tạo các hệ: 7+2, 7+3, 10+2, 10+3. Đầu năm 1978 được nâng cấp là Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định. Sau nhiều lần chuyển địa điểm, đến năm 1995 trường chuyển về số nhà 813 đường Trường Chinh, trên diện tích đất 30.755 m² với một ngôi nhà 4 tầng do Angiêri viện trợ xây dựng từ năm 1985, cùng một số dãy nhà cấp 4 (trước đó từ 1989 - 1994 là nơi học của Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong.

Hiện tại trường có 10 công trình kiến trúc, gồm 2 nhà học 4 tầng, hai nhà làm việc bộ môn 2 tầng, hai nhà ký túc xá sinh viên 4 tầng, một nhà hiệu bộ 3 tầng, 2 nhà làm việc và thư viện 2 tầng, nhà đa năng 1 tầng làm hội trường hơn 1.000 chỗ ngồi. mỗi năm trường tuyển 600 sinh viên vào học ở 10 bộ môn (khoa), cung cấp nguồn giáo viên chủ yếu cho các trường từ mầm non đến trung học cơ sở trong toàn tỉnh.

2- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Tiền thân là Trường Y sĩ Nam Định, được thành lập từ năm 1960, trên diện tích đất (hiện nay) 52.441,5 m², phía hữu phố Hàn Thuyên.

Năm 1965, trường đi sơ tán, sau năm 1972 trở về, cải tạo, nâng cấp nhiều công trình, đủ nơi học tập, lưu trú cho 1.200 học sinh.

Năm 1981 được nâng lên thành Trường Cao đẳng Y tế, rồi Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (năm 2004) và được nhận thêm phần đất của Khách sạn Giao Tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển quyền sử dụng đất. Hiện tại, trường có 10 ngôi nhà (từ 2 - 5 tầng), phương tiện thiết bị khá đầy đủ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu giảng dạy và học tập. Hàng năm trường tuyển trên 5.000 sinh viên trong cả nước. Đội ngũ cán bộ, giáo viên 374 người, trong đó 207 người có trình độ đại học, 47 thạc sĩ, 4 tiến sĩ.

3- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

Tiền thân là Trường Trung cấp Công nghiệp Nam Hà thành lập năm 1966 tại Lộc Hạ, diện tích đất 06 héc ta. Năm 1971 đổi tên thành Trường Giáo viên dạy nghề II, rồi Trường Sư phạm Kỹ thuật II (năm 1976) và Trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Nam Định (năm 1999) do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư nâng cấp trong nhiều năm. Đến nay nhà trường xây mới nhiều nhà cao tầng làm giảng đường, trung tâm thực hành, ký túc xá sinh

viên... trên tổng diện tích đất 52.761 m² phía tả đường Phù Nghĩa, xã Lộc An.

Ngày 05-01-2006, Thủ tướng Chính phủ có quyết định nâng thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên trong trường có 342, trong đó, người có trình độ đại học 185, thạc sĩ 115 và 14 tiến sĩ. Số sinh viên hàng năm tới hơn 11.700, trong đó hệ vừa học vừa làm có 1.102 học sinh, sinh viên.

4- Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

Tiền thân là Trường Trung cấp Kỹ thuật III, thành lập năm 1956 tại địa điểm trường Sacret Soeur Praticque ở phố Hàng Sũ (nay là phố Phan Đình Phùng) với 170 học sinh.

Năm 1960 trường chuyển về số 353 Trần Hưng Đạo hiện nay, có diện tích đất 17.438 m², với tên là Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp nhẹ. Trường được Tổng thống Secuturê, nước Cộng hoà Ghi-nê quan tâm giúp đỡ, nên một thời gian dài trường được Nhà nước cho mang tên Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp nhẹ Secuturê.

Đến năm 1965, trường chia thành 3 trường: Trường Trung cấp Kỹ thuật Dệt (tại địa điểm hiện nay), Trường Trung cấp Muối đi Đồ Sơn (Hải Phòng), Trường Trung cấp Cơ khí vật dụng đi Hà Bắc. (Từ 1971 - 1975 trường còn sáp nhập thêm Viện Dệt - Sợi). Năm 1992, Trường Công nhân kỹ thuật Dệt 8-3 (ở 456 Minh Khai, Hà Nội sáp nhập với nhà trường, kể từ đó Trường Kinh tế kỹ thuật công nghiệp nhẹ có 2 cơ sở (Nam Định và Hà Nội). Năm 1996 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp nhẹ và năm 1998 gọi là Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp I. Năm 2008 trường được nâng thành Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp.

Quá trình hơn 80 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã đào tạo được trên 70.000 cán bộ có trình độ từ công nhân kỹ thuật đến đại học cho đất nước, đặc biệt cung cấp nguồn cán

bộ kỹ thuật và quản lý chủ yếu cho ngành Dệt - May Nam Định. Đồng thời trường còn giúp đào tạo nhiều cán bộ cho nước bạn Lào...

Hiện nay trường gần 10.000 học sinh, sinh viên (các hệ đào tạo), hàng năm trên 3.400 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Đội ngũ cán bộ, giảng viên 325 người, trong đó trình độ đại học 178, thạc sĩ 133 và 7 tiến sĩ.

5- Trường Đào tạo nghề Xây dựng và Thủ công mỹ nghệ

Nguyên trước đây là trường Nghiệp vụ Kiến trúc Nam Hà, thành lập ngày 18-01-1966 tại xã Mỹ Phúc, với 36 học sinh. Năm 1967 đổi tên là Trường Công nhân kỹ thuật Xây dựng Nam Hà. Từ năm 1972 trường chuyển về xã Liêm Bảo (Vụ Bản). Đến năm 1987 mở thêm nghề đào tạo như mỹ nghệ chạm khắc gỗ, khảm trai, trường xây dựng nhiều khu nhà nằm 2 bên sông Cầu Giành.

Tháng 10-1990 trường chuyển về 116 Hàn Thuyên (vị trí của Sở Xây dựng), đổi tên là Trường Dạy nghề Xây dựng và Thủ công mỹ nghệ, diện tích đất 4.340 m², có nhiều nhà cấp 4, hội trường 250 chỗ ngồi.

Năm 2006, trường được nâng lên thành Trường Cao đẳng Xây dựng, thuộc Bộ Xây dựng quản lý và tiến hành xây dựng cơ sở mới của trường ở phía Bắc phường Lộc Vượng; có diện tích đất 40.626 m². Đội ngũ giáo viên 198 người, trong đó trình độ đại học 103, thạc sĩ 12 và 1 tiến sĩ.

6- Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong

Tiếp nối các trường bậc trung học từ trước đã có tại Nam Định và cấp III Liên khu III (từ năm 1954 - 1958), Trường cấp III Lê Hồng Phong thành lập năm 1959 ở đường Trần Tế Xương, chỉ có 2 dãy nhà lợp lá Gồi (sau này thuộc khu đất Trường Trung học cơ sở Phùng Chí Kiên).

Năm 1960, trường chuyển đến 370 đường Vị Xuyên, trên khu đất 11.608,9 m², đã có 2 ngôi nhà hai tầng sàn bê tông, mái ngói, trần vôi rôm, cửa kính, chớp. Một nhà 8 lớp học và các phòng làm việc của giáo viên, có hình thức kiến trúc cổ.

Khi chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ xảy ra, từ năm 1965 - 1975 trường sơ tán về xã Nam Lý (Lý Nhân). Năm 1989 trường chuyển đến khu nhà 4 tầng do Angiêri viện trợ (Dự án phát triển chất lượng cao) tại 318 đường Trường Chinh. Đến năm 1993, được chuyển thành Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong. Năm 1995 trở lại vị trí cũ ở đường Vị Xuyên. Tại đây, hai nhà 2 tầng được nâng lên 3 tầng, xây thêm 3 nhà 3 tầng và hội trường 500 chỗ ngồi 2 tầng cùng với các phương tiện, trang thiết bị dạy và học khá đầy đủ.

Là trường trọng điểm, chất lượng cao ở bậc trung học phổ thông của tỉnh, hàng năm tuyển 550 học sinh loại giỏi (có năng khiếu các bộ môn văn hoá) trong toàn tỉnh vào học. Trường có đội ngũ giáo viên giỏi về nghiệp vụ, có kinh nghiệm và tâm huyết với nghề, nên chất lượng dạy và học luôn đạt thành tích xuất sắc. Các năm học, đội tuyển (các bộ môn) học sinh giỏi của trường dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế luôn đoạt giải cao. Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học hàng năm thường đạt tỷ lệ 90 - 95%. Trong vòng 18 năm (1994 - 2012) nhà trường đã đoạt 1.216 giải học sinh giỏi quốc gia (61 giải nhất, 386 giải nhì, 479 giải ba) và 23 giải quốc tế, tỷ lệ đoạt giải 82,96%. Đội ngũ giáo viên 126 (nữ 90), có 57 thạc sĩ. Với những thành tích đạt được và kinh nghiệm về nhiều mặt, nhà trường thực sự trở thành điểm sáng trong ngành giáo dục phổ thông của cả tỉnh và cả nước. Nhà trường đã được Nhà nước và các bộ, ngành Trung ương khen thưởng, được tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” thời kỳ đổi mới...

7- Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến

Trường thành lập năm 1976 tại nơi trước đây là Trường Sanh-tô-ma (Saint Thomas) xây dựng năm 1911, trên khu đất

6.365 m² ở bên tả đường Nguyễn Du. Kiến trúc có một ngôi nhà 3 tầng, mái ngói, sàn và cầu thang đều bằng gỗ, trần vôi rơm. Tại đây, từ năm 1955 - 1995 cũng là nơi học của Trường Bổ túc văn hoá tỉnh và thời kỳ đầu lập Trường Phổ thông cấp II Quang Trung.

Từ năm 1995, trường được cải tạo, nâng cấp và xây mới thêm 1 nhà 2 tầng, 1 nhà 3 tầng kiên cố ở phía Đông Nam khu đất này, đảm bảo cho 28 phòng học, nơi làm việc của giáo viên, phòng thí nghiệm và phòng họp giáo viên...

8- Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo

Tiền thân là Trường Cấp III Mỹ Lộc, thành lập tháng 9-1966 tại thôn Lang Xá, xã Mỹ Tiến, với 4 lớp, 162 học sinh và 17 giáo viên, cán bộ công nhân viên.

Năm 1968 - 1972, trường chuyển về địa điểm xã Mỹ Hưng, rồi lại chuyển về thôn Vĩnh Trường, xã Lộc Vượng. Sau đó trường chuyển lên xã Mỹ Hà và về khu Triền lã tại thành phố (nay là khu vực Bảo tàng tỉnh). Đến tháng 10-1974 trường chính thức chuyển về địa điểm hiện nay (phía Tây Nam cầu Sắt - đường Trần Thái Tông).

Năm 1982 trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo và công trình nhà 2 tầng đầu tiên được Công ty Xô số kiến thiết tỉnh đầu tư xây dựng, cùng một số nhà tạm lợp ngói trên khu đất rộng 18.631 m². Từ năm 1996 - 2005, trường tiếp tục đầu tư cải tạo, xây mới 47 phòng học là nhà 2-3 tầng, nhà hội trường, phòng thí nghiệm... đảm bảo kiên cố, khang trang. Gần hai chục năm qua nhà trường có nhiều tiến bộ nâng cao chất lượng dạy và học, đứng ở tốp đầu của tỉnh (sau Trường Lê Hồng Phong).

9- Trường Trung học cơ sở Trần Đăng Ninh

Tiền thân là Trường Trung học Nguyễn Khuyến thành lập năm 1950 tại phố Bến Cui (nay là địa điểm Trường Tiểu học Trần Phú, diện tích đất 3.115 m²).

Năm 1956 trường chuyển đến địa điểm Trường Lý Đoán sau đổi thành Trường Cấp II Trần Đăng Ninh (buổi sáng). Tháng 1-1961, trường kết nghĩa với Trường Trung học Liana Dimitôv (Bungari), trường Nguyễn Văn Cừ (buổi chiều). Năm 1963, trường chuyển về xây dựng tại 39 Nguyễn Du với diện tích đất 2.950 m² (trước đó là Nhà in Trường Phát). Bước đầu có 3 ngôi nhà 1 tầng. Sau nhiều lần cải tạo, nâng cấp, đến nay công trình kiến trúc ở đây là ngôi nhà hình chữ U, 2 bên là nhà 2 tầng, ở giữa xây 3 tầng gồm 36 phòng học. Năm học 2012 - 2013, trường chuyển đến địa điểm mới thuộc khu Đông Mạc.

Qua nhiều lần thay đổi mô hình và quy mô trường lớp (trường phổ thông cơ sở từ lớp 1 đến lớp 9, rồi tách ra thành trường trung học cơ sở), nhưng nhà trường vẫn luôn giữ vững truyền thống dạy tốt - học tốt, là trường trọng điểm chất lượng cao khối trung học cơ sở của thành phố. Đội tuyển học sinh của trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh và một số kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc.

10- Trường Trung học cơ sở Quang Trung

Khi mới thành lập, đặt ở phố Bến Củi (địa điểm của Trường Trần Phú hiện nay), sau chuyển đến Trường Saint Thomas, năm 1976 lại chuyển đến xây dựng tại Quảng trường thành phố (nơi tiếp giáp giữa đường Trần Quốc Toản và Hà Huy Tập, với các dãy nhà cấp 4. Đến năm 2001, trường chuyển về địa điểm mới (xưa là Nhà hát Nhân dân thành phố) phía hữu đường Đông kinh nghĩa thực), diện tích 4.680 m² với công trình kiến trúc là nhà 4 tầng và 3 tầng gồm 24 phòng học và 20 phòng làm việc theo các chức năng.

11- Trường Tiểu học Trần Quốc Toản

Được xây dựng trên khu đất 7.060 m², phía Tây Bắc ngã tư đường Trần Quốc Toản và Phạm Hồng Thái. Trước năm 1954, nơi đây là Trường Tiểu học Lê Chân chỉ dạy học sinh gái (có cả

con em người Pháp), là những ngôi nhà 1 tầng mái ngói. Sau nhiều lần cải tạo, nâng cấp, nay nhà trường đã có 3 dãy nhà kiên cố 2 - 3 tầng gồm 36 phòng học và nhiều phòng chức năng. Đầu những năm 1990, trường làm điểm dạy học sinh bán trú, từ kết quả và kinh nghiệm thu được, sau này nhiều trường tiểu học ở nội thành đã vận dụng thực hiện có kết quả tốt. Nhà trường luôn ở tốp đầu bậc tiểu học về chất lượng dạy và học.

12- Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái

Ở địa điểm 38 phố Bến Ngự, thời thuộc Pháp là Trường Ca rô (tên một viên chỉ huy quân Pháp đánh Thành Nam năm 1883, bị tử thương tại đây), có diện tích đất 2.475 m², gồm 15 phòng học là dãy nhà mái ngói 1 tầng. Từ năm 1995, một số nhà mái ngói được phá đi để xây mới thành khu nhà hình chữ U cao 2 - 3 tầng kiên cố. Liên tục nhiều năm qua, nhà trường luôn giữ vững truyền thống dạy tốt - học tốt, là trường trọng điểm chất lượng cao bậc tiểu học của thành phố, đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc trong toàn tỉnh.

13- Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ

Ở địa điểm 27/88 phố Nguyễn Du, trên diện tích 1.393 m². Nơi đây, trước năm 1954 là Trường Lý Đoán (trường Công giáo) có ngôi nhà 3 tầng xây dựng từ thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX với kiến trúc thuộc dòng đạo Thiên chúa; sàn bê tông cốt thép, mái ngói, tầng 1, tầng 2 được xây ngăn thành các phòng học, tầng 3 trần vôi rơm hình cong để thông rộng tạo thành sân tập thể dục thể thao hoặc sinh hoạt đông người.

Từ năm 1956 đến đầu những năm 1970, các trường cấp II Trần Đăng Ninh, Ngô Gia Tự, Võ Thị Sáu rồi cấp I Nguyễn Văn Cừ đã đến học ở đây một thời gian. Năm 1981, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề của tỉnh chuyển đến và sử dụng một nửa ngôi nhà này. Với hình dáng kiến trúc hoành tráng và đường nét kiến trúc đặc trưng châu Âu, trong

nhiều năm trước, khu trường này là một trong những công trình kiến trúc khá tiêu biểu của Thành Nam.

14- Trường Tiểu học Trần Tế Xương

Trước đây là Trường Ecôn đờ-sac-via (Vườn Dâu), được xây dựng từ năm 1915, trên diện tích đất 959 m² phía tả đường Phù Long (gần Ngã tư đường Phù Long - Trần Nhật Duật hiện nay). Từ trước đây là nhà 1 tầng, mái ngói với 15 lớp học. Nay đã nâng cấp thành nhà 3 tầng vững chắc, khang trang.

15- Trường Tiểu học Trần Phú

Ở phố Ngô Quyền, với diện tích đất 2.640 m². Khi thành phố mới được giải phóng (1954 - 1956), Trường cấp II Nguyễn Khuyến (nay là Trung học cơ sở Trần Đăng Ninh) đặt tại đây. Với 8 phòng học và các phòng làm việc của giáo viên đều là nhà 1 tầng mái ngói. Khi Trường Cấp I Trần Phú tiếp quản đã xây thêm 6 phòng học là nhà cấp 4; đến năm 2000, các nhà 1 tầng được phá đi để xây dựng nhà kiên cố 2 tầng và 3 tầng.

16- Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi

Trước là trường Hoa Kiều, sau là trường Trương Định. Tháng 7-1954 nơi đây là trường tư thục Trương Định, ở 12 phố Bến Ngự, diện tích đất 2.584 m² có học sinh người Việt và người Hoa kiều, nên dân thường gọi là “Trường Tàu”. Trường có ngôi nhà 2 tầng lợp ngói, gồm 6 phòng học và nhà 1 tầng để Ban Giám hiệu và giáo viên làm việc. Do số học sinh đông dần lên, Trường Cấp I Nguyễn Văn Trỗi đã xây thêm 8 phòng học (nhà cấp 4 do Unisep viện trợ). Đến năm 2001, những căn nhà cấp 4 được phá đi để xây nhà 3 tầng, nhà 2 tầng cũ được xây thêm tầng 3. Nay trường có 18 phòng học và đủ các phòng làm việc của giáo viên.

MỘT SỐ BÀI THƠ CHỮ HÁN VIẾT VỀ ĐỊA DANH
THIÊN TRƯỜNG - NAM ĐỊNH

TRẦN THÁNH TÔNG (1249-1290)

Vua thứ hai vương triều Trần, Thánh Tông quê Tức Mặc nay là Tức Mặc thuộc phường Lộc Vượng thành phố Nam Định

幸天長行宮
景清幽物亦清幽
十一仙洲此一洲
百部笙歌禽百舌
千行奴僕橋千頭
月無事照人無事
水有秋涵天有秋
四海已清塵已靜
今年遊勝昔年遊

Phiên âm:

HẠNH THIÊN TRƯỜNG HÀNH CUNG
Cảnh thanh u vật diệc thanh u
Thập nhất tiên châu thử nhất châu
Bách bộ sênh ca cầm bách thiệt
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh
Kim niên du thắng tích niên du

Dịch nghĩa:

Chơi hành cung Thiên Trường
Cảnh thanh nhã, vật cũng thanh nhã
Đây là một trong mười một châu thần tiên
Trăm giọng chim là trăm bộ sáo đàn
Hàng ngàn ngọn quít là hàng ngàn tôi tớ
Trăng nhàn hạ soi người nhàn hạ

Nước mùa thu ngậm trời mùa thu
Bốn bề đã trong, bụi đã lắng
Năm nay chơi thu hơn hẳn cuộc đi chơi năm xưa

Dịch thơ:

*Cảnh thanh u vật cũng thanh u
Mười một tiên châu, đây một châu
Trăm tiếng đàn ca chim sánh giọng
Nghìn hàng tô tó quất nhô đầu
Trăng vô sự chiếu người vô sự
Nước ngậm thu lồng trời ngậm thu
Bốn bề đã trong, như đã lắng
Năm nay chơi thú vượt năm nao*
(Nguyễn Đông Chi dịch)

TRẦN NHÂN TÔNG (1258-1308),

Vua thứ ba triều Trần, quê Tức Mặc nay là Tức Mặc,
phường Lộc Vượng

天長晚望
村後村前淡似煙
半無半有夕陽邊
牧童笛裡歸牛盡
白鷺雙雙飛下田

Phiên âm:

THIÊN TRƯỜNG VÃN VỌNG
*Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên,
Bán vô bán hữu tịch dương biên,
Mục đồng địch lý quy ngưu tận,
Bạch lộ song song phi hạ điền.*

Dịch nghĩa:

Ngắm cảnh chiều ở Thiên Trường

Thôn sau thôn trước khói lam chiều lan toả

Bóng chiều tà lúc có lúc lại không

Trẻ mục đồng thổi sáo đưa trâu về xóm

Cò trắng từng đôi chao cánh đậu xuống ruộng

Dịch thơ:

Trước xóm, sau thôn tựa khói lồng

Bóng chiều dường có lại dường không

Mục đồng sáo vắng trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng

(Ngô Tất Tố dịch)

TRẦN NHẬT DUẬT (1255-1330)

Ông là con thứ 6 vua Trần Thái Tông, được phong chức Tá thánh Thái sư năm 1229 có bài: *Vịnh Thiên Trường cổ hương*

詠天長故鄉
大門高閣畔江津
風送鐘聲到遠鄰
舜日堯天今再見
四時惟遇有禪民

Phiên âm:

VỊNH THIÊN TRƯỜNG CỔ HƯƠNG

Đại môn cao các bạn giang tân

Phong tống chung thanh đáo viễn lân

Thuấn nhật Nghiêu thiên kim tái kiến

Tứ thời duy ngộ hữu thiền dân

Dịch thơ:

Vịnh quê hương cũ Thiên Trường

Gác cao cửa lớn bên sông

Tiếng chuông theo gió tới vùng viễn lân

Ngày Nghiêu tháng Thuấn cũng gần

Bốn mùa vẫn có thiên dân bạn cùng

TRẦN ĐẠO TÁI (TK.XIII)

Ông là con của Thái sư Trần Quang Khải khi về thăm quê đã viết *Thiên Trường cảnh vịnh tập* trong đó có bài thơ *Hành đô Túc Mặc*⁽¹⁾ như sau:

即墨行都
誰道行都所不關
回鄉望拜祖初安
四民樂業他無對
五路齊來願莫還
青紫臨朝車馬會
燭燈終夜笑談歡
未知可保山河固
捍患防微慮百般

Phiên âm:

TỨC MẶC HÀNH ĐÔ
Thùy đạo hành đô sở bất quan
Hồi hương vọng bái tổ sơ an
Tứ dân lạc nghiệp, tha vô đối
Ngũ lộ tề lai, nguyện mặc hoàn
Thanh tử lâm triều xa mã hội
Chúc đăng chung dạ tiếu đàm hoan
Vị tri khả bảo sơn hà cố
Hán hoạn phòng vi lự bách ban

Dịch thơ:

Hành đô Túc Mặc
*Ai bảo Hành đô chẳng vương lòng
Hồi hương bái tổ chớ rằng không
Người về năm ngã, rời sao nỡ
Vui nghiệp tứ dân, đâu sánh cùng.
Xanh đỏ tới châu xe ngựa tụ
Nến đèn suốt sáng nói cười đông.
Khó hay có giữ non sông vững,
Ngăn hoạ nhiều phương đã trước phòng!*

Dương Văn Vượng dịch

TRƯƠNG HÁN SIÊU (1326 - ?)

Ông là danh sĩ thời Trần, quê Phúc Thành (Yên Khánh, Ninh Bình) khi tới hành đô Túc Mặc có bài Quá Lựu Viên Thái sư cữu trạch.

過榴園太師旧宅
成敗難忘一字時
安知始自榴園來
多謀望月興衰念
足知觀天果報懷
陳國有心誰記白
李臣无衣彼人开
苔青瓦□秋風裡
可式何人到設齋

Phiên âm:

QUÁ LỰU VIÊN THÁI SƯ CỮU TRẠCH

Thành bại nan vong nhất tự thời
An tri thủy tự Lựu Viên lai
Đa mưu vọng nguyệt hưng suy niệm
Túc trí quan thiên quả báo hoài
Trần quốc hữu tâm thủy ký bạch
Lý thân vụ ý bỉ nhân khai
Đài thanh ngôã lạc thu phong lý
Khả thức hà nhân đáo thiết trai

Dịch thơ:

Qua thăm Lựu Viên đất cũ nhà Thái sư
Thành bại suy ra cũng bởi thời
Lựu Viên lo việc trước sau rồi
Nhiều mưu cứ nghiệm trắng trong khuyết
Lắm trí suy từ quả báo thôi
Hết sức vì Trần ai ghi rõ
Quay lưng họ Lý lắm chê cười
Rên xanh ngói vỡ rơi trong gió
Đã biết bao người để tâm thôi

NGUYỄN SĨ CỐ (? - 1312)

Là người có tài thơ Nôm được vua Thánh Tông cho làm Nội thị học sĩ, sau thăng Thiên chương học sĩ, có bài: Ngẫu đáo Thiên Trường tự sự (*Ngẫu hứng ghi ở Thiên Trường*)

偶到天長棘事
來往江中到市津
少哥老飲誦天恩
連間草屋終年乐
買賣无嫌鬥欧人

Phiên âm:

NGẪU ĐÁO THIÊN TRƯỜNG TỰ SỰ

Lai vãng giang trung đảo thị tân

Thiếu ca lão âm tụng thiên ân

Liên gian thảo ốc chung niên lạc

mãi mại vô hiềm đấu ẩu nhân

Dịch thơ:

Thiên Trường ngẫu hứng tự sự

Qua lại trên sông đến thị giang

Ôn trời già trẻ ngợi ca vang

Liên gian nhà cỏ cùng buôn bán

Giúp đỡ làm ăn thuận xóm làng

PHẠM SỰ MẠNH (TK.XIV)

Ông là đại quan thời Trần khi tới hành đô Thiên Trường có viết bài thơ *Thiên Trường ký sự*:

天長記事
即墨行都古諫纏
民僖俗古太平年
永何水繞九重殿
杲口風交百丈船
兩岸新霜金橘國
滿城細雨土蝦天
小臣歲歲陪鑾路

衣旧襤袍自例先

Phiên âm:

THIÊN TRƯỜNG KÝ SỰ
Tức Mặc hành đô cổ gián triền
Dân hy tục cổ thái bình niên
Vĩnh Hà thủy nhiều cửu trùng điện
Cảo khẩu phong giao bách trượng thuyền
Lưỡng ngạn tân sương kim quất quốc
Mãn thành tế vũ thổ hà thiên
Tiểu thân tuế tuế bồi loan lộ
Y cự lam bào tự lệ tiên

Dịch thơ:

Ghi ở Thiên Trường

*Tức Mặc hành đô cảnh lạ lòng
Dân vui đời thịnh lại thuần phong
Gió đưa cửa Cảo thuyền trăm trượng
Nước uốn Vĩnh giang điện cửu trùng
Đôi bờ kim quất mờ sương sớm
Lắc rắc mưa rươi rải khắp vùng
Hàng năm thân hạ hầu loan giá
Vẫn tấm lam bào mãi ruổi rong*

TRINH ĐÌNH TOẢN (TK. XIV) Danh sĩ thời Trần

再過天長
有花有果四時春
天水爲找橘果珍
香粳滿田連廩子
洗尘茶露半金沂

Phiên âm :

TÁI QUÁ THIÊM TRƯỜNG
Hữu hoa hữu quả tứ thời xuân
Thiên thủy vi qua quất quả trân
Hương cánh mãn điền liên quất tử

Tẩy trần trà lộ bán kim ngân

Dịch thơ:

Thăm lại Thiên Trường

Có hoa có quả bốn mùa xuân

Mườn quất ngon lành muốn tới gần

Gạo tám cá ro đồng ruộng sẵn

Tẩy trần tra uống hương kim ngân

ĐÀO SƯ TÍCH (1359-1396)

Ông đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Dần Long Khánh 2(1374), quê Cổ Lễ nay là thị trấn Cổ Lễ, huyện Nam Trực

到阮家庄

楊舍之南平野堡

苏公此日建家居

花村阮邑從斯盛

市糧江津念世師

Phiên âm:

ĐÀO NGUYỄN GIA TRANG

Dương Xá chí nam Bình Giá bảo

Tô công thử nhật kiến gia cư

Hoa thôn Nguyễn ấp tòng tư thịnh

Thị quán giang tân niệm thế sư

Dịch thơ:

Tới Nguyễn gia trang

Bình Giã nơi phía nam Dương Xá

Tô công thuở ấy ở chốn này

Hoa thôn Nguyễn ấp ngày thêm thịnh

Hoa thôn Nguyễn ấp ngày thêm thịnh

Quán trọ bên sông nhớ bực thầy

(1) Tô công tức Tô Trung Tự,

(2) Hoa thôn nay là làng hoa Vĩ Khê xưa là Nguyễn Gia trang, ban đầu do Nguyễn Công Thành khởi dựng

NGUYỄN PHI KHANH (1356- 1429)

ông là con rể Tư đồ Trần Nguyên Đán, thân phụ của Nguyễn Trãi

天長試後有感
萬里來觀國上賓
科場誤作穀中人
東風御苑花容動
細雨乾坤柳色新
雙鯉闊傳江上信
扁舟囚繫客中身
今朝最是愁腸處
一別廷闈勝半春

Phiên âm:

THIÊN TRƯỜNG THÍ HẬU HỮU CẢM
Vạn lý lai quan quốc thượng tân
Khoa trường ngộ tác cầu trung nhân
Đông phong ngự uyển hoa dung động
Tế vũ càn khôn liễu sắc tân
Biển chu tù hệ khách trung thân
Kim triều tối thị sàu tràng xứ
Nhất biệt đình vi thắng bán xuân

Dịch thơ:

Cảm xúc sau khi thi ở Thiên Trường
*Làm khách vương triều vượt dặm khơi
Trong vòng khoa bảng vương mà chơi
Gió xuân vườn ngự hoa lay động
Mưa bụi phương trời liễu tốt tươi
Đôi chếp trên sông đưa mảnh thiếp
Chiếc thuyền đất khách buộc thân người
Hôm nay chính lúc đau lòng nhất
Cách biệt song thân nửa xuân rồi*

VŨ VĨNH TRINH (TK.XV)

Ông đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ năm Thuận Thiên 2(1429),
quê làng An Cự nay thuộc xã Đại An, huyện Vụ Bản Nam Định

浮花江氏
浮花江氏是何人
討賊神謀不顧身
抗北火功男亦愧
宜存廟宇祀千春

Phiên âm:

PHÙ HOA GIANG THỊ
Phù Hoa Giang thị thị hà nhân
Thảo tặc thần mưu bất cố thân
Kháng Bắc hoả công nam diệc quý
Nghĩ tôn miếu vũ tự thiên xuân

Dịch thơ :

Họ Giang ở đất Phù Hoa
Phù Hoa Giang thị là ai
Liều thân báo quốc để trai thẹn thùng
Trừ Minh bày kế hoả công
Miếu đền thờ tự nói cùng đời sau

NGUYỄN ĐỊCH (TK.XV)

Ông quê làng Vụ Sài nay thuộc xã Yên Lộc, Ý Yên đỗ Đệ
tam giáp tiến sĩ khoa Nhâm Tuất Đại Bảo 3(1442)

晚拜樂園祠
少時聖將所居鄉
壯大來京古鬚章
禦北功佐千載敬
扶南仁義萬年芳
猶存劫嶺生祠處
不改湯州祖考堂
初往聞知留數語

筆題聊樹一心香

Phiên âm :

VĂN BÁI LẠC VIÊN TỪ
Thiếu thời thánh tượng sở cư hương
Tráng đại lai kinh cổ thuyết chương
Ngự Bắc công huân thiên tải kính
Phù Nam nhân nghĩa vạn niên phương
Dọa tôn Kiếp lĩnh sinh từ xứ
Bất cải thang châu tổ khảo đường
Sơ vãng văn tri lưu xô ngũ
Bút đề liên thụ nhất tâm hương

Dịch thơ:

Buổi chiều đến chiêm bái đền Lạc Viên ⁽¹⁾
Thiếu thời thánh tượng ngự nơi này
Lớn đến kinh sư chẳng ở đây
Chống Bắc công lao ngời trọng mãi
Giúp Nam, nhân nghĩa tiếng thơm đầy
Sinh từ núi Kiếp còn như cũ
Miếu tổ Châu thang ⁽²⁾ chẳng đổi thay
Mới tới bút lưu đôi chữ để
Nén hương bày tỏ tấm lòng này

(1) Đền Lạc Viên tức đền Bảo Lộc ở xã Mỹ Phúc thờ Trần Hưng Đạo cũng là nơi thờ thân phụ, thân mẫu Quốc công.

(2) Châu thang chỉ đất thang bộc của Trần Liễu ở Lạc Viên (Bảo Lộc)

鄧 翊 (1441- ?)

Ông quê xã Đại Nhiều nay thuộc xã Yên Bình, Ý Yên đỗ
Đệ tam giáp đồng tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) Lại bộ Tả thị
lang

十四夜觀開印會

THẬP TỨ ĐẠ QUAN KHAI ẤN HỘI

Phiên âm:

曾聞晰日有陳王
即墨猶留族祖堂
萬頃移來田地廣
康村定宅孝和彰
展誠以祭前魚廟
開印惟祈後克昌
天下如今誰對此
斯民斯邑望恩長

Tằng văn tích nhật hữu Trần vương
Tức Mặc do lưu tộc tổ đường
Vạn Khoảnh di lai điền địa quảng
Khang thôn định trạch hiếu hoà chương
Triển thành dĩ tế tiền ngư miếu
Khai ấn duy kỳ hậu khắc xương
Thiên hạ như kim thụ đối thử
Tư dân tư áp vọng ân trường

Dịch thơ:

Đền 14 đi thăm hội Khai ấn

Từng nghe ngày trước Trần vương
Tức Mặc còn có tổ đường nơi đây
Dời về Vạn Khoảnh đất này
Khang thôn định trạch thảo ngay hiền hoà
Lòng thành tế cá hôm mai
Khai ấn cầu vọng lâu dài yên vui
Đến nay đâu sánh ở đời
Dân thôn mãi mãi bày lời tạ ơn

Dương Văn Vương dịch

TRẦN XUÂN VINH (TK.XV)

Ông đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ năm Cảnh Thống 2(1499) quê làng Năng Lự, nay là Năng Tĩnh thành phố Nam Định

能盧城隍廟
古時陳瑩健溪回
後有梨家二子來
楊舍改爲能慮邑
南州建屋得舒懷
年餘四十人由記
事未千秋禮亦哀
鳥盡弓藏從古有
忠臣名將故縲災

Phiên âm:

NĂNG LỰ THÀNH HOÀNG MIẾU
Cổ thì Trần Oánh Kiện Khê hồi,
Hậu hữu Lê gia nhị tử lai,
Dương Xá cải vi Năng Lự áp,
Nam Châu kiến ốc đắc thư hoài,
Niên dư tứ thập nhân do ký,
Sự vị thiên thu lễ diệc ai,
Điều tận cung tàng tông cổ hữu
Trung thần danh tướng cổ lự tai

Dịch thơ:

Miếu thành hoàng làng Năng Lự

Trần Oánh khởi đầu tự Kiện Khê

Tiếp đến hai trai nhà họ Lê

Cải trại Dương Xá thành Năng Lự

Đất nam nhà dựng cõi đi về

Bốn chục năm qua đà có lẽ

Khói hương thành kính người hành lễ

Chim hết tất là cung xếp đó

Trung thần danh tướng, hệ lụy ghê

PHẠM NHƯ GIAO (1531- ?)

Ông người xã La Xuyên, huyện Giao Thủy) đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 44 tuổi, khoa Giáp Tuất niên hiệu Sùng Khang 9(1514), làm quan Tham tán Tây đạo tướng quân khi nghỉ đêm ở thành Vị Hoàng viết về chín chục gian kho lương và dân tình ở đây như sau:

渭城夜問
渭右苔封九十間
歷朝聚粟在山南
年餘五百無曾改
地鎮三岐勢亦寬
商賈從來存市肆
迹遐住足泊船攔
久居常使方官厭
此事於今莫道閒

Dịch nghĩa :

HỎI CHUYỆN NHÂN NGHỈ ĐÊM Ở VỊ THÀNH

Tại bờ hữu sông Vị rêu xanh che kín dãy kho ước chín chục gian

Trải qua các đời đều dự trữ thóc thu ở vùng Sơn Nam

Hơn năm trăm không hề thay đổi vị trí

Địa thế nơi ngã ba sông rộng rãi

Người buôn bán từ trước thường tụ lại thành thị tứ
Dù xa dù gần đều dùng thuyền tạm trú lại, mở quán chợ.
Người ngụ lại lâu ngày khiến cho các quan sở tại chán ghét
Về việc này tới nay cũng chẳng nên nói là chẳng đáng quan
tâm.

Dịch thơ :

Bờ hữu rêu phong chín chục gian

Các triều trũ thốc của Sơn Nam

Năm trăm năm lẻ chưa từng đổi

Ba ngả sông chia thế đất nhàn

Buôn bán lại qua làm quán trọ

Xa gần dò dọc với đồ ngang

Trú lâu lại khiến phượng quan ghét

Việc ấy ngày nay chớ nói nhàn !

Dương Văn Vượng *dịch*

ĐẶNG PHI HIỂN (1603-1678)

Ông đỗ Đệ tam giáp tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn Vĩnh
Tộ 10 (1628) quê làng Thụy Thỏ nay thuộc xã Tân Thịnh, Nam
Trực

香 芄 廟
此 地 初 時 建 一 營
晨 昏 出 入 擬 談 兵
彰 揚 禦 賊 功 偏 大
香 邑 招 民 德 亦 明
陳 代 猶 留 十 曲 詩
勸 人 忠 孝 早 當 持
清 平 須 憶 干 戈 日
競 掉 三 年 一 祭 期

Phiên âm: HƯƠNG BÔNG MIẾU

Thủ địa sơ thời kiến nhất dinh

Thần hôn xuất nhập nghĩ đàm binh

Chương Dương ngự tặc công thiên đại

Hương áp chiêu dân đức diệc minh

Trần đại do lưu thập khúc thi
Khuyến nhân trung hiếu tảo đương trì
Thanh bình tu ức can qua nhật
Cạnh trạo tam niên nhất tế kỳ.

Dịch thơ:

Miếu Hương Bông⁽¹⁾

*Mảnh đất xưa xây dinh thự quan
Sớm hôm bận rộn việc binh bàn
Chương Dương trận thắng công vang dội
Nhân đức chiêu dân dựng lại làng
Mười khúc thời Trần truyền hát mãi
Khuyến điều trung hiếu gắng công làm
Thái bình nên nhớ thời chinh chiến
Tế lễ, đua thuyền, mở hội làng.*

Hoàng Dương Chương dịch

NGUYỄN DU (1766 - 1829)

Thi hào dân tộc Nguyễn Du quê Tiên Điền Hà Tĩnh là tác giả
Truyện Kiều

渭黄营

渭黄江上渭黄营
樓櫓森差接太青
古渡斜阳看飲馬
荒郊靜夜亂飛螢
古今未見千年國
形勢空留百戰名
莫向浮華村口望
疊山不改舊時青

(1) Xã Hương Bông đến thời Đồng Khánh đổi thành Phương Bông

- Miếu Hương Bông thờ thành hoàng làng và Trần Quang Khải. Ông bỏ tiền ra chiêu dân ly tán về đây lập ấp và đặt ra mười khúc hát múa Bài Bông, ba năm tổ chức một kỳ lễ hội. Nay vẫn còn lưu truyền khúc hát Bài Bông có lời thơ Nôm nhưng chưa rõ tác giả hay dịch giả từ Hán sang

Phiên âm:

VỊ HOÀNG DOANH
Vị Hoàng giang thượng Vị Hoàng doanh
Lâu lỗ sâm si tiếp thái thanh
Cổ độ tà dương khan âm mã
Hoang giao tĩnh dạ loạn phi huỳnh
Cổ kim vị kiến thiên niên quốc
Hình thế không lưubách chiến danh
Mạc hướng phù hoa thôn khẩu vọng
Điệp sơn bất cáicựu thời thanh

Dịch nghĩa:

Quân doanh Vị Hoàng

Doanh Vị Hoàng ở trên sông Vị Hoàng
Chòi gác nhô cao tiếp với trời xanh
Bến đò xưa dưới chiều tà xem ngựa uống nước
Cánh đồng hoang đêm vắng, đom đóm bay lập lòe
Xưa nay chưa thấy triều đại nào trụ được nghìn năm
Hình thế nơi đây luống để cái danh trăm trận
Chớ quay vào nhìn cửa Phù Hoa nữa
Còn núi Tam Điệp vẫn không đổi sắc xanh xưa

Dịch thơ:

*Vị Hoàng sông có Vị Hoàng doanh
Lâu gác nhô cao ngất cõi xanh
Ngựa uống bóng chiều xem bến cỏ
Đóm bay loè nội rợn đêm thanh
Nghìn năm thịnh mãi triều nào có
Trăm trận truyền rằng thế đất linh
Cửa xóm Phù Hoa thôi đừng ngó
Điệp Sơn sắc biếc vẫn rành rành*

(Đào Duy Anh - Kim Hưng dịch)

VŨ HỮU LỢI (1836-1886)

Ông người xã Dao Cù, Nam Chân nay thuộc Nam Trực đỗ Tam giáp tiến sĩ xuất thân khoa Ất Hợi (1875) có bài thơ Vị Giang thành như sau:

渭江城
自古而今有此名
四民來聚業皆成
鄉標楊舍段公妾
城設江邊阮代生
欲富爲商當以善
養兒訓孝事宜明
鄰旁南北嚶能慮
盜賊侵家至不平

Phiên âm:

VỊ GIANG THÀNH
Tự cổ nhi kim hữu thử danh
Tứ dân lai tụ nghiệp giai thành
Hương tiêu Dương Xá Đoàn công thiệp
Thành thiết giang biên Nguyễn đại sinh
Dục phú vi thương đương dĩ thiện
Dưỡng nhi huấn hiếu sự nghi minh
Lân bang Nam Bắc tu năng lự
Đạo đắc tâm gia chí bất bình

Dịch thơ:

Thành Vị giang
*Kim cổ tên này chẳng đổi thay
Tứ dân ăn ở cũng yên đây
Làng tên Dương Xá bà Đoàn đó
Thành tại giang biên họ Nguyễn xây
Giàu có đi buôn cần khéo thực
Nuôi con dạy hiếu tự làm thầy
Xóm giềng chung sức lo từ sớm
Trộm giặc vào nhà chớ nói hay !*

(Dương Văn Vượng dịch)

ĐỔ BÌNH THÀNH (TK. XIX)

Ông đồ Cử nhân năm 1879 quê xã Quần Anh Hạ, nay thuộc xã Hải Trung huyện Hải Hậu

到渭城有感
篋憐心與事相違
感慨沉吟只自悲
城郭江山猶半是
人民風俗已全非
火船烟燄通黃道
車路塵紛薄翠微
最是隱忠難百處
胡人那管越人肥

Phiên âm :

ĐÁO VỊ THÀNH HỮU CẢM
Tuyệt liên tâm dữ sự tương phi
Cảm khái trầm ngâm chỉ tự bi
Thành quách giang sơn do bán thị
Nhân dân phong tục dĩ toàn phi
Hoả thuyền yên diệm thông hoàng đạo
Xa lộ trần phân bạc thúy vi
Tôi thị ản trung nan bách xứ
Hồ nhân na quản Việt nhân phi

Dịch thơ :

Cảm xúc khi tới thành Vị (Hoàng)
*Sự đời trái khoáy nghĩ mà đau
Biết ngổ cùng ai nổi thảm sầu
Thành nọ quách kia nay còn nửa
Dân xưa tục cũ có toàn đâu
Tàu bè khói bốc đen trời thăm
Xe pháo bụi bay trắng núi sầu
Day dứt nỗi riêng không chốn giải
Mau dân bao đủ béo quân thù*

ĐỖ VĂN THỐ (TK. XIX)

Ông đồ Cử nhân khoa Bính Tý (1876) quê Lạc Chính nay thuộc Yên Chính, Ý Yên

輓陳代花衙文廟
陳初已造此文祠
石像猶傳一大基
瓦屋三座門字格
諸賢兩置對關呼
犬羊何忍將心壞
攻破成堆堆鼠居
斜月數聲烏喚曉
遽回手拜外香爐

Phiên âm :

VĂN TRẦN ĐẠI HOA NHA VĂN MIẾU
Trần sơ dĩ tạo thờ văn từ
Thạch tượng do truyền nhất đại cơ
Ngoã ốc tam toàm ôn tự cách
Chư hiền lưỡng trí đối quan hô
Khuyển dương hà nhĩn tương tâm hoại
Công phá thành đôi tự thờ cư
Tà nguyệt xô thanh ô hoán hiệu
Cự hồi thủ bái ngoại hương lư

Dịch thơ :

Thăm Văn miếu nhà Trần ở Hoa Nha
*Thời Trần đã dựng văn từ
Văn truyền tượng đá cơ đồ khá to
Chữ môn lợp ngói ba toà
Ông hiền hai dãy đôi thờ nghiêm trang
Chó dê sao nữ phá toang
Nay thành tổ chuột ổ hang lạnh lùng
Sáng rồi quạ réo ánh trắng
Vội về thấp máy nén nhang phía ngoài*

Chú thích

(1) *Hương Tức Mặc quê hương nhà Trần nay thuộc phường Lộc Vượng*

(2) *Tứ dân: sĩ, nông, công, thương*

(3) *Nói về việc từ năm Thiên ứng 17(1248) đến Nguyên Phong 2(1251) Vua Trần đã cho thầy giỏi phong thủy đi chấn yểm ở 36 nơi trong nước*

(4) *Vĩnh Hà tức sông Vĩnh Giang*

(5) *Làng Năng Lự thời Nguyễn đổi thành Năng Tĩnh,*

(6) *Vị thành là toà thành đất bên sông Vị Hoàng. Các đồi dựng kho là nơi tu lương để cấp đỡ cho chốn kinh sư, hoặc dự trữ chấn bản. Vị trí kho ấy ở bên bờ sông Vị Hoàng (hiện nay còn di tích là đền Nguyên Thương ở đầu phố hàng Sắt trên), Hải Dương có một kho nữa ở Đồ Sơn thuộc huyện Nghi Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng). Tương truyền từ thời Lý đã có những kho thóc này do triều đình trực tiếp nắm giữ*

(7) *Tính đến thời Phạm Như Giao (TK.16) là hơn 500 năm*

(8) *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược /- Dương Văn Vượng dịch).*

(9) *An Nam chí lược / Lê Tắc NXB Thuận Hoá Huế: 2002 tr. 57 kê biên 16 châu có “Tư Nông châu” một tên khác là Dương Xá*

Dương Xá: Tên cổ của vùng đất Vị Xuyên, Năng Tĩnh và vùng phụ cận thành phố Nam Định

**BÀI VĂN VĂN TRUYỀN KHẨU
VỀ TÊN CÁC ĐƯỜNG PHỐ Ở THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**

Thành Nam cảnh chí ⁽¹¹⁴⁾

(ghi cảnh Thành Nam)

Thành Nam cảnh chí an bài

Phố phường trên bộ, vịnh chài dưới sông

Nhộn nhịp nhất phố Cửa Đông

Đẹp thay Hàng Lọng, Hàng Đồng, Hàng Thao

Hàng Giầy dân bước vui sao

Ai tìm quốc sĩ ghé vào Văn Nhân

Ba năm thi cử một lần

Chống tre lều cậy ⁽¹¹⁵⁾, bước chân Cửa Trường

Ngọt ngào ấy phố Hàng Đường

Say sưa Hàng Rượu, phô trương chợ Rồng

Vải Màn nhỏ chỉ nổi bông

Hàng Cấp dẹt lĩnh, Hàng Song buôn thùng

Hàng Dầu, Hàng Lạc, Hàng Vòng

Hàng Nâu tươi vỏ đỏ lòng vốn quen

Cửa hàng vàng bạc lăm tiền

Hàng Sơn gắn bó ở bên Hàng Quỳ

Trăm năm tình nghĩa còn ghi

Hàng Đàn, Hàng Ghé chung nghề làm ăn

Hàng Tiện, Hàng Sũ, Hàng Mâm

Gặp nơi Bến Gỗ dần dần kể ra

Hàng Cót, Hàng Sắt bao xa

Rằng về Bến Ngự thì qua Khoái Đồng

Cột Cờ lên đó ngắm trông

Đò Chè bến chợ bãi sông cấm sào

Phố Khách buôn bán vui sao

lợi quyền chênh mảng lờ trao tay người

Hàng Bát, Hàng Mũ, Hàng Nồi

Hàng Trống, Hàng Thiếc lên chơi Hàng Thùng

Hàng Cau, Hàng Nón tung bưng

Thành Nam văn vật khổ chung bấy chày
Sa lãng có mặt từ đây
Đỏ đèn Bến Củi đoạ đầy hồng nhan
Hàng Thao tập nập canh tàn
Tám nghề bảy chữ mở hàng phần son
Đèn nhang đèn Ngái⁽¹¹⁶⁾ héo hon
Phổ phường cốt cách chẳng còn như xưa
Liễu đào trái mấy nắng mưa
Cung đàn lạc phách nay thừa sót sa
Nhìn xem đất cũ quê nhà
Lò Trâu, Giá Nứa cũng là tang thương
Ao tù Thượng Lỗ chán chường
Nghĩa trang Bắc Tế tứ phương dồn về
Năng Tĩnh, Ngã Sáu liên kê
Trường Thi phút chốc thảm thê lụi tàn
Hắt hủ Văn Miếu nát tan
Bao nhiêu kẻ sĩ thở than “lỗi thời”
Võ Miếu bày đặt thế thôi
“Thánh Trần” sao lại cùng ngồi “Thánh Quan”
Đền Ông hương khói mơ màng
Chùa Rào cùng với Cửa Nam đầu rồi
Phù Long, Đền Thủy⁽¹¹⁷⁾ hai nơi
Quê hương đất cũ ngậm ngùi tàn canh
Non Côi, sông Vị tan tành
Nào ai phá lũy dăng thành cho ai!

(114) Theo *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*. Dương Văn Vượng dịch.

(115) Lều cậy: Lều của sĩ tử phát bằng giấy bán và quạ cậy ngậm.

(116) Đèn cây Ngái ở sát chân kết nước trông ra Quảng trường Hoà Bình.

(117) Phù Long: Địa đầu phía Đông Bắc Đền Thủy; Tận cùng phía Tây Nam (tức cả Thành Nam).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- *Lịch sử Việt Nam* (tập 1+2), NXB KHXH, Hà Nội 1976.
- 2- *Việt Nam những sự kiện lịch sử* (tập 1+2), NXB KHXH. 1981.
- 3- *Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam* (1860 - 1945)
- 4- *Lịch sử 80 năm chống Pháp*, Trần Huy Liệu, NXB Văn Sử Địa. 1956.
- 5- *Đại Việt Sử ký toàn thư*, NXB KHXH. 1968, 1993.
- 6- *Đại Việt Sử lược*, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội 1960.
- 7- *Đại Nam thực lục Chính biên và Tân biên*, NXB Sử học. Hà Nội 1962 - 1978
- 8- *Đại Nam Nhất thống chí*, NXB KHXH, Hà Nội 1969-1972.
- 9- *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Xã hội, Hà Nội 1992.
- 10- *Danh nhân đất Việt* (tập 1+2+3), NXB Thanh niên 1993.
- 11- *Từ điển danh nhân lịch sử Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội 1992.
- 12- *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (tập 1+2), NXB Giáo dục 1998.
- 13- *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Định* (1929 - 1975), Tỉnh uỷ 1996.
- 14- *Những người cộng sản ưu tú trên quê hương Nam Định*, Tỉnh uỷ Nam Định, 2003.
- 15- *Lịch sử Đảng bộ thành phố Nam Định* (1930 - 2000). Thành uỷ, 2000.
- 16- *Lịch sử Đảng bộ Công ty Dệt Nam Định* (1929 - 1975), Tỉnh uỷ 1996.
- 17- *Thành phố Nam Định. Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ* (1945 - 1975), xuất bản năm 2000.

- 18- *Nam Định Du địa chí*, 1893, Nguyễn Ôn Ngọc (Bản dịch của Bảo tàng Hà Nam Ninh).
- 19- *Nam Định Du địa chí*, 1916, Ngô Giáp Đậu. (Bản dịch của Bảo tàng Hà Nam Ninh).
- 20- *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Khiếu Năng Tĩnh.
- 21- Lê Quý Đôn, *Vân đài loại ngữ, Phủ biên tạp lục*. NXB Văn hoá Hà Nội, 1997 1998.
- 22- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Sử học, 1960. NXB Giáo dục, 1999.
- 23- Giáo sư, Tiến sĩ Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam* NXB Giáo dục, 1999.
- 24- Đoàn Văn Chúc, *Văn hoá học*, NXB Lao động, Hà Nội, 2004.
- 25- Vũ Ngọc Lý - *Thành Nam xưa*, Sở VH TT Nam Hà, 1995.
- 26- Lê Xuân Quang, *Thần tích Việt Nam*, NXB Thanh niên, 2002.
- 27- Quỳnh Cư - Đỗ Đức Hùng, *Các triều đại Việt Nam* NXB Thanh niên, 2001.
- 28- *Khởi nghĩa Yên Bái* (Kỷ yếu lịch sử), Sở VH TT Yên Bái, 1997.
- 29- *Di tích lịch sử văn hoá tỉnh Nam Định*, NXB Văn hoá dân tộc, 2008.
- 30- Tiến sĩ Nguyễn Xuân Năm, *Chùa Tháp Phổ Minh*, Nam Định, 2010.
- 31- *Thời Trần và Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Định*, Sở VH TT Nam Định, 2004.
- 32- *Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB KHXH, Hà Nội, 1969.
- 33- Thạc sĩ, KTS Trần Đăng Trình, *744 năm Kiến trúc thành phố Nam Định*, 2006.
- 34- *Danh nhân văn hoá Nam Định*, tập 1, Sở VH TT, 2000.

35- *Danh nhân Nam Định thế kỷ XX được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh*, Sở VH TT Nam Định, 2001.

36- *Lịch sử dân tộc Hà Nam Ninh*, tập 1, 1988.

37- Bùi Văn Tam, *Trạng Lường Lương Thế Vinh*, NXB VHDT, 2007.

38- *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân 20 phường, 5 xã trong thành phố*.

39- *Số liệu thống kê Hà Nam Ninh (1968 - 1978)*, Cục Thống kê, 10-1979.

40- *Niên giám thống kê 1979*, Tổng cục Thống kê, 10-1979.

41- *Tài liệu thống kê về kinh tế - xã hội thành phố Nam Định 1985-1995*

(Chi cục Thống kê thành phố Nam Định, 12-1995).

Cùng các báo cáo tình hình, số liệu của các phòng chức năng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh và Tổng công ty Cổ phần Dệt - May Nam Định...

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Chương I: Tổng quan về thành phố Nam Định

I- Khái quát thành phố Nam Định xưa

- Đất đai và dân cư
- Truyền thống chống giặc ngoại xâm
- Đời sống kinh tế
- Văn hoá - xã hội

II- Thành phố Nam Định từ đầu thế kỷ XX đến nay

- 1- Đấu tranh cách mạng giải phóng quê hương, đất nước
- 2- Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược
- 3- Thành phố Nam Định sau ngày giải phóng
- 4- Thành phố Nam Định trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, bảo vệ quê hương
- 5- Xây dựng thành phố, phát triển kinh tế - xã hội

Chương II: Hành đô Thiên Trường đến Thành Nam sơ khai

I- Hương Tức Mặc - phủ Thiên Trường

- 1- Cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa
- 2- Chùa Phổ Minh
- 3- Cánh đồng Cửa Triều
- 4- Cung Đệ Tứ
- 5- Ấp An Lạc
- 6- Thôn Phượng Bông và điệu múa Bài bông
- 7- Văn Hưng
- 8- Cung Lan Hoa
- 9- Làng cổ Vị Hoàng
- 10- Sông Vị khi xưa
- 11- Làng Phù Long xưa
- 12- Làng Năng Tĩnh xưa

13- Kho Lương bên bờ sông Vị - Quân doanh Vị Hoàng

II- Thành cổ Vị Hoàng - Nam Định

- 1- Các phố cổ Thành Nam trước thập niên 80 thế kỷ XIX
- 2- Trường thi Hương Nam Định
- 3- Văn Miếu
- 4- Nhà Học

Chương III: Sự thay đổi địa danh Thành Nam từ cuối thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX

- I- Địa danh Thành Nam thời thuộc Pháp
- II- Sự thay đổi địa danh thành phố Nam Định từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1997
- III- Địa danh đường - phố Thành Nam (trước năm 1998)

Chương IV: Thành Nam mở rộng, phát triển từ năm 1998 đến thập niên đầu thế kỷ XXI

- I- Bối cảnh và định hướng phát triển
- II- Kết quả xây dựng và phát triển thành phố
- III- Địa danh các đường - phố mới

Chương V: Địa danh hành chính thuộc Thành Nam

- I- Địa danh phủ, huyện, tổng
- II- Địa danh các phường, xã

Phụ lục

- Bảng đối chiếu tên các phố xưa của thành phố Nam Định
- Bảng tổng hợp dân số, diện tích đất tự nhiên trên địa bàn các phường, xã
- Một số địa danh tiêu biểu
- Một số bài thơ chữ Hán viết về địa danh Thiên Trường - Nam Định
- Về truyền khẩu về tên các đường - phố ở thành phố Nam Định

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bình Khiêm - Hà Nội
ĐT: 04.38263070 - 04.39434239 - Fax: 04.39434237
Email: nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn
Chi nhánh: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q1
TP Hồ Chí Minh - ĐT: 08.38222895

THÀNH NAM ĐỊA DANH & GIAI THOẠI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LƯU XUÂN LÝ

Biên tập: Trần Phượng Trinh

Thiết kế bìa: Trường Vinh

Trình bày: Phạm Tuấn Đạt

Sửa bản in: Hoàng Việt Phương, Thanh Nhân

In tại Công ty TNHH In Quảng cáo Xuân Thịnh.

Số lượng: 1000 quyển khổ 14,5x24 cm

Đăng ký KHXB số: 641-2012/CXB/2-199/VHDT

Quyết định XB số: 109-12/QĐ-XBVHDT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2012

